THƯ MỤC KHO THIẾU NHI (8373 TÊN TÀI LIỆU)

Các vấn đề chung

1 Tương lai bố tướng / Goldsmith, Mike : Nxb. Trẻ , 2018 - 142tr. ; 20cm

Tóm tắt: Dự đoán về tương lai, sự phát triển và tồn tại của loài người, trái đất và vũ trụ trong hàng trăm triệu năm nữa, sự phát triển của khoa học kỹ thuật và ảnh hưởng của chúng đến cuộc sống con người

Ký hiệu phân loại: 003.2 23/T561L

Số ĐKCB: TN.023534

2 Trong sâu thẳm của bí ẩn / Nguyễn, Thị Kim Anh : Trẻ , 2019 - 200tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những hiện tượng bí ẩn từ ngàn xưa của nhân loại xung quanh các dân tộc, ngôn ngữ và nền văn minh, những kho tàng bí mật, nỗi sợ hãi và hoài vọng của con người, quái vật nơi biển rộng non cao, chuyện hồn ma, hiện tượng đầu thai, lời nguyền

Ký hiệu phân loại: 001.94 14/TR431S

Số ĐKCB: TN.023616

3 Trong thẳm sâu của bí ẩn / Nguyễn, Thị Kim Anh : Trẻ , 2021 - 188tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những hiện tượng bí ẩn từ ngàn xưa của nhân loại về lời nguyền người băng Otzi, vụ mất tích bí ẩn của hoàng hậu lừng danh nhất Ai Cập, vụ mưu sát vua Ramses III, lời nguyền lăng mộ... và những bị kịch hiện đại: Rasputin và cuộc ám sát, cuộ

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/TR431T

Số ĐKCB: TN.023615

4 Trong thẳm sâu của bí ẩn / Nguyễn, Thị Kim Anh : Trẻ , 2019 - 184tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những hiện tượng bí ẩn từ ngàn xưa của nhân loại giữa huyền thoại và khoa học, những công trình xây dựng bí ẩn, bí ẩn chốn cung đình

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/TR431T

Số ĐKCB: TN.023614

5 Trong thẳm sâu của bí ẩn / Nguyễn, Thị Kim Anh : Trẻ , 2019 - 166tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những hiện tượng bí ẩn từ ngàn xưa của nhân loại xung quanh các dân tộc, ngôn ngữ và nền văn minh, những kho tàng bí mật, nỗi sợ hãi và hoài vọng của con người, quái vật nơi biển rộng non cao...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/TR431T

Số ĐKCB: TN.023613

6 Trong thẳm sâu của bí ẩn / Nguyễn, Thị Kim Anh : Trẻ , 2019 - 164tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những hiện tượng kỳ bí từ ngàn xưa của nhân loại, những kho tàng bí mật, nỗi sợ hãi và hoài vọng của con người, quái vật nơi biển rộng non cao, chuyện hồn ma, hiện tượng đầu thai, lời nguyền của các chức sắc...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/TR431T

Số ĐKCB: TN.023612

7 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2024 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â
Số ĐKCB: TN.023558

8 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2024 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â
Số ĐKCB: TN.023557

9 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â
Số ĐKCB: TN.023556

10 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â
Số ĐKCB: TN.023555

11 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â
Số ĐKCB: TN.023554

12 10 vạn câu hỏi vì sao : Cùng trẻ khám thế giới xung quanh / Chu, Dương : Phụ nữ Việt Nam ; Hộ kinh doanh nhà sách Bảo Châu , 2022 - 120tr. ; 27cm

Tóm tắt: Giải đáp cho các em những kiến thức khoa học về cuộc sống xung quanh thông qua những câu hỏi đáp như: Tại sao nên đánh răng trước khi đi ngủ?, khi ngủ không nên đắp chăn che kín mặt, không nên xem tivi quá lâu, không nên nằm sấp đọc sách, không nên u

Ký hiệu phân loại: 001 23/M558V
Số ĐKCB: TN.022844, TN.022845, TN.022846

13 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â
Số ĐKCB: TN.022401, TN.022402

14 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â

Số ĐKCB: TN.022399, TN.022400

15 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â

Số ĐKCB: TN.022397, TN.022398

16 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â

Số ĐKCB: TN.022395, TN.022396

17 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 176tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â

Số ĐKCB: TN.022393, TN.022394

18 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn : Nxb. Trẻ , 2023 - 158tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những hiện tượng bí ẩn, kì lạ xảy ra trong cuộc sống mà khoa học chưa giải thích được như: bí ẩn hiện tượng ướp xác tự nhiên ở Colombia, tượng đá trên đảo Phục Sinh, tảng đá biết đi, người cụt đầu, hôn mê, hiện tượng ảo giác...

Ký hiệu phân loại: 001.94 23/B300Â

Số ĐKCB: TN.022391, TN.022392, TN.023553

19 10 vạn câu hỏi vì sao? - Tự nhiên kỳ thú : Hồng Đức , 2020 - 72tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/M558V

Số ĐKCB: TN.021774, TN.021775, TN.021776, XLD.006780, XLD.006781

20 10 vạn câu hỏi vì sao - Y học và cuộc sống : Hồng Đức , 2020 - 77tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/M558V

Số ĐKCB: TN.021771, TN.021772, TN.021773

21 10 vạn câu hỏi vì sao? - Gõ cửa thế giới thực vật : Hồng Đức , 2020 - 72tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/M558V

Số ĐKCB: TN.021768, TN.021769, TN.021770

22 10 vạn câu hỏi vì sao? - Bí ẩn về loài chim, động vật dưới biển và đại dương : Hồng Đức , 2020

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/M558V
Số ĐKCB: TN.021765, TN.021766, TN.021767

23 10 vạn câu hỏi vì sao? - Khám phá thế giới côn trùng : Hồng Đức , 2020 - 72 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/M558V
Số ĐKCB: TN.021762, TN.021763, TN.021764

24 Trong thẳm sâu của bí ẩn : Trẻ , 2019 - 166tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.019527, PM.070599, LD.049369, LD.049370, TN.019526, PD.041212, PM.070598

25 Trong thẳm sâu của bí ẩn : Trẻ , 2019 - 165tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: PD.041211, PM.070596, LD.049367, LD.049368, TN.019524, TN.019525, PM.070597, TN.023612

26 Những câu hỏi hóc búa về cuộc sống vũ trụ và vạn vật / Stephen Law; Nishant Choksi m.h.; Tô Phong d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. : Tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Những câu hỏi - đáp về cuộc sống vũ trụ và vạn vật : có phải mọi thứ đều là vật chất, ý nghĩa của cuộc sống là gì, bạn có thể uốn cong chiếc thìa bằng ý nghĩ được không?
Ký hiệu phân loại: 001 NH556C
Số ĐKCB: TN.015899

27 Trái đất là một vòng tròn có phải không / Phan Trần Minh Thu tranh và lời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 26tr. : hình ảnh ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 TR103Đ
Số ĐKCB: TN.015893

28 Quiz! Khoa học kì thú / Tranh và lời: Cha Hyun - Jin; Thanh Thủy d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 195tr. : Tranh vẻ ; 21cm

Tóm tắt: Tìm hiểu điều thần bí trong vũ trụ và những thành quả vĩ đại mà con người tạo ra như: hố thiên thạch lớn nhất trái đất, con sông dài nhất thế giới ...

Triết lí & tâm lí học

29 Kỹ năng quản lý tốt bản thân / Lan Phương : Văn học , 2024 - 96tr. ; 25cm
Tóm tắt: Thông qua những câu chuyện sinh động mang tính giáo dục cao, giúp các em vừa học được những kỹ năng quản lý tốt bản thân cần thiết vừa có thể nuôi dưỡng những thói quen tốt, phẩm chất tốt, chuẩn bị sẵn sàng để bước vào đời
Số ĐKCB: LD.054710, LD.054711, LD.054712, XLD.006766, XLD.006767, TN.025232, TN.025233, TN.025234

30 Kỹ năng thể hiện tự tin trước đám đông / Lan Phương : Văn học , 2024 - 96tr. ; 25cm

Tóm tắt: Thông qua những câu chuyện sinh động mang tính giáo dục cao, giúp các em vừa học được những kỹ năng thể hiện tự tin trước đám đông vừa có thể nuôi dưỡng những thói quen tốt, phẩm chất tốt, chuẩn bị sẵn sàng để bước vào đời

Số ĐKCB: LD.054707, LD.054708, LD.054709, XLD.006760, XLD.006761, TN.025223, TN.025224, TN.025225

31 Kỹ năng giao tiếp / Lan Phương : Văn học , 2024 - 96tr. ; 25cm

Tóm tắt: Thông qua những câu chuyện sinh động mang tính giáo dục cao, giúp các em vừa học được những kỹ năng giao tiếp cần thiết vừa có thể nuôi dưỡng những thói quen tốt, phẩm chất tốt, chuẩn bị sẵn sàng để bước vào đời

Số ĐKCB: LD.054704, LD.054705, LD.054706, XLD.006768, XLD.006769, TN.025226, TN.025227, TN.025228

32 Kỹ năng quản lý cảm xúc / Lan Phương : Văn học , 2024 - 96tr. ; 25cm

Tóm tắt: Thông qua những câu chuyện sinh động mang tính giáo dục cao, giúp các em vừa học được những kỹ năng quản lí cảm xúc cần thiết vừa có thể nuôi dưỡng những thói quen tốt, phẩm chất tốt, chuẩn bị sẵn sàng để bước vào đời

Số ĐKCB: LD.054701, LD.054702, LD.054703, XLD.006762, XLD.006763, TN.025229, TN.025230, TN.025231

33 Kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả / Lan Phương : Văn học , 2024 - 96tr. ; 25cm

Tóm tắt: Thông qua những câu chuyện sinh động mang tính giáo dục cao, giúp các em vừa học được những kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả cần thiết vừa có thể nuôi dưỡng những thói quen tốt, phẩm chất tốt, chuẩn bị sẵn sàng để bước vào đời

Số ĐKCB: LD.054698, LD.054699, LD.054700, XLD.006764, XLD.006765, TN.025220, TN.025221, TN.025222

34 Không tổn thương sao có thể trưởng thành / Nguyên Anh : Thanh niên , 2024 - 200tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054668, LD.054669, LD.054670, TN.025263, TN.025264, TN.025265

35 Triết học kỳ thú / Linsenmayer, Mark : Nxb. Trẻ , 2024 - 192tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tổng quan về triết học, khám phá triết học thông qua các câu hỏi được sắp xếp theo các nhánh triết học: siêu hình học, nhận thức luận, luân lý, logic, thẩm mỹ và triết học chính trị

Ký hiệu phân loại: 100 23/TR308H

Số ĐKCB: TN.023584

36 Bình thản và tiếp tục vui sống / Reinecke, Mark A. : Nxb. Trẻ , 2019 - 170tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những điều cần thiết để hiểu rõ sự phiền muộn, lo lắng, sợ hãi. Cách ứng phó phù hợp, xua tan những cảm xúc tiêu cực, làm cho cuộc sống của mình thanh thản, vui vẻ, hạnh phúc hơn

Ký hiệu phân loại: 152.46 23/B312T

Số ĐKCB: TN.023597

37 Lòng hiếu thảo / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2024 - 105 tr. ; 19 cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể nhằm giáo dục các em về lòng hiếu thảo đối với ông bà,

Ký hiệu phân loại: 173 23/L431H

Số ĐKCB: TN.023574

38 Tình mẫu tử / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2023 - 99tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp 8 câu chuyện kể cảm động kể về tình mẹ con nhằm giáo dục đạo đức cho than

Ký hiệu phân loại: 173 23/T312M

Số ĐKCB: TN.023572

39 Sự lương thiện / Nguyễn Hạnh : Trẻ , 2024 - 116tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể giáo dục các em về tính lương thiện

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/S550L

Số ĐKCB: TN.023567

40 Tha thứ : Trẻ , 2023 - 86tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ đề cao giá trị tốt đẹp của con người, giúp các em hình thành thói quen tốt, biết yêu thương và tha thứ cho những người xung quanh, từ đó dần hoàn thiện nhân cách đẹp trong cuộc sống

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/TH100T

Số ĐKCB: TN.023241, TN.023242, TN.023243, TN.023244, XLD.004673

41 Món quà của lòng biết ơn : Văn học , 2022 - 143tr. ; 24cm

Tóm tắt: Những câu chuyện về lòng nhân ái, vị tha, bao dung, những đức tính cao đẹp, hàm súc và giàu triết lí nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.

Số ĐKCB: LD.053781, LD.053782, TN.023382, TN.023383, TN.023384, TN.023385

42 Socrates nói về sự thật : Trẻ , 2022 - 22 tr. ; 18 cm

Tóm tắt: Gồm những triết lý của triết gia người Hy Lạp cổ đại Socrates về sự thật, và chia sẻ quan điểm cần phải trung thực và thành thật ngay cả khi khó nói ra

Ký hiệu phân loại: 183.2 23/N428V

Số ĐKCB: TN.022494, TN.022495, TN.022496

43 Simone de Beauvoir nói về sự bình đẳng : Trẻ , 2022 - 22 tr. ; 18 cm

Tóm tắt: Gồm những triết lý của triết gia người Pháp Simone de Beauvoir về sự bình đẳng, và đưa ra quan niệm bình đẳng trong cuộc sống, hướng con người đến sự ứng xử công bằng, nhìn nhận sự việc công bằng và tất cả mọi người cần được có các cơ hội như nhau

Ký hiệu phân loại: 194 23/S310D

Số ĐKCB: TN.022491, TN.022492, TN.022493

44 René Descartes nói về trí tưởng tượng : Trẻ , 2022 - 22 tr. ; 18 cm

Tóm tắt: Gồm những triết lý của triết gia người Pháp René Descartes nói về trí tưởng tượng - người đã dùng trí tưởng tượng của mình để giúp bản thân hiểu về thế giới, và cho rằng mỗi người đều có cách suy nghĩ, tưởng tượng riêng biệt

Ký hiệu phân loại: 194 23/R203D

Số ĐKCB: TN.022488, TN.022489, TN.022490

45 Plato nói về tình yêu : Trẻ , 2022 - 22 tr. ; 18 cm

Tóm tắt: Gồm những triết lý của triết gia người Hy Lạp cổ đại Plato về tình yêu, và chia sẻ quan điểm cần phải học cách yêu thương người khác như đúng con người bên trong của họ

Ký hiệu phân loại: 184 23/PL110N
Số ĐKCB: TN.022485, TN.022486, TN.022487

46 Aristotle nói về hạnh phúc : Nxb. Trẻ , 2022 - 22 tr. ; 18 cm

Tóm tắt: Gồm những triết lý của triết gia Hy Lạp cổ đại nổi tiếng Aristotle về hạnh phúc, và chia sẻ một số quan điểm để tìm ra được điều khiến bản thân và mọi người hạnh phúc
Ký hiệu phân loại: 185 23/A109N
Số ĐKCB: TN.022482, TN.022483, TN.022484

47 Những câu chuyện về lòng yêu thương : Nxb. Trẻ , 2022 - 68tr. ; 19cm
Tóm tắt: Những câu chuyện đề cao các giá trị tốt đẹp nhằm giáo dục các em nhỏ về lòng yêu thu
Ký hiệu phân loại: 179.9 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.022224, TN.022225, TN.022226

48 Kỹ năng sống cho tuổi vị thành niên / Nguyễn, Thị Oanh : Trẻ , 2023 - 135tr. ; 21cm
Tóm tắt: Cung cấp những bài huấn luyện cơ bản nhằm tạo cho đối tượng là trẻ vị thành niên những nhận thức và năng lực thực hiện 10 kĩ năng: lấy quyết định, giải quyết vấn đề, suy nghĩ sáng tạo, suy nghĩ có phán đoán...
Ký hiệu phân loại: 155.5 23/K600N
Số ĐKCB: PD.044072, PM.074829, PM.074830, TN.023594

49 Tư vấn tâm lý học đường / Nguyễn, Thị Oanh : Trẻ , 2023 - 238tr. ; 20cm
Tóm tắt: Gồm những mẩu đối thoại cởi mở, tập hợp những băn khoăn và suy nghĩ của các bạn thanh thiếu niên về nhiều vấn đề trong cuộc sống: Gia đình, bản thân, nhà trường, tình yêu - tình bạn, những giá trị sống hiện đại... giúp các bạn thanh thiếu niên khám p
Số ĐKCB: PD.044043, PM.074627, PM.074628, LD.053345, LD.053346, LD.053347, TN.023596

50 Hành trình trải nghiệm 28 ngày biết ơn / Thư Đào : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 147tr. ; 22cm
Tóm tắt: Hướng dẫn thực hành trải nghiệm về lòng biết ơn với các bài tập thực hành hàng ngày
Số ĐKCB: LD.052260, LD.052261, LD.052262, TN.022479, TN.022480, TN.022481

51 Kể chuyện gương hiếu thảo / Đỗ, Đức : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 143 tr. ; 21 cm
Tóm tắt: Gồm một số câu chuyện về những tấm gương hiếu thảo thời xưa ở Việt Nam và Trung Quốc, từ các bậc hiếu tử, những người đỗ đạt làm quan cho đến những người dân bình thường như: Mai Thúc Loan, Lê Phụng Hiểu, Trương Đỗ, Nguyễn Trãi...
Ký hiệu phân loại: 173.0922 23/K250C
Số ĐKCB: TN.021846, TN.021847, TN.021848

52 24 gương hiếu thảo - Nhị thập tứ hiếu : Nxb. Thanh Hoá , 2019 - 197 tr. ; 21 cm
Tóm tắt: Giới thiệu 24 tấm gương hiếu thảo nêu bật giá trị tình cảm, đạo đức cao quí mà mọi thế hệ, thời đại đều ngưỡng mộ và noi theo như: Vua Thuấn, Đổng Vĩnh, Mẫn Tử Khiên, Thái Thuận...
Ký hiệu phân loại: 173.0951 23/H103M
Số ĐKCB: TN.021843, TN.021844, TN.021845

53 Kể chuyện gương dũng cảm : Lao động , 2019 - 135tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu những câu chuyện về tấm gương dũng cảm điển hình như: Triệu Thị Trinh, Phùng Hưng, Lê Phụng Hiểu...

Ký hiệu phân loại: 179.60922 23/K250C

Số ĐKCB: TN.021837, TN.021838, TN.021839

54 Kỹ năng sống dành cho học sinh - Sự kiên cường : Thế giới ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2021 -

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện về sự kiên cường mang đầy tính trí tuệ, hàm súc và giàu triết lí nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh

Ký hiệu phân loại: 158.083 23/K600N

Số ĐKCB: TN.021828, TN.021829, TN.021830

55 Kỹ năng sống dành cho học sinh - Biết trân trọng : Thế giới ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2020 -

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhiều màu sắc, đầy tính trí tuệ, hàm súc và giàu triết lí nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh

Ký hiệu phân loại: 158.083 23/K600N

Số ĐKCB: TN.021825, TN.021826, TN.021827

56 Kỹ năng sống dành cho học sinh - Lòng biết ơn : Thế giới , 2021 - 147tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhiều màu sắc, đầy tính trí tuệ, hàm súc và giàu triết lí nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh

Ký hiệu phân loại: 158.083 23/K600N

Số ĐKCB: TN.021822, TN.021823, TN.021824

57 Kỹ năng sống dành cho học sinh - Biết chấp nhận : Thế giới , 2020 - 155tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhiều màu sắc, đầy tính trí tuệ, hàm súc và giàu triết lí nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh

Ký hiệu phân loại: 158.083 23/K600N

Số ĐKCB: TN.021819, TN.021820, TN.021821

58 Cuốn sách màu đỏ / Anthony, William : Dân trí , 2022 - 29 tr. ; 20 cm

Tóm tắt: Đưa ra các bí quyết và mẹo nhỏ hữu ích cho em mỗi khi em có những cơn giận bao trùm, giúp em học cách giải quyết mỗi khi cơn giận xuất hiện

Ký hiệu phân loại: 155.41247 23/C517S

Số ĐKCB: TN.021693, TN.021694, TN.021695

59 Cuốn sách màu xanh / Anthony, William : Dân trí , 2022 - 29 tr. ; 20 cm

Tóm tắt: Đưa ra các bí quyết và mẹo nhỏ hữu ích cho em mỗi khi em có những nỗi buồn xâm chiếm, giúp em học cách giải quyết mỗi khi nỗi buồn xuất hiện

Ký hiệu phân loại: 155.4124 23/C517S

Số ĐKCB: TN.021690, TN.021691, TN.021692

60 Cuốn sách màu vàng / Anthony, William : Dân trí , 2022 - 29 tr. ; 20 cm

Tóm tắt: Đưa ra các bí quyết và mẹo nhỏ hữu ích cho em mỗi khi em phấn khích dâng trào, giúp em học cách giải quyết mỗi khi sự phấn khích xuất hiện

Ký hiệu phân loại: 155.41242 23/C517S

Số ĐKCB: TN.021687, TN.021688, TN.021689

61 Cuốn sách màu tím / Anthony, William : Dân trí , 2022 - 29 tr. ; 20 cm

Tóm tắt: Đưa ra các bí quyết và mẹo nhỏ hữu ích cho em mỗi khi em lo lắng, giúp em học cách giải quyết mỗi khi nỗi lo xuất hiện

Ký hiệu phân loại: 155.41246 23/C517S

Số ĐKCB: TN.021684, TN.021685, TN.021686

62 Muông thú dạy ta bài học cuộc sống / Hara, Asou : Trẻ , 2022 - 213tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021567, TN.021568, TN.021569, TN.022406, TN.022407, TN.022408

63 Dậy thì không "xì trét" / Novak, Nikoleta : Nxb. Trẻ , 2021 - 107tr. ; 20cm

Tóm tắt: Đề cập đến sự phát triển, thay đổi trên cơ thể, những khúc mắc, diễn biến tâm lí của con trai ở tuổi dậy thì: Chuyện học tập, chuyện buồn phiền, chuyện bạn bè, thể chất và tính khí, những vấn đề "nhạy cảm"

Ký hiệu phân loại: 155.532 23/D126T

Số ĐKCB: TN.021561, TN.021562, TN.021563, TN.023611

64 Dạy thì không "xì trét" / Novak, Nikoleta : Nxb. Trẻ , 2021 - 111tr. ; 20cm

Tóm tắt: Đề cập đến sự phát triển, thay đổi trên cơ thể, những khúc mắc, diễn biến tâm lí của con gái tuổi dậy thì: Chuyện học tập, chuyện buồn phiền, chuyện bạn bè, thể chất và tính khí, những vấn đề "nhạy cảm"

Ký hiệu phân loại: 155.533 23/D112T

Số ĐKCB: TN.021564, TN.021565, TN.021566

65 Những câu chuyện về lòng trắc ẩn : Trẻ , 2023 - 84tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện giáo dục các em về tính trung thực, tình nhân ái, lòng dũng cảm, tinh thần trách nhiệm...

Số ĐKCB: XLD.003186, XLD.003187, XLD.003188, XLD.003189, XLD.003190, TN.022221, TN.022222, TN.022223

66 Những câu chuyện về lòng thương người : Trẻ , 2022 - 66tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.003201, XLD.003202, XLD.003203, XLD.003204, XLD.003205, TN.022200, TN.022201, TN.022202

67 Những câu chuyện về lòng biết ơn : Trẻ , 2022 - 72tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.003206, XLD.003207, XLD.003208, XLD.003209, XLD.003210, TN.022206, TN.022207, TN.022208

68 Những câu chuyện về lòng quyết tâm : Trẻ , 2022 - 71tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.003221, XLD.003222, XLD.003223, XLD.003224, XLD.003225, TN.022209, TN.022210, TN.022211

69 Những câu chuyện về tình bạn : Trẻ , 2022 - 71tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.003216, XLD.003217, XLD.003218, XLD.003219, XLD.003220, TN.022215, TN.022216, TN.022217

70 Những câu chuyện về tình yêu tự do và hoà bình : Trẻ , 2022 - 81tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.003211, XLD.003212, XLD.003213, XLD.003214, XLD.003215, TN.022242, TN.022243, TN.022244

71 Những câu chuyện về lòng vị tha : Nxb. Trẻ , 2022 - 73tr. ; 19cm

Tóm tắt: Những câu chuyện đề cao các giá trị tốt đẹp nhằm giáo dục các em nhỏ có lòng vị tha

Số ĐKCB: XLD.003196, XLD.003197, XLD.003198, XLD.003199, XLD.003200, TN.022227, TN.022228, TN.022229

72 Những câu chuyện về siêng năng kiên trì : Trẻ , 2022 - 84tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhằm giáo dục tính cách cho trẻ em về sự siêng năng, kiên t

Số ĐKCB: XLD.003191, XLD.003192, XLD.003193, XLD.003194, XLD.003195, TN.022230, TN.022231, TN.022232

73 Những câu chuyện về tính lương thiện : Nxb. Trẻ , 2022 - 81tr. ; 19cm

Tóm tắt: Thông qua những câu chuyện kể nhằm giáo dục cho các em nhỏ về tính lương thiện

Số ĐKCB: XLD.003181, XLD.003182, XLD.003183, XLD.003184, XLD.003185, TN.022203, TN.022204, TN.022205

74 Những câu chuyện về lòng dũng cảm : Trẻ , 2022 - 75tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể giới thiệu những tấm gương sáng giáo dục các em về lòn

Số ĐKCB: XLD.003176, XLD.003177, XLD.003178, XLD.003179, XLD.003180, TN.022212, TN.022213, TN.022214

75 Những câu chuyện về tinh thần trách nhiệm : Trẻ , 2022 - 77tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện đề cao các giá trị tốt đẹp nhằm giáo dục các em nhỏ đức tín

Số ĐKCB: XLD.002490, XLD.002491, XLD.002492, XLD.002493, XLD.002494, TN.022233, TN.022234, TN.022235

76 Những câu chuyện về lòng nhân ái : Trẻ , 2021 - 69tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhằm giáo dục đạo đức, tính cách cho trẻ em về lòng nhân á

Số ĐKCB: XLD.002485, XLD.002486, XLD.002487, XLD.002488, XLD.002489, TN.022236, TN.022237, TN.022238

77 Tình thân ái / Nguyễn, Hạnh : Nxb. Trẻ , 2018 - 91tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp 14 câu chuyện kể cảm động kể về tình thân ái giữa người với người: Lẽ sống, tình yêu nơi thiên đường, tình thương trao tặng...

Số ĐKCB: XLD.000491, XLD.000492, XLD.000493, XLD.000494, XLD.000495, TN.023576

78 Who? Henry David Thoreau? / Oh Youngseok lời; Cao Thị Hải Bắc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2018. - 150tr. : Tranh màu ; 21cm

Tóm tắt:

Tôn giáo

79 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022011, TN.022012, TN.022013, LD.052115, LD.052116, LD.052117, TN.023646, TN.023647

80 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022008, TN.022009, TN.022010, LD.052112, LD.052113, LD.052114, TN.023645

81 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022005, TN.022006, TN.022007, LD.052109, LD.052110, LD.052111, TN.023644

82 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022002, TN.022003, TN.022004, LD.052106, LD.052107, LD.052108

83 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021999, TN.022000, TN.022001, LD.052103, LD.052104, LD.052105

84 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021996, TN.021997, TN.021998, LD.052100, LD.052101, LD.052102

85 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021993, TN.021994, TN.021995, LD.052097, LD.052098, LD.052099

86 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 294.309597 23/CH527C
Số ĐKCB: TN.021990, TN.021991, TN.021992

87 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021987, TN.021988, TN.021989, LD.052091, LD.052092, LD.052093, TN.023643

88 Chuyện chùa Việt / Trăng Yên Tử : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021984, TN.021985, TN.021986, LD.052088, LD.052089, LD.052090, TN.023642

89 Những câu hỏi hóc búa về đức tin / Julian Baggini; Nishant Choksi m.h.; Phạm Mạnh Hào d.; Nguyễn Quốc Tín h.đ.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Những câu hỏi - đáp về tôn giáo, sự khác biệt giữa người theo đạo và người không theo đạo, có Thượng Đế hay không, các tôn giáo quan niệm thế nào về Thượng Đế...

Khoa học xã hội

90 Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ : Hồng Đức , 2024 - 207tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.025239, TN.025240, TN.025241, TN.025242

91 Để trở thành nhà thông thái nhí : Thanh niên , 2024 - 172tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.19 23/Đ250T
Số ĐKCB: XLD.006701, XLD.006702, TN.025260, TN.025261, TN.025262

92 Viên ngọc ước : Kim Đồng , 2024 - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.006982, XLD.006983, TN.025298, TN.025299, TN.025300, TN.025301

93 Ngôi đền giữa biển : Kim Đồng , 2024 - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.007024, XLD.007025, TN.025294, TN.025295, TN.025296, TN.025297

94 Người vợ hiền : Kim Đồng , 2024 - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.007062, XLD.007063, TN.025302, TN.025303, TN.025304, TN.025305

95 Anh em sinh năm : Kim Đồng , 2024 - 31tr. ; 21 cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055436, LD.055437, LD.055438, TN.025310, TN.025311, TN.025312, TN.025313

96 Cái trống biết nói : Kim Đồng , 2024 - 31tr. ; 21 cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055433, LD.055434, LD.055435, TN.025314, TN.025315, TN.025316, TN.025317

97 Cường bạo chống trời : Kim Đồng , 2024 - 31tr. ; 21 cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055430, LD.055431, LD.055432, TN.025306, TN.025307, TN.025308, TN.025309

98 Ca dao cho bé tập nói và tập đọc : Dân Trí , 2024 - 115tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055526, LD.055527, LD.055528, TN.025235, TN.025236, TN.025237, TN.025238

99 Kĩ năng ứng phó bạo lực học đường : Giáo dục Việt Nam , 2025 - 136tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những kĩ năng ứng phó và ngăn ngừa bạo lực học đường, giúp trẻ em tự tin hơn trong giao tiếp ứng xử nơi công cộng...

Ký hiệu phân loại: 373.37 23/K300N

Số ĐKCB: TN.023734, TN.023735, TN.023736

100 Kĩ năng ứng phó bạo lực học đường : Giáo dục Việt Nam , 2025 - 108tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những kĩ năng cần thiết để nhận diện và ngăn chặn các hành vi bạo lực học đường, giúp các em hiểu và vận dụng vào cuộc sống...

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/K300N

Số ĐKCB: TN.023731, TN.023732, TN.023733

101 Bông hoa tự tin : Phụ nữ Việt Nam , 2024 - 58tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 373.082 23/B455H

Số ĐKCB: TN.023728, TN.023729, TN.023730

102 Cái bụng mình vui quá! : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Tuyên truyền vấn đề hôn nhân và sinh đẻ trước tuổi vị thành niên cho đồng bào dân tộc

Ký hiệu phân loại: 363.9609597 23/C103B

Số ĐKCB: LD.054311, LD.054312, TN.023753, TN.023754

103 Học cái chữ vui quá! : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Câu chuyện về sự nhận thức và niềm vui khi được học tập của trẻ em đồng bào dân tộc

Ký hiệu phân loại: 305.42089009597 23/H419C

Số ĐKCB: LD.054308, LD.054309, TN.023749, TN.023750

104 Cái nhà mình to đẹp quá! : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Câu chuyện về sự khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số học nghề ở khu tái định

Ký hiệu phân loại: 370.11308209597 23/C103N

Số ĐKCB: LD.054306, LD.054307, TN.023747, TN.023748

105 Cái bụng mình chưa ưng đâu : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Trình bày sự phát triển trong tư duy của phụ nữ và trẻ em gái người dân tộc trong hôn n

Ký hiệu phân loại: 306.8089009597 23/C103B

Số ĐKCB: LD.054314, LD.054315, TN.023759, TN.023760

106 Cái vợ mình giỏi lắm! : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Tuyên truyền về bình đẳng giới trong phòng chống bạo lực gia đình cho đồng bào dân tộc thiểu số

Ký hiệu phân loại: 362.8292089009597 23/C103V

Số ĐKCB: LD.054316, LD.054317, TN.023743, TN.023744

107 Những người con của bản làng : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu một số tấm gương phụ nữ tiêu biểu đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng như hoa hậu H'Hen Niê, cô giáo Hà Ánh Phượng, nữ Đại biểu Quốc hội - Nàng Xô Vi, Sùng Y Múa phát triển du lịch quê nhà, vận động viên Hoàng Thị Duy

Ký hiệu phân loại: 305.42089009597 23/NH556N

Số ĐKCB: LD.054318, LD.054319, TN.023745, TN.023746

108 Em chưa muốn lấy chồng : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Vận động thay đổi nếp nghĩ góp phần xoá bỏ các định kiến giới, tập tục tảo hôn và hôn

Ký hiệu phân loại: 363.4089009597 23/E202C

Số ĐKCB: LD.054320, LD.054321, TN.023755, TN.023756

109 Niềm vui mỗi ngày - Tử tế / Dreamland : Dreamland - Công ty CP Tri thức Văn hoá Sách Việt

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372 23/N304V

Số ĐKCB: LD.054469, LD.054470, TN.023724, TN.023725

110 Cơ thể em là của em : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giáo dục cho trẻ em bảo vệ bản thân và phòng tránh sự lợi dụng của người khác giới

Ký hiệu phân loại: 362.767 23/C460T

Số ĐKCB: LD.054322, LD.054323, TN.023757, TN.023758

111 Mình yêu cái bản mình : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt: Qua câu chuyện di cư của một số loài động vật như cá hồi, bươm bướm, chuồn chuồn... để hình dung ra cái khó khăn khi di cư của con người, nhất là phụ nữ dễ bị trở thành nạn nhân nạn buôn người và những bài học để khắc phục

Ký hiệu phân loại: 364.137089009597 23/M312Y

Số ĐKCB: LD.054310, LD.054313, TN.023751, TN.023752

112 10 huyền thoại Hy Lạp hay nhất mọi thời đại / Deary, Terry : Nxb. Trẻ , 2016 - 200tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/M558H

Số ĐKCB: TN.023582

113 Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam / Nguyễn, Đổng Chi : Nxb. Trẻ , 2022 - 235tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/KH400T

Số ĐKCB: TN.023546

114 Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam / Nguyễn, Đổng Chi : Nxb. Trẻ , 2022 - 235tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/KH400T

Số ĐKCB: TN.023545

115 Chú thỏ nhút nhát ngớ ngẩn : Nxb. Trẻ , 2017 - 24tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.20954 23/CH500T

Số ĐKCB: TN.023659

116 Tình chị em / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2024 - 98tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể cảm động về tình cảm chị em trong gia đình, dòng họ

Ký hiệu phân loại: 306.8754 23/T312C

Số ĐKCB: TN.023566

117 Tình thầy trò / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2018 - 101tr. ; 19cm
Tóm tắt: Gồm 11 câu chuyện kể về tình thầy trò nhằm giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên, họ
Ký hiệu phân loại: 381.1023 23/T312T
Số ĐKCB: TN.023565

118 Đứa con hoá vàng : Dân Trí , 2022 - 12tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/Đ551C
Số ĐKCB: TN.023665

119 Ba lưỡi rìu : Dân Trí , 2022 - 12tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/B100L
Số ĐKCB: TN.023666

120 Tích Chu : Nxb. Hà Nội , 2019 - 15tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/T302C
Số ĐKCB: TN.023664

121 Thợ cắt đá bất hạnh / Guillain, Charlotte : Trẻ , 2017 - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 389.20952 23/TH460C
Số ĐKCB: TN.023660

122 Cái chậu rỗng / Guillain, Charlotte : Trẻ , 2017 - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 389.20951 23/C103C
Số ĐKCB: TN.023661

123 Cây sự sống : Nxb. Trẻ , 2017 - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 389.2098113 23/C126S
Số ĐKCB: TN.023648

124 Chuyện ở rừng xanh thẳm / Mai, Đậu Hũ : Trẻ , 2024 - 62tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/CH527Ơ
Số ĐKCB: TN.023610

125 Những câu chuyện khuyến khích trẻ sáng tạo / Trương, Gia Quyền : Hồng Đức ; Tp. Hồ Chí Minh : Công ty Tri thức Văn hoá Sách Việt Nam , 2024 - 242tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.023468, TN.023469, TN.023470, TN.023471, XLD.006076, XLD.006077

126 Những câu chuyện khuyến khích trẻ giao tiếp : Hồng Đức , 2024 - 284tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053911, LD.053912, TN.023288, TN.023289, TN.023290, TN.023291, XLD.006078, XLD.006079

127 Nhường nhịn : Trẻ , 2023 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được tl

Số ĐKCB: LD.054202, XLD.004679, TN.023176, TN.023177, TN.023178, TN.023179

128 Những câu chuyện vượt thời gian / Pegasus : Hồng Đức , 2019 - 64tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054179, TN.023501, TN.023502, TN.023503, TN.023504, XLD.004690

129 Miếng trầu kì diệu : Kim Đồng , 2023 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054185, LD.054186, TN.023365, TN.023366, TN.023367, TN.023368

130 Con gái nàng tiên núi : Kim Đồng , 2023 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054183, LD.054184, TN.023373, TN.023374, TN.023375, TN.023376

131 Cất nhà giữa hồ : Kim Đồng , 2023 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054181, LD.054182, TN.023369, TN.023370, TN.023371, TN.023372

132 Đồng dao cho bé - Thế giới quanh ta và cuộc sống - Động vật, thực vật quanh bé : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 128tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.809597 23/Đ455D

Số ĐKCB: TN.022853, TN.022854, TN.022855

133 Đồng dao cho bé - Các trò chơi dân gian : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 40tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.8 23/Đ455D

Số ĐKCB: TN.022859, TN.022860, TN.022861

134 Gấu Bắc Cực cần băng / Hà, Triều : Nxb. Trẻ , 2023 - 36tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giúp bạn nhỏ hiểu về môi trường, biến đổi khí hậu thông qua câu chuyện Gấu Bắc Cực

Ký hiệu phân loại: 363.7 23/G125B

Số ĐKCB: TN.022823, TN.022824, TN.022825

135 Máy bay / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2024 - 32tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giúp các em thiếu nhi khám phá về lịch sử máy bay, máy bay dân dụng hiện đại, cất cánh và kiểm soát, điều khiển bay, động cơ phản lực, năng lượng thay thế, cất cánh theo phương thẳng đứng, trực thăng...

Ký hiệu phân loại: 387.73 23/M112B

Số ĐKCB: TN.022787, TN.022788, TN.022789

136 Bịt mắt bắt mèo / Lê, Thư : Trẻ , 2023 - 27 tr ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu cách thức luật chơi và các bài đồng dao kèm theo của một số trò chơi dân gian của Việt Nam dành cho trẻ em: Bịt mắt bắt dê, dung dăng dung dẻ, lò cò...

Ký hiệu phân loại: 398.809597 23/B314M

Số ĐKCB: TN.022586, TN.022587, TN.022588

137 Mèo đuổi chuột / Lê, Thư : Trẻ , 2023 - 27tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu cách thức luật chơi và các bài đồng dao kèm theo của một số trò chơi dân gian của Việt Nam dành cho trẻ em: Rồng rắn lên mây, ô ăn quan, banh đũa...

Ký hiệu phân loại: 398.80957 23/M205Đ
Số ĐKCB: TN.022583, TN.022584, TN.022585

138 Tớ luôn luôn sạch sẽ : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 35tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T460L
Số ĐKCB: TN.022604, TN.022605, TN.022606

139 Tớ không gián mắt vào màn hình : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 35tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T460K
Số ĐKCB: TN.022601, TN.022602, TN.022603

140 Tạm biệt ti giả : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 35tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T104B
Số ĐKCB: TN.022598, TN.022599, TN.022600

141 Tạm biệt bỉm xinh : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 35tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T104B
Số ĐKCB: TN.022595, TN.022596, TN.022597

142 668 câu hỏi phát triển trí thông minh / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 30tr. ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S111T
Số ĐKCB: TN.022901, TN.022902, TN.022903

143 668 câu hỏi phát triển trí thông minh / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 30tr. ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S111T
Số ĐKCB: TN.022913, TN.022914, TN.022915

144 668 câu hỏi phát triển trí thông minh / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 30tr. ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S111T
Số ĐKCB: TN.022916, TN.022917, TN.022918

145 668 câu hỏi phát triển trí thông minh / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 30tr. ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S111T
Số ĐKCB: TN.022904, TN.022905, TN.022906

146 668 câu hỏi phát triển trí thông minh / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 30tr. ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S111T
Số ĐKCB: TN.022907, TN.022908, TN.022909

147 668 câu hỏi phát triển trí thông minh / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 30tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S111T
Số ĐKCB: TN.022910, TN.022911, TN.022912

148 Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé - Hoa - Rau củ - Quả / Bảo Châu : Phụ nữ Việt
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550V
Số ĐKCB: TN.022865, TN.022866, TN.022867

149 Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé - Loài chim / Bảo Châu : Phụ nữ Việt Nam , 2022 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550V
Số ĐKCB: TN.022880, TN.022881, TN.022882

150 Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé - Động vật dưới nước / Bảo Châu : Phụ nữ Việt
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550V
Số ĐKCB: TN.022877, TN.022878, TN.022879

151 Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé - Côn trùng & bò sát / Bảo Châu : Phụ nữ Việt
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550V
Số ĐKCB: TN.022874, TN.022875, TN.022876

152 Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé - Thế giới Khủng Long / Bảo Châu : Phụ nữ Việt
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550V
Số ĐKCB: TN.022871, TN.022872, TN.022873

153 Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé - Chữ cái & số đếm / Bảo Châu : Phụ nữ Việt Nam
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550V
Số ĐKCB: TN.022868, TN.022869, TN.022870

154 Thư viện hình ảnh song ngữ đầu tiên của bé - Phương tiện giao thông / Bảo Châu : Phụ nữ ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550V
Số ĐKCB: TN.022862, TN.022863, TN.022864

155 Con rồng cháu tiên : Nxb. Trẻ , 2021 - 75tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/C430R
Số ĐKCB: TN.022943, TN.022944, TN.022945

156 Sạch sẽ : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được th

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S102S
Số ĐKCB: TN.022347, TN.022348, TN.022349, LD.054206, LD.054207

157 Nhường nhịn : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được th

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NH561N
Số ĐKCB: TN.022350, TN.022351, TN.022352

158 Chăm chỉ : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được tl

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/CH114C

Số ĐKCB: TN.022353, TN.022354, TN.022355

159 Chia sẻ : Trẻ , 2023 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được tl

Số ĐKCB: TN.022356, TN.022357, TN.022358, LD.054200, XLD.004674, TN.023180, TN.023181, TN.023182, TN.023183

160 Khiêm tốn : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt: ập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được thế

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/KH304T

Số ĐKCB: TN.022359, TN.022360, TN.022361, XLD.004675

161 Kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ mầm non / Trần, Phiêu : Nxb. Trẻ , 2023 - 84tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu phương pháp, kỹ năng tổ chức trò chơi cho trẻ mầm non. Hướng dẫn các trò chơi cho trẻ mầm non: trò chơi phá băng; trò chơi khởi động, ổn định; trò chơi theo góc; trò chơi vận động; trò chơi chuyển tiếp

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/K600N

Số ĐKCB: TN.022385, TN.022386, TN.022387

162 Chuyện ở của người xưa / Miên Thảo : Lao động , 2021 - 90 tr. ; 20 cm

Tóm tắt: Qua hình ảnh minh hoạ giúp các bạn nhỏ khám phá những điều tuyệt vời về văn hóa nhà ở, làng xóm của dân tộc mình, nguồn gốc của những ngôi nhà sàn, nhà nền đất, nhà thuyền, phong tục truyền thống trong quan niệm làm nhà của người xưa...

Số ĐKCB: LD.052313, LD.052314, TN.022378, TN.022379, TN.022380, TN.022381, XLD.004575

163 Người xưa đã mặc như thế nào? / Miên Thảo : Lao động , 2022 - 90tr. ; 20 cm

Tóm tắt: Qua hình ảnh minh hoạ giúp các bạn nhỏ khám phá những điều tuyệt vời về trang phục của dân tộc mình, được nghe kể câu chuyện về nguồn gốc nghề dệt vải, được tìm hiểu về các loại áo, váy, phụ kiện khác nhau, về các phong tục truyền thống như nhuộm răn

Số ĐKCB: LD.052311, LD.052312, TN.022374, TN.022375, TN.022376, TN.022377, XLD.004573

164 Thì ra mình cũng làm được / Hoàng, Đức : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 35tr. ; 20cm

Tóm tắt: Gồm những câu chuyện về những hủ tục, tập quán lạc hậu đồng thời khuyến khích, phát huy các giá trị tiến bộ dành cho phụ nữ, trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Ký hiệu phân loại: 305.0890597 23/TH300R

Số ĐKCB: TN.022029, TN.022030, TN.022031, LD.052125, LD.052126

165 Em muốn được tới trường / Hoàng, Đức : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 35tr. ; 20cm

Tóm tắt: Gồm những câu chuyện về những thủ tục, tập quán lạc hậu đồng thời khuyến khích, phát huy các giá trị tiến bộ dành cho phụ nữ, trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Ký hiệu phân loại: 305.0890597 23/TH300R

Số ĐKCB: TN.022026, TN.022027, TN.022028, LD.052127, LD.052128

166 Nhà hai nhóc / Hoàng Đức : Phụ nữ , 2022 - 35tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 305.0890597 23/V303N
Số ĐKCB: TN.022032, TN.022033, TN.022034

167 Việc nhà là của chung / Hoàng, Đức : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 35tr. ; 20cm

Tóm tắt: Gồm những câu chuyện về những hủ tục, tập quán lạc hậu đồng thời khuyến khích, phát huy các giá trị tiến bộ dành cho phụ nữ, trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Ký hiệu phân loại: 305.0890597 23/V303N
Số ĐKCB: TN.022023, TN.022024, TN.022025, LD.052129, LD.052130

168 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Người giữ gìn làng bản : Phụ nữ , 2022 - 38tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022068, TN.022069, TN.022070, LD.052058, LD.052059, LD.052060

169 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Sự tích dòng họ : Phụ nữ , 2022 - 38tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022065, TN.022066, TN.022067, LD.052076, LD.052077, LD.052078

170 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Đi "ăn" mường mới : Phụ nữ , 2022 - 38tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527T
Số ĐKCB: TN.022062, TN.022063, TN.022064

171 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Những nữ tướng anh hùng : Phụ nữ , 2022 - 38tr. ;
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022059, TN.022060, TN.022061, LD.052082, LD.052083, LD.052084

172 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Chuỗi truyền thuyết Sơn Tinh : Phụ nữ , 2022 - 38tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022056, TN.022057, TN.022058, LD.052070, LD.052071, LD.052072

173 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Nguồn gốc các dân tộc anh em : Phụ nữ , 2022 -
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022053, TN.022054, TN.022055, LD.052067, LD.052068, LD.052069

174 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Kể chuyện núi sông : Phụ nữ , 2022 - 39tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022050, TN.022051, TN.022052, LD.052085, LD.052086, LD.052087

175 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Sự tích các nhạc cụ : Phụ nữ , 2022 - 39tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022047, TN.022048, TN.022049, LD.052061, LD.052062, LD.052063

176 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Tìm đất dựng mường : Phụ nữ , 2022 - 38tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022044, TN.022045, TN.022046, LD.052064, LD.052065, LD.052066

177 Truyền thuyết về cội nguồn các dân tộc - Người giữ gìn làng bản : Phụ nữ , 2022 - 38tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527T
Số ĐKCB: TN.022041, TN.022042, TN.022043

178 34 truyện kể cho bé mầm non làm quen với toán : Phụ nữ Việt Nam , 2020 - 35tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B100M
Số ĐKCB: TN.021951, TN.021952, TN.021980

179 Vui học phép trừ số nhỏ hơn 5 / Witte, Karl : Văn Lang , 2021 - 30tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/V510H
Số ĐKCB: TN.021971, TN.021972, TN.021973

180 Sọ Dừa : Mỹ thuật , 2021 - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S400D
Số ĐKCB: TN.021909, TN.021910, TN.021911

181 Câu đố Việt Nam : Văn học , 2019 - 235tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.609597 23/C125Đ
Số ĐKCB: TN.021942, TN.021943, TN.021944

182 Bé ở trường học : Nxb. Đồng Nai , 2021 - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B 200 Ơ
Số ĐKCB: TN.021939, TN.021940, TN.021941

183 Bé học tính tốt : Nxb. Đồng Nai , 2021 - 24 tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200H
Số ĐKCB: TN.021936, TN.021937, TN.021938

184 Bé ngoài đường phố : Nxb. Đồng Nai , 2021 - 24 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200N
Số ĐKCB: TN.021933, TN.021934, TN.021935

185 Thạch Sanh : Mỹ thuật , 2019 - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TH102S
Số ĐKCB: TN.021930, TN.021931, TN.021932

186 Thánh Gióng : Mỹ thuật , 2015 - 13tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TH107G
Số ĐKCB: TN.021927, TN.021928, TN.021929

187 Sự tích hồ Gươm : Mỹ thuật ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng , 2021 - 20tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T
Số ĐKCB: TN.021924, TN.021925, TN.021926

188 Sự tích cây khế : Mỹ thuật , 2019 - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021918, TN.021919, TN.021920, TN.021921, TN.021922, TN.021923

189 Âu Cơ, Lạc Long Quân : Mỹ thuật , 2020 - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/Â125C
Số ĐKCB: TN.021915, TN.021916, TN.021917

190 Cây tre trăm đốt : Mỹ thuật , 2021 - 20tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/C126T
Số ĐKCB: TN.021912, TN.021913, TN.021914

191 Sự tích dưa hấu : Mỹ thuật , 2020 - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T
Số ĐKCB: TN.021903, TN.021904, TN.021905

192 Sơn Tinh Thuỷ Tinh : Mỹ thuật , 2021 - 20tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S464T
Số ĐKCB: TN.021900, TN.021901, TN.021902

193 Tấm Cám : Mỹ thuật ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng , 2020 - 20 tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/T120C
Số ĐKCB: TN.021897, TN.021898, TN.021899

194 Sự tích bánh chưng bánh giầy : Mỹ thuật , 2021 - 15tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T
Số ĐKCB: TN.021894, TN.021895, TN.021896

195 Mỵ Châu, Trọng Thuỷ : Mỹ thuật , 2020 - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/M600C
Số ĐKCB: TN.021891, TN.021892, TN.021893

196 Lưu Bình Dương Lễ : Mỹ thuật , 2019 - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/L566B
Số ĐKCB: TN.021888, TN.021889, TN.021890

197 Sự tích chú Cuội cung trăng : Mỹ thuật , 2019 - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T
Số ĐKCB: TN.021885, TN.021886, TN.021887

198 Sự tích trầu cau : Mỹ thuật , 2022 - 110tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T
Số ĐKCB: TN.021906, TN.021907, TN.021908

199 Chú tâm - Sáng tạo / Sư Đan : Hồng Đức , 2021 - 79 tr. ; 27 cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố, trò chơi giúp trẻ nâng cao khả năng tập trung, sáng tạo, yêu thích học hành, tìm hiểu kiến thức mới

Ký hiệu phân loại: 372 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.021780, TN.021781, TN.021782

200 Kể chuyện gương hiếu học / Quang, Lân : Hồng Đức , 2024 - 199tr. ; 21cm
Tóm tắt: Giới thiệu những câu chuyện về tấm gương hiếu học của những danh nhân, những con người có nhiều cống hiến cho nhân loại như: Khổng Tử, Lý Bạch, Hàn Dũ, lê Văn Hưu, Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi...

Số ĐKCB: TN.021840, TN.021841, TN.021842, LD.053771, LD.053772, XLD.006680, XLD.006681

201 Âu Cơ, Lạc Long Quân : Mỹ thuật , 2020 - 110 tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/Â125C
Số ĐKCB: TN.021720, TN.021721, TN.021722

202 Nghìn lẻ một đêm : Mỹ thuật , 2019 - 143tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20953 23/NGH311L
Số ĐKCB: TN.021714, TN.021715, TN.021716

203 Các thành phố / Chambers, Catherine : Nxb. Trẻ , 2022 - 32 tr. ; 26 cm
Tóm tắt: Giúp các em thiếu nhi khám phá về thành phố, bãi đáp máy bay trực thăng trong nội thành, lễ hội trên sân thượng, tàu điện ngầm hai tầng, tảng mỡ rác trong cống ngầm, các hệ thống âm thầm giữ cho một thành phố vận hành...

Số ĐKCB: TN.021579, TN.021580, TN.021581, TN.022796, TN.022797, TN.022798

204 Sâu bướm hóa bướm như thế nào ? / Kant, Tanya : Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S125B
Số ĐKCB: TN.021645, TN.021646, TN.021647

205 Cơ thể ta hoạt động thế nào? / Stewart, David : Nxb. Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C460T
Số ĐKCB: TN.021633, TN.021634, TN.021635

206 Tại sao cá voi di cư? / Kant, Tanya : Nxb. Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T103S
Số ĐKCB: TN.021639, TN.021640, TN.021641

207 Tại sao bướm vua lại di cư / Kant, Tanya : Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T103S
Số ĐKCB: TN.021651, TN.021652, TN.021653

208 Tại sao hạt nảy mầm vào mùa xuân? / Stewart, David : Nxb. Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T103S
Số ĐKCB: TN.021648, TN.021649, TN.021650

209 Gấu đen có nguy hiểm không ? : Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/G125Đ
Số ĐKCB: TN.021642, TN.021643, TN.021644

210 Chuyện lẩu cua / Freund, Chris : Thế giới , 2022 - 67 tr. ; 25 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/CH527L
Số ĐKCB: TN.021696

211 Kiến và bồ câu : Thanh niên , 2021 - 24 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 23/K305V
Số ĐKCB: TN.021663, TN.021664, TN.021665

212 Sư tử và chuột : Thanh niên , 2021 - 24 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 23/S550T
Số ĐKCB: TN.021660, TN.021661, TN.021662

213 Gió và mặt trời : Thanh niên , 2021 - 24 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 23/GI-400V
Số ĐKCB: TN.021657, TN.021658, TN.021659

214 Nòng nọc hóa ếch như thế nào ? / Stewart, David : Nxb. Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/N431N
Số ĐKCB: TN.021654, TN.021655, TN.021656

215 Trứng nở thành gà con như thế nào ? / Kant, Tanya : Trẻ , 2021 - 31tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR556N
Số ĐKCB: TN.021636, TN.021637, TN.021638

216 Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam / Nguyễn, Đổng Chi : Nxb. Trẻ , 2021 - 213tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.000611, XLD.000612, XLD.000613, XLD.000614, XLD.000615, TN.023547

217 Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam / Nguyễn, Đổng Chi : Nxb. Trẻ , 2022 - 235tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.000606, XLD.000607, XLD.000608, XLD.000609, XLD.000610, TN.023546, TN.023548

218 Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam / Nguyễn, Đổng Chi : Nxb. Trẻ , 2020 - 201tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.000601, XLD.000602, XLD.000603, XLD.000604, XLD.000605, TN.023545, TN.023549

219 Cá chép giết rồng : Trẻ , 2012 - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C100C
Số ĐKCB: TN.014900, TN.014901

220 Truyện cổ tích về những tấm lòng nhân hậu , 2013
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009800, TN.009801, TN.009802, TN.009803, TN.009804, LD.019721, LD.019727

221 Kỹ năng phòng chống bạo lực học đường / Huỳnh, Văn Sơn : Đại học Sư phạm , 2021 - 64tr. ;
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016772, TN.016773, TN.016774, LD.053417, LD.053418, LD.053419

222 Truyện cổ tích về thế giới thần tiên , 2007
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017066, LD.017067, LD.017068, LD.017069, TN.009735, TN.009736, TN.009737, TN.009738, TN.009739, LD.020045, LD.020046

223 Bộ đội : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 B450Đ
Số ĐKCB: TN.016232, TN.016233

224 Thợ may : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 TH460M
Số ĐKCB: TN.016230, TN.016231

225 Thợ đóng giày : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 TH460Đ
Số ĐKCB: TN.016228, TN.016229

226 Kiến trúc sư : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 K305T
Số ĐKCB: TN.016226, TN.016227

227 Tài xế : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. - 10tr. : Tranh ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 T103X
Số ĐKCB: TN.016224, TN.016225

228 Người đưa thư : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. - 10tr. : Tranh ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 NG558Đ
Số ĐKCB: TN.016222, TN.016223

229 Chủ cửa hàng : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. : Tranh ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 CH500C
Số ĐKCB: TN.016194, TN.016195

230 Thủy thủ : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. : Tranh ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 TH523T
Số ĐKCB: TN.016190, TN.016191

231 Phi công : Nghề nghiệp em yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. - 10tr. : Tranh ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 PH300C
Số ĐKCB: TN.016188, TN.016189

232 Cây khế / Keum Gi hyung s.t., b.s.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 150tr. : tranh ảnh ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2095195 C126K
Số ĐKCB: TN.015896

233 Sự tích Hồ Gươm / Keum Gi hyung s.t., b.s.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 224tr. : tranh ảnh ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2095195 S550T
Số ĐKCB: TN.015897

234 Cậu bé lười biếng thành bò / Keum Gi hyung s.t., b.s.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 204tr. :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2095195 C125B
Số ĐKCB: TN.015898

235 Hoàng tử và người vợ tiên / Phạm Ngọc Tuấn (tranh); Hồng Hà b.s.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 31tr. : Tranh màu ; 21cm. - (ĐTTS ghi : Tranh truyện dân gian Việt Nam)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 H407T
Số ĐKCB: TN.015876

236 An Dương Vương / Nguyễn Việt Hà (lời); Thành Nam (tranh). - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 A105D
Số ĐKCB: TN.015877

237 Sự tích cái chổi / Lê Minh Hải tranh ; Thụy Anh b.s.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 31tr. : Tranh màu ; 21cm. - (ĐTTS ghi : Tranh truyện dân gian Việt Nam)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 S550T
Số ĐKCB: TN.015878

238 Truyện cổ Châu phi / De Dagma Doppia; Lê Thanh Lộc biên dịch. - Hà Nội : Văn hóa - Thông tin, 2006. - 197tr. : hình vẽ ; 21cm. - (ĐTTS ghi : Truyện cổ thế giới tiêu biểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2096 TR527C
Số ĐKCB: TN.015879

239 Truyện dân gian Étxkimô / Nguyễn Đình Cao s.t., b.s.. - Hà Nội : Thông Tấn, 2007. - 143tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20998 TR527D
Số ĐKCB: TN.015885, TN.015886

240 Who? Martin Luther King? / Ahn Hyungmo viết lời; Cao Thị Hải Bắc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 180tr. : Tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 320.54092 W000H
Số ĐKCB: TN.015882

241 Huyền thoại và truyền thuyết Châu Phi / Catherine Chambers; Lê Thảo d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 47tr. : hình ảnh ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20932 H527T
Số ĐKCB: TN.015825, TN.015826

242 Huyền thoại và truyền thuyết Ai Cập / Fiona Macdonald; Lê Thảo d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 47tr. : hình ảnh ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20932 H527T
Số ĐKCB: TN.015827, TN.015828

243 Người chơi đàn luýt = The lute player : Truyện cổ Nga / Suzanne I. Barchers thuật truyện; Vicktor Sluzhaev m.h.; Minh hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 28tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20947 NG558C
Số ĐKCB: TN.015839, TN.015840

244 Huyền thoại và truyền thuyết Norse / Anita Ganeri; Lê Thảo d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 47tr. : hình ảnh ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 H527T
Số ĐKCB: TN.015829, TN.015830

245 Những truyền thuyết và dã sử Việt Nam hay nhất / Hồng Đức s.t và t.ch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 253tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.029139, TN.011772, TN.011773, TN.011774, PM.039622, PM.039623

246 Truyện cổ Vân Kiều - Trạng Tầng / Mai Văn Tuấn. - Hà Nội : Lao động, 2007. - 221tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 TR527C
Số ĐKCB: TN.011382, TN.011383, LD.002924, PD.029039

247 Những câu chuyện thần tiên được ưa thích nhất / Edric Vredenburg. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 222tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ngôn ngữ

248 Picture Word Book - Ocean , 2024 - 8tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 23/O-400 C
Số ĐKCB: TN.023525, TN.023526, TN.023527

249 I am tidy , [2024] - 18tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054212, LD.054213, TN.023513, TN.023514, TN.023515, TN.023516

250 Car , [2024] - 12tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054210, LD.054211, TN.023517, TN.023518, TN.023519, TN.023520

251 Home , [2024] - 12tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054208, LD.054209, TN.023521, TN.023522, TN.023523, TN.023524

252 Manners at home : B.Jain Publishers , ???? - 10tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054046, LD.054047, TN.023252, TN.023253, TN.023254, TN.023255, TN.023528

253 Manners At school : B.Jain Publishers , ???? - 10tr. ; 15cm
Tóm tắt: Sách minh hoạ những hình ảnh sinh động giúp các bé thực hành trong cách cư xử tại tr

Ký hiệu phân loại: 428.2 23/M105A
Số ĐKCB: LD.054044, LD.054045, TN.023249, TN.023250, TN.023251

254 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé = My first picture dictionary : Dành cho bé 0 - 6 tuổi / Song, Nghi : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 33tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.922317 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022836, TN.022837, TN.022835

255 Khi tớ lên 9 - Từ điển chung sống : Nxb. Hà Nội , 2023 - 167 tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu 80 từ vựng về cảm xúc, thể hiện các tình huống sử dụng từ vựng cảm xúc bằng hình minh hoạ giúp các bạn nhỏ nắm bắt được ý nghĩa từ vựng

Ký hiệu phân loại: 413.95922 23/KH300T
Số ĐKCB: TN.022436, TN.022437, TN.022438

256 Khi tớ lên 9 - Cuốn từ điển của tớ : Nxb. Hà Nội , 2023 - 125 tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các hình vẽ minh họa giúp trẻ luyện viết ra các biểu hiện cảm xúc, cảm giác của mình cũng như luyện tập các từ vựng cần thiết trong quá trình giao tiếp và ứng xử với người khác

Ký hiệu phân loại: 413.95922 23/KH300T
Số ĐKCB: TN.022433, TN.022434, TN.022435

257 Bùng nổ tiếng Anh / Moon Duck : Thế giới , 2022 - 224tr. ; 22cm

Tóm tắt: Thông qua các câu chuyện thú vị về nhiều chủ đề khác nhau sẽ hướng dẫn bạn luyện tập và sử dụng 27 giới từ hữu ích trong tiếng Anh giao tiếp, giúp nâng cao trình độ tiếng Anh nên một tầm cao mới

Ký hiệu phân loại: 428.2 23/B513N
Số ĐKCB: TN.022446, TN.022447, TN.022448

258 Đố bé ở sau là gì? - Hình dạng : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 18tr. ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/Đ450B
Số ĐKCB: TN.022092, TN.022093, TN.022094

259 Đố bé ở sau là gì? - Số đếm : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 18tr. ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/Đ450B
Số ĐKCB: TN.022083, TN.022085, TN.022084

260 Đố bé ở sau là gì? - Phương tiện giao thông : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 18tr. ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/Đ450B
Số ĐKCB: TN.022077, TN.022078, TN.022079

261 Đố bé ở sau là gì? - Màu sắc : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 18tr. ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/Đ450B
Số ĐKCB: TN.022080, TN.022081, TN.022082

262 Đố bé ở sau là gì? - Đối lập : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 18tr. ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/Đ450B
Số ĐKCB: TN.022086, TN.022087, TN.022088

263 Đố bé ở sau là gì? - Trang phục : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 18tr. ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/Đ450B
Số ĐKCB: TN.022089, TN.022090, TN.022091

264 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Khủng long : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022104, TN.022105, TN.022106

265 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Chữ cái : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022122, TN.022123, TN.022124

266 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Động vật hoang dã : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022119, TN.022120, TN.022121

267 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Đồ chơi : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022116, TN.022117, TN.022118

268 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Côn trùng : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022113, TN.022114, TN.022115

269 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Động vật nuôi : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022107, TN.022108, TN.022109

270 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Cảm xúc : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022095, TN.022096, TN.022097

271 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Trái cây : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022110, TN.022111, TN.022112

272 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Nghề nghiệp : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 495.92203 23/T550Đ
Số ĐKCB: TN.022101, TN.022102, TN.022103

273 Từ điển bằng hình đầu tiên của bé - Rau củ : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 15tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Khoa học tự nhiên

274 Newton và quả táo rơi / Poskitt, Kjartan : Nxb. Trẻ , 2018 - 194tr. ; 20cm
Tóm tắt: Giới thiệu về tiểu sử, sự nghiệp của nhà bác học thiên tài người Anh - Isaac Newton
Ký hiệu phân loại: 530.092 23/N207V
Số ĐKCB: TN.023580

275 Ánh sáng dễ sợ / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2016 - 168tr. ; 20cm

Tóm tắt: Tìm hiểu, khám phá về khoa học ánh sáng như: sóng ánh sáng, ánh sáng kì diệu, tốc độ

Ký hiệu phân loại: 535 23/Á107S

Số ĐKCB: TN.023544

276 Âm thanh kinh hồn / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2018 - 169tr. ; 20cm

Tóm tắt: Tìm hiểu khám phá về khoa học âm thanh như phát âm thanh, sóng âm thanh, hiệu ứng

Ký hiệu phân loại: 534 23/Â120T

Số ĐKCB: TN.023543

277 Động đất động trời / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2016 - 129tr. ; 20cm

Tóm tắt: Những kiến thức khoa học thường thức về hiện tượng động đất, nguyên nhân gây nên động đất, dấu hiệu cảnh báo, sóng chấn động, địa chấn...

Ký hiệu phân loại: 551.22 23/Đ455Đ

Số ĐKCB: TN.023542

278 Khủng long khủng khỉnh / Oliver, Martin : Nxb. Trẻ , 2018 - 131tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những câu chuyện về loài khủng long, nguồn gốc và sự biến mất của chúng

Ký hiệu phân loại: 567.91 23/KH513L

Số ĐKCB: TN.023541

279 Thú dữ / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2016 - 127tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu về đặc điểm ăn uống và môi trường sống của những sinh vật hung dữ: cá mập, cá sấu, rắn độc, voi, bò rừng...

Ký hiệu phân loại: 591.65 23/TH500D

Số ĐKCB: TN.023539

280 Cây xanh đành hanh / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2018 - 159tr. ; 20cm

Tóm tắt: Khám phá những thông tin cơ bản về thế giới thực vật như cấu trúc, quá trình sinh trưởng cũng như đặc điểm lợi, hại của chúng trong cuộc sống

Ký hiệu phân loại: 580 23/C126X

Số ĐKCB: TN.023530

281 Không gian - Các vì sao - Và người ngoài hành tinh / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2018 - 144tr. ;

Tóm tắt: Cung cấp các thông tin cơ bản về vũ trụ: Ngôi sao kỳ lạ, mặt trời, hành tinh nóng, mặt trăng, quái vật hoả tinh, mộc tinh, thổ tinh...

Ký hiệu phân loại: 523.1 23/KH455G

Số ĐKCB: TN.023531

282 Bộ não phập phồng / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2018 - 155tr. ; 20cm

Tóm tắt: Những thông tin về bộ não - bí ẩn cơ thể người mà khoa học chưa bao giờ ngừng khám phá, những nghiên cứu về cấu tạo, về chức năng, những khảo sát vớ vẩn hài hước nhưng vô tình làm nảy ra những phát kiến mới...

Ký hiệu phân loại: 507 23/B450N

Số ĐKCB: TN.023532

283 Bờ biển bụi bờ / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2014 - 125tr. ; 20cm

Tóm tắt: Những câu chuyện về bí mật của biển cả, những thiên tai và những tác động của con ng

Ký hiệu phân loại: 551.457 23/B460B
Số ĐKCB: TN.023533

284 Sông ngòi xông xênh / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2017 - 158tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những cuộc thám hiểm khám phá những dòng sông, những thác nước lớn và cao nhất thế giới và học cách tồn tại trong lũ lụt
Ký hiệu phân loại: 551.483 23/S455N
Số ĐKCB: TN.023535, LD.054264, LD.054265

285 Sinh học có những câu chuyện kỳ diệu! / Gates, Phil : Nxb. Trẻ , 2018 - 155tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những câu chuyện khoa học hấp dẫn về nguồn gốc sự sống, những phát minh gây giận dữ, các hoá thạch, khủng long...
Ký hiệu phân loại: 570 23/S312H
Số ĐKCB: TN.023529

286 Những con số ma thuật / Enzensberger, Hans Magnus : Nxb. Trẻ , 2018 - 217tr. ; 20cm

Tóm tắt: Thông qua những giấc mơ của một cậu bé sợ toán tác giả đã chứng minh những điều bổ ích và lý thú của môn toán, giúp trẻ yêu thích môn học này
Ký hiệu phân loại: 510 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.023536

287 Thảm hoạ thiên nhiên / Son Yeong Woon : Trẻ , 2014 - 48tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 551.2 23/TH104H
Số ĐKCB: TN.023663

288 Thảm hoạ thiên nhiên / Son Yeong Woon : Trẻ , 2014 - 48tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 551.2 23/TH104H
Số ĐKCB: TN.023662

289 Cá sấu và chim hồng hạc / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.023337, TN.023338, TN.023339, TN.023340, TN.023341, XLD.004697, LD.054399, LD.054400, LD.054401, LD.054402

290 Thiên nhiên hoang dã / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2023 - 169tr. ; 20cm
Tóm tắt: Gồm những kiến thức khoa học thường thức về thiên nhiên hoang dã : Thế giới động v
Ký hiệu phân loại: 590 23/TH305N
Số ĐKCB: TN.022287, TN.022288, TN.022289

291 Vi khuẩn chưa phải là bé nhất / Hà, Triều : Nxb. Trẻ , 2023 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt: Giúp các bạn nhỏ khám phá kiến thức về vi khuẩn, vi-rút; những bệnh mà vi khuẩn, vi-
Ký hiệu phân loại: 579.3 23/V300K
Số ĐKCB: TN.022832, TN.022833, TN.022834

292 Làm thế nào để đo thời gian / Hà, Triều : Nxb. Trẻ , 2023 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt: Giúp các bé khám phá thời gian, không gian và nhiều điều thú vị khác về cách người x

Ký hiệu phân loại: 529 23/L104T
Số ĐKCB: TN.022829, TN.022830, TN.022831

293 Trái đất hành tinh diệu kỳ / Hà, Triều : Nxb. Trẻ , 2023 - 36tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giới thiệu cho các em nhỏ những thông tin hữu ích về Trái đất, Mặt trăng, Thuỷ tinh, Kim tinh, Hoả tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên vương tinh, Hải vương tinh, Diêm vương tinh
Ký hiệu phân loại: 550 23/TR103Đ
Số ĐKCB: TN.022826, TN.022827, TN.022828

294 Con đường của nước / Hà, Triều : Nxb Trẻ , 2023 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt: Giới thiệu cho các em nhỏ những thông tin hữu ích về nguồn nước và cách bảo vệ ngu
Ký hiệu phân loại: 551.7 23/C430Đ
Số ĐKCB: TN.022820, TN.022821, TN.022822

295 Núi non và thung lũng / Chamners, Catherine : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 577.53 23/N510N
Số ĐKCB: TN.022817, TN.022818, TN.022819

296 Bầu trời / Chambers, Cathrine : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 551.5 23/B125T
Số ĐKCB: TN.022808, TN.022809, TN.022810

297 Đại dương / Chambers, Catherine : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt: Giúp các em thiếu nhi khám phá những bí ẩn của đại dương khi lặn quanh các vườn san hô, truy tìm những loài sinh vật tự phát ra ánh sáng, khám phá đáy biển và gặp gỡ mực ống khổng lồ, lặn xuống rãnh sâu nhất của đại dương...
Ký hiệu phân loại: 551.461 23/Đ103D
Số ĐKCB: TN.022790, TN.022791, TN.022792

298 Cơ xương chắc khoẻ / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt: Khám phá về hệ cơ xương để tìm hiểu vai trò hết sức quan trọng của chúng đối với cơ thể và sức khỏe: Phần xương nào trong cơ thể cứng chắc nhất. Dây chằng nằm ở đâu. Nhờ bộ phận nào mà tay chân hoặc cổ chúng ta có thể xoay chuyển qua lại...
Ký hiệu phân loại: 573.7 23/C460X
Số ĐKCB: TN.022784, TN.022785, TN.022786

299 Tìm hiểu địa chất / Vestal, Meghan : Trẻ , 2023 - 86tr. ; 20cm
Tóm tắt: Giới thiệu về sự tiến triển và các địa hình của Trái Đất; lịch sử và tương lai của Trái Đất; hướng dẫn một số thí nghiệm để tìm hiểu về núi lửa, động đất, nước và cách thức xác định các loại đá, khoáng chất...
Ký hiệu phân loại: 551 23/T310H
Số ĐKCB: TN.022592, TN.022593, TN.022594

300 Trái Đất của chúng ta / Stacy W. Kish : Trẻ , 2023 - 79tr. ; 21cm
Tóm tắt: Bạn đã bao giờ tự hỏi điều gì khiến thời tiết thay đổi? Hay núi, sông và thung lũng có hình dạng như thế nào? "Trái Đất của chúng ta" sẽ trả lời những câu hỏi này và nhiều, nhiều điều thú vị hơn nữa! Bạn sẽ khám phá cách hành tinh của chúng ta trở th

Ký hiệu phân loại: 550 23/TR103Đ
Số ĐKCB: TN.022589, TN.022590, TN.022591

301 Khám phá động vật 5 châu - Châu Âu / Hải Phạm : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 36tr. ; 30cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 591.94 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.022898, TN.022899, TN.022900

302 Khám phá động vật 5 châu - Châu Phi / Hải Phạm : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 36tr. ; 30cm
Tóm tắt: Giới thiệu khái quát về đặc điểm nhận dạng, trọng lượng và kích thước của các loài động vật châu Phi như: Cá sấu sông Nile, sư tử, báo Gê-pa, khỉ đầu chó, tinh tinh, vượn cáo đuôi vòng, chồn đất châu Phi...
Ký hiệu phân loại: 591.96 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.022889, TN.022890, TN.022891

303 Khám phá động vật 5 châu - Châu Á / Hải Phạm : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36tr. ; 30cm
Tóm tắt: Giới thiệu khái quát về đặc điểm nhận dạng, trọng lượng và kích thước của các loài động vật châu Á như: Voi châu Á, rắn hổ bướm, hổ Bengal, gấu ngựa, sóc lớn Ấn Độ, bò u, sói lửa, linh dương đen Ấn Độ, gấu trúc đỏ...
Ký hiệu phân loại: 591.95 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.022892, TN.022893, TN.022894

304 Khám phá động vật 5 châu - Châu Đại Dương / Hải Phạm : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 36tr. ;
Tóm tắt: Khái quát về đặc điểm nhận dạng, trọng lượng, kích thước của mỗi loài động vật...
Ký hiệu phân loại: 590.995 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.022895, TN.022896, TN.022897

305 Khám phá động vật 5 châu - Châu Mỹ / Hải Phạm : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 36tr. ; 30cm

Tóm tắt: Giới thiệu khái quát về đặc điểm nhận dạng, trọng lượng và kích thước của một số loài động vật tiêu biểu ở Châu Mỹ như: Thú ăn kiến khổng lồ, chó sói, gấu đen...
Ký hiệu phân loại: 591.94 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.022886, TN.022887, TN.022888

306 Theo chân người tí hon - Khám phá Trái Đất / Farndon, John : Lao động , 2021 - 80tr. ; 27cm

Tóm tắt: Giải đáp cho các em những kiến thức thú vị về Trái Đất: sự chuyển động củaTrái Đất; vì sao có ngày và đêm; vì sao có trăng biến hình; các lục địa di chuyển ra sao?...
Ký hiệu phân loại: 550 23/TH250C
Số ĐKCB: TN.022922, TN.022923, TN.022924

307 Đại dương / Macdonald, Fiona : Trẻ , 2022 - 31tr. ; 26cm

Tóm tắt: Khám phá về nước, nguồn nước, vai trò của nước, vòng tuần hoàn của nước, đại dương, sóng, thuỷ triều, hải lưu, gió và thời tiết
Ký hiệu phân loại: 551.46 23/Đ103D
Số ĐKCB: TN.022739, TN.022740, TN.022741

308 Đá và khoáng vật / Woolf, Alex : Trẻ , 2022 - 31tr. ; 26cm

Tóm tắt: Khám phá về vỏ trái đất, vòng tuần hoàn của đá, đá hình thành từ lửa, đá dưới áp suất, đá biến chất, khoáng vật, tinh thể, đá quý, kim loại, vàng, khai thác mỏ

Ký hiệu phân loại: 552 23/Đ100V

Số ĐKCB: TN.022736, TN.022737, TN.022738

309 Thảm hoạ tự nhiên / Woolf, Riex : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551 23/TH104H

Số ĐKCB: TN.022712, TN.022713, TN.022714

310 Núi lửa nóng hơn cả lửa / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2023 - 127tr. ; 20cm

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức khoa học về núi lửa và hoạt động của núi lửa

Ký hiệu phân loại: 551.21 23/N510L

Số ĐKCB: TN.022263, TN.022264, TN.022265

311 Đại dương khó thương / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2023 - 162tr. ; 20cm

Tóm tắt: Những câu chuyện khoa học về thám hiểm đại dương: sinh vật biển, nhiệt độ nước biển, dòng chảy, độ sâu, những tai nạn trên biển...

Ký hiệu phân loại: 551.46 23/Đ103D

Số ĐKCB: TN.022260, TN.022261, TN.022262

312 Thời tiết mạnh như bão tố / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2023 - 162tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những kiến thức thường thức về các hiện tượng thời tiết như: lốc xoáy, bão,

Ký hiệu phân loại: 551.6 23/TH462T

Số ĐKCB: TN.022257, TN.022258, TN.022259

313 Động đất động trời / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2023 - 130tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những kiến thức khoa học thường thức về hiện tượng động đất, nguyên nhân gây nên động đất, dấu hiệu cảnh báo, sóng chấn động, địa chấn...

Ký hiệu phân loại: 551.22 23/Đ455Đ

Số ĐKCB: TN.022254, TN.022255, TN.022256

314 Toán học độc đáo vô cùng / Poskitt, Kjartan : Nxb. Trẻ , 2022 - 148tr. ; 21cm

Tóm tắt: Thông qua các câu chuyện lý thú tác giả đã chứng minh tính thú vị của toán học, mối liên hệ thực tế của toán học với đời sống thường nhật và những câu chuyện hấp dẫn về những nhà toán học và những con số

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406H

Số ĐKCB: TN.022251, TN.022252, TN.022253

315 Toán học độc đáo vô cùng / Poskitt, Kjartan : Nxb. Trẻ , 2022 - 164tr. ; 21cm

Tóm tắt: Thông qua các câu chuyện lý thú tác giả đã chứng minh tính thú vị của toán học, mối liên hệ thực tế của toán học với đời sống thường nhật và những câu chuyện hấp dẫn về những nhà toán học và những con số

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406H

Số ĐKCB: TN.022248, TN.022249, TN.022250

316 Không gian - Các vì sao - Và người ngoài hành tinh / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2023 - 144tr. ;

Tóm tắt: Cung cấp các thông tin cơ bản về vũ trụ: Ngôi sao kỳ lạ, mặt trời, hành tinh nóng, mặt trăng, quái vật hoả tinh, mộc tinh, thổ tinh, hành tinh ngoài rìa

Ký hiệu phân loại: 523.1 23/KH455G

Số ĐKCB: TN.022272, TN.022273, TN.022274

317 Sinh học có những câu chuyện kỳ diệu! / Gates, Phil : Nxb. Trẻ , 2023 - 155tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu những câu chuyện khoa học hấp dẫn về nguồn gốc sự sống, những phát minh gây giận dữ, các hoá thạch, khủng long...

Ký hiệu phân loại: 570 23/S312H

Số ĐKCB: TN.022269, TN.022270, TN.022271

318 Hoá học - Một vụ nổ ầm vang / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2023 - 163tr. ; 20cm

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức khoa học về hoá học kèm theo các thí nghiệm minh hoạ sinh

Ký hiệu phân loại: 540 23/H401H

Số ĐKCB: TN.022266, TN.022267, TN.022268

319 Vật lý - Câu chuyện của những lực bí hiểm / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2023 - 169tr. ; 20cm

Tóm tắt: Gồm những kiến thức khoa học thường thức về vật lí: Tốc độ, lực hấp dẫn, áp suất đè ép, ma sát, kéo căng và kéo giãn, lực nảy...

Ký hiệu phân loại: 530 23/V124L

Số ĐKCB: TN.022281, TN.022282, TN.022283

320 Thú dữ / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2023 - 127tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu về đặc điểm ăn uống và môi trường sống của những sinh vật hung dữ: cá mập, cá sấu, rắn độc, voi, bò rừng...

Ký hiệu phân loại: 591.65 23/TH500D

Số ĐKCB: TN.022278, TN.022279, TN.022280

321 Sổ tay về voi : Nxb. Hà Nội , 2022 - 20tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022014, TN.022015, TN.022016, DC.002216, DC.002217, DC.002218, LD.052118, LD.052119, LD.052120, LD.052121, LD.052122

322 Thử thách 10 số đếm / Lab, Education : Hồng Đức , 2021 - 54tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 23/TH550T

Số ĐKCB: TN.021968, TN.021969, TN.021970

323 Thám hiểm lòng đất cùng nàng Bạch Tuyết : Phụ nữ Việt Nam ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng ,

Tóm tắt: Kết hợp kể chuyện cổ tích và giúp trẻ khám phá những kiến thức khoa học về thám hiểm lòng đất: Cuộc sống trong lòng đất, hang và tổ, địa chất, hệ thống rễ cây, nhiên liệu hoá thạch, tàu điện...

Ký hiệu phân loại: 500 23/TH104H

Số ĐKCB: TN.021953, TN.021954, TN.021955

324 Động vật ăn cỏ : Hồng Đức , 2021 - 14 tr. ; 14 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 23/Đ455V
Số ĐKCB: TN.021945, TN.021946, TN.021947

325 Mười vạn câu hỏi vì sao - Hoá học : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 207tr. ; 23cm

Tóm tắt: Giải đáp những kiến thức về Hoá học: Vì sao Ai Cập cổ đại là cái nôi của hoá học, vì sao định luật bảo toàn khối lượng là định luật hoá học cơ bản nhất, vì sao Antoine Lavoisier là người đã đánh dấu sự ra đời của ngành hoá học...

Ký hiệu phân loại: 540 23/M558V
Số ĐKCB: TN.021759, TN.021760, TN.021761

326 Mười vạn câu hỏi vì sao? - Sinh học : Thanh niên , 2021 - 183 tr. ; 23 cm

Tóm tắt: Tập hợp một loạt các câu hỏi và lời giải đáp về sinh học giúp các em có những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tập tính, giới tính, sinh lý học trong cơ thể người cũng như của thế giới động thực vật

Ký hiệu phân loại: 570 23/M558V
Số ĐKCB: TN.021750, TN.021751, TN.021752

327 Côn trùng ký / Fabre, Jean Henri : Mỹ thuật , 2020 - 143 tr. ; 24 cm

Tóm tắt: Ghi chép về bản năng và tập tính của côn trùng. Ghi chép về bản năng và tập tính của côn trùng như: Bọ hung, ve sầu, bọ ngựa, đom đóm, tò vò, bướm cánh chuồn, bọ hung Tây Ban Nha, châu chấu, ong bắp cày thường, ấu trùng, dế...

Ký hiệu phân loại: 595.7 23/
Số ĐKCB: TN.021711, TN.021712, TN.021713

328 Đại dương / Macdonald, Fiona : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Khám phá về nước, nguồn nước, vai trò của nước, vòng tuần hoàn của nước, đại dương, sóng, thuỷ triều, hải lưu, gió và thời tiết

Ký hiệu phân loại: 551.46 23/Đ103D
Số ĐKCB: TN.021603, TN.021604, TN.021605

329 Thảm họa tự nhiên / Woolf, Riex : Trẻ , 2022 - 31tr. ; 26cm

Tóm tắt: Trình bày về các thiên tai trên thế giới: động đất, El Nino, lũ lụt, bụi mù, bão xoáy, lở đất và bùn đất, sấm chớp, vòi rồng, sóng thần...

Ký hiệu phân loại: 551 14/TH104H
Số ĐKCB: TN.021618, TN.021619, TN.021620

330 Đá và khoáng vật / Woolf, Alex : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Khám phá về vỏ trái đất, vòng tuần hoàn của đá, đá hình thành từ lửa, đá dưới áp suất, đá biến chất, khoáng vật, tinh thể, đá quý, kim loại, vàng, khai thác mỏ

Ký hiệu phân loại: 552 23/Đ100V
Số ĐKCB: TN.021606, TN.021607, TN.021608

331 Thời tiết / Graham, Ian : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về các hình thái của thời tiết: Mây, mưa, nắng, nóng, lạnh, các mùa, băng, tuyết, gió, sấm, chớp, bão và biến đổi khí hậu

Số ĐKCB: TN.021615, TN.021616, TN.021617, TN.022721, TN.022722, TN.022723

332 Thảm họa thiên nhiên / Son, Yeong Woon. - Hà Nội : Trẻ. - 23cm
T.3 : El nino - sự nóng lên của trái đất - bụi cát vàng - tầng ozone. - 2014. - 62tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551 TH104H
Số ĐKCB: TN.015851, TN.015852

333 Thảm họa thiên nhiên / Son, Yeong Woon. - Hà Nội : Trẻ. - 23cm
T.2 : Bão - lũ lụt - hạn hán. - 2014. - 48tr. : tranh ảnh

Tóm tắt: Cuộc hành trình của gia đình Hàn Quốc đi du lịch qua nhiều nơi trên thế giới nhưng lại đối mặt với thảm họa bảo - lũ lụt - hạn hán

Ký hiệu phân loại: 551 TH104H
Số ĐKCB: TN.015849, TN.015850

334 Thảm họa thiên nhiên / Son, Yeong Woon. - Hà Nội : Trẻ. - 23cm
T.1 : Động đất - sóng thần - núi lửa. - 2014. - 48tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551 TH104H
Số ĐKCB: TN.015847, TN.015848

335 Sông ngòi xông xênh / Anita Ganeri ; Trịnh Huy Ninh d.. - In lần thứ 5. - TP. Hồ Chí Minh : 2020, 2020. - 158tr. ; 19cm. - (Horrible Geography)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.483 23/S455N
Số ĐKCB: PD.042559, PM.072662, TN.023737, TN.023738, TN.023739

336 Thiên hà thật đáng ngạc nhiên / Poskitt, Kjartan : Trẻ , 2023 - 160tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045348, LD.045349, LD.045350, LD.045351, TN.022305, TN.022306, TN.022307

337 Khám phá thời kỳ nguyên thủy : Truyện tranh khoa học / Ch.b: Trương Mẫn, Trương Lập; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Thời đại, 2013. - 96tr. : Tranh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 591 KH104P
Số ĐKCB: TN.015996, TN.015997

338 Khám phá thế giới động vật : Truyện tranh khoa học / Ch.b: Trương Mẫn, Trương Lập; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Thời đại, 2013. - 96tr. : Tranh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 KH104P
Số ĐKCB: TN.015998, TN.015999

339 Khám phá thế giới đại dương : Truyện tranh khoa học / Ch.b: Trương Mẫn, Trương Lập; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Thời đại, 2013. - 96tr. : Tranh ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.46 KH104P
Số ĐKCB: TN.016002, TN.016003

340 Khám phá thế giới thực vật : Truyện tranh khoa học / Ch.b: Trương Mẫn, Trương Lập; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Thời đại, 2013. - 96tr. : Tranh ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 580 KH104P
Số ĐKCB: TN.016004, TN.016005

341 Những câu hỏi hóc búa về không gian và thời gian / Mark Brake; Nishant Choksi m.h.; Doãn Ngọc Khanh d.; Nguyễn Việt Long h.đ.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 61tr. : Tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Những câu hỏi - đáp về không gian và thời gian.

Ký hiệu phân loại: 523.1 NH556C
Số ĐKCB: TN.015900

342 Những câu hỏi hóc búa về bản thân / Stephen Law; Marc Aspinall m.h.; Trần Thị Minh Hiếu d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. : Tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Những câu hỏi - đáp về bản thân như: tôi là ai, tôi từ đâu đến, cơ thể tôi hoạt động như thế nào, trí óc tôi vận hành ra sao, trí khôn là gì...

Ký hiệu phân loại: 599.9 NH556C
Số ĐKCB: TN.015902

343 Một ngày với nhà khoa học Louis Pasteur = A day with Louis Pasteur. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 579.092 M458N
Số ĐKCB: TN.015609

344 Một ngày với nhà khoa học Marie Curie = A day with Marie Curie. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb tp Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540.92 M458N
Số ĐKCB: TN.015607

345 Một ngày với nhà khoa học Isaac Newton = A day with Isaac Newton. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb tp Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.092 M458N
Số ĐKCB: TN.015605

346 Một ngày với nhà khoa học Benjamin Franklin = A day with Benjamin Franklin. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 509.2 M458N
Số ĐKCB: TN.015604

347 Một ngày với nhà khoa học Albert Einstein = A day with Albert Einstein. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gỡ danh nhân)
Tóm tắt:

Công nghệ (Khoa học ứng dụng)

348 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Phát triển / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023674, TN.023675

349 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Hoóc - Môn / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023676, TN.023677

350 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Thận / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023684, TN.023685

351 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào -Sức khoẻ và môi trường / Bhanot, T. R. : Hồng Đức ,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023690, TN.023691

352 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Phòng ngừa bệnh tật / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023678, TN.023679

353 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Bộ não / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023702, TN.023703

354 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Hệ bạch huyết / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023704, TN.023705

355 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Răng / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023680, TN.023681

356 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Mắt / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: TN.023708, TN.023709

357 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Sức khoẻ tốt / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054439, LD.054440, TN.023720, TN.023721

358 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Chăm sóc cơ thể / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054441, LD.054442, TN.023718, TN.023719

359 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Tinh thần / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054471, LD.054472, TN.023716, TN.023717

360 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Da / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054473, LD.054474, TN.023714, TN.023715

361 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Cơ / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054475, LD.054476, TN.023712, TN.023713

362 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Tim / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054411, LD.054412, TN.023722, TN.023723

363 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Tai / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054413, LD.054414, TN.023696, TN.023697

364 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Hệ tiêu hoá / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054415, LD.054416, TN.023686, TN.023687

365 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Sinh sản / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054403, LD.054404, TN.023688, TN.023689

366 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Ăn uống khoa học / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054429, LD.054430, TN.023706, TN.023707

367 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Cấp cứu / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054423, LD.054424, TN.023692, TN.023693

368 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Mũi và lưỡi / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054437, LD.054438, TN.023698, TN.023699

369 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Gan / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054435, LD.054436, TN.023700, TN.023701

370 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Hệ Hô Hấp / Bhanot T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054421, LD.054422, TN.023682, TN.023683

371 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Xương / Bhanot, T. R. : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054418, LD.054417, TN.023694, TN.023695

372 Cơ thể của tôi hoạt động như thế nào - Máu / T. R. Bhanot : Hồng Đức , 2019 - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 23/C460T
Số ĐKCB: LD.054477, LD.054478, TN.023710, TN.023711

373 Học ăn, học nói, học gói, học mở : Nxb. Trẻ , 2022 - 192tr. ; 20cm

Tóm tắt: Gồm những mẩu chuyện, những kinh nghiệm sống, cách viết, cách học cho thanh thiếu niên và giới thiệu những qui tắc về giao tiếp ở những nơi công cộng
Ký hiệu phân loại: 646.7 14/H419Ă
Số ĐKCB: TN.023585

374 Sống có giá trị : Nxb. Trẻ , 2019 - 176tr. ; 20cm
Tóm tắt: Những câu chuyện giúp các bạn thanh thiếu niên rèn luyện kỹ năng thực hành, trải nghiệm xã hội để trưởng thành hơn trong cuộc sống, biết khắc phục những tồn tại, khám phá những giá trị thực sự của bản thân, xây dựng những giá trị mới cho cuộc đời
Ký hiệu phân loại: 646.700835 23/S455C
Số ĐKCB: TN.023591

375 Sống có giá trị - Hãy sống mạnh mẽ : Nxb. Trẻ , 2019 - 165tr. ; 20cm
Tóm tắt: Những câu chuyện giúp các bạn thanh thiếu niên rèn luyện kỹ năng, trải nghiệm xã hội để trưởng thành hơn trong cuộc sống, biết khắc phục những tồn tại, khám phá những giá trị thực sự của bản thân, xây dựng những giá trị mới cho cuộc đời
Ký hiệu phân loại: 646.700835 23/S455C
Số ĐKCB: TN.023592

376 Làm việc theo nhóm / Nguyễn, Thị Oanh : Nxb. Trẻ , 2007 - 115tr. ; 21cm

Tóm tắt: Tổng quan về làm việc theo tinh thần ê-kíp: kỹ năng giải quyết vấn đề, truyền thông - giao tiếp và làm việc theo nhóm

Ký hiệu phân loại: 658.40222 14/L104V

Số ĐKCB: TN.023593

377 Tâm hồn giàu có / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2024 - 114tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể nhằm giáo dục các em những đức tính cao quý trong tình cảm, ứng xử và nhận thức sống

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T120H

Số ĐKCB: TN.023578

378 Quẳng gánh lo đi / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2023 - 117tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể nhằm khơi gợi những điều tốt đẹp trong cuộc sống hiện tại giúp cho các em biết cách yêu thương những người xung quanh, từ đó hoàn thiện tính cách đẹp của mình trong cuộc sống

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/QU116G

Số ĐKCB: TN.023575

379 Gia đình / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2024 - 94tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/GI100Đ

Số ĐKCB: TN.023573

380 Hãy nắm lấy tay nhau! / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2023 - 110tr. ; 19cm

Tóm tắt: Giới thiệu nhiều câu chuyện nhỏ nhằm đề cao giá trị tốt đẹp của con người, giúp cho các em biết cách yêu thương những người xung quanh, từ đó hoàn thiện tính cách đẹp của mình trong cuộc sống

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/H112N

Số ĐKCB: TN.023571

381 Sống cho vuông tròn / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2023 - 120tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể nhằm giáo dục các em biết yêu thương giúp đỡ, chia sẻ khó khăn với những người xung quanh một cách vô điều kiện

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/S455C

Số ĐKCB: TN.023570

382 Lỗi lầm và tha thứ / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2024 - 114tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện kể nhằm giáo dục các em ý thức được những lỗi lầm mình gây nên và biết sửa sai để không mắc phải, cũng như học được cách tha thứ cho người khác

Ký hiệu phân loại: 649.8 23/L452L

Số ĐKCB: TN.023568

383 Tình yêu thương / Nguyễn Hạnh : Trẻ , 2014 - 95tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp 8 câu chuyện kể về Giáng Sinh và tình yêu thương nhằm giáo dục đạo đức cho

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/N114T

Số ĐKCB: TN.023569

384 Câu chuyện từ trái tim / Nguyễn Lân Hiếu : Trẻ , 2018 - 267tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm những mẩu chuyện nhỏ về tình cảm yêu thương trong gia đình giữa bố mẹ và con cái cũng như mối quan hệ giữa thầy cô với học trò

Ký hiệu phân loại: 610.696 23/C125C
Số ĐKCB: TN.023600

385 Không gian / Hunter, Nick : Nxb. Trẻ , 2015 - 31tr. ; 23cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về Thái Dương hệ, về những người tiên phong mạo hiểm bay vào không gian, sống trong không gian, sống ở những hành tinh khác...

Ký hiệu phân loại: 629.4 23/KH455G
Số ĐKCB: TN.023649

386 Các phát minh làm nên lịch sử : Dân trí , 2022 - 47tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 600 23/C101P
Số ĐKCB: XLD.004600, TN.023390

387 Kỹ năng giúp trẻ thông minh / Thanh Bình : Tri thức ; Tp. Hồ Chí Minh : Công ty Cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam , 2024 - 122tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức cho các bậc phụ huynh trong việc tạo lập cho con các kỹ năng sống cơ bản và cần thiết, đặc biệt là sự ham tìm tòi, học hỏi để phát triển trí thông minh từ khi còn nhỏ.

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/K600N
Số ĐKCB: TN.023268, TN.023269, TN.023270, TN.023271, XLD.004645

388 Kỹ năng giúp trẻ dũng cảm / Thanh, Bình : Tri Thức ; Tp. Hồ Chí Minh : Công ty Cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam , 2024 - 95tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức cho các bậc phụ huynh trong việc tạo lập cho con các kỹ năng sống cơ bản và cần thiết, đặc biệt là đức tính dũng cảm.

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/K600N
Số ĐKCB: TN.023264, TN.023265, TN.023266, TN.023267

389 Kỹ năng giúp trẻ tự tin / Thanh, Bình : Tri Thức ; Tp. Hồ Chí Minh : Công ty Cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam , 2024 - 103tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức cho các bậc phụ huynh trong việc tạo lập cho con các kỹ năng sống cơ bản và cần thiết, đặc biệt là sự tự tin.

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/K600N
Số ĐKCB: TN.023280, TN.023281, TN.023282, TN.023283, XLD.004642

390 Sạch sẽ : Trẻ , 2023 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được tl

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/S102S
Số ĐKCB: TN.023168, TN.023169, TN.023170, TN.023171

391 Ngoan ngoãn : Trẻ , 2023 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được th

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/NG406N

Số ĐKCB: TN.023197, TN.023198, TN.023199, TN.023200

392 Không ganh tị : Trẻ , 2023 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện ý nghĩa về tính không ganh tỵ nhằm giáo dục trẻ em sống tớ

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/Kh455G

Số ĐKCB: TN.023189, TN.023190, TN.023191, TN.023192

393 Khiêm tốn : Trẻ , 2023 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được th

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/KH304T

Số ĐKCB: TN.023184, TN.023185, TN.023186, TN.023187, TN.023188

394 Chăm chỉ : Trẻ , 2023 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện nhỏ mang tính giáo dục nhằm giúp cho các em hiểu được th

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/CH114C

Số ĐKCB: TN.023172, TN.023173, TN.023174, TN.023175

395 Mạnh mẽ : Trẻ , 2023 - 82tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/M107M

Số ĐKCB: TN.023245, TN.023246, TN.023247, TN.023248

396 Tự tin : Trẻ , 2023 - 83tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T550T

Số ĐKCB: TN.023233, TN.023234, TN.023235, TN.023236

397 Yêu thương : Trẻ , 2024 - 82tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/Y259T

Số ĐKCB: TN.023237, TN.023238, TN.023239, TN.023240

398 Lịch sự : Trẻ , 2024 - 83tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/L302S

Số ĐKCB: TN.023225, TN.023226, TN.023227, TN.023228

399 Hiếu thảo : Trẻ , 2024 - 86tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054072, XLD.004669, TN.023229, TN.023230, TN.023231, TN.023232

400 Tử tế : Trẻ , 2023 - 83tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054073, TN.023201, TN.023202, TN.023203, TN.023204, XLD.004668

401 100 chiêu trò tuổi lên 2 cha mẹ bình tĩnh đón nhận / Chen Weng : Phụ nữ Việt Nam , 2023 -

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054048, LD.054049, TN.023505, TN.023506, TN.023507, TN.023508

402 Quan tâm : Trẻ , 2023 - 84tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054070, TN.023209, TN.023210, TN.023211, TN.023212, XLD.004671

403 Kiên trì : Trẻ , 2023 - 80tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054069, TN.023217, TN.023218, TN.023219, TN.023220, XLD.004672

404 Thật thà : Trẻ , 2023 - 92tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054066, XLD.004662, TN.023213, TN.023214, TN.023215, TN.023216

405 Công bằng : Trẻ , 2023 - 79tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054065, TN.023205, TN.023206, TN.023207, TN.023208, XLD.004663

406 Giáo dục giao tiếp và ứng xử cho học sinh - Kỹ nắng cơ bản / Land, Dream : Nxb. Hà Nội ,

Tóm tắt: Hướng dẫn cho các em học sinh một số kĩ năng cơ bản trong cuộc sống như: cách cư xử tốt; những từ ngữ kỳ diệu; xưng hô với mọi người; quản lý thời gian...

Số ĐKCB: LD.053904, XLD.004595, TN.023435, TN.023436, TN.023437, TN.023438, XLD.006898, XLD.006899

407 Giáo dục giao tiếp và ứng xử cho học sinh - Nơi công cộng / Chawla, Ved : Nxb. Hà Nội , 2023

Tóm tắt: Hướng dẫn cho các em học sinh một số kĩ năng cơ bản trong cuộc sống như: thời gian nghỉ dưỡng, qui tắc ứng xử tại khách sạn, ứng xử khi lái xe, du lịch cùng thú cưng...

Số ĐKCB: LD.053903, XLD.004596, TN.023427, TN.023428, TN.023429, TN.023430, XLD.006896, XLD.006897

408 Giáo dục giao tiếp và ứng xử cho học sinh - Kỹ năng giao tiếp qua các phương tiện công nghệ / Chawla, Ved : Nxb. Hà Nội , 2023 - 48tr. ; 28cm

Tóm tắt: Hướng dẫn cho các em học sinh một số kĩ năng cơ bản trong cuộc sống như: kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, điện thoại di động, giao tiếp qua trang mạng xã hội, kỹ năng đàm thoại.

Số ĐKCB: LD.053902, XLD.004598, TN.023439, TN.023440, TN.023441, TN.023442, XLD.006892, XLD.006893

409 Giáo dục giao tiếp và ứng xử cho học sinh - Sống xanh / Chawla, Ved : Nxb. Hà Nội , 2023 - môi trường, ngày nghỉ, các buổi tiệc, mua sắm thực phẩm, tinh thần thể thao...

Số ĐKCB: LD.053901, XLD.004597, TN.023431, TN.023432, TN.023433, TN.023434, XLD.006894, XLD.006895

410 Kỹ năng giúp trẻ tự lập / Thanh, Bình : Tri Thức ; Công ty Tri thức văn hoá sách Việt Nam ,

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức cho các bậc phụ huynh trong việc tạo lập cho con các kỹ năng sống cơ bản và cần thiết, đặc biệt là dạy trẻ có tính tự lập cao.

Số ĐKCB: LD.053618, TN.023284, TN.023285, TN.023286, TN.023287, XLD.004641

411 Kỹ năng giúp trẻ khoan dung / Thanh, Bình : Tri Thức ; Công ty Tri thức văn hoá sách Việt

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức cho các bậc phụ huynh trong việc tạo lập cho con các kỹ năng sống cơ bản và cần thiết, đặc biệt là đức tính khoan dung và lòng nhân ái

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/K600N

Số ĐKCB: LD.053619, TN.023276, TN.023277, TN.023278, TN.023279

412 Kỹ năng giúp trẻ trung thực : Tri thức , 2023 - 100tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức cho các bậc phụ huynh trong việc tạo lập cho con các kỹ năng sống cơ bản và cần thiết, đặc biệt là đức tính trung thực và ngay thẳng

Số ĐKCB: LD.053913, LD.053914, TN.023272, TN.023273, TN.023274, TN.023275

413 Lễ phép : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054204, XLD.004677, TN.023193, TN.023194, TN.023195, TN.023196

414 Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách tự thoát hiểm / Lam Phương : Văn học , 2023 -

Tóm tắt: Cung cấp cho các em những kiến thức về kĩ năng sống như: Gói hút ẩm không thể ăn được; cẩn thận không để bị nghẹn khi ăn cơm; chảy máu mũi, đừng hoảng sợ; nhanh chóng xử lý khi bị rắn cắn...

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/K600N

Số ĐKCB: TN.022703, TN.022704, TN.022705

415 Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách tự lập / Lam Phương : Văn học , 2023 - 95tr. ; 25cm

Tóm tắt: Cung cấp cho các em những kiến thức hình thành thói quen tốt như: Cắt móng tay thường xuyên để giữ vệ sinh; đi bộ không cần bố; không uống nước chưa đun sôi; nhai chậm để hỗ trợ hấp thụ; trân quý thức ăn, không được lãng phí; khi ăn không nên kén chọ

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/K600N

Số ĐKCB: TN.022700, TN.022701, TN.022702

416 Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách giao tiếp, ứng xử / Lam Phương : Văn học , 2023 -

Tóm tắt: Cung cấp cho các em những kiến thức về phép xã giao như: Ăn mặc gọn gàng; ngồi đúng tư thế; đứng đúng tư thế; khi đi bộ không nhảy về phía trước; khi giới thiệu bản thân cần tự nhiên thoải mái; gặp người khác hãy chủ động chào hỏi...

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/K600N

Số ĐKCB: TN.022697, TN.022698, TN.022699

417 Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách giải quyết vấn đề / Lam Phương : Văn học , 2023 -

Tóm tắt: Cung cấp cho các em những kiến thức nhằm giải quyết vấn đề trong cách giao tiếp, ứng xử, trong cách tự lập, trong cách tự bảo vệ bản thân, trong cách tự thoát hiểm

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/K600N
Số ĐKCB: TN.022694, TN.022695, TN.022696

418 Kỹ năng sống giúp trẻ phát triển - Học cách tự bảo vệ bản thân / Lam Phương : Văn học , 2023 -

Tóm tắt: Cung cấp cho các em những kiến thức cách tự cứu mình khi gặp sự cố như: An toàn khi sử dụng nước sôi; đừng tự ý ngoáy lỗ tai; an toàn khi đóng mở cửa; khi đang ăn không được cười đùa; canh nóng cần phải uống từ từ; không đụng vào thuốc diệt côn trùng

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/K600N
Số ĐKCB: TN.022691, TN.022692, TN.022693

419 Giúp con tập trung / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 40tr. ; 24cm

Tóm tắt: Với 35 hoạt động được giới thiệu như: Trò chơi ghi nhớ, trò chơi lắng nghe, trò chơi quan sát... giúp trẻ nhận thức về bản thân và về những gì xung quanh, từ đó giúp trẻ có thể hoà nhập vào thế giới một cách thông minh và nâng cao khả năng tập trung

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521 C
Số ĐKCB: TN.022646, TN.022647, TN.022648

420 Xe lửa và ô tô / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giúp các em thiếu nhi khám phá về lịch sử xe lửa và ô tô, những bộ phận thiết yếu, công suất động cơ, bánh xe và phanh, những hệ thống hiện đại, xe đua F1, xe động cơ hỗn hợp...

Ký hiệu phân loại: 629.2 23/X200L
Số ĐKCB: TN.022811, TN.022812, TN.022813

421 Bộ não thông thái / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giúp các em thiếu nhi khám phá về bộ não của con người, trung tâm điều khiển, dây thần kinh, bên trong bộ não, sơ đồ bộ não, vận động và cảm giác, nhìn thấy và nghe ngóng...

Ký hiệu phân loại: 612.82 23/B450N
Số ĐKCB: TN.022805, TN.022806, TN.022807

422 Tàu thuyền / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giúp các em khám phá và có thêm những kiến thức mới về các phương tiên giao thông

Ký hiệu phân loại: 623.8 23/T111T
Số ĐKCB: TN.022802, TN.022803, TN.022804

423 Dạ dày ùng ục / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm

Tóm tắt: Giúp các em thiếu nhi khám phá về cơ quan tiêu hoá của cơ thể người, nhiên liệu cho cơ thể, ăn, máy nghiền thức ăn, ruột, nhà máy lọc hoá chất, xử lí chất thải, lịch sử về hệ tiêu hoá...

Ký hiệu phân loại: 612.3 23/D100D
Số ĐKCB: TN.022799, TN.022800, TN.022801

424 Giúp con xoa bóp khoẻ khoắn / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 40tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu các hoạt động ý nghĩa giúp trẻ thể hiện cảm nhận thông qua diễn kịch điệu bộ, trò chơi nhập vai, trị liệu âm nhạc, diễn đạt bằng cơ thể

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521 C
Số ĐKCB: TN.022643, TN.022644, TN.022645

425 Giúp con điều hoà cảm xúc / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 40tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu các hoạt động ý nghĩa giúp trẻ thể hiện cảm nhận thông qua diễn kịch điệu bộ, trò chơi nhập vai, trị liệu âm nhạc, diễn đạt bằng cơ thể

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521 C

Số ĐKCB: TN.022640, TN.022641, TN.022642

426 101 câu hỏi gợi ý giúp con viết ra suy nghĩ của mình / Mẹ của Pôn & Oliu : Trẻ , 2023 - 99tr. ;

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi gợi ý để bé tự trả lời nhằm phát huy tính sáng tạo, thể hiện cảm xúc và rèn luyện thêm kĩ năng sống, ý thức tránh những hiểm nguy xung quanh.

Số ĐKCB: TN.022841, TN.022842, TN.022843, LD.054214, LD.054215, TN.023386, TN.023387, TN.023388, TN.023389

427 30 ngày rèn luyện phẩm chất : Biết ơn, tử tế, sáng tạo, tự lập / Đậu, Thị Nhung : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 144tr. ; 26cm

Tóm tắt: Hướng dẫn các bước giúp trẻ thực hành lòng biết ơn, tử tế, sáng tạo, tự lập, từ đó phát triển bản thân và rèn luyện phẩm chất đạo đức cho trẻ.

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/B100M

Số ĐKCB: TN.022838, TN.022839, TN.022840

428 Những cỗ máy khổng lồ / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm

Tóm tắt: Khám phá các loại phương tiện vận chuyển và những công cụ xây dựng khổng lồ, bạn sẽ thấy chúng to lớn, cồng kềnh đến mức nào và hữu ích cho con người ra sao trong lao động và xây dựng: Xe tải, cần cẩu, máy xúc, máy khoan, máy gặt, giàn khoan, xe bánh

Ký hiệu phân loại: 621.8 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.022814, TN.022815, TN.022816

429 Giúp con tự tin / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 40tr. ; 24cm

Tóm tắt: Với 35 hoạt động được giới thiệu như: Trò chơi vẽ tranh, trò chơi sáng tạo, trò chơi quan sát... giúp trẻ vận dụng trải nghiệm thực tế và mang tính xây dựng, khích lệ trẻ tự quyết định và dấn Với 35 hoạt động được giới thiệu như: Trò chơi vẽ tranh, t

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521 C

Số ĐKCB: TN.022637, TN.022638, TN.022639

430 Giúp con thư giãn / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu các hoạt động nhằm giúp trẻ phát triển khoẻ mạnh cả về thể chất và trí tuệ trong những năm đầu đời; các trò chơi bằng ngôn ngữ cử chỉ, bài tập vận động, xoa bóp, tập đi, khám phá âm thanh, hình ảnh...

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521 C

Số ĐKCB: TN.022634, TN.022635, TN.022636

431 Giúp con sáng tạo / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 40tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu 35 hoạt động giúp trẻ phát huy tính sáng tạo qua việc kể chuyện, tập làm bếp, vẽ tranh, cắt dán...

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521 C

Số ĐKCB: TN.022631, TN.022632, TN.022633

432 Giúp con khám phá đầu đời / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu các hoạt động nhằm giúp trẻ phát triển khoẻ mạnh cả về thể chất và trí tuệ trong những năm đầu đời; các trò chơi bằng ngôn ngữ cử chỉ, bài tập vận động, xoa bóp, tập đi, khám phá âm thanh, hình ảnh...

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521 C

Số ĐKCB: TN.022628, TN.022629, TN.022630

433 Giúp con hạ hoả / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 40tr. ; 24cm

Tóm tắt: Giới thiệu 35 hoạt động là các trò chơi dành cho trẻ, giúp phụ huynh vừa đặt ra khuôn khổ và giới hạn, vừa tạo ra kênh giao tiếp, đưa ra các giải pháp giúp trẻ bình tĩnh suy nghĩ về những cơn giận dữ của mình

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521C

Số ĐKCB: TN.022622, TN.022623, TN.022624

434 Dạy trẻ kỹ năng an toàn - Đương đầu với khó khăn, những thách thức, những điều nên tránh+ / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 23tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu các tình huống nhằm dạy trẻ biết cách đương đầu với khó khăn, thử thách và những điều trẻ nên tránh: Dạy con có trách nhiệm với môi trường trực tuyến; cách đối phó trước những thông tin đặt bom; không sợ bóng tối; nguyên nhân cháy nổ và cá

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/D112T

Số ĐKCB: TN.022565, TN.022566, TN.022567

435 Dạy trẻ kỹ năng an toàn - Đánh bại thói quen xấu / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 23tr. ;

Tóm tắt: Giới thiệu các tình huống nhằm dạy trẻ thay đổi các thói quen xấu: Không ném đá đùa nghịch, không chọc phá động vật; không đùa nghịch quá đà, không dùng nắm đấm để giải quyết vấn đề, không chơi đồ chơi mang tính bạo lực...

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/D112T

Số ĐKCB: TN.022562, TN.022563, TN.022564

436 Dạy trẻ kỹ năng an toàn - Giao tiếp ứng xử / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 23tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu các tình huống nhằm dạy trẻ biết cách tự lập: tập thói quen ăn sáng, vệ sinh răng miệng; giữ tủ lạnh ngăn nắp, dọn dẹp đồ chơi sau khi chơi...

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/D112T

Số ĐKCB: TN.022559, TN.022560, TN.022561

437 Dạy trẻ kỹ năng an toàn - Bảo vệ bản thân / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 23tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu các tình huống nhằm dạy trẻ biết cách tự lập: tập thói quen ăn sáng, vệ sinh răng miệng; giữ tủ lạnh ngăn nắp, dọn dẹp đồ chơi sau khi chơi...

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/D112T

Số ĐKCB: TN.022556, TN.022557, TN.022558

438 Dạy trẻ kỹ năng an toàn - Học cách tự lập / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 23tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu các tình huống nhằm dạy trẻ biết cách tự lập: tập thói quen ăn sáng, vệ sinh răng miệng; giữ tủ lạnh ngăn nắp, dọn dẹp đồ chơi sau khi chơi...

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/D112T
Số ĐKCB: TN.022553, TN.022554, TN.022555

439 Bé ơi, nên tránh / Jalbert, Philippe : Trẻ , 2021 - 42tr. ; 24cm

Tóm tắt: Dạy trẻ những việc nên tránh làm trong cuộc sống, có kèm theo tranh vẽ sinh động và hài hước giúp bé nhớ lâu hơn

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/B200Ơ
Số ĐKCB: TN.022476, TN.022477, TN.022478

440 Theo chân người tí hon - Khám phá cơ thể người / Farndon, John : Lao động , 2021 - 80tr. ;

Tóm tắt: Cung cấp cho các em những kiến thức về cơ thể con người: Cần gì để tạo ra một cơ thể người; các hoạt động bên trong tế bào; bạn thở thế nào?; vì sao máu lại đỏ; tim bạn đập thế nào...

Ký hiệu phân loại: 612 23/TH205C
Số ĐKCB: TN.022925, TN.022926, TN.022927

441 Theo chân người tí hon - Khám phá khoa học kỹ thuật / Farndon, John : Lao động , 2021 - 80tr.

Tóm tắt: Giải đáp cho các em những kiến thức cơ bản về công nghệ và hoạt động của: điện, khí đốt, nước, nước thải, rác thải, lò vi sóng, máy giặt, máy chế biến thực phẩm...

Ký hiệu phân loại: 600 23/TH205C
Số ĐKCB: TN.022919, TN.022920, TN.022921

442 Công nghệ y học / Senker, Cath : Trẻ , 2022 - 31tr. ; 26cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về các máy móc kĩ thuật chăm sóc sức khỏe, các loại vaccine ngừa bệnh và các thiết bị điện tử khác giúp kiểm tra chế độ ăn uống và tình trạng sức khỏe

Ký hiệu phân loại: 610.28 23/C455N
Số ĐKCB: TN.022733, TN.022734, TN.022735

443 Những cây cầu và đường hầm / Graham, Ian : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Giới thiệu về kỹ thuật và nghệ thuật xây dựng các loại cầu, cầu dầm, cầu vòm, cầu công xôn, cầu treo, xây dựng những cây cầu trường tồn, chiều cao của cầu, xây dựng đường hầm, đường hầm dưới nước, cầu - hầm

Ký hiệu phân loại: 624 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.022730, TN.022731, TN.022732

444 Tàu vũ trụ / Woolf, Riex : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Tìm hiểu nhiều loại tàu vũ trụ từ các vệ tinh nhân tạo quay quanh trái đất cho đến các tàu thăm dò khám phá những nơi xa xôi nhất trong hệ mặt trời

Ký hiệu phân loại: 629.48 23/T111V
Số ĐKCB: TN.022715, TN.022716, TN.022717

445 Vì sao phải uống sữa ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44 tr. ; 19 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V300S
Số ĐKCB: TN.022185, TN.022186, TN.022187

446 Bí mật của con trai : Phụ nữ Việt Nam , 2022 - 64tr. ; 21cm

Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình trưởng thành, đặc biệt là quá trình dậy thì giúp các bé trai tìm hiểu những biến đổi xảy ra trong cơ thể

Ký hiệu phân loại: 612.662 23/B300M
Số ĐKCB: TN.022439, TN.022440, TN.022441

447 Vì sao phải tập trung ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V300S
Số ĐKCB: TN.022164, TN.022165, TN.022166

448 Vì sao phải đeo khẩu trang / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V300S
Số ĐKCB: TN.022137, TN.022138, TN.022139

449 Không ganh tị : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/Kh455G
Số ĐKCB: TN.022362, TN.022363, TN.022364, LD.054205, XLD.004676

450 Lễ phép : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/L250P
Số ĐKCB: TN.022365, TN.022366, TN.022367

451 Ngoan ngoãn : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/Ng406N
Số ĐKCB: TN.022368, TN.022369, TN.022370, LD.054203, XLD.004680

452 Tiết kiệm : Trẻ , 2022 - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T308K
Số ĐKCB: TN.022344, TN.022345, TN.022346

453 Quan tâm : Trẻ , 2022 - 84tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/QU105T
Số ĐKCB: TN.022335, TN.022336, TN.022337

454 Tự tin : Trẻ , 2022 - 83tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T550T
Số ĐKCB: TN.022332, TN.022333, TN.022334

455 Lịch sự : Trẻ , 2022 - 83tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/L302S
Số ĐKCB: TN.022329, TN.022330, TN.022331

456 Tử tế : Trẻ , 2022 - 83tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T550T
Số ĐKCB: TN.022326, TN.022327, TN.022328

457 Hiếu thảo : Trẻ , 2022 - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649.7 23/H309T
Số ĐKCB: TN.022323, TN.022324, TN.022325

458 Kiên trì : Trẻ , 2022 - 79tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649.7 23/K305T
Số ĐKCB: TN.022320, TN.022321, TN.022322

459 Thật thà : Trẻ , 2022 - 92tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649.7 23/TH124T
Số ĐKCB: TN.022317, TN.022318, TN.022319

460 Mạnh mẽ : Trẻ , 2022 - 82tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649.7 23/M107M
Số ĐKCB: TN.022314, TN.022315, TN.022316

461 Công bằng : Trẻ , 2022 - 79tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649.7 23/C455B
Số ĐKCB: TN.022311, TN.022312, TN.022313

462 Yêu thương : Trẻ , 2022 - 82tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649.7 23/Y259T
Số ĐKCB: TN.022310, TN.022308, TN.022309

463 Mẹ hỏi con đáp: Cuộc sống quanh bé, từ 2-6 tuổi / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam; Công ty Văn hoá Việt Thư , 2022 - 66tr. ; 13cm
Tóm tắt: Tập hợp các câu hỏi - câu trả lời tương tác giữa mẹ và bé về cuộc sống quanh bé: những đồ vật trong gia đình, những mối quan hệ, những ngày lễ truyền thống, những hiểu biết về cơ thể...
Ký hiệu phân loại: 649.1 23/M200H
Số ĐKCB: TN.022075, TN.022076, TN.022074

464 Hệ tiêu hoá / Arnold, Nick : Nxb. Trẻ , 2023 - 157tr. ; 20cm
Tóm tắt: Cung cấp các kiến thức về hệ tiêu hoá cũng như các hoạt động sinh lý của hệ tiêu hoá n
Ký hiệu phân loại: 612.3 23/H250T
Số ĐKCB: TN.022275, TN.022276, TN.022277

465 Mẹ hỏi con đáp : Nhận thức bản thân, từ 2-6 tuổi / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam; Công ty Văn hoá Việt Thư , 2022 - 68tr. ; 13cm

Tóm tắt: Tập hợp các câu hỏi - câu trả lời tương tác giữa mẹ và bé về nhận thức của các em về những vấn đề xảy ra trong cuộc sống.

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/M200H

Số ĐKCB: TN.022072, TN.022073, TN.022071

466 Kỹ năng đối phó thú dữ tấn công / Phạm, Văn Nhân : Nxb. Trẻ , 2022 - 208tr. ; 20cm

Tóm tắt: Hướng dẫn cách thức để phòng tránh cũng như xử lý những cuộc chạm trán với các sinh vật gây nguy hiểm như: Bị chó tấn công, sư tử tấn công, đối phó với hổ, đối phó với báo, chạm trán với cá sấu, rắn độc cắn, trăn tấn công...

Ký hiệu phân loại: 613.69 23/K600N

Số ĐKCB: PD.044055, PM.074481, PM.074482, TN.023583

467 Khoa học ăn được không? / Gates, Stefan : Nxb. Hà Nội , 2021 - 96 tr. ; 28 cm

Tóm tắt: Những thông tin khoa học đáng kinh ngạc đằng sau chuyện ăn uống giúp các bạn nhỏ tìm thấy câu trả lời cho câu hỏi vì sao chúng ta lại phải ăn và mối liên hệ mật thiết giữa thức ăn và sức khỏe; các nhóm chất dinh dưỡng cơ bản và tầm quan trọng của việ

Ký hiệu phân loại: 641.3 23/KH401H

Số ĐKCB: TN.021962, TN.021963, TN.021964

468 Đố vui với máy kéo : Mỹ thuật , 2021 - 16tr. ; 25cm

Tóm tắt: Gồm các trò chơi đố vui thú vị liên quan đến máy kéo

Ký hiệu phân loại: 629.2252 23/Đ450V

Số ĐKCB: TN.021959, TN.021960, TN.021961

469 Đố vui với máy đào đất : Mỹ thuật , 2021 - 16tr. ; 25cm

Tóm tắt: Gồm các trò chơi đố vui thú vị liên quan đến máy đào đất

Ký hiệu phân loại: 621.865 23/Đ450V

Số ĐKCB: TN.021956, TN.021957, TN.021958

470 101 điều em muốn biết / Lưu, Sướng : Thế giới ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2021 - 103 tr ;

Tóm tắt: Gồm những kiến thức khoa học về thế giới thực vật như: Quả dứa, quả mơ, dầu ô-liu, quả nhân sâm, hoa thơm, phấn hoa...

Ký hiệu phân loại: 612 23/M458T

Số ĐKCB: TN.021732, TN.021733, TN.021734

471 101 điều em muốn biết / Lưu, Sướng : Thế giới ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2021 - 107 tr ;

Tóm tắt: Giải đáp bằng khoa học những thắc mắc thường gặp về cấu tạo và chức năng sinh lí của cơ thể người như hiện tượng tóc bạc, khi mệt mỏi thường có quầng thâm ở mắt, giọng nói của con trai và con gái khác nhau...

Ký hiệu phân loại: 612 23/M458T

Số ĐKCB: TN.021729, TN.021730, TN.021731

472 101 điều em muốn biết / Lưu, Sướng : Thế giới , 2021 - 107 tr ; 23cm

Tóm tắt: Giải đáp bằng khoa học những thắc mắc thường gặp về cấu tạo và chức năng của cơ thể người như: Vì sao đứng lâu bị tê chân? Vì sao ngón cái chỉ có hai đốt? Vì sao con người có rốn? Vì sao máu có màu đỏ? Vì sao con người nằm mơ?...

Ký hiệu phân loại: 612 23/M458T

Số ĐKCB: TN.021726, TN.021727, TN.021728

473 101 điều em muốn biết / Lưu, Sướng : Thế giới , 2021 - 107tr ; 23cm

Tóm tắt: Giải đáp bằng khoa học những thắc mắc thường gặp về cấu tạo và chức năng sinh lí của cơ thể người như hiện tượng tóc bạc, khi mệt mỏi thường có quầng thâm ở mắt, giọng nói của con trai và con gái khác nhau...

Ký hiệu phân loại: 612 23/M458T

Số ĐKCB: TN.021723, TN.021724, TN.021725

474 Mười vạn câu hỏi vì sao - Ánh sáng khoa học kỹ thuật : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 183tr. ; 23cm

Tóm tắt: Giải đáp những kiến thức về khoa học kĩ thuật liên quan tới khoa học máy tính, internet và những tiến bộ về khoa học kỹ thuật hiện đại

Ký hiệu phân loại: 600 23/M558V

Số ĐKCB: TN.021747, TN.021748, TN.021749

475 Mười vạn câu hỏi vì sao - Khám phá, phát minh khoa học thay đổi thế giới : Phụ nữ Việt Nam ,

Tóm tắt: Giải đáp những kiến thức về các phát minh khoa học làm thay đổi thế giới: Vì sao phát minh ra thuốc gây mê, vì sao nhà bác học Louis Pasteur tìm ra vắc xin phòng bệnh dại, vì sao thuốc aspirin được mệnh danh là thần dược...

Ký hiệu phân loại: 608 23/M558V

Số ĐKCB: TN.021744, TN.021745, TN.021746

476 Cơ thể tuổi dậy thì / Taylor, Sonya Renee : Nxb. Thanh Hoá , 2021 - 167tr. ; 21cm

Tóm tắt: Chia sẻ những bí quyết chăm sóc cơ thể cho các bạn gái tuổi dậy thì như: Sự thay đổi của cơ thể, "núi đôi" và "xu chiêng", vùng dưới bụng, chu kỳ kinh nguyệt, nguồn dinh dưỡng, cảm xúc và bè bạn, gia đình và những chốn an toàn. Để giúp bạn thấu hiểu

Ký hiệu phân loại: 612.661 23/C460T

Số ĐKCB: TN.021852, TN.021853, TN.021854

477 Đừng ép con phải ngoan : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 192 tr. ; 21cm

Tóm tắt: Đưa ra những quan điểm về phương pháp nuôi dạy con giúp phụ huynh bình tâm và nhìn lại chính mình, để biết được cách nuôi dạy con và biết mình nên làm gì để thay thế cho việc trách mắng trong quá trình nuôi dạy con

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/Đ556é

Số ĐKCB: TN.021849, TN.021850, TN.021851

478 Mụn trứng cá và mụn cóc / Woolf, Alex : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Giới thiệu những kiến thức về da và các bệnh da liễu như: Các lớp da, mồ hôi và da gà, mụn là gì; vết đứt, sẹo và bầm tím; nhiễm nấm và mụn cóc; mẩn ngứa da...

Số ĐKCB: TN.021600, TN.021601, TN.021602, TN.022727, TN.022728, TN.022729

479 Công nghệ y học / Senker, Cath : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về các máy móc kĩ thuật chăm sóc sức khỏe, các loại vaccine ngừa bệnh và các thiết bị điện tử khác giúp kiểm tra chế độ ăn uống và tình trạng sức khỏe

Ký hiệu phân loại: 610.284 23/C455N

Số ĐKCB: TN.021609, TN.021610, TN.021611

480 Tàu vũ trụ / Woolf, Alex : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Tìm hiểu nhiều loại tàu vũ trụ từ các vệ tinh nhân tạo quay quanh trái đất cho đến các tàu thăm dò khám phá những nơi xa xôi nhất trong hệ mặt trời

Ký hiệu phân loại: 629.47 23/T111V

Số ĐKCB: TN.021597, TN.021598, TN.021599

481 Phân và xì hơi / Woolf, Alex : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Giới thiệu những kiến thức về hệ tiêu hoá như: Phân được tạo ra như thế nào, nước tiểu là gì, xì hơi và ợ hơi, tiêu chảy và táo bón, các vấn đề về tiêu hoá...

Số ĐKCB: TN.021594, TN.021595, TN.021596, TN.022706, TN.022707, TN.022708

482 Nước mũi và đờm dãi / Macdonald, Fiona : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về hệ hô hấp, giải mã hành động hít vào thở ra hằng ngày và những thứ chất lỏng nhớp nháp thỉnh thoảng xuất hiện trong mũi miệng khi chúng ta bị bệnh

Số ĐKCB: TN.021591, TN.021592, TN.021593, TN.022718, TN.022719, TN.022720

483 Những cây cầu và đường hầm / Graham, Ian : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Giới thiệu về kỹ thuật và nghệ thuật xây dựng các loại cầu, cầu dầm, cầu vòm, cầu công xôn, cầu treo, xây dựng những cây cầu trường tồn, chiều cao của cầu, xây dựng đường hầm, đường hầm dưới nước, cầu - hầm

Ký hiệu phân loại: 624 23/KH401H

Số ĐKCB: TN.021588, TN.021589, TN.021590

484 Mủ và mày / Graham, Ian : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Tìm hiểu về máu, nhóm máu, nhiệm vụ của tim, mủ, mày, vết bầm, máu di chuyển trong cơ thể, cách giữ sạch máu trong cơ thể, bệnh thiếu máu, bệnh rối loạn đông máu, bệnh bạch cầu, truyền máu, hiến máu

Số ĐKCB: TN.021585, TN.021586, TN.021587, TN.022724, TN.022725, TN.022726

485 Quả tim thình thịch / Farndon, John : Nxb. Trẻ , 2022 - 32 tr. ; 26 cm

Tóm tắt: Giúp các em thiếu nhi khám phá hoạt động của hệ hô hấp và hệ tuần hoàn, nhịp đập của trái tim, hít thở, vòng tuần hoàn máu, động mạch và tĩnh mạch, tế bào thở như thế nào, máu là gì, chữa bệnh cho trái tim...

Số ĐKCB: TN.021582, TN.021583, TN.021584, TN.022793, TN.022794, TN.022795

486 Lá phổi lí lắc và hệ hô hấp / Ogden, Charlie : Dân trí , 2022 - 32 tr. ; 28 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612.24 23/L100P

Số ĐKCB: TN.021630, TN.021631, TN.021632

487 Dạ dày dẻo dai và hệ tiêu hoá / Ogden. Charlie : Dân trí , 2022 - 32 tr. ; 28 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612.32 23/D100D

Số ĐKCB: TN.021627, TN.021628, TN.021629

488 Trái tim tươi vui và hệ tuần hoàn / Ogden, Charlie : Dân trí , 2022 - 32 tr. ; 28 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612.17 23/TR103T
Số ĐKCB: TN.021624, TN.021625, TN.021626

489 Bộ não biết tuốt và hệ thần kinh / Ogden, Charlie : Dân trí , 2022 - 32 tr. ; 27 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612.82 23/B450N
Số ĐKCB: TN.021621, TN.021622, TN.021623

490 Giúp con tập trung / Diederichs, Gilles : Nxb. Trẻ , 2022 - 39 tr. ; 24 cm

Tóm tắt: Với 35 hoạt động được giới thiệu như: Trò chơi ghi nhớ, trò chơi lắng nghe, trò chơi quan sát... giúp trẻ nhận thức về bản thân và về những gì xung quanh, từ đó giúp trẻ có thể hoà nhập vào thế giới một cách thông minh và nâng cao khả năng tập trung

Ký hiệu phân loại: 649.12 23/GI-521C
Số ĐKCB: TN.021672, TN.021673, TN.021674

491 Giúp con lạc quan / Diederichs, Gilles : Trẻ , 2022 - 39 tr. ; 24 cm

Tóm tắt: Với 35 hoạt động được giới thiệu như: Trò chơi sáng tạo, trò chơi tưởng tượng, trò chơi lắng nghe... mang đến một phương thức hoá giải những tâm trạng tiêu cực hay bạo lực, đồng thời giúp trẻ sống vui vẻ và tích cực mỗi ngày

Số ĐKCB: TN.021669, TN.021670, TN.021671, TN.022625, TN.022626, TN.022627

492 Làm gì để an toàn khi tham gia giao thông? / Kunizaki Nobue : Thanh niên ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2021 - 31tr. ; 24cm

Tóm tắt: Hướng dẫn tỉ mỉ và cụ thể cho các bạn nhỏ những kiến thức, kỹ năng phòng tránh, đối phó với những mối nguy hiểm khi tham gia giao thông cho an toàn, để trong bất cứ tình huống nào, trẻ cũng có thể bình tĩnh, tự tin ứng phó, biến nguy thành an

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/D112T
Số ĐKCB: TN.021681, TN.021682, TN.021683

493 Làm gì khi xảy ra hoả hoạn? / Kunizaki Nobue : Thanh niên ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2021 -

Tóm tắt: Hướng dẫn tỉ mỉ và cụ thể cho các bạn nhỏ những kiến thức, kỹ năng phòng tránh, đối phó với những mối nguy hiểm khi xảy ra hoả hoạn, để trong bất cứ tình huống nào, trẻ cũng có thể bình tĩnh, tự tin ứng phó, biến nguy thành an

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/D112T
Số ĐKCB: TN.021678, TN.021679, TN.021680

494 Thế nào là nói bậy? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020166, TN.020167, TN.020168, TN.022161, TN.022162, TN.022163

495 Bác sĩ là bạn của con / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020163, TN.020164, TN.020165, TN.022182, TN.022183, TN.022184

496 Vì sao phải tập thể dục? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020160, TN.020161, TN.020162, TN.022194, TN.022195, TN.022196

497 Vì sao phải đi vệ sinh đúng lúc? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020157, TN.020158, TN.020159, TN.022188, TN.022189, TN.022190

498 Tình yêu là gì? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020151, TN.020152, TN.020153, TN.022170, TN.022171, TN.022172

499 Câu chuyện mũ bảo hiểm hay tự bảo vệ mình / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020148, TN.020149, TN.020150, TN.022143, TN.022144, TN.022145

500 Vì sao cần nắng? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020145, TN.020146, TN.020147, TN.022128, TN.022129, TN.022130

501 Vì sao phải đi ngủ / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017174, TN.017175, TN.022191, TN.022192, TN.022193

502 Vì sao phải nhường nhịn bạn gái ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017204, TN.017205, TN.022149, TN.022150, TN.022151

503 Vì sao bạn ấy khác con ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.65 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017200, TN.017201, TN.022173, TN.022174, TN.022175

504 Vì sao cần có bạn? / Nguyễn Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017194, TN.017195, TN.022158, TN.022159, TN.022160

505 Vì sao phải tiết kiệm / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017198, TN.017199, TN.022155, TN.022156, TN.022157

506 Vì sao phải đội mũ khi đi nắng / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017188, TN.017189, TN.022131, TN.022132, TN.022133

507 Vì sao phải dùng kem chống nắng / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V300S

Số ĐKCB: TN.017186, TN.017187, TN.022134, TN.022135, TN.022136

508 Vì sao không nên nói dối ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/V300S

Số ĐKCB: TN.017184, TN.017185, TN.022152, TN.022153, TN.022154

509 Vì sao không nên ăn kẹo trước khi đi ngủ ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V300S

Số ĐKCB: TN.017178, TN.017179, TN.022179, TN.022180, TN.022181

510 Vì sao phải ngồi xa màn hình tivi / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017172, TN.017173, LD.049503, LD.049504, TN.022125, TN.022126, TN.022127

511 Vì sao có một ngày gọi là sinh nhật ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/V450S

Số ĐKCB: TN.017170, TN.017171, TN.022167, TN.022168, TN.022169

512 Bố con ta cùng chiến thắng nỗi sợ / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 23/B450C

Số ĐKCB: TN.017166, TN.017167, TN.022140, TN.022141, TN.022142

513 Bé sẽ làm gì nếu bị lạc / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44 tr. ; 19 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.040900, LD.040901, LD.040902, TN.022146, TN.022147, TN.022148

514 Vì sao phải tắm ? / Nguyễn, Thụy Anh : Trẻ , 2021 - 44 tr. ; 19 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.040879, LD.040880, LD.040881, TN.022176, TN.022177, TN.022178

515 Bạn tôi : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 B105T

Số ĐKCB: TN.016182, TN.016183

516 Mẹ : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. : Tranh ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 M200

Số ĐKCB: TN.016180, TN.016181

517 Bà : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. - 10tr. : Tranh ; 13cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 B100

Số ĐKCB: TN.016220, TN.016221

518 Bố : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. - 10tr. ; 13cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 B450
Số ĐKCB: TN.016218, TN.016219

519 Ông : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. - 10tr. : Tranh ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 Ô455
Số ĐKCB: TN.016216, TN.016217

520 Chị gái : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. - 10tr. : Tranh ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 CH300G
Số ĐKCB: TN.016214, TN.016215

521 Làm thế nào để trở thành người tốt bụng : Sống đẹp mỗi ngày. - Hà Nội : Đại học Sư phạm,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016212, TN.016213

522 Làm thế nào để xóa bỏ lòng ghen tị : Sống đẹp mỗi ngày. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016210, TN.016211

523 Làm thế nào để trở thành người thành thật : Sống đẹp mỗi ngày. - Hà Nội : Đại học Sư phạm,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016208, TN.016209

524 Làm thế nào để thấu hiểu người lớn tuổi : Sống đẹp mỗi ngày. - Hà Nội : Đại học Sư phạm,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016206, TN.016207

525 Làm thế nào để trở thành người có trách nhiệm : Sống đẹp mỗi ngày. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. : Tranh ; 14cm. - (Tủ sách kỹ năng sống. Sống đẹp mỗi ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016204, TN.016205

526 Làm thế nào để trở thành người dũng cảm = How to be brave / Nguyễn Thu Hương d.. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 8tr. : Tranh ; 26cm. - (Tủ sách kỹ năng sống, sống đẹp mỗi ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016202, TN.016203

527 Làm thế nào để phát huy sự tự tin / B.t: Trần Thị Lơ, Đặng Minh Thúy; Nguyễn Thu Hương d.. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 8tr. : Tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách kỹ năng sống. Sống đẹp mỗi ngày)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016198, TN.016199

528 Làm thế nào để giúp đỡ mọi người = How to help people : Biên tập: Trần Thị Lơ, Đặng Minh Thúy; Nguyễn Thu Hương d.. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 8tr. : Tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách kỹ năng sống. Sống đẹp mỗi ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016196, TN.016197

529 Anh trai : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. : Tranh ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 A107T
Số ĐKCB: TN.016192, TN.016193

530 Làm thế nào để kiểm soát cơn giận : Sống đẹp mỗi ngày. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2015. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016186, TN.016187

531 Tôi một cô bé hoàn hảo : Gia đình thân yêu. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 10tr. ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 T452M
Số ĐKCB: TN.016184, TN.016185

532 Một ngày với nữ phi hành gia Mae Jemison = A day with Mae Jemison. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 629.450092 M458N
Số ĐKCB: TN.015608

533 Một ngày với nhà khoa học Marconi = A day with Marconi. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621.384092 M458N
Số ĐKCB: TN.015606

534 Một ngày với nhà khoa học Alexander Graham Bell = A day with Alexander Graham Bell. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)
Tóm tắt:

Nghệ thuật và vui chơi giải trí

535 Hướng dẫn vẽ 100 loài động vật hoang dã / Washburn, Melissa : Nxb. Thanh Hoá , 2024 - 79tr.

Tóm tắt: Hướng dẫn bản phác thảo hàng loạt các loài vật hoang dã: cáo, chó, sói, hổ, sư tử, sóc... ở mọi hình dáng và kích cỡ đều được trình bày dưới nhiều tư thế khác nhau, từng bước, từ những đường nét phác thảo đầu tiên đến bản vẽ hoàn thiện cuối cùng

Số ĐKCB: LD.055384, LD.055385, LD.055386, TN.025251, TN.025252, TN.025253

536 200 câu hỏi IQ cho trẻ em - Trắc nghiệm IQ: Cấp độ 4 / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 -

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi IQ cho trẻ cùng các bài tập hữu ích và tranh minh hoạ sinh động giúp cho việc cải thiện tư duy, suy luận logic, tăng cường khả năng tiếp nhận và phân tích thông tin của trẻ

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/H103T

Số ĐKCB: TN.022688, TN.022689, TN.022690

537 200 câu hỏi IQ cho trẻ em - Trắc nghiệm IQ: Cấp độ 3 / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 -

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi IQ cho trẻ cùng các bài tập hữu ích và tranh minh hoạ sinh động giúp cho việc cải thiện tư duy, suy luận logic, tăng cường khả năng tiếp nhận và phân tích thông tin của trẻ

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/H103T

Số ĐKCB: TN.022682, TN.022683, TN.022684

538 200 câu hỏi IQ cho trẻ em - Trắc nghiệm IQ: Cấp độ 2 / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 -

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi IQ cho trẻ cùng các bài tập hữu ích và tranh minh hoạ sinh động giúp cho việc cải thiện tư duy, suy luận logic, tăng cường khả năng tiếp nhận và phân tích thông tin của trẻ

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/H103T

Số ĐKCB: TN.022685, TN.022686, TN.022687

539 200 câu hỏi IQ cho trẻ em - Trắc nghiệm IQ: Cấp độ 1 / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam , 2023 -

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi IQ cho trẻ cùng các bài tập hữu ích và tranh minh hoạ sinh động giúp cho việc cải thiện tư duy, suy luận logic, tăng cường khả năng tiếp nhận và phân tích thông tin của trẻ

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/H103T

Số ĐKCB: TN.022679, TN.022680, TN.022681

540 Toà nhà / Woolf, Alex : Nxb. Trẻ , 2022 - 31 tr. ; 26 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720 23/T401N

Số ĐKCB: TN.022709, TN.022710, TN.022711

541 Siêu trí tuệ - / Lê, Quang : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 231tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm 2 phần câu hỏi và giải đáp, tập hợp những câu đố luyện tập khả năng nhạy bén: Câu đố tìm hình giống nhau, câu đố thử thách hiểu biết về động vật, câu đố IQ xen kẽ số và chữ, bài toán logic, câu đố IQ hình học...

Số ĐKCB: TN.022427, TN.022428, TN.022429, TN.022430, TN.022431, TN.022432

542 Siêu trí tuệ / Lê, Quang : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 214tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm 2 phần câu hỏi và giải đáp, tập hợp những câu đố đòi hỏi sự rèn luyện và tập trung: Câu đố toán học thử thách trí thông minh; câu đố giúp rèn khả năng tính toán nhanh; câu đố kiểm tra trí thông minh, thử tài tư duy, tinh mắt; câu đố kiểm tra kỹ n

Số ĐKCB: TN.022421, TN.022422, TN.022423, TN.022424, TN.022425, TN.022426

543 Những ý tưởng sáng tạo biến cũ thành mới : Nxb. Hà Nội , 2021 - 47 tr. ; 25 cm

Tóm tắt: Hướng dẫn các bạn nhỏ cách thiết kế để tạo ra những món đồ thủ công từ những thứ bị vứt bỏ như chai nhựa, bìa các tông, ống hút, vải vụn... thành những sản phẩm thiết thực, có ích như chậu cây nhựa, thẻ đánh dấu trang sách, hộp đựng giày, lâu đài bìa

Ký hiệu phân loại: 745.584 23/NH556Y

Số ĐKCB: TN.021977, TN.021978, TN.021979

544 Phát triển tư duy phân loại sắp xếp / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 61tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/PH110T

Số ĐKCB: TN.021816, TN.021817, TN.021818

545 Phát triển tư duy suy luận / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 46tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/PH110T

Số ĐKCB: TN.021813, TN.021814, TN.021815

546 Phát triển tư duy hình học / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 52tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/PH110T

Số ĐKCB: TN.021810, TN.021811, TN.021812

547 Rèn tư duy số học / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 54tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/N122C

Số ĐKCB: TN.021807, TN.021808, TN.021809

548 Phép cộng trừ từ 1-10 / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 38tr. ; 69cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/L104Q

Số ĐKCB: TN.021801, TN.021802, TN.021803

549 Làm quen với phép cộng trừ / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 38tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/L104Q

Số ĐKCB: TN.021804, TN.021805, TN.021806

550 Nhận biết số từ 5 - 10 / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 46tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/NH121B

Số ĐKCB: TN.021798, TN.021799, TN.021800

551 Nâng cao năng lực toán học / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 48tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/N122C

Số ĐKCB: TN.021795, TN.021796, TN.021797

552 Trò chơi Hình học / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 45tr. ; 29cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/TR400C
Số ĐKCB: TN.021792, TN.021793, TN.021794

553 Học số từ 1 - 10 / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 46tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/H419S
Số ĐKCB: TN.021789, TN.021790, TN.021791

554 Học số từ 1 - 5 / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 30tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/H419S
Số ĐKCB: TN.021786, TN.021787, TN.021788

555 Khơi nguồn tư duy Toán học / Hà, Thu Quang : Hồng Đức , 2021 - 55tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.74083 23/KH462N
Số ĐKCB: TN.021783, TN.021784, TN.021785

556 Đánh thức tiềm năng trí tuệ - Nói nhanh đếm giỏi / Sư Đan : Hồng Đức , 2021 - 84 tr. ; 27 cm
Tóm tắt: Gồm các trò chơi trí tuệ, lôgic cùng tranh minh hoạ sinh động giúp các em rèn luyện kh
Ký hiệu phân loại: 793.73083 23/Đ107T
Số ĐKCB: TN.021777, TN.021778, TN.021779

557 Mười vạn câu hỏi vì sao - Âm nhạc, hội hoạ, điện ảnh : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 151tr. ; 23cm
Tóm tắt: Cung cấp những kiến thức phong phú về 3 loại hình nghệ thuật tiêu biểu như âm nhạc, hội hoạ và điện ảnh nhằm giúp các bạn trẻ khám phá ra nhiều điều thú vị, góp phần làm cho đời sống tinh thần ngày một hoàn thiện
Ký hiệu phân loại: 700 23/M558V
Số ĐKCB: TN.021756, TN.021757, TN.021758

558 Nâng cao trí tuệ và rèn luyện não / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hóa , 2022 - 72tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích
Ký hiệu phân loại: 793.735 23/N122C
Số ĐKCB: TN.021873, TN.021874, TN.021875

559 105 câu tìm số, tìm chữ thích hợp / Lê, Hùng : Nxxb. Thanh Hóa , 2022 - 67tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích
Ký hiệu phân loại: 793.735 23/M458T
Số ĐKCB: TN.021870, TN.021871, TN.021872

560 Câu đố về nhanh trí và nhạy bén / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hóa , 2022 - 108tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích
Ký hiệu phân loại: 793.735 23/C125Đ
Số ĐKCB: TN.021867, TN.021868, TN.021869

561 Rèn luyện trí não / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hóa , 2022 - 96tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/R203R

Số ĐKCB: TN.021864, TN.021865, TN.021866

562 Câu đố về tư duy logic / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hóa , 2022 - 130tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/C125Đ

Số ĐKCB: TN.021861, TN.021862, TN.021863

563 Câu đố về IQ / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hóa , 2022 - 106tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/C125Đ

Số ĐKCB: TN.021858, TN.021859, TN.021860

564 Câu đố tìm điểm bất hợp lý / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hóa , 2022 - 82tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/C125Đ

Số ĐKCB: TN.021876, TN.021877, TN.021878

565 Khả năng tính toán nhanh / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hoá , 2022 - 83tr. ; 21cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/KH100N

Số ĐKCB: TN.021879, TN.021880, TN.021881

566 Tư duy và suy luận / Lê, Hùng : Nxb. Thanh Hoá , 2022 - 71 tr. ; 21 cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi và đáp án nhằm rèn luyện trí thông minh, khả năng phán đoán, suy luận logic đòi hỏi trình thám tử của bạn giúp bạn có những phút giải trí thú vị và bổ ích

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/T550D

Số ĐKCB: TN.021882, TN.021883, TN.021884

567 Tòa nhà / Woolf, Riex : Trẻ , 2022 - 31tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720 23/T401N

Số ĐKCB: TN.021612, TN.021613, TN.021614

568 Siêu anh hùng / Lotowycz, Randall : Trẻ , 2022 - 136tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.59 23/S309A

Số ĐKCB: TN.021570, TN.021571, TN.021572

569 Who? Charlie Chaplin? / Park Yeonah viết lời; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 150tr. : Tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 792.02 W000H
Số ĐKCB: TN.015881

570 Who? Vincent Van Gogh? / Oh Youngseok viết lời; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 152tr. : Tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Văn học

571 Harry Potter và Bảo bối tử thần / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 344tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025211, TN.025212, TN.025213

572 Harry Potter và Bảo bối tử thần / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 312tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025217, TN.025218, TN.025219

573 Harry Potter và Bảo bối tử thần / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 276tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025214, TN.025215, TN.025216

574 Harry Potter và Bảo bối tử thần / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 324tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025208, TN.025209, TN.025210

575 Harry Potter và Bảo bối tử thần / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 324tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025205, TN.025206, TN.025207

576 Harry Potter và Hoàng tử lai / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 340tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025202, TN.025203, TN.025204

577 Harry Potter và Hoàng tử lai / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 350tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025199, TN.025200, TN.025201

578 Harry Potter và Hoàng tử lai / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 328tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025196, TN.025197, TN.025198

579 Harry Potter và Hoàng tử lai / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 352tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025193, TN.025194, TN.025195

580 Harry Potter và Hội phương hoàng / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 328tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025190, TN.025191, TN.025192

581 Harry Potter và Hội phương hoàng / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 344tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025187, TN.025188, TN.025189

582 Harry Potter và Hội phương hoàng / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 354tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025184, TN.025185, TN.025186

583 Harry Potter và Hội phương hoàng / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 318tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025181, TN.025182, TN.025183

584 Harry Potter và Hội phương hoàng / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 336tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025178, TN.025179, TN.025180

585 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 238tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025175, TN.025176, TN.025177

586 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025063, TN.025064, TN.025065, TN.025066

587 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025055, TN.025056, TN.025057, TN.025058

588 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025059, TN.025060, TN.025061, TN.025062

589 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025051, TN.025052, TN.025053, TN.025054

590 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025047, TN.025048, TN.025049, TN.025050

591 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025035, TN.025036, TN.025037, TN.025038

592 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025039, TN.025040, TN.025041, TN.025042

593 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025043, TN.025044, TN.025045, TN.025046

594 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025031, TN.025032, TN.025033, TN.025034

595 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025027, TN.025028, TN.025029, TN.025030

596 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025023, TN.025024, TN.025025, TN.025026

597 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025019, TN.025020, TN.025021, TN.025022

598 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025015, TN.025016, TN.025017, TN.025018

599 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 238tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025172, TN.025173, TN.025174

600 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025011, TN.025012, TN.025013, TN.025014

601 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025007, TN.025008, TN.025009, TN.025010

602 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.025003, TN.025004, TN.025005, TN.025006

603 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024999, TN.025000, TN.025001, TN.025002

604 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024995, TN.024996, TN.024997, TN.024998

605 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024991, TN.024992, TN.024993, TN.024994

606 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024987, TN.024988, TN.024989, TN.024990

607 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024983, TN.024984, TN.024985, TN.024986

608 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024979, TN.024980, TN.024981, TN.024982

609 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024975, TN.024976, TN.024977, TN.024978

610 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024971, TN.024972, TN.024973, TN.024974

611 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024963, TN.024964, TN.024965, TN.024966

612 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024967, TN.024968, TN.024969, TN.024970

613 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024959, TN.024960, TN.024961, TN.024962

614 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024955, TN.024956, TN.024957, TN.024958

615 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024951, TN.024952, TN.024953, TN.024954

616 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024943, TN.024944, TN.024945, TN.024946

617 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024947, TN.024948, TN.024949, TN.024950

618 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024939, TN.024940, TN.024941, TN.024942

619 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024935, TN.024936, TN.024937, TN.024938

620 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024931, TN.024932, TN.024933, TN.024934

621 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.024927, TN.024928, TN.024929, TN.024930

622 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.024923, TN.024924, TN.024925, TN.024926

623 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 TH104T
Số ĐKCB: TN.024377, TN.024378, TN.024379, TN.024380

624 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 TH104T
Số ĐKCB: TN.024345, TN.024346, TN.024347, TN.024348

625 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 179tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 TH104T
Số ĐKCB: TN.024341, TN.024342, TN.024343, TN.024344

626 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 TH104T
Số ĐKCB: TN.024321, TN.024322, TN.024323, TN.024324

627 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 TH104T
Số ĐKCB: TN.024317, TN.024318, TN.024319, TN.024320

628 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.024323, TN.024324, TN.024325, TN.024326, TN.024313, TN.024314, TN.024315, TN.024316

629 Quidditch qua các thời đại / Rowling, J.K : Trẻ , 2024 - 78tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/QU-302Q
Số ĐKCB: TN.025243, TN.025244, TN.025245, TN.025246

630 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 238tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025169, TN.025170, TN.025171

631 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 316tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025166, TN.025167, TN.025168

632 Những sinh vật huyền bí và nơi tìm ra chúng / Rowling, J.K : Trẻ , 2025 - 78tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/NH556S
Số ĐKCB: TN.025247, TN.025248, TN.025249, TN.025250

633 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 304tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025163, TN.025164, TN.025165

634 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 324tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025160, TN.025161, TN.025162

635 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 310tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025157, TN.025158, TN.025159

636 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.636 TH104T
Số ĐKCB: TN.024177, TN.024178, TN.024179, TN.024180

637 Harry Potter và chiếc cốc lửa / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 278tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025154, TN.025155, TN.025156

638 Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 328tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025151, TN.025152, TN.025153

639 Suỵt, đừng kể cho ba con biết! / Diêm Bội Dao : Kim Đồng , 2024 - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.136 23/S533Đ
Số ĐKCB: TN.025291, TN.025292, TN.025293

640 Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 344tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025148, TN.025149, TN.025150

641 Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 318tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025145, TN.025146, TN.025147

642 Harry Potter và phòng chứa bí mật / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 294tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025142, TN.025143, TN.025144

643 Harry Potter và phòng chứa bí mật / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 264tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025139, TN.025140, TN.025141

644 Harry Potter và phòng chứa bí mật / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 284tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025136, TN.025137, TN.025138

645 Harry Potter và hòn đá phù thủy / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 308tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025133, TN.025134, TN.025135

646 Harry Potter và hòn đá phù thủy / Rowling, J.K : Nxb. Trẻ , 2025 - 328tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.914 23/H100R
Số ĐKCB: TN.025130, TN.025131, TN.025132

647 Chiếc nhẫn bằng thép / Paustovsky, Konstantin : Kim Đồng , 2024 - 222tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 23/CH303N
Số ĐKCB: TN.025266, TN.025267, TN.025268, TN.025269

648 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 23/D400R
Số ĐKCB: TN.024735, TN.024736, TN.024737, TN.024738

649 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005334, XLD.005335, XLD.005336, TN.024485, TN.024486, TN.024487, TN.024488

650 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005331, XLD.005332, XLD.005333, TN.024481, TN.024482, TN.024483, TN.024484

651 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005328, XLD.005329, XLD.005330, TN.024477, TN.024478, TN.024479, TN.024480

652 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005325, XLD.005326, XLD.005327, TN.024474, TN.024475, TN.024476, TN.024477, TN.024473

653 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005322, XLD.005323, XLD.005324, TN.024469, TN.024470, TN.024471, TN.024472

654 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005316, XLD.005317, XLD.005318, TN.024465, TN.024466, TN.024467, TN.024468

655 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005313, XLD.005314, XLD.005315, TN.024461, TN.024462, TN.024463, TN.024464

656 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005310, XLD.005311, XLD.005312, TN.024457, TN.024458, TN.024459, TN.024460

657 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005307, XLD.005308, XLD.005309, TN.024453, TN.024454, TN.024455, TN.024456

658 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 181tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005304, XLD.005305, XLD.005306, TN.024449, TN.024450, TN.024451, TN.024452

659 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005301, XLD.005302, XLD.005303, TN.024445, TN.024446, TN.024447, TN.024448

660 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005298, XLD.005299, XLD.005300, TN.024441, TN.024442, TN.024443, TN.024444

661 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005295, XLD.005296, XLD.005297, TN.024437, TN.024438, TN.024439, TN.024440

662 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005292, XLD.005293, XLD.005294, TN.024436, TN.024437, TN.024438, TN.024439, TN.024433, TN.024434, TN.024435, TN.024436

663 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005289, XLD.005290, XLD.005291, TN.024432, TN.024433, TN.024434, TN.024435, TN.024429, TN.024430, TN.024431, TN.024432

664 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005286, XLD.005287, XLD.005288, TN.024425, TN.024426, TN.024427, TN.024428

665 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005283, XLD.005284, XLD.005285, TN.024421, TN.024422, TN.024423, TN.024424

666 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005280, XLD.005281, XLD.005282, TN.024417, TN.024418, TN.024419, TN.024420

667 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005277, XLD.005278, XLD.005279, TN.024413, TN.024414, TN.024415, TN.024416

668 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005274, XLD.005275, XLD.005276, TN.024409, TN.024410, TN.024411, TN.024412

669 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005271, XLD.005272, XLD.005273, TN.024405, TN.024406, TN.024407, TN.024408

670 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005268, XLD.005269, XLD.005270, TN.024401, TN.024402, TN.024403, TN.024404

671 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005265, XLD.005266, XLD.005267, TN.024397, TN.024398, TN.024399, TN.024400

672 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005262, XLD.005263, XLD.005264, TN.024393, TN.024394, TN.024395, TN.024396

673 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005259, XLD.005260, XLD.005261, TN.024389, TN.024390, TN.024391, TN.024392

674 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005256, XLD.005257, XLD.005258, TN.024385, TN.024386, TN.024387, TN.024388

675 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005253, XLD.005254, XLD.005255, TN.024381, TN.024382, TN.024383, TN.024384

676 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005250, XLD.005251, XLD.005252, TN.024373, TN.024374, TN.024375, TN.024376

677 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005247, XLD.005248, XLD.005249, TN.024369, TN.024370, TN.024371, TN.024372

678 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005244, XLD.005245, XLD.005246, TN.024365, TN.024366, TN.024367, TN.024368

679 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005241, XLD.005242, XLD.005243, TN.024361, TN.024362, TN.024363, TN.024364

680 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005238, XLD.005239, XLD.005240, TN.024357, TN.024358, TN.024359, TN.024360

681 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005235, XLD.005236, XLD.005237, TN.024353, TN.024354, TN.024355, TN.024356

682 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005232, XLD.005233, XLD.005234, TN.024349, TN.024350, TN.024351, TN.024352

683 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005229, XLD.005230, XLD.005231, TN.024337, TN.024338, TN.024339, TN.024340

684 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005226, XLD.005227, XLD.005228, TN.024329, TN.024330, TN.024331, TN.024332

685 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005223, XLD.005224, XLD.005225, TN.024325, TN.024326, TN.024327, TN.024328

686 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005220, XLD.005221, XLD.005222, TN.024309, TN.024310, TN.024311, TN.024312

687 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 181tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005217, XLD.005218, XLD.005219, TN.024305, TN.024306, TN.024307, TN.024308

688 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005214, XLD.005215, XLD.005216, TN.024301, TN.024302, TN.024303, TN.024304

689 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 181tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005211, XLD.005212, XLD.005213, TN.024297, TN.024298, TN.024299, TN.024300

690 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005208, XLD.005209, XLD.005210, TN.024293, TN.024294, TN.024295, TN.024296

691 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 182tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005205, XLD.005206, XLD.005207, TN.024289, TN.024290, TN.024291, TN.024292

692 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 182tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005202, XLD.005203, XLD.005204, TN.024286, TN.024287, TN.024288, TN.024289, TN.024285

693 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 177tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005094, XLD.005095, XLD.005096, TN.024129, TN.024130, TN.024131, TN.024132

694 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 166tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005199, XLD.005200, XLD.005201, TN.024281, TN.024282, TN.024283, TN.024284

695 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.005802, XLD.005803, XLD.005804, TN.024863, TN.024864, TN.024865, TN.024866

696 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005799, XLD.005800, XLD.005801, TN.024859, TN.024860, TN.024861, TN.024862

697 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005796, XLD.005797, XLD.005798, TN.024855, TN.024856, TN.024857, TN.024858

698 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005793, XLD.005794, XLD.005795, TN.024851, TN.024852, TN.024853, TN.024854

699 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005790, XLD.005791, XLD.005792, TN.024847, TN.024848, TN.024849, TN.024850

700 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005787, XLD.005788, XLD.005789, TN.024843, TN.024844, TN.024845, TN.024846

701 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005784, XLD.005785, XLD.005786, TN.024839, TN.024840, TN.024841, TN.024842

702 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005781, XLD.005782, XLD.005783, TN.024835, TN.024836, TN.024837, TN.024838

703 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005778, XLD.005779, XLD.005780, TN.024831, TN.024832, TN.024833, TN.024834

704 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005775, XLD.005776, XLD.005777, TN.024827, TN.024828, TN.024829, TN.024830

705 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005772, XLD.005773, XLD.005774, TN.024823, TN.024824, TN.024825, TN.024826

706 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005769, XLD.005770, XLD.005771, TN.024819, TN.024820, TN.024821, TN.024822

707 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005703, XLD.005704, XLD.005705, TN.024727, TN.024728, TN.024729, TN.024730

708 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005700, XLD.005701, XLD.005702, TN.024723, TN.024724, TN.024725, TN.024726

709 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005697, XLD.005698, XLD.005699, TN.024719, TN.024720, TN.024721, TN.024722

710 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005694, XLD.005695, XLD.005696, TN.024715, TN.024716, TN.024717, TN.024718

711 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005691, XLD.005692, XLD.005693, TN.024711, TN.024712, TN.024713, TN.024714

712 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005688, XLD.005689, XLD.005690, TN.024707, TN.024708, TN.024709, TN.024710

713 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005685, XLD.005686, XLD.005687, TN.024703, TN.024704, TN.024705, TN.024706

714 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005626, XLD.005627, XLD.005628, TN.024699, TN.024700, TN.024701, TN.024702

715 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005629, XLD.005630, XLD.005631, TN.024695, TN.024696, TN.024697, TN.024698

716 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005632, XLD.005633, XLD.005634, TN.024691, TN.024692, TN.024693, TN.024694

717 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005623, XLD.005624, XLD.005625, TN.024687, TN.024688, TN.024689, TN.024690

718 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005766, XLD.005767, XLD.005768, TN.024815, TN.024816, TN.024817, TN.024818

719 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005763, XLD.005764, XLD.005765, TN.024811, TN.024812, TN.024813, TN.024814

720 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005760, XLD.005761, XLD.005762, TN.024807, TN.024808, TN.024809, TN.024810

721 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005757, XLD.005758, XLD.005759, TN.024803, TN.024804, TN.024805, TN.024806

722 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005754, XLD.005755, XLD.005756, TN.024799, TN.024800, TN.024801, TN.024802

723 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005751, XLD.005752, XLD.005753, TN.024795, TN.024796, TN.024797, TN.024798

724 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005748, XLD.005749, XLD.005750, TN.024791, TN.024792, TN.024793, TN.024794

725 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005745, XLD.005746, XLD.005747, TN.024787, TN.024788, TN.024789, TN.024790

726 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005742, XLD.005743, XLD.005744, TN.024783, TN.024784, TN.024785, TN.024786

727 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005739, XLD.005740, XLD.005741, TN.024779, TN.024780, TN.024781, TN.024782

728 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005736, XLD.005737, XLD.005738, TN.024775, TN.024776, TN.024777, TN.024778

729 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005733, XLD.005734, XLD.005735, TN.024771, TN.024772, TN.024773, TN.024774

730 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005730, XLD.005731, XLD.005732, TN.024767, TN.024768, TN.024769, TN.024770

731 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005727, XLD.005728, XLD.005729, TN.024763, TN.024764, TN.024765, TN.024766

732 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005724, XLD.005725, XLD.005726, TN.024759, TN.024760, TN.024761, TN.024762

733 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 192tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005721, XLD.005722, XLD.005723, TN.024755, TN.024756, TN.024757, TN.024758

734 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005718, XLD.005719, XLD.005720, TN.024751, TN.024752, TN.024753, TN.024754

735 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005715, XLD.005716, XLD.005717, TN.024747, TN.024748, TN.024749, TN.024750

736 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005712, XLD.005713, XLD.005714, TN.024743, TN.024744, TN.024745, TN.024746

737 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005709, XLD.005710, XLD.005711, TN.024739, TN.024740, TN.024741, TN.024742

738 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko, F. Fujio : Kim Đồng , 2025 - 190tr ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.005706, XLD.005707, XLD.005708, TN.024731, TN.024732, TN.024733, TN.024734

739 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055799, LD.055800, LD.055801, XLD.005532, XLD.005533, XLD.005534, TN.024684, TN.024685, TN.024686

740 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055796, LD.055797, LD.055798, XLD.005529, XLD.005530, XLD.005531, TN.024681, TN.024682, TN.024683

741 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055793, LD.055794, LD.055795, XLD.005526, XLD.005527, XLD.005528, TN.024678, TN.024679, TN.024680

742 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055790, LD.055791, LD.055792, XLD.005523, XLD.005524, XLD.005525, TN.024675, TN.024676, TN.024677

743 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055787, LD.055788, LD.055789, XLD.005520, XLD.005521, XLD.005522, TN.024672, TN.024673, TN.024674

744 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055784, LD.055785, LD.055786, XLD.005517, XLD.005518, XLD.005519, TN.024669, TN.024670, TN.024671

745 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055781, LD.055782, LD.055783, XLD.005514, XLD.005515, XLD.005516, TN.024666, TN.024667, TN.024668

746 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055779, LD.055780, XLD.005511, XLD.005512, XLD.005513, TN.024663, TN.024664, TN.024665, LD.056114

747 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 196tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055777, LD.055778, XLD.005508, XLD.005509, XLD.005510, TN.024660, TN.024661, TN.024662, LD.056113

748 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 224tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055774, LD.055775, LD.055776, XLD.005505, XLD.005506, XLD.005507, TN.024657, TN.024658, TN.024659

749 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055772, LD.055773, TN.024654, TN.024655, TN.024656, LD.056115

750 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055769, LD.055770, LD.055771, XLD.005502, XLD.005503, XLD.005504, TN.024651, TN.024652, TN.024653

751 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 208tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055766, LD.055767, LD.055768, XLD.005499, XLD.005500, XLD.005501, TN.024648, TN.024649, TN.024650

752 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055763, LD.055764, LD.055765, XLD.005496, XLD.005497, XLD.005498, TN.024645, TN.024646, TN.024647

753 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055760, LD.055761, LD.055762, XLD.005493, XLD.005494, XLD.005495, TN.024642, TN.024643, TN.024644

754 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 196tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055757, LD.055758, LD.055759, XLD.005490, XLD.005491, XLD.005492, TN.024639, TN.024640, TN.024641

755 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2021 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055754, LD.055755, LD.055756, XLD.005487, XLD.005488, XLD.005489, TN.024636, TN.024637, TN.024638

756 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055751, LD.055752, LD.055753, XLD.005484, XLD.005485, XLD.005486, TN.024633, TN.024634, TN.024635

757 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 208tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055748, LD.055749, LD.055750, XLD.005481, XLD.005482, XLD.005483, TN.024630, TN.024631, TN.024632

758 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055745, LD.055746, LD.055747, XLD.005478, XLD.005479, XLD.005480, TN.024627, TN.024628, TN.024629

759 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055742, LD.055743, LD.055744, XLD.005475, XLD.005476, XLD.005477, TN.024624, TN.024625, TN.024626

760 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2021 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055739, LD.055740, LD.055741, XLD.005472, XLD.005473, XLD.005474, TN.024621, TN.024622, TN.024623

761 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2021 - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055736, LD.055737, LD.055738, XLD.005469, XLD.005470, XLD.005471, TN.024618, TN.024619, TN.024620

762 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055734, LD.055735, XLD.005466, XLD.005467, XLD.005468, TN.024615, TN.024616, TN.024617, LD.056112

763 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055731, LD.055732, LD.055733, XLD.005463, XLD.005464, XLD.005465, TN.024612, TN.024613, TN.024614

764 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2021 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055728, LD.055729, LD.055730, XLD.005460, XLD.005461, XLD.005462, TN.024609, TN.024610, TN.024611

765 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2022 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055725, LD.055726, LD.055727, XLD.005457, XLD.005458, XLD.005459, TN.024606, TN.024607, TN.024608

766 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 240tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055722, LD.055723, LD.055724, XLD.005454, XLD.005455, XLD.005456, TN.024603, TN.024604, TN.024605

767 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2022 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055719, LD.055720, LD.055721, XLD.005454, XLD.005455, XLD.005456, XLD.005451, XLD.005452, XLD.005453, TN.024600, TN.024601,

768 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2022 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055716, LD.055717, LD.055718, XLD.005448, XLD.005449, XLD.005450, TN.024597, TN.024598, TN.024599

769 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055713, LD.055714, LD.055715, XLD.005445, XLD.005446, XLD.005447, TN.024594, TN.024595, TN.024596

770 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2022 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055710, LD.055711, LD.055712, XLD.008542, XLD.008543, XLD.008544, XLD.005442, XLD.005443, XLD.005444, TN.024591, TN.024592,

771 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2022 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055707, LD.055708, LD.055709, XLD.005439, XLD.005440, XLD.005441, TN.024588, TN.024589, TN.024590

772 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055704, LD.055705, LD.055706, XLD.005436, XLD.005437, XLD.005438, TN.024585, TN.024586, TN.024587

773 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2022 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055701, LD.055702, LD.055703, XLD.005433, XLD.005434, XLD.005435, TN.024582, TN.024583, TN.024584

774 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055698, LD.055699, LD.055700, XLD.005430, XLD.005431, XLD.005432, TN.024579, TN.024580, TN.024581

775 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055695, LD.055696, LD.055697, XLD.005427, XLD.005428, XLD.005429, TN.024576, TN.024577, TN.024578

776 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2022 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055692, LD.055693, LD.055694, XLD.005424, XLD.005425, XLD.005426, TN.024573, TN.024574, TN.024575

777 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055689, LD.055690, LD.055691, XLD.005421, XLD.005422, XLD.005423, TN.024570, TN.024571, TN.024572

778 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055686, LD.055687, LD.055688, XLD.005418, XLD.005419, XLD.005420, TN.024567, TN.024568, TN.024569

779 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055683, LD.055684, LD.055685, XLD.005415, XLD.005416, XLD.005417, TN.024564, TN.024565, TN.024566

780 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055680, LD.055681, LD.055682, XLD.005412, XLD.005413, XLD.005414, TN.024561, TN.024562, TN.024563

781 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055677, LD.055678, LD.055679, XLD.005409, XLD.005410, XLD.005411, TN.024558, TN.024559, TN.024560

782 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055674, LD.055675, LD.055676, XLD.005406, XLD.005407, XLD.005408, TN.024555, TN.024556, TN.024557

783 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2023 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055665, LD.055666, LD.055667, XLD.005397, XLD.005398, XLD.005399, XLD.005397, XLD.005398, XLD.005399, XLD.005397,

784 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055671, LD.055672, LD.055673, XLD.005403, XLD.005404, XLD.005405, TN.024552, TN.024553, TN.024554

785 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055668, LD.055669, LD.055670, XLD.005400, XLD.005401, XLD.005402, TN.024549, TN.024550, TN.024551

786 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055662, LD.055663, LD.055664, XLD.005394, XLD.005395, XLD.005396, TN.024543, TN.024544, TN.024545

787 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055659, LD.055660, LD.055661, XLD.005391, XLD.005392, XLD.005393, TN.024540, TN.024541, TN.024542

788 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 208tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055656, LD.055657, LD.055658, XLD.005388, XLD.005389, XLD.005390, TN.024537, TN.024538, TN.024539

789 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055653, LD.055653, LD.055654, LD.055655, XLD.005385, XLD.005386, XLD.005387, TN.024534, TN.024535, TN.024536

790 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055650, LD.055651, LD.055652, XLD.005382, XLD.005383, XLD.005384, TN.024531, TN.024532, TN.024533

791 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055647, LD.055648, LD.055649, XLD.005379, XLD.005380, XLD.005381, TN.024528, TN.024529, TN.024530

792 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055644, LD.055645, LD.055646, XLD.005376, XLD.005377, XLD.005378, TN.024525, TN.024526, TN.024527

793 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055641, LD.055642, LD.055643, XLD.005373, XLD.005374, XLD.005375, TN.024522, TN.024523, TN.024524

794 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055638, LD.055639, LD.055640, XLD.005370, XLD.005371, XLD.005372, TN.024519, TN.024520, TN.024521

795 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055635, LD.055636, LD.055637, XLD.005367, XLD.005368, XLD.005369, TN.024516, TN.024517, TN.024518

796 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055632, LD.055633, LD.055634, XLD.005364, XLD.005365, XLD.005366, TN.024513, TN.024514, TN.024515

797 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055629, LD.055630, LD.055631, XLD.005361, XLD.005362, XLD.005363, TN.024510, TN.024511, TN.024512

798 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055626, LD.055627, LD.055628, XLD.005358, XLD.005359, XLD.005360, TN.024507, TN.024508, TN.024509

799 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055623, LD.055624, LD.055625, XLD.005355, XLD.005356, XLD.005357, TN.024504, TN.024505, TN.024506

800 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055620, LD.055621, LD.055622, XLD.005352, XLD.005353, XLD.005354, TN.024501, TN.024502, TN.024503

801 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 184tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055617, LD.055618, LD.055619, XLD.005349, XLD.005350, XLD.005351, TN.024498, TN.024499, TN.024500

802 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055614, LD.055615, LD.055616, XLD.005346, XLD.005347, XLD.005348, TN.024495, TN.024496, TN.024497

803 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055611, LD.055612, LD.055613, XLD.005343, XLD.005344, XLD.005345, TN.024492, TN.024493, TN.024494

804 Naruto / Masashi Kishimoto : Kim Đồng , 2024 - 204tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055608, LD.055609, LD.055610, XLD.005340, XLD.005341, XLD.005342, TN.024489, TN.024490, TN.024491

805 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055605, LD.055606, LD.055607, XLD.005865, XLD.005866, XLD.005867, TN.025127, TN.025128, TN.025129

806 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055602, LD.055603, LD.055604, XLD.005862, XLD.005863, XLD.005864, TN.025124, TN.025125, TN.025126

807 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055599, LD.055600, LD.055601, XLD.005859, XLD.005860, XLD.005861, TN.025121, TN.025122, TN.025123

808 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055596, LD.055597, LD.055598, XLD.005856, XLD.005857, XLD.005858, TN.025119, TN.025120, TN.025121, TN.025118

809 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055593, LD.055594, LD.055595, XLD.005853, XLD.005854, XLD.005855, TN.025115, TN.025116, TN.025117

810 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055590, LD.055591, LD.055592, XLD.005850, XLD.005851, XLD.005852, TN.025112, TN.025113, TN.025114

811 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055587, LD.055588, LD.055589, XLD.005847, XLD.005848, XLD.005849, TN.025109, TN.025110, TN.025111

812 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055584, LD.055585, LD.055586, XLD.005844, XLD.005845, XLD.005846, TN.025106, TN.025107, TN.025108

813 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055581, LD.055582, LD.055583, XLD.005841, XLD.005842, XLD.005843, TN.025103, TN.025104, TN.025105

814 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055578, LD.055579, LD.055580, XLD.005838, XLD.005839, XLD.005840, TN.025100, TN.025101, TN.025102

815 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055575, LD.055576, LD.055577, XLD.005835, XLD.005836, XLD.005837, TN.025097, TN.025098, TN.025099

816 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055572, LD.055573, LD.055574, XLD.005832, XLD.005833, XLD.005834, TN.025094, TN.025095, TN.025096

817 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055569, LD.055570, LD.055571, XLD.005829, XLD.005830, XLD.005831, TN.025091, TN.025092, TN.025093

818 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055566, LD.055567, LD.055568, XLD.005826, XLD.005827, XLD.005828, TN.025088, TN.025089, TN.025090

819 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 208tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055654, LD.055655, LD.055564, LD.055565, XLD.005823, XLD.005824, XLD.005825, TN.025085, TN.025086, TN.025087, LD.056118

820 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055561, LD.055562, LD.055563, XLD.005820, XLD.005821, XLD.005822, TN.025082, TN.025083, TN.025084

821 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055558, LD.055559, LD.055560, XLD.005817, XLD.005818, XLD.005819, TN.025079, TN.025080, TN.025081

822 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055555, LD.055556, LD.055557, XLD.005814, XLD.005815, XLD.005816, TN.025076, TN.025077, TN.025078

823 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055552, LD.055553, LD.055554, XLD.005811, XLD.005812, XLD.005813, TN.025073, TN.025074, TN.025075

824 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055549, LD.055550, LD.055551, XLD.005808, XLD.005809, XLD.005810, TN.025070, TN.025071, TN.025072

825 Thanh gươm diệt quỷ / Koyoharu Gotouge : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055546, LD.055547, LD.055548, XLD.005805, XLD.005806, XLD.005807, TN.025067, TN.025068, TN.025069

826 Những cảm xúc to lớn / Emerson, Perry : Dân trí , 2024 - 27tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055409, LD.055410, LD.055411, TN.025288, TN.025289, TN.025290

827 Rùa Lục rùa Lam / Sanders, Ben : Dân trí , 2024 - 39 tr. ; 19 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055412, LD.055413, LD.055414, TN.025285, TN.025286, TN.025287

828 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056109, LD.056110, LD.056111, XLD.005049, XLD.005050, XLD.005051, TN.024070, TN.024071, TN.024072

829 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056106, LD.056107, LD.056108, XLD.005043, XLD.005044, XLD.005045, XLD.005046, XLD.005047, XLD.005048, TN.024067, TN.024068,

830 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 228tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056103, LD.056104, LD.056105, XLD.005043, XLD.005044, XLD.005045, TN.024064, TN.024065, TN.024066

831 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056100, LD.056101, LD.056102, XLD.005040, XLD.005041, XLD.005042, TN.024061, TN.024062, TN.024063

832 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056098, LD.056099, XLD.005037, XLD.005038, XLD.005039, TN.024058, TN.024059, TN.024060, LD.056117

833 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056095, LD.056096, LD.056097, XLD.005034, XLD.005035, XLD.005036, TN.024055, TN.024056, TN.024057

834 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056092, LD.056093, LD.056094, XLD.005031, XLD.005032, XLD.005033, TN.024052, TN.024053, TN.024054

835 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056089, LD.056090, LD.056091, XLD.005028, XLD.005029, XLD.005030, TN.024049, TN.024050, TN.024051

836 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056086, LD.056087, LD.056088, XLD.005025, XLD.005026, XLD.005027, TN.024046, TN.024047, TN.024048

837 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 204tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056083, LD.056084, LD.056085, XLD.005022, XLD.005023, XLD.005024, TN.024043, TN.024044, TN.024045

838 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056080, LD.056081, LD.056082, XLD.005019, XLD.005020, XLD.005021, TN.024040, TN.024041, TN.024042

839 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056077, LD.056078, LD.056079, XLD.005016, XLD.005017, XLD.005018, TN.024037, TN.024038, TN.024039

840 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056074, LD.056075, LD.056076, XLD.005013, XLD.005014, XLD.005015, TN.024034, TN.024035, TN.024036

841 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 220tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056071, LD.056072, LD.056073, XLD.005010, XLD.005011, XLD.005012, TN.024031, TN.024032, TN.024033

842 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056068, LD.056069, LD.056070, XLD.005007, XLD.005008, XLD.005009, TN.024028, TN.024029, TN.024030

843 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056066, LD.056067, XLD.005004, XLD.005005, XLD.005006, TN.024025, TN.024026, TN.024027, LD.056116

844 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056063, LD.056064, LD.056065, XLD.005001, XLD.005002, XLD.005003, TN.024022, TN.024023, TN.024024

845 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 204tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056060, LD.056061, LD.056062, XLD.004998, XLD.004999, XLD.005000, TN.024019, TN.024020, TN.024021

846 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056057, LD.056058, LD.056059, XLD.004995, XLD.004996, XLD.004997, TN.024016, TN.024017, TN.024018

847 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056054, LD.056055, LD.056056, XLD.004989, XLD.004990, XLD.004991, XLD.004992, XLD.004993, XLD.004994, TN.024013, TN.024014,

848 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056051, LD.056052, LD.056053, XLD.004989, XLD.004990, XLD.004991, TN.024010, TN.024011, TN.024012

849 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056048, LD.056049, LD.056050, XLD.004986, XLD.004987, XLD.004988, TN.024007, TN.024008, TN.024009

850 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2022 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056045, LD.056046, LD.056047, XLD.004983, XLD.004984, XLD.004985, TN.024004, TN.024005, TN.024006

851 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 204tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056042, LD.056043, LD.056044, XLD.004980, XLD.004981, XLD.004982, TN.024001, TN.024002, TN.024003

852 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056039, LD.056040, LD.056041, XLD.004977, XLD.004978, XLD.004979, TN.023998, TN.023999, TN.024000

853 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056036, LD.056037, LD.056038, XLD.004974, XLD.004975, XLD.004976, TN.023995, TN.023996, TN.023997

854 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 208tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056033, LD.056034, LD.056035, XLD.004971, XLD.004972, XLD.004973, TN.023992, TN.023993, TN.023994

855 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2022 - 228tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.056030, LD.056031, LD.056032, XLD.004968, XLD.004969, XLD.004970, TN.023989, TN.023990, TN.023991

856 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056027, LD.056028, LD.056029, XLD.004965, XLD.004966, XLD.004967, TN.023986, TN.023987, TN.023988

857 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2023 - 204tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056024, LD.056025, LD.056026, XLD.004962, XLD.004963, XLD.004964, TN.023984, TN.023985, TN.023986, TN.023983

858 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2023 - 228tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056021, LD.056022, LD.056023, XLD.004959, XLD.004960, XLD.004961, TN.023980, TN.023981, TN.023982

859 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2023 - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056018, LD.056019, LD.056020, XLD.004957, XLD.004958, XLD.004959, XLD.004956, XLD.004957, XLD.004958, TN.023977, TN.023978,

860 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2022 - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056015, LD.056016, LD.056017, XLD.004953, XLD.004954, XLD.004955, TN.023974, TN.023975, TN.023976

861 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2022 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056012, LD.056013, LD.056014, XLD.004950, XLD.004951, XLD.004952, TN.023971, TN.023972, TN.023973

862 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056009, LD.056010, LD.056011, XLD.004947, XLD.004948, XLD.004949, TN.023968, TN.023969, TN.023970

863 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 248tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056006, LD.056007, LD.056008, XLD.004944, XLD.004945, XLD.004946, TN.023965, TN.023966, TN.023967

864 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 228tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056003, LD.056004, LD.056005, XLD.004941, XLD.004942, XLD.004943, TN.023962, TN.023963, TN.023964

865 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 228tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.056000, LD.056001, LD.056002, XLD.004938, XLD.004939, XLD.004940, TN.023959, TN.023960, TN.023961

866 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055997, LD.055998, LD.055999, XLD.004935, XLD.004936, XLD.004937, TN.023956, TN.023957, TN.023958

867 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055994, LD.055995, LD.055996, XLD.004932, XLD.004933, XLD.004934, TN.023953, TN.023954, TN.023955

868 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055991, LD.055992, LD.055993, XLD.004929, XLD.004930, XLD.004931, TN.023950, TN.023951, TN.023952

869 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055985, LD.055986, LD.055987, XLD.004923, XLD.004924, XLD.004925, TN.023944, TN.023945, TN.023946

870 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055988, LD.055989, LD.055990, XLD.004926, XLD.004927, XLD.004928, TN.023947, TN.023948, TN.023949

871 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 2022tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055982, LD.055983, LD.055984, XLD.004920, XLD.004921, XLD.004922, TN.023941, TN.023942, TN.023943

872 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055979, LD.055980, LD.055981, XLD.004917, XLD.004918, XLD.004919, TN.023938, TN.023939, TN.023940

873 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055976, LD.055977, LD.055978, XLD.004914, XLD.004915, XLD.004916, TN.023935, TN.023936, TN.023937

874 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055973, LD.055974, LD.055975, XLD.004911, XLD.004912, XLD.004913, TN.023932, TN.023933, TN.023934

875 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055967, LD.055968, LD.055969, XLD.004905, XLD.004906, XLD.004907, TN.023926, TN.023927, TN.023928

876 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 212tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055970, LD.055971, LD.055972, XLD.004908, XLD.004909, XLD.004910, TN.023929, TN.023930, TN.023931

877 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055964, LD.055965, LD.055966, XLD.004902, XLD.004903, XLD.004904, TN.023923, TN.023924, TN.023925

878 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055961, LD.055962, LD.055963, XLD.004896, XLD.004897, XLD.004898, XLD.004899, XLD.004900, XLD.004901, TN.023920, TN.023921,

879 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055958, LD.055959, LD.055960, XLD.004896, XLD.004897, XLD.004898, TN.023917, TN.023918, TN.023919

880 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055955, LD.055956, LD.055957, XLD.004893, XLD.004894, XLD.004895, TN.023914, TN.023915, TN.023916

881 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055952, LD.055953, LD.055954, XLD.004890, XLD.004891, XLD.004892, TN.023911, TN.023912, TN.023913

882 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055949, LD.055950, LD.055951, XLD.004887, XLD.004888, XLD.004889, TN.023908, TN.023909, TN.023910

883 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055946, LD.055947, LD.055948, XLD.004884, XLD.004885, XLD.004886, TN.023905, TN.023906, TN.023907

884 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055943, LD.055944, LD.055945, XLD.004881, XLD.004882, XLD.004883, TN.023902, TN.023903, TN.023904

885 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 220tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055940, LD.055941, LD.055942, XLD.004878, XLD.004879, XLD.004880, TN.023899, TN.023900, TN.023901

886 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055937, LD.055938, LD.055939, XLD.004875, XLD.004876, XLD.004877, TN.023896, TN.023897, TN.023898

887 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055934, LD.055935, LD.055936, XLD.004872, XLD.004873, XLD.004874, TN.023893, TN.023894, TN.023895

888 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055931, LD.055932, LD.055933, XLD.004869, XLD.004870, XLD.004871, TN.023890, TN.023891, TN.023892

889 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 224tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055928, LD.055929, LD.055930, XLD.004866, XLD.004867, XLD.004868, TN.023887, TN.023888, TN.023889

890 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055925, LD.055926, LD.055927, XLD.004863, XLD.004864, XLD.004865, TN.023884, TN.023885, TN.023886

891 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055922, LD.055923, LD.055924, XLD.004860, XLD.004861, XLD.004862, TN.023881, TN.023882, TN.023883

892 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055919, LD.055920, LD.055921, XLD.004857, XLD.004858, XLD.004859, TN.023878, TN.023879, TN.023880

893 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055916, LD.055917, LD.055918, XLD.004854, XLD.004855, XLD.004856, TN.023875, TN.023876, TN.023877

894 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055913, LD.055914, LD.055915, XLD.004851, XLD.004852, XLD.004853, TN.023872, TN.023873, TN.023874

895 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055910, LD.055911, LD.055912, XLD.004848, XLD.004849, XLD.004850, TN.023869, TN.023870, TN.023871

896 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055907, LD.055908, LD.055909, XLD.004845, XLD.004846, XLD.004847, TN.023866, TN.023867, TN.023868

897 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055904, LD.055905, LD.055906, XLD.004842, XLD.004843, XLD.004844, TN.023863, TN.023864, TN.023865

898 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055901, LD.055902, LD.055903, XLD.004839, XLD.004840, XLD.004841, TN.023860, TN.023861, TN.023862

899 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055898, LD.055899, LD.055900, XLD.004836, XLD.004837, XLD.004838, TN.023857, TN.023858, TN.023859

900 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055895, LD.055896, LD.055897, XLD.004833, XLD.004834, XLD.004835, TN.023854, TN.023855, TN.023856

901 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055892, LD.055893, LD.055894, XLD.004830, XLD.004831, XLD.004832, TN.023851, TN.023852, TN.023853

902 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055889, LD.055890, LD.055891, XLD.004827, XLD.004828, XLD.004829, TN.023848, TN.023849, TN.023850

903 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055886, LD.055887, LD.055888, XLD.004824, XLD.004825, XLD.004826, TN.023845, TN.023846, TN.023847

904 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055883, LD.055884, LD.055885, XLD.004821, XLD.004822, XLD.004823, TN.023842, TN.023843, TN.023844

905 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055880, LD.055881, LD.055882, XLD.004818, XLD.004819, XLD.004820, TN.023839, TN.023840, TN.023841

906 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 200tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055877, LD.055878, LD.055879, XLD.004815, XLD.004816, XLD.004817, TN.023836, TN.023837, TN.023838

907 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055874, LD.055875, LD.055876, XLD.004812, XLD.004813, XLD.004814, TN.023833, TN.023834, TN.023835

908 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055871, LD.055872, LD.055873, XLD.004809, XLD.004810, XLD.004811, TN.023830, TN.023831, TN.023832

909 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 232tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055868, LD.055869, LD.055870, XLD.004806, XLD.004807, XLD.004808, TN.023827, TN.023828, TN.023829

910 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055865, LD.055866, LD.055867, XLD.004803, XLD.004804, XLD.004805, TN.023824, TN.023825, TN.023826

911 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055862, LD.055863, LD.055864, XLD.004800, XLD.004801, XLD.004802, TN.023821, TN.023822, TN.023823

912 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055859, LD.055860, LD.055861, XLD.004797, XLD.004798, XLD.004799, TN.023818, TN.023819, TN.023820

913 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 216tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055856, LD.055857, LD.055858, XLD.004794, XLD.004795, XLD.004796, TN.023815, TN.023816, TN.023817

914 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 224tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055853, LD.055854, LD.055855, XLD.004791, XLD.004792, XLD.004793, TN.023812, TN.023813, TN.023814

915 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055850, LD.055851, LD.055852, XLD.004788, XLD.004789, XLD.004790, TN.023809, TN.023810, TN.023811

916 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055847, LD.055848, LD.055849, XLD.004785, XLD.004786, XLD.004787, TN.023806, TN.023807, TN.023808

917 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055844, LD.055845, LD.055846, XLD.004782, XLD.004783, XLD.004784, TN.023803, TN.023804, TN.023805

918 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055841, LD.055842, LD.055843, XLD.004779, XLD.004780, XLD.004781, TN.023800, TN.023801, TN.023802

919 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.055838, LD.055839, LD.055840, XLD.004776, XLD.004777, XLD.004778, TN.023797, TN.023798, TN.023799

920 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055835, LD.055836, LD.055837, XLD.004773, XLD.004774, XLD.004775, TN.023794, TN.023795, TN.023796

921 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055832, LD.055833, LD.055834, XLD.004770, XLD.004771, XLD.004772, TN.023791, TN.023792, TN.023793

922 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055829, LD.055830, LD.055831, XLD.004767, XLD.004768, XLD.004769, TN.023788, TN.023789, TN.023790

923 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055826, LD.055827, LD.055828, XLD.004764, XLD.004765, XLD.004766, TN.023785, TN.023786, TN.023787

924 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055823, LD.055824, LD.055825, XLD.004761, XLD.004762, XLD.004763, TN.023782, TN.023783, TN.023784

925 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055820, LD.055821, LD.055822, XLD.004758, XLD.004759, XLD.004760, TN.023779, TN.023780, TN.023781

926 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055817, LD.055818, LD.055819, XLD.004755, XLD.004756, XLD.004757, TN.023776, TN.023777, TN.023778

927 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055814, LD.055815, LD.055816, XLD.004752, XLD.004753, XLD.004754, TN.023773, TN.023774, TN.023775

928 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055811, LD.055812, LD.055813, XLD.004749, XLD.004750, XLD.004751, TN.023770, TN.023771, TN.023772

929 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 196tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055808, LD.055809, LD.055810, XLD.004746, XLD.004747, XLD.004748, TN.023767, TN.023768, TN.023769

930 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 198tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055805, LD.055806, LD.055807, XLD.004743, XLD.004744, XLD.004745, TN.023764, TN.023765, TN.023766

931 One piece / Eiichiro Oda : Kim Đồng , 2024 - 206tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055802, LD.055803, LD.055804, XLD.004740, XLD.004741, XLD.004742, TN.023761, TN.023762, TN.023763

932 Con là tất cả của mẹ : Dân trí , 2024 - 27tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055415, LD.055416, LD.055417, TN.025282, TN.025283, TN.025284

933 Thôn quê thay màu áo : Lao động , 2024 - 38tr. ; 22x29 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054764, LD.054765, LD.054766, TN.025254, TN.025255, TN.025256

934 Huệ tím / Hesse, Hermann : Kim Đồng , 2024 - 166tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055090, LD.055091, LD.055092, TN.025270, TN.025271, TN.025272, TN.025273

935 Cuộc phiêu lưu kì diệu của Nils Holgersson / Lagerlof, Selma : Kim Đồng , 2024 - 488tr. ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055093, LD.055094, LD.055095, TN.025278, TN.025279, TN.025280, TN.025281

936 Lớn lên trên đảo vắng / Wyss, Johann : Kim Đồng , 2024 - 378tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055096, LD.055097, LD.055098, TN.025274, TN.025275, TN.025276, TN.025277

937 Ticket to childhood / Nguyen, Nhat Anh : Tre Publ. house , 2024 - 148 p. ; 20 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055297, LD.055298, LD.055299, TN.025257, TN.025258, TN.025259

938 Thỏ bảy màu và những người nghĩ nó là bạn / Huỳnh, Thái Ngọc : Dân trí , 2021 - 155 tr. ; 19

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH400B

Số ĐKCB: TN.023727

939 Tháng ngày thương nhớ / Phạm Thắng : Kim Đồng , 2015 - 59tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92283403 23/TH106N

Số ĐKCB: TN.023726

940 Shakespeare và những màn trình diễn kịch tính / Donkin, Andrew : Nxb. Trẻ , 2018 - 178tr. ;

Tóm tắt: Kể lại cuộc đời từ thuở thiếu thời, quá trình trưởng thành, những năm bắt đầu viết kịch, sự nghiệp, các tác phẩm nổi tiếng... của nhà văn William Sharespeare qua những câu chuyện, sự kiện gắn liền với lịch sử nước Anh

Ký hiệu phân loại: 822.33 23/SH103V

Số ĐKCB: TN.023581

941 Hoàng tử và cậu bé nghèo khổ / Twain, Mark : Nxb. Trẻ , 2021 - 172tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.4 23/H407T
Số ĐKCB: TN.023586

942 Phép mầu đêm Giáng sinh / Dickens, Charles : Nxb. Trẻ , 2019 - 93tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.54 23/PH206M
Số ĐKCB: TN.023587

943 Gió luồn qua rặng liễu / Grahame, Kenneth : Nxb. Trẻ , 2019 - 100tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.912 23/GI-400L
Số ĐKCB: TN.023588

944 Đảo giấu vàng / Stevenson, Robert Louis : Văn hoá ; Công ty Văn hoá Đông A , 2017 - 333tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 23/Đ108G
Số ĐKCB: TN.023589

945 Những câu chuyện cướp biển vui nhộn dành cho trẻ em / Punter, Russell : Trẻ , 2016 - 175tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.92 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.023629

946 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Trẻ , 2017 - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023624

947 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Trẻ , 2017 - 65tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023623

948 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Trẻ , 2017 - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023622

949 Bubu thích giày mới : Nxb. Trẻ , 2015 - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B505U
Số ĐKCB: TN.023635

950 Tin đi xe đạp / Đỗ, Biên Thùy : Nxb. Trẻ , 2011 - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt: Hướng dẫn bé tự bảo vệ mình tránh bị thương khi đi xe đạp bằng cách luôn sử dụng mũ
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T311Đ
Số ĐKCB: TN.023634

951 Caillou và chú mèo con : Nxb. Trẻ , 2012 - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 14/C103V
Số ĐKCB: TN.023633

952 Caillou đi làm : Nxb. Trẻ , 2012 - 23tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/C103Đ
Số ĐKCB: TN.023632

953 Bốn mùa : Nxb. Trẻ , 2011 - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 23/B454M
Số ĐKCB: TN.023631

954 Những câu chuyện Giáng sinh vui nhộn dành cho trẻ em / Punter, Russell : Nxb. Trẻ , 2016 -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.023630

955 Chú chó tham lam : Nxb. Trẻ , 2016 - 33tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/CH500C
Số ĐKCB: TN.023658

956 Thám tử Sherlock nhí - Chiếc rương kỳ bí : Nxb. Trẻ , 2024 - 44tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.023657

957 Thám tử Sherlock nhí - Bộ xương ở lâu đài cổ : Nxb. Trẻ , 2024 - 44tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.023656

958 Thám tử Sherlock nhí - Bí ẩn bể cá vàng : Nxb. Trẻ , 2024 - 44tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.023655

959 Thám tử Sherlock nhí - Truy vết khoai tây : Nxb. Trẻ , 2024 - 44tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.023654

960 Nấm mỡ tìm bạn : Nxb. Trẻ , 2017 - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/N120M
Số ĐKCB: TN.023638

961 11 chú mèo và chú heo con / Noboru, Baba : Dân trí , 2018 - 39tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M558M
Số ĐKCB: TN.023672

962 11 chú mèo và cái túi vải / Noboru, Baba : Dân trí , 2018 - 39tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M558M
Số ĐKCB: TN.023671

963 11 chú mèo và chú cá to / Noboru, Baba : Dân trí , 2018 - 39tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M558M
Số ĐKCB: TN.023670

964 11 chú mèo và khủng long con / Noboru, Baba : Dân trí , 2018 - 39tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M558M
Số ĐKCB: TN.023668

965 11 chú mèo và chú mèo lạ / Noboru, Baba : Dân trí , 2018 - 39tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M558M
Số ĐKCB: TN.023669

966 Câu chuyện của những giọt nước : Kim Đồng , 2022 - 38tr. ; 31cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C125C
Số ĐKCB: TN.023673

967 Một ngày làm Pharaoh / Taplin, Sam : Trẻ , 2015 - 78tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/M458N
Số ĐKCB: TN.023651

968 Nấm mỡ đi chơi : Nxb. Trẻ , 2016 - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/N120M
Số ĐKCB: TN.023639

969 Nấm mỡ quên bài tập : Nxb. Trẻ , 2018 - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/N120M
Số ĐKCB: TN.023637

970 Nấm mỡ giải mật thư : Nxb. Trẻ , 2018 - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/N120M
Số ĐKCB: TN.023636

971 Nấm mỡ đi học : Nxb. Trẻ , 2017 - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/N120M
Số ĐKCB: TN.023640

972 Nấm mỡ phụ bếp : Nxb. Trẻ , 2016 - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/N120M
Số ĐKCB: TN.023641

973 Sợi dây chuyền thần kỳ = The magic necklace / Banks, Rosie : Trẻ , 2018 - 205tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/S462D
Số ĐKCB: TN.023606

974 Bữa tiệc ngủ ánh sao = Starlight sleepover / Banks, Rosie : Trẻ , 2018 - 125tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 23/B551T
Số ĐKCB: TN.023607

975 Đèn gió bay lên / Diệp, Hồng Phương : Trẻ , 2019 - 84tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ203G
Số ĐKCB: TN.023608

976 Hành trình mùa thu / Nguyễn, Thị Thanh Bình : Trẻ , 2019 - 107tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/H107T
Số ĐKCB: TN.023609

977 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Những chuyện hay tháng 8 : Trẻ , 2017 - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023621

978 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Những chuyện hay tháng 7 : Trẻ , 2017 - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023620

979 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Những chuyện hay tháng 5 : Trẻ , 2017 - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023619

980 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Những chuyện hay tháng 4 : Trẻ , 2017 - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023618

981 Mỗi ngày một mẩu chuyện hay : Những chuyện hay tháng 3 : Trẻ , 2017 - 67tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M452N
Số ĐKCB: TN.023617

982 Harry Potter - Hành trình xuyên lịch sử pháp thuật : Trẻ , 2023 - 143tr. ; 25cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.004599, TN.023447, TN.023448, TN.023449, TN.023450, TN.023451

983 Chuột túi và gấu túi / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.023342, TN.023343, TN.023344, TN.023345, TN.023346, LD.054343, LD.054344, LD.054345, LD.054346

984 Đà điểu và ngựa vằn / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023347, TN.023348, TN.023349, TN.023350, TN.023351, LD.054387, LD.054388, LD.054389, LD.054390

985 Rái cá và hải sư / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.004693, TN.023352, TN.023353, TN.023354, TN.023355, TN.023356, LD.054375, LD.054376, LD.054377, LD.054378

986 Sóc con và chim gõ kiến / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023332, TN.023333, TN.023334, TN.023335, TN.023336, XLD.004688, LD.054371, LD.054372, LD.054373, LD.054374

987 Thằn lằn và tắc kè hoa / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023328, TN.023329, TN.023330, TN.023331, XLD.004684, LD.054383, LD.054384, LD.054385, LD.054386

988 Nhím và cú / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023319, TN.023320, TN.023321, TN.023322, TN.023323, XLD.004696, LD.054379, LD.054380, LD.054381, LD.054382

989 Voi mẹ và voi con / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023324, TN.023325, TN.023326, TN.023327, XLD.004685, LD.054355, LD.054356, LD.054357, LD.054358

990 Rùa và cá voi xanh / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/R501V

Số ĐKCB: TN.023310, TN.023311, TN.023312, TN.023313, XLD.004683

991 Tê giác và hà mã / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023314, TN.023315, TN.023316, TN.023317, TN.023318, XLD.004694, LD.054363, LD.054364, LD.054365, LD.054366

992 Gấu trúc và chim công / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023301, TN.023302, TN.023303, TN.023304, XLD.004682, LD.054367, LD.054368, LD.054369, LD.054370

993 Cá mập và bạch tuộc / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023305, TN.023306, TN.023307, TN.023308, TN.023309, XLD.004695, LD.054359, LD.054360, LD.054361, LD.054362

994 Sao biển và cua / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.023297, TN.023298, TN.023299, TN.023300, XLD.004681, LD.054351, LD.054352, LD.054353, LD.054354

995 Cá ngựa và sứa / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.023292, TN.023293, TN.023294, TN.023295, TN.023296, XLD.004686, LD.054391, LD.054392, LD.054393, LD.054394

996 Mùa hè không tên / Nguyễn, Nhật Ánh : Trẻ , 2023 - 291tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.232260, TN.232261, TN.232262, TN.232263, XLD.004660, TN.023260, TN.023261, TN.023262, TN.023263

997 Bài tập làm văn trong mơ / Lâm, Kim Dung : Mỹ thuật , 2023 - 48tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.054172, TN.023377, TN.023378, TN.023379, TN.023380, TN.023381

998 Câu đố thử thách trí tuệ / Ramus Hoài Nam : Nxb. Hà Nội , 2023 - 99 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.054086, LD.054087, TN.023492, TN.023493, TN.023494, TN.023495, XLD.006601, XLD.006602

999 Con chỉ cần một ngôi trường nhỏ / Hoàng, Liên : Kim Đồng , 2023 - 126tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.054088, XLD.004639, TN.023488, TN.023489, TN.023490, TN.023491

1000 Hòn đảo nhiệm màu : Truyện dành cho lứa tuổi 2+ / Forde, Patriacia : Phụ nữ Việt Nam , 2023
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.054225, LD.054226, TN.023443, TN.023444, TN.023445, TN.023446

1001 Việc tốt mỗi ngày - Chân thành / Land, Dream : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054224, XLD.004593, TN.023423, TN.023424, TN.023425, TN.023426, LD.054461, LD.054462, LD.054463, LD.054464

1002 Việc tốt mỗi ngày - Kiên trì / Dreamland : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam ,
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054223, XLD.004592, TN.023411, TN.023412, TN.023413, TN.023414, LD.054489, LD.054490, LD.054443, LD.054444

1003 Việc tốt mỗi ngày - Lịch sự / Land, Dream : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam ,
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054222, XLD.004589, TN.023415, TN.023416, TN.023417, TN.023418, LD.054485, LD.054486, LD.054487, LD.054488

1004 Việc tốt mỗi ngày - Rộng lượng / Land, Dream : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054221, XLD.004586, TN.023391, TN.023392, TN.023393, TN.023394, LD.054457, LD.054458, LD.054459, LD.054460

1005 Việc tốt mỗi ngày - Hãy là chính mình / Land, Dream : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam , 2019 - 24tr. ; 28cm
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách

Số ĐKCB: LD.054220, XLD.004587, TN.023395, TN.023396, TN.023397, TN.023398, LD.054481, LD.054482, LD.054483, LD.054484

1006 Việc tốt mỗi ngày - Ân cần / Dreamland : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam ,
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054219, XLD.004588, TN.023399, TN.023400, TN.023401, TN.023402, LD.054453, LD.054454, LD.054455, LD.054456

1007 Việc tốt mỗi ngày - Thận trọng / Dreamland : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054217, XLD.004591, TN.023403, TN.023404, TN.023405, TN.023406, LD.054445, LD.054446, LD.054447, LD.054448

1008 Việc tốt mỗi ngày - Trìu mến / Dreamland : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam ,
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054218, XLD.004590, TN.023419, TN.023420, TN.023421, TN.023422, LD.054449, LD.054450, LD.054451, LD.054452

1009 Việc tốt mỗi ngày - Tinh thần thể thao / Land, Dream : Công ty cổ phần Tri thức văn hoá sách Việt Nam , 2019 - 24tr. ; 28cm
Tóm tắt: Sách gồm những câu chuyện mang tính giáo dục cao, giúp các em hình thành tính cách
Số ĐKCB: LD.054216, XLD.004594, TN.023407, TN.023408, TN.023409, TN.023410

1010 Cậu Hoàng tử nhỏ / De Saint - Exupery, Antoine : Dân trí , 2023 - 163tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.054199, XLD.004623, TN.023509, TN.023510, TN.023511, TN.023512

1011 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 141tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053533, LD.053534, TN.023160, TN.023161, TN.023162, TN.023163

1012 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 149tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053535, LD.053536, TN.023164, TN.023165, TN.023166, TN.023167

1013 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 119tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053531, LD.053532, TN.023156, TN.023157, TN.023158, TN.023159

1014 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 153tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053527, LD.053528, TN.023148, TN.023149, TN.023150, TN.023151

1015 Tác giả kinh điển Nhật Bản. Truyện hay cho tuổi học đường : Kim Đồng , 2024 - 157tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053986, XLD.004627, TN.023464, TN.023465, TN.023466, TN.023467

1016 Tác giả kinh điển Nhật Bản. Truyện hay cho tuổi học đường : Kim Đồng , 2024 - 225tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053985, XLD.004626, TN.023460, TN.023461, TN.023462, TN.023463

1017 Tác giả kinh điển Nhật Bản. Truyện hay cho tuổi học đường : Kim Đồng , 2024 - 225tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053984, XLD.004625, TN.023456, TN.023457, TN.023458, TN.023459

1018 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 143tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053527, LD.053528, LD.053529, LD.053530, TN.023152, TN.023153, TN.023154, TN.023155

1019 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 143tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053523, LD.053524, TN.023140, TN.023141, TN.023142, TN.023143

1020 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 135tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053525, LD.053526, TN.023144, TN.023145, TN.023146, TN.023147

1021 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 113tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053519, LD.053520, TN.023132, TN.023133, TN.023134, TN.023135

1022 Những thám tử biển Bắc / Gõschl, Bettina : Kim Đồng , 2023 - 129tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.153521, LD.153522, LD.053521, LD.053522, TN.023136, TN.023137, TN.023138, TN.023139

1023 Con Tun tai vểnh / Phạm, Anh Xuân : Phụ nữ Việt Nam , 2023 - 119tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053837, LD.053838, TN.023480, TN.023481, TN.023482, TN.023483

1024 Chim cánh cụt đến thăm thuỷ cung / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.054177, XLD.004689, TN.023357, TN.023358, TN.023359, TN.023360, LD.054347, LD.054348, LD.054349, LD.054350

1025 Lạc đà và chim ruồi / Narang, Manmeet : Hồng Đức , 2019 - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.054178, XLD.004691, TN.023361, TN.023362, TN.023363, TN.023364, LD.054395, LD.054396, LD.054397, LD.054398

1026 Cỏ may ngày xưa / Trần, Thiên Hương : Kim Đồng , 2023 - 118tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.053456, LD.053457, TN.023476, TN.023477, TN.023478, TN.023479

1027 Bà mẹ vui tính: Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi / Thanh Quế : Kim Đồng , 2023 - 208tr
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.053454, LD.053455, TN.023472, TN.023473, TN.023474, TN.023475

1028 Chuyện kể cho bé trước giờ đi ngủ - Những cậu chuyện nhỏ ấn tượng, những bài học lý thú / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam ; Công ty Văn hoá Việt Thư , 2022 - 95tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527K
Số ĐKCB: TN.022856, TN.022857, TN.022858

1029 Chuyện kể cho bé trước giờ đi ngủ - Những câu chuyện cho bé gái / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam ; Công ty Văn hoá Việt Thư , 2022 - 95tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527K
Số ĐKCB: TN.022850, TN.022851, TN.022852

1030 Chuyện kể cho bé trước giờ đi ngủ - Những câu chuyện cho các chàng trai / An Nhiên : Phụ nữ Việt Nam ; Công ty Văn hoá Việt Thư , 2022 - 95tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527K
Số ĐKCB: TN.022847, TN.022848, TN.022849

1031 Thiết kế ước mơ - Tôi là phi công nhỏ / Se Sil Kim : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.735 23/TH308K
Số ĐKCB: TN.022781, TN.022782, TN.022783

1032 Sáng tạo trong giải quyết vấn đề - Cậu bé tù trưởng / Ji Yoo Kim : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.735 23/S106T
Số ĐKCB: TN.022778, TN.022779, TN.022780

1033 Thực hiện ước mơ - Giấc mơ đến từ châu Phi / Ye Sil Kim : Nxb. Trẻ , 2022 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.735 23/TH552H
Số ĐKCB: TN.022775, TN.022776, TN.022777

1034 Tinh thần trách nhiệm - Vào ngày tuyết rơi / Jeong Ho Kim : Nxb. Trẻ , 2021 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.735 23/T312T
Số ĐKCB: TN.022772, TN.022773, TN.022774

1035 Tung cánh bay cao / Su Gấu Bim : Trẻ , 2022 - 32tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ300T
Số ĐKCB: TN.022619, TN.022620, TN.022621

1036 Tủ lạnh của kiến / Su Gấu Bim : Trẻ , 2022 - 32tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T500L
Số ĐKCB: TN.022616, TN.022617, TN.022618

1037 Đi tìm nguồn mật đã mất / Su Gấu Bim : Trẻ , 2022 - 32tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ300T
Số ĐKCB: TN.022613, TN.022614, TN.022615

1038 Bọ hung buồn bã / Su Gấu Bim : Trẻ , 2022 - 32tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B400H
Số ĐKCB: TN.022610, TN.022611, TN.022612

1039 Sự khiêm tốn - Câu chuyện dàn nhạc nhí / Ye Sil Kim : Nxb. Trẻ , 2021 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.735 23/S550K
Số ĐKCB: TN.022769, TN.022770, TN.022771

1040 Sự tự tin - Thử vẽ như mình xem! / Min Jin Lee : Nxb. Trẻ , 2021 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.735 23/S550T
Số ĐKCB: TN.022766, TN.022767, TN.022768

1041 Thái độ tích cực - Miyo thi hát / Ja Hong Min : Nxb. Trẻ , 2020 - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.755 23/TH105Đ
Số ĐKCB: TN.022763, TN.022764, TN.022765

1042 Tinh thần hợp tác - Món súp của mèo / Ran Joo Kim : Nxb. Trẻ , 2022 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.735 23/T312T
Số ĐKCB: TN.022760, TN.022761, TN.022762

1043 Tớ là Jame, đứa trẻ hiếu động : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Thái Hà , 2022 - 36tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/KH455T
Số ĐKCB: TN.022580, TN.022581, TN.022582

1044 Không thể tin được, bố không thể đánh vần giúp tớ : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Thái Hà ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/KH455T
Số ĐKCB: TN.022577, TN.022578, TN.022579

1045 Bài thi khoa học Jacob Martin : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Thái Hà , 2022 - 36tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B103T
Số ĐKCB: TN.022574, TN.022575, TN.022576

1046 Harry tớ muốn được viết tên của cậu ! : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Thái Hà , 2022 - 36tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/H109T
Số ĐKCB: TN.022571, TN.022572, TN.022573

1047 Tớ không dốt toán, tớ chỉ giỏi theo một cách riêng : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Thái Hà , 2022
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/T460K
Số ĐKCB: TN.022568, TN.022569, TN.022570

1048 Nhìn ra điểm mạnh - Một cái tên thật hay / Se Sil Kim : Nxb. Trẻ , 2021 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.73 23/NH311R
Số ĐKCB: TN.022757, TN.022758, TN.022759

1049 Biết lập kế hoạch - Bạch tuộc lên sân khấu / Min Jin Le : Nxb. Trẻ , 20222 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.973 23/B308L
Số ĐKCB: TN.022754, TN.022755, TN.022756

1050 Tạo ra thay đổi - Chung cư động vật hạnh phúc / Da Yoon Oh : Nxb, Trẻ , 2022 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.73 23/T108R
Số ĐKCB: TN.022751, TN.022752, TN.022753

1051 Suy nghĩ cẩn trọng - Túi chuyện của bà / Da Yoon Oh : Nxb Trẻ , 2022 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.73 23/S523N
Số ĐKCB: TN.022745, TN.022746, TN.022747

1052 Giữ lời hứa - Công chúa ngày xửa - Hoàng tử ngày xưa / Min Jin Lee : Nxb. Trẻ , 2021 - 36tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.73 23/GI550L
Số ĐKCB: TN.022748, TN.022749, TN.022750

1053 Tính tự chủ - Ban nhạc Réc Réc / Won Gyeong Lee : Nxb. Trẻ , 2022 - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.73 23/T312T
Số ĐKCB: TN.022742, TN.022743, TN.022744

1054 Bao giờ mặt trời lớn lên? : Trẻ , 2022 - 48tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 23/ B108G
Số ĐKCB: TN.022550, TN.022551, TN.022552

1055 Nếu không có trẻ con / Thục Linh : Trẻ , 2022 - 45 tr ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 23/N259K
Số ĐKCB: TN.022547, TN.022548, TN.022549, LD.053412, LD.053413

1056 Cây cầu lấp lánh : Trẻ , 2022 - 45tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.022544, TN.022545, TN.022546, LD.053409, LD.053410, LD.053411

1057 Chuyện bốn mùa trời đất : Trẻ , 2022 - 48tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/CH527B
Số ĐKCB: TN.022541, TN.022542, TN.022543

1058 Harry Potter - Một năm tràn ngập diệu kỳ / Rowling, J. K. : Nxb. Trẻ , 2023 - 236tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022928, TN.022929, TN.022930, PD.044877, PM.076293, PM.076294, PM.076295

1059 Trẻ là thiên tài theo một cách riêng: Tớ là một kẻ mộng mơ! : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Thái Hà , 2022 - 33tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR200L
Số ĐKCB: TN.022539, TN.022540

1060 Bảo vệ rừng : Trẻ , 2022 - 16tr ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/B108BV
Số ĐKCB: TN.022536, TN.022537, TN.022538

1061 Biến đổi khí hậu : Trẻ , 2022 - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/B305Đ
Số ĐKCB: TN.022533, TN.022534, TN.022535

1062 Trái đất - Ngôi nhà lớn của chúng ta : Trẻ , 2022 - 16 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/TR103Đ
Số ĐKCB: TN.022530, TN.022531, TN.022532

1063 Những loài bị đe doạ : Trẻ , 2022 - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/NH556L
Số ĐKCB: TN.022527, TN.022528, TN.022529

1064 Sự ấm lên toàn cầu : Trẻ , 2022 - 16 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/S550A
Số ĐKCB: TN.022524, TN.022525, TN.022526

1065 Hệ sinh thái - Mạng lưới của sự sống : Trẻ , 2022 - 16 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H250S
Số ĐKCB: TN.022521, TN.022522, TN.022523

1066 Năng lượng tái tạo : Trẻ , 2022 - 16 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/N116L
Số ĐKCB: TN.022518, TN.022519, TN.022520

1067 Xử lý rác thải : Trẻ , 2022 - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/X550L
Số ĐKCB: TN.022515, TN.022516, TN.022517

1068 Giải pháp 3T: Tiết chế - Tái sử dụng - Tái chế : Nxb. Trẻ , 2022 - 16 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 23/GI-103 P
Số ĐKCB: TN.022512, TN.022513, TN.022514

1069 Bubu làm hoạ sĩ : Trẻ , 2023 - 15 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B500B
Số ĐKCB: TN.022509, TN.022510, TN.022511

1070 Bubu ích kỷ : Trẻ , 2023 - 15 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B500B
Số ĐKCB: TN.022506, TN.022507, TN.022508

1071 Bubu nhận lỗi : Trẻ , 2023 - 15 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B500B
Số ĐKCB: TN.022500, TN.022501, TN.022502

1072 Bubu xả rác : Trẻ , 2023 - 15 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B500B
Số ĐKCB: TN.022503, TN.022504, TN.022505

1073 Bubu trung thực : Trẻ , 2023 - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.022497, TN.022498, TN.022499

1074 Những truyện kỳ thú về cọp chưa ai kể / Nguyễn, Lam Điền : Nxb. Trẻ , 2022 - 60tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Nh556T
Số ĐKCB: TN.022382, TN.022383, TN.022384

1075 Ờ, đâu cũng vào đấy...chắc thế / Makoto, Horikawa : Lao động , 2021 - 143 tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 23/Ơ460Đ
Số ĐKCB: TN.022452, TN.022453, TN.022454

1076 Chú heo Giáng sinh / Rowling, J. K. : Trẻ , 2022 - 259tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823.914 23/CH500H
Số ĐKCB: TN.022449, TN.022450, TN.022451

1077 Timmy Failure: Coi cậu kia kìa / Pastis, Stephan : Nxb. Trẻ , 2022 - 288tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/T312M
Số ĐKCB: TN.022403, TN.022404, TN.022405, TN.023563

1078 Cô bé ba mắt / Yuzo Takada : Nxb. Trẻ , 2023 - 394tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C450B
Số ĐKCB: TN.022418, TN.022419, TN.022420

1079 Cô bé ba mắt / Yuzo Takada : Nxb. Trẻ , 2023 - 394tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C450B
Số ĐKCB: TN.022415, TN.022416, TN.022417

1080 Cô bé ba mắt / Yuzo Takada : Nxb. Trẻ , 2023 - 394tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C450B
Số ĐKCB: TN.022412, TN.022413, TN.022414

1081 Cô bé ba mắt / Yuzo Takada : Nxb. Trẻ , 2023 - 392tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C450B
Số ĐKCB: TN.022409, TN.022410, TN.022411

1082 Timmy Failure: Đụng độ điên đầu: / Pastis, Stephan : Trẻ , 2022 - 271tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 23/T310F
Số ĐKCB: PM.074765, PM.074766, PM.074767, TN.023564

1083 Timmy Failure: Lỗi lầm la liệt / Pastis, Stephan : Trẻ , 2022 - 302tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 23/ T310F
Số ĐKCB: PD.043981, PM.074513, PM.074514, TN.023562

1084 Tiếng gầm của sư tử / Joyce, Melanie : Mỹ thuật , 2023 - 24tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.052183, LD.052184, LD.052185, TN.022883, TN.022884, TN.022885

1085 Nuốt hạt mọc cây / Lam, Linh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh , 2022 - 275tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.053066, LD.053067, LD.053068, TN.022371, TN.022372, TN.022373

1086 Lỗi tại cái đuôi diều / Cao, Văn Quyên : Nxb. Tp. Hồ chí Minh , 2022 - 171tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.052690, LD.052691, TN.022388, TN.022389, TN.022390, XLD.004524

1087 Những bức thư gửi về tuổi thơ / Nguyễn, Văn Học : Dân trí , 2022 - 163tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022035, TN.022036, TN.022037, LD.052048, LD.052049, LD.052050, LD.054272

1088 Trước ngày khai trường / Hữu Tiến : Dân trí , 2022 - 217tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.022038, TN.022039, TN.022040, LD.052051, LD.052052, LD.052053

1089 Hay Hót yêu tự do : Nxb. Đồng Nai , 2022 - 24tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/H112H

Số ĐKCB: TN.022020, TN.022021, TN.022022

1090 Đuôi lợn về đâu / Lê, Hồng Hải : Nxb. Đồng Nai , 2022 - 22tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ515L

Số ĐKCB: TN.022017, TN.022018, TN.022019

1091 Vì chúng mình thương nhau / Thanh Tiên : Nxb. tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh , 2022 - 74tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/V300C

Số ĐKCB: TN.021981, TN.021982, TN.021983

1092 Thơ cho bé học nói : Thanh niên , 2021 - 119 tr. ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 23/TH460C

Số ĐKCB: TN.021974, TN.021975, TN.021976

1093 45 chuyện kể tạo động lực cho bé tự lập, tự tin và biết yêu thương chia sẻ : Phụ nữ Việt Nam ,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B454M

Số ĐKCB: TN.021965, TN.021966, TN.021967

1094 Cá con thân thiện / Bacchini, Barbara : Mỹ thuật , 2021 - 8tr. ; 16cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/C100C

Số ĐKCB: TN.021948, TN.021949, TN.021950

1095 Hoàng tử bé / Exupery Saint, Antoine de : Mỹ thuật , 2020 - 143tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/H407T

Số ĐKCB: TN.021735, TN.021736, TN.021737

1096 Phù thuỷ xứ OZ / Baum, L. Frank : Văn học , 2020 - 143tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/PH500T

Số ĐKCB: TN.021699, TN.021700, TN.021701

1097 Câu chuyện đời tôi / Keller, Helen : Mỹ thuật , 2020 - 143tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.54 23/

Số ĐKCB: TN.021741, TN.021742, TN.021743

1098 Đồng dao tiềm thức cho bé tập nói, tập đọc : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 27tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ455D

Số ĐKCB: TN.021705, TN.021706, TN.021707

1099 Thế giới rộng lớn là của bạn / Tần, Văn Quân : Nxb. Hồng Đức , 2020 - 143 tr. ; 21 cm

Tóm tắt: Những chuyến đi của tác giả đến những vùng đất khác nhau, thưởng ngoạn những cảnh đẹp tuyệt vời của thiên nhiên, tận mắt chứng kiến văn hóa và phong tục vô cùng đặc biệt của người dân bản địa và có dịp làm quen với những người bạn mới.

Ký hiệu phân loại: 895.186 23/TH250G

Số ĐKCB: TN.021855, TN.021856, TN.021857

1100 Dế Mèn phiêu lưu ký / Tô, Hoài : Nxb. Phương Đông , 2022 - 159tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D250M

Số ĐKCB: TN.021831, TN.021832, TN.021833

1101 Thám tử Sherlock Holmes / Doyle, Arthur Conan : Mỹ thuật , 2020 - 143tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/TH104T

Số ĐKCB: TN.021717, TN.021718, TN.021719

1102 Những cuộc phiêu lưu của Gulliver / Swift, Jonathan : Mỹ thuật , 2019 - 143tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.5 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.021708, TN.021709, TN.021710

1103 Đảo giấu vàng / Steverson, Robert Louis : Mỹ thuật , 2020 - 143 tr ; 24 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/Đ108G

Số ĐKCB: TN.021702, TN.021703, TN.021704

1104 Lại bị giận rồi! / Takashi Konishi : Lao động , 2021 - 31tr. ; 20x21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 23/L103B

Số ĐKCB: TN.021675, TN.021676, TN.021677

1105 Ngày bố làm bố / Hideko, Magano : Lao động , 2021 - 34tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 892.63 23/NG112B

Số ĐKCB: TN.021576, TN.021577, TN.021578

1106 Ngày mẹ làm mẹ / Hideko, Magano : Lao động , 2021 - 34tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 892.63 23/NG112M

Số ĐKCB: TN.021573, TN.021574, TN.021575

1107 Âm thanh phố phường : Thanh niên ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2021 - 24tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Â120T

Số ĐKCB: TN.021546, TN.021547, TN.021548

1108 Sách âm thanh - Âm thanh của các loài vật : Thanh niên ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2021 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Â-120 T

Số ĐKCB: TN.021552, TN.021553, TN.021554

1109 Sách âm thanh - Âm thanh của thiên nhiên : Thanh niên ; Công ty Văn hoá Đinh Tị , 2020 -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/S102A
Số ĐKCB: TN.021544, TN.021545

1110 Sách âm thanh - Âm thanh cuộc sống quanh em : Thanh niên , 2021 - 9 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/S102A
Số ĐKCB: TN.021549, TN.021550, TN.021551

1111 Lại là ếch ộp / Nguyễn, Hưng Đệ Nhất : Dân trí , 2021 - 188 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/L103L
Số ĐKCB: TN.021555, TN.021556, TN.021557

1112 Yêu không cần gọi tên / Mbung : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Thái Hà , 2021 - 91 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/Y606K
Số ĐKCB: TN.021558, TN.021559, TN.021560

1113 Nhật ký chú bé nhút nhát / Kinney, Jeff : Văn học , 2021 - 222tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.050561, LD.050562, TN.020971, TN.020972, LD.050563, LD.052330, LD.052331, LD.052332

1114 Nhật ký chú bé nhút nhát / Kinney, Jeff : Văn học , 2021 - 224tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.050530, TN.020951, TN.020952, LD.050528, LD.050529, LD.015124, LD.015113, LD.016160, LD.017923

1115 Nhật ký chú bé nhút nhát / Kinney, Jeff : Văn học , 2023 - 221tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.050543, LD.050544, LD.050545, TN.020961, TN.020962, LD.052333, LD.052334, LD.052335

1116 Thầy giáo biến hình / Watkins, Sam : Trẻ , 2019 - 185tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.020126, LD.049481, LD.049482, TN.020124, TN.020125, TN.023561

1117 Thầy giáo biến hình / Watkins, Sam : Trẻ , 2019 - 183tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.020121, TN.020122, TN.020123, LD.049479, LD.049480, TN.023560

1118 Thầy giáo biến hình / Watkins, Sam : Trẻ , 2019 - 188tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.020118, TN.020119, TN.020120, LD.049477, LD.049478, TN.023559

1119 Thám tử lừng danh Conan / Gosho, Aoyama : Kim Đồng , 2012 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 C400N
Số ĐKCB: TN.015141, TN.015142

1120 Chú chó ma hoa chuông nhà Pepper / Barker, Claire : Trẻ , 2019 - 240tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019305, LD.045424, LD.045425, LD.045426, LD.045427, TN.019304, TN.023552

1121 Chú chó ma hoa chuông nhà Pepper / Barker, Claire : Trẻ , 2019 - 254tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045420, LD.045421, LD.045422, LD.045423, TN.019302, TN.019303, TN.023551

1122 Chú chó ma hoa chuông nhà Pepper / Barker, Claire : Trẻ , 2019 - 258tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045416, LD.045417, LD.045418, LD.045419, TN.019300, TN.019301, TN.023550

1123 Sôngôku Tề thiên đại thánh : Thanh niên , 2011 - Dịch từ nguyên bản gốc của Trung Quốc ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/S450G

Số ĐKCB: TN.014716, TN.014717

1124 Sôngôku Tề thiên đại thánh : Thanh niên , 2011 - Dịch từ nguyên bản gốc của Trung Quốc ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/S450G

Số ĐKCB: TN.014712, TN.014713

1125 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura : Thanh niên , 2011 - 167tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N

Số ĐKCB: TN.014706, TN.014707, LD.015234, LD.015239

1126 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura : Thanh niên , 2011 - 167tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N

Số ĐKCB: TN.014702, TN.014703, LD.015224, LD.015226

1127 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011690, TN.011691, TN.024333, TN.024334, TN.024335, TN.024336

1128 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 186tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011686, TN.011687, XLD.005196, XLD.005197, XLD.005198, TN.024277, TN.024278, TN.024279, TN.024280

1129 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 186tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011684, TN.011685, XLD.005193, XLD.005194, XLD.005195, TN.024273, TN.024274, TN.024275, TN.024276

1130 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 186tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011682, TN.011683, XLD.005190, XLD.005191, XLD.005192, TN.024273, TN.024274, TN.024275, TN.024276, TN.024269, TN.024270,

1131 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 170tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011680, TN.011681, XLD.005187, XLD.005188, XLD.005189, TN.024265, TN.024266, TN.024267, TN.024268

1132 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 176tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011678, TN.011679, XLD.005184, XLD.005185, XLD.005186, TN.024261, TN.024262, TN.024263, TN.024264

1133 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 186tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011676, TN.011677, TN.024257, TN.024258, TN.024259, TN.024260

1134 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011674, TN.011675, XLD.005181, XLD.005182, XLD.005183, TN.024253, TN.024254, TN.024255, TN.024256

1135 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 186tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011672, TN.011673, XLD.005178, XLD.005179, XLD.005180, TN.024249, TN.024250, TN.024251, TN.024252

1136 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011670, TN.011671, XLD.005175, XLD.005176, XLD.005177, TN.024245, TN.024246, TN.024247, TN.024248

1137 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011668, TN.011669, XLD.005172, XLD.005173, XLD.005174, TN.024241, TN.024242, TN.024243, TN.024244

1138 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011666, TN.011667, XLD.005169, XLD.005170, XLD.005171, TN.024237, TN.024238, TN.024239, TN.024240

1139 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011664, TN.011665, XLD.005166, XLD.005167, XLD.005168, TN.024233, TN.024234, TN.024235, TN.024236

1140 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011662, TN.011663, XLD.005163, XLD.005164, XLD.005165, TN.024229, TN.024230, TN.024231, TN.024232

1141 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011660, TN.011661, XLD.005160, XLD.005161, XLD.005162, TN.024225, TN.024226, TN.024227, TN.024228

1142 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011658, TN.011659, XLD.005157, XLD.005158, XLD.005159, TN.024221, TN.024222, TN.024223, TN.024224

1143 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 176tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011656, TN.011657, TN.024217, TN.024218, TN.024219, TN.024220

1144 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 186tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011654, TN.011655, XLD.005154, XLD.005155, XLD.005156, TN.024213, TN.024214, TN.024215, TN.024216

1145 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011652, TN.011653, XLD.005151, XLD.005152, XLD.005153, TN.024209, TN.024210, TN.024211, TN.024212

1146 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 194tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011650, TN.011651, XLD.005148, XLD.005149, XLD.005150, TN.024205, TN.024206, TN.024207, TN.024208

1147 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011648, TN.011649, XLD.005145, XLD.005146, XLD.005147, TN.024201, TN.024202, TN.024203, TN.024204

1148 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011646, TN.011647, XLD.005142, XLD.005143, XLD.005144, TN.024197, TN.024198, TN.024199, TN.024200

1149 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011644, TN.011645, XLD.005139, XLD.005140, XLD.005141, TN.024193, TN.024194, TN.024195, TN.024196

1150 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011642, TN.011643, XLD.005136, XLD.005137, XLD.005138, TN.024189, TN.024190, TN.024191, TN.024192

1151 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011640, TN.011641, XLD.005133, XLD.005134, XLD.005135, TN.024185, TN.024186, TN.024187, TN.024188

1152 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011638, TN.011639, TN.024181, TN.024182, TN.024183, TN.024184

1153 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011636, TN.011637, XLD.005127, XLD.005128, XLD.005129, TN.024173, TN.024174, TN.024175, TN.024176

1154 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011634, TN.011635, XLD.005124, XLD.005125, XLD.005126, TN.024169, TN.024170, TN.024171, TN.024172

1155 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011632, TN.011633, XLD.005121, XLD.005122, XLD.005123, TN.024165, TN.024166, TN.024167, TN.024168

1156 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011630, TN.011631, XLD.005118, XLD.005119, XLD.005120, TN.024161, TN.024162, TN.024163, TN.024164

1157 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011628, TN.011629, XLD.005115, XLD.005116, XLD.005117, TN.024157, TN.024158, TN.024159, TN.024160

1158 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011626, TN.011627, XLD.005112, XLD.005113, XLD.005114, TN.024153, TN.024154, TN.024155, TN.024156

1159 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011624, TN.011625, XLD.005109, XLD.005110, XLD.005111, TN.024149, TN.024150, TN.024151, TN.024152

1160 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011622, TN.011623, XLD.005082, XLD.005083, XLD.005084, TN.024145, TN.024146, TN.024147, TN.024148

1161 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011620, TN.011621, XLD.005085, XLD.005086, XLD.005087, TN.024141, TN.024142, TN.024143, TN.024144

1162 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011618, TN.011619, XLD.005088, XLD.005089, XLD.005090, TN.024137, TN.024138, TN.024139, TN.024140

1163 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011616, TN.011617, XLD.005091, XLD.005092, XLD.005093, TN.024133, TN.024134, TN.024135, TN.024136

1164 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 177tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011614, TN.011615, XLD.005097, XLD.005098, XLD.005099, TN.024125, TN.024126, TN.024127, TN.024128

1165 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011612, TN.011613, XLD.005100, XLD.005101, XLD.005102, TN.024121, TN.024122, TN.024123, TN.024124

1166 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011610, TN.011611, XLD.005103, XLD.005104, XLD.005105, TN.024117, TN.024118, TN.024119, TN.024120

1167 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011608, TN.011609, XLD.005106, XLD.005107, XLD.005108, TN.024113, TN.024114, TN.024115, TN.024116

1168 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011606, TN.011607, XLD.005079, XLD.005080, XLD.005081, TN.024109, TN.024110, TN.024111, TN.024112

1169 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011604, TN.011605, XLD.005076, XLD.005077, XLD.005078, TN.024105, TN.024106, TN.024107, TN.024108

1170 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011602, TN.011603, XLD.005073, XLD.005074, XLD.005075, TN.024101, TN.024102, TN.024103, TN.024104

1171 Thám tử lừng danh Conan / Gosho, Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011600, TN.011601, XLD.005070, XLD.005071, XLD.005072, TN.024093, TN.024094, TN.024095, TN.024096, TN.024097, TN.024098,

1172 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.011598, TN.011599, XLD.005067, XLD.005068, XLD.005069, TN.024093, TN.024094, TN.024095, TN.024096

1173 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011596, TN.011597, XLD.005064, XLD.005065, XLD.005066, TN.024089, TN.024090, TN.024091, TN.024092

1174 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011594, TN.011595, XLD.005061, XLD.005062, XLD.005063, TN.024085, TN.024086, TN.024087, TN.024088

1175 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011592, TN.011593, XLD.005058, XLD.005059, XLD.005060, TN.024081, TN.024082, TN.024083, TN.024084

1176 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 175tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011590, TN.011591, XLD.005055, XLD.005056, XLD.005057, TN.024077, TN.024078, TN.024079, TN.024080

1177 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama : Kim Đồng , 2024 - 180tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011588, TN.011589, XLD.005052, XLD.005053, XLD.005054, TN.024073, TN.024074, TN.024075, TN.024076

1178 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 1123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016048, TN.016049, TN.024899, TN.024900, TN.024901, TN.024902

1179 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016046, TN.016047, TN.024896, TN.024897, TN.024898, TN.024899, TN.024895

1180 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016044, TN.016045, TN.024907, TN.024908, TN.024909, TN.024910

1181 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 162tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016042, TN.016043, TN.024891, TN.024892, TN.024893, TN.024894

1182 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016040, TN.016041, TN.024903, TN.024904, TN.024905, TN.024906

1183 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 162tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016038, TN.016039, TN.024887, TN.024888, TN.024889, TN.024890

1184 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016036, TN.016037, TN.024911, TN.024912, TN.024913, TN.024914

1185 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016034, TN.016035, TN.024871, TN.024872, TN.024873, TN.024874

1186 Shin - Cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016032, TN.016033, TN.024867, TN.024868, TN.024869, TN.024870

1187 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015764, TN.024919, TN.024920, TN.024921, TN.024922

1188 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015763, TN.024915, TN.024916, TN.024917, TN.024918

1189 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015762

1190 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015760, TN.024883, TN.024884, TN.024885, TN.024886

1191 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015759, TN.024879, TN.024880, TN.024881, TN.024882

1192 Shin - cậu bé bút chì / Yoshito, Usui : Kim Đồng , 2024 - 123 tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015758, TN.024875, TN.024876, TN.024877, TN.024878

1193 Thám tử lừng danh Conan / Aoyama, Gosho : Kim Đồng , 2014 - 178tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C400N

Số ĐKCB: TN.015697, TN.015698

1194 Cây chuối non đi giày xanh : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. -

Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.042561, PM.072673, TN.023740, TN.023741, TN.023742, PD.045558

1195 Nửa vòng trái đất / Kadohata, Cynthia : Trẻ , 2020 - 223tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/N551V
Số ĐKCB: PM.071843, TN.023599

1196 Chuyện may rủi / Kadohata, Cynthia : Nxb. Trẻ , 2020 - 280tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.041336, PM.070854, PM.070855, LD.049709, LD.049710, TN.023598

1197 Người bạn bí ẩn / Stead, Rebecca : Trẻ , 2016 - 256tr. ; 20cm
Tóm tắt: Tên sách tiếng Anh : When you reach me

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NG558B
Số ĐKCB: TN.017066, TN.017067, TN.023603

1198 Con chim vàng : Văn học , 2011 - 123tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Lịch sử và địa lý

1199 Chúa Tiên Nguyễn Hoàng / Lê, Phương Liên, : Kim Đồng , 2024 - 31tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.055439, LD.055440, LD.055441, TN.025318, TN.025319, TN.025320, TN.025321

1200 Những tên cướp biển vùng Caribbean / Cox, Michael : Nxb. Trẻ , 2016 - 194tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu cuộc sống của những tên cướp biển tàn bạo, hoang dại, dữ tợn sống ngoài vòng pháp luật và tự định ra quy tắc trên biển vùng Caribbean

Ký hiệu phân loại: 910.45 23/NH556T
Số ĐKCB: TN.023579

1201 Các nhà hoạt động nổi tiếng : Trẻ , 2023 - 154tr. ; 23cm
Tóm tắt: Giới thiệu tiểu sử, sự nghiệp của các nhà hoạt động nổi tiếng trên thế giới như: George Washington, Abraham Lincoln, Mahatma Gandhi, Mẹ Tetesa và Nelson Mandela... cống hiến của họ làm thay đổi lịch sử loài người ở các lĩnh vực như khoa học, nghệ thu

Ký hiệu phân loại: 920.02 23/C101N
Số ĐKCB: TN.023627

1202 Các danh nhân khoa học : Trẻ , 2023 - 154tr. ; 23cm
Tóm tắt: Gồm các câu chuyện về cuộc đời và những cống hiến của các danh nhân trên nhiều lĩnh vực khoa học như Isaac Newton, Charles Darwin, Louis Pasteur, Thomas Edison, Marie Curie...

Ký hiệu phân loại: 920.02 23/C101D
Số ĐKCB: TN.023626

1203 Thời trung cổ / Deary, Terry : Nxb. Trẻ , 2017 - 127tr. ; 20cm
Tóm tắt: Giới thiệu lịch sử thời trung cổ: người dân, bệnh tật, đồ ăn và tôn giáo...

Ký hiệu phân loại: 909.07 23/TH462T
Số ĐKCB: TN.023540

1204 Miền cực lạnh cóng / Ganeri, Anita : Nxb. Trẻ , 2017 - 125tr. ; 20cm

Tóm tắt: Những câu chuyện thám hiểm tới miền cực lạnh của trái đất, khám phá cuộc sống nơi b

Ký hiệu phân loại: 919 23/M305C

Số ĐKCB: TN.023538

1205 Viking hung bạo / Deary, Terry : Nxb. Trẻ , 2015 - 129tr. ; 20cm

Tóm tắt: Giới thiệu về các phong tục, tập quán, cách ăn, cách sống của người Viking - một tộc n

Ký hiệu phân loại: 948.022 23/V309H

Số ĐKCB: TN.023537

1206 Các danh nhân nghệ thuật : Nxb. Trẻ , 2023 - 154tr. ; 23cm

Tóm tắt: Tập hợp các câu chuyện cuộc đời của năm nhà nghệ thuật vĩ đại: Leonardo da Vinci, Michelangelo, Shakespeare, Lev Tolstoy và Van Gogh với những bức hoạ thần thánh, những ý tưởng vượt thời gian, những công trình kiến trúc và điêu khắc huyền thoại....

Ký hiệu phân loại: 920.02 23/C101D

Số ĐKCB: TN.023625

1207 Nam cực / Dickmann, Nancy : Trẻ , 2015 - 31tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 919.8904 23/N104C

Số ĐKCB: TN.023650

1208 Alexander von Humboldt khao khát khám phá những vùng đất lạ / Mehnet, Volker : Nxb. Hà

Tóm tắt: Kể về hành trình và những gì nhà nghiên cứu Alexander von Humboldt đã trải qua cũng như cảm nhận thấy ở những vùng đất Châu Âu, Venezuela, dãy Andes...

Ký hiệu phân loại: 910.91 23/A000L

Số ĐKCB: TN.023452, TN.023453, TN.023454, TN.023455

1209 Câu đố nhân vật lịch sử - địa danh : Nxb. Hà Nội , 2023 - 99tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.004635, TN.023496, TN.023497, TN.023498, TN.023499, TN.023500, XLD.006593, XLD.006594

1210 Nghệ thuật dụng binh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024092 23/NGH 250T

Số ĐKCB: XLD.004704, TN.023060, TN.023061, TN.023062, TN.023063

1211 An Dương Vương lập nước Âu Lạc : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054161, XLD.004700, TN.023104, TN.023105, TN.023106, TN.023107

1212 Lý Bí - lập nước Vạn Xuân : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054160, TN.023120, TN.023121, TN.023122, TN.023123, XLD.004739

1213 Triệu Thị Trinh - Bão lửa chiến trường : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054158, XLD.004735, TN.023076, TN.023077, TN.023078, TN.023079

1214 Sự tích thành Cổ Loa : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054159, XLD.004736, TN.023128, TN.023129, TN.023130, TN.023131

1215 Trưng Trắc xưng Vương : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054157, TN.023032, TN.023033, TN.023034, TN.023035, XLD.004734

1216 Khởi nghĩa Mai Thúc Loan : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054156, XLD.004731, TN.022988, TN.022989, TN.022990, TN.022991

1217 Phùng Hưng dựng cờ khởi nghĩa : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054155, TN.023024, TN.023025, TN.023026, TN.023027, XLD.004730

1218 Dương Đình Nghệ giải phóng thành Đại La : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054154, XLD.004720, TN.023112, TN.023113, TN.023114, TN.023115

1219 Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054153, XLD.004718, TN.022984, TN.022985, TN.022986, TN.022987

1220 Nước Âu Lạc và sức mạnh của nỏ thần : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054152, XLD.004719, TN.022964, TN.022965, TN.022966, TN.022967

1221 Cuộc đời và sự nghiệp của Tô Hiến Thành : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054151, XLD.004714, TN.022968, TN.022969, TN.022970, TN.022971

1222 Tính cách cương trực của thái sư Trần Thủ Độ : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054150, XLD.004715, TN.023108, TN.023109, TN.023110, TN.023111

1223 Đại chiến Bạch Đằng Giang 1288 : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054149, TN.023072, TN.023073, TN.023074, TN.023075, XLD.004724

1224 Phạm Ngũ Lão và câu chuyện đan sọt : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054148, XLD.004728, TN.023100, TN.023101, TN.023102, TN.023103

1225 Trận Hàm Tử Trần Nhật Duật đánh bại Toa Đô : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054147, XLD.004727, TN.023124, TN.023125, TN.023126, TN.023127

1226 Trận Vạn Kiếp truy kích Thoát Hoan : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054146, XLD.004710, TN.023028, TN.023029, TN.023030, TN.023031

1227 Chí khí của Trần Bình Trọng : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054145, XLD.004708, TN.023096, TN.023097, TN.023098, TN.023099

1228 Trần Quốc Toản và lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054144, XLD.004706, TN.023080, TN.023081, TN.023082, TN.023083

1229 Trần Quốc Tuấn và hịch tướng sỹ : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054142, XLD.004702, TN.023116, TN.023117, TN.023118, TN.023119

1230 Thân thế và tuổi thơ của trạng nguyên Nguyễn Hiền : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054141, XLD.004723, TN.023016, TN.023017, TN.023018, TN.023019

1231 Trí và dũng của Trần Khắc Chung : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054140, XLD.004722, TN.023056, TN.023057, TN.023058, TN.023059

1232 Thần đồng Mạc Đĩnh Chi : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054139, XLD.004721, TN.022996, TN.022997, TN.022998, TN.022999

1233 Lòng trung thành của Yết Kiêu và Dã Tượng : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054138, XLD.004729, TN.022992, TN.022993, TN.022994, TN.022995

1234 Quốc Tử Giám tư nghiệp Chu Văn An : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054137, XLD.004733, TN.022980, TN.022981, TN.022982, TN.022983

1235 An Tư Công chúa : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054136, TN.023020, TN.023021, TN.023022, TN.023023, XLD.004732

1236 Thoát Hoan gặp phải sự cản phá của quân dân nhà Trần trên đường rút chạy : Nxb. Hà Nội ,

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054135, XLD.004698, TN.023092, TN.023093, TN.023094, TN.023095

1237 Huyền tích về Lạc Long Quân và Âu Cơ : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054121, XLD.004726, TN.022976, TN.022977, TN.022978, TN.022979

1238 Tài đối đáp của Trạng nguyên Nguyễn Hiền với sứ Phương Bắc : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054134, XLD.004703, TN.023084, TN.023085, TN.023086, TN.023087

1239 Bảng nhãn Lê Văn Hưu và Đại Việt sử ký : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054133, XLD.004709, TN.023048, TN.023049, TN.023050, TN.023051

1240 Trần Khánh Dư - Tiêu diệt đoàn thuyền lương của quân Nguyên : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054132, XLD.004717, TN.023040, TN.023041, TN.023042, TN.023043

1241 Ngô Quyền - Đại chiến Bạch Đằng giang : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054131, XLD.004699, TN.023052, TN.023053, TN.023054, TN.023055

1242 Thái uý Lý Thường Kiệt đánh Ung Châu : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054130, XLD.004707, TN.023036, TN.023037, TN.023038, TN.023039

1243 Văn Miếu Quốc tử giám trung tâm nho học đầu tiên của Việt Nam : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054129, XLD.004725, TN.023088, TN.023089, TN.023090, TN.023091

1244 Đinh Bộ Lĩnh và thế trận cờ lau : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054128, XLD.004701, TN.023000, TN.023001, TN.023002, TN.023003

1245 Thái uý Lý Thường Kiệt và phòng tuyến sông Như Nguyệt : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054127, TN.023044, TN.023045, TN.023046, TN.023047, XLD.004738

1246 Lê Hoàn vị tướng tài ba : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054126, XLD.004712, TN.023068, TN.023069, TN.023070, TN.023071

1247 Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054125, XLD.004713, TN.023004, TN.023005, TN.023006, TN.023007

1248 Lòng nhân đức của vua Lý Thái Tổ : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054124, TN.023008, TN.023009, TN.023010, TN.023011, XLD.004737

1249 Vua Lý Thái Tông chiến thắng quân Chiêm Thành : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054123, XLD.004705, TN.023064, TN.023065, TN.023066, TN.023067

1250 Lý Công Uẩn - Tuổi thơ và hoài bão : Nxb. Hà Nội , 2020 - 30tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054122, XLD.004716, TN.022972, TN.022973, TN.022974, TN.022975

1251 Sự ra đời của nhà nước Văn Lang : Nxb. Hà Nội ; Công ty Tri thức Văn hoá Sách Việt Nam ,

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.054120, XLD.004711, TN.023012, TN.023013, TN.023014, TN.023015

1252 Thánh Gióng ngựa sắt tung hoành : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7012092 23/TH107G

Số ĐKCB: TN.022676, TN.022677, TN.022678

1253 Quang Trung đại phá quân thanh : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7028092 23/QU-106T

Số ĐKCB: TN.022673, TN.022674, TN.022675

1254 Nguyễn Trung Trực lửa hồng nhật tảo : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029092 23/NG527T

Số ĐKCB: TN.022670, TN.022671, TN.022672

1255 Trần Hưng Đạo Đại chiến Bạch Đằng : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024092 23/TR121H

Số ĐKCB: TN.022667, TN.022668, TN.022669

1256 Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7021092 23/Đ312B
Số ĐKCB: TN.022664, TN.022665, TN.022666

1257 Hai Bà Trưng Lửa Cháy Thành Luy Lâu : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012092 23/L250L
Số ĐKCB: TN.022658, TN.022659, TN.022660

1258 Lê Lợi đại phá quân minh : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7026092 23/L250L
Số ĐKCB: TN.022649, TN.022650, TN.022651

1259 Trần Quốc Toản tuổi trẻ anh hùng : Trẻ , 2022 - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7024092 23/TR121Q
Số ĐKCB: TN.022661, TN.022662, TN.022663

1260 Bắc Ninh / Võ, Mai Chi : Trẻ , 2023 - 31tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cùng các em nhỏ khám phá những thông tin thú vị và cơ bản mang đậm đặc điểm văn hoá, thắng cảnh, ẩm thực, sinh hoạt... nổi bật Cần Thơ
Ký hiệu phân loại: 915.9727 23/B113N
Số ĐKCB: TN.022470, TN.022471, TN.022472

1261 Cần thơ bồng bềnh sông nước / Võ, Mai Chi : Trẻ , 2023 - 31tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cùng các em nhỏ khám phá những thông tin thú vị và cơ bản mang đậm đặc điểm văn hoá, thắng cảnh, ẩm thực, sinh hoạt... nổi bật Cần Thơ
Ký hiệu phân loại: 915.9793 23/C121T
Số ĐKCB: TN.022467, TN.022468, TN.022469

1262 Sapa mù sương / Võ, Mai Chi : Trẻ , 2023 - 31tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cùng các em nhỏ khám phá những thông tin thú vị và cơ bản mang đậm đặc điểm văn hoá, thắng cảnh, ẩm thực, sinh hoạt... nổi bật Sapa
Ký hiệu phân loại: 915.97167 23/S100P
Số ĐKCB: TN.022464, TN.022465, TN.022466

1263 Lý Sơn kỳ vĩ / Võ, Mai Chi : Trẻ , 2023 - 31tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cùng các em nhỏ khám phá những thông tin thú vị và cơ bản mang đậm đặc điểm văn hoá, thắng cảnh, ẩm thực, sinh hoạt... nổi bật Lý Sơn
Ký hiệu phân loại: 915.9753 23/L600S
Số ĐKCB: TN.022461, TN.022462, TN.022463

1264 Huế - Miền đẹp miền thơ / Võ, Mai Chi : Trẻ , 2023 - 31tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cùng các em nhỏ khám phá những thông tin thú vị và cơ bản mang đậm đặc điểm văn hoá, thắng cảnh, ẩm thực, sinh hoạt... nổi bật Huế

Ký hiệu phân loại: 915.9749 23/H507M
Số ĐKCB: TN.022458, TN.022459, TN.022460

1265 Thành phố Hồ Chí Minh - Sống động từng giây / Võ, Mai Chi : Trẻ , 2023 - 31tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cùng các em nhỏ khám phá những thông tin thú vị và cơ bản mang đậm đặc điểm văn hoá, thắng cảnh, ẩm thực, sinh hoạt... nổi bật ở Thành phố Hồ Chí Minh

Ký hiệu phân loại: 915.9779 23/TH107P
Số ĐKCB: TN.022455, TN.022456, TN.022457

1266 Lê Quý Đôn : Nxb. Trẻ , 2022 - 80tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272092 14/L250Q
Số ĐKCB: TN.022956, TN.022957, TN.022959

1267 Lê Sơ sụp đổ : Nxb. Trẻ , 2022 - 79tr. ; 24cm
Tóm tắt: Giới thiệu sơ lược nguyên nhân căn bản nhất, sâu xa nhất dẫn đến sự sụp đổ của triều đ

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L250S
Số ĐKCB: TN.022954, TN.022955, TN.022961

1268 Lý Thường Kiệt : Nxb. Trẻ , 2021 - 92Tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023092 23/L600T
Số ĐKCB: TN.022953, TN.022952, TN.022958

1269 Hai Bà Trưng : Nxb. Trẻ , 2021 - 92tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.702092 23/
Số ĐKCB: TN.022950, TN.022951, TN.022960

1270 Lam Sơn dấy nghĩa : Nxb. Trẻ , 2021 - 80tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L104S
Số ĐKCB: TN.022948, TN.022949, TN.022962

1271 Thăng Long buổi đầu : Nxb. Trẻ , 2021 - 79tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 23/TH116L
Số ĐKCB: TN.022946, TN.022947, TN.022963

1272 Vua Lê Đại Hành : Nxb. Trẻ , 2021 - 68tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7022092 23/V501L
Số ĐKCB: TN.022940, TN.022941, TN.022942

1273 Trần Hưng Đạo : Nxb. Trẻ , 2021 - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024092 23/TR121H
Số ĐKCB: TN.022937, TN.022938, TN.022939

1274 Họ Trịnh khởi nghiệp : Nxb. Trẻ , 2022 - 79tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7027 23/H400T
Số ĐKCB: TN.022934, TN.022935, TN.022936

1275 Lý Thánh Tông và nước Đại Việt : Nxb. Trẻ , 2023 - 80tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7023092 23/L600T
Số ĐKCB: TN.022931, TN.022932, TN.022933

1276 Mười vạn câu hỏi vì sao - Danh nhân thế giới, các nhà bác học, nhân vật nổi tiếng : Phụ nữ Việt Nam , 2021 - 175tr. ; 23cm
Tóm tắt: Giải đáp những kiến thức về các nhân vật nổi tiếng trên thế giới ở nhiều lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, quân sự, toán học, hoá học, văn học, nghệ thuật... Những cống hiến của họ đã tạo ra những thay đổi lớn trong quá trình phát triển của nhân loại
Ký hiệu phân loại: 920.02 23/M558V
Số ĐKCB: TN.021753, TN.021754, TN.021755

1277 Kể chuyện danh nhân Việt Nam : Lao động , 2019 - 159tr. ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu sơ lược về tiểu sử và cuộc đời của các danh nhân Việt Nam như: Lý Bí, Triệu Quang Phục, Mai Hắc Đế, Phùng Hưng, Ngô Quyền...
Ký hiệu phân loại: 959.70099 23/K250C
Số ĐKCB: TN.021834, TN.021835, TN.021836

1278 Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Trần Hoài Dương t.c.. - Tái bản lần thứ 5. - Hà Nội : Trẻ. - 21cm
T.2 : Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam. - 2014. - 271tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223008 T527T
Số ĐKCB: TN.015857, TN.015858

1279 Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Trần Hoài Dương t.c.. - Tái bản lần thứ 5. - Hà Nội : Trẻ. - 21cm
T.1 : Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam. - 2014. - 253tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223008 T527T
Số ĐKCB: TN.015855, TN.015856

1280 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.31 : Các Xì trum ở xứ sở Pilulit. - 2014. - 48tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016178, TN.016179

1281 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016176, TN.016177

1282 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.29 : Xì trum và cây bằng vàng. - 2014. - 48tr. Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016174, TN.016175

1283 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.28 : Tí vua cô nương. - 2014. - 48tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016172, TN.016173

1284 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016170, TN.016171

1285 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.26 : Quyển sách biết tuốt. - 2014. - 48tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016168, TN.016169

1286 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.25 : Đứa bé ở làng Xì trum. - 2014. - 48tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016166, TN.016167

1287 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016164, TN.016165

1288 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.23 : Xì trum mê cá độ. - 2014. - 48tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016162, TN.016163

1289 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016160, TN.016161

1290 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.21 : Không thể xì trum được sự tiến bộ. - 2014. - 48tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016158, TN.016159

1291 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.20 : Mối đe dọa xì trum. - 2014. - 48tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016156, TN.016157

1292 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016154, TN.016155

1293 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016152, TN.016153

1294 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.17 : Kẻ xì trum nữ trang. - 2014. - 48tr. Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016150, TN.016151

1295 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016148, TN.016149

1296 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.15 : Sự thức giấc bất thường của tí lười. - 2014. - 44tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016146, TN.016147

1297 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.14 : Xì trum phi công. - 2014. - 44tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016144, TN.016145

1298 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016142, TN.016143

1299 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016140, TN.016141

1300 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.11 : Xì trum lễ phục sinh. - 2014. - 46tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016138, TN.016139

1301 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.10 : Món súp xì trum. - 2014. - 46tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016136, TN.016137

1302 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.9 : Thế vận hội xì trum. - 2014. - 46tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016134, TN.016135

1303 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.8 : Những cây chuyện về Xì trum. - 2014. - 54tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016132, TN.016133

1304 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016130, TN.016131

1305 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.6 : Xì trum phi hành gia. - 2014. - 62tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016128, TN.016129

1306 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.5 : Xì trum và chim Craccucass - tàu tốc hành xì trum. - 2014. - 60tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016126, TN.016127

1307 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
T.4 : Xì trum và quả trứng thần. - 2014. - 60tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016124, TN.016125

1308 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016122, TN.016123

1309 Xì trum / PeYo; Vân Anh d.. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 X300T
Số ĐKCB: TN.016120, TN.016121

1310 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 27 : Trận chiến cuối cùng. - 2014. - 182tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016102, TN.016103

1311 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 26 : Huyết chiến ma binh. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016100, TN.016101

1312 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 25 : Hóa giải thần công. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016098, TN.016099

1313 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 24 : Bại lộ chân tướng. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016096, TN.016097

1314 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 23 : Tinh như ăn trộm. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016094, TN.016095

1315 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 22 : Trận chiến mãng xà. - 2014. - 124tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016092, TN.016093

1316 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 21 : Tin dữ ùa về. - 2014. - 124tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016090, TN.016091

1317 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 20 : Càn khôn nghịch chuyển. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016088, TN.016089

1318 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 19 : Ma giáo tấn công. - 2014. - 124tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016086, TN.016087

1319 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 18 : Rời khỏi cái bang. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016084, TN.016085

1320 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 17 : Bóng đen chùa Diêu Lâm. - 2014. - 124tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016082, TN.016083

1321 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 16 : Cỗ xe ma quái. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016080, TN.016081

1322 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 15 : Vào am tìm mẹ. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016078, TN.016079

1323 Ô Long viện tình huynh đệ : Truyện dài / Au Yao - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 14 : Ni cô bí hiểm. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016076, TN.016077

1324 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 13 : Tứ tôn ma giáo. - 2014. - 120tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016074, TN.016075

1325 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 12 : Cái bang kì ngộ. - 2014. - 120tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016072, TN.016073

1326 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 11 : Gia nhập giang hồ. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016070, TN.016071

1327 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 10 : Huyệt ấn ma chưởng. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016068, TN.016069

1328 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 9 : Bắt cóc sư đệ. - 2014. - 122tr. Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016066, TN.016067

1329 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 8 : Nghi ngờ tiếp nối. - 2014. - 122tr. Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016064, TN.016065

1330 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 7 : Cuộc sống vô ưu. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016062, TN.016063

1331 Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hùng, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17cm
T. 6 : Vượt qua thử thách. - 2014. - 120tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016060, TN.016061

Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim
1332 Đồng. - 17cm
T. 5 : Đại chiến người gỗ. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016058, TN.016059

Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim
1333 Đồng. - 17cm
T. 4 : Ngọc bội phong ba. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016056, TN.016057

Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim
1334 Đồng. - 17cm
T. 3 : Thần công xuất kích. - 2014. - 120tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016054, TN.016055

Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim
1335 Đồng. - 17cm
T. 2 : Kì duyên bảo tháp. - 2014. - 122tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016052, TN.016053

Ô Long viện tinh huyễn dị : Truyện dài / Âu Tảo - Hsing, Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim
1336 Đồng. - 17cm
T. 1 : Sư đệ xuất hiện. - 2014. - 124tr. : Tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 Ô450L
Số ĐKCB: TN.016050, TN.016051

7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue
1337 Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.26 : Son Go Ku hồi phục. - 2014. - 189tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015980, TN.015981

7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue
1338 Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.25 : Frieza siêu biến hình. - 2014. - 184tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015978, TN.015979

7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue
1339 Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.24 : Go Ku hay Gin Yo. - 2014. - 186tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015976, TN.015977

1340 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.23 : Đội đặc nhiệm ginyo. - 2014. - 186tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015974, TN.015975

1341 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.22 : Người Namek phản kháng. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015972, TN.015973

1342 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.21 : Hướng về Namek. - 2014. - 186tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015970, TN.015971

1343 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.20 : Trời long đất lở. - 2014. - 184tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015968, TN.015969

1344 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.19 : Nhanh lên Son Go Ku. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015966, TN.015967

1345 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.18 : Son Go Han và đại ma vương Piccolo. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015964, TN.015965

1346 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.17 : Mối đe dọa. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015962, TN.015963

1347 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.16 : Kì phùng địch thủ. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015960, TN.015961

1348 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.15 : Anh hùng hảo hán. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015958, TN.015959

1349 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.14 : Bước đại nhảy vọt. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015956, TN.015957

1350 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.13 : Son Go Ku trả thù. - 2014. - 184tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015954, TN.015955

1351 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.12 : Đại ma vương piccolo. - 2014. - 185tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015952, TN.015953

1352 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.11 : Trận đấu đỉnh cao. - 2014. - 187tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015950, TN.015951

1353 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.10 : Đại hội võ thuật lần thứ 22. - 2014. - 188tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015948, TN.015949

1354 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.9 : Bà thầy bói. - 2014. - 189tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015946, TN.015947

1355 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.8 : Son Go Ku đột kích. - 2014. - 186tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015944, TN.015945

1356 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.7 : Theo dấu tướng quân Blue. - 2014. - 189tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015942, TN.015943

1357 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.6 : Sai lầm của Bulma. - 2014. - 187tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015940, TN.015941

1358 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.5 : Nỗi kinh hoàng tháp Muscle. - 2014. - 189tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015938, TN.015939

1359 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.4 : Trận chung kết. - 2014. - 189tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015936, TN.015937

1360 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.3 : Đại hội võ thuật thiên hạ vô địch khởi tranh. - 2014. - 187tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015934, TN.015935

1361 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.2 : Hiểm nguy ngàn cân treo sợi tóc. - 2014. - 186tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015932, TN.015933

1362 7 viên ngọc rồng = Dragon ball : Truyện tranh / Abira Toruyama; d.: nhóm Yaki; h.đ.: Barlue Ayumi. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.1 : Son Go Ku và các bạn. - 2014. - 189tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 B112V
Số ĐKCB: TN.015930, TN.015931

1363 Bí kíp luyện rồng / Cressida Cowell. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 B300K
Số ĐKCB: TN.016012, TN.016013

1364 Bí kíp luyện rồng / Cressida Cowell. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 B300K
Số ĐKCB: TN.016010, TN.016011

1365 Bí kíp luyện rồng / Cressida Cowell. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 B300K
Số ĐKCB: TN.016008, TN.016009

1366 Bí kíp luyện rồng / Cressida Cowell. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 B300K
Số ĐKCB: TN.016006, TN.016007

1367 Cậu bé pháp sư Domitor Leo : Sự thức tỉnh của bạch long và quốc vương / Michie Kushima, Nguyễn Phương Thảo d.. - Hà Nội : Kim đồng. - 19cm. - 36000đ
T.6 : Sự thức tỉnh của Bạch Long và Quốc Vương. - 2014. - 195tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C125B
Số ĐKCB: TN.015872

1368 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.21 : Mùa hè của nhà Nohara. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015755

1369 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.20 : Cả nhà ngủ say, mình Shin loay hoay. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015754

1370 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.19 : Shin và mẹ học tiếng Anh. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015753

1371 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.18 : Hô hô! Du lịch suối nước nóng muôn năm!. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015752

1372 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.17 : Quý ông shinnosuke đi hò hẹn. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015751

1373 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.16 : Himawari, ngôi sao kỳ vọng của gia đình. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015750

1374 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.15 : Mùa hè là mùa đi bể bơi và ngắm pháo hoa!. - 2013. - 186tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015749

1375 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.14 : Siêu mẫu Himawari?. - 2013. - 186tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015748

1376 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.13 : Món cà ri hảo hạng của bếp trưởng shinnosuke. - 2013. - 184tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015747

1377 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.12 : Himawari vui tết Hinamatsuri. - 2013. - 186tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015746

1378 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.11 : Cu Shin và trải nghiệm trượt tuyết. - 2013. - 186tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015745

1379 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.10 : Misae đại chiến Himawari. - 2013. - 188tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015744

1380 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.9 : Cả nhà về quê. - 2013. - 186tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015743

1381 Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Trần Hoài Dương t.c.. - Tái bản lần thứ 5. - Hà Nội : Trẻ. - 21cm

T.5 : Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam. - 2014. - 259tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223008 T527T

Số ĐKCB: TN.015863, TN.015864

1382 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.8 : Để mắt đến Himawari thật mệt!. - 2013. - 189tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015742

1383 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.7 : Chị NaNako yếu dấu. - 2013. - 196tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015741

1384 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.6 : Vua côn trùng Kasukabe!. - 2013. - 192tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015740

1385 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.5 : Ai là nhân vật chính?. - 2013. - 190tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C

Số ĐKCB: TN.015739

1386 Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Trần Hoài Dương t.c.. - Tái bản lần thứ 5. - Hà Nội : Trẻ. - 21cm

T.4 : Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam. - 2014. - 272tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223008 T527T

Số ĐKCB: TN.015861, TN.015862

1387 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm

T.4 : Himawari và cuộc chiến tiêm phòng. - 2013. - 182tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015738

1388 Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam : Dành cho thiếu nhi / Trần Hoài Dương t.c.. - Tái bản lần thứ 5. - Hà Nội : Trẻ. - 21cm
T.3 : Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam. - 2014. - 262tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223008 T527T
Số ĐKCB: TN.015859, TN.015860

1389 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.3 : Himawari bị giành giật. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015737

1390 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.2 : Em bé quậy tưng, shin tá hỏa. - 2013. - 194tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015736

1391 Shin cậu bé bút chì : Phiên bản hoạt hình màu / Yoshito Usui; Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.1 : Himawari chào đời, tớ đứt hơi!. - 2013. - 185tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015735

1392 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 15 : Trâu tuyệt luân. - 2013. - 126tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015779

1393 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 14 : Thất bại vì ngại thành công. - 2013. - 126tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015778

1394 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 13 : Vắng mợ thì chợ vẫn đông. - 2013. - 126tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015777

1395 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 12 : Xin thề em nói thật. - 2013. - 126tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015776

1396 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 11 : Va lung tung. - 2013. - 126tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015775

1397 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 10 : Xuân ứa gan. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015774

1398 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 9 : Phụ huynh đi bụi. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015773

1399 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 8 : Anh hùng bàn phím. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015772

1400 Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 7 : Nữ sinh thanh lọc. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015771

Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện
1401 tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 6 : Hội khỏe phù mỏ. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015770

Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện
1402 tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 5 : Đô la thần chưởng. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015769

Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện
1403 tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 4 : Mạnh ai nấy xả. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015768

Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện
1404 tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 3 : Gót hồng lên ngôi. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015767

Học sinh chân kinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sự phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 19cm. - (Truyện
1405 tranh Việt Nam dành cho tuổi teen)
T. 2 : Ăn hành trong tủ gạo. - 2013. - 126tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015766

Học sinh chân kinh : Truyện tranh Việt Nam dành cho tuổi teen. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học
1406 sự phạm tp. Hồ Chí Minh. - 19cm
T. 1 : Muôn sự tại nhân. - 2013. - 125tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 H419S
Số ĐKCB: TN.015765

Shin - cậu bé bút chì : Truyện dài / Yoshito Usui; Takatan Mirei (tranh); Barbie Ayumi (dịch). -
1407 Hà Nội : Kim đồng. - 18 cm
T. 6 : Vị hôn thê đến từ tương lai In lần thứ 3. - 2014. - 162 tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015761

1408 Shin - cậu bé bút chì : Truyện dài / Yoshito Usui; Takatan Mirei (tranh); Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18 cm
T.2 : Đế quốc người lớn phản công. - 2014. - 191 tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015757

1409 Shin - cậu bé bút chì : Truyện dài / Yoshito Usui; Takatan Mirei (tranh); Barbie Ayumi (dịch). - Hà Nội : Kim đồng. - 18 cm
T.1 : Cuộc giao tranh thời chiến quốc. - 2014. - 190tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 SH311C
Số ĐKCB: TN.015756

1410 Dế Rô Bốt nhân tài ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm tp. Hồ Chí Minh. - 18 cm
T. 7 : Ông bụt hồ lô. - 2014. - 124tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 D250R
Số ĐKCB: TN.015786

1411 Dế Rô Bốt nhân tài ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm tp. Hồ Chí Minh. - 18 cm
T. 6 : Ve sầu kêu mãi. - 2014. - 124tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 D250R
Số ĐKCB: TN.015785

1412 Dế Rô Bốt nhân tài ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm tp. Hồ Chí Minh. - 18 cm
T. 5 : Làm anh khó lắm. - 2014. - 124tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 D250R
Số ĐKCB: TN.015784

1413 Dế Rô Bốt nhân tài ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm tp. Hồ Chí Minh. - 18 cm
T. 4 : Kẹo xịt phân thân. - 2014. - 124tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 D250R
Số ĐKCB: TN.015783

1414 Dế Rô Bốt nhân tài ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm tp. Hồ Chí Minh. - 18 cm
T. 3 : Vi - rút mũi dài. - 2014. - 124tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 D250R
Số ĐKCB: TN.015782

1415 Dế Rô Bốt nhân tài ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm tp. Hồ Chí Minh. - 18 cm
T. 2 : Bay ngược thời gian. - 2014. - 124tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 D250R
Số ĐKCB: TN.015781

1416 Dế Rô Bốt nhân tài ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm tp. Hồ Chí Minh. - 18 cm
T. 1 : Tai họa sáng chế. - 2014. - 124tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 D250R
Số ĐKCB: TN.015780

1417 Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.10 : Đại náo trại Thanh Phong. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015796

1418 Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.9 : Say rượu đánh nhau với Tưởng Môn Thần. - 2011. - 162tr. : Hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015795

1419 Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.8 : Giết chết Tây Môn Khánh. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015794

1420 Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.7 : Võ Tòng đánh hổ. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015793

1421 Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.6 : Tống Giang giết Bà Tích. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015792

Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà
1422 Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.5 : Dùng mưu cướp lễ vật chúc thọ. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015791

Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà
1423 Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.4 : Thất tinh tụ nghĩa. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015790

Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà
1424 Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.3 : Máu nhuộm miếu sơn thần. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015789

Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà
1425 Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.2 : Đại náo rừng Dã Trư. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015788

Thủy hử / Thi Nại Am (nguyên tác); Trần Duy Đông (bs); Lương Tiểu Long (vẽ tranh). - Hà
1426 Nội : Mỹ thuật. - 19cm
T.1 : Đánh chết trấn quan tây. - 2011. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH523H
Số ĐKCB: TN.015787

Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải
1427 Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.8 : Con nhà giàu. - 2013. - 170tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015543

Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải
1428 Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.7 : Con nhà giàu. - 2013. - 170tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015542

1429 Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.6 : Con nhà giàu. - 2013. - 170tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015541

1430 Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.5 : Con nhà giàu. - 2013. - 170tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015540

1431 Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.4 : Con nhà giàu. - 2013. - 170tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015539

1432 Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.3 : Con nhà giàu. - 2013. - 170tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015538

1433 Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.2 : Con nhà giàu. - 2013. - 170tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015537

1434 Con nhà giàu = Hana Yori Dango / Yoko Kamio; Dịch: Tú Ngọc, Nic. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 17cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.1 : Con nhà giàu. - 2013. - 209tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.6 C430N
Số ĐKCB: TN.015536

1435 Tsubasa giấc mơ sân cỏ / Yoichi Takahashi. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm
T.7 : Trận chiến trong mơ - giao bóng nào!. - 2013. - 186tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TS500B
Số ĐKCB: TN.015550

1436 Tsubasa giấc mơ sân cỏ / Yoichi Takahashi. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm
T.6 : Tiến tới vòng chung kết!. - 2013. - 208tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 TS500B
Số ĐKCB: TN.015549

1437 Tsubasa giấc mơ sân cỏ / Yoichi Takahashi. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm
T.5 : Cuộc tập kích bất ngờ. - 2013. - 204tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 TS500B
Số ĐKCB: TN.015548

1438 Tsubasa giấc mơ sân cỏ / Yoichi Takahashi. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm
T.4 : Hướng tới đại hội toàn quốc. - 2013. - 188tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 TS500B
Số ĐKCB: TN.015547

1439 Tsubasa giấc mơ sân cỏ / Yoichi Takahashi. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm
T.3 : Trận khổ chiến không ngờ. - 2013. - 194tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 TS500B
Số ĐKCB: TN.015546

1440 Tsubasa giấc mơ sân cỏ / Yoichi Takahashi. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm
T.2 : Cú sút xa quyết định. - 2013. - 204tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 TS500B
Số ĐKCB: TN.015545

1441 Tsubasa giấc mơ sân cỏ / Yoichi Takahashi. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm
T.1 : Ngước nhìn bầu trời bao la. - 2013. - 196tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 TS500B
Số ĐKCB: TN.015544

1442 Lý Thường Kiệt bão táp trên chiến lũy / Đỗ, Biên Thùy : Trẻ , 2016 - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7023092 23/L600T
Số ĐKCB: TN.019544, TN.019545, TN.022652, TN.022653, TN.022654

1443 Thời Trung cổ / Deary, Terry : Trẻ , 2023 - 127tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.045276, LD.045277, LD.045278, LD.045279, TN.022296, TN.022297, TN.022298

1444 Người Hy Lạp huyền thoại / Deary, Terry : Trẻ , 2023 - 128tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045292, LD.045293, LD.045294, LD.045295, TN.022290, TN.022291, TN.022292

1445 Khảo cổ dễ sợ / Arnold, Nick : Trẻ , 2023 - 156tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045260, LD.045261, LD.045262, LD.045263, TN.022302, TN.022303, TN.022304

1446 Người Ai Cập, xác ướp cũng phải choáng váng / Deary, Terry : Trẻ , 2023 - 129tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045288, LD.045289, LD.045290, LD.045291, TN.022299, TN.022300, TN.022301

1447 Mariposa và công chúa pha lê = Mariposa and the fairy princess / Mary Tillworth phóng tác; d.: Hương Giang, Diễm Sơn. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 24tr. : tranh ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 M100R

Số ĐKCB: TN.016118, TN.016119

1448 Công chúa học đường = Princess charm school / Mary Tillworth phóng tác; d.: Hương Giang, Diễm Sơn. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 24tr. : tranh ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C455C

Số ĐKCB: TN.016116, TN.016117

1449 Bí mật thần tiên = A fairy secret / Meika Hashimoto phóng tác; Thu Dương d.; Minh Tâm b.t.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 24tr. : tranh ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 B300M

Số ĐKCB: TN.016114, TN.016115

1450 Bốn nàng ngự lâm xinh đẹp = Barbie and the three musketeers / Mary Man Kong phóng tác; d.: Hương Giang, Diễm Sơn; b.t.: Thu Trang, Minh Tâm. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 24tr. : Tranh ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 B454N

Số ĐKCB: TN.016112, TN.016113

1451 Lâu đài kim cương = The Diamond castle / Mary Man Kong phóng tác; d.: Hương Giang, Diễm Sơn; b.t.: Thu Trang, Minh Tâm. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 24tr. : tranh ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 L125Đ

Số ĐKCB: TN.016110, TN.016111

1452 Lễ giáng sinh hoàn hảo = A Perfect christmas / Mary Man Kong phóng tác; Thu Dương d.;Minh Tâm b.t.. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 24tr. : tranh ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 L250G
Số ĐKCB: TN.016108, TN.016109

1453 Cánh cửa thần kì = The secret door / Mary Till Worth; d.: Hương Giang, Diễm Sơn; b.t.: Thu Trang, Minh Tâm. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 24tr. : tranh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C107C
Số ĐKCB: TN.016106, TN.016107

1454 Giấc mơ thời trang = A fashion fairytale / Meika Hashimoto phóng tác; d.: Hương Giang, Diễm Hương; b.t.: Thu Trang, Như Lê. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 24tr. : tranh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 GI- 119M
Số ĐKCB: TN.016104, TN.016105

1455 Công chúa tóc xù / Irene Trimble chuyển thể; Hiền Nhíp d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 148tr. :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C455C
Số ĐKCB: TN.015984, TN.015985

1456 Câu chuyện đồ chơi / Cathy East Dubowshi chuyển thể; Ngô Diệu Châu d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 124tr. : Tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C125C
Số ĐKCB: TN.015986, TN.015987

1457 Đi tìm Nemo / Gail Herman chuyển thể; Đoàn Hương Giang d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 Đ300T
Số ĐKCB: TN.015988, TN.015989

1458 Công chúa tóc mây / Irene Trimble chuyển thể; Vân Hoàng d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C455C
Số ĐKCB: TN.015990, TN.015991

1459 Ngôi nhà bay / Jasmine Jones chuyển thể; Dịu Hương d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 120tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 NG452N
Số ĐKCB: TN.015992, TN.015993

1460 Người máy biết yêu / Irene Trimble chuyển thể; Vân Anh d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 136tr. :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 NG558M
Số ĐKCB: TN.015994, TN.015995

1461 Thiên thần hộ mệnh / Hae Mil; Phạm Thị Ngọc d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 208tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 TH305T
Số ĐKCB: TN.015926, TN.015927

1462 Hội diễn văn nghệ / Hae Mil, Phạm Thị Ngọc d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 208tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 H452D
Số ĐKCB: TN.015924, TN.015925

1463 Cuộc thi tìm kiếm công chúa / Cartoon Dream; Phạm Thị Ngọc d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 C514T
Số ĐKCB: TN.015922, TN.015923

1464 Gia đình siêu nhân / Irene Trimble chuyển thể; Dịu Hương d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 148tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 GI -100Đ
Số ĐKCB: TN.015920, TN.015921

1465 Nữ hoàng băng giá / Chuyển thể: Sarah Nathan, Sela; Bình Minh d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 144tr. : Tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 N550H
Số ĐKCB: TN.015918, TN.015919

1466 Bảy bước tới mùa hè : Truyện dài / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 188tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 B112B
Số ĐKCB: TN.016014, TN.016015

1467 Chú chuột đầu bếp / Kitty Richards chuyển thể; Dương Ngọc Lâm d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 128tr. : Tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 CH500C
Số ĐKCB: TN.015916, TN.015917

1468 Học viện quái vật / Irene Trimlele chuyển thể; Vân Anh d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 160tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 H419V
Số ĐKCB: TN.015982, TN.015983

1469 Thời đại của các cô gái / Hui Noh Myeong; Phạm Thị Ngọc d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 TH462Đ
Số ĐKCB: TN.015928, TN.015929

1470 Tập đoàn quái vật / Ki Ki Thorpe chuyển thể; Crim Mai d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 116tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 T123Đ
Số ĐKCB: TN.015912, TN.015913

1471 Câu chuyện đồ chơi 3 / Jasmine Jones chuyển thể; Lê Hải d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 128tr. :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C125C
Số ĐKCB: TN.015910, TN.015911

1472 Câu chuyện đồ chơi 2 / Leslie Goldman chuyển thể; Vân Anh d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C125C
Số ĐKCB: TN.015908, TN.015909

1473 Vương quốc xe hơi 2 / Irene Trimble chuyển thể; Hiền Nhíp d.. - Hà Nội : Dân Trí, 2014. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 V561Q
Số ĐKCB: TN.015906, TN.015907

1474 Vương quốc xe hơi / Irim Trimble chuyển thể; Hiền Nhíp d.. - Hà Nội : Dân Trí, 2014. - 132tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 V561Q
Số ĐKCB: TN.015904, TN.015905

1475 Giải cứu hoa đào : Tập truyện / Dương Quốc Hải. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 66tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 GI-103C
Số ĐKCB: TN.015894

1476 Li kì xuyên sơn : Tập truyện / Đoàn Lư. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 66tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 L300K
Số ĐKCB: TN.015895

1477 Truyền thuyết kho báu ở Koshu / Yutaka Tani, Gossho Aoyama (nguyên tác); Nguyễn Phương Bảo Châu d.. - In lần thứ 3. - Hà Nội : Kim đồng, 2014. - 223tr. : hình ảnh ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TR527T
Số ĐKCB: TN.015887

1478 Lá thư thánh đấu gửi Kuoo Shinichi : Câu chuyện trước khi chia tay / Takahisa Taira, Gosho Aoyama (nguyên tác); Nguyễn Phương Bảo Châu d.. - In lần thứ 3. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 211tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 L100T
Số ĐKCB: TN.015888

1479 Cuộc đời li kì của bao thanh thiên / Nghiêm Ca b.s.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 140tr. : hình
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C514Đ
Số ĐKCB: TN.015892

1480 Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm / Quỳnh Cư. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 51tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92211 N550S
Số ĐKCB: TN.015903

1481 Cây bàng không rụng lá / Phong Thu. - In lần thú 3. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 191tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 C426B
Số ĐKCB: TN.015873

1482 Bao công xử án / Vương Trí Anh cải biên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 215tr. : hình ảnh ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 B108C
Số ĐKCB: TN.015874

1483 Cá mập vùng biển đỏ : Những cuộc phiêu lưu của Tintin / Hergé. - T.P. Hồ Chí Minh : Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2014. - 62tr. : tranh ảnh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 C100M
Số ĐKCB: TN.015821, TN.015822

1484 Kho báu của Rackham áo đỏ : Những cuộc phiêu lưu của Tintin / Hergé. - T.P. Hồ Chí Minh : Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2014. - 62tr. : tranh ảnh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 KH400B
Số ĐKCB: TN.015819, TN.015820

1485 Cua càng vàng : Những cuộc phiêu lưu của Tintin / Hergé. - T.P. Hồ Chí Minh : Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2014. - 62tr. : tranh ảnh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 C501C
Số ĐKCB: TN.015817, TN.015818

1486 Bí mật tàu Kỳ Lân : Những cuộc phiêu lưu của Tintin / Hergé. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 62tr. : tranh ảnh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 B300M
Số ĐKCB: TN.015815, TN.015816

1487 Chuyến bay 714 tới Sidney : Những cuộc phiêu lưu của Tintin / Hergé. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 62tr. : tranh ảnh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 CH527B
Số ĐKCB: TN.015813, TN.015814

1488 Vịt con xấu xí : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 V314C
Số ĐKCB: TN.015564

1489 Bộ quần áo mới của Hoàng đế : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 B450Q
Số ĐKCB: TN.015566

1490 Năm hạt đậu trong một quả đậu : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 N114H
Số ĐKCB: TN.015567

1491 Cô bé bán diêm : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C450B
Số ĐKCB: TN.015568

1492 Em bé Hồ Lê : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 E202B
Số ĐKCB: TN.015569

1493 Nàng tiên cá : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 N106T
Số ĐKCB: TN.015570

1494 Ba chiếc lá : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 B100C
Số ĐKCB: TN.015563

1495 Lũ sắp đến rồi : Những câu chuyện về đức tính tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 L500S
Số ĐKCB: TN.015562

1496 Ai làm đúng : Những câu chuyện về đức tính tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 A-103L
Số ĐKCB: TN.015561

1497 Mùa xuân xinh đẹp : Những câu chuyện về đức tính tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 M501X
Số ĐKCB: TN.015560

1498 Một ngày với anh hùng Achilles = A day with Achilles. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb tp Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 883 M458N
Số ĐKCB: TN.015596

1499 Cô bé người gỗ : Những câu chuyện rèn thói quen tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C450B
Số ĐKCB: TN.015558

1500 Sâu ở đâu : Những câu chuyện rèn thói quen tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 S125Ơ
Số ĐKCB: TN.015559

1501 Gấu Habi qua sông : Những câu chuyện rèn thói quen tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 G125H
Số ĐKCB: TN.015557

1502 Chiếc mũ mắc trên cành cây : Những câu chuyện rèn thói quen tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH303M
Số ĐKCB: TN.015556

1503 Chiếc khăn tay bằng lá cây : Những câu chuyện rèn thói quen tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH303K
Số ĐKCB: TN.015555

1504 Nhím con bị ốm : Những câu chuyện rèn thói quen tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 NH310C
Số ĐKCB: TN.015554

1505 Sóc con muốn về nhà : Những câu chuyện về đức tính tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 S419C
Số ĐKCB: TN.015553

1506 Nhân viên đưa thư : Những câu chuyện về đức tính tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 NH121V
Số ĐKCB: TN.015552

1507 Chuông gió đáng yêu : Những câu chuyện về đức tính tốt / Thiên Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH518G
Số ĐKCB: TN.015551

1508 Người mẹ tuyệt vời / Thiên Kim. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2007
Tóm tắt:

Số ĐKCB: CD.000372, TN.008392, TN.008393, TN.008394, TN.008395, TN.008396, TN.008552

1509 Tớ và ấy / Thu Quyên b.s. - Hà Nội : Lao động, 2010. - 132tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223408 T460V
Số ĐKCB: PM.055000, TN.011887, PM.054999

1510 Cún bụi đời / Daniel Pennac; Nguyễn Minh Hoàng d.; Miles Hyman m.h. - Hà Nội : Hội nhà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 C512B
Số ĐKCB: PD.029332, PM.054245, TN.011027, TN.011028, TN.011029

1511 Chuyện tuổi chúng mình / Thu Quyên b.s. - Hà Nội : Lao động, 2010. - 174tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PM.039620, PM.039621, TN.011018, TN.011019, TN.011020, PD.029157

1512 Người xanh của trái đất hồng / Vitali Melentien; d.: Đặng Ngọc Long, Vũ Việt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 216tr. ; 21cm

Tóm tắt:

1513 11 chú mèo và chim Hải âu / Baba, Noboru : Trẻ , 2018 - 39 tr. ; 26 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.023667

1514 Ước mơ : Trẻ , 2023 - Gieo mầm tính cách. ; 19 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: LD.054071, TN.023221, TN.023222, TN.023223, TN.023224

1515 Lá nằm trong lá / Nguyễn, Nhật Ánh. : Trẻ , 2023 - 252 tr. ; 20 cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053621, TN.023256, TN.023257, TN.023258, TN.023259, XLD.004637

1516 Bí mật trong thung lũng / Trung trung Đỉnh : Kim Đồng , 2023 - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.053502, LD.053503, TN.023484, TN.023485, TN.023486, TN.023487

1517 Giải cứu những chiếc kén / Su Gấu Bim : Trẻ , 2022 - 32tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 GI-103C 23/GI-103 C
Số ĐKCB: TN.022607, TN.022608, TN.022609

1518 Quán ánh trăng khuya / Lee Bun - Hee : Phụ nữ VN , 2022 - 82tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.052339, LD.052340, TN.022442, TN.022443, TN.022444, TN.022445, XLD.004564

1519 Tình nghĩa thủy chung : Mỹ thuật , 2020 - 110 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.021738, TN.021739, TN.021740

1520 Tình nghĩa thủy chung : Mỹ thuật , 2020 - 110 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597/
Số ĐKCB: TN.021738, TN.021739, TN.021740

1521 Tình nghĩa thủy chung : Mỹ thuật , 2020 - 110 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: /
Số ĐKCB: TN.021738, TN.021739, TN.021740

1522 Đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập hằng tuần toán 4. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 127tr. ; 24cm
T.2 : Đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập hằng tuần toán 4. - 2010. - 127tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012565, TN.012566, TN.012567

1523 Đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập hằng tuần toán 4. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 124tr. ; 24cm
T.1 : Đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập hằng tuần toán 4. - 2010. - 124tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012562, TN.012563, TN.012564

1524 Hướng dẫn giải Violympic toán 3 / Võ Thị Hoài Tâm. - Hà Nội. - cm. - 39000đ
T.1 : Đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập hằng tuần toán 3. - 2010. - 104tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012554, TN.012555, TN.012556

1525 Hướng dẫn giải Violympic toán 3 / Võ Thị Hoài Tâm. - Hà Nội. - cm. - 39000đ
T.2 : Đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập hằng tuần toán 3. - 2010. - 119tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012551, TN.012552, TN.012553

1526 Đất rừng Phương Nam / Đoàn Giỏi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192 tr. ; 15 cm
T.2 : Đất rừng Phương Nam. - 2000. - 192 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ124R
Số ĐKCB: TN.018256, TN.018257, TN.018258

1527 Đất rừng Phương Nam / Đoàn Giỏi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 190 tr. ; 15cm
T.2 : Đất rừng Phương Nam. - 2000. - 190 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018052, TN.018053, TN.018054, TNVN.000545, TNVN.000548

1528 Đất rừng Phương Nam / Đoàn Giỏi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192 tr. ; 15 cm
T1 : Đất rừng Phương Nam. - 2000. - 192 tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018049, TN.018050, TN.018051, TN.018253, TN.018254, TN.018255, TN.020546, TN.020547

1529 Play Way to English Pupil's book. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
T.2 : Play Way to English Pupil's book. - 2011. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 23/PL112W
Số ĐKCB: TN.014688, TN.014689

1530 Play Way to English Pupil's book. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
T.1 : Play Way to English Pupil's book. - 2011. - tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 23/PL112W
Số ĐKCB: TN.014686, TN.014687

1531 Ngọn tháp ma thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 23/NG430T
Số ĐKCB: TN.014654, TN.014655

1532 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.60 : Bubu đội mũ bảo hiểm. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020083, LD.049663, LD.049664, TN.020082, TN.020084

1533 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.59 : Bubu đá bóng. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020080, TN.020081, LD.049661, LD.049662, TN.020079

1534 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.58 : Bubu và cái gối ghiền. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020077, LD.049659, LD.049660, TN.020076, TN.020078

1535 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.57 : Bubu nằm mơ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: LD.049657, LD.049658, TN.020073, TN.020074, TN.020075

1536 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.56 : Lớp học của Bubu. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020072, LD.049655, LD.049656, TN.020070, TN.020071

1537 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.55 : Bubu làm thám tử. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020067, TN.020069, LD.049653, LD.049654, TN.020068

1538 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.54 : Bubu thích làm người lớn. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020064, TN.020066, LD.049651, LD.049652, TN.020065

1539 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.53 : Bubu ngăn nắp. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020061, LD.049649, LD.049650, TN.020062, TN.020063

1540 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.52 : Bubu tia chớp. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020058, TN.020059, LD.049647, LD.049648, TN.020060

1541 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.51 : Bubu ham chơi. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020055, TN.020056, TN.020057, LD.049645, LD.049646

1542 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.50 : Bubu vẽ tranh. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020052, TN.020054, LD.049643, LD.049644, TN.020053

1543 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.49 : Bubu bực mình. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020050, TN.020051, LD.049641, LD.049642, TN.020049

1544 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.48 : Bubu tò mò. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020046, TN.020048, LD.049639, LD.049640, TN.020047

1545 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.47 : Bubu dũng cảm. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020043, TN.020044, LD.049637, LD.049638, TN.020045

1546 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.46 : Bubu xin lỗi. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020040, TN.020041, TN.020042, LD.049635, LD.049636

1547 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.45 : Bubu chậm chạp. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020037, TN.020038, LD.049633, LD.049634, TN.020039

1548 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.44 : Bubu và mèo con. - 2019. - 14tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: LD.049631, LD.049632, TN.020034, TN.020035, TN.020036

1549 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.43 : Bubu nói dối. - 2019. - 14tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020032, LD.049629, LD.049630, TN.020031, TN.020033

1550 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.42 : Bubu đi bơi. - 2019. - 14tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020030, LD.049627, LD.049628, TN.020028, TN.020029

1551 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.41 : Bubu không sạch sẽ. - 2019. - 14tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: LD.049625, LD.049626, TN.020025, TN.020026, TN.020027

1552 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.40 : Bubu chơi trốn tìm. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: LD.049623, LD.049624, TN.020022, TN.020023, TN.020024

1553 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.39 : Bubu mừng sinh nhật. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020019, TN.020021, LD.049621, LD.049622, TN.020020

1554 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.38 : Bubu tha thứ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020016, TN.020017, LD.049619, LD.049620, TN.020018

1555 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.37 : Bubu không ý tứ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020014, TN.020015, LD.049617, LD.049618, TN.020013

1556 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.36 : Bubu đi nghỉ mát. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020011, TN.020012, LD.049615, LD.049616, TN.020010

1557 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.35 : Bubu ganh tỵ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020007, TN.020008, LD.049613, LD.049614, TN.020009

1558 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.34 : Bubu đi tựu trường. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020004, TN.020005, TN.020006, LD.049611, LD.049612

1559 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.33 : Bubu đi ngủ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.020001, TN.020002, LD.049609, LD.049610, TN.020003

1560 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.32 : Bubu tập làm bánh. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019999, TN.020000, LD.049607, LD.049608, TN.019998

1561 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.31 : Bubu và các bạn. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019995, TN.019997, LD.049605, LD.049606, TN.019996

1562 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.30 : Bubu thích giày mới. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019992, LD.049603, LD.049604, TN.019993, TN.019994

1563 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.29 : Bubu về quê. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019991, LD.049601, LD.049602, TN.019989, TN.019990

1564 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.28 : Bubu đi sở thú. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019987, TN.019988, LD.049599, LD.049600, TN.019986

1565 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.27 : Bubu thích ăn kẹo. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: LD.049597, LD.049598, TN.019983, TN.019984, TN.019985

1566 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.26 : Bubu bị cảm. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019980, TN.019981, TN.019982, LD.049595, LD.049596

1567 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.25 : Bubu đi nhổ răng. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: LD.049593, LD.049594, TN.019977, TN.019978, TN.019979

1568 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.24 : Bubu giúp mẹ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019974, TN.019975, TN.019976, LD.049591, LD.049592

1569 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.23 : Bubu học đàn. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: LD.049589, LD.049590, TN.019971, TN.019972, TN.019973

1570 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.22 : Bubu thích khủng long. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019969, LD.049587, LD.049588, TN.019968, TN.019970

1571 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.21 : Bubu thương em. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019965, TN.019967, LD.049585, LD.049586, TN.019966

1572 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.20 : Bubu tập trồng cây. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019962, LD.049583, LD.049584, TN.019963, TN.019964

1573 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.19 : Bubu đi chơi. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019959, TN.019961, LD.049581, LD.049582, TN.019960

1574 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.18 : Bubu đi xe đạp. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019958, LD.049579, LD.049580, TN.019956, TN.019957

1575 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.17 : Bubu mừng giáng sinh. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019953, TN.019955, LD.049577, LD.049578, TN.019954

1576 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.16 : Bubu giận hờn. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019950, TN.019952, LD.049575, LD.049576, TN.019951

1577 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.15 : Bubu bị bệnh. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019947, TN.019948, LD.049573, LD.049574, TN.019949

1578 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.14 : Bubu có em. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019945, TN.019946, LD.049571, LD.049572, TN.019944

1579 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.12 : Bubu đi lạc. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019941, LD.049569, LD.049570, TN.019942, TN.019943

1580 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.11 : Bubu đau răng. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019938, TN.019939, TN.019940, LD.049567, LD.049568

1581 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.10 : Bubu không cẩn thận. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019935, TN.019936, TN.019937, LD.049565, LD.049566

1582 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.9 : Bubu chơi với lửa. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019933, LD.049563, LD.049564, TN.019932, TN.019934

1583 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.8 : Bubu tham ăn. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019929, TN.019930, TN.019931, LD.049561, LD.049562

1584 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.7 : Bubu đến trường. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019926, TN.019928, LD.049559, LD.049560, TN.019927

1585 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.6 : Bubu làm họa sĩ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019923, LD.049557, LD.049558, TN.019924, TN.019925

1586 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.5 : Bubu ích kỷ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019921, TN.019922, LD.049555, LD.049556, TN.019920

1587 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.4 : Bubu xả rác. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019919, LD.049553, LD.049554, TN.019917, TN.019918

1588 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.3 : Bubu nhận lỗi. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019914, TN.019916, LD.049551, LD.049552, TN.019915

1589 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.2 : Bubu tìm thấy quả banh đỏ. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019911, TN.019912, TN.019913, LD.049549, LD.049550

1590 Bubu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Bé học lễ giáo). - 10000đ
T.1 : Bubu trung thực. - 2019. - 16tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.153 23/B500B
Số ĐKCB: TN.019910, LD.049547, LD.049548, TN.019908, TN.019909

1591 Trò chơi dành cho trẻ mầm non / Nguyên Anh s.t; Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Hồng Bàng, 2012. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T. : Chủ đề: Tăng cường thể lực. - 2012. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR400C
Số ĐKCB: TN.021196, TN.021197, TN.021198

1592 Trò chơi dành cho trẻ mầm non / Nguyên Anh s.t; Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Hồng Bàng, 2012. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T. : Chủ đề: Rèn luyện sự vận động khéo léo. - 2012. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR400C
Số ĐKCB: TN.021199, TN.021200, TN.021201

1593 Trò chơi dành cho trẻ mầm non / Nguyên Anh s.t; Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Hồng Bàng, 2012. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T. : Chủ đề: Tăng cường tính thẩm mỹ. - 2012. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR400C
Số ĐKCB: TN.021202, TN.021203, TN.021204

1594 Trò chơi dành cho trẻ mầm non / Nguyên Anh s.t; Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Hồng Bàng, 2012. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T. : Chủ đề: Rèn luyện tính đoàn kết. - 2012. - 20tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR400C
Số ĐKCB: TN.021205, TN.021206, TN.021207

1595 Winb club - Công chúa phép thuật : Tiểu thuyết / Randi Reisfeld; Thùy Trần d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Thanh niên. - 18cm. - 39000đ
T.3 : Sức mạnh của ngọn lửa Rồng Thiêng. - 2017. - 144tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/C455C
Số ĐKCB: TN.021418, TN.021419, TN.021420

1596 Wĩn club - Công chúa phép thuật : Tiểu thuyết / Randi Resfeld; Thùy Trần d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 144tr. ; 18cm
T.1 : Chào mừng đến với Alfea. - 2017. - 144tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/C455C
Số ĐKCB: TN.021415, TN.021416, TN.021417

1597 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Tin nhắn ẩn. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021280, TN.021281, TN.021282

1598 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Người bạn khổng lồ. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021271, TN.021272, TN.021273

1599 Thần đồng đất Việt - Toán học / Truyện: Huy Khanh, Đình Chi; Tranh: Quỳnh Nga, Phan Chân. - Hà Nội : Thời đại. - 19cm. - 10000đ.
T.44 : Bức tường bí ẩn. - 2011. - 38tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020853

1600 Thần đồng Đất Việt - Toán học / Đình Chi truyện; Phan Chân tranh. - Hà Nội : Thời đại, 2011. - 38tr. ; 19cm
T.25 : Ai đúng ai sai. - 2011. - 38tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020859

1601 Thần đồng đất Việt - Toán học / Truyện: Huy Khanh, Đình Chi; Tranh: Quỳnh Nga, Phan Chân. - Hà Nội : Thời đại. - 19cm. - 10000đ.
T.23 : Ống nhựa thần kỳ. - 2011. - 38tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: LD.050658, TN.020851, TN.020852

1602
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018603, TN.018604, TN.018605, TN.020534, TN.020535

1603
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018597, TN.018598, TN.018599, TN.020532, TN.020533

1604
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018594, TN.018595, TN.018596, TN.020530, TN.020531

1605 Bu bu xả rác. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002441, TN.002443

1606 Bu bu tìm thấy quả banh đỏ. - Tp. HCM : Trẻ, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002427, TN.002428, TN.002429

1607 Bu bu nhận lỗi. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002431, TN.002432

1608 Play Way to English Activity book. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
T.2 : Play Way to English Activity book. - 2011. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 23/PL112W
Số ĐKCB: TN.014684, TN.014685

1609 Play Way to English Activity book. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
T.1 : Play Way to English Activity book. - 2011. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 23/PL112W
Số ĐKCB: TN.014682, TN.014683

1610 Chuyện cổ dành cho tuổi. - Hải Phòng. - cm. - 25000đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.000016, TN.000017, TN.000018

1611 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 176 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - (Truyện tranh hiện đại Trung Quốc)
T.4 : Chú Thoòng. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 23/
Số ĐKCB: TN.014975, TN.014976

1612 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 176 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - (Truyện tranh hiện đại Trung Quốc)
T.3 : Chú Thoòng. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 23/
Số ĐKCB: TN.014973, TN.014974

1613 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 176 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - (Truyện tranh hiện đại Trung Quốc)
T.2 : Chú Thoòng. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 23/
Số ĐKCB: TN.014971, TN.014972

1614 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 176 tr. : hình vẽ ; 18 cm. - (Truyện tranh hiện đại Trung Quốc)
T.1 : Chú Thoòng. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 23/
Số ĐKCB: TN.014969, TN.014970

1615 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.16 : Ai tiễn đưa ai?. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 23/
Số ĐKCB: TN.014999, TN.015000

1616 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.15 : Vọng tưởng. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014997, TN.014998

1617 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.14 : Mãnh lực của đồng tiền. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5
Số ĐKCB: TN.014995, TN.014996

1618 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.13 : Quýt làm cam chịu. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014993, TN.014994

1619 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.12 : Vàng thau lẫn lộn. - 2011. - 175 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014991, TN.014992

1620 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.11 : Tiến thoái lưỡng nan. - 2011. - 175 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014989, TN.014990

1621 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.10 : Nước xa không cứu được lửa gần. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014987, TN.014988

1622 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.8 : Chim trời cá nước. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014985, TN.014986

1623 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.9 : Có trăng quên đèn. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014983, TN.014984

1624 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.7 : Nhân tình thế thái. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014981, TN.014982

1625 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.6 : Một mất mười ngờ. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014979, TN.014980

1626 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.5 : Cú nhảy kinh hoàng. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.014977, TN.014978

1627 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.27 : Tuyển những truyện hay nhất về chú Thoòng, Xã Xệ, Lý Toét và Lão Triệu /. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015021, TN.015022

1628 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.26 : Giơ cao đánh khẽ. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015019, TN.015020

1629 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.25 : Nhân tình thế thái. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/
Số ĐKCB: TN.015017, TN.015018

1630 Giúp em học tốt Ngữ văn 8 / Hoàng Thị Thơ. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
T.2 : Giúp em học tốt Ngữ văn 8. - 2010. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 806.7 23/GI-521E
Số ĐKCB: TN.012543, TN.012544

1631 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.24 : Lòng dạ con người. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015015, TN.015016

1632 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.23 : Thời đại tốc độ. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015013, TN.015014

1633 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.22 : Lý lẽ của kẻ yếu. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015011, TN.015012

1634 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.21 : Ngọa hổ tàng long. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015009, TN.015010

1635 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.20 : Há miệng chờ sung. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015007, TN.015008

1636 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.19 : Nằm mơ giữa ban ngày. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015005, TN.015006

1637 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.18 : Sự hững hờ đáng sợ. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.015003, TN.015004

1638 Chú Thoòng / Vương Trạch. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
T.17 : Thắng lợi tinh thần. - 2011. - 176 tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741.5 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.01500, TN.015001

1639 . - 20000. - 3 tập
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NH107C
Số ĐKCB: TN.002509, TN.002510, TN.002511, TN.002512, TN.002513

1640 . - 20000. - 3 tập
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NH107C
Số ĐKCB: TN.002504, TN.002505, TN.002506, TN.002507, TN.002508

1641 Người thủ lĩnh gốc rồng : Truyện tranh / Tạ Đông Chí Hải b.s ; Tranh: Trương Quân. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 93 tr. : tranh ; 19 cm. - (Truyện xưa đất Việt bằng tranh.)
T1 : Người thủ lĩnh gốc rồng. - 2001. - 93 tr. : tranh
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.001504, LD.001506, LD.001508, LD.001512, LD.010379, LD.001505, LD.001507, LD.001509, LD.001510, LD.001511, LD.001513,

1642 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016030, TN.016031, LD.052290, LD.052291, LD.052292

1643 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016028, TN.016029, LD.052287, LD.052288, LD.052289

1644 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016026, TN.016027, LD.052284, LD.052285, LD.052286

1645 Tý quậy : Kim Đồng , 2033 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016024, TN.016025, LD.052281, LD.052282, LD.052283

1646 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải T600Q

Số ĐKCB: TN.016022, TN.016023, LD.052278, LD.052279, LD.052280

1647 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 T600Q

Số ĐKCB: TN.016022, TN.016023, LD.052278, LD.052279, LD.052280

1648 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016020, TN.016021, LD.052275, LD.052276, LD.052277

1649 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016020, TN.016021, LD.052275, LD.052276, LD.052277

1650 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016018, TN.016019, LD.052272, LD.052273, LD.052274

1651 Tý quậy : Kim Đồng , 2023 - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Đào, Hải 895.9223/T600Q

Số ĐKCB: TN.016016, TN.016017, LD.052269, LD.052270, LD.052271

1652 Sử ta chuyện xưa kể kể lại / S.t.: Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín. - Hà Nội : Kim Đồng. - 21cm
T.3 : Từ hậu Lê Thánh Tông đến nhà Tây Sơn suy tàn. - 2019. - 299tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.015891, XLD.002250, XLD.002251, XLD.002252, XLD.002253, XLD.002254

1653 Sử ta chuyện xưa kể kể lại / S.t.: Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín. - Hà Nội : Kim Đồng. - 21cm
T.2 : Từ kỉ nguyên Đại Việt đến đỉnh cao Hồng Đức. - 2019. - 355tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.002245, XLD.002246, XLD.002247, XLD.002248, XLD.002249, TN.015890

1654 Sử ta chuyện xưa kể kể lại / S.t.: Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn Quốc Tín. - Hà Nội : Kim Đồng. - 21cm
T.1 : Từ thời các vua Hùng đến khởi đầu nền độc lập, tự chủ. - 2019. - 215tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: XLD.002240, XLD.002241, XLD.002242, XLD.002243, XLD.002244, TN.015889

1655 Nhường nhịn / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên m.h.. - Hà Nội, 2017. - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH561N
Số ĐKCB: TN.016685, TN.016686

1656 Biết nguy để tránh : Cuộc sống bao điều hay / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon ; Wiliam Lowenstein cộng tác; Henri Fellner minh họa; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 63tr. : tranh vẽ ; 23cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi và thắc mắc về những nguy hiểm thường xảy ra trong cuộc sống, cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài hước
Ký hiệu phân loại: 363.10083 23/B308N
Số ĐKCB: TN.016363, TN.016364, TN.016365

1657 Hiểu tiền rõ, tiêu tiền đúng : Cuộc sống bao điều hay / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon ; Clotilde Perrin minh họa ; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 63tr. : tranh vẽ ; 23cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi và thắc mắc về tiền bạc, cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài hước sẽ giúp bạn tiêu tiền hiệu quả hơn
Ký hiệu phân loại: 332.4083 23/H309T
Số ĐKCB: TN.016366, TN.016367, TN.016368

1658 Đẹp ơi chào mi! : Cuộc sống bao điều hay / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon ; Henri Fellner minh họa; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 63tr. : tranh vẽ ; 23cm
Tóm tắt: Gồm những câu hỏi, thắc mắc, cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài h

Ký hiệu phân loại: 111.85 23/Đ206-Ơ
Số ĐKCB: TN.016369, TN.016370, TN.016371

1659 Quảng cáo để làm gì? : Cuộc sống bao điều hay / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon ; Clotilde Perrin minh họa; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 63tr. : tranh vẽ ; 23cm
Tóm tắt: Gồm những câu hỏi, thắc mắc cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài h
Ký hiệu phân loại: 659.1083 23/QU106C
Số ĐKCB: TN.016372, TN.016373, TN.016374

1660 Julius Ceasar và những người bạn xấu xa / Toby Brown ; Vũ Minh Tú d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 192tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Nổi danh vang dội)
Tóm tắt: Giới thiệu về tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp chinh chiến của Julius Ceasar; con đường đưa ông trở thành người có quyền lực cao nhất thời La Mã cổ đại; chuyện tình của ông với nữ hoàng Ai Cập Cleopatra; cái chết của ông khởi đầu cho đế chế La Mã...
Ký hiệu phân loại: 937.02092 23/J510-I
Số ĐKCB: TN.016234, TN.016235, TN.016236

1661 Da Vinci và bộ óc siêu việt / Michael Cox ; Vũ Minh Tú d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 178tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Nổi danh vang dội)
Tóm tắt: Giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp của Leonardo da Vinci - không chỉ là hoạ sĩ mà ông còn là thiên tài khoa học về toán học, kĩ thuật, tư duy, một nhà kiến trúc sư, nhà quy hoạch thành phố...
Ký hiệu phân loại: 759.945 23/D100V
Số ĐKCB: TN.016237, TN.016238, TN.016239

1662 Alexander đại đế và lý do nổi tiếng / Phil Robins ; Vũ Minh Tú d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 178tr. : hình vẽ ; 20cm. - (Nổi danh vang dội)

Tóm tắt: Giới thiệu về tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp chinh chiến với những kì tích chói lọi và những cuộc du hành phi thường của Alexander đại đế mà đã được sử sách ghi nhận
Ký hiệu phân loại: 938.07092 23/A103E
Số ĐKCB: TN.016240, TN.016241, TN.016242

1663 Einstein và vũ trụ giãn nở / Mike Goldsmith ; Vũ Minh Tú d.. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 194tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Nổi danh vang dội)

Tóm tắt: Giới thiệu về tiểu sử, sự nghiệp của Albert Einstein - nhà bác học thiên tài với thuyết Tương đối và Vũ trụ giãn nở
Ký hiệu phân loại: 530.092 23/E201V
Số ĐKCB: TN.016243, TN.016244, TN.016245

1664
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 14/C103Đ
Số ĐKCB: TN.012622, TN.012623, TN.012624

1665 Bài hát dành cho trẻ mầm non / Tranh: Đậu Quyên, Phạm Nhung; Nguyên Anh s.t.. - Hà Nội : Văn học, 2014. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Chủ đề: Môi trường xã hội. - 2014. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B103H
Số ĐKCB: TN.021226, TN.021227, TN.021228

1666 Bài hát dành cho trẻ mầm non / Tranh: Đậu Quyên, Phạm Nhung; Nguyên Anh s.t.. - Hà Nội : Văn học, 2014. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Chủ đề: Động vật. - 2014. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B103H
Số ĐKCB: TN.021223, TN.021224, TN.021225

1667 Bài hát dành cho trẻ mầm non / Tranh: Đậu Quyên, Phạm Nhung; Nguyên Anh s.t.. - Hà Nội : Văn học, 2014. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Chủ đề: Bản thân. - 2014. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B103H
Số ĐKCB: TN.021220, TN.021221, TN.021222

1668 Bài hát dành cho trẻ mầm non / Tranh: Đậu Quyên, Phạm Nhung; Nguyên Anh s.t.. - Hà Nội : Văn học, 2014. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Chủ đề: Thiên nhiên đất nước. - 2014. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B103H
Số ĐKCB: TN.021217, TN.021218, TN.021219

1669 Bài hát dành cho trẻ mầm non / Minh Kiên tranh; Thanh Hằng s.t. lời. - Hà Nội : Văn học. - 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Chủ đề: Bé chơi bé hát. - 2014. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B103H
Số ĐKCB: TN.021214, TN.021215, TN.021216

1670 Bài hát dành cho trẻ mầm non / Minh Kiên tranh; Thanh Hằng s.t. lời. - Hà Nội : Văn học, 2014. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T. : Chủ đề Thiên nhiên đất nước. - 2014. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B103H
Số ĐKCB: TN.021211, TN.021212, TN.021213

1671 Bài hát dành cho trẻ mầm non / Minh Kiên tranh; Thanh Hằng s.t. lời. - Hà Nội : Văn học, 2014. - 20tr. ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
T. : Chủ đề gia đình. - 2014. - 20tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B103H
Số ĐKCB: TN.021208, TN.021209, TN.021210

1672 Thế giới những điều chưa biết / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Thế giới. - 27cm
T.8 : Cuộc sống quanh ta. - 2016. - 79tr. : ảnh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.021190, TN.021191, TN.021192

1673 Thế giới những điều chưa biết / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Thế giới, 2016. - 79tr. : ảnh màu ; 27cm
T.5 : Cơ thể người. - 2016. - 79tr. : ảnh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.021187, TN.021188, TN.021189

1674 Bé với xã hội / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Dành cho mẫu giáo nhỡ. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021514, TN.021515, TN.021516

1675 Bé với xã hội / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.1 : Dành cho mẫu giáo nhỡ. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021511, TN.021512, TN.021513

1676 Bé với ngôn ngữ / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Dành cho mẫu giáo lớn. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021526, TN.021527, TN.021528

1677 Bé với kiến thức và khoa học / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Dành cho mẫu giáo bé. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021505, TN.021506, TN.021507

1678 Bé với kiến thức và khoa học / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Dành cho mẫu giáo nhỡ. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021520, TN.021521, TN.021522

1679 Bé với kiến thức và khoa học / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.1 : Dành cho mẫu giáo nhỡ. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021517, TN.021518, TN.021519

1680 Bé với sức khỏe / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Dành cho mẫu giáo lớn. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021523, TN.021524, TN.021525

1681 Bé với sức khỏe / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021508, TN.021509, TN.021510

1682 Bé với sức khỏe / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.2 : Dành cho mẫu giáo bé. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021502, TN.021503, TN.021504

1683 Bé với sức khỏe / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 34tr. ; 17cm. - (Tủ sách mầm non)
T.1 : Dành cho mẫu giáo bé. - 2010. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200V
Số ĐKCB: TN.021499, TN.021500, TN.021501

1684 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Truyện tranh / Rainbow; ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Chuyến đi khó quên. - 2017. - 16 tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021331, TN.021332, TN.021333

1685 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Truyện tranh / Rainbow; ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Lễ hội thú cưng. - 2017. - 16 tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021328, TN.021329, TN.021330

1686 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Truyện tranh / Rainbow; ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Sinh nhật kỳ diệu. - 2017. - 16 tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021325, TN.021326, TN.021327

1687 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Truyện tranh / Rainbow; ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Trái tim rồng. - 2017. - 16 tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021322, TN.021323, TN.021324

1688 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Truyện tranh / Rainbow; ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Buổi hòa nhạc thần tiên. - 2017. - 16 tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021319, TN.021320, TN.021321

1689 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Truyện tranh / Rainbow; ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 16 tr. : tranh màu ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Một ngày làm ngôi sao. - 2017. - 16 tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021316, TN.021317, TN.021318

1690 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Truyện tranh / Rainbow; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Thời trang - phép thuật - công nghệ. - 2017. - 16 tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021313, TN.021314, TN.021315

1691 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn Phương Linh d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 32 tr. : minh họa ; 27 cm
T. : Chơi, cùng Winx sáng tạo !. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021337, TN.021338, TN.021339

1692 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn Phương Linh d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2016. - 16tr. : minh họa ; 27 cm
T. : Đi, cùng Winx phiêu lưu!. - 2016. - 16tr. : minh họa
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021334, TN.021335, TN.021336

1693 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 48 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Ý tưởng sáng tạo. - 2017. - 48 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021310, TN.021311, TN.021312

1694 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 48 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Nghề nghiệp yêu thích. - 2017. - 48 tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021307, TN.021308, TN.021309

1695 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 48 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Cô nàng phong cách. - 2017. - 48 tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021304, TN.021305, TN.021306

1696 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 48 tr. ; 27 cm. - (Tủ sách sáng tạo)
T. : Bữa tiệc bạn bè. - 2017. - 48 tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021301, TN.021302, TN.021303

1697 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Siêu thời trang. - 2017. - 48 tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021298, TN.021299, TN.021300

1698 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu / Rainbow; Nguyễn kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
Nhật ký phép thuật. - 2017. - 48 tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021295, TN.021296, TN.021297

1699 Ong và Kiến : Giúp các bạn nhỏ dễ dàng nhận biết thời gian / Angela Banner; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 82tr. ; 13cm
T. : Tập xem đồng hồ. - 2017. - 82tr.

Tóm tắt: Bộ sách cung cấp những phương pháp lý tưởng giúp bố mẹ có thể cùng đọc sách với con mình. Mạng đến nguồn cảm hứng đam mê học cho bé.
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/O431V
Số ĐKCB: TN.021541, TN.021542, TN.021543

1700 Ong và Kiến : Giúp các bạn nhỏ dễ dàng nhận biết các chữ cái / Angela Banner; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 82tr. ; 13cm
T. : Bảng chữ cái vui vẻ. - 2017. - 82tr.

Tóm tắt: Bộ sách cung cấp những phương pháp lý tưởng giúp bố mẹ có thể cùng đọc sách với con mình. Mạng đến nguồn cảm hứng đam mê học cho bé.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/O431V
Số ĐKCB: TN.021538, TN.021539, TN.021540

1701 Ong và Kiến : Giúp các bạn nhỏ dễ dàng ghi nhớ số đếm từ 1 đến 10 / Angela Banner; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 82tr. ; 13cm
T. : Bảng số đếm vui vẻ. - 2017. - 82tr.

Tóm tắt: Bộ sách cung cấp những phương pháp lý tưởng giúp bố mẹ có thể cùng đọc sách với con mình. Mạng đến nguồn cảm hứng đam mê học cho bé.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/O431V
Số ĐKCB: TN.021535, TN.021536, TN.021537

1702 Sea Games / Rainbow; Nguyễn Kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 22 tr. ; 27cm
T. : Căn phòng phép thuật. - 2018. - 22 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/S 200 A
Số ĐKCB: TN.021349, TN.021350, TN.021351

1703 Ong và Kiến : Giúp các bạn nhỏ làm quen và nhận biết từ tiếng anh đơn giản / Angela Banner; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 82tr. ; 13cm
T. : Các từ tiếng Anh nào có 3 chữ cái?. - 2017. - 82tr.

Tóm tắt: Bộ sách cung cấp những phương pháp lý tưởng giúp bố mẹ có thể cùng đọc sách với con mình. Mạng đến nguồn cảm hứng đam mê học cho bé.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/O431V
Số ĐKCB: TN.021532, TN.021533, TN.021534

1704 Sea Games / Rainbow; Nguyễn Kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 22 tr. ; 27cm
T. : Bức ảnh ký ức. - 2018. - 22 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/S 200 A
Số ĐKCB: TN.021346, TN.021347, TN.021348

1705 Sea Games / Rainbow; Nguyễn Kim Quy d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 22 tr. ; 27cm
T. : Người bạn biển cả. - 2018. - 22 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/S 200 A
Số ĐKCB: TN.021343, TN.021344, TN.021345

1706 Sea games / Rainbow; Nguyễn Kim Quy. - Hà Nội : Thanh niên. - 27cm
T. : Buổi hòa nhạc dưới đáy biển. - 2018. - 22 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/S 200 A
Số ĐKCB: TN.021340, TN.021341, TN.021342

1707 Ong và Kiến : Giúp các bạn nhỏ dễ dàng nhận biết đồ vật mỗi khi cùng cha mẹ ra ngoài mua sắm / Angela Banner; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 82tr. ; 13cm
T. : Nào mình cùng đi mua sắm!. - 2017. - 82tr.

Tóm tắt: Bộ sách cung cấp những phương pháp lý tưởng giúp bố mẹ có thể cùng đọc sách với con mình. Giúp các bạn nhỏ có thể dễ dàng nhận biết đồ vật mỗi khi cùng cha mẹ đi mua sắm.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/O431V
Số ĐKCB: TN.021529, TN.021530, TN.021531

1708 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Những vùng đất bí ẩn. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021292, TN.021293, TN.021294

1709 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Kẻ xâm nhập. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021289, TN.021290, TN.021291

1710 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Lạc lối với ô chữ. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021286, TN.021287, TN.021288

1711 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Mê cung. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021283, TN.021284, TN.021285

1712 Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Mùi hương phép thuật. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021277, TN.021278, TN.021279

Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. -
1713 Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Nhiệm vụ nguy hiểm. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021274, TN.021275, TN.021276

Câu lạc bộ các tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. -
1714 Hà Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Ký ức ngọt ngào. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021265, TN.021266, TN.021267

Câu lạc bộ tiên nữ sành điệu : Không gian phép thuật của Winx / RainboW; Ngân Hà d.. - Hà
1715 Nội : Thanh niên. - 27 cm
T. : Bậc thầy âm nhạc. - 2017. - 32 tr. : minh họa
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C125L
Số ĐKCB: TN.021268, TN.021269, TN.021270

Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. -
1716 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm công nhân. - 2014. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021389, TN.021390, TN.021391

Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. -
1717 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm Bưu tá. - 2014. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021386, TN.021387, TN.021388

Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. -
1718 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm MC. - 2014. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021382, TN.021392, TN.021393

Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. -
1719 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm diễn viên. - 2014. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021383, TN.021384, TN.021385

Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. -
1720 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm nhà thiết kế thời trang. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021379, TN.021380, TN.021381

1721 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh: Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm luật sư. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021376, TN.021377, TN.021378

1722 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh: Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm nhà báo. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021373, TN.021374, TN.021375

1723 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; Hồng Nhung tranh. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm họa sĩ. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021370, TN.021371, TN.021372

1724 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; Hồng Nhung tranh. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm giáo viên. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021367, TN.021368, TN.021369

1725 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; Hồng Nhung tranh. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm ca sĩ. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021364, TN.021365, TN.021366

1726 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh: Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm tiếp viên hàng không. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021361, TN.021362, TN.021363

1727 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh: Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm nhà khoa học. - 2014. - 24tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021358, TN.021359, TN.021360

1728 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; tranh: Hồng Nhung, Đậu Quyên. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm biên tập viên. - 2014. - 24tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021355, TN.021356, TN.021357

1729 Ước mơ của bé / Nguyên Anh s.t; Hồng Nhung tranh. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 24tr. ; 24cm
T. : Lớn lên bé làm bộ đội. - 2014. - 24tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Ư557M
Số ĐKCB: TN.021352, TN.021353, TN.021354

1730 Truyện cổ tích thế giới hay nhất / Hồng Hạnh d.. - Hà Nội : Hồng Bàng, 2012. - 164tr. ; 27cm
T.3 : Truyện cổ tích thế giới hay nhất. - 2012. - 164tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.021148, TN.021149, TN.021150

1731 Truyện cổ tích thế giới hay nhất / Hồng Hạnh d.. - Hà Nội : Hồng Bàng, 2012. - 164tr. ; 27cm
T.2 : Truyện cổ tích thế giới hay nhất. - 2012. - 164tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.021145, TN.021146, TN.021147

1732 Thế giới những điều chưa biết / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Thế giới, 2016. - 80tr. ; 27cm
T.1 : Thực vật. - 2016. - 80tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 580 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.021184, TN.021185, TN.021186

1733 10 phút dạy trẻ mỗi ngày : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lí Tú Anh ch.b; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2012. - 90tr. ; 25cm
T.8 : 10 phút dạy trẻ mỗi ngày. - 2012. - 90tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/M558P
Số ĐKCB: TN.021181, TN.021182, TN.021183

1734 10 phút dạy trẻ mỗi ngày : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lí Tú Anh ch.b; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2012. - 90tr. ; 25cm
T.7 : 10 phút dạy trẻ mỗi ngày. - 2012. - 90tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/M558P
Số ĐKCB: TN.021178, TN.021179, TN.021180

1735 10 phút dạy trẻ mỗi ngày : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lí Tú Anh ch.b; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2012. - 90tr. ; 25cm
T.6 : 10 phút dạy trẻ mỗi ngày. - 2012. - 90tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/M558P
Số ĐKCB: TN.021175, TN.021176, TN.021177

1736 10 phút dạy trẻ mỗi ngày : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lí Tú Anh ch.b; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2012. - 90tr. ; 25cm
T.5 : 10 phút dạy trẻ mỗi ngày. - 2012. - 90tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/M558P
Số ĐKCB: TN.021172, TN.021173, TN.021174

1737 10 phút dạy trẻ mỗi ngày : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi / Lí Tú Anh ch.b; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2012. - 90tr. ; 25cm
T.4 : 10 phút dạy trẻ mỗi ngày. - 2012. - 90tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/M558P
Số ĐKCB: TN.021169, TN.021170, TN.021171

1738 Truyện cổ tích lừng danh thế giới về các chàng hoàng tử / Andersen. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 32tr. ; 25cm
T. : Bộ quần áo mới của hoàng đế. - 2010. - 32tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.021241, TN.021242, TN.021243

1739 Truyện cổ tích lừng danh thế giới về các chàng hoàng tử / Carlo Collodi. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 32tr. ; 25cm
T. : Pinocchio chú bé người gỗ. - 2010. - 32tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.021238, TN.021239, TN.021240

1740 Thì sự khác nhau / Trọng Thiều Phong ch.b; Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 32tr. ; 25cm
T. : Vụ trụ và các vì sao. - 2010. - 32tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.46 23/T310S
Số ĐKCB: TN.021232, TN.021233, TN.021234

1741 Thì sự khác nhau / Trọng Thiều Phong ch.b; Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 32tr. ; 25cm
T. : Đại dương kỳ diệu. - 2010. - 32tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.46 23/T310S
Số ĐKCB: TN.021235, TN.021236, TN.021237

1742 Vui làm Toán để ngủ ngon = Bedtime Math / Laura Overdeck; Jim Paillot m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 100tr. ; 24cm
T.4 : Vui làm Toán để ngủ ngon. - 2020. - 100tr.

Tóm tắt: Giúp các em khám phá môn Toán qua những chủ đề về thế giới muôn màu như: Khả năng nhảy xa của chuột túi, áp lực của nước dưới đáy đại dương, thời tiết tốt hay xấu...

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/V510L

Số ĐKCB: TN.021072, TN.021073, TN.021074, TN.021075

1743 Vui làm Toán để ngủ ngon = Bedtime Math / Laura Overdeck; Jim Paillot m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 100tr. ; 24cm

T.3 : Vui làm Toán để ngủ ngon. - 2020. - 100tr.

Tóm tắt: Giúp các em khám phá môn Toán qua những chủ đề về thế giới muôn màu như: Khả năng nhảy xa của chuột túi, áp lực của nước dưới đáy đại dương, thời tiết tốt hay xấu...

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/V510L

Số ĐKCB: TN.021069, TN.021070, TN.021071, TN.021138

1744 Vui làm Toán để ngủ ngon = Bedtime Math / Laura Overdeck; Jim Paillot m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 100tr. ; 24cm

T.2 : Vui làm Toán để ngủ ngon. - 2020. - 100tr.

Tóm tắt: Giúp các em khám phá môn Toán qua những chủ đề về thế giới muôn màu như: Khả năng nhảy xa của chuột túi, áp lực của nước dưới đáy đại dương, thời tiết tốt hay xấu...

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/V510L

Số ĐKCB: TN.021065, TN.021066, TN.021067, TN.021068

1745 Vui làm Toán để ngủ ngon = Bedtime Math / Laura Overdeck; Jim Paillot m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 100tr. ; 24cm

T.1 : Vui làm Toán để ngủ ngon. - 2020. - 100tr.

Tóm tắt: Giúp các em khám phá môn Toán qua những chủ đề về thế giới muôn màu như: Khả năng nhảy xa của chuột túi, áp lực của nước dưới đáy đại dương, thời tiết tốt hay xấu...

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/V510L

Số ĐKCB: TN.021061, TN.021062, TN.021063, TN.021064

1746 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.34 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M

Số ĐKCB: TN.021136, TN.021137

1747 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.33 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M

Số ĐKCB: TN.021134, TN.021135

1748 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.32 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021132, TN.021133

1749 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.31 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021130, TN.021131

1750 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.30 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021128, TN.021129

1751 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.29 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021126, TN.021127

1752 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.28 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021124, TN.021125

1753 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.27 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021122, TN.021123

1754 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm

T.26 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021120, TN.021121

1755 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm
T.25 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021118, TN.021119

1756 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2020. - 190tr. ; 18cm
T.24 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2020. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.021116, TN.021117

1757 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.29 : làn hơi siêu hạng. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020839

1758 Thần đồng Đất Việt : Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2008. - 38tr. ; 19cm
T.62 : Ác hoa ăn thịt. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020844

1759 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.11 : Món mề gãy răng. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020838

1760 Thần đồng Đất Việt : Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2008. - 38tr. ; 19cm
T.30 : Sám hối sau mơ. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020840

1761 Thần đồng Đất Việt : Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2008. - 38tr. ; 19cm
T.50 : Phụ gia đặc biệt. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020841

1762 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.58 : Câu chuyện mela. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020843

1763 Thần đồng Đất Việt : Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2008. - 38tr. ; 19cm
T.67 : Nồi cơm dinh dưỡng. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020845

1764 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.73 : Bầy sâu chết giả. - 2008. - 37tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020846

1765 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.80 : Bí mật sương sâm. - 2008. - 37tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020847

1766 Thần đồng Đất Việt : Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2008. - 37tr. ; 19cm
T.95 : Bát cơm ý dĩ. - 2008. - 37tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020848

1767 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.115 : Sức mạnh hơi nước. - 2008. - 37tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020849

1768 Thần đồng Đất Việt - Mỹ thuật / Đặng Nhã truyện; Phan Chân tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2010. - 38tr. ; 19cm
T.41 : Tấm áo Mỵ Châu. - 2010. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020863

1769 Thần đồng Đất Việt - Mỹ thuật / Quỳnh Nga tranh; Huy Khanh truyện. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2010. - 38tr. ; 19cm

T.63 : Thời trang sửu ẹo. - 2010. - 38tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.020868

1770 Thần đồng đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.

T.62 : Tranh Mã cứu ngọ. - 2010. - 38tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.020867

1771 Thần đồng Đất Việt - Mỹ thuật / Quỳnh Nga tranh; Hồng Phượng truyện. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2010. - 38tr. ; 19cm

T.45 : Bản đồ kho báu. - 2010. - 38tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.020865, TN.020866

1772 Thần đồng đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.

T.43 : Khu vườn kinh dị. - 2010. - 38tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.020864

1773 Thần đồng Đất Việt - Mỹ thuật / Đặng Nhã truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2010. - 38tr. ; 19cm

T.34 : Linh thú trừ ma. - 2010. - 38tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.020862

1774 Thần đồng đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.

T.31 : Khó nhọc học thêu. - 2010. - 38tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.020861

1775 Thần đồng Đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2010. - 38tr. ; 19cm

T.15 : Tứ đại cao nhân. - 2010. - 38tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020857

1776 Thần đồng Đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2010. - 38tr. ; 19cm
T.11 : Tranh giả tranh thật. - 2010. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020855

1777 Thần đồng đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.7 : Cuộc chiến trong tranh. - 2010. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020854

1778 Bữa tiệc của Sâu Răng : Truyện kể cho bé trước giờ đi ngủ. Bồi dưỡng EQ, tăng cường IQ / Mã Thuý La, Mạch Hiểu Phàm, Lợi Ỷ Ân ; Thu Trang d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2020. - 130tr. ; 24cm. - (Tủ sách người kể chuyện dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi)
T.1 : Bữa tiệc của Sâu Răng. - 2020. - 130tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/B551T
Số ĐKCB: TN.020832, TN.020833

1779 Thần đồng đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.21 : Cọp nói tiếng người. - 2010. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020858, LD.050657

1780 Thần đồng đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.28 : Gáo dừa kỳ diệu. - 2011. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: LD.050659, TN.020860

1781 Thần đồng đất Việt - Mỹ thuật / Hoàng Sơn truyện; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.13 : Giấc mộng ban ngày. - 2009. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020856, LD.050656

1782 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.116 : Tay đua cự phách. - 2008. - 37tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020850, LD.050661, LD.050662

1783 Thần đồng đất Việt - Khoa học / Huỳnh Hải truyện & tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn. - 19cm. - 8000đ.
T.51 : Cao thủ ăn cay. - 2008. - 38tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.020842, LD.050660

1784 Nhật ký cậu bé siêu thần thiện / Jeff Kinney ; Hoàng Phương Thúy d.. - Hà Nội : Văn học. - 21 cm
T.2 : Rowley phiêu lưu ký. - 2020. - 221tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050446, LD.050447, TN.020943, TN.020944, LD.050445

1785 Nhật ký cậu bé siêu thần thiện / Jeff Kinney ; Hoàng Phương Thúy d.. - Hà Nội : Văn học. - 21 cm
T.1 : Rowley Jefferson. - 2020. - 223tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050442, TN.020945, TN.020946, LD.050443, LD.050444

1786 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.13 : Đại chiến trên tuyết. - 2021. - 222tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050559, TN.020969, TN.020970, LD.050558, LD.050560

1787 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.11 : Cược gấp đôi. - 2021. - 368tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050552, LD.050553, LD.050554, TN.020967, TN.020968

1788 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.10 : Những ngày xưa cũ. - 2021. - 360tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050550, LD.050551, TN.020965, TN.020966, LD.050549

1789 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.2 : Luật của Rodrick. - 2021. - 364tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050527, TN.020949, TN.020950, LD.050525, LD.050526

1790 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.1 : Nhật ký chú bé nhút nhát. - 2021. - 351tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.050522, TN.020947, TN.020948, LD.050523, LD.050524, LD.015064, LD.015057

1791 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.9 : Kỳ nghỉ thảm khốc. - 2021. - 372tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050546, LD.050548, TN.020963, TN.020964, LD.050547

1792 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.7 : Kỳ đà cản mũi. - 2021. - 364tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050540, LD.050542, TN.020959, TN.020960, LD.050541

1793 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.6 : Mắc kẹt. - 2021. - 368tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050537, TN.020957, TN.020958, LD.050538, LD.050539

1794 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.5 : Sự thật phũ phàng. - 2021. - 364tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: LD.050535, LD.050536, TN.020955, TN.020956, LD.050534

1795 Nhật ký chú bé nhút nhát : Song ngữ Việt - Anh / Jeff Kinney; Tommy Trần d.. - Hà Nội : Văn học. - 21cm. - 96000đ.
T.4 : Mùa hè tuyệt vời. - 2021. - 366tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH124K
Số ĐKCB: TN.020953, TN.020954, LD.050531, LD.050532, LD.050533

1796 Dế Mèn phiêu lưu kí / Tô Hoài. - Đồng Nai, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/D250M
Số ĐKCB: TN.017819

1797 Truyện cổ tích về người thợ săn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
T. 02 : Truyện cổ tích về người thợ săn. - 1999. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017818

1798 Cọc nhọn phơi xác thù. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017810, TNVN.000230

1799 Nhà khoa học tương lai. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.000223

1800 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 10 : Rắn Chuông. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018539, TN.018540, TNVN.002207

1801 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 09 : Khỉ tuyết. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018576, TN.018577, TN.018578

1802 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 08 : Gia đình sóc bay. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018573, TN.018574, TN.018575

1803 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 07 : Khỉ đào giếng. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018570, TN.018571, TN.018572

1804 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 06 : Sư tử săn rùa. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018567, TN.018568, TN.018569

1805 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 05 : Con chó đốm. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018564, TN.018565, TN.018566

1806 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 04 : Cái tết của chuột con. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018561, TN.018562, TN.018563

1807 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 03 : Nhện lặn. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018558, TN.018559, TN.018560

1808 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 02 : Sự sống trong lòng biển. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018581, TN.018582, TN.018583

1809 Truyện đồng thoại / Lê Quốc Hùng b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 151tr. ; 15cm
T. 01 : Cá đuối kêu cứu. - 2003. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018579, TN.018580, TNVN.002179

1810 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
T.8 : Pokémon trò chơi lý thú. - 2002. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000374, TNVL.000375, TNVL.000376

1811 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
T.7 : Pokémon trò chơi lý thú. - 2002. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000371, TNVL.000372, TNVL.000373

1812 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
T.6 : Pokémon trò chơi lý thú. - 2002. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000368, TNVL.000369, TNVL.000370

1813 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
T.5 : Pokémon trò chơi lý thú. - 2002. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019151, TN.019152, TNVL.000367

1814 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?]. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019148, TNVL.000362, TNVL.000363

1815 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
T.3 : Pokémon trò chơi lý thú. - 2002. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000359, TNVL.000360, TNVL.000361

1816 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
T.2 : Pokémon trò chơi lý thú. - 2002. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019149, TN.019150, TNVL.000356

1817 Pokémon trò chơi lý thú. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
T.1 : Pokémon trò chơi lý thú. - 2002. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000353, TNVL.000354, TNVL.000355

1818 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.82 : Ngốc nghếch (Phần 4). - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020418, TN.020419, TNVL.000313

1819 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.81 : Ngốc nghếch (Phần 3). - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020416, TN.020417, TNVL.000308

1820 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.80 : Ngốc nghếch (Phần 2). - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020414, TN.020415, TNVL.000306

1821 Lucky luke / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 30cm
T.79 : Ngốc nghếch (Phần 1). - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020412, TN.020413, TNVL.000303

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.78 : Một chuyến đi xa. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020410, TN.020411, TNVL.000299

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.77 : Con lạc đà. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020408, TN.020409, TNVL.000298

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.76 : Người đưa tin. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020404, TN.020405, TN.020406

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.75 : OKLAHOMA JIM. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020402, TN.020403, TNVL.000290

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.74 : Những kẻ có đầu óc. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020400, TN.020401, TNVL.000287

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.73 : Tứ quái Dalton đi ăn cưới. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TNVL.000284, TNVL.000285, TNVL.000286

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.72 : Con tin Rantanplan. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020398, TN.020399, TNVL.000282

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.71 : Con Darrain. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020397, TN.020407, TNVL.000280

1830 Lucky luke / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 30cm
T.70 : Cây cầu trên sông Mississill. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020395, TN.020396, TNVL.000277

1831 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.69 : " Nữ hoàng" Belle Stark. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020393, TN.020394, TNVL.000274

1832 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.68 : Kẻ đào tẩu. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020391, TN.020392, TNVL.000269

1833 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.67 : Trang trại O. K. CORRAL. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020389, TN.020390, TNVL.000266

1834 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.66 : Thằng hề. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020387, TN.020388, TNVL.000263

1835 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.65 : Tứ quái Dalton mất trí. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020385, TN.020386, TNVL.000260

1836 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.64 : Ông chú của tứ quái Dalton. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020383, TN.020384, TNVL.000258

1837 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.63 : Con vật hên. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020381, TN.020382, TNVL.000255

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1838 30cm
T.62 : Cuộc săn lùng ma. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020379, TN.020380, TNVL.000252

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1839 30cm
T.61 : Vùng đất londike. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020377, TN.020378, TNVL.000248

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1840 30cm
T.60 : Nhóc Lucky. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020375, TN.020376, TNVL.000245

1841 Lucky luke / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 30cm
T.59 : Đường rây trên đồng cỏ. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020373, TN.020374, TNVL.000243

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1842 30cm
T.58 : Lucky Luke chống Soss Samon. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020370, TN.020371, TN.020372

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1843 30cm
T.57 : Các anh em họ nhà Dalton. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020369, TNVL.000236, TNVL.000238

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1844 30cm
T.56 : Theo vết tứ quái Dalton. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020367, TN.020368, TNVL.000234

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1845 30cm
T.55 : Bản ba lat tứ quái Dalton. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020365, TN.020366, TNVL.000230

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1846 30cm
T.54 : Dưới bầu trời miền tây. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020363, TN.020364, TNVL.000228
Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1847 30cm
T.53 : Một cuộc vượt ngục lý thú. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020361, TN.020362, TNVL.000226
Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1848 30cm
T.52 : Thị trấn Dalton. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020360, TNVL.000222, TNVL.000223
Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1849 30cm
T.51 : Hoàng đế Simth. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020358, TN.020359, TNVL.000218
Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1850 30cm
T.50 : Vùng đất Arizona. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020356, TN.020357, TNVL.000215
Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1851 30cm
T.49 : Lucky Luke chống gã patpoker. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020354, TN.020355, TNVL.000213
Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1852 30cm
T.48 : Rô - Đê - Ô. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020351, TN.020352, TN.020353
Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1853 30cm
T.47 : Những đối thủ tại Painfun. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020349, TN.020350, TNVL.000206

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1854 30cm
T.46 : Chứng cứ ngoại phạm. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020347, TN.020348, TNVL.000205

1855 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.018770, TNVN.002108, TNVN.002109

1856 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.19 : Báu vật trong hang Rồng. - 2003. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019129, TN.019131, TNVN.002104

1857 Lucky luke / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 30cm
T.45 : Thị trấn hoa cúc dại. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020345, TN.020346, TNVL.000201

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1858 30cm
T.44 : Tứ quái Dalton hết bệnh. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020343, TN.020344, TNVL.000197

1859 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.18 : Vũ điệu phù thủy. - 2003. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.018489, TN.019127, TN.019128

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1860 30cm
T.43 : Sợi dây treo cổ và.... - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020341, TN.020342, TNVL.000196

1861 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.17 : Con tem huyền bí. - 2003. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.018488, TN.019125, TNVN.002099

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1862 30cm
T.41 : Nàng Sarah Bernharot. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020339, TN.020340, TNVL.000191

1863 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.16 : X7 không trả lời. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019122, TN.019123, TN.019124

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1864 30cm
T.40 : Gia tài của Ran - Jan - Plan. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020336, TN.020337, TN.020338

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1865 30cm
T.39 : Dây kẽm gai trên đồng cỏ. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020334, TN.020335, TNVL.000185

1866 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.15 : Thông điệp ngoài trái đất. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.018772, TN.019120, TN.019121

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1867 30cm
T.38 : Những chiếc bánh ngô. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020332, TN.020333, TNVL.000183

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1868 30cm
T.37 : Chuyến xe bão táp. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020330, TN.020331, TNVL.000179

Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ;
1869 30cm
T.36 : Đoàn ngựa con tốc hành. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020328, TN.020329, TNVL.000176

1870 Lucky luke / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 30cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020326, TN.020327, TNVL.000175

1871 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.33 : Ngoài vòng pháp luật. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020324, TN.020325, TNVL.000170

1872 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.29 : Mỏ vàng của Dick Digger. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020322, TN.020323, TNVL.000168

1873 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.24 : Nhện chân dài. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020320, TN.020321, TNVL.000166

1874 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.22 : Cuộc đổ xô tới oklahoma. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020318, TN.020319, TNVL.000163

1875 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q

Số ĐKCB: TN.019117, TN.019118, TN.019119

1876 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.8 : Chuyến áp giải. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020302, TN.020303, TNVL.000160

1877 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal; Tú Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm

T.7 : Tên Billy the kid. - 2009. - 48tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K

Số ĐKCB: TN.020300, TN.020301, TNVL.000155

1878 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

T.13 : Những tu sĩ "Dỏm". - 2003. - tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019114, TN.019115, TN.019116

1879 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.6 : Daclystar tờ báo muôn hình. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020298, TN.020299, TNVL.000152

1880 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019111, TN.019112, TN.019113

1881 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.5 : Hôn thê của Lucky Lucke. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020296, TN.020297, TNVL.000151

1882 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.08 : Bầy thú trong lâu đài. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019108, TN.019109, TN.019110

1883 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.07 : Bí mật ngôi biệt thự cổ. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019105, TN.019106, TN.019107

1884 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.4 : Tứ quái Ton và Kho tàn. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020294, TN.020295, TNVL.000148

1885 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.3 : Đoàn lữ khách. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020292, TN.020293, TNVL.000144

1886 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.06 : Đầu gấu lớp 10B. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TNVN.002075

1887 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.2 : Kẻ săn tiền thưởng. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020290, TN.020291, TNVL.000141

1888 Lucky luke : Truyện tranh / Guy Vidal, Tu Hoa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2009. - 48tr. ; 30cm
T.1 : Bàn tay nhám. - 2009. - 48tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/L506K
Số ĐKCB: TN.020288, TN.020289, TNVL.000139

1889 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.05 : Bóng ma trên mô tô bay. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019102, TN.019103, TNVN.002072

1890 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019100, TN.019101, TNVN.002069

1891 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.03 : Ngôi mộ trống trên đồng hoang. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.018841, TN.019099, TNVN.002067

1892 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
T.02 : Lão thầy bói mù. - 2003. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019097, TN.019098, TNVN.002062

1893 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 29cm
T.25 : Những cuộc phiêu lưu. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TNVL.000134, TNVL.000135, TNVL.000136

1894 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.24 : Đạo quân chữ Z. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TNVL.000131, TNVL.000132, TNVL.000133

1895 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.23 : Bí mật thung lũng 7 ông Phật. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TNVL.000128, TNVL.000129, TNVL.000130

1896 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.22 : Bọn cướp thầm lặng. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TNVL.000125, TNVL.000126, TNVL.000127

1897 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.21 : Nỗi kinh hoàng ở.... - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TNVL.000122, TNVL.000123, TNVL.000124

1898 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.20 : Con hắc tinh tinh vui vẻ. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020315, TN.020316, TN.020317

1899 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.19 : Con hắc tinh tinh vui vẻ. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020313, TN.020314, TNVL.000116

1900 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 29cm
T.18 : Cái đầu hắc ám. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020311, TN.020312, TNVL.000115

1901 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.17 : Cái đầu hắc ám. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020309, TN.020310, TNVL.000110

1902 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.16 : Tổ ấm Marsupilami. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020308, TNVL.000107, TNVL.000109

1903 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.15 : Tổ ấm Marsupilami. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TNVL.000104, TNVL.000105, TNVL.000106

1904 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.14 : Mạo hiểm vào hang cá lịch. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020306, TN.020307, TNVL.000102

1905 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.13 : Mạo hiểm vào hang cá lịch. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020304, TN.020305, TNVL.000100

1906 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.12 : Nhà độc tài và cây nấm. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019214, TN.019215, TN.019239

1907 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.11 : Nhà độc tài và cây nấm. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019211, TN.019212, TN.019213

1908 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.10 : Chiếc sừng tê giác. - 2000. - 34tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019208, TN.019209, TN.019210

1909 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.9 : Chiếc sừng tê giác. - 2000. - 34tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019205, TN.019206, TN.019207

1910 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.8 : Những kẻ trộm. - 2000. - 34tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019202, TN.019203, TN.019204

1911 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.7 : Những kẻ trộm. - 2000. - 34tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019132, TN.019133, TNVL.000081

1912 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.6 : Spirou và những người thừa kế. - 2000. - 34tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019200, TN.019201, TNVL.000079

1913 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 34tr. ; 29cm
T.5 : Spirou và những người thừa kế. - 2000. - 34tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019197, TN.019198, TN.019199

1914 Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 29cm
T.4 : Có một lão phù thủy. - 2000. - 34tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019194, TN.019195, TN.019196

Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d..
1915 - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 29cm
T.3 : Có một lão phù thủy ở Champignac. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019191, TN.019192, TN.019193

Những cuộc phiêu lưu của Spirou và Fantasio / Truyện và tranh: Tifé, Franquin; Thanh Mai d..
1916 - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 29cm
T.2 : Bí mật ở biên giới. - 2000. - 34tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.019188, TN.019189, TN.019190

Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh :
1917 Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 7 : Iznogoud và ngày của những gã điên. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TN.020286, TN.020287, TNVL.000064

Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh :
1918 Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 7 : Củ cà rốt cho Iznogoud. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TNVL.000059, TNVL.000060, TNVL.000061

Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh :
1919 Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 6 : Iznogoud và chiếc máy tính thần kỳ. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TN.020285, TNVL.000057, TNVL.000058

Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh :
1920 Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 5 : Những ngôi sao cho Iznogoud. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TNVL.000053, TNVL.000054, TNVL.000055

Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh :
1921 Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 4 : Gã tể tướng đê tiện. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TNVL.000050, TNVL.000051, TNVL.000052

1922 Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 3 : Những chuyến nghĩ hè. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TNVL.000047, TNVL.000048, TNVL.000049

1923 Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 2 : Đại tể tướng Jznogond. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TNVL.000044, TNVL.000045, TNVL.000046

1924 Jznogond tể tướng xấu bụng / Tabary tranh; Goscinny lời; Anh Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 48tr. ; 28cm
T. 1 : Những âm mưu xấu bụng. - 2000. - 48tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/J000Z
Số ĐKCB: TNVL.000041, TNVL.000042, TNVL.000043

1925 Tứ quái TKKG : Truyện trinh thám / Stefan Wolf. - Hà Nội. - cm. - 5000đ
T.01 : Thủ phạm tàng hình. - 2003. - tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/T550Q
Số ĐKCB: TN.019096, TNVN.002060, TNVN.002061

1926 Pantomas ở nước Nga Sa hoàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019069, TN.019070, TN.019071

1927 Pantomas ở nước Nga Sa hoàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019066, TN.019067, TN.019068

1928 Pantomas ở nước Nga Sa hoàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019063, TN.019064, TN.019065

1929 Kho báu của Pantomas. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019039, TN.019040, TN.019041

1930 Kho báu của Pantomas. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019036, TN.019037, TN.019038

1931 Kho báu của Pantomas. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019033, TN.019034, TN.019035

1932 Khách sạn của tội ác. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019085, TN.019086, TN.019087

1933 Khách sạn của tội ác. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019084

1934 Khách sạn của tội ác. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019081, TN.019082, TN.019083

1935 Kẻ cướp vàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019093, TN.019094, TN.019095

1936 Kẻ cướp vàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019090, TN.019091, TN.019092

1937 Kẻ cướp vàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019088, TN.019089, TN.020516

1938 Từ mặt nạ vàng đến Pantomas. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019051, TN.019052, TN.019053

1939 Từ mặt nạ vàng đến Pantomas. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019048, TN.019049, TN.019050

1940 Từ mặt nạ vàng đến Pantomas. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019045, TN.019046, TN.019047

1941 Từ mặt nạ vàng đến Pantomas. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019042, TN.019043, TN.019044

1942 Tạo dựng nữ hoàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019078, TN.019079, TN.019080

1943 Tạo dựng nữ hoàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019075, TN.019076, TN.019077

1944 Tạo dựng nữ hoàng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019072, TN.019073, TN.019074

1945 Người khổng lồ / Pierre Souvestre. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019060, TN.019061, TN.019062

1946 Người khổng lồ / Pierre Souvestre. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019057, TN.019058, TN.019059

1947 Người khổng lồ / Pierre Souvestre. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019054, TN.019055, TN.019056

1948 Chớp trắng / Thu Bồn. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019023, TN.019024, TN.019025

1949 Chớp trắng / Thu Bồn. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018898, TN.019021, TN.019022

1950 Bè trầm / Nguyễn Trọng Tín. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018913, TN.018914, TN.018915, TN.018916, TN.018917

1951 Bè trầm / Nguyễn Trọng Tín. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018908, TN.018909, TN.018910, TN.018911, TN.018912

1952 Miền xanh thẳm / Trần Hoài Dương. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019010, TN.019011, TN.019012, TN.019013, TN.019014

1953 Miền xanh thẳm / Trần Hoài Dương. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019005, TN.019006, TN.019007, TN.019008, TN.019009

1954 Nhân Viên điều tra / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 128tr. ; 19cm
T.3 : Tay đua kiệt xuất. - 2000. - 128tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH121V
Số ĐKCB: TNVN.001446, TNVN.001447

1955 Nhân Viên điều tra / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 128tr. ; 19cm
T.2 : Cô dâu bốc cháy. - 2000. - 128tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH121V
Số ĐKCB: TNVN.001444, TNVN.001445

1956 Nhân Viên điều tra / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 128tr. ; 19cm
T.1 : Chú gấu đang nhìn. - 2000. - 128tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH121V
Số ĐKCB: TNVN.001442, TNVN.001443

1957 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018832, TN.018870, TNVN.001439

1958 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001436, TNVN.001437, TNVN.001438

1959 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018871, TNVN.001434, TNVN.001435

1960 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001430, TNVN.001431, TNVN.001432

1961 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001427, TNVN.001428, TNVN.001429

1962 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001424, TNVN.001425, TNVN.001426

1963 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001421, TNVN.001422, TNVN.001423

1964 Tân tạc dăng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001418, TNVN.001419, TNVN.001420

1965 Tân tạc dăng. - Hà Nội. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001415, TNVN.001416, TNVN.001417

1966 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.39 : Harry Potter và chiếc cốc lửa.... - 2000. - 96tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018441, TN.018442, TN.018443

1967 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.38 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Bài thi thứ ba. - 2000. - 96tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018437, TN.018438, TN.018440

1968 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.37 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Cái chậu thần kỳ. - 2000. - 96tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018434, TN.018435, TN.018436

1969 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.36 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Cơn điên bất ngờ. - 2000. - 96tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018432, TN.018433, TNVN.001267

1970 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.35 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Bài thi cực khó. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018429, TN.018430, TN.018431

1971 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.34 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Đề thi thứ hai. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018426, TN.018427, TN.018428

1972 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.33 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Tìm bạn nhảy. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018423, TN.018424, TN.018425

1973 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.32 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Bài thi đầu tiên. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018420, TN.018421, TN.018422

1974 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.31 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Nữ ký giả phiền nhiễu. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018416, TN.018418, TN.018419

1975 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.30 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Vị quán quân tí hon. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018414, TN.018415, TN.018417

1976 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.29 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Sự trừng phạt đích đáng. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018411, TN.018412, TN.018413

1977 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.28 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Trở về Hogwarts. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018408, TN.018409, TN.018410

1978 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.27 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Cuộc vui bị phá bĩnh. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018405, TN.018406, TN.018407

1979 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.26 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Bãi cắm trại phù thuỷ. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018403, TN.018404, TN.018439

1980 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.25 : Harry Potter và chiếc cốc lửa - Căn nhà ma. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018400, TN.018401, TN.018402

1981 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.24 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Cuộc giải thoát ngoạn mục. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018398, TN.018399, TN.019032

1982 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.23 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Lý lịch của chuột Scabbers. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018395, TN.018396, TN.018397

1983 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.22 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Phán quyết về con bằng - Mã. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018392, TN.018393, TN.018394

1984 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.21 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Câu thần chú xua giám ngục. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018389, TN.018390, TN.018391

1985 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.20 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Bản đồ của đạo tặc. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018386, TN.018387, TN.018388

1986 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.19 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Thất bại đầu tiên. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018384, TN.018385, TN.020522

1987 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.18 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Lớp học sinh vật huyền bí. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018382, TN.018383, TNVN.001211

1988 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.17 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Vị giáo sư bí ẩn. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018380, TN.018381, TNVN.001208

1989 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.16 : Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban - Chuyến xe đò hiệp sĩ. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018378, TN.018379, TNVN.001207

1990 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.15 : Harry Potter và phòng chứa bí mật - Người kế vị Slytherin. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018375, TN.018376, TN.018377

1991 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.14 : Harry Potter và phòng chứa bí mật - Theo chân đàn nhện. - 2000. - 96tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018372, TN.018373, TN.018374

1992 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.13 : Harry Potter và phòng chứa bí mật - Cuốn nhật kí bí ẩn. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018370, TN.018371, TNVN.001198

1993 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.12 : Harry Potter và phòng chứa bí mật - Món thuốc đa dịch. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018367, TN.018368, TN.018369

1994 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.11 : Harry Potter và phòng chứa bí mật - Trận Quidditch quái ác. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018364, TN.018365, TN.018366

1995 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.10 : Harry Potter và .... - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018363, TNVN.001187, TNVN.001188

1996 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.9 : Harry Potter và chiếc xe bay. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018360, TN.018361, TN.018362

1997 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.8 : Harry Potter và kỳ nghỉ hè lạ lùng. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018357, TN.018358, TN.018359

1998 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 18cm
T.7 : Harry Potter và Hòn đá phù thuỷ. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018355, TN.018356, TNVN.001179

1999 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.6 : Khu rừng bí ẩn. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018354, TNVN.001176, TNVN.001177

2000 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.5 : Chiếc áo tàng hình. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018352, TN.018353, TNVN.001174

2001 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.4 : Cuộc đọ sức đầu tiên. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018350, TN.018351, TNVN.001171

2002 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.3 : Chiếc mũ phù thủy. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018349, TNVN.001166, TNVN.001168

2003 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.2 : Phố mua sắm phù thủy. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018347, TN.018348, TNVN.001163

2004 Harry Potter / I. K. Rowling; Lý Lan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 96tr. ; 18cm
T.1 : Những bức thư kỳ bí. - 2000. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/H100R
Số ĐKCB: TN.018346, TNVN.001160, TNVN.001162

2005 Pi Pi Lăng Stơ Rum / A Lin - Đơ - Gren. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018275, TN.018276, TN.018277, TN.018278, TN.018279, TN.018280

2006 Pi Pi Lăng Stơ Rum / A Lin - Đơ - Gren. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018269, TN.018270, TN.018271, TN.018272, TN.018273, TN.018274

2007 Y Leng / Đào Vũ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 19cm. - (Tủ sách Vàng. Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi)
T.2 : Y Leng. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Y600L
Số ĐKCB: TN.018206, TN.018207, TN.018208

2008 Y Leng / Đào Vũ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 16cm. - (Tủ sách Vàng. Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi)
T.1 : Y Leng. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Y600L
Số ĐKCB: TN.018209, TN.018210, TN.018211

2009 Thằng nhóc / An - Phongx Đỗ - Đc, Yến Gia Ngân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 16cm
T.2 : Thằng nhóc. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/TH116N
Số ĐKCB: TN.018090, TN.018091, TN.018092, TN.018093, TN.018094

2010 Thằng nhóc / An - Phongx Đỗ - Đc, Yến Gia Ngân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 16cm
T.1 : Thằng nhóc. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/TH116N
Số ĐKCB: TN.018085, TN.018086, TN.018087, TN.018088, TN.018089

2011 Chuyện bí ẩn thường ngày / Paul Jennings; Xuân Hoài d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 16cm
T.4 : Chuyện bí ẩn thường ngày. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018080, TN.018081, TN.018082, TN.018083, TN.018084, TN.018290, TN.018291, TN.018292

2012 Chuyện bí ẩn thường ngày / Paul Jennings; Xuân Hoài d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 16cm
T.3 : Chuyện bí ẩn thường ngày. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018075, TN.018076, TN.018077, TN.018078, TN.018079, TN.018287, TN.018288, TN.018289

2013 Chuyện bí ẩn thường ngày / Paul Jennings; Xuân Hoài d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 16cm
T.2 : Chuyện bí ẩn thường ngày. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018070, TN.018071, TN.018072, TN.018073, TN.018074, TN.018283, TN.018284, TN.018285, TN.018286

2014 Chuyện bí ẩn thường ngày / Paul Jennings; Xuân Hoài d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 16cm
T.1 : Chuyện bí ẩn thường ngày. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018065, TN.018066, TN.018067, TN.018068, TN.018069, TN.018281, TN.018282

2015 Mái trường thân yêu / Lê Khắc Hoan. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/M103T
Số ĐKCB: TN.018060, TN.018061, TN.018062, TN.018063, TN.018064

2016 Mái trường thân yêu / Lê Khắc Hoan. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/M103T

Số ĐKCB: TN.018055, TN.018056, TN.018057, TN.018058, TN.018059

2017 Đất nước đứng lên : Tiểu thuyết / Nguyên Ngọc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 202tr. ; 16cm. - (Tủ sách Vàng : Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi)

T.2 : Đất nước đứng lên. - 2000. - 202tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018045, TN.018046, TN.018047, TN.018048, TN.018203, TN.018204, TN.018205, TNVN.000535

2018 Đất nước đứng lên : Tiểu thuyết / Nguyên Ngọc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 202tr. ; 16cm. - (Tủ sách Vàng : Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi)

T.1 : Đất nước đứng lên. - 2000. - 202tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ124N

Số ĐKCB: TN.018041, TN.018042, TN.018043, TN.018044, TNVN.000532

2019 Đội du kích thiếu niên Đình Bảng : Tiểu thuyết / Xuân Sách. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 202tr. ; 15cm

T.2 : Đội du kích thiếu niên Đình Bảng. - 2000. - 202tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ452D

Số ĐKCB: TN.018037, TN.018038, TN.018039, TN.018040, TNVN.000527

2020 Đội du kích thiếu niên Đình Bảng : Tiểu thuyết / Xuân Sách. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 202tr. ; 15cm

T.1 : Đội du kích thiếu niên Đình Bảng. - 2000. - 202tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ452D

Số ĐKCB: TN.018032, TN.018033, TN.018034, TN.018035, TN.018036

2021 Sừng rượu thề : Tiểu thuyết lịch sử / Nghiêm Đa Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 16cm

T.2 : Sừng rượu thề. - 2000. - 192tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/S556R

Số ĐKCB: TN.018027, TN.018028, TN.018029, TN.018030, TN.018031

2022 Sừng rượu thề : Tiểu thuyết lịch sử / Nghiêm Đa Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 16cm

T.1 : Sừng rượu thề. - 2000. - 192tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/S556R

Số ĐKCB: TN.018022, TN.018023, TN.018024, TN.018025, TN.018026

2023 Ông tướng của tôi / An-be-Likhanốp; d.: Bùi Việt, Mai Thế Chiến. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 202tr. ; 15cm

T.2 : Ông tướng của tôi. - 2000. - 202tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 23/Ô-455T
Số ĐKCB: TN.018017, TN.018018, TN.018019, TN.018020, TN.018021

2024 Ông tướng của tôi / An bê Eknalôp; d.: Bùi Việt, Mai Thế Chiến. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 202tr. ; 15cm
T.1 : Ông tướng của tôi. - 2000. - 202tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.73 23/Ô-455T
Số ĐKCB: TN.018013, TN.018014, TN.018015, TN.018016, TN.018900

2025 Rôbinxơn Cơruxô / Đanien Đêphô ; Hoàng Nguyên Cát d.. - Hà Nội : Kim Đồng. - 15cm
T.2 : Rôbinxơn Cơruxô. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 23/R450B
Số ĐKCB: TN.018005, TN.018008, TN.018009, TNVN.000495, TNVN.000498

2026 Rôbinxơn Cơruxô / Đanien Đêphô; Hoàng Nguyên Cát d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 15cm. - (Tủ sách vàng. Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi)
T.1 : Rôbinxơn Cơruxô. - 2000. - 192tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 23/R450B
Số ĐKCB: TN.018006, TN.018007, TN.018886, TNVN.000490, TNVN.000493

2027 Truyện cổ tích Việt Nam : Truyện tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; cm
T.4 : Chiếc bánh kỳ lạ. - 1999. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.017880, TN.017881, TN.017882, TNVN.000343

2028 Truyện cổ tích Việt Nam : Truyện tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; cm
T.2 : Chàng đánh cá Y - ang. - 1999. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.017876, TN.017877, TN.017878, TNVN.000337

2029 Truyện cổ tích Việt Nam : Truyện tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; cm
T.1 : Nàng Tiên thứ chín. - 1999. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.017873, TN.017874, TN.017875, TNVN.000331

2030 Truyện tiền thân đức phật bằng tranh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1999. - tr. ; cm
T.6 : Truyện tiền thân đức phật bằng tranh. - 1999. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/TR527T
Số ĐKCB: TNVN.000252, TNVN.000253

2031 Xây thành Cổ Loa. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/X126T
Số ĐKCB: TNVN.000225, TNVN.000226

2032 Những điều bí ẩn quanh em. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 23 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách khám phá)
T37 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018718, TN.018720

2033 Những điều bí ẩn quanh em. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 23 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách khám phá)
T27 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018334, TN.018335, TN.018336

2034 Những điều bí ẩn quanh em. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 23 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách khám phá)
T13 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018142, TN.018146, TN.018147, TN.018148, TN.018149, TN.018315, TN.018316, TN.018317

2035 Những điều bí ẩn quanh em. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 23 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách khám phá)
T2 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018109, TN.018110, TN.018111, TN.018112, TNVN.000635

2036 Cuộc sống muôn màu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.020777, TNVN.002177, TNVN.002178

2037 Cuộc sống muôn màu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.002173, TNVN.002174, TNVN.002175

2038 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017854, TNVN.000297, TNVN.000298, TNVN.000299, TNVN.000301

2039 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.017843, TN.017848, TN.017849, TN.017850, TN.017851

2040 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm. - 10000đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.017841, TN.017842, TN.017846, TN.017847, TN.017852

2041 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm. - 10000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C

Số ĐKCB: TN.017838, TN.017839, TN.017840, TNVN.000283, TNVN.000284

2042 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm. - 10000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C

Số ĐKCB: TN.017834, TN.017835, TN.017836, TN.017837, TNVN.000277

2043 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C

Số ĐKCB: TN.017833, TN.018012, TNVN.000273, TNVN.000274, TNVN.000275

2044 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm. - 10000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C

Số ĐKCB: TN.017829, TN.017830, TN.017831, TN.017832, TNVN.000267

2045 Truyện cổ tích Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C

Số ĐKCB: TN.017826, TN.017827, TN.017828, TN.017844, TNVN.000264

2046 Truyện cổ Thái Lan. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 1999. - 148tr. ; 16cm

T.03 : Truyện cổ Thái Lan. - 1999. - 148tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TNVN.000101, TNVN.000102, TNVN.000103, TNVN.000104, TNVN.000105

2047 Truyện cổ Thái Lan. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 1999. - 140tr. ; 16cm

T.02 : Truyện cổ Thái Lan. - 1999. - 140tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209593 23/TR527C

Số ĐKCB: TN.017764, TN.017765, TN.017766, TNVN.000096, TNVN.000099

2048 Truyện cổ Thái Lan. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 1999. - 132tr. ; 16cm

T.01 : Truyện cổ Thái Lan. - 1999. - 132tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017763, TNVN.000091, TNVN.000092, TNVN.000094, TNVN.000095

2049 Tập truyện đồng thoại. - Hà Nội. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018600, TN.018601, TN.018602, TN.020480, TN.020481

2050 Tập truyện đồng thoại. - Hà Nội. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018592, TN.018593, TN.020484, TN.020485, TNVN.001069

2051 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T36 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018723, TN.020733, TNVN.001007

2052 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T35 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018721, TN.018722, TN.020732

2053 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T34 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018344, TN.018345, TN.018719, TN.020731

2054 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T33 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018343, TN.020729, TN.020730

2055 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T32 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018342, TN.020727, TN.020728

2056 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T31 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018340, TN.018341, TN.020726

2057 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T30 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018339, TN.020724, TN.020725

2058 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T29 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020721, TN.020722, TN.020723

2059 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T28 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018337, TN.018338, TN.020720

2060 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T26 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018184, TN.018185, TN.018186, TN.018187, TN.018332, TN.018333, TN.020719, TNVN.000975

2061 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T25 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018180, TN.018181, TN.018182, TN.018183, TN.018331, TN.020717, TN.020718, TNVN.000753

2062 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T24 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018174, TN.018177, TN.018178, TN.018179, TN.018330, TN.020714, TN.020715, TN.020716

2063 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T23 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018175, TN.018176, TN.020711, TN.020712, TN.020713

2064 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T22 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018170, TN.018171, TN.018172, TN.018173, TN.018329, TN.020708, TN.020709, TN.020710

2065 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T21 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018167, TN.018168, TN.018169, TN.018328, TN.020705, TN.020706, TN.020707, TNVN.000964

2066 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T20 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018164, TN.018165, TN.018166, TN.018326, TN.018327, TN.020702, TN.020703, TN.020704

2067 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T19 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018161, TN.018162, TN.018163, TN.018325, TN.020699, TN.020700, TN.020701, TNVN.000721

2068 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T18 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018158, TN.018159, TN.018160, TN.018323, TN.018324, TN.020696, TN.020697, TN.020698

2069 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T17 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018155, TN.018156, TN.018157, TN.018321, TN.018322, TN.020693, TN.020694, TN.020695

2070 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T16 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018153, TN.018154, TN.018320, TN.020690, TN.020691, TN.020692, TNVN.000708, TNVN.000948

2071 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T15 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018150, TN.018151, TN.018152, TN.018319, TN.020687, TN.020688, TN.020689, TNVN.000704

2072 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T14 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018143, TN.018144, TN.018145, TN.018318, TN.020684, TN.020685, TN.020686, TNVN.000698

2073 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T12 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018140, TN.018141, TN.018312, TN.018313, TN.018314, TN.020681, TN.020682, TN.020683

2074 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T11 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018137, TN.018138, TN.018139, TN.018309, TN.018310, TN.018311, TN.020680, TNVN.000681

2075 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T10 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018134, TN.018135, TN.018136, TN.018307, TN.018308, TN.020677, TN.020678, TN.020679

2076 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T9 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018131, TN.018132, TN.018133, TN.018305, TN.018306, TN.020674, TN.020675, TN.020676

2077 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T8 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018128, TN.018129, TN.018130, TN.018303, TN.018304, TN.020671, TN.020672, TN.020673

2078 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T7 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018125, TN.018126, TN.018127, TN.018301, TN.018302, TN.020668, TN.020669, TN.020670

2079 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T6 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018123, TN.018124, TN.018298, TN.018299, TN.018300, TN.020665, TN.020666, TN.020667

2080 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T5 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018120, TN.018121, TN.018122, TN.018297, TN.020662, TN.020663, TN.020664, TNVN.000915

2081 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T4 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018116, TN.018117, TN.018118, TN.018119, TN.018295, TN.018296, TN.020660, TN.020661

2082 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T3 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018113, TN.018114, TN.018115, TN.018293, TN.018294, TN.020657, TN.020658, TN.020659

2083 Những điều bí ẩn quanh em : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 17 cm
T1 : Những điều bí ẩn quanh em. - 1999. - 23 tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018107, TN.018108, TN.020654, TN.020655, TN.020656

2084 Thầy giáo biến hình = Creature Teacher / Sam Watkins; David O'Connell m.h.; Khổng Loan d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 65000đ
Cuốn: 1 : Quái vật xuất hiện trong lớp học. - 2019. - 188tr. : hình vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/TH126G
Số ĐKCB: TN.020116, TN.020117, LD.049475, LD.049476, TN.020115

2085 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama; Nguyễn Hương Giang dịch. - Hà Nội : Kim đồng. - 18cm
T.78 : Thám tử lừng danh Conan. - 2012. - 178tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C400N
Số ĐKCB: TN.015149, TN.015150

2086 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama; Nguyễn Hương Giang d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 178tr. : tranh vẽ ; 18cm
T.77 : Thám tử lừng danh Conan. - 2012. - 178tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C400N
Số ĐKCB: TN.015147, TN.015148

2087 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama; Nguyễn Hương Giang d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 178tr. : tranh vẽ ; 18cm
T.76 : Thám tử lừng danh Conan. - 2012. - 178tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C400N
Số ĐKCB: TN.015145, TN.015146

2088 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama; Nguyễn Hương Giang d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 178tr. : tranh vẽ ; 18cm
T.75 : Thám tử lừng danh Conan. - 2012. - 178tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C400N
Số ĐKCB: TN.015143, TN.015144

2089 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng. - 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015229, TN.015230

2090 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015227, TN.015228

2091 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015225, TN.015226

2092 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015223, TN.015224

2093 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015221, TN.015222

2094 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015219, TN.015220

2095 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015217, TN.015218

2096 Chiến binh thần tốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 23/CH305B
Số ĐKCB: TN.015215, TN.015216

2097 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.22 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015213, TN.015214

2098 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.21 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015211, TN.015212

2099 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.20 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015209, TN.015210

2100 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.19 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015207, TN.015208

2101 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.18 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015205, TN.015206

2102 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.17 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015203, TN.015204

2103 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.16 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015201, TN.015202

2104 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.15 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015199, TN.015200

2105 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.14 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015197, TN.015198

2106 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.13 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015195, TN.015196

2107 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.12 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015193, TN.015194

2108 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.11 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015191, TN.015192

2109 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.10 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015189, TN.015190

2110 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.9 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015187, TN.015188

2111 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.8 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015185, TN.015186

2112 Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.7 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015183, TN.015184

Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim
2113 Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.6 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015181, TN.015182

Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim
2114 Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.5 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015179, TN.015180

Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim
2115 Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.4 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015177, TN.015178

Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim
2116 Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.3 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015175, TN.015176

Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim
2117 Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.2 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015173, TN.015174

Siêu nhân mì ăn liền / Shelwing ; Au Yao Hsing ch.b. ; Trần Trà My dịch. - Hà Nội : Kim
2118 Đồng, 2013. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
T.1 : Siêu nhân mì ăn liền. - 2013. - 124tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/
Số ĐKCB: TN.015171, TN.015172

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2119 - 190tr. ; 18cm
T.23 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015139, TN.015140

2120 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.22 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015137, TN.015138

2121 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.21 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015135, TN.015136

2122 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.20 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015133, TN.015134

2123 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.19 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015131, TN.015132

2124 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.18 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015129, TN.015130

2125 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.17 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015127, TN.015128

2126 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.16 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015125, TN.015126

2127 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm

T.15 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015123, TN.015124

2128 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm

T.14 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015121, TN.015122

2129 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm

T.13 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015119, TN.015120

2130 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm

T.12 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015117, TN.015118

2131 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm

T.11 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015115, TN.015116

2132 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm

T.10 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015113, TN.015114

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2133 - 190tr. ; 18cm
T.9 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015111, TN.015112

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2134 - 190tr. ; 18cm
T.8 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015109, TN.015110

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2135 - 190tr. ; 18cm
T.7 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015107, TN.015108

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2136 - 190tr. ; 18cm
T.6 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015105, TN.015106

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2137 - 190tr. ; 18cm
T.5 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015103, TN.015104

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2138 - 190tr. ; 18cm
T.4 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015101, TN.015102

Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012.
2139 - 190tr. ; 18cm
T.3 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015099, TN.015100

2140 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.2 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015097, TN.015098

2141 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.123 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015065, TN.015066

2142 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.132 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015083, TN.015084

2143 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.131 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015081, TN.015082

2144 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.130 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015079, TN.015080

2145 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.129 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015077, TN.015078

2146 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.128 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015075, TN.015076

2147 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.127 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015073, TN.015074

2148 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.126 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015071, TN.015072

2149 [illegible] 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.125 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ
T.123: Trạng Quỷnh.- Đồng Nai,Nxb. Đồng Nai,2012.- 119tr.
T.124: Trạng Quỷnh.- Đồng Nai,Nxb. Đồng Nai,2012.- 119tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015069, TN.015070

2150 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2012. - 119tr. : tranh vẽ ; 18cm. - (Bộ truyện Trạng Quỷnh)
T.124 : Trạng Quỷnh. - 2012. - 119tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.015067, TN.015068

2151 Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh / Ono Eriko; Hải Thọ: Dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2012. - 190tr. ; 18cm
T.1 : Nhóc Miko - Cô bé nhí nhảnh. - 2012. - 190tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/NH419M
Số ĐKCB: TN.015095, TN.015096

2152 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.156 : Thần đồng đất Việt. - 2017. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.015063, TN.015064

2153 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.155 : Con gà phát lộc. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015061, TN.015062

2154 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.154 : Anh hùng trọi cỏ. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015059, TN.015060

2155 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.153 : Chết như con rết. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015057, TN.015058

2156 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.152 : Thức uống nổ bùm. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015055, TN.015056

2157 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.151 : Kẻ cắp nụ cười. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015053, TN.015054

2158 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.150 : Chiếc hòm thuỷ tinh. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015051, TN.015052

2159 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.149 : Quả nho cho mẹ. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015049, TN.015050

2160 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.148 : Khỉ gió đầu năm. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015047, TN.015048

2161 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.147 : Khu vườn Ốc Sên. - 2016. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015045, TN.015046

2162 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.146 : Giáng sinh trên đảo. - 2015. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015043, TN.015044

2163 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.145 : Ăn trộm nhầm nhà. - 2015. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015041, TN.015042

2164 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.144 : Con sâu mặt quỷ. - 2015. - 72tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015039, TN.015040

2165 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 188tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)

T.8 : Go go go tây du ký. - 2012. - 188tr. : hình vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015037, TN.015038

2166 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 188tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)

T.7 : Go go go tây du ký. - 2012. - 188tr. : hình vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015035, TN.015036

2167 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 188tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)

T.6 : Go go go tây du ký. - 2012. - 188tr. : hình vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015033, TN.015034

2168 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 188tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)

T.5 : Go go go tây du ký. - 2012. - 188tr. : hình vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015031, TN.015032

2169 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 188tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)

T.4 : Go go go tây du ký. - 2012. - 188tr. : hình vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015029, TN.015030

2170 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 188tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)

T.3 : Go go go tây du ký. - 2012. - 188tr. : hình vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.015027, TN.015028

2171 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 188tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)
T.2 : Go go go tây du ký. - 2012. - 188tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.015025, TN.015026

2172 Go go go tây du ký : Truyện tranh / Konishi Noriyuki ; Achago dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2012. - 182tr. : hình vẽ ; 18cm. - (Truyện tranh dành cho tuổi thiếu niên)
T.1 : Go go go tây du ký. - 2012. - 182tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.015023, TN.015024

2173 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin truyền thông, 2017. - 23tr. : hình vẽ ; 24cm
T.1 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019582, TN.019583, TN.019584, TN.019585

2174 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin truyền thông, 2017. - 23tr. : hình vẽ ; 24cm
T.2 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019586, TN.019587, TN.019588, TN.019589

2175 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin truyền thông, 2017. - 23tr. : hình vẽ ; 24cm
T.3 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019590, TN.019591, TN.019592, TN.019593

2176 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin truyền thông, 2017. - 23tr. : hình vẽ ; 24cm
T.4 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019594, TN.019595, TN.019596, TN.019597

2177 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin truyền thông, 2017. - 23tr. : hình vẽ ; 24cm
T.5 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019598, TN.019599, TN.019600, TN.019601

2178 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin truyền thông, 2017. - 23tr. : hình vẽ ; 24cm
T.6 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019602, TN.019603, TN.019604, TN.019605

2179 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin truyền thông, 2017. - 23tr. : hình vẽ ; 24cm
T.7 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019606, TN.019607, TN.019608, TN.019609

2180 Trò chơi phát triển trí tuệ IQ : Giúp trẻ làm quen với các trò chơi trí tuệ / Penerbitan Pelangi. - Hà Nội : Thông tin và Truyền thông. - 24cm
T.8 : Trò chơi phát triển trí tuệ IQ. - 2017. - 23tr. : hình vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019610, TN.019611, TN.019612, TN.019613

2181 Vui chơi cùng Yu Yu / Kim Hằng, minh họa: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 24cm
T.6 : Yu Yu nuôi cá vàng. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V510C
Số ĐKCB: TN.019580, TN.019581

2182 Vui chơi cùng Yu Yu / Kim Hằng, minh họa: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 24cm
T.4 : Điều kỳ lạ sau cơn mưa. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V510C
Số ĐKCB: TN.019576, TN.019577

2183 Vui chơi cùng Yu Yu / Kim Hằng, minh họa: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 24cm
T.5 : Món quà dành cho Yu Yu. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V510C
Số ĐKCB: TN.019578, TN.019579

2184 Vui chơi cùng Yu Yu / Kim Hằng, minh họa: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 24cm
T.3 : Túi hạt giống thần kỳ. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V510C
Số ĐKCB: TN.019574, TN.019575

2185 Vui chơi cùng Yu Yu / Kim Hằng, minh họa: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 24cm
T.2 : Yu Yu thích làm nghề gì?. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V510C
Số ĐKCB: TN.019572, TN.019573

2186 Vui chơi cùng Yu Yu / Kim Hằng, minh họa: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 24cm
T.1 : Ngôi nhà của Yu Yu. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V510C
Số ĐKCB: TN.019570, TN.019571

2187 Ảo thuật vui / Nguyễn Hạnh, Nguyễn Duy Linh, Nguyễn Hải Linh. - Tái bản lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 111tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Tủ sách Kỹ năng hoạt động thanh thiếu niên)
T.1 : Ảo thuật vui. - 2016. - 111tr. : hình vẽ
Tóm tắt: Giới thiệu nhiều trò ảo thuật thú vị như: xuyên thấu, bong bóng, trái bóng, tờ giấy, lá bà
Ký hiệu phân loại: 793.8 23/Ả108T
Số ĐKCB: TN.019498, TN.019499

2188 Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút / Hoàng Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 24tr. : ảnh màu ; 19cm
T.4 : Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút. - 2016. - 24tr. : ảnh màu

Tóm tắt: Giới thiệu và hướng dẫn cụ thể cách thực hiện 7 màn ảo thuật với các đạo cụ đơn giản như trái cam bay, cắt dây qua ống hút... có kèm theo các hình minh hoạ
Ký hiệu phân loại: 793.8 23/TR460T
Số ĐKCB: TN.019506, TN.019507

2189 Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút / Hoàng Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 24tr. : ảnh màu ; 19cm
T.3 : Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút. - 2016. - 24tr. : ảnh màu

Tóm tắt: Giới thiệu và hướng dẫn cụ thể cách thực hiện 7 màn ảo thuật với các đạo cụ đơn giản như trái cam bay, cắt dây qua ống hút... có kèm theo các hình minh hoạ

Ký hiệu phân loại: 793.8 23/TR460T
Số ĐKCB: TN.019504, TN.019505

2190 Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút / Hoàng Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 24tr. : ảnh màu ; 19cm
T.2 : Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút. - 2016. - 24tr. : ảnh màu

Tóm tắt: Giới thiệu và hướng dẫn cụ thể cách thực hiện 7 màn ảo thuật với các đạo cụ đơn giản như trái cam bay, cắt dây qua ống hút... có kèm theo các hình minh hoạ
Ký hiệu phân loại: 793.8 23/TR460T
Số ĐKCB: TN.019502, TN.019503

2191 Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút / Hoàng Lộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 22tr. : ảnh màu ; 19cm
T.1 : Trở thành ảo thuật gia sau 60 phút. - 2016. - 22tr. : ảnh màu

Tóm tắt: Giới thiệu và hướng dẫn cụ thể cách thực hiện 7 màn ảo thuật với các đạo cụ đơn giản như trái cam bay, cắt dây qua ống hút... có kèm theo các hình minh hoạ
Ký hiệu phân loại: 793.8 23/TR460T
Số ĐKCB: TN.019500, TN.019501

2192 Trong thẳm sâu của bí ẩn / Nguyễn Thị Kim Anh b.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 45000đ
T.5 : Giải mã những câu chuyện bí ẩn muôn đời. - 2018. - 200tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Số ĐKCB: PM.070604, LD.049375, LD.049376, TN.019532, TN.019533, PD.041215, PM.070605

2193 Trong thẳm sâu của bí ẩn / Nguyễn Thị Kim Anh b.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 45000đ
T.4 : Những bí mật được che đậy trong bóng đêm lịch sử. - 2018. - 184tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.019530, TN.019531, PD.041214, PM.070602, PM.070603, LD.049373, LD.049374

2194 Trong thẳm sâu của bí ẩn / Nguyễn Thị Kim Anh b.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 45000đ
T.3 : Giữa huyền thoại và khoa học hoang đường và sự thật. - 2018. - 184tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Số ĐKCB: PD.041213, PM.070601, LD.049371, LD.049372, TN.019528, TN.019529, PM.070600

2195 Nhóc Thạch Sanh / Tống Tất Tuệ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 79tr. : tranh màu ; 20cm
T.5 : Nhóc Thạch Sanh. - 2016. - 79tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH419T
Số ĐKCB: TN.019522, TN.019523

2196 Nhóc Thạch Sanh / Tống Tất Tuệ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 77tr. : tranh màu ; 20cm
T.4 : Nhóc Thạch Sanh. - 2016. - 77tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH419T
Số ĐKCB: TN.019520, TN.019521

2197 Nhóc Thạch Sanh / Tống Tất Tuệ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 75tr. : tranh màu ; 20cm
T.3 : Nhóc Thạch Sanh. - 2016. - 75tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH419T
Số ĐKCB: TN.019518, TN.019519

2198 Nhóc Thạch Sanh / Tống Tất Tuệ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 30000đ
T.2 : Nhóc Thạch Sanh. - 2016. - 75tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH419T
Số ĐKCB: TN.019516, TN.019517

2199 Nhóc Thạch Sanh / Tống Tất Tuệ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 30000đ
T.1 : Nhóc Thạch Sanh. - 2016. - 73tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH419T
Số ĐKCB: TN.019514, TN.019515

2200 Đức phật kể con nghe / Dharmachari Nagaraja; Tâm Anh d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Lao động, 2019. - 125tr. : hình ảnh ; 24cm
T.2 : Đức phật kể con nghe. - 2019. - 125tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 294.3444 23/Đ552P
Số ĐKCB: TN.019337, TN.019338, TN.019339

2201 Đức phật kể con nghe / Dharmachari Nagaraja; Tâm Anh d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Lao động. - 24cm. - 119000đ
T.1 : Đức phật kể con nghe. - 2019. - 144tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 294.3444 23/Đ552P
Số ĐKCB: TN.019334, TN.019335, TN.019336

2202 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 258tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.16 : Kẻ xuyên tường. - 2017. - 258tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.019278, TN.019279

2203 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 260tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.15 : Người rừng. - 2017. - 260tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.019276, TN.019277

2204 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 256tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.14 : Hoàng hậu ăn mày. - 2017. - 256tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.019274, TN.019275

2205 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 248tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.11 : Vườn khủng long. - 2017. - 248tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.019270, TN.019271

2206 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 252tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.12 : Những con rối quỷ. - 2017. - 252tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.019272, TN.019273

2207 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 251tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.9 : Hầu vương tái thế. - 2017. - 251tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.019266, TN.019267

2208 Vui học tiếng Anh cùng trẻ / Mariko Shimizu; Phương Phương d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 160tr. : hình ảnh ; 19cm. - (Đừng ngại nếu bạn không giỏi tiếng Anh)
T.2 : Vui học tiếng Anh cùng trẻ. - 2018. - 160tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.6521 23/V510H
Số ĐKCB: TN.019284, TN.019285

2209 Vui học tiếng Anh cùng trẻ / Mariko Shimizu; Phương Phương d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - 110000
T.1 : Vui học tiếng Anh cùng trẻ. - 2018. - 156tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.6521 23/V510H
Số ĐKCB: TN.019282, TN.019283

2210 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 9 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017413, TN.017414, TN.017415, TN.017416, TN.017417

2211 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 8 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017407, TN.017408, TN.017409, TN.017410, TN.017411, TN.017412

2212 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T. 7 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017402, TN.017403, TN.017404, TN.017405, TN.017406

2213 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 6 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017397, TN.017398, TN.017399, TN.017400, TN.017401

2214 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 5 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017392, TN.017393, TN.017394, TN.017395, TN.017396

2215 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 4 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017387, TN.017388, TN.017389, TN.017390, TN.017391

2216 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 3 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017382, TN.017383, TN.017384, TN.017385, TN.017386

2217 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 2 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017377, TN.017378, TN.017379, TN.017380, TN.017381

2218 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T. 1 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.017372, TN.017373, TN.017374, TN.017375, TN.017376

2219 Phù thủy nhỏ / Ngọc Tâm, Ngọc Thùy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017535, TN.017536, TN.017537, TN.017538, TN.017539, TN.015093, TN.015094

2220 Phù thủy nhỏ / Ngọc Tâm, Ngọc Thùy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 23cm

T. 4 : Phù phép tại buổi tiệc. - 2012. - 16tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017530, TN.017531, TN.017532, TN.017533, TN.017534, TN.015091, TN.015092

2221 Phù thủy nhỏ / Ngọc Tâm, Ngọc Thùy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 23cm

T. 3 : Có " bùa chú" trong nhà. - 2012. - 16tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017525, TN.017529, TN.015089, TN.015090, TN.017526, TN.017527, TN.017528

2222 Phù thủy nhỏ / Ngọc Tâm, Ngọc Thùy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 23cm

T. 2 : Tung chiêu giữa lớp. - 2012. - 16tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017520, TN.017521, TN.017522, TN.015087, TN.015088, TN.017523, TN.017524

2223 Phù thủy nhỏ / Ngọc Tâm, Ngọc Thùy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 23cm

T. 1 : Những bông hoa kì ảo. - 2012. - 16tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017515, TN.017516, TN.017517, TN.017518, TN.017519, TN.015085, TN.015086

2224 Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi : Những truyện kể thú vị là món điểm tâm ngọt ngào trong thời thơ ấu / Hà Nhi; An Lạc Group. - In lần thứ 4. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 139tr. : tranh màu ; 21cm

T.4 : Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi. - 2018. - 139tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR527T

Số ĐKCB: TN.017351, TN.017352

2225 Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi : Những chuyện kể thú vị là món điểm tâm ngọt ngào trong thời thơ ấu / Hà Nhi; An Lạc Group d.. - In lần thứ 5. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng. - 21cm. - 78000đ

T.3 : Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi. - 2018. - 139tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR527T

Số ĐKCB: TN.017349, TN.017350

2226 Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi : Những chuyện kể thú vị là món điểm tâm ngọt ngào trong thời thơ ấu / Hà Nhi; An Lạc Group d.. - In lần thứ 5. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng. - 21cm. - 78000đ

T.2 : Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi. - 2018. - 139tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR527T

Số ĐKCB: TN.017347, TN.017348

2227 Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi : Những chuyện kể thú vị là món điểm tâm ngọt ngào trong thời thơ ấu / Hà Nhi; An Lạc Group d.. - In lần thứ 5. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng. - 21cm. - 78000đ

T.1 : Truyện hay cho bé 0 - 6 tuổi. - 2018. - 139tr. : tranh màu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR527T

Số ĐKCB: TN.017345, TN.017346

2228 Những câu hỏi lý thú nhất / Ngô Thị Thúy Hồng b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 24cm. - 39000đ

Quyển 6 : Những câu hỏi lý thú nhất. - 2017. - 79tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.017343, TN.017344

2229 Những câu hỏi lý thú nhất / Ngô Thị Thúy Hồng b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 24cm. - 39000đ

Quyển 5 : Những câu hỏi lý thú nhất. - 2017. - 79tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.017341, TN.017342

2230 Những câu hỏi lý thú nhất / Ngô Thị Thúy Hồng b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 79tr. : tranh vẽ ; 24cm

Quyển 4 : Những câu hỏi lý thú nhất. - 2017. - 79tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.017339, TN.017340

2231 Những câu hỏi lý thú nhất / Ngô Thị Thúy Hồng b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 24cm. - 39000đ

Quyển 3 : Những câu hỏi lý thú nhất. - 2017. - 79tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.017337, TN.017338

2232 Những câu hỏi lý thú nhất / Ngô Thị Thúy Hồng b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 24cm. - 39000đ

Quyển 2 : Những câu hỏi lý thú nhất. - 2017. - 79tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.017335, TN.019692, TN.019693, TN.017336

2233 Những câu hỏi lý thú nhất / Ngô Thị Thúy Hồng b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 24cm. - 39000đ
Quyển 1 : Những câu hỏi lý thú nhất. - 2017. - 79tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.017333, TN.017334, TN.019690, TN.019691

2234 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.12 : Qủa khủng long thần kỳ. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017363

2235 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.11 : Thợ săn đáy biển. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017362

2236 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.10 : Vương quốc ngủ say. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017361

2237 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.9 : Trên đảo khủng long. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017360

2238 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.8 : Cứu tinh vượt thời gian. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017359

2239 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.7 : Kỳ binh quyết chiến. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017358

2240 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.6 : Kho báu kỷ jura. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017357

2241 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.5 : Khủng long và tòa thành vàng. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017356

2242 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 173tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.4 : Bay về kỷ jura. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017355

2243 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ. - 24cm. - 78000đ
T.2 : Công viên khủng long. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017354

2244 Trái cây đại chiến Zombie - Thế giới khủng long / Tiếu Giang Nam tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ. - 24cm. - 78000đ
T.1 : Chiến binh mạo hiểm. - 2018. - 173tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR103C
Số ĐKCB: TN.017353

2245 Cổ tích Việt Nam / Nguyễn Mạnh Hải soạn lời & m.h.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 110 tr. : tranh ảnh ; 24 cm

T.3 : Tình nghĩa thủy chung: Sự tích trầu cau. - 2017. - 110 tr. : tranh ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2209597 23/T312N

Số ĐKCB: TN.017270, TN.017271

2246 Cổ tích Việt Nam / Nguyễn Mạnh Hải soạn lời & m.h.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 110 tr. : tranh ảnh ; 24 cm

T.1 : Câu chuyện Khai Quốc : Âu Cơ Lạc Long Quân. - 2017. - 110 tr. : tranh ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/C 125 C

Số ĐKCB: TN.017268, TN.017269

2247 Những điều lạ em muốn biết : Rèn luyện và phát triển trí tuệ cho trẻ / Phạm Văn Bình b.s.. - Tái bản. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 263 tr. : hình vẽ ; 23 cm

T.2 : Những điều lạ em muốn biết. - 2017. - 263 tr. : hình vẽ

Tóm tắt: Giải thích những hiểu biết thông thường trong cuộc sống, về động vật, thực vật, trái đất, thiên văn, khí tượng, vệ sinh sức khoẻ, KHKT...

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556Đ

Số ĐKCB: TN.017262, TN.017263

2248 Những điều lạ em muốn biết : Rèn luyện và phát triển trí tuệ cho trẻ / Phạm Văn Bình b.s. - Tái bản. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 248 tr. : hình vẽ ; 23 cm

T.1 : Những điều lạ em muốn biết. - 2017. - 248 tr. : hình vẽ

Tóm tắt: Giải thích những hiểu biết thông thường trong cuộc sống, về động vật, thực vật, trái đất, thiên văn, khí tượng, vệ sinh sức khoẻ, KHKT...

Ký hiệu phân loại: 001 23/NH556Đ

Số ĐKCB: TN.017260, TN.017261

2249 Những cuộc phiêu lưu của Dabo / Ngô Quang Lập; Quỳnh Trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 44tr. : hình ảnh ; 16cm

T.2 : Báu vật trong đền cổ. - 2015. - 44tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.017238, TN.017239

2250 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 50000đ

T.10 : Rùa thiêng gươm báu. - 2017. - 249tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q

Số ĐKCB: TN.019268, TN.019269, TN.017102, TN.017103

2251 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 251tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.3 : Chuyện của Thạch Sầu Đời và Hoàng Lãng Tử. - 2017. - 251tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017088, TN.017089

2252 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 245tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.4 : Đụng độ cá mập và ninja. - 2017. - 245tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017090, TN.017091

2253 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 246tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.5 : Bí mật thung lũng tử thần. - 2017. - 246tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017092, TN.017093

2254 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 258tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.6 : Truy tìm con trăn chúa. - 2017. - 258tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017094, TN.017095

2255 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 249tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.7 : Kho báu núi gấm. - 2017. - 249tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017096, TN.017097

2256 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 50000đ
T.8 : Khách sạn ma. - 2017. - 252r. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017098, TN.017099

2257 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 50000đ
T.9 : Hầu vương tái thế. - 2017. - 251tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017100, TN.017101

2258 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 247tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.11 : Vườn khủng long. - 2017. - 247tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017104, TN.017105

2259 Ngũ quái Sài Gòn / Bùi Chí Vinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 250tr. : tranh vẽ ; 20cm
T.2 : Chuyện của Thúy bụi và Quyên tiểu muội. - 2017. - 250tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG500Q
Số ĐKCB: TN.017086, TN.017087

2260 Chuyện con Quạ muốn bay đến Sao Hỏa / Đặng Quốc Bảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 356tr. ; 20cm. - (Kỹ năng trình bày không chỉ của thiên tài)
T.1 : Chuyện con Quạ muốn bay đến Sao Hỏa. - 2017. - 356tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9228408 23/CH527C
Số ĐKCB: TN.017082, TN.017083

2261 Lạc vào miền cổ tích = The land of stories : A grimm warning / Chris Colfer; Brandon Dorman m.h.; Trương Hoàng Uyên Phương d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 575tr. ; 20cm
T.3 : Lời cảnh báo của anh em nhà Grim. - 2016. - 575tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/L101V
Số ĐKCB: TN.017146, TN.017147

2262 Lạc vào miền cổ tích = The land of stories : The enchantress returns / Chris Colfer; Trương Hoàng Uyên Phương d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 609tr. ; 20cm
T.2 : Phù thủy hắc ám trở lại. - 2016. - 609tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/L101V
Số ĐKCB: TN.017144, TN.017145

2263 Lạc vào miền cổ tích = The land of stories : The wishing spell / Chris Colfer; Brandon Dorman m.h.; Trương Hoàng Uyên Phương d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 496tr. ; 20cm
T.1 : Bùa ước. - 2016. - 496tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813.6 23/L101V
Số ĐKCB: TN.017142, TN.017143

2264 Tiểu hòa thượng / Lai, You Xian. - Hà Nội. - 17cm. - 18000đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.16 23/T309H
Số ĐKCB: TN.016972, TN.016973

2265 Tiểu hòa thượng / Lai, You Xian. - Hà Nội. - 17cm. - 18000đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.16 23/T309H
Số ĐKCB: TN.016970, TN.016971

2266 Toán tài năng = Secondary mathematics tutorial : Từng bước chinh phục toán học: Trung học cơ sở / Lim C.k; Nguyễn Thành Khang d.. - Hà Nội : Thế giới, 2017. - 444tr. ; 24cm
T. 6B : Từ 13 - 15 tuổi. - 2017. - 444tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần:các bài test, các bài tập mở rộng và nâng cao, các lưu ý của giáo viên, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016965, TN.016966

2267 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Thị Thu An d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội. - 24cm
T. 6A : Từ 11 - 13 tuổi. - 2017. - 380tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần:các bài test, các bài tập mở rộng và nâng cao, các lưu ý của giáo viên, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016963, TN.016964

2268 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Thị Hương Thảo d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 271tr. ; 24cm
T. 5 : 10 - 11 tuổi. - 2016. - 271tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016961, TN.016962

2269 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Thị Thu An d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 176tr. ; 24cm
T. 4B : 9 - 10 tuổi. - 2016. - 176tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016959, TN.016960

2270 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Thị Thu An d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 224tr. ; 24cm
T. 4A : 9 - 10 tuổi. - 2016. - 224tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016957, TN.016958

2271 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Phương Lan d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 206tr. ; 24cm
T. 3B : 8 - 9 tuổi. - 2016. - 206tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016955, TN.016956

2272 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Phương Lan d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 192tr. ; 24cm
T. 3A : 8 - 9 tuổi. - 2016. - 192tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016953, TN.016954

2273 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Phạm Kiều Oanh d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 208tr. ; 24cm
T. 2B : 7 - 8 tuổi. - 2016. - 208tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016951, TN.016952

2274 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Phạm Kiều Oanh d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 240tr. ; 24cm
T. 2A : 7 - 8 tuổi. - 2016. - 240tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016949, TN.016950

2275 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Thị Thu An d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 254tr. ; 24cm
T. 1B : 6 - 7 tuổi. - 2016. - 254tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T
Số ĐKCB: TN.016947, TN.016948

2276 Toán tài năng = Learning maths : Từng bước chinh phục toán học / Alan Tan; Nguyễn Thị Thu An d.. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2016. - 256tr. ; 24cm

T. 1A : 6 - 7 tuổi. - 2016. - 256tr.

Tóm tắt: Cung cấp các chuyên đề thực hành với nhiều dạng toán khác nhau. Sách gồm các phần: bảng công thức, tổng hợp các mục tiêu bài học, các bài tập mở rộng và nâng cao, cách giải quyết vấn đề từng bước.

Ký hiệu phân loại: 510.76 23/T406T

Số ĐKCB: TN.016945, TN.016946

2277 Lịch sử thế giới bằng tranh : Bốn nền văn minh lớn của nhân loại / Giám sát : Kim Eun Sook; Lời : Choi Jae l; Tranh : Lim Woon; Hải Hà d.. - Hà Nội : Dân trí. - 25cm. - 45000đ

T.6 : Thời hiện đại (1900 - Nay). - 2015. - 65tr. : tranh ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 909.8 23/L557S

Số ĐKCB: TN.016916, TN.016917

2278 Lược sử thế giới bằng tranh : Cách mạng công nghiệp bùng nổ / Kim Eun Sook giám sát; Kim Ja Young lời; Kim Hyung Jun tranh; Hải Hà d.. - Hà Nội : Dân trí Công ty sách Alpha, 2015. - 57tr. : tranh ảnh ; 25cm

T.5 : Thời cận đại 2 (1780 - 1899). - 2015. - 57tr. : tranh ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 909.81 23/L557S

Số ĐKCB: TN.016914, TN.016915

2279 Lược sử thế giới bằng tranh : Kỷ nguyên của những chuyến thám hiểm / Kim Eun Sook giám sát; Kim Ja Young lời; Kim Ok Jae tranh; Hải Hà d.. - Hà Nội : Dân trí Công ty sách Alpha, 2015. - 57tr. : tranh ảnh ; 25cm

T.4 : Thời cận đại 1 (1460 - 1779). - 2015. - 57tr. : tranh ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 909 23/L557S

Số ĐKCB: TN.016912, TN.016913

2280 Lịch sử thế giới bằng tranh : Bốn nền văn minh lớn của nhân loại / Giám sát : Kim Eun Sook; Lời : Choi Jae l; Tranh : Lim Woon; Hải Hà d.. - Hà Nội : Dân trí. - 25cm. - 45000đ

T.3 : Thời trung đại 2 (1000 - 1459). - 2015. - 57tr. : tranh ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 940.1 23/L557S

Số ĐKCB: TN.016910, TN.016911

2281 Lịch sử thế giới bằng tranh : Bốn nền văn minh lớn của nhân loại / Giám sát : Kim Eun Sook; Lời : Choi Jae l; Tranh : Lim Woon; Hải Hà d.. - Hà Nội : Dân trí. - 25cm. - 45000đ

T.2 : Thời trung đại 1 (380 - 999). - 2015. - 57tr. : tranh ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 932.023 23/L557S
Số ĐKCB: TN.016908, TN.016909

2282 Lịch sử thế giới bằng tranh : Bốn nền văn minh lớn của nhân loại / Giám sát : Kim Eun Sook; Lời : Choi Jae l; Tranh : Lim Woon; Hải Hà d.. - Hà Nội : Dân trí. - 25cm. - 45000đ
T.1 : Thời cổ đại (3.500 TCN - 379). - 2017. - 61tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 930 23/L557S
Số ĐKCB: TN.016906, TN.016907

2283 Truyện cổ tích xưa hay nhất / Nhóm Trí Việt s.t.& b.s.. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19cm. - (Tủ sách cổ tích). - 22000đ
T.4 : Lấy chồng dê. - 2016. - 107tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.016834, TN.016835, TN.016836

2284 Truyện cổ tích xưa hay nhất / Nhóm Trí Việt s.t.& b.s.. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19cm. - (Tủ sách cổ tích). - 22000đ
T.3 : Chàng cọp. - 2016. - 107tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.016831, TN.016832, TN.016833

2285 Truyện cổ tích xưa hay nhất / Nhóm Trí Việt s.t.& b.s.. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19cm. - (Tủ sách cổ tích). - 22000đ
T.2 : Ba anh em. - 2016. - 107tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.016828, TN.016829, TN.016830

2286 Truyện cổ tích xưa hay nhất / Nhóm Trí Việt s.t.& b.s.. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 19cm. - (Tủ sách cổ tích). - 22000đ
T.1 : Thạch sùng mượn đuôi. - 2016. - 107tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.016825, TN.016826, TN.016827

2287 100 truyện cổ tích Việt Nam / Ngọc Hà s.t., t.c.. - Hà Nội : Dân Trí, 2017. - 159tr. ; 21cm
Quyển 3 : 100 truyện cổ tích Việt Nam. - 2017. - 159tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/M458T
Số ĐKCB: TN.016822, TN.016823, TN.016824

2288 100 truyện cổ tích Việt Nam / Ngọc Hà s.t., t.c.. - Hà Nội : Dân Trí. - 21cm. - 32000đ
Quyển 2 : 100 truyện cổ tích Việt Nam. - 2017. - 159tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/M458T
Số ĐKCB: TN.016819, TN.016820, TN.016821

2289 100 truyện cổ tích Việt Nam / Ngọc Hà s.t., t.c.. - Hà Nội : Dân Trí, 2017. - 159tr. ; 21cm
Quyển 1 : 100 truyện cổ tích Việt Nam. - 2017. - 159tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/M458T
Số ĐKCB: TN.016816, TN.016817, TN.016818

2290 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.10 : Ối ! Đau tay quá !. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016802, TN.016803

2291 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.9 : Sơ cứu khi khẩn cấp. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016800, TN.016801

2292 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.8 : Béo phì xấu lắm. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016798, TN.016799

2293 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.7 : Béo phì xấu lắm. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016796, TN.016797

2294 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.6 : Ngứa quá đi thôi !. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016794, TN.016795

2295 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.5 : Con đau bụng quá!. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016792, TN.016793

2296 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.4 : Làm gì khi bé bị sốt?. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016790, TN.016791

2297 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.3 : Vi khuẩn là gì?. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016788, TN.016789

2298 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam, 2017. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
T.2 : Bé bị sổ mũi!. - 2017. - 32tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016786, TN.016787

2299 Bác sĩ Kính Coong / Lời : Kim Ji Ho; Tranh : Hwang Hasuk; Ù Shinki d.. - Hà Nội : Giáo dục Việt Nam. - 21cm. - 32000đ
T.1 : Cháu muốn mình cao lớn. - 2017. - 31tr. : tranh màu
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.37049 23/B101S
Số ĐKCB: TN.016784, TN.016785

2300 Truyện hay kể trong 10 phút : Truyện ngắn tí ti. Muôn điều thú vị / Miles Kelly; Na Ni d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hoá Huy Hoàng. - 24cm. - 140000đ
T.2 : Truyện hay kể trong 10 phút. - 2016. - 210tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.22 23/TR527H
Số ĐKCB: TN.016757, TN.016758, TN.016759

2301 Truyện hay kể trong 10 phút : Truyện ngắn tí ti - Muôn điều thú vị / Miles Kelly; Na Ni d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2016. - 226tr. : tranh vẽ ; 24cm
T.1 : Truyện hay kể trong 10 phút. - 2016. - 226tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.22 23/TR527H
Số ĐKCB: TN.016754, TN.016755, TN.016756

2302 Thám tử lừng danh Conan : Tuyển tập đặc biệt / Gosho Aoyama. - Hà Nội. - 18cm. - 45000đ
T.2 : Thám tử lừng danh. - 2017. - 377tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.016728, TN.016729

2303 Thám tử lừng danh Conan : Tuyển tập đặc biệt / Gosho Aoyama. - Hà Nội. - 18cm. - 45000đ
T.1 : Thám tử lừng danh. - 2017. - 371tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.016726, TN.016727

2304 Sôngôku Tề thiên đại thánh. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 18cm
T.7 : Sôngôku Tề thiên đại thánh. - 2011. - 167tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S450G
Số ĐKCB: TN.014724, TN.014725, TN.014726, TN.014727

2305 Sôngôku Tề thiên đại thánh. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 18cm
T.6 : Sôngôku Tề thiên đại thánh. - 2011. - 167tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S450G
Số ĐKCB: TN.014722, TN.014723

2306 Sôngôku Tề thiên đại thánh. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 143tr. ; 18cm
T.5 : Sôngôku Tề thiên đại thánh. - 2011. - 143tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S450G
Số ĐKCB: TN.014720, TN.014721

2307 Sôngôku Tề thiên đại thánh. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 143tr. ; 18cm
T.4 : Sôngôku Tề thiên đại thánh. - 2011. - 143tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S450G
Số ĐKCB: TN.014718, TN.014719

2308 Sôngôku Tề thiên đại thánh. - Hà Nội : Thanh niên. - 18cm. - 22000đ
T.2 : Sôngôku Tề thiên đại thánh. - 2011. - 143tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S450G
Số ĐKCB: TN.014714, TN.014715

2309 Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; 20cm
T.4 : Báu vật ở lâu đài K'rahlan. - 2012. - tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527X
Số ĐKCB: TN.014967, TN.014968

2310 Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 394tr. ; 20cm
T.3 : Chủ nhân núi lưng chừng. - 2012. - 394tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527X
Số ĐKCB: TN.014965, TN.014966

2311 Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 20cm. - 12500đ
T.2 : Biến cố ở trường Đămri. - 2012. - 394tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527X
Số ĐKCB: TN.014963, TN.014964

2312 Chuyện xứ Lang Biang / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng. - 20cm. - 12500đ
T.1 : Pho tượng của Baltalon. - 2012. - 394tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527X
Số ĐKCB: TN.014961, TN.014962

2313 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.40 : Thuốc cải lão hoàn đồng. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014862, TN.014863

2314 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.39 : Cảnh sát cừu sôi nổi. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014860, TN.014861

2315 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.38 : Điện hạt nhân. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014858, TN.014859

2316 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.37 : Công chúa ếch. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014856, TN.014857

2317 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.36 : Thay hình đổi dạng. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014854, TN.014855

2318 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.35 : Nin Ja sói xám. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014853

2319 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.34 : Khóa Ru - Bíc. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014851, TN.014852

2320 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.33 : Vị thần trong chai. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014849, TN.014850

2321 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.32 : Mơ giữa ban ngày. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014847, TN.014848

2322 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.31 : Hạt đậu vâng lời. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014845, TN.014846

2323 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.30 : Đạn thum thủm. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014843, TN.014844

2324 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.29 : Máy thổi bong bóng. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014841, TN.014842

2325 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.28 : Dung dịch tan chảy. - 2012. - 94tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014839, TN.014840

2326 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.27 : Khoai tây chiên vui vẽ. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014837, TN.014838

2327 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.26 : Nam châm siêu mạnh. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014835, TN.014836

2328 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.25 : Giải cứu cá mập eo. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014833, TN.014834

2329 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.24 : Võ công của chuột. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014831, TN.014832

2330 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.23 : Lực sĩ cừu sôi nổi. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014829, TN.014830

2331 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 94tr. ; 18cm
T.22 : Máy tìm đồ. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014827, TN.014828

2332 Cừu vui vẻ và sói xám : Chuyển thể từ phim hoạt hình. - Hà Nội : Mĩ thuật. - 18cm. - 25000đ
T.21 : Chuyến đi biển thú vị. - 2012. - 94tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/C558V
Số ĐKCB: TN.014825, TN.014826

2333 Khám phá bí mật của thế giới tự nhiên qua những thực nghiệm khoa học thú vị. - Hà Nội : Thanh niên, 2012. - 134tr. ; 21cm
T.3 : Khám phá bí mật của thế giới tự nhiên qua những thực nghiệm khoa học thú vị. - 2012. - 134tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.014821, TN.014822

2334 Khám phá bí mật của thế giới tự nhiên qua những thực nghiệm khoa học thú vị. - Hà Nội : Thanh niên, 2012. - 134tr. ; 21cm
T.2 : Khám phá bí mật của thế giới tự nhiên qua những thực nghiệm khoa học thú vị. - 2012. - 134tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.014819, TN.014820

2335 Khám phá bí mật của thế giới tự nhiên qua những thực nghiệm khoa học thú vị. - Hà Nội : Thanh niên, 2012. - 147tr. ; 21cm
T.1 : Khám phá bí mật của thế giới tự nhiên qua những thực nghiệm khoa học thú vị. - 2012. - 147tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 23/KH104P
Số ĐKCB: TN.014817, TN.014818

2336 Bộ tứ TRKG / Stefan Wolf, Phạm Thị Kim Chung d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 200tr. ; 18cm
T.4 : Gói bưu kiện.... - 2010. - 200tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/B450T
Số ĐKCB: TN.011878, TN.011879, TN.011880

2337 Bộ tứ TRKG / Stefan Wolf, Phạm Thị Kim Chung d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 200tr. ; 18cm
T.3 : Ngôi mộ.... - 2010. - 200tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/B450T
Số ĐKCB: TN.011875, TN.011876, TN.011877

2338 Bộ tứ TRKG / Stefan Wolf, Phạm Thị Kim Chung d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 200tr. ; 18cm
T.2 : Thầy bói mù. - 2010. - 200tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/B450T
Số ĐKCB: TN.011872, TN.011873, TN.011874

2339 Bộ tứ TRKG / Stefan Wolf, Phạm Thị Kim Chung d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 200tr. ; 18cm
T.1 : Bọn trộm tranh. - 2010. - 200tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 23/B450T
Số ĐKCB: TN.011869, TN.011870, TN.011871

2340 Chàng cóc siêu phàm / Võ Phi Hùng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 122cm
T.4 : Chàng cóc siêu phàm. - 2010. - 122tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH107C
Số ĐKCB: TN.011866, TN.011867, TN.011868

2341 Chàng cóc siêu phàm / Võ Phi Hùng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 122tr. ; 18cm
T.3 : Chàng cóc siêu phàm. - 2010. - 122tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH107C
Số ĐKCB: TN.011863, TN.011864, TN.011865

2342 Chàng cóc siêu phàm / Võ Phi Hùng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 122tr. ; 18cm
T.2 : Chàng cóc siêu phàm. - 2010. - 122tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH107C
Số ĐKCB: TN.011860, TN.011861, TN.011862

2343 Chàng cóc siêu phàm / Võ Phi Hùng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 122tr. ; 18cm
T.1 : Chàng cóc siêu phàm. - 2010. - 122tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH107C
Số ĐKCB: TN.011857, TN.011858, TN.011859

2344 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 21cm
T.10 : Siêu nhân Zetman. - 2011. - 167tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014710, TN.014711, LD.015253

2345 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 21cm
T.9 : Siêu nhân Zetman. - 2011. - 167tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014708, TN.014709, LD.015249, LD.015250

2346 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 21cm
T.7 : Siêu nhân Zetman. - 2011. - 167tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014704, TN.014705, LD.015231, LD.015227

2347 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 21cm
T.5 : Siêu nhân Zetman. - 2011. - 167tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014700, TN.014701, LD.015204, LD.015218

2348 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 21cm
T.4 : Siêu nhân Zetman. - 2011. - 167tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014698, TN.014699, LD.015202, LD.015203

2349 Siêu nhân Zetman / Masakazu, Katsura. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 21cm
T.3 : Siêu nhân Zetman. - 2011. - 167tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014696, TN.014697, LD.015184, LD.015198

2350 Siêu nhân Zetman / Masakazu Katsura. - Hà Nội : Thanh niên. - 21cm. - 23000đ
T.2 : Siêu nhân Zetman. - 2011. - 167tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014694, TN.014695, LD.015163, LD.015174

2351 Siêu nhân Zetman. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 167tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/S309N
Số ĐKCB: TN.014692, TN.014693

2352 Thần đồng đất Việt / Truyện và tranh: Huỳnh Hải, Thái Bảo. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.124 : Thần đồng đất Việt. - 2010. - 90tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011770, TN.011771

2353 Thần đồng đất Việt / Truyện và tranh: Huỳnh Hải, Thái Bảo. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.123 : Thần đồng đất Việt. - 2010. - 90tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011768, TN.011769

2354 Thần đồng đất Việt / Truyện và tranh: Huỳnh Hải, Thái Bảo. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.122 : Thần đồng đất Việt. - 2010. - 90tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011766, TN.011767

2355 Thần đồng đất Việt / Truyện và tranh: Huỳnh Hải, Thái Bảo. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.115 : Thần đồng đất Việt. - 2010. - 90tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011764, TN.011765

2356 Thần đồng đất Việt / Truyện và tranh: Huỳnh Hải, Thái Bảo. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.114 : Thần đồng đất Việt. - 2010. - 90tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011762, TN.011763

2357 Thần đồng đất Việt / Truyện và tranh: Huỳnh Hải, Thái Bảo. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.112 : Thần đồng đất Việt. - 2010. - 90tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011760, TN.011761

2358 Thần đồng đất Việt / Truyện và tranh: Huỳnh Hải, Thái Bảo. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.108 : Thần đồng đất Việt. - 2010. - 90tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011758, TN.011759

2359 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 18cm
T.171 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011756, TN.011757

2360 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.170 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011754, TN.011755

2361 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.169 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011752, TN.011753

2362 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.168 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011750, TN.011751

2363 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014674, TN.014675

2364 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014672, TN.014673

2365 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.167 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011748, TN.011749

2366 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014670, TN.014671

2367 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014668, TN.014669

2368 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014666, TN.014667

2369 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014664, TN.014665

2370 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.165 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011746, TN.011747

2371 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014662, TN.014663

2372 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội. - cm. - 6000đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014660, TN.014661

2373 Chuyện tẻo tèo teo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 23/CH527T
Số ĐKCB: TN.014658, TN.014659

2374 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.161 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011744, TN.011745

2375 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.158 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011742, TN.011743

2376 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.157 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011740, TN.011741

2377 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.154 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011738, TN.011739

2378 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.152 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011736, TN.011737

2379 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.150 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011734, TN.011735

2380 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.149 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011732, TN.011733

2381 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.148 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011730, TN.011731

2382 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.143 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011728, TN.011729

2383 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.141 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011726, TN.011727

2384 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.136 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011724, TN.011725

2385 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.127 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011722, TN.011723

2386 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.124 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011720, TN.011721

2387 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.123 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011718, TN.011719

2388 Trạng Quỷnh / Kim Khánh (tranh và lời). - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2010. - 120tr. ; 18cm
T.119 : Trạng Quỷnh. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011716, TN.011717

2389 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.12 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011714, TN.011715

2390 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.11 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011712, TN.011713

2391 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.10 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011710, TN.011711

2392 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.9 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011708, TN.011709

2393 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.8 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011706, TN.011707

2394 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.7 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011704, TN.011705

2395 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.6 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011702, TN.011703

2396 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.5 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011700, TN.011701

2397 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.4 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011698, TN.011699

2398 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.3 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011696, TN.011697

2399 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.2 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011694, TN.011695

2400 Ô Long viện / Au Yao Hsing ; Phương Linh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 120tr. ; 17cm
T.1 : Ô Long viện. - 2010. - 120tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/Ô450L
Số ĐKCB: TN.011692, TN.011693

2401 Gấu mập học võ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 23/G125M
Số ĐKCB: TN.014656, TN.014657

2402 Bước chân thiên thần. - Hà Nội. - cm. - 12000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.014652, TN.014653

2403 Bước chân thiên thần. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.014650, TN.014651

2404 Bí mật thiên mã. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.014648, TN.014649

2405 Bí mật thiên mã. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.014646, TN.014647

2406 Bí mật thiên mã. - Hà Nội. - cm. - 12000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.014644, TN.014645

2407 Bí mật thiên mã. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.014642, TN.014643

2408 Chuyện chàng lính gỗ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527C
Số ĐKCB: TN.014640, TN.014641

2409 Chuyện chàng lính gỗ. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527C
Số ĐKCB: TN.014638, TN.014639

2410 Chuyện chàng lính gỗ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527C
Số ĐKCB: TN.014636, TN.014637

2411 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama; Nguyễn Hương Giang d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 178tr. : tranh vẽ ; 18cm
T.62 : Thám tử lừng danh Conan. - 2010. - 178tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 C400N
Số ĐKCB: TN.011688, TN.011689

2412 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014568, TN.014569

2413 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014634, TN.014635

2414 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014632, TN.014633

2415 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014630, TN.014631

2416 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014628, TN.014629

2417 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014626, TN.014627

2418 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014624, TN.014625

2419 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014622, TN.014623

2420 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014620, TN.014621

2421 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014618, TN.014619

2422 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014616, TN.014617

2423 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014614, TN.014615

2424 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014612, TN.014613

2425 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014610, TN.014611

2426 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014608, TN.014609

2427 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014606, TN.014607

2428 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014604, TN.014605

2429 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014602, TN.014603

2430 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014600, TN.014601

2431 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014598, TN.014599

2432 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014596, TN.014597

2433 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014594, TN.014595

2434 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014592, TN.014593

2435 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014590, TN.014591

2436 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014588, TN.014589

2437 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014586, TN.014587

2438 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014584, TN.014585

2439 Trạng Quỳnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014582, TN.014583

2440 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014580, TN.014581

2441 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014578, TN.014579

2442 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014576, TN.014577

2443 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014574, TN.014575

2444 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014572, TN.014573

2445 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014570, TN.014571

2446 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014566, TN.014567

2447 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014564, TN.014565

2448 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014562, TN.014563

2449 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q

Số ĐKCB: TN.014560, TN.014561

2450 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014558, TN.014559

2451 Trạng Quỷnh : Truyện tranh / Tranh, lời: Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai. - 18cm
T.172 : Trạng Quỷnh. - 2011. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014556, TN.014557

2452 Trạng Quỷnh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TR106Q
Số ĐKCB: TN.014554, TN.014555

2453 Những hiệp sĩ ZMen. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH556H
Số ĐKCB: TN.014552, TN.014553

2454 Những hiệp sĩ ZMen. - Hà Nội. - cm. - 35000đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH556H
Số ĐKCB: TN.014550, TN.014551

2455 Những hiệp sĩ ZMen. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH556H
Số ĐKCB: TN.014548, TN.014549

2456 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.69 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006375, TN.006376, TN.006377

2457 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.68 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006372, TN.006373, TN.006374

2458 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.67 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006369, TN.006370, TN.006371

2459 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.66 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006366, TN.006367, TN.006368

2460 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.65 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006363, TN.006364, TN.006365

2461 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm

T.64 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006360, TN.006361, TN.006362

2462 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm

T.63 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006357, TN.006358, TN.006359

2463 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.62 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006354, TN.006355, TN.006356

2464 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm

T.61 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006351, TN.006352, TN.006353

2465 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.60 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006348, TN.006349, TN.006350

2466 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.59 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006345, TN.006346, TN.006347

2467 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.58 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006342, TN.006343, TN.006344

2468 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.57 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006339, TN.006340, TN.006341

2469 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.56 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006336, TN.006337, TN.006338

2470 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.55 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006333, TN.006334, TN.006335

2471 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.54 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006330, TN.006331, TN.006332

2472 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.40 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006167, TN.006168, TN.006169

2473 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.35 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006152, TN.006153, TN.006154

2474 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.30 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006137, TN.006138, TN.006139

2475 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.25 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006122, TN.006123, TN.006124

2476 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.53 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006206, TN.006207, TN.006208

2477 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.52 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006203, TN.006204, TN.006205

2478 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.51 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006200, TN.006201, TN.006202

2479 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.50 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006197, TN.006198, TN.006199

2480 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm

T.49 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006194, TN.006195, TN.006196

2481 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.48 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006191, TN.006192, TN.006193

2482 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.47 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006188, TN.006189, TN.006190

2483 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.46 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006185, TN.006186, TN.006187

2484 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.45 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006182, TN.006183, TN.006184

2485 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.44 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006179, TN.006180, TN.006181

2486 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.43 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006176, TN.006177, TN.006178

2487 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm

T.42 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006173, TN.006174, TN.006175

2488 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.41 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006170, TN.006171, TN.006172

2489 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.39 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006164, TN.006165, TN.006166

2490 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm

T.38 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.006161, TN.006162, TN.006163

2491 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.37 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006158, TN.006159, TN.006160

2492 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.36 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006155, TN.006156, TN.006157

2493 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.34 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006149, TN.006150, TN.006151

2494 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.33 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006146, TN.006147, TN.006148

2495 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.32 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006143, TN.006144, TN.006145

2496 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.31 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006140, TN.006141, TN.006142

2497 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.29 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006134, TN.006135, TN.006136

2498 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.28 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006131, TN.006132, TN.006133

2499 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.27 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006128, TN.006129, TN.006130

2500 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.26 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006125, TN.006126, TN.006127

2501 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.24 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006119, TN.006120, TN.006121

2502 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.23 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006116, TN.006117, TN.006118

2503 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.22 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006113, TN.006114, TN.006115

2504 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.21 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006110, TN.006111, TN.006112

2505 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.20 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006107, TN.006108, TN.006109

2506 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.19 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006104, TN.006105, TN.006106

2507 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.18 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006101, TN.006102, TN.006103

2508 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.17 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006098, TN.006099, TN.006100

2509 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.16 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006095, TN.006096, TN.006097

2510 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.15 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006092, TN.006093, TN.006094

2511 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.14 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006089, TN.006090, TN.006091

2512 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.13 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006086, TN.006087, TN.006088

2513 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.12 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006083, TN.006084, TN.006085

2514 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.11 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006080, TN.006081, TN.006082

2515 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.10 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006077, TN.006078, TN.006079

2516 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.9 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006074, TN.006075, TN.006076

2517 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.8 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006071, TN.006072, TN.006073

2518 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.7 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006068, TN.006069, TN.006070

2519 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.6 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006065, TN.006066, TN.006067

2520 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.5 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006062, TN.006063, TN.006064

2521 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
T.4 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006059, TN.006060, TN.006061

2522 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.3 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006056, TN.006057, TN.006058

2523 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.2 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006053, TN.006054, TN.006055

2524 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
T.1 : Thần đồng đất Việt. - 2003. - 92tr. : tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.006050, TN.006051, TN.006052

2525 Ánh sáng / Burnie David. - Hà Nội : Kim đồng. - 21cm. - 5000đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 535 23/A107S
Số ĐKCB: TN.001247, TN.001248, TN.001249, TN.001250, TN.001251

2526 Ánh sáng / Burnie David. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 535 23/A107S
Số ĐKCB: TN.001242, TN.001243, TN.001244, TN.001245, TN.001246

2527 Vật chất / Cooper Christoper. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001238, TN.001239, TN.001241, TN.002240, TN.001237, TN.001240, TN.002239, TN.002241

2528 Vật Chất / Cooper Christofer. - Hà Nội : Kim đồng. - 21cm. - 5000đ
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001232, TN.001233, TN.001235, TN.001236, TN.002236, TN.002237, TN.002238, TN.001234

2529 Khám phá tương lai / Tambini Michael. - Hà Nội : Kim đồng. - 21cm. - (Tủ sách Kiến thức thế hệ mới). - 5000đ
T.2 : Khám phá tương lai. - 2000. - 32tr. : ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/KH104H
Số ĐKCB: TN.001227, TN.001228, TN.001229, TN.001230, TN.001231

2530 Khám phá tương lai / Michael, Tambini. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 32tr. : ảnh ; cm + 21cm. - (Tủ sách Kiến thức thế hệ mới)
T.1 : Khám phá tương lai. - 2000. - 32tr. : ảnh + 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/KH104H
Số ĐKCB: TN.001222, TN.001223, TN.001224, TN.001225, TN.001226

2531 Động vật có vú / David Burnie. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 599 14/Đ455V
Số ĐKCB: TN.000512, TN.000513, TN.000514, TN.000515, TN.000516

2532 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
T.16 : Bim và những chuyện thần kỳ. - 1998. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐV 23/B310V
Số ĐKCB: TN.002642, TN.002643, TN.002644

2533 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
T.5 : Bim và những chuyện thần kỳ. - 1998. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐV 23/B310V
Số ĐKCB: TN.002618, TN.002619, TN.002620

2534 Chuyện cổ dành cho tuổi. - Hải Phòng. - cm. - 25000đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.000019, TN.000020, TN.000021

2535 Chuột Chi Hô lên thành phố. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.037341, LD.050609, TN.020812, LD.037339, LD.037340, LD.037342, LD.037343, LD.050608

2536 Nàng tiên mù / Ngọc Châu. - Hà Nội. - cm. - 28000đ

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.027791, LD.027792, TN.011884, TN.011885, TN.011886, LD.027790, LD.027793

2537 Nàng tiên mù / Ngọc Châu. - Hà Nội. - cm. - 28000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/N106T

Số ĐKCB: TN.011881, TN.011882, TN.011883, LD.027788, LD.027789

2538 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ

T.53 : Đàng trong suy tàn. - 2015. - 91tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 23/L302S

Số ĐKCB: TN.016548, TN.016549

2539 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ

T.52 : Chúa Minh - chúa Ninh. - 2015. - 91tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272092 23/L302S

Số ĐKCB: TN.016546, TN.016547

2540 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Lê Văn Nam b.s; Lê Phi Hùng họa sĩ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 93tr. : Tranh vẽ ; 20cm

T.51 : Chúa Hiền - chúa Nghĩa. - 2015. - 93tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272092 23/L302S

Số ĐKCB: TN.016544, TN.016545

2541 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ

T.50 : Chúa Sãi - Chúa Thượng. - 2015. - 91tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272092 23/L302S

Số ĐKCB: TN.016542, TN.016543

2542 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ

T.49 : Chúa Tiên Nguyễn Hoàng. - 2015. - 79tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272092 23/L302S

Số ĐKCB: TN.016540, TN.016541

2543 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.48 : Nhà bác học Lê Qúi Đôn. - 2015. - 83tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016538, TN.016539

2544 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.47 : Họ Trịnh trên đường suy vong. - 2015. - 82tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016536, TN.016537

2545 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.46 : Những cải cách của Trịnh Cương. - 2015. - 75tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016534, TN.016535

2546 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.45 : Kinh tế Đàng Ngoài thời Lê - Trịnh. - 2015. - 81tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016532, TN.016533

2547 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.44 : Chiến tranh Trịnh - Nguyễn. - 2015. - 79tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016530, TN.016531

2548 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.43 : Họ Trịnh khởi nghiệp. - 2015. - 79tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016528, TN.016529

2549 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.42 : Phân tranh Nam - Bắc triều và đoạn kết nhà Mạc. - 2015. - 79tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70271 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016526, TN.016527

2550 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.41 : Mạc Đăng Dung lập nên nhà Mạc. - 2015. - 83tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70271092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016524, TN.016525

2551 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.40 : Đoạn kết thời Lê Sơ. - 2015. - 79tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016522, TN.016523

2552 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.39 : Ông Nghè ông Cống. - 2015. - 99tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016520, TN.016521

2553 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.38 : Vua Lê Thánh Tông. - 2015. - 99tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016518, TN.016519

2554 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Nguyễn Khắc Tuấn b.s.; Nguyễn Huy Khôi họa sĩ. - Tái bản lần 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 99tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.37 : Nguyễn Trãi. - 2015. - 99tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016516, TN.016517

2555 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.36 : Sáng lập triều Lê. - 2015. - 99tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016514, TN.016515

2556 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Nguyễn Khắc Tuấn b.s.; Nguyễn Quang Vinh họa sĩ. - Tái bản lần 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 102tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.35 : Hội thề Đông Quan. - 2015. - 102tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016512, TN.016513

2557 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.34 : Bao vây thành Đông Quan. - 2015. - 79tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016510, TN.016511

2558 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Nguyễn Khắc Tuấn b.s.; Nguyễn Quang Cảnh họa sĩ. - Tái bản lần 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 87tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.33 : Giành được Nghệ An. - 2015. - 87tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016508, TN.016509

2559 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.32 : Gian nan lúc khởi đầu. - 2015. - 87tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016506, TN.016507

2560 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.31 : Hội thề lũng nhai. - 2015. - 75tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016504, TN.016505

2561 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Nguyễn Khắc Tuấn b.s.; Nguyễn Quang Vinh họa sĩ. - Tái bản lần 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 95tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.30 : Sự tàn bạo của giặc minh. - 2015. - 95tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70252 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016502, TN.016503

2562 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Đinh Văn Liên b.s.; Lê Phi Hùng họa sĩ. - Tái bản lần 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 75tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.29 : Hồ Qúy Ly - Chống giặc Minh. - 2015. - 75tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70251092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016500, TN.016501

2563 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.28 : Hồ Qúy Ly - Vị vua nhiều cải cách. - 2015. - 75tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70251092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016498, TN.016499

2564 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.27 : Nhà Trần suy vong. - 2015. - 102tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016496, TN.016497

2565 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.26 : Nhà Trần xây dựng đất nước. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016494, TN.016495

2566 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.25 : Trần Hưng Đạo. - 2015. - 103tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016492, TN.016493

2567 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.24 : Chiến thắng giặc Nguyên Mông lần thứ ba. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016490, TN.016491

2568 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.23 : Chiến thắng giặc Nguyên Mông lần thứ hai. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016488, TN.016489

2569 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Tôn Nữ Quỳnh Trân b.s.; Nguyễn Trung Tín họa sĩ. - Tái bản lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 95tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.22 : Chiến thắng quân mông lần thứ nhất. - 2015. - 95tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016486, TN.016487

2570 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Tôn Nữ Quỳnh Trân b.s.; Nguyễn Đức Hòa họa sĩ. - Tái bản lần thứ 12. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 111tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.21 : Thành lập nhà Trần. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016484, TN.016485

2571 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.20 : Nhà Lý suy vong. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016482, TN.016483

2572 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.13 : Vua Lê Đại Hành. - 2015. - 103tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7022092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016468, TN.016469

2573 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.7 : Nhụy Kiều tướng quân Bà Triệu. - 2015. - 85tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7012092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016456, TN.016457

2574 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.19 : Đại Việt dưới thời Lý Nhân Tông. - 2015. - 95tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7023 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016480, TN.016481

2575 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.18 : Lý Thường Kiệt. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7023092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016478, TN.016479

2576 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Tôn Nữ Quỳnh Trân b.s.; Nguyễn Huy Khôi họa sĩ. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 111tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.17 : Ỷ Lan Nguyên phi. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7023092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016476, TN.016477

2577 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Tôn Nữ Quỳnh Trân b.s.; Nguyễn Quang Cảnh họa sĩ. - Tái bản lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 103tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.16 : Nước Đại Việt. - 2015. - 103tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7023 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016474, TN.016475

2578 300 câu chuyện đạo đức / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 96tr. ; 19cm
T.7 : Tình chị em. - 2016. - 96tr.
Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện cảm động về tình chị em: bác của toi, điều ước của ba, chị e
Ký hiệu phân loại: 173 23/N114T
Số ĐKCB: TN.016560, TN.016561

2579 300 câu chuyện đạo đức / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 18cm
T.6 : Tình thân ái. - 2016. - 96tr.
Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện cảm động về tình thân ái:
Ký hiệu phân loại: 173 23/N114T
Số ĐKCB: TN.016562, TN.016563

2580 300 câu chuyện đạo đức / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 96tr. ; 19cm
T.5 : Tình yêu thương. - 2016. - 96tr.

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện cảm động về tình yêu thương: Món qua bất ngờ, kẻ giả danh, niềm vui lớn trong ngày giáng sinh...

Ký hiệu phân loại: 173 23/N114T
Số ĐKCB: TN.016556, TN.016557

2581 300 câu chuyện đạo đức / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 96tr. ; 19cm
T.4 : Tình thầy trò. - 2016. - 96tr.

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện cảm động về tình thầy trò: Lòng yêu thương, cách xưng hô,

Ký hiệu phân loại: 173 23/N114T
Số ĐKCB: TN.016558, TN.016559

2582 300 câu chuyện đạo đức / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 96tr. ; 19cm
T.3 : Gia đình. - 2016. - 96tr.

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện cảm động về tình cảm gia đình: Tấm ảnh của mẹ, hạt giống hy vọng, bà tiên của con...

Ký hiệu phân loại: 173 23/N114T
Số ĐKCB: TN.016554, TN.016555

2583 300 câu chuyện đạo đức / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 96tr. ; 19cm
T.2 : Tình cha. - 2016. - 96tr.

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện cảm động về tình cha: Cuộc đời của bố, ngày xưa của ba, d

Ký hiệu phân loại: 173 23/N114T
Số ĐKCB: TN.016552, TN.016553

2584 300 câu chuyện đạo đức / Nguyễn Hạnh, Trần Thị Thanh Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 18cm
T.1 : Tình mẫu tử. - 2016. - 96tr.

Tóm tắt: Tập hợp những câu chuyện cảm động về tình mẹ con: Ai là người đẹp nhất, đi tìm phật

Ký hiệu phân loại: 173 23/N114T
Số ĐKCB: TN.016550, TN.016551

2585 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Tôn Nữ Quỳnh Trân b.s.; Nguyễn Huy Khôi họa sĩ. - Tái bản lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 111tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.15 : Xây đắp nhà Lý. - 2015. - 111tr. : Tranh vẽ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016472, TN.016473

2586 Vui chơi cùng Yu Yu / Minh họa: Kim Hằng, Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 21cm
T.3 : Túi hạt giống thần kỳ. - 2016. - 16tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/V510C
Số ĐKCB: TN.016570, TN.016571

2587 Vui chơi cùng Yu Yu / Minh họa: Kim Hằng, Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 21cm
T.2 : Yu Yu thích làm nghề gì?. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/V510C
Số ĐKCB: TN.016574, TN.016575

2588 Vui chơi cùng Yu Yu / Minh họa: Kim Hằng, Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 21cm
T.1 : Ngôi nhà của Yu Yu. - 2016. - 16tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/V510C
Số ĐKCB: TN.016572, TN.016573

2589 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.14 : Thăng Long buổi đầu. - 2015. - 110tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016470, TN.016471

2590 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.12 : Cờ lau vạn Thắng Vương. - 2015. - 103tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016466, TN.016467

2591 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.9 : Mai Hắc Đế : Bố Cái Đại Vương (Phùng Hưng). - 2015. - 86tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016460, TN.016461

2592 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Nguyễn Khắc Tuấn b.s.; Nguyễn Trung Tín họa sĩ. - Tái bản lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 87tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.11 : Ngô Quyền : Đại phá quân Nam Hán. - 2015. - 87tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016464, TN.016465

2593 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Nguyễn Khắc Tuấn b.s.; Nguyễn Trung Tín họa sĩ. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 92tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.10 : Họ khức dựng nền tự chủ. - 2015. - 92tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7012 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016462, TN.016463

2594 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Tôn nữ Quỳnh Trân b.s.; Nguyễn Đức Hòa họa sĩ. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 86tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.8 : Nước Vạn xuân. - 2015. - 86tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016458, TN.016459

2595 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.6 : Hai Bà Trưng. - 2015. - 93tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012092 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016454, TN.016455

2596 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.5 : Nước Âu lạc. - 2016. - 106tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016452, TN.016453

2597 [illegible] Họa sĩ.: Tấn Lê, Trung Tín. - Tái bản lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 87tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.4 : Huyền sử đời hùng : Tiên dung - Chữ đồng tử, Sơn tinh thủy tinh. - 2016. - 87tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016450, TN.016451

2598 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Tôn Nữ Quỳnh Trân, Phan An; Vũ Dũng h.s.. - Tái bản lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 79tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.3 : Huyền sử đời hùng : Bánh trưng bánh giầy - Trầu cau - Qủa dưa hấu. - 2016. - 79tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016448, TN.016449

2599 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; Tôn Nữ Quỳnh Trân b.s; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tái bản lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 75tr. : Tranh vẽ ; 20cm
T.2 : Huyền sử đời Hùng : Con rồng cháu tiên - Thánh Gióng. - 2016. - 75tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016446, TN.016447

2600 Lịch sử Việt Nam bằng tranh / Trần Bạch Đằng ch.b.; B.s.: Đinh Văn Liên, Bùi Chí Hoàng; Nguyễn Trung Tín h.s.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm. - 25000đ
T.1 : Người cổ Việt Nam. - 2016. - 95tr. : Tranh vẽ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016444, TN.016445

2601 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.9 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016285, TN.016286, TN.016287

2602 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.8 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016282, TN.016283, TN.016284

2603 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.7 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016279, TN.016280, TN.016281

2604 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.6 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016276, TN.016277, TN.016278

2605 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.5 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016273, TN.016274, TN.016275

2606 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.4 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016270, TN.016271, TN.016272

2607 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.3 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016267, TN.016268, TN.016269

2608 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 24tr. ; 20cm
T.2 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016264, TN.016265, TN.016266

2609 Bảng cửu chương dễ nhớ / Bùi Phước Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
T.1 : Bảng cửu chương dễ nhớ. - 2015. - 24tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/B106C
Số ĐKCB: TN.016261, TN.016262, TN.016263

2610 Bí kíp luyện rồng / Cressida Cowell; D.: Đàm Huy Phát, Hoàng Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 228tr. ; 20cm
T.2 : Cẩm nang hải tặc. - 2014. - 228tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823
Số ĐKCB: TN.015809, TN.015810

2611 Bí kíp luyện rồng / Cressida Cowell; D.: Đàm Huy Phát, Hoàng Nguyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 240tr. ; 20cm
T.3 : Cẩm nang tiếng rồng. - 2014. - 240tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823
Số ĐKCB: TN.015811, TN.015812

2612 Bí kíp luyện rồng / Cressida Cowell. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823
Số ĐKCB: TN.015807, TN.015808

2613 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 31tr. : tranh ảnh ; 26cm
T.8 : Siêu nhân kĩ tính. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015804

2614 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 31tr. : tranh ảnh ; 26cm
T.7 : Cuộc đua gay cấn. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015803

2615 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 26 cm
T.6 : Tháp điều khiển thời tiết. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015802

2616 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 26 cm
T.5 : Sự nổi dậy của thức ăn. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015801

2617 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 26 cm
T.4 : Đĩa bay bằng vàng. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015800

2618 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 26 cm
T.3 : Đại bác thần kì. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015799

2619 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 26 cm
T.2 : Siêu nhân vui vẻ ra đời. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015798

2620 Siêu nhân vui vẻ : Phiên bản truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 26 cm
T.1 : Trứng robốt xuất hiện. - 2014. - 31tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 S309N
Số ĐKCB: TN.015797

2621 Chú mèo kẹo bi phiêu lưu trong xứ sở côn trùng : Rèn luyện khả năng quan sát và tình yêu thiên nhiên cho bé / Dương Di: An Lạc Group dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 25cm
T.6 : Trong công viên. - 2014. - 24tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015731

2622 Chú mèo kẹo bi phiêu lưu trong xứ sở côn trùng : Rèn luyện khả năng quan sát và tình yêu thiên nhiên cho bé / Dương Di: An Lạc Group dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 25cm
T.5 : Trong nhà. - 2014. - 24tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015730

2623 Chú mèo kẹo bi phiêu lưu trong xứ sở côn trùng : Rèn luyện khả năng quan sát và tình yêu thiên nhiên cho bé / Dương Di: An Lạc Group dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 25cm
T.4 : Trên mặt ao. - 2014. - 24tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015729

2624 Chú mèo kẹo bi phiêu lưu trong xứ sở côn trùng : Rèn luyện khả năng quan sát và tình yêu thiên nhiên cho bé / Dương Di: An Lạc Group dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 25cm
T.3 : Trên cây. - 2014. - 24tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015728

2625 Chú mèo kẹo bi phiêu lưu trong xứ sở côn trùng : Rèn luyện khả năng quan sát và tình yêu thiên nhiên cho bé / Dương Di: An Lạc Group dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 25cm
T.2 : Trong lòng đất. - 2014. - 24tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015727

2626 Chú mèo kẹo bi phiêu lưu trong xứ sở côn trùng : Rèn luyện khả năng quan sát và tình yêu thiên nhiên cho bé / Dương Di: An Lạc Group dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật. - 25cm
T.1 : Trên bãi cỏ. - 2014. - 24tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015726

2627 Hắc quản gia / Yana Toboso; Dịch: Komorebi, Zelda. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 18cm
T.3 : Hắc quản gia. - 2014. - 188tr. : Tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 H113Q
Số ĐKCB: TN.015713, TN.015714

2628 Hắc quản gia / Yana Toboso; Dịch: Komorebi, Zelda. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 18cm
T.2 : Hắc quản gia. - 2014. - 185tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 H113Q
Số ĐKCB: TN.015711, TN.015712

2629 Hắc quản gia / Yana Toboso; Dịch: Komorebi, Zelda. - Hải Phòng : Nxb Hải Phòng. - 18cm
T.1 : Hắc quản gia. - 2014. - 185tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 H113Q
Số ĐKCB: TN.015709, TN.015710

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2630 21cm
T.8 : Đố vui về cơ thể chúng mình. - 2014. - 113tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015627, TN.015628

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2631 21cm
T.7 : Giải đáp thắc mắc về cơ thể. - 2014. - 113tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015625, TN.015626

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2632 21cm
T.6 : Dinh dưỡng và sức khỏe. - 2014. - 113tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015623, TN.015624

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2633 21cm
T.5 : Sự trưởng thành của cơ thể. - 2014. - 113tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015621, TN.015622

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2634 21cm
T.4 : Hoạt động của não. - 2014. - 113tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015619, TN.015620

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2635 21cm
T.3 : Cấu tạo cơ thể. - 2014. - 113tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015617, TN.015618

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2636 21cm
T.2 : Tuần hoàn máu. - 2014. - 113tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015615, TN.015616

Doraemon tìm hiểu cơ thể người / Tatsuo Sakai; Đạm Nguyệt dịch. - Hà Nội : Kim đồng. -
2637 21cm
T.1 : Tiêu hóa và hấp thụ. - 2014. - 113tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015613, TN.015614

2638 Chuyện kể cho bé / Tranh: Nguyễn Minh Kiên, Nguyễn Minh Trung, Kim Seung Hyun; st và bs: Thùy Linh, Thanh Phương. - Hà Nội : Văn học. - 27cm
T.2 : Chuyện kể cho bé. - 2013. - 112tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 CH527K
Số ĐKCB: TN.015701, TN.015702

2639 Chuyện kể cho bé / Tranh: Nguyễn Minh Kiên, Nguyễn Minh Trung, Kim Seung Hyun; st và bs: Thùy Linh, Thanh Phương. - Hà Nội : Văn học. - 27cm
T.1 : Chuyện kể cho bé. - 2013. - 109tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 CH527K
Số ĐKCB: TN.015699, TN.015700

2640 Doraemon chọn lọc : 45 chương mở đầu bộ truyện ngắn Doraemon / Fujiko F Fujio; dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - In lần thứ 3. - Hà Nội : Kim đồng, 2014. - 243tr. ; 18cm
T.2 : Vol.24 đến vol. 45. - 2014. - 243tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015671, TN.015672

2641 Doraemon chọn lọc : 45 chương mở đầu bộ truyện ngắn Doraemon / Fujiko F Fujio; dịch: Giang Hồng, Hồng Trang. - In lần thứ 3. - Hà Nội : Kim đồng, 2014. - 273tr. ; 18cm
T.1 : Vol.1 đến vol. 23. - 2014. - 273tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015669, TN.015670

2642 Doraemon : Tuyển tập tranh truyện màu kĩ thuật số / Fujiko F Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. ; 21cm
T.6 : Doraemon. - 2014. - 64tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015667, TN.015668

2643 Doraemon : Tuyển tập tranh truyện màu kĩ thuật số / Fujiko F Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. ; 21cm
T.5 : Doraemon. - 2014. - 64tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015665, TN.015666

2644 Doraemon : Tuyển tập tranh truyện màu kĩ thuật số / Fujiko F Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. ; 21cm
T.4 : Doraemon. - 2014. - 64tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015663, TN.015664

2645 Doraemon : Tuyển tập tranh truyện màu kĩ thuật số / Fujiko F Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. ; 21cm
T.3 : Doraemon. - 2014. - 64tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015661, TN.015662

2646 Doraemon : Tuyển tập tranh truyện màu kĩ thuật số / Fujiko F Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. ; 21cm
T.2 : Doraemon. - 2014. - 64tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015659, TN.015660

2647 Doraemon : Tuyển tập tranh truyện màu kĩ thuật số / Fujiko F Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 64tr. ; 21cm
T.1 : Doraemon. - 2014. - 64tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 D400R
Số ĐKCB: TN.015657, TN.015658

2648 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.10 : Anh chị em của tớ. - 2013. - 108tr. : tranh ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015648, TN.015169, TN.015170, TN.015647

2649 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.9 : Chú bướm xấu xí. - 2013. - 105tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015645, TN.015646, TN.015167, TN.015168

2650 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.8 : Chiến dịch cờ nhảy. - 2013. - 105tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015643, TN.015165, TN.015166, TN.015644

2651 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.7 : Hương Lăng yêu lao động. - 2013. - 103tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015163, TN.015164, TN.015641, TN.015642

2652 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà Linh dịch. - Hà Nội : Văn học, 2013. - 106tr. ; 17cm
T.6 : Phong ba trường âm nhạc. - 2013. - 106tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015639, TN.015161, TN.015162, TN.015640

2653 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.1 : Kungfu Trung Quốc. - 2013. - 103tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015151, TN.015152, TN.015629, TN.015630

2654 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.4 : Dải băng trực tuần. - 2013. - 113tr
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015157, TN.015158, TN.015635, TN.015636

2655 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.5 : Tiểu đội thám hiểm. - 2013. - 103tr
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015638, TN.015159, TN.015160, TN.015637

2656 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.3 : Bí quyết thi cử. - 2013. - 100tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015633, TN.015155, TN.015156, TN.015634

2657 Thần hổ thiên nhãn / Ngô Kiến Vinh; Hà linh dịch. - Hà Nội : Văn học. - 17cm
T.2 : Quà tặng ngày của mẹ. - 2013. - 100tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH121H
Số ĐKCB: TN.015631, TN.015632, TN.015153, TN.015154

2658 Anh hùng lĩnh nam / Quốc Hiếu chuyển thể; Vẽ tranh: Thuận Thành, Thiên Lý; Tiến Thông đồ họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Truyện tranh Đại Việt thần võ)
T.4 : Anh hùng lĩnh nam. - 2011. - 130tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 A-107H
Số ĐKCB: TN.015655, TN.015656

2659 Anh hùng lĩnh nam / Quốc Hiếu chuyển thể; Vẽ tranh: Thuận Thành, Thiên Lý; Tiến Thông đồ họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 126tr. ; 19cm. - (Truyện tranh Đại Việt thần võ)
T.3 : Anh hùng lĩnh nam. - 2011. - 126tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 A-107H
Số ĐKCB: TN.015653, TN.015654

2660 Anh hùng lĩnh nam / Quốc Hiếu chuyển thể; Vẽ tranh: Thuận Thành, Thiên Lý; Tiến Thông đồ họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Truyện tranh Đại Việt thần võ)
T.2 : Anh hùng lĩnh nam. - 2011. - 124tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 A-107H
Số ĐKCB: TN.015651, TN.015652

2661 Anh hùng lĩnh nam / Quốc Hiếu chuyển thể; Vẽ tranh: Thuận Thành, Thiên Lý; Tiến Thông đồ họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - 19cm. - (Truyện tranh Đại Việt thần võ)
T.1 : Anh hùng lĩnh nam. - 2011. - 104tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 A-107H
Số ĐKCB: TN.015649, TN.015650

2662 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Thông Tấn Nxb.Hải Phòng. - 18cm
Q.12 : Thầy giáo của tôi. - 2013. - 200tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015520

2663 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; TVNComics dịch. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2013. - 192tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.11 : Thầy giáo của tôi. - 2013. - 192tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015519

2664 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; TVNComics dịch. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 192tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.9 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 192tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015517

2665 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Khánh Tử, Nic. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2013. - 200tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.15 : Thầy giáo của tôi. - 2013. - 200tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015523

2666 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Khánh Tử, Nic. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2013. - 200tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.14 : Thầy giáo của tôi. - 2013. - 200tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015522

2667 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.13 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015535

2668 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.12 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015534

2669 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.11 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015533

2670 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.10 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015532

2671 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Thông Tấn Nxb.Hải Phòng. - 18cm
Q.13 : Thầy giáo của tôi. - 2013. - 200tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015521

2672 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.9 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015531

2673 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Thông Tấn Nxb.Hải Phòng. - 18cm
Q.10 : Thầy giáo của tôi. - 2013. - 192tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015518

2674 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.8 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 161tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015530

2675 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Khánh Tử, Nic. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 192tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.8 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 192tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015516

2676 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.7 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015529

2677 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; TVMComis dịch. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 190tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.7 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 190tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015515

2678 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.6 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015528

2679 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.5 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 161tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015527

2680 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.4 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 162tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015526

2681 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; TVMComis dịch. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 190tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.6 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 190tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015514

2682 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.3 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 163tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015525

2683 Cuộc xâm lăng của Bé Mực / Anbe Masahiro; Dịch: Hà Kim, Ly Cơ. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng. - 18cm. - (Dành cho tuổi mới lớn)
T.2 : Cuộc xâm lăng của Bé Mực. - 2012. - 163tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 C514X
Số ĐKCB: TN.015524

2684 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 190tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.5 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 190tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015513

2685 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 192tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.4 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 192tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015512

2686 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 192tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.3 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 192tr. : hình ảnh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015511

2687 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Nxb.Hải Phòng Thông Tấn, 2010. - 192tr. : hình ảnh ; 18cm
Q.2 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 192tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015510

2688 Thầy giáo của tôi / Izumi Tsubaki; Dịch: Kim Trang, Zelda. - Hà Nội Hải Phòng : Thông Tấn Nxb.Hải Phòng. - 18cm
Q.1 : Thầy giáo của tôi. - 2010. - 194tr. : hình ảnh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 TH126G
Số ĐKCB: TN.015509

2689 Nhanh tay nhanh mắt - Chú khỉ con mới đến / Lý Trung Hoa vẽ tranh; Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 32tr. : ảnh màu ; 25cm. - (Thử tài trí tuệ - Tìm điểm khác nhau)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NH107T
Số ĐKCB: TN.021229, TN.021230, TN.021231

2690 Trò chơi ở nhà trẻ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 23tr. : ảnh màu ; 25cm. - (Tủ sách mầm non)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR400C
Số ĐKCB: TN.021193, TN.021194, TN.021195

2691 Lỗ Tấn với bạn bè thủa nhỏ / Phạm Qúy Thích; Tạ Thúc Bình m.h.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 27tr. ; 12cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922334 23/L450T
Số ĐKCB: TN.021421, TN.021422, TN.021423

2692 Winb club - Công chúa phép thuật : Tiểu thuyết Buổi tối tuyệt vời của Musa / Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 184tr. ; 18cm. - (Dành cho trẻ em từ 6 - 15 tuổi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/W311X
Số ĐKCB: TN.021412, TN.021413, TN.021414

2693 Winb club - Công chúa phép thuật : Kẻ thù lâm nguy Tiểu thuyết / Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 184tr. ; 18cm. - (Dành cho trẻ em từ 6 - 15 tuổi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/W311X
Số ĐKCB: TN.021409, TN.021410, TN.021411

2694 Tớ không sợ đi nhà trẻ : Mình không kén ăn / Lưu Linh tranh, Mễ Cát Ca lời; Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 20tr. : tranh màu ; 19cm. - (Tủ sách Mầm non)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 23/T460K
Số ĐKCB: TN.021496, TN.021497, TN.021498

2695 Ai đúng ai sai - Ở nhà : Bồi dưỡng thói quen tốt cho trẻ / Triệu Đông Mai lời; Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Dân trí, 2011. - 36tr. ; 19cm. - (Tủ sách mầm non)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/A300Đ
Số ĐKCB: TN.021493, TN.021494, TN.021495

2696 Ai đúng ai sai - Khi ra ngoài : Bồi dưỡng thói quen tốt cho trẻ / Triệu Đông Mai lời; Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Dân trí, 2011. - 36tr. ; 19cm. - (Tủ sách mầm non)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/A300Đ
Số ĐKCB: TN.021490, TN.021491, TN.021492

2697 Đón xuân qua, bé dọn nhà! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Đ430X
Số ĐKCB: TN.021484, TN.021485, TN.021486

2698 Bé giỏi giang, làm bữa sáng! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200G
Số ĐKCB: TN.021481, TN.021482, TN.021483

2699 Giặt quần áo, làm tốt ráo! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/GI118Q
Số ĐKCB: TN.021478, TN.021479, TN.021480

2700 Xe đạp hỏng, sửa nhanh chóng! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/X200Đ
Số ĐKCB: TN.021475, TN.021476, TN.021477

2701 Tàu điện ơi, thích mê tơi! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T111Đ
Số ĐKCB: TN.021472, TN.021473, TN.021474

2702 Bố con ta cùng câu cá! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B450C
Số ĐKCB: TN.021463, TN.021464, TN.021465

2703 Cầm chổi nào, sơn hàng rào! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C120C
Số ĐKCB: TN.021466, TN.021467, TN.021468

2704 Bé thực hành, tập nướng bánh! / Tác giả: Saadah Taib, Nurul Haida Dzulkifli; Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 24tr. ; 20cm. - (Tủ sách Ươm mầm. Kinh nghiệm đầu đời của tôi. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi.)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B200T
Số ĐKCB: TN.021469, TN.021470, TN.021471

2705 Chuyên gia làm đẹp / Rainbow; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 16tr. : Tranh màu ; 19cm. - (Tủ sách sáng tạo - Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/Ch527G
Số ĐKCB: TN.021448, TN.021449, TN.021450

2706 Nhà thiết kế thời trang / Rainbow; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 16tr. : Tranh màu ; 19cm. - (Tủ sách sáng tạo - Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/NH100T
Số ĐKCB: TN.021445, TN.021446, TN.021447

2707 Buổi cắm trại đáng nhớ / Rainbow; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 16tr. : Tranh màu ; 19cm. - (Tủ sách sáng tạo - Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/B515C
Số ĐKCB: TN.021451, TN.021452, TN.021453

2708 Cánh cửa mặt trăng / Rainbow; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 16tr. : Tranh màu ; 19cm. - (Tủ sách sáng tạo - Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/C107C
Số ĐKCB: TN.021454, TN.021455, TN.021456

2709 Tomboy hay nữ tính? / Rainbow; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 16tr. : Tranh màu ; 19cm. - (Tủ sách sáng tạo - Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/N429T

Số ĐKCB: TN.021457, TN.021458, TN.021459

2710 Món quà bí mật / Rainbow; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 16tr. : Tranh màu ; 19cm. - (Tủ sách sáng tạo - Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/M430Q

Số ĐKCB: TN.021460, TN.021461, TN.021462

2711 Đeo ba lô lên và đi... mẫu giáo - Ứ ừ, con chẳng thích đi học đâu! : Ngày đầu tiên đi học / Mễ Cát Khả lời; Hà Giang d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 130tr. ; 21cm. - (Tủ sách ươm mầm - Dành cho trẻ em từ 1 - 6 tuổi)

Tóm tắt: Tập hợp các mẩu truyện sinh động, ý nghĩa giúp các em nhỏ thêm tự tin, hình thành thói quen tốt, tính cách tốt và thêm yêu thích trường mẫu giáo của rmình

Ký hiệu phân loại: 372.25 23/Đ205B

Số ĐKCB: TN.021439, TN.021440, TN.021441

2712 Đeo ba lô lên và đi... mẫu giáo - Ôi, sao mẹ đón con sớm thế! : Trường mẫu giáo cũng là nhà / Mễ Cát Khả lời; Hà Giang d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 130tr. ; 21cm. - (Tủ sách ươm mầm - Dành cho trẻ em từ 1 - 6 tuổi)

Tóm tắt: Tập hợp các mẩu truyện sinh động, ý nghĩa giúp các em nhỏ thêm tự tin, hình thành thói quen tốt, tính cách tốt và thêm yêu thích trường mẫu giáo của rmình

Ký hiệu phân loại: 372.25 23/Đ205B

Số ĐKCB: TN.021442, TN.021443, TN.021444

2713 Đeo ba lô lên và đi... mẫu giáo - Woa, trường mẫu giáo thật là vui! : Bé làm quen với trường mẫu giáo / Mễ Cát Khả lời; Hà Giang d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 130tr. ; 21cm. - (Tủ sách ươm mầm - Dành cho trẻ em từ 1 - 6 tuổi)

Tóm tắt: Tập hợp các mẩu truyện sinh động, ý nghĩa giúp các em nhỏ thêm tự tin, hình thành thói quen tốt, tính cách tốt và thêm yêu thích trường mẫu giáo của rmình

Ký hiệu phân loại: 372.25 23/Đ205B

Số ĐKCB: TN.021436, TN.021437, TN.021438

2714 Gấu Mi Mi biết yêu thương mọi người : Cùng bé học cùng bé chơi / Mễ Cát Khả lời; Hà Giang d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 112tr. ; 21cm. - (Tủ sách ươm mầm - Dành cho trẻ từ 2 - 8 tuổi)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/G125M
Số ĐKCB: TN.021433, TN.021434, TN.021435

2715 Những bài học đầu đời của gấu Mi Mi : Cùng bé học cùng bé chơi / Mễ Cát Khả lời; Tôn Triết m.h.; Hà Giang d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2018. - 112tr. ; 21cm. - (Tủ sách ươm mầm - Dành cho trẻ từ 2 - 8 tuổi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NH556B
Số ĐKCB: TN.021430, TN.021431, TN.021432

2716 Đuôi dài một chút thì vui, nhưng ngắn một chút thì tui an toàn : Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi / Hideo Kiso truyện và tranh; Song Tâm Quyên d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 28tr. ; 21cm. - (Tủ sách ươm mầm)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 23/Đ515D
Số ĐKCB: TN.021427, TN.021428, TN.021429

2717 Nến sáp ong tự làm / Ève Herrmann; Roberta Rocchi m.h.; Phạm Nhàn d.. - Hà Nội : Thế giới,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.392 23/N254S
Số ĐKCB: TN.021424, TN.021425, TN.021426

2718 Cuộc đời và những chuyến phiêu lưu của ông già Noel : Câu chuyện giáng sinh / L. Fank Baum lời; Charles Santore tranh; Phùng Nga d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 56tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 23/C125C
Số ĐKCB: TN.021157, TN.021158, TN.021159

2719 365 chuyện kể hằng đêm / Hemma; Đinh Thị Liêu d. - Hà Nội : Thế giới, 2016. - 196tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/B100T
Số ĐKCB: TN.021154, TN.021155, TN.021156

2720 365 truyện mẹ kể con nghe : Chuyện về các chàng Hoàng Tử và các nàng Công Chúa / Ngọc Linh b.s. - Hà Nội : Thế Giới, 2016. - 194tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/B100T
Số ĐKCB: TN.021151, TN.021152, TN.021153

2721 Các nàng công chúa lạc quan, tự tin / Tác giả: Trần Hy, Đinh Thượng Lâm; Hà Giang d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2018. - 124tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.021142, TN.021143, TN.021144

2722 Truyện cổ tích Việt Nam hay nhất - Mẹ kể con nghe / Thùy Chi b.s. - Hà Nội : Thanh niên,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.021139, TN.021140, TN.021141

2723 Truyện cổ tích Việt Nam hay nhất - Mẹ kể con nghe / Thùy Chi b.s. - Hà Nội : Thanh niên,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TR527C
Số ĐKCB: TN.021166, TN.021167, TN.021168

2724 Sọ Dừa & Bánh chưng bánh dày = Sọ Dừa và Bánh chưng bánh dày / Lời: Đinh Nguyên Anh, Tú Anh; Nguyễn Tuấn Long tranh. - Hà Nội : Dân trí, 2011. - 36tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S400D
Số ĐKCB: TN.021163, TN.021164, TN.021165

2725 Thời thơ ấu của H. C. Andersen : Bí mật về thầy tu / Jan Rybka kịch bản; Thierry Capezzone hình vẽ; Anh Thơ d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 48tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/TH462T
Số ĐKCB: TN.021160, TN.021161, TN.021162

2726 Bách khoa thư bằng hình về sức khỏe cho học sinh : Ai thơm nhất lớp Trở thành người thơm tho nhất / Ohtsu Kazuyosho; Song Tâm Quyên d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2019. - 48tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 613.0834 23/B102K
Số ĐKCB: TN.021262, TN.021263, TN.021264

2727 Bố đọc thơ mẹ kể chuyện : Anh đom đóm / Nguyên Anh s.t.; Tranh: Minh Trâm, Hà Lê, Bùi Đức Thặng. - Hà Nội : Văn học, 2015. - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B450Đ
Số ĐKCB: TN.021259, TN.021260, TN.021261

2728 Bố đọc thơ mẹ kể chuyện : Dê qua cầu / Nguyên Anh s.t.; Tranh: Minh Trâm, Hà Lê, Bùi Đức Thặng. - Hà Nội : Văn học, 2015. - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B450Đ
Số ĐKCB: TN.021256, TN.021257, TN.021258

2729 Bố đọc thơ mẹ kể chuyện : Nặn đồ chơi / Nguyên Anh s.t.; Tranh: Minh Trâm, Hà Lê, Bùi Đức Thặng. - Hà Nội : Văn học, 2015. - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B450Đ
Số ĐKCB: TN.021253, TN.021254, TN.021255

2730 Bố đọc thơ mẹ kể chuyện : Rình xem mặt trời / Nguyên Anh s.t.; Tranh: Minh Trâm, Hà Lê, Bùi Đức Thặng. - Hà Nội : Văn học, 2015. - 20tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B450Đ
Số ĐKCB: TN.021250, TN.021251, TN.021252

2731 108 truyện đồng thoại khoa học hay nhất = Một trăm lẻ tám truyện đồng thoại khoa học hay nhất : Truyện kể / Vũ Bội Tuyền. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 224tr. ; 21cm. - (Tủ sách người kể chuyện. Dành cho trẻ em từ 5 - 15 tuổi)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/M458T

Số ĐKCB: TN.021406, TN.021407, TN.021408

2732 108 chuyện kể hay nhất về thế giới đồ chơi và đồ vật = Một trăm lẻ tám chuyện kể hay nhất về thế giới đồ chơi và đồ vật : Truyện kể / Thanh Bình s.t.; t.c.. - Hà Nội : Thanh niên, 2016. - 448tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/M458T

Số ĐKCB: TN.021403, TN.021404, TN.021405

2733 Cùng nhau thử sức : Chuyến đi của mèo con / Thang Hồng Diễm (vẽ tranh); Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 31tr. ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550T

Số ĐKCB: TN.021247, TN.021248, TN.021249

2734 Thử thách tài năng : Người hàng xóm vui vẻ / Thang Hồng Diễm (vẽ tranh); Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2010. - 31tr. ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH550T

Số ĐKCB: TN.021244, TN.021245, TN.021246

2735 Nhật ký đến trường của cô nhóc siêu quậy : Đánh miệng / Đơn Anh Kỳ; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 176tr. : hình vẽ ; 21cm. - (Lớp nhà trẻ)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/NH124K

Số ĐKCB: TN.021400, TN.021401, TN.021402

2736 Nhật ký đến trường của cô nhóc siêu quậy : Cá tháng tư / Đơn Anh Kỳ; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Thời đại, 2014. - 200tr. ; 21cm. - (Học sinh tiểu học)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/NH124K

Số ĐKCB: TN.021397, TN.021398, TN.021399

2737 Bé trái cây / Hoko Takadono lời; Nobuko Tsuchida m.h.; Phương Chi d.. - Hà Nội : Văn học, 2019. - 84tr. ; 21cm. - (Tủ sách ươm mầm. Dành cho trẻ em từ 2 - 8 tuổi)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/B200T

Số ĐKCB: TN.021394, TN.021395, TN.021396

2738 Tuổi thơ ngọt ngào / Hoàng Văn Bổn. - Hà Nội. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018531, TN.018532, TN.018896

2739 Các nền văn minh lớn Ai cập. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019145, TN.019146, TN.019147

2740 Các nền văn minh lớn Hy lạp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019141, TNVL.000392, TNVL.000393

2741 Các nền văn minh lớn Trung Quốc. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000389, TNVL.000390, TNVL.000391

2742 Các nền văn minh lớn Amazon. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000386, TNVL.000387, TNVL.000388

2743 Các nền văn minh lớn thời trung cổ. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000350, TNVL.000351, TNVL.000352

2744 Bách khoa khoa học / Thanh Nghi. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001881, TNVN.001882, TNVN.001883

2745 Thạch Sanh chém chằn tinh. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.000239

2746 Thành phố cát. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001562, TNVN.001563

2747 Người hùng tóc bím / Trầm Nhi. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001572, TNVN.001573

2748 Những tia nắng hồng / Phượng Nguyên. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001558, TNVN.001559

2749 Phi vụ bất ngờ / Hồng Ngọc. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.001551, TNVN.001552

2750 Sao chó mèo lại ghét nhau? : 100 điều kỳ thú về giao thông / N. oglobya ; Tô Bá Văn d.. - Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 62tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/S108T
Số ĐKCB: TN.020989, TN.020990, TN.020991, TN.020992

2751 Sao chó mèo lại ghét nhau? : 100 điều kỳ thú về gia cầm gia súc / A. Galchuk ; Tô Bá Văn d.. - Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 52tr. ; 25cm

Tóm tắt: Giới thiệu những điều thú vị về thế giới loài vật (nhất là chó và mèo) với nhiều giải đáp lý thú cho các em thiếu nhi

Ký hiệu phân loại: 001 23/S108C
Số ĐKCB: TN.020993, TN.020994, TN.020995, TN.020996

2752 Hoàng tử và cậu bé nghèo khổ / Mark Twain; Nhật An d.; Huyền Trân m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 172tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.4 23/H407T
Số ĐKCB: TN.021112, TN.021113, TN.021114, TN.021115

2753 Dạy thì không "xì trét" : Tất tần tật bí quyết để bạn gái tự tin trưởng thành / Nikoleta Novak; Tihomir Čelanović m.h.; Nguyễn Trà My d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 108tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 155.532 23/D126T
Số ĐKCB: TN.021108, TN.021109, TN.021110, TN.021111

2754 Dạy thì không "xì trét" : Tất tần tật bí quyết để bạn trai tự tin trưởng thành / Nikoleta Novak; Tihomir Čelanović m.h.; Nguyễn Trà My d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 108tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 155.532 23/D126T
Số ĐKCB: TN.021104, TN.021105, TN.021106, TN.021107

2755 Nhà khoa học hóc xương = Suffering scientists / Nick Arnold; Tony de Saulles m.h.; Trịnh Huy Ninh d.. - Tp.Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 228tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Horrible Geography)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 509.22 23/NH100K
Số ĐKCB: TN.021096, TN.021097, TN.021098, TN.021099

2756 Ao hồ láo nháo = Monster lakes / Anita Ganeri ; Mike Phillips m.h.; Trịnh Huy Ninh d.. - Tp.Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 132tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Horrible Geography)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.482 23/A400H
Số ĐKCB: TN.021100, TN.021101, TN.021102, TN.021103

2757 Đỉnh cao đình đám / Anita Ganeri ; Mike Phillips m.h.; Trịnh Huy Ninh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 128tr. : hình vẽ ; 20cm. - (Horrible Geography)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.432 23/Đ312C
Số ĐKCB: TN.021092, TN.021093, TN.021094, TN.021095

2758 Rừng mưa nhiệt đới rậm rạp / Anita Ganeri ; Mike Phillips m.h.; Trịnh Huy Ninh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 128tr. : hình vẽ ; 20cm. - (Horrible Geography)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 557.34 23/R556M
Số ĐKCB: TN.021088, TN.021089, TN.021090, TN.021091

2759 30 năm = Ba mươi năm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 96tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922 23/B100M
Số ĐKCB: TN.021076, TN.021077, TN.021078, TN.021079

2760 Mùa hè rực rỡ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 96tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922 23/M501H
Số ĐKCB: TN.021084, TN.021085, TN.021086, TN.021087

2761 Rét nàng bân. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 96tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922 23/R207N
Số ĐKCB: TN.021080, TN.021081, TN.021082, TN.021083

2762 Sao tim đập và dạ dày réo : 40 thí nghiệm, thực hành, trò chơi, câu đố, sự kiện kỳ thú / Vasilya Romodin, M.Romodina; Tô Bá Văn d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 25tr. : tranh vẽ ; 25cm. - (Tại sao?)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/S108T
Số ĐKCB: TN.020997, TN.020998, TN.020999, TN.021000

2763 Sao thành phố lại trông như thế ? : 100 điều kỳ thú về đô thị / Tatyan Pirogenko; Tô Bá Văn d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 68tr. : ảnh màu ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/S108T
Số ĐKCB: TN.021005, TN.021006, TN.021007, TN.021008

2764 Xe tải : Phương tiện di chuyển / Nathalie Bélineav, Alexis Nesme, Émilie Beavmont; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 12tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 388.34 23/X200T
Số ĐKCB: TN.021057, TN.021058, TN.021059, TN.021060

2765 Xe hơi : Phương tiện di chuyển / Nathalie Bélineav, Alexis Nesme, Émilie Beavmont; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 12tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 388.34 23/X200H
Số ĐKCB: TN.021053, TN.021054, TN.021055, TN.021056

2766 Tàu thủy : Phương tiện di chuyển / Nathalie Bélineav, Alexis Nesme, Émilie Beavmont; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 12tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 387.2 23/T111T
Số ĐKCB: TN.021049, TN.021050, TN.021051, TN.021052

2767 Xe nông nghiệp : Phương tiện di chuyển / Nathalie Bélineav, Alexis Nesme, Émilie Beavmont; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 12tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 631.3 23/X200N
Số ĐKCB: TN.021045, TN.021046, TN.021047, TN.021048

2768 Máy bay : Phương tiện di chuyển / Nathalie Bélineav, Alexis Nesme, Émilie Beavmont; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 12tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 387.73 23/M112B
Số ĐKCB: TN.021041, TN.021042, TN.021043, TN.021044

2769 Mô tô : Phương tiện di chuyển / Nathalie Bélineav, Alexis Nesme, Émilie Beavmont; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 12tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 387.73 23/M450T
Số ĐKCB: TN.021037, TN.021038, TN.021039, TN.021040

2770 Thế giới phi thường của máy móc và kỹ thuật : Biệt đội Stem / Nick Arnold ; Kristyna Baczynski m.h.; Vũ Kim Ngân d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 79tr. : hình vẽ ; 26cm. - (Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 620.0078 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.021021, TN.021022, TN.021023, TN.021024

2771 Thế giới thiết bị công nghệ và robot : Biệt đội Stem / Nick Arnold ; Kristyna Baczynski m.h.; Vũ Kim Ngân d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 79tr. : hình vẽ ; 26cm. - (Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 629.892 23/TH250G

Số ĐKCB: TN.021017, TN.021018, TN.021019, TN.021020

2772 Nguyên tử diệu kỳ và mê cung vật chất : Biệt đội Stem / Colin Stuart ; Annika Brandow m.h.; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 79tr. : hình vẽ ; 26cm. - (Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 507.8 23/NG527T

Số ĐKCB: TN.021025, TN.021026, TN.021027, TN.021028

2773 Thế giới thần diệu của những con số và phép toán : Biệt đội Stem / Colin Stuart ; Minh hoạ: Annika Brandow ; Vũ Kim Ngân d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 80tr. : hình vẽ ; 26cm. - (Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510.78 23/TH250G

Số ĐKCB: TN.021029, TN.021030, TN.021031, TN.021032

2774 Sao giày không bay ? : 60 đề mục, thí nghiệm, câu đố về vật lý và hóa học / Marina Romodina; Tô Bá Văn d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 68tr. : hình ảnh ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/S108G

Số ĐKCB: TN.021001, TN.021002, TN.021003, TN.021004

2775 Bé ơi nên tránh / Philippe Jalbert; Tuấn Việt d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 48tr. : tranh màu ; 24cm. - (Điều hay, việc tốt)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/B250Ơ

Số ĐKCB: TN.021009, TN.021010, TN.021011, TN.021012

2776 Tử tế / Alison Green; Hoàng Ly d.; Minh hoạ: Beatrice Alemagna...;. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 48tr. : tranh màu ; 24cm. - (Điều hay, việc tốt)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.021013, TN.021014, TN.021015, TN.021016, TN.022473, TN.022474, TN.022475

2777 Chuyện của anh em nhà Mem và Kya / Nguyễn Quang Thiều; Kim Duẩn m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 60tr. : tranh vẽ ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/CH527C

Số ĐKCB: TN.021033, TN.021034, TN.021035, TN.021036

2778 Thong dong như chú mèo hong nắng bên hiên : Bài học cuộc sống từ loài mèo / Stéphane Garnier; Khánh Tiên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2021. - 200tr. ; 21cm

Tóm tắt: Chia sẻ bí quyết sống ung dung tự tại như loài mèo bằng cách giải mã hoạt động và phong cách sống của chúng hòng giúp bạn buông bỏ những lo âu, vội vã để tận hưởng sự an vui của cuộc sống hiện tại

Ký hiệu phân loại: 158.1 23/TH431D

Số ĐKCB: PD.042300, PM.072093, PM.072094, PM.072095, TN.023590

2779 Cây trổ trái vàng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 158tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.005017, TN.005018, TN.005019, TN.018507, TN.018508, TN.018509, TN.018820, TN.020496, TN.020497, TNVN.001134

2780 Chú mèo cực khỏe. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 8tr. ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH400M

Số ĐKCB: TNVN.001028, TNVN.001029, TNVN.001030

2781 Ba bà mẹ gà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 8tr. ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B100B

Số ĐKCB: TNVN.001025, TNVN.001026, TNVN.001027

2782 Anh trí thức và bác lái đò : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 8tr. ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/A-107T

Số ĐKCB: TNVN.001022, TNVN.001023, TNVN.001024

2783 Cây tre trăm đốt : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C126T

Số ĐKCB: TNVN.001019, TNVN.001020, TNVN.001021

2784 Con chim đẹp nhất / Thiên Nga. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 8tr. ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/C430C

Số ĐKCB: TNVN.001016, TNVN.001017, TNVN.001018

2785 Bí mật ở miếu ba cô / Văn Trọng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 192tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B300M

Số ĐKCB: TNVN.001013, TNVN.001014, TNVN.001015

2786 Cô bé trên hoang mạc. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2000. - 182 tr ; 15 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/C450B

Số ĐKCB: TN.018212, TN.020540, TN.020541, TNVN.000835, TNVN.000837

2787 Đôi hia bảy dặm. - Hà Nội, 1999. - 32tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ452H

Số ĐKCB: TNVN.000800

2788 Nghệ thuật xem chữ ký. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TNVN.000798, TNVN.000799

2789 Lường gạt trắng trợn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/L561G

Số ĐKCB: TNVN.000796, TNVN.000797

2790 Hội sợ vợ. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/H452S

Số ĐKCB: TNVN.000794, TNVN.000795

2791 Giai thoại về ba giai tú xuất. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/GI103T

Số ĐKCB: TNVN.000790, TNVN.000791

2792 Cũng tại con mèo. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C513T

Số ĐKCB: TNVN.000778, TNVN.000779

2793 Công chúa ngủ trong rừng / Ngô Minh Vân d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 1999. - 20tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455C

Số ĐKCB: TNVN.000776, TNVN.000777

2794 Cảm ơn con lợn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C104Ơ

Số ĐKCB: TNVN.000772, TNVN.000773

2795 Cú Mèo thông minh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C500M

Số ĐKCB: TN.018190, TN.018191

2796 Cô bé Lọ Lem : Truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 1999. - 16tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B

Số ĐKCB: TNVN.000768, TNVN.000769

2797 Ăn khế trả vàng. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - 140tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ă115K

Số ĐKCB: TNVN.000764, TNVN.000765

2798 Aladin và cây đèn thần. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/A100L
Số ĐKCB: TNVN.000760, TNVN.000761

2799 Truyện cười cha và con / Hằng Nga tuyển dịch, và b.s. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 1999. -
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TNVN.000362, TNVN.000363, TNVN.000364, TNVN.000365, TNVN.000366

2800 Điều ước của Bé Hin / Trần Đình Nhân. - Hà Nội : Thanh niên, 1999. - 80tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ309Ư
Số ĐKCB: TNVN.000250, TNVN.000251

2801 Ký ức tuổi thơ / Anh Đức. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 135 tr. ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/K600U
Số ĐKCB: TN.018554, TN.018555, TN.020518

2802 Bí mật lớn trong chiếc ví nhỏ : Cookie và mẹ Tạp Dề / Trinh Xuân Hòa; A Gia m.h; Doãn Nguyên d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 88tr. ; 21cm. - (Tủ sách: Nuôi dưỡng tâm hồn tuổi thơ - Cookie và mẹ Tạp Dề)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/B300M
Số ĐKCB: TN.020807, TN.020808

2803 Châu chấu đi dạo / Gomi Taro; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2020. - 24tr. : tranh ; 21cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/CH125C
Số ĐKCB: TN.020811

2804 Có thật nhiều ông trăng / Hideko Nagano; d.: Lê Hiền, Linh Trụ; Tazaki Hirono h.đ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2020. - 24tr. : tranh ; 21cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C400T
Số ĐKCB: TN.020814

2805 Bí ngô không ngủ được / Gen Ichiro Yagyu; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2020. - 24tr. : tranh ; 21cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/B300N
Số ĐKCB: TN.020813

2806 Bạn chim Cút tìm quà tặng mẹ / Momoko Kimoto; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2017. - 32tr. : Tranh màu ; 21cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/B105C
Số ĐKCB: TN.020809

2807 Bạn chim cút chơi trốn tìm / Momoko Kimoto; Linh Trụ d.. - Hà Nội : Thế giới, 2017. - 32tr. : Tranh màu ; 21cm. - (Tranh truyện trẻ em)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/B105C

Số ĐKCB: TN.020810

2808 Chim cánh cụt tập thể dục / Maki Saito; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2019. - 20tr. ; 20cm. - (Truyện tranh Ehon Nhật Bản)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/CH310C

Số ĐKCB: TN.020806

2809 Chú gà trống kiêu căng / Quỳnh Giang kể; Ngọc Duy vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2019. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500G

Số ĐKCB: TN.020798, LD.050612

2810 Trổ tài sửa chữa / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR450T

Số ĐKCB: TN.020895, TN.020896

2811 Làm anh thật dễ / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/L104A

Số ĐKCB: TN.020913, TN.020914

2812 Vui trồng cây / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V510T

Số ĐKCB: TN.020901, TN.020902

2813 Làm bạn với thú cưng / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/L104B
Số ĐKCB: TN.020909, TN.020910

2814 Chuẩn bị đồ đạc khi đi du lịch / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/CH502B
Số ĐKCB: TN.020897, TN.020898

2815 Cùng sơn nhà nào ! / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C513S
Số ĐKCB: TN.020899, TN.020900

2816 Vào bếp học nấu ăn / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V108B
Số ĐKCB: TN.020903, TN.020904

2817 Sắp xếp nhà của thật là vui ! / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S117X
Số ĐKCB: TN.020905, TN.020906

2818 Khéo tay trang trí / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/KH205T
Số ĐKCB: TN.020911, TN.020912

2819 Nào mình cùng lau dọn nhà cửa / Rahul Sighal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 24tr. ; 23cm. - (Giáo dục các kỹ năng cần thiết cho trẻ)

Tóm tắt: Tập hợp những mẫu chuyện nhỏ đầy ý nghĩa mang tính chất giáo dục và tạo lập cho bé những thói quen, những kỹ năng sống trước tuổi đến trường.

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/N108M
Số ĐKCB: TN.020907, TN.020908

2820 Những câu chuyện về các chàng hoàng tử : Truyện tranh và phát triển trí tuệ / Reetanshu Singhal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 40tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020922, TN.020923

2821 Những câu chuyện về các nàng công chúa : Truyện tranh và phát triển trí tuệ / Reetanshu Singhal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 40tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020928, TN.020929

2822 Những câu chuyện về đạo đức : Truyện tranh và phát triển trí tuệ / Reetanshu Singhal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 40tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020926, TN.020927

2823 Những câu chuyện về các loài động vật : Truyện tranh và phát triển trí tuệ / Reetanshu Singhal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 40tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020930, TN.020931

2824 Những câu chuyện về các cuộc phiêu lưu : Truyện tranh và phát triển trí tuệ / Reetanshu Singhal; XACT minh họa; Huyền Linh d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 40tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020924, TN.020925

2825 Nỗi buồn ốc sên : Đọc cho bé: Từ 3 tuổi trở lên. Bé tự đọc: Từ 6 tuổi trở lên / Niimi Nankichi lời; Suzuki Yasumasa tranh; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2020. - 24tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/N452B
Số ĐKCB: TN.020920

2826 Bạn voi đi dạo : Đọc cho bé; Từ 0 tuổi trở lên. Bé tự học: Từ 6 tuổi trở lên. / Nakano Hirotaka tranh và lời; d.: Lê Hiền, Linh Trụ; Lê Hiệp tạo font chữ. - Tái bản lần thứ 2. - Hà Nội : Thế giới, 2020. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/B105V
Số ĐKCB: TN.020921

2827 Bà phí quá = Mottainai grandma : Truyện tranh : Đọc cho bé: Từ 3 tuổi trở lên. Bé tự đọc: Từ 6 tuổi trở lên / Mariko Shinju; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Kim đồng, 2020. - 32tr. ; 30cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/B100P
Số ĐKCB: TN.020942

2828 Cô cà chua : Tranh truyện trẻ em / Tanaka Kiyo; More production Việt Nam d.. - Hà Nội : Nxb. Thế giới, 2017. - 28 tr. : tranh vẽ ; 26 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C450C
Số ĐKCB: TN.020915

2829 Mưa rơi / Sato Wakiko; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Nxb. Thế giới, 2018. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M551R
Số ĐKCB: TN.020916

2830 Rukkio và Furifuri: Quả dưa hấu khổng lồ : Đọc cho bé: Từ 3 tuổi trở lên Bé tự đọc: Từ 6 tuổi trở lên / Naoko Shono; d.: Lê Hiền, Linh Trụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2018. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/R500K
Số ĐKCB: TN.020918

2831 Truyện 150 chữ cho trẻ tập nói, tập đọc / Bachakids. - Hà Nội : Dân trí, 2020. - 30tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR527M
Số ĐKCB: TN.020836, TN.020837

2832 Thơ tiềm thức cho bé tập nói, tập đọc : Sách tranh tiềm thức phát triển ngôn ngữ - tư duy cho trẻ từ 1 - 6 tuổi / Bac Ha Kids. - Hà Nội : Phụ nữ Việt Nam, 2020. - 30tr. : tranh màu ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH460T
Số ĐKCB: TN.020834, TN.020835

2833 Những câu chuyện bồi dưỡng chỉ số năng lực học tập LQ / Thu Hương b.s. - Hà Nội : Văn học, 2020. - 150tr. : minh họa ; 24cm

Tóm tắt: Chọn lọc các truyện kể về trí thông minh nhằm gợi mở tư duy cho trẻ, giúp trẻ hình thành ý thức suy nghĩ độc lập, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân

Ký hiệu phân loại: 370.1523 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020820, TN.020821

2834 Những câu chuyện bồi dưỡng chỉ số cảm xúc EQ / Bích Ngọc b.s.. - Hà Nội : Văn học, 2020. -

Tóm tắt: Chọn lọc các truyện kể về trí thông minh nhằm gợi mở tư duy cho trẻ, giúp trẻ hình thành ý thức suy nghĩ độc lập, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân

Ký hiệu phân loại: 370.1534 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020822, TN.020823

2835 Những câu chuyện bồi dưỡng chỉ số năng lực vượt khó AQ / Thu Hương b.s. - Hà Nội : Văn học, 2020. - 152tr. : minh họa ; 24cm

Tóm tắt: Chọn lọc các truyện kể về trí thông minh nhằm gợi mở tư duy cho trẻ, giúp trẻ hình thành ý thức suy nghĩ độc lập, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân

Ký hiệu phân loại: 370.114 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020830, TN.020831

2836 Những câu chuyện bồi dưỡng chỉ số thông minh đạo đức MQ / Bích Ngọc b.s.. - Hà Nội : Văn học, 2020. - 160tr. : minh họa ; 24cm

Tóm tắt: Chọn lọc các truyện kể về trí thông minh nhằm gợi mở tư duy cho trẻ, giúp trẻ hình thành ý thức suy nghĩ độc lập, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân

Ký hiệu phân loại: 370.114 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020828, TN.020829

2837 Thả diều trên đê : Thơ cho thiếu nhi / Hữu Tưởng, Hoàng Minh Chính, Bế Kiến Quốc.... - Hà Nội : Văn học, 2020. - 88tr. : tranh màu ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221008 23/TH100D
Số ĐKCB: LD.050590, LD.050591, LD.050592, TN.020932, TN.020933

2838 Rùa con tinh nghịch / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/R501C
Số ĐKCB: LD.050690, LD.050691, TN.020788, TN.020789, LD.050692

2839 Chú cua tài giỏi / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/CH500C
Số ĐKCB: LD.050689, TN.020792, TN.020793, LD.050687, LD.050688

2840 300 trò chơi phát triển trí tuệ cho trẻ - 6 tuổi / Cung Huân (ch.b.) ; Giang Hạ d.. - Hà Nội : Phụ nữ ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2019. - 76tr. : minh hoạ ; 29cm

Tóm tắt: Giới thiệu các bài tập dưới dạng trò chơi giúp rèn luyện cả hai bán cầu não phải và não trái cho trẻ từ dễn đến khó, giúp trẻ phát triển trí tuệ cân bằng, tự nhiên phù hợp với lứa tuổi
Ký hiệu phân loại: 649.550834 23/B100T
Số ĐKCB: LD.050588, LD.050589, TN.020934, TN.020935, LD.050587

2841 Cô ong chu đáo / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/C450O
Số ĐKCB: LD.050686, TN.020782, TN.020783, LD.050684, LD.050685

2842 Thỏ con đáng yêu / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao hiệu đính. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/TH400C
Số ĐKCB: LD.050682, LD.050683, TN.020778, TN.020779, LD.050681

2843 Chú nhím bất cẩn / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/CH500N
Số ĐKCB: LD.050678, LD.050679, TN.020780, TN.020781, LD.050680

2844 Ếch xanh hát hay / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/Ê252X
Số ĐKCB: LD.050675, LD.050676, LD.050677, TN.020786, TN.020787

2845 Gấu trúc thông minh / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/G125T
Số ĐKCB: LD.050674, TN.020790, TN.020791, LD.050672, LD.050673

2846 Mèo con hào hiệp / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 23/M205C
Số ĐKCB: LD.050670, LD.050671, TN.020794, TN.020795, LD.050669

2847 300 trò chơi phát triển trí tuệ cho trẻ - 2 tuổi / Cung Huân ch.b ; Giang Hạ d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 80tr. : minh hoạ ; 29cm

Tóm tắt: Giới thiệu các bài tập dưới dạng trò chơi giúp rèn luyện cả hai bán cầu não phải và não trái cho trẻ từ dễ đến khó, giúp trẻ phát triển trí tuệ cân bằng phù hợp với lứa tuổi

Ký hiệu phân loại: 649.550834 23/B100T
Số ĐKCB: LD.050584, TN.020936, TN.020937, LD.050585, LD.050586

2848 Nhận biết thế giới / Tuệ Văn biên d.. - Tái bản. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 48tr. : minh hoạ ; 29cm. - (Phát triển IQ cho trẻ em)

Tóm tắt: Thông qua các trò chơi toán học và lôgic giúp trẻ phát huy tối đa khả năng nhận thức, tưởng tượng, phán đoán và suy luận những yếu tố quan trọng trong quá trình hình thành trí thông minh của trẻ

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NH121B
Số ĐKCB: LD.050507, LD.050508, LD.050509, TN.020893, TN.020894

2849 Bác sĩ chẳng đáng sợ! : Dành cho lứa tuổi 3 đến 6 / Lời: Birgit Bondarenko ; Tranh: Katja Kieter ; Hoàng Hà d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2018. - 14tr. : tranh màu ; 21cm. - (Gì thế nhỉ? Cùng bé khám phá cuộc sống)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B101S
Số ĐKCB: LD.050606, TN.020815, TN.020816, TN.020817, LD.050605

2850 Hạt da trời : Truyện tranh / Lời: Nakagawa Rieko; Tranh: Omura Yuriko; dịch: Lê Hiền, Linh Trụ. - Tái bản lần thứ 2. - Hà Nội : Thế giới, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tranh truyện Ehon Nhật Bản)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/H110D
Số ĐKCB: LD.050604, TN.020917

2851 Đi thẳng đi thẳng : Tranh truyện trẻ em / Shochiku Ineko lời; Horikawa Makoto tranh; Lê Hiền d.. - Hà Nội : Thế giới, 2017. - 32tr. : tranh vẽ ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 23/Đ300T
Số ĐKCB: LD.050602, TN.020919

2852 Chú cún nhanh nhẹn / Barbara Bacchini; Vân Anh d.; Quý Thao h.đ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2020. - 10tr. : tranh màu ; 16cm. - (Những người bạn tốt)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 23/CH500C
Số ĐKCB: LD.050667, TN.020784, TN.020785, LD.050666, LD.050668

2853 Những câu chuyện bồi dưỡng chỉ số thông minh IQ / Bích Ngọc b.s.. - Hà Nội : Văn học, 2020. - 160tr. : minh họa ; 24cm

Tóm tắt: Chọn lọc các truyện kể về trí thông minh nhằm gợi mở tư duy cho trẻ, giúp trẻ hình thành ý thức suy nghĩ độc lập, phát huy khả năng tiềm ẩn của bản thân

Ký hiệu phân loại: 370.1529 23/NH556C
Số ĐKCB: LD.050209, TN.020824, TN.020825, LD.050210, LD.050211

2854 Khi chúng ta thành người = When we became humans : Hành trình tiến hoá kì diệu của chúng ta / Michael Bright; Hannah Bailey m.h.; Thanh Yên d.. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2020. - 64tr. : tranh màu ; 30cm
Tóm tắt: Giới thiệu về nguồn gốc của loài người và một số giống loài cốt yếu trong lịch sử tiến h
Ký hiệu phân loại: 599.938 23/KH300C
Số ĐKCB: LD.050581, TN.020940, TN.020941, LD.050582, LD.050583

2855 Bách khoa toàn thư về những điều bình dị = Encyclopedia of ordinary things / Štěpánka Sekaninová, Eva Chupisková ; Lynhnguyen d.. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2020. - 88tr. : tranh màu ; 28cm
Tóm tắt: Cung cấp những hiểu biết về hành trình ra đời của một đôi giày, cặp mắt kính, búp bê, c
Ký hiệu phân loại: 030 23/B102K
Số ĐKCB: LD.050578, LD.050580, TN.020938, TN.020939, LD.050579

2856 Tớ là một chú thỏ = Iam a rabbit : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: TN.020891, TN.020892, LD.050653, LD.050654, LD.050655

2857 Tớ là một chú ngựa = Iam a horse : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050652, TN.020873, TN.020874, LD.050650, LD.050651

2858 Tớ là một cô bò = Iam a cow : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050647, LD.050648, TN.020875, TN.020876, LD.050649

2859 Tớ là một chú chó = Iam a dog : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050644, LD.050645, LD.050646, TN.020877, TN.020878

2860 Tớ là một chú mèo = Iam a cat : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050641, LD.050642, TN.020871, TN.020872, LD.050643

2861 Tớ là một chú cừu = Iam a sheep : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050638, LD.050639, TN.020883, TN.020884, LD.050640

2862 Tớ là một chú lợn = Iam a pig : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050635, LD.050637, TN.020869, TN.020870, LD.050636

2863 Tớ là một chú hươu cao cổ = Iam a giraffe : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050632, LD.050633, TN.020885, TN.020886, LD.050634

2864 Tớ là một chú ngựa vằn = Iam a zebra : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: TN.020887, TN.020888, LD.050629, LD.050630, LD.050631

2865 Tớ là một chú voi = Iam a elephant : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050626, LD.050628, TN.020881, TN.020882, LD.050627

2866 Tớ là một chú sư tử = Iam a lion : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050623, LD.050624, LD.050625, TN.020889, TN.020890

2867 Tớ là một chú khỉ = Iam a monkey : Những câu chuyện về thế giới loài vật / Quế Hương d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 24tr. : tranh màu ; 20cm. - (Sách song ngữ Anh - Việt)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/T460L
Số ĐKCB: LD.050620, LD.050622, TN.020879, TN.020880, LD.050621

2868 Chú vịt xám / Quỳnh Giang kể, Ngọc Duy vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2018. - 17tr. :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH500V
Số ĐKCB: TN.020797, LD.050614

2869 Nguyễn Đức Cảnh nhà cách mạng lỗi lạc / Lê Như Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 39tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7031092 14/NG527Đ
Số ĐKCB: TN.012498, TN.012499, TN.012500

2870 Quận he Nguyễn Hữu Cầu / Đoàn Triệu Long. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 39tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/QU-121H
Số ĐKCB: TN.012495, TN.012496, TN.012497

2871 Ác Si Mét nhà vật lí thiên tài / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.092 14/A101S
Số ĐKCB: TN.012492, TN.012493, TN.012494

2872 Vua Lý Thái Tổ và Thăng Long vạn thuở / Giang Hà Vỵ. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 43tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023092 14/V501L
Số ĐKCB: TN.012489, TN.012490, TN.012491

2873 Chiến thắng Ấp Bắc / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/CH305T
Số ĐKCB: TN.012486, TN.012487, TN.012488

2874 Chậu A Nụ - người con anh dũng của đất nước Triệu Voi / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.4 14/CH125A
Số ĐKCB: TN.012483, TN.012484, TN.012485

2875 Anh hùng Cù Chính Lan / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 14/A107H
Số ĐKCB: TN.012480, TN.012481, TN.012482

2876 Anh hùng Tô Vĩnh Diện / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7041092 14/A107H
Số ĐKCB: TN.012477, TN.012478, TN.012479

2877 Vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 35tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 387.092 14/V501T
Số ĐKCB: TN.012474, TN.012475, TN.012476

2878 Nguyễn Thị Suốt người mẹ anh hùng / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043092 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.012471, TN.012472, TN.012473

2879 Võ Thị Sáu - nữ anh hùng Đất Đỏ / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7041092 14/V400T
Số ĐKCB: TN.012468, TN.012469, TN.012470

2880 Cuộc khởi nghĩa Xi - Pay ở Ấn Độ / Lê Hoài Duy. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 954 14/C514K
Số ĐKCB: TN.012465, TN.012466, TN.012467

2881 Ông Ích Khiêm vị danh tướng cương trực, ngoan cường / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029092 14/Ô455I
Số ĐKCB: TN.012462, TN.012463, TN.012464

2882 Chiến thắngVạn Tường / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/CH305T
Số ĐKCB: TN.012459, TN.012460, TN.012461

2883 Đặng Huy Trứ nhà cải cách, gieo mầm canh tân đất nước thời cận đại / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029092 14/Đ116H
Số ĐKCB: TN.012456, TN.012457, TN.012458

2884 Tổng đốc thành Hà Nội: Hoàng Diệu / Đoàn Thị Minh Châu. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/T455Đ
Số ĐKCB: TN.012453, TN.012454, TN.012455

2885 Khởi nghĩa Pu-Côm-Bô và tình đoàn kết Cam-pu-chia - Việt Nam / Hà Lê Phương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703 14/KH462N
Số ĐKCB: TN.012450, TN.012451, TN.012452

2886 Nguyễn Hữu Cảnh vị tướng tài, người có công mở rộng bờ cõi phương Nam / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7027092 14/NG527H
Số ĐKCB: TN.012447, TN.012448, TN.012449

2887 Vua Hàm Nghi vị vua yêu nước trẻ tuổi Triều Nguyễn / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029092 14/V501H
Số ĐKCB: TN.012444, TN.012445, TN.012446

2888 Triệu Thị Trinh - nữ tướng anh hùng / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7013092 14/TR309T
Số ĐKCB: TN.012441, TN.012442, TN.012443

2889 Thăng Long buổi đầu dựng nước / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 14/TH116L
Số ĐKCB: TN.012438, TN.012439, TN.012440

2890 Nguyễn Chích khai quốc công thần thời Lê Sơ / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 14/NG527C
Số ĐKCB: TN.012435, TN.012436, TN.012437

2891 Yết Kiêu - kình ngư đất Việt / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/Y605K
Số ĐKCB: TN.012432, TN.012433, TN.012434

2892 Trần Phú tổng Bí thư đầu tiên của Đảng / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 14/TR121P
Số ĐKCB: TN.012429, TN.012430, TN.012431

2893 Anh hùng Ngô Mây / Lê Như Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 35tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7041092 14/A107H
Số ĐKCB: TN.012426, TN.012427, TN.012428

2894 Lương Văn Can người sáng lập phong trào Đông Kinh nghĩa thục / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703 14/L561V
Số ĐKCB: TN.012423, TN.012424, TN.012425

2895 Mình muốn là người luôn được chào đón : Trưởng thành không âu lo / B.s.: Thiên Thai, Đăng Thiên. - Hà Nội : Văn học, 2019. - 236tr. : hình vẻ ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 158.1 23/M312M
Số ĐKCB: LD.050024, TN.020826, TN.020827, LD.050023, LD.050025

2896 Tần Thủy Hoàng - Hoàng đế đầu tiên của Trung Hoa / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 931.009 14/T121T
Số ĐKCB: TN.012420, TN.012421, TN.012422

2897 Phong trào Đồng Khởi / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704332 14/PH431T
Số ĐKCB: TN.012417, TN.012418, TN.012419

2898 Cuộc khởi nghĩa của Thiên Hộ Dương / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/C514K
Số ĐKCB: TN.012414, TN.012415, TN.012416

2899 Đà Nẵng buổi đầu đánh Pháp / Phạm Văn Hải. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 35tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/Đ100N
Số ĐKCB: TN.012411, TN.012412, TN.012413

2900 Danh tướng Nguyễn Tri Phương / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/D107T
Số ĐKCB: TN.012408, TN.012409, TN.012410

2901 Trần Bình Trọng - Thà làm ma nước Nam chứ không làm Vương đất Bắc / Nguyễn Thị Nhơn. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7024092 14/TR121B
Số ĐKCB: TN.012405, TN.012406, TN.012407

2902 Cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.70272 14/C514K
Số ĐKCB: TN.012402, TN.012403, TN.012404

2903 Phạm Hồng Thái và tiếng bom Sa Diện / Lê Như Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 39tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7031092 14/PH104H
Số ĐKCB: TN.012399, TN.012400, TN.012401

2904 Trần Nhật Duật - danh tướng đời trần / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7024092 14/TR121N
Số ĐKCB: TN.012396, TN.012397, TN.012398

2905 Tư Mã Thiên - người đặt nền móng cho sử học Trung Hoa / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 931 14/T500M
Số ĐKCB: TN.012393, TN.012394, TN.012395

2906 Rô-be-spie và nền chuyên chính Gia-cô-banh / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 944.04092 14/R450B
Số ĐKCB: TN.012390, TN.012391, TN.012392

2907 Xi-ôn-cốp-xki - người mở đường chinh phục vũ trụ / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 523.1092 14/X300Ô
Số ĐKCB: TN.012387, TN.012388, TN.012389

2908 Ttrạng bùng Phùng Khắc Khoan / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7027092 14/TR106B
Số ĐKCB: TN.012384, TN.012385, TN.012386

2909 Binh đoàn Trường sơn và con đường huyền thoại / Dương Thanh Huế. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/B312Đ
Số ĐKCB: TN.012381, TN.012382, TN.012383

2910 Thành Cát Tư Hãn / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 951.7092 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.012378, TN.012379, TN.012380

2911 Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/PH105Đ
Số ĐKCB: TN.012375, TN.012376, TN.012377

2912 Phan Đăng Lưu - nhà trí thức cách mạng kiên cường / Lê Như Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/PH105Đ
Số ĐKCB: TN.012372, TN.012373, TN.012374

2913 Nguyễn Thiện Thuật và khởi nghĩa Bãi Sậy / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029092 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.012369, TN.012370, TN.012371

2914 Trận chiến Xta-lin-grát / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 947.084 14/TR121C
Số ĐKCB: TN.012366, TN.012367, TN.012368

2915 Thái sư Trần Thủ Độ / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/TH103S
Số ĐKCB: TN.012363, TN.012364, TN.012365

2916 Lương Ngọc Quốc và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 14/L561N
Số ĐKCB: TN.012360, TN.012361, TN.012362

2917 Trận Điện Biên Phủ trên không / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/TR121Đ
Số ĐKCB: TN.012357, TN.012358, TN.012359

2918 Hồng Tú Toàn và phong trào khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc / Lê Hoài Duy. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 951 14/H455T
Số ĐKCB: TN.012354, TN.012355, TN.012356

2919 Văn Miếu Quốc Tử Giám / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 14/V115M
Số ĐKCB: TN.012351, TN.012352, TN.012353

2920 Phan Huy Chú và lịch triều hiến chương loại chí. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/PH105H
Số ĐKCB: TN.012348, TN.012349, TN.012350

2921 Kinh thành Ăng Co biểu tượng văn hóa độc đáo của đất nước Cam -pu -chia. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.6 14/K312T
Số ĐKCB: TN.012345, TN.012346, TN.012347

2922 Trận hải chiến Tsu-Shi-Ma / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 909.82 14/TR121H
Số ĐKCB: TN.012342, TN.012343, TN.012344

2923 Tổng bí thư Hà Huy Tập / Lê Như Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 39tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7032 14/T455B
Số ĐKCB: TN.012339, TN.012340, TN.012341

2924 Tô Hiến Thành vị quan thanh liêm, chính trực. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 14/T450H
Số ĐKCB: TN.012336, TN.012337, TN.012338

2925 Nguyễn Danh Phương và cuộc khởi nghĩa nông dân ở đàng ngoài / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 14/NG527D
Số ĐKCB: TN.012333, TN.012334, TN.012335

2926 Danh tướng Trần Khát Chân / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024092 14/D107T
Số ĐKCB: TN.012330, TN.012331, TN.012332

2927 Nơ Trang Lơng người con ưu tú của núi rừng Tây Nguyên / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7031 14/N460T
Số ĐKCB: TN.012327, TN.012328, TN.012329

2928 Nỏ thần kim quy / Đoàn Triệu Long. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959/7012 14/N400T
Số ĐKCB: TN.012324, TN.012325, TN.012326

2929 Tiểu la Nguyễn Thành / Đoàn Minh Châu. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 47tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.703 14/T309L
Số ĐKCB: TN.012321, TN.012322, TN.012323

2930 Trần Quốc Khái - ông tổ nghề thêu / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 746.44092 14/TR121Q
Số ĐKCB: TN.012318, TN.012319, TN.012320

2931 Khúc Thừa Dụ người mở đầu thời đại tự chủ của dân tộc / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.701 14/KH506T
Số ĐKCB: TN.012315, TN.012316, TN.012317

2932 Tôn Trung Sơn - nhà cách mạng lớn của đất nước Trung Hoa / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 951.092 14/T454T
Số ĐKCB: TN.012312, TN.012313, TN.012314

2933 An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7012 14/A105D
Số ĐKCB: TN.012309, TN.012310, TN.012311

2934 Khởi nghĩa Nam Kì / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704 14/KH462N
Số ĐKCB: TN.012306, TN.012307, TN.012308

2935 Thủ Hoa Huân vị thủ lĩnh nghĩa quân kiên cường chống Pháp / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/TH500K
Số ĐKCB: TN.012303, TN.012304, TN.012305

2936 Lê Thánh Tông - vị vua anh minh, tài ba trong lịch sử / Đoàn Thị Minh Châu. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 39tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7026092 14/L250T
Số ĐKCB: TN.012300, TN.012301, TN.012302

2937 Giooóc-Giơ Oa-Sinh-Tơn - tổng thống đầu tiên của nước Mĩ / Đỗ Thị Hiền Chi. - Hà Nội : Giáo

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 973.3092 14/GI-400O
Số ĐKCB: TN.012297, TN.012298, TN.012299

2938 Giêm Oát - người phát minh máy hơi nước / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621.8092 14/GI-253O
Số ĐKCB: TN.012294, TN.012295, TN.012296

2939 Sự tích lễ hội Chử Đồng Tử / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.012291, TN.012292, TN.012293

2940 Piốt đại đế nhà cải cách... / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012288, TN.012289, TN.012290

2941 Ma-Gien-Lan và hành trình khám phá vùng đất mới / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 913 14/M100G
Số ĐKCB: TN.012285, TN.012286, TN.012287

2942 Tôn Thất Thuyết và phong trào Cần Vương / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703 14/T454T
Số ĐKCB: TN.012282, TN.012283, TN.012284

2943 Bác sĩ Đặng Văn Ngữ - người trí thức yêu nước / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 610.92 14/B101S
Số ĐKCB: TN.012279, TN.012280, TN.012281

2944 Hoàng Hoa Thám - hùm yên thế / Vũ Kim Biên. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 35tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7031 14/H407H
Số ĐKCB: TN.012276, TN.012277, TN.012278

2945 An-phret Nô-ben - nhà hoá học vĩ đại / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540.92 14/A105P
Số ĐKCB: TN.012273, TN.012274, TN.012275

2946 Niu Tơn nhà vật lý vĩ đại / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.92 14/N315T
Số ĐKCB: TN.012270, TN.012271, TN.012272

2947 Y-Éc-Xanh - nhà khoa học gắn bó với Việt Nam / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 610.92 14/Y201X
Số ĐKCB: TN.012267, TN.012268, TN.012269

2948 Mendêlêép nhà hóa học nổi tiếng / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 39tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.92 14/M203Đ
Số ĐKCB: TN.012264, TN.012265, TN.012266

2949 Galilê vụ án trái đất quay xung quanh mặt trời / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 520.92 14/G100L
Số ĐKCB: TN.012261, TN.012262, TN.012263

2950 Phạm Phú Thứ - người có tư tưởng canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/PH104P
Số ĐKCB: TN.012258, TN.012259, TN.012260

2951 Sự tích quả dưa hấu / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.012255, TN.012256, TN.012257

2952 Hồ Qúy Ly vị vua cải cách / Đoàn Thị Minh Châu. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 39tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70251092 14/H450Q
Số ĐKCB: TN.012252, TN.012253, TN.012254

2953 Khổng Minh Gia Cát Lượng / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 931.0092 14/KH455M
Số ĐKCB: TN.012249, TN.012250, TN.012251

2954 Chủ tịch Tôn Đức Thắng - người chiến sĩ cách mạng kiên cường / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/CH500T
Số ĐKCB: TN.012246, TN.012247, TN.012248

2955 Găng-Đi - nhà cách mạng vĩ đại của nhân dân Ấn Độ / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 954.05092 14/G116Đ
Số ĐKCB: TN.012243, TN.012244, TN.012245

2956 Nguyễn Đình Chiểu - Chí sĩ yêu nước, nhà thơ lớn của dân tộc / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92212 14/NG527Đ
Số ĐKCB: TN.012240, TN.012241, TN.012242

2957 Điêzen người phát minh động... / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 600.92 14/Đ300Ê
Số ĐKCB: TN.012237, TN.012238, TN.012239

2958 Cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-Ma-Đam. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.4 14/C514K
Số ĐKCB: TN.012234, TN.012235, TN.012236

2959 Chiến thắng Chi Lăng Xương Giang / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7026 14/CH305T
Số ĐKCB: TN.012231, TN.012232, TN.012233

2960 Hà Nội buổi đầu đánh Pháp / Đoàn Thị Minh Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 35tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/H100N
Số ĐKCB: TN.012228, TN.012229, TN.012230

2961 Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa chống quân đô hộ Nhà Hán / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.701 14/H103B
Số ĐKCB: TN.012225, TN.012226, TN.012227

2962 Nguyễn Thị Duệ - Nữ tiến sĩ đầu tiên của Việt Nam / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 370.92 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.012222, TN.012223, TN.012224

2963 Khang Hữu Vi - Lương Khải Siêu và phong trào cải cách dân chủ tư sản ở Trung Quốc / Hà Lệ Phương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 31cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 951.009 14/KH106H
Số ĐKCB: TN.012219, TN.012220, TN.012221

2964 Chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng / Hà Lệ Phương. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.703092 14/CH300S
Số ĐKCB: TN.012216, TN.012217, TN.012218

2965 Nguyễn Ái Quốc trên những dặm đường cứu nước / Nguyễn Thị Tâm. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/NG527Á
Số ĐKCB: TN.012213, TN.012214, TN.012215

2966 Lý Bí và sự hình thành nhà nước vạn xuân / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo Dục, 2009. - 32tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7013092 14/L600B
Số ĐKCB: TN.012210, TN.012211, TN.012212

2967 Con rồng cháu tiên / Lương Duyên. - Hà Nội : Giáo Dục, 2009. - 27tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C430R
Số ĐKCB: TN.012207, TN.012208, TN.012209

2968 Nguyễn Trung Trực - chiến công trên sông Nhật Tảo / Đoàn Thị Minh Châu. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.012204, TN.012205, TN.012206

2969 Ba tên trùm phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 950.43 14/B100T
Số ĐKCB: TN.012201, TN.012202, TN.012203

2970 Minh Trị Thiên Hoàng và cuộc cách tân nước Nhật / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 952.03092 14/M312T
Số ĐKCB: TN.012198, TN.012199, TN.012200

2971 Chiến thắng sạch gầm, xoài / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/CH305T
Số ĐKCB: TN.012195, TN.012196, TN.012197

2972 Quang Trung đại phá quân thanh / Phan Văn Giới. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/QU-106T
Số ĐKCB: TN.012192, TN.012193, TN.012194

2973 Cầm Bá Thước - người tù trưởng giàu lòng yêu nước. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/C120B
Số ĐKCB: TN.012189, TN.012190, TN.012191

2974 Chu Văn An - người thầy giáo mẫu mực / Trần Tích Thành; Phùng Minh Giang tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.10092 14/CH500V
Số ĐKCB: TN.012186, TN.012187, TN.012188

2975 Nguyễn Thị Định - nữ tướng đội quân tóc dài / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70332092 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.012183, TN.012184, TN.012185

2976 Tuệ Tĩnh - danh y thời Trần / Trần Tích Thành; Nguyễn Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 615.8 14/T507T
Số ĐKCB: TN.012180, TN.012181, TN.012182

2977 Danh tướng Lý Thường Kiệt / Đàm Huy Đông; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 14/D107T
Số ĐKCB: TN.012177, TN.012178, TN.012179

2978 Luật sư Nguyễn Hữu Thọ / Lương Duyên, Nguyễn Minh Trung tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/L504S
Số ĐKCB: TN.012174, TN.012175, TN.012176

2979 Nhà toán học - người tri thức yêu nước Tạ Quang Bửu / Nguyễn Thị Thu Hương; Đào Xuân Phúc tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 40tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510.92 14/NH100T
Số ĐKCB: TN.012171, TN.012172, TN.012173

2980 Anh hùng Nguyễn Quốc Trị / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7041 14/A -107H
Số ĐKCB: TN.012168, TN.012169, TN.012170

2981 Thoại Ngọc Hầu - người có công khai phá vùng đất phương Nam / Trần Tích Thành; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 14/TH404N
Số ĐKCB: TN.012165, TN.012166, TN.012167

2982 Đường Hồ Chí Minh - con đường công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước / Dương Thanh Huế; Nguyễn Minh Trung tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/Đ561H
Số ĐKCB: TN.012162, TN.012163, TN.012164

2983 Trần Khắc Chung - danh tướng đời Trần / Lê Hoài Duy; Tranh: Nghị Lực, Việt Bá. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/TR121K
Số ĐKCB: TN.012159, TN.012160, TN.012161

2984 Nguyên phi Ỷ Lan - Phò vua, giúp nước / Võ Lương Mỹ Hoàng; Lương Quốc Hiệp tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.702092 14/NG527P
Số ĐKCB: TN.012156, TN.012157, TN.012158

2985 Nguyên Phi Ỷ Lan - duyên kỳ ngộ / Võ Lương Mỹ Hoàng; Thái Hùng tranh. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.702092 14/NG527P
Số ĐKCB: TN.012153, TN.012154, TN.012155

2986 Phiêu kị thượng tướng quân Trần Khánh Dư / Đoàn Thị Tuyết Mai; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/PH309K
Số ĐKCB: TN.012150, TN.012151, TN.012152

2987 G. Men-Đen - cha đẻ của ngành Di truyền học / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 576.5092 14/G000M
Số ĐKCB: TN.012147, TN.012148, TN.012149

2988 Mari Quyri nhà hóa học / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.092 14/M100R
Số ĐKCB: TN.012144, TN.012145, TN.012146

2989 Ma-Ri Am-Pe - nhà phát minh vĩ đại của nước Pháp / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 537.6092 14/M100R
Số ĐKCB: TN.012141, TN.012142, TN.012143

2990 Lê-nin lãnh tụ của giai cấp vô sản / Đoàn Thị Minh Châu; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 40tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 947.08092 14/L250N
Số ĐKCB: TN.012138, TN.012139, TN.012140

2991 Các Mác - lãnh tụ của giai cấp công nhân thế giới / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 335.4092 14/C101M
Số ĐKCB: TN.012135, TN.012136, TN.012137

2992 Hành trình tìm ra châu Mĩ của Cri-Xtốp Cô-Lôm-Bô / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.92 14/H107T
Số ĐKCB: TN.012132, TN.012133, TN.012134

2993 Đào Duy Từ - người chăn trâu có chí lớn / Đoàn Triệu Long; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 44tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 14/Đ108D
Số ĐKCB: TN.012129, TN.012130, TN.012131

2994 Phan Huy Ích - danh sĩ đời Hậu Lê và Tây Sơn / Đoàn Thị Tuyết Mai; Nguyễn Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/PH105H
Số ĐKCB: TN.012126, TN.012127, TN.012128

2995 Chê Guê-Va-Ra - nhà cách mạng vĩ đại của Châu Mĩ La tinh / Đoàn Thị Tuyết Mai; Nguyễn Minh Trung tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 980.03092 14/CH250G
Số ĐKCB: TN.012123, TN.012124, TN.012125

2996 Triệu Việt Vương - người anh hùng đầm Dạ Trạch / Chu Huy ; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7013 14/TR309V
Số ĐKCB: TN.012120, TN.012121, TN.012122

2997 Bạch Đằng dậy sóng / Nguyễn Thị Thu Hương; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.702 14/B102Đ
Số ĐKCB: TN.012117, TN.012118, TN.012119

2998 Thành Thái - vị vua yêu nước / Nguyễn Thị Hương Giang; Lương Quốc Hiệp tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 14/TH107T
Số ĐKCB: TN.012114, TN.012115, TN.012116

2999 Mỵ Châu - Trọng Thuỷ / Đoàn Triệu Long lời; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7012 14/M600C
Số ĐKCB: TN.012111, TN.012112, TN.012113

3000 Phù Đổng thiên vương / Phạm Văn Hải lời; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/PH500Đ
Số ĐKCB: TN.012108, TN.012109, TN.012110

3001 Cuộc khởi nghĩa của chàng Lía / Nguyễn Thị Hương Giang; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/C514K
Số ĐKCB: TN.012105, TN.012106, TN.012107

3002 Đinh Bộ Lĩnh và nhà nước Đại Cồ Việt / Lương Duyên; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7021 14/Đ312B
Số ĐKCB: TN.012102, TN.012103, TN.012104

3003 Sơn Tinh - Thuỷ Tinh / Trần Tích Thành; Phùng Minh Giang tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7012 14/S464T
Số ĐKCB: TN.012099, TN.012100, TN.012101

3004 Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh / Trương Bửu Sinh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.702092 14/V105T
Số ĐKCB: TN.012096, TN.012097, TN.012098

3005 Trần Quang Khải - vị tướng tài ba, văn võ song toàn / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/TR121Q
Số ĐKCB: TN.012093, TN.012094, TN.012095

3006 Scooly - doo : Tìm bạn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/S-000C
Số ĐKCB: TN.013358

3007 Hồ Nguyên Trừng - ông tổ nghề đúc súng thần công / Đoàn Thị Tuyết Mai; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.70251 14/H450N
Số ĐKCB: TN.012090, TN.012091, TN.012092

3008 Nguyễn Trãi - nhà văn hoá kiệt xuất / Quốc Quang; Trương Hiếu tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7026 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.012087, TN.012088, TN.012089

3009 99 truyện cổ tích về các loại cây = Chín mươi chín truyện cổ tích về các loại cây. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.013085, TN.013086

3010 Nguyễn Chí Diểu - người chiến sĩ cách mạng can trường / Đoàn Triệu Long; Nguyễn Đông Hả tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7031 14/NG527C
Số ĐKCB: TN.012084, TN.012085, TN.012086

3011 Hoàng Kế Viêm.... - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012081, TN.012082, TN.012083

3012 Lam Sơn dấy nghĩa / Lê Vân; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 56tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7026 14/L104S
Số ĐKCB: TN.012078, TN.012079, TN.012080

3013 Nhà yêu nước Phan Châu Trinh / Hương Giang; Tạ Lan Hạnh tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7031 14/NH100Y
Số ĐKCB: TN.012075, TN.012076, TN.012077

3014 Chiến công vẻ vang của mười một cô gái sông Hương / Tuyết Mai; Lương Quốc Hiệp tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/CH305C
Số ĐKCB: TN.012072, TN.012073, TN.012074

3015 Phò mã Thân Cảnh Phúc - người thủ lĩnh tài ba / Hương Giang; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023 14/PH400M

Số ĐKCB: TN.012069, TN.012070, TN.012071

3016 Sứ thần Giang Văn Minh / Trần Tích Thành; Nguyễn Thị Hoá tranh. - Hà Nội : Giáo dục,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 14/S550T

Số ĐKCB: TN.012066, TN.012067, TN.012068

3017 Thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân Phan Bá Vành / Lê Hoài Duy; Nguyễn Thị Hoá tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/TH500L

Số ĐKCB: TN.012063, TN.012064, TN.012065

3018 Giản định đế Trần Ngỗi / Lê Thí; Nguyễn Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 40tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/Gi105Đ

Số ĐKCB: TN.012060, TN.012061, TN.012062

3019 Nguyễn Thái Bình - người sinh viên yêu nước / Minh Châu; Nguyễn Đông Hải Tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 28tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/NG527T

Số ĐKCB: TN.012057, TN.012058, TN.012059

3020 Ngô Thì Nhậm nhà yêu nước, bậc khoa bảng thức thời / Trần Tích Thành; Nguyễn Thị Hoá tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 26tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7028 14/NG450T

Số ĐKCB: TN.012054, TN.012055, TN.012056

3021 Nguyễn Trực - Lưỡng quốc Trạng nguyên / Phạm Ngọc Hùng; Tạ Lan Hạnh tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 14/NG527T

Số ĐKCB: TN.012051, TN.012052, TN.012053

3022 Nữ tướng Bùi Thị Xuân / Thuý Kiều; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 36tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7028 14/N550T

Số ĐKCB: TN.012048, TN.012049, TN.012050

3023 Bế Văn Đàn chiến đấu đến cùng / Đoàn Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/B250V

Số ĐKCB: TN.012045, TN.012046, TN.012047

3024 Chiến công của 10 cô gái... / Đoàn Trung Long. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704 14/CH305C
Số ĐKCB: TN.012042, TN.012043, TN.012044

3025 Lửa Yên Bái / Hương Trà; Tạ Lan Hạnh tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 36tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7032 14/L551Y
Số ĐKCB: TN.012039, TN.012040, TN.012041

3026 Anh hùng Núp / Thu Hương; Nguyễn Ánh Dương tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 40tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704 14/A-107H
Số ĐKCB: TN.012036, TN.012037, TN.012038

3027 Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa / Thu Hương; Hồ Vĩnh Phú tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A107H
Số ĐKCB: TN.012033, TN.012034, TN.012035

3028 Tăng Bạt Hổ người hết lòng vì nghĩa lớn / Hương Giang; Nguyễn Thị Hoá tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703 14/T116B
Số ĐKCB: TN.012030, TN.012031, TN.012032

3029 Khí tiết anh hùng / Tạ Lan Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/KH300T
Số ĐKCB: TN.012027, TN.012028, TN.012029

3030 Truyện ký toàn tập cho thiếu nhi. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 14/TR527K
Số ĐKCB: TN.014959, TN.014960

3031 Lê Hoàn - người sáng lập nhà Tiền Lê / Đoàn Thị Tuyết Mai; Vương Quốc Thịnh tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7022 14/L250H
Số ĐKCB: TN.012024, TN.012025, TN.012026

3032 Hãy nhảy vào túi của ta đây. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 163tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H100N
Số ĐKCB: TN.014956, TN.014957, TN.014958

3033 Thần đồng Cao Bá Quát / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.012021, TN.012022, TN.012023

3034 Trần Á tự chế câu đố về chữ Á. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 106tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 920.051 14/TR121A
Số ĐKCB: TN.014953, TN.014954, TN.014955

3035 Trạng nguyên nhỏ tuổi / Lâm Bằng; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106N
Số ĐKCB: TN.012018, TN.012019, TN.012020

3036 Trăm quan văn võ chào thua một câu đối. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 107tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 920.051 14/TR114Q
Số ĐKCB: TN.014950, TN.014951, TN.014952

3037 Mãi là bạn tốt. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/M103L
Số ĐKCB: TN.014948, TN.014949

3038 Cướp biển đây !. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/C562B
Số ĐKCB: TN.014946, TN.014947

3039 Josephine, đừng bỏ cuộc. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/J400S
Số ĐKCB: TN.014944, TN.014945

3040 Bằng cả trái tim. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 32tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B116C
Số ĐKCB: TN.014942, TN.014943

3041 Những chiến công vang dội của đặc công rừng Sác / Lương Duyên; Nguyễn Minh Trung tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.012015, TN.012016, TN.012017

3042 Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm : Truyện tranh / Đường Ngọc Toàn; Tranh: Nguyễn Ánh Dương, Phùng Minh Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 48 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.10092 23/TR106T
Số ĐKCB: TN.012012, TN.012013, TN.012014

3043 Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7041 14/CH305D
Số ĐKCB: TN.012009, TN.012010, TN.012011

3044 Cao Thắng - vị tướng tài ba của cuộc khởi nghĩa Hương Khê / Nguyễn Thị Hương Giang; Lương Quốc Hiệp tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 36tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703 14/C108T
Số ĐKCB: TN.012006, TN.012007, TN.012008

3045 Ba bà đi bán lợn con. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 36tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.809597 14/B100B
Số ĐKCB: TN.014940, TN.014941

3046 Nu na nu nống. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 36tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.809597 14/N500N
Số ĐKCB: TN.014938, TN.014939

3047 Kinh thành Huế - di sản văn hoá thế giới / Nguyễn Thị Thu Hương. - Hà Nội : Giáo dục, 2010.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/K312T
Số ĐKCB: TN.012003, TN.012004, TN.012005

3048 Con gà cục tác cục te. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 36tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.809597 14/C430G
Số ĐKCB: TN.014936, TN.014937

3049 Thằng bờm có cái quạt mo. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. - 36tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.809597 14/TH116B
Số ĐKCB: TN.014934, TN.014935

3050 Yuri Gagarin người đầu tiên bay vào vũ trụ / Yu-Ri Kim; Bảo Khanh d.. - Hà Nội : Mỹ thuật,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 629.450092 14/Y-500R
Số ĐKCB: TN.012000, TN.012001, TN.012002

3051 Khám phá ngôn ngữ. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 400 14/KH104P
Số ĐKCB: TN.014932, TN.014933

3052 Bồi dưỡng cảm súc. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 152.4 14/B452D
Số ĐKCB: TN.014930, TN.014931

3053 Cây to không sợ lạnh : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ nữ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C126T
Số ĐKCB: TN.014928, TN.014929

3054 Chiếc giường thỏ biết bay : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH303G
Số ĐKCB: TN.014926, TN.014927

3055 Đôi bàn tay đảm đang : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ nữ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Đ452B
Số ĐKCB: TN.014924, TN.014925

3056 Hai chú ếch con : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ nữ, 2012. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/H103C
Số ĐKCB: TN.014922, TN.014923

3057 Chuyến du lịch của táo đỏ : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH527D
Số ĐKCB: TN.014920, TN.014921

3058 Nàng công chúa sắc màu : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/N106C
Số ĐKCB: TN.014918, TN.014919

3059 Chim sẻ non học bay : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ nữ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH310S
Số ĐKCB: TN.014916, TN.014917

3060 Chiếc diều của thỏ con : Những câu chuyện trí tuệ dành cho tuổi mầm non. - Hà Nội : Phụ nữ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH303D
Số ĐKCB: TN.014914, TN.014915

3061 Chuyện hai người bạn : Dành cho bé 2 - 5 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/CH527H
Số ĐKCB: TN.014912, TN.014913

3062 Mài sắt nên kim : Dành cho bé 2 - 5 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/M103S
Số ĐKCB: TN.014910, TN.014911

3063 Ếch bán đầm lầy. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ê252B
Số ĐKCB: TN.014908, TN.014909

3064 Gà gô kiêu kỳ. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G100G
Số ĐKCB: TN.014906, TN.014907

3065 Gấu con tặng cá. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G125C
Số ĐKCB: TN.014904, TN.014905

3066 Ba người bạn tốt. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100N
Số ĐKCB: TN.014902, TN.014903

3067 Ếch bán đầm lầy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ê252B
Số ĐKCB: TN.014898, TN.014899

3068 Ai biết hơn ai : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/A103B
Số ĐKCB: TN.014896, TN.014897

3069 Chú mèo đi câu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500M
Số ĐKCB: TN.014894, TN.014895

3070 Con rắn vong ơn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430R
Số ĐKCB: TN.014892, TN.014893

3071 Gà con học nghề. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/G100C
Số ĐKCB: TN.014890, TN.014891

3072 Dế vào đàn con : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/D250V
Số ĐKCB: TN.014888, TN.014889

3073 Gấu làm tổ chim : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/G125L
Số ĐKCB: TN.014886, TN.014887

3074 Bảy chú dê con : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B112C
Số ĐKCB: TN.014884, TN.014885

3075 Voi con tinh nghịch : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/V428C
Số ĐKCB: TN.014882, TN.014883

3076 Chúa tể sơn lâm : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/CH501T
Số ĐKCB: TN.014880, TN.014881

3077 Gấu con mua dưa : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/G125C
Số ĐKCB: TN.014878, TN.014879

3078 Chiếc bàn nấm sinh : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/CH303B
Số ĐKCB: TN.014876, TN.014877

3079 Cún tìm mặt trời : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C500T
Số ĐKCB: TN.014874, TN.014875

3080 Mưu cá chép nhỏ : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/M566C
Số ĐKCB: TN.014872, TN.014873

3081 Chú ngựa tinh khôn : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/CH500N
Số ĐKCB: TN.014870, TN.014871

3082 Ông lão đánh giày. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ô455L
Số ĐKCB: TN.014868, TN.014869

3083 Cò trắng kén ăn : Dành cho bé 0 - 3 tuổi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C400T
Số ĐKCB: TN.014866, TN.014867

3084 Hoa / Trương B. Sinh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.011998, TN.011999

3085 101 truyện cổ tích Việt Nam hay nhất = Một trăm lẻ một truyện cổ tích Việt Nam hay nhất. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/M458T
Số ĐKCB: TN.014864, TN.014865

3086 Hoàng tử Lang Liêu - sự tích bánh giầy, bánh chưng / Trương Bửu Sinh; Tranh: Khánh Duyên, Hoàng Vũ. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.701 14/H407T
Số ĐKCB: TN.011997

3087 Tiến vào Dinh Độc Lập / Đoàn Thị Minh Châu; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/T305V
Số ĐKCB: TN.011994, TN.011995, TN.011996

3088 Hô-Xê Mác-Ti người anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân Cu Ba / Trần Tích Thành; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 972.9106 14/H450X
Số ĐKCB: TN.011991, TN.011992, TN.011993

3089 Vua Duy Tân / Lương Minh Thu; Lê Phương tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 40tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7029 14/V501D
Số ĐKCB: TN.011988, TN.011989, TN.011990

3090 Nguyễn Văn Cừ - người cộng sản trung kiên / Trần Tích Thành; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7032 14/NG527V
Số ĐKCB: TN.011985, TN.011986, TN.011987

3091 Đội Cung và cuộc binh biến Đô Lương / Lê Như Hạnh; Nguyễn Minh Kiên tranh. - Hà Nội :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7031 14/Đ452C
Số ĐKCB: TN.011982, TN.011983, TN.011984

3092 Trần Quý Cáp - nhà chí sĩ yêu nước / Hà Lê Phương; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7031 14/TR121Q
Số ĐKCB: TN.011979, TN.011980, TN.011981

3093 Đấu trường CQ. - Hà Nội : Văn học, 2012. - 155tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.014823, TN.014824

3094 Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác / Nguyễn Thị Thu Hương; Lương Quốc Hiệp tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 615.8 14/H103T
Số ĐKCB: TN.011976, TN.011977, TN.011978

3095 Trần Quốc Tuấn - nhà quân sự thiên tài / Nguyễn Thị Huyền; Hồ Vĩnh Phú tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 52tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7021 14/TR121Q
Số ĐKCB: TN.011973, TN.011974, TN.011975

3096 Nguyễn Khoái vị tướng kiệt xuất thời nhà Trần / Nguyễn Thị Hương Giang; Nguyễn Minh Trung tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024092 14/NG527K

Số ĐKCB: TN.011970, TN.011971, TN.011972

3097 Trưng nữ vương khởi nghĩa Mê Linh / Nguyễn Thị Thu Hương; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 36tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.701 14/TR556N

Số ĐKCB: TN.011967, TN.011968, TN.011969

3098 Mụ Lường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/M500L

Số ĐKCB: TN.014815, TN.014816

3099 La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp / Đoàn Thị Tuyết Mai; Nguyễn Thị Hoá tranh. - Hà Nội : Giáo

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7028 14/L100S

Số ĐKCB: TN.011964, TN.011965, TN.011966

3100 Garibanđi và công cuộc... / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.011961, TN.011962, TN.011963

3101 Nguyễn Xí - danh tướng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn / Nguyễn Thị Hương Giang; Nguyễn Minh Kiên tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 14/NG527X

Số ĐKCB: TN.011958, TN.011959, TN.011960

3102 Ê-Đi-Xơn - nhà phát minh vĩ đại / Nguyễn Thị Thu Hương lời; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 608.773 14/Ê250Đ

Số ĐKCB: TN.011955, TN.011956, TN.011957

3103 Lâm Tắc Từ và cuộc chiến tranh thuốc phiện ở Trung Quốc / Lê Hoài Duy; Nguyễn Nho Hùng tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 951 14/L120T

Số ĐKCB: TN.011952, TN.011953, TN.011954

3104 Lưỡng quốc tướng quân Nguyễn Sơn / Đoàn Triệu Long ; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 36tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704 14/L561Q
Số ĐKCB: TN.011949, TN.011950, TN.011951

3105 Vui cùng màu sắc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/V510C
Số ĐKCB: TN.014813, TN.014814

3106 Vui cùng... và hình dạng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/V510C
Số ĐKCB: TN.014811, TN.014812

3107 Vui cùng đếm số. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/V510C
Số ĐKCB: TN.014809, TN.014810

3108 M Lu Thơ King người suốt đời đấu tranh vì nhân quyền / Đoàn Triệu Long ; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 973.92 14/ML500T
Số ĐKCB: TN.011946, TN.011947, TN.011948

3109 Đi tìm hoang dã. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2012. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ300T
Số ĐKCB: TN.014807, TN.014808

3110 Trung tướng Nguyễn Bình / Đoàn Triệu Long ; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704 14/TR513T
Số ĐKCB: TN.011943, TN.011944, TN.011945

3111 Tin học cho trẻ em. - Hà Nội : Dân trí, 2012. - 111tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.24 14/T311H
Số ĐKCB: TN.014805, TN.014806

3112 Sổ tay sinh hoạt đội. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 371.8 14/S450T
Số ĐKCB: TN.014803, TN.014804

3113 Cuộc khởi nghĩa giải phóng nô lệ Xpác-Ta-Cút : Truyện tranh / Trần Tích Thành; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 36tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 938 14/C514K
Số ĐKCB: TN.011940, TN.011941, TN.011942

3114 Sổ tay phụ trách sao. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 14/S450T
Số ĐKCB: TN.014801, TN.014802

3115 Trần Quốc Toản - tuổi nhỏ chí lớn : Truyện tranh lịch sử / Đoàn Thị Minh Châu. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 36 tr. ; 24 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024 23/TR121Q
Số ĐKCB: TN.011937, TN.011938, TN.011939

3116 Nguyễn Thị Minh Khai - người chiến sĩ cách mạng quả cảm / Đoàn Thị Tuyết Mai; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7032 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.011934, TN.011935, TN.011936

3117 Mai Thúc Loan và cuộc khởi nghĩa chống quân đô hộ nhà Đường / Lương Duyên; Quang Huy tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32 tr. ; 20 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7013 23/M103T
Số ĐKCB: TN.011931, TN.011932, TN.011933

3118 Ac-Crai-Tơ - người phát minh máy kéo sợi / Trần Tích Thành; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 677.0092 14/A101C
Số ĐKCB: TN.011928, TN.011929, TN.011930

3119 Lê Quý Đôn - Nhà bác học kiệt xuất : Truyện tranh lịch sử / Nguyễn Thị Bích Trâm; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 52 tr. ; 21 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.70272 23/L250Q
Số ĐKCB: TN.011925, TN.011926, TN.011927

3120 Jamer và quả đào khổng lồ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/V460C
Số ĐKCB: TN.014799, TN.014800

3121 Chiến dịch Tây Nguyên mùa xuân 1975 / Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704332 14/CH305D
Số ĐKCB: TN.011922, TN.011923, TN.011924

3122 Đại tướng Nguyễn Chí Thanh / Đoàn Thị Minh Châu; Cẩm Hà tranh. - Hà Nội : Giáo dục,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704 14/Đ103T
Số ĐKCB: TN.011919, TN.011920, TN.011921

3123 Bác Fox tuyệt vời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/B101F
Số ĐKCB: TN.014797, TN.014798

3124 Vợ chồng lão Twit. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/V460C
Số ĐKCB: TN.014795, TN.014796

3125 Hươu cao cổ chim bồ nông và tôi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H564C
Số ĐKCB: TN.014793, TN.014794

3126 Lê Văn Hưu và bộ quốc sử đầu tiên của nước ta / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7024092 14/L250V
Số ĐKCB: TN.011916, TN.011917, TN.011918

3127 Lê Thánh Tông và sự cường thịnh của Đại Việt thời Hậu Lê / Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7026 14/L250T
Số ĐKCB: TN.011913, TN.011914, TN.011915

3128 Sự tích con thạch sùng. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.014791, TN.014792

3129 Ễnh ương và bò. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ê256Ư
Số ĐKCB: TN.014789, TN.014790

3130 Khởi nghĩa Bắc Sơn / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7032 14/KH462N
Số ĐKCB: TN.011910, TN.011911, TN.011912

3131 Nen-Xơn Man-Đê-La - người tranh đấu chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi / Trần Tích Thành lời; Nguyễn Đông Hải tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 968.06092 14/N204M
Số ĐKCB: TN.011907, TN.011908, TN.011909

3132 Bố Cái Đại vương Phùng Hưng : Truyện tranh / Nguyễn Hữu Tâm; Phạm Tuấn tranh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 40tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7013 14/B450C
Số ĐKCB: TN.011904, TN.011905, TN.011906

3133 Trận chiến trân châu cảng / Đào Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 940.53 14/TR121C
Số ĐKCB: TN.011901, TN.011902, TN.011903

3134 Rùa và đôi vịt trời. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/R501V
Số ĐKCB: TN.014787, TN.014788

3135 Qụa và cáo. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/QU-501V
Số ĐKCB: TN.014785, TN.014786

3136 Xe ngựa và con ruồi. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200N
Số ĐKCB: TN.014783, TN.014784

3137 Cây sồi và cây sậy. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C126S
Số ĐKCB: TN.014781, TN.014782

3138 Chuột nhà và chuột đồng. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH519N
Số ĐKCB: TN.014779, TN.014780

3139 Kiến và chim bồ câu. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K305V
Số ĐKCB: TN.014777, TN.014778

3140 Cáo khỉ và muôn loài. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C108K
Số ĐKCB: TN.014775, TN.014776

3141 Ong bầu và ong mật. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/O431B
Số ĐKCB: TN.014773, TN.014774

3142 Đảo mộng mơ / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ108M
Số ĐKCB: TN.011898, TN.011899, TN.011900

3143 Đồng tiền vạn lịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/Đ455T
Số ĐKCB: TN.014771, TN.014772

3144 Sự tích con dã tràng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.014769, TN.014770

3145 Oh, boy! / Marie-Aude Murail; Trần Anh Thư d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2010. - 262tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/O400-H
Số ĐKCB: TN.011893, TN.011894

3146 Từ thức gặp tiên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/T550T
Số ĐKCB: TN.014767, TN.014768

3147 Sự tích con muỗi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.014765, TN.014766

3148 Chử Đồng Tử và Tiên Dung. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH550Đ
Số ĐKCB: TN.014763, TN.014764

3149 Cuộc chinh phục kỳ diệu. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/C514C
Số ĐKCB: TN.014760, TN.014761, TN.014762

3150 Lá cờ thêu 6 chữ vàng / Nguyễn Huy Tưởng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 L100C
Số ĐKCB: TN.011890, TN.011891, TN.011892

3151 Không thể chịu nổi! / Nguyễn Huy Hảo s.t và t.ch. - Hà Nội, 2010. - 124tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/KH455T
Số ĐKCB: TN.011888, TN.011889

3152 Thú rừng Tây Nguyên / Thiên Lương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 155tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH500R
Số ĐKCB: TN.014758, TN.014759

3153 Đi vệ sinh đúng nơi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 20tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/Đ300N
Số ĐKCB: TN.014756, TN.014757

3154 Chúng mình sẽ giúp bạn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 20tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/CH513M
Số ĐKCB: TN.014754, TN.014755

3155 Đừng dán mắt vào tivi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. - 20tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/Đ556G
Số ĐKCB: TN.014752, TN.014753

3156 Li Li ơi ! Đừng ăn ngậm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 20tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/L300L
Số ĐKCB: TN.014750, TN.014751

3157 Sa sa ích kỷ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 20tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/S100S
Số ĐKCB: TN.014748, TN.014749

3158 Sa sa lười đánh răng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 20tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/S100S
Số ĐKCB: TN.014746, TN.014747

3159 Bé tập ứng xử lịch sự khi ăn uống. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014744, TN.014745

3160 Bé tập ứng xử lịch sự khi mượn và đọc sách. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014742, TN.014743

3161 Bé tập ứng xử lịch sự khi đến chơi nhà bạn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014740, TN.014741

3162 Bé tập ứng xử lịch sự trong thư viện. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014738, TN.014739

3163 Bé tập ứng xử lịch sự nơi công cộng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014736, TN.014737

3164 Bé tập ứng xử lịch sự đi chơi công viên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014734, TN.014735

3165 Bé tập ứng xử lịch sự khi nói chuyện điện thoại. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014732, TN.014733

3166 Nếm thử xem / Hải Yến. - Hà Nội : Thời đại, 2010. - 14tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/N253T
Số ĐKCB: TN.011854, TN.011855, TN.011856, TN.011897

3167 Vẽ thử xem / Hải Yến. - Hà Nội : Thời đại, 2010. - 14tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V200T
Số ĐKCB: TN.011851, TN.011852, TN.011853

3168 Bé tập ứng xử lịch sự khi đi xe trong trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/L302S
Số ĐKCB: TN.014730, TN.014731

3169 Nhìn thử xem / Hải Yến. - Hà Nội : Thời đại, 2010. - 14tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NH311T
Số ĐKCB: TN.011848, TN.011849, TN.011850

3170 Sờ thử xem / Hải Yến. - Hà Nội : Thời đại, 2010. - 14tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S460T
Số ĐKCB: TN.011845, TN.011846, TN.011847

3171 Bé tập ứng xử lịch sự trong phòng ăn trưa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200T
Số ĐKCB: TN.014728, TN.014729

3172 Nghe thử xem / Hải Yến. - Hà Nội : Thời đại, 2010. - 14tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NGH200T
Số ĐKCB: TN.011842, TN.011843, TN.011844

3173 Trí tưởng tượng diệu kỳ / Hương Thảo. - Hà Nội : Lao động - Xã hội, 2010. - 256tr. ; 16cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 153.3 23/TR300T
Số ĐKCB: TN.011836, TN.011837, TN.011838

3174 Thông minh tuyệt đỉnh / Hương Thảo. - Hà Nội : Lao động - Xã hội, 2010. - 256tr. ; 16cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 153.3 23/TH455M
Số ĐKCB: TN.011833, TN.011834, TN.011835

3175 Bão trí tuệ / Hương Thảo. - Hà Nội : Lao động - Xã hội, 2010. - 256tr. ; 16cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.3 23/B108T
Số ĐKCB: TN.011830, TN.011831, TN.011832

3176 Napôlêông Bônapát : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/N100B
Số ĐKCB: TN.011822, TN.011823

3177 An Be Anh Xtanh : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/A105B
Số ĐKCB: TN.011820, TN.011821

3178 Jin Henri Fabrê : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/J311H
Số ĐKCB: TN.011818, TN.011819

3179 Hê Len Ky Lơ : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H250L
Số ĐKCB: TN.011816, TN.011817

3180 Tô Ma An Va Ê đi xơn : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/T450M
Số ĐKCB: TN.011814, TN.011815

3181 I Xắc Niu Tơn : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/I300X
Số ĐKCB: TN.011812, TN.011813

3182 An Frét BôBen : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/A105F
Số ĐKCB: TN.011810, TN.011811

3183 An Bớt Su Tơ : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/A105B
Số ĐKCB: TN.011808, TN.011809

3184 Mari Quyri : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/A100R
Số ĐKCB: TN.011806, TN.011807

3185 Abraham Lincôn : Truyện tranh / Kim Nam Kin lời; Kim Bôc Jông tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 160tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/A100B
Số ĐKCB: TN.011804, TN.011805

3186 Hãy đợi đấy / F. Kamov. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.011802, TN.011803

3187 Chú bé có tài mở khóa / Nguyễn Quang Thân. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 176tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.011784, TN.011785, TN.011786

3188 Ước gì có cánh / Dương Hiền Nga. - Hà Nội : Văn học, 2011. - 63tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/Ư557G
Số ĐKCB: TN.014690, TN.014691

3189 99 truyện cười thiếu nhi = Chín mươi chín truyện cười thiếu nhi : Xả stress / Nguyễn Gia. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 142tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.014679, TN.014680, TN.014681

3190 Tuổi thơ muôn màu. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2011. - 265tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515T
Số ĐKCB: TN.014676, TN.014677, TN.014678

3191 Atlas về các quốc gia / Valérie Le Du lời; Collette David hình ảnh; Hoàng Thạch d.. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 46 tr. : tranh màu ; 33 cm. - (Atlas cho trẻ em)

Tóm tắt: Giới thiệu khái quát về địa lí, khí hậu, sự phân bố của động vật và dân cư trên trái đất. Trình bày địa lí, văn hoá và kinh tế của khu vực Bắc Âu, Nam Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, châu Á, châu Phi, châu Đại Dương và các xứ lạnh

Ký hiệu phân loại: 910.22 23/A110L
Số ĐKCB: TN.011585, TN.011586, TN.011587

3192 Sói đã trở lại / Geoffroy De Pennart ; Huy Minh d.. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2010. - 38tr. : tranh ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/S428Đ
Số ĐKCB: TN.011582, TN.011583, TN.011584

3193 Sói đa cảm / Geoffroy De Pennart ; Huy Minh d.. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2010. - 38tr. : tranh ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/S428Đ
Số ĐKCB: TN.011579, TN.011580, TN.011581

3194 Ngọc báu trong túi áo / Ngọc Minh t.ch. - Hà Nội : Lao động, 2010. - 230tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/NG419B
Số ĐKCB: TN.011577, TN.011578

3195 Câu chuyện về những hòn bi / Ngọc Minh t.ch. - Hà Nội : Lao động, 2010. - 230tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/C125C
Số ĐKCB: TN.011575, TN.011576, TN.011781, TN.011782, TN.011783

3196 Ngọn đèn màu xanh / Ngọc Minh t.ch. - Hà Nội : Lao động, 2010. - 232tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/NG430Đ
Số ĐKCB: TN.011573, TN.011574

3197 Mèo làm thân với chuột / Ngọc Minh t.ch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 230tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/M205L
Số ĐKCB: TN.011571, TN.011572, TN.011799, TN.011800, TN.011801

3198 Những món quà của người tý hon / Ngọc Minh t.ch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/NH556M
Số ĐKCB: TN.011569, TN.011570, TN.011787, TN.011788, TN.011789

3199 Nụ cười của em bé ngoan / Ngọc Minh t.ch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 230tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/N500C
Số ĐKCB: TN.011567, TN.011568

3200 Nhím và thỏ : Truyện ngụ ngôn thế giới. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 288tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/NH310V
Số ĐKCB: TN.011565, TN.011566

3201 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ớ467B
Số ĐKCB: TN.014546, TN.014547

3202 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014544, TN.014545

3203 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014543

3204 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014541, TN.014542

3205 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014539, TN.014540

3206 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014536, TN.014537, TN.014538

3207 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014534, TN.014535

3208 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014532, TN.014533

3209 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014530, TN.014531

3210 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - tập ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014528, TN.014529

3211 Ớt bảy màu. - Hà Nội, 2011. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Ơ467B
Số ĐKCB: TN.014526, TN.014527

3212 Con cáo và chùm nho : Truyện ngụ ngôn thế giới. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 262tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/C430C
Số ĐKCB: TN.011563, TN.011564

3213 Thám tử 3 cò : Truyện dài / Nông Huyền Sơn. - Hài Nội : Công an nhân dân, 2010. - 196tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH104T
Số ĐKCB: TN.011560, TN.011561, TN.011562

3214 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.014524, TN.014525

3215 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.014522, TN.014523

3216 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.014520, TN.014521

3217 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.014518, TN.014519

3218 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.014516, TN.014517

3219 Thám tử lừng danh Conan : Tuyển tập đặc biệt / Gosho Aoyama. - Hà Nội. - 18cm. - 45000đ
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.014514, TN.014515

3220 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Tp. Hồ Chí Minh, 2011. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.014512, TN.014513

3221 Thế giới động vật - động vật hoang dã / Kiều Thanh b.s. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 64tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/TH250G
Số ĐKCB: TN.011556, TN.011557

3222 Hỏi đáp trên trời dưới đất / Vũ Kim Dũng. - Hà Nội : Thanh niên, 2010. - 136tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/H428Đ
Số ĐKCB: TN.011554, TN.011555

3223 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014510, TN.014511

3224 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014508, TN.014509

3225 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014506, TN.014507

3226 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014504, TN.014505

3227 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014502, TN.014503

3228 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014500, TN.014501

3229 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014498, TN.014499

3230 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014496, TN.014497

3231 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014494, TN.014495

3232 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014492, TN.014493

3233 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014490, TN.014491

3234 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014488, TN.014489

3235 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014486, TN.014487

3236 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014484, TN.014485

3237 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014482, TN.014483

3238 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014480, TN.014481

3239 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014478, TN.014479

3240 Phút lên tiên / Phạm Đức Thỏa. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 136tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/PH522L
Số ĐKCB: TN.011552, TN.011553

3241 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014476, TN.014477

3242 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014474, TN.014475

3243 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014472, TN.014473

3244 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014470, TN.014471

3245 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014468, TN.014469

3246 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014466, TN.014467

3247 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014464, TN.014465

3248 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tập ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014462, TN.014463

3249 Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tập ; 18cm
Vua bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895,6 14/V501B
Số ĐKCB: TN.014460, TN.014461

3250 Những chiếc áo ấm / Võ Quảng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.011547, TN.011548, TN.011549

3251 Chuyến đi thứ hai / Võ Quảng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527Đ
Số ĐKCB: TN.011544, TN.011545, TN.011546

3252 Ngày tết của trâu xe / Võ Quảng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NG112T
Số ĐKCB: TN.011541, TN.011542, TN.011543

3253 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tr. ; cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014440, TN.014441

3254 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014458, TN.014459

3255 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014456, TN.014457

3256 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014454, TN.014455

3257 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014452, TN.014453

3258 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014450, TN.014451

3259 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014448, TN.014449

3260 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014446, TN.014447

3261 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014444, TN.014445

3262 Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T103S
Số ĐKCB: TN.011538, TN.011539, TN.011540

3263 Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T103S
Số ĐKCB: TN.011535, TN.011536, TN.011537

3264 Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T103S
Số ĐKCB: TN.011532, TN.011533, TN.011534

3265 Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T103S
Số ĐKCB: TN.011529, TN.011530, TN.011531

3266 Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T103S
Số ĐKCB: TN.011526, TN.011527, TN.011528

3267 Tại sao. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2010. - 6 tập ; 21cm
Tại sao?. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 98tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T103S
Số ĐKCB: TN.011523, TN.011524, TN.011525

3268 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014442, TN.014443

3269 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014438, TN.014439

3270 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014436, TN.014437

3271 Thiên thần không cần cánh để bay / Vũ Thọ s.t và t.d. - Hà Nội : Thanh Niên, 2010. - 188tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.011520, TN.011521, TN.011522

3272 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014434, TN.014435

3273 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014432, TN.014433

3274 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014430, TN.014431

3275 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014428, TN.014429

3276 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014426, TN.014427

3277 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014424, TN.014425

3278 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014422, TN.014423

3279 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014420, TN.014421

3280 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014418, TN.014419

3281 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014416, TN.014417

3282 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014414, TN.014415

3283 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014412, TN.014413

3284 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014410, TN.014411

3285 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014408, TN.014409

3286 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014406, TN.014407

3287 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014404, TN.014405

3288 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014402, TN.014403

3289 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014400, TN.014401

3290 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014398, TN.014399

3291 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014396, TN.014397

3292 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014394, TN.014395

3293 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014392, TN.014393

3294 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014390, TN.014391

3295 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014388, TN.014389

3296 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014386, TN.014387

3297 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tập ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014384, TN.014385

3298 Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Thần đồng đất việt mỹ thuật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014382, TN.014383

3299 Con rồng cháu tiên / s.t và b.s.: Mai Chi, Thụy Bắc. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C430R
Số ĐKCB: TN.011517, TN.011518, TN.011519

3300 Voi được thăng chức / Vũ Long viết lời, minh họa. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 120tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/V428Đ
Số ĐKCB: TN.011514, TN.011515, TN.011516

3301 Con chuột ngốc nghếch / Vũ Bội Tuyền kể. - Hà Nội : Thanh Niên, 2010. - 142tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.011511, TN.011512, TN.011513

3302 Con sóc vui vẻ / Vũ Bội Tuyền kể. - Hà Nội : Thanh Niên, 2010. - 142tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430S
Số ĐKCB: TN.011508, TN.011509, TN.011510

3303 Vịt con xấu xí / Vũ Bội Tuyền kể. - Hà Nội : Thanh Niên, 2010. - 142tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V314C
Số ĐKCB: TN.011505, TN.011506, TN.011507

3304 Sói già muốn nhổ răng / Vũ Bội Tuyền kể. - Hà Nội : Thanh Niên, 2010. - 142tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S428G
Số ĐKCB: TN.011502, TN.011503, TN.011504

3305 Thần đồng đất việt - Hám ngoại hại thân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014380, TN.014381

3306 Thần đồng đất việt - Thần đồng săn rồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014378, TN.014379

3307 Thần đồng đất việt - Nàng dâu bất hiếu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014376, TN.014377

3308 Thần đồng đất việt - Xẹp kỹ năng "xốp". - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014374, TN.014375

3309 Thần đồng đất việt - Trạng thánh tương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014372, TN.014373

3310 Thần đồng đất việt - Kẹo lú hại người. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014370, TN.014371

3311 Thần đồng đất việt - Xác chết biết đi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014368, TN.014369

3312 Thần đồng đất việt - Quốc cửu bén duyên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014366, TN.014367

3313 Thần đồng đất việt - Long vương tí hon. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014364, TN.014365

3314 Thần đồng đất việt - Khu rừng có ma. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014362, TN.014363

3315 Thần đồng đất việt - Hoàng đế đi cày. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.014360, TN.014361

3316 Con ngựa thần. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 220tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430N
Số ĐKCB: TN.011499, TN.011500, TN.011501

3317 Quả táo kỳ lạ / Trần Hạnh Tường t.d và b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 120tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/QU100T
Số ĐKCB: TN.011496, TN.011497, TN.011498

3318 Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 91tr. ; 17cm
Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 91tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014358, TN.014359

3319 Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 91tr. ; 17cm
Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 91tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014356, TN.014357

3320 Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tập ; cm
Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 91tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014354, TN.014355

3321 Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 91tr. ; 17cm
Ô Long Viện truyện đen trắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 91tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014352, TN.014353

3322 Gulivơ du ký / W. Sếchxpia nguyên tác; Hơ Sun Bông lời; Sin Ưng Sớp tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 204tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/G500L
Số ĐKCB: TN.011493, TN.011494, TN.011495

3323 Thằng gù nhà thờ đức Bà / W. Séchxpia nguyên tác; Hơ Sun Bông lời; Sin Ưng Sớp tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 204tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/TH116G
Số ĐKCB: TN.011490, TN.011491, TN.011492

3324 Hăm lét / W. Séchxpia nguyên tác; Hơ Sun Bông lời; Sin Ưng Sớp tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 204tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H114L
Số ĐKCB: TN.011487, TN.011488, TN.011489

3325 Ô Long viện siêu buồn cười. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014324, TN.014325

3326 Tội ác và trừng phạt / W. Séchxpia nguyên tác; Hơ Sun Bông lời; Sin Ưng Sớp tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 204tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/T452C
Số ĐKCB: TN.011484, TN.011485, TN.011486

3327 Phục sinh / W. Séchxpia nguyên tác; Hơ Sun Bông lời; Sin Ưng Sớp tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 204tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/PH506S
Số ĐKCB: TN.011481, TN.011482, TN.011483

3328 Rômêô và Juliét / W. Séchxpia nguyên tác; Hơ Sun Bông lời; Sin Ưng Sớp tranh; Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 204tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/R450M
Số ĐKCB: TN.011478, TN.011479, TN.011480

3329 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014342, TN.014343

3330 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014340, TN.014341

3331 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014338, TN.014339

3332 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014336, TN.014337

3333 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014334, TN.014335

3334 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014332, TN.014333

3335 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014330, TN.014331

3336 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014328, TN.014329

3337 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014326, TN.014327

3338 Đồi gió hú / Emily Bronte; Dương Tường d.. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 440tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 Đ452G
Số ĐKCB: TN.011475, TN.011476, TN.011477

3339 Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014322, TN.014323

3340 Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014320, TN.014321

3341 Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014318, TN.014319

3342 Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014316, TN.014317

3343 Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - tập ; cm
Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014314, TN.014315

3344 Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Ô Long viện - Linh vật sống. - Hà Nội : Kim Đồng, 2012. - 124tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.014312, TN.014313

3345 Ôlivơ Tuýt / Nguyễn Thị Thắm d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 204tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/Ô452T
Số ĐKCB: TN.011472, TN.011473, TN.011474

3346 Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ561Đ
Số ĐKCB: TN.014310, TN.014311

3347 Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ561Đ
Số ĐKCB: TN.014308, TN.014309

3348 Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tập ; cm
Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ561Đ
Số ĐKCB: TN.014306, TN.014307

3349 Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ561Đ
Số ĐKCB: TN.014304, TN.014305

3350 Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tập ; cm
Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ561Đ
Số ĐKCB: TN.014302, TN.014303

3351 Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Đường đua khốc liệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ561Đ
Số ĐKCB: TN.014300, TN.014301

3352 Những chuyện thần kì / s.t và b.d: Huỳnh Phan Thanh Yên, Nguyễn Hoàng Anh. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 188tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.011469, TN.011470, TN.011471

3353 Những câu đố vui cho trẻ em / Nguyễn Ngọc t.ch và b.s. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 140tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.6 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.011468

3354 Trong môi trường kỹ thuật số. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.014297, TN.014298, TN.014299

3355 Truyện cổ Ét-ki-mô / Lê Thanh Lộc b.d. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2010. - 192tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20947 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.011465, TN.011466, TN.011467

3356 Quyền của tổ chức phát sóng. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 346.597 14/Q527C

Số ĐKCB: TN.014294, TN.014295, TN.014296

3357 Quyền của nhà xuất bản. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 346.597 14/Q527C

Số ĐKCB: TN.014291, TN.014292, TN.014293

3358 Tom và Jerry: Cái lon cười. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 16tr. : tranh màu ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/T429V

Số ĐKCB: TN.011462, TN.011463, TN.011464

3359 Tom và Jerry: Da đỏ mèo điên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 16tr. : tranh màu ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/T429V

Số ĐKCB: TN.011459, TN.011460, TN.011461

3360 Tom và Jerry: Chuyến dã ngoại.... - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 16tr. : tranh màu ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/T429V

Số ĐKCB: TN.011456, TN.011457, TN.011458

3361 Tom và Jerry: Hàng xóm mối. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 16tr. : tranh màu ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/T429V

Số ĐKCB: TN.011453, TN.011454, TN.011455

3362 Quyền của người biểu diễn. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 346.597 14/Q527C
Số ĐKCB: TN.014288, TN.014289, TN.014290

3363 Động thực vật cũng thích đùa / Vũ Kim Dũng b.s. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 590 14/Đ455T
Số ĐKCB: TN.011450, TN.011451, TN.011452

3364 Quyền tác giả, quyền liên quan. - Hà Nội, 2012. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 346.597 14/Q527T
Số ĐKCB: TN.014285, TN.014286, TN.014287

3365 Bức thông điệp khẩn thiết của rừng xanh. - Hà Nội : Thông tin và truyền thông, 2012. - 213tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.86 14/B552T
Số ĐKCB: TN.014282, TN.014283, TN.014284

3366 Câu đố dành cho trẻ mầm non : Chủ đề ; Hiện tượng tự nhiên. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 19tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.014279, TN.014280, TN.014281

3367 Câu đố dành cho trẻ mầm non : Chủ đề : Thực vật. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 19tr. ; 25cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.014276, TN.014277, TN.014278

3368 Câu đố dành cho trẻ mầm non : Chủ đề : Phương tiện giao thông. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.014273, TN.014274, TN.014275

3369 Câu đố dành cho trẻ mầm non : Chủ đề : Đồ dùng đồ chơi của bé. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.014270, TN.014271, TN.014272

3370 Câu đố dành cho trẻ mầm non : Chủ đề : Con người. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 19tr. ; 25cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.014267, TN.014268, TN.014269

3371 Câu đố dành cho trẻ mầm non : Chủ đề : Động vật. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2012. - 19tr. ; 25cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.014264, TN.014265, TN.014266

3372 Giải nhanh tính giỏi. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/GI-103N
Số ĐKCB: TN.014261, TN.014262, TN.014263

3373 Nhanh tay tinh mắt. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/NH107T
Số ĐKCB: TN.014258, TN.014259, TN.014260

3374 Cuộc sống lý thú. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C514S
Số ĐKCB: TN.014255, TN.014256, TN.014257

3375 Nhận biết thế giới. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/NH121B
Số ĐKCB: TN.014252, TN.014253, TN.014254

3376 Tìm hiểu kiến thức. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/T310H
Số ĐKCB: TN.014249, TN.014250, TN.014251

3377 Trò chơi phép tính. - Hà Nọi : Mĩ thuật, 2011. - 15tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/TR400C
Số ĐKCB: TN.014246, TN.014247, TN.014248

3378 Tư duy qua hình. - Hà Nội : Mĩ Thuật, 2011. - 15tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/T550D
Số ĐKCB: TN.014243, TN.014244, TN.014245

3379 Dấu hỏi biến hóa : Khoa học. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014240, TN.014241, TN.014242

3380 Dấu hỏi biến hóa : Phát minh. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 608 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014237, TN.014238, TN.014239

3381 Dấu hỏi biến hóa : Trái đất. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 550 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014234, TN.014235, TN.014236

3382 Xử lý tình huống. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/X550L
Số ĐKCB: TN.014231, TN.014232, TN.014233

3383 Dấu hỏi biến hóa : Cuộc sống. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014228, TN.014229, TN.014230

3384 Dấu hỏi biến hóa : Sức khỏe. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 613 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014225, TN.014226, TN.014227

3385 Dấu hỏi biến hóa : Vũ trụ. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 523.1 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014222, TN.014223, TN.014224

3386 Dấu hỏi biến hóa : Cơ thể. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014219, TN.014220, TN.014221

3387 Dấu hỏi biến hóa : Thực vật. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 580 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014216, TN.014217, TN.014218

3388 Dấu hỏi biến hóa : Khí tượng. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.5 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014213, TN.014214, TN.014215

3389 Dấu hỏi biến hóa : Động vật. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/D125H
Số ĐKCB: TN.014210, TN.014211, TN.014212

3390 Những nhạc sĩ thành Bremen. - Hà Nội : Văn học, 2011. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.014208, TN.014209

3391 Gulliver lạc đến xứ khổng lồ. - Hà Nội : Văn học, 2011. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/G500L
Số ĐKCB: TN.014206, TN.014207

3392 Gulliver lạc đến xứ tí hon. - Hà Nội : Văn học, 2011. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/G500L
Số ĐKCB: TN.014204, TN.014205

3393 Cậu bé ngón tay cái. - Hà Nội : Văn học, 2011. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C125B
Số ĐKCB: TN.014202, TN.014203

3394 Anh em nhà đậu. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A107E
Số ĐKCB: TN.014200, TN.014201

3395 Ba chàng hoàng tử. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B100C
Số ĐKCB: TN.014197, TN.014198, TN.014199

3396 Hoàng tử " ước gì được nấy ". - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.014194, TN.014195, TN.014196

3397 Hoàng tử gấu trắng. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.014191, TN.014192, TN.014193

3398 Hoàng tử hạnh phúc. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.014188, TN.014189, TN.014190

3399 Đức vua trẻ tuổi. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ552V
Số ĐKCB: TN.014185, TN.014186, TN.014187

3400 A la đanh và cây đèn thần. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A100L
Số ĐKCB: TN.014182, TN.014183, TN.014184

3401 Hoàng tử và công chúa út. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.014179, TN.014180, TN.014181

3402 Hoàng tử ếch. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.014176, TN.014177, TN.014178

3403 Vi sinh vật và vi khuẩn / Francene Sabin ; Người dịch: Mai Thế Trung. - Hà Nội : Kim đồng,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVN.000222

3404 Chú bò phi thường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.014173, TN.014174, TN.014175

3405 Con quạ gian xảo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430Q
Số ĐKCB: TN.014170, TN.014171, TN.014172

3406 Hai anh em nhà khỉ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H103A
Số ĐKCB: TN.014167, TN.014168, TN.014169

3407 Chú lợn can đảm. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500L
Số ĐKCB: TN.014164, TN.014165, TN.014166

3408 Thiên nga vàng. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TH305N
Số ĐKCB: TN.014161, TN.014162, TN.014163

3409 Chiếc khay vàng. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH303K
Số ĐKCB: TN.014158, TN.014159, TN.014160

3410 Viên ngọc ước. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/V305N
Số ĐKCB: TNVN.000221

3411 Ba người bạn thân. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100N
Số ĐKCB: TN.014155, TN.014156, TN.014157

3412 Cuộc sống quanh em. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2011. - 22tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C514S
Số ĐKCB: TN.014152, TN.014153, TN.014154

3413 Đam San. - Hà Nội, 1996. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TNVN.000161, TNVN.000162, TNVN.000163, TNVN.000164, TNVN.000165, TNVN.000166, TNVN.000167, TNVN.000168, TNVN.000169,

3414 Bé giỏi giao tiếp. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2011. - 22tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B200G
Số ĐKCB: TN.014149, TN.014150, TN.014151

3415 Học phép lịch sự. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2011. - 22tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/H419P
Số ĐKCB: TN.014146, TN.014147, TN.014148

3416 Nhận biết thời gian : Dành cho các bé từ 2 - 5 tuổi. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2011. - 22tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/NH121B
Số ĐKCB: TN.014143, TN.014144, TN.014145

3417 Tin học cho trẻ em : Dành cho học sinh tiểu học / Nguyễn Việt Phước. - Hà Nội : Dân Trí,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.34 14/T311H
Số ĐKCB: TN.014141, TN.014142

3418 Bé học tiếng Anh : Tập tả con vật. - Hà Nội : Nxb, Hà nội, 2011. - 103tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.014139, TN.014140

3419 Bé học tiếng Anh : những bài học. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.014137, TN.014138

3420 Bé học tiếng Anh...6 -7 tuổi. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.014135, TN.014136

3421 Bé học tiếng Anh...7-8 tuổi. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.014133, TN.014134

3422 50 bài luyện nghe tiếng Anh dành cho bé = Năm mươi bài luyện nghe tiếng Anh dành cho bé. - Hà Nội : Bách Khoa, 2011. - 167tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/N114M
Số ĐKCB: TN.014131, TN.014132

3423 50 bài đọc hiểu tiếng Anh cho trẻ em = Năm mươi bài đọc hiểu tiếng Anh cho trẻ em. - Hà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/N113M
Số ĐKCB: TN.014129, TN.014130

3424 Ôn tập ngữ pháp tiếng Anh dành cho học sinh tiểu học. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 179tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.5 14/Ô454T
Số ĐKCB: TN.014127, TN.014128

3425 Luyện đọc tiếng Anh cơ bản : Thích hợp với học sinh tiểu học các lớp. Chỉ cần 10 phút mỗi sáng trước khi đến trường. - Hà Nội, 2011. - 131tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/L527Đ
Số ĐKCB: TN.014125, TN.014126

3426 Tổng hợp kiến thức cơ bản và nâng cao Toán 8. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T455H
Số ĐKCB: TN.014119, TN.014120

3427 Cảm thụ văn học ở tiểu học. - Hà Nội : Giáo dục, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.64 14/C100T
Số ĐKCB: TN.014123, TN.014124

3428 Kỹ năng... Toán 8. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/K600N
Số ĐKCB: TN.014121, TN.014122

3429 Kỹ năng làm bài tập vật lý 8. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/K600N
Số ĐKCB: TN.014117, TN.014118

3430 Những bài văn hay 8. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.014115, TN.014116

3431 Những bài văn hay 7. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.014113, TN.014114

3432 Trọng tâm kiến thức tiếng Anh 7. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/TR431T
Số ĐKCB: TN.014111, TN.014112

3433 Trọng tâm kiến thức tiếng Anh 6. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/TR431T
Số ĐKCB: TN.014109, TN.014110

3434 Lý thuyết và bài tập vật lý 6. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/L600T
Số ĐKCB: TN.014107, TN.014108

3435 Lý thuyết và bài tập sinh học 6. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 570 14/L600T
Số ĐKCB: TN.014105, TN.014106

3436 Những bài văn hay 6. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.014103, TN.014104

3437 Tuyển chọn những bài văn kể chuyện lớp 5 tiểu học. - Hà Nội : Đại học sư phạm, 2011. - tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.62 14/T527C
Số ĐKCB: TN.014101, TN.014102

3438 Hướng dẫn cắt tỉa.... - Hà Nôi : Văn hóa - Thông tin, 2010. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 745.92 14/H561D
Số ĐKCB: TN.011447, TN.011448, TN.011449

3439 Văn kể chuyện - Văn miêu tả 5. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2011. - 115tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 806.7 14/V115K
Số ĐKCB: TN.014099, TN.014100

3440 Văn kể chuyện - Văn miêu tả 4. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2011. - 115tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 806.7 14/V115K
Số ĐKCB: TN.014097, TN.014098

3441 Văn kể chuyện - Văn miêu tả 3. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2011. - 128tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 806.7 14/V115K
Số ĐKCB: TN.014095, TN.014096

3442 Văn kể chuyện - Văn miêu tả 1 - 2. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2011. - 128tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 806.7 14/V115K
Số ĐKCB: TN.014093, TN.014094

3443 Biệt tài nói láo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B308T
Số ĐKCB: TN.014075, TN.014076

3444 999 câu đố vui đồ vật = Chín trăm chín mươi chín câu đố vui đồ vật. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 150tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922802 14/CH311T
Số ĐKCB: TN.014091, TN.014092

3445 Chuyên đề bồi dưỡng Anh 8. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.0076 14/CH527Đ
Số ĐKCB: TN.011444, TN.011445, TN.011446

3446 36 đề ôn luyện toán lớp 3. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 14/B100S
Số ĐKCB: TN.011441, TN.011442, TN.011443

3447 36 đề toán lớp 3. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 14/B100S
Số ĐKCB: TN.011438, TN.011439, TN.011440

3448 999 câu đố vui lịch sử - địa danh = Chín trăm chín mười chín câu đố vui lịch sử - địa danh. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 191tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922802 14/CH311T
Số ĐKCB: TN.014089, TN.014090

3449 Để học tốt tiếng Anh 9 / Nguyễn Thanh Trí, Nguyễn Phương Vy. - Hà nội, 2010. - 134tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428.0076 14/Đ250H
Số ĐKCB: TN.011435, TN.011436, TN.011437

3450 999 câu đố vui thông minh = Chín trăm chín mười chín câu đố vui thông minh. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 191tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922802 14/CH311T
Số ĐKCB: TN.014087, TN.014088

3451 999 câu đố vui loài vật = Chín trăm chín mươi chín câu đố vui loài vật. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 127tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922802 14/CH311T
Số ĐKCB: TN.014085, TN.014086

3452 999 câu đố vui thực vật = Chín trăm chín mươi chín câu đố vui thực vật. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 127tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922802 14/CH311T
Số ĐKCB: TN.014083, TN.014084

3453 Những câu chuyện.... - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.014081, TN.014082

3454 Bị chơi xỏ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B300C
Số ĐKCB: TN.014079, TN.014080

3455 Vua nói khoác. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V501N
Số ĐKCB: TN.014077, TN.014078

3456 Ăn miếng trả miếng. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ă115M
Số ĐKCB: TN.014073, TN.014074

3457 Thầy đồ ăn bánh rán. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH126Đ

Số ĐKCB: TN.014071, TN.014072

3458 Cắn răng mà chịu. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C115R

Số ĐKCB: TN.014069, TN.014070

3459 Yêu quái. - Hà Nôi : Dân Trí, 2011. - 79tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/Y606Q

Số ĐKCB: TN.014067, TN.014068

3460 Phiêu lưu. - Hà Nôi : Dân Trí, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/PH309L

Số ĐKCB: TN.014063, TN.014064

3461 Hướng dẫn học tiếng Anh 6. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/H561D

Số ĐKCB: TN.011432, TN.011433, TN.011434

3462 Phát minh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.014065, TN.014066

3463 Giải vở bài tập tiếng Việt 4. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.011429, TN.011430, TN.011431

3464 Xứ rồng. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 79tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/X550R

Số ĐKCB: TN.014061, TN.014062

3465 100 ca khúc đặc sắc. - Hà Nội : Âm nhạc, 2011. - 140tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 781.42 14/M458T

Số ĐKCB: TN.014059, TN.014060

3466 50 bài hát thiếu niên = Năm mươi bài hát thiếu nên. - Hà Nội : Âm nhạc, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 781.42 14/N114M

Số ĐKCB: TN.014057, TN.014058

3467 Ngày hội của những... / Van Gool's. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.014054, TN.014055, TN.014056

3468 365 chuyện ông kể cháu nghe. - Hà Nội : Dân trí, 2011. - 190tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/B100T
Số ĐKCB: TN.014052, TN.014053

3469 Những câu chuyện cổ tích được yêu thích. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 80tr. ; 30cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.014050, TN.014051

3470 18 18 đồ chơi, 18 cuộc phiêu lưu kỳ thú. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 117tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/M558T
Số ĐKCB: TN.014048, TN.014049

3471 Một đòn chết bẩy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/M458Đ
Số ĐKCB: TN.014044, TN.014045

3472 Con cá vàng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/C430C
Số ĐKCB: TN.014042, TN.014043

3473 Hai anh em. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/H103A
Số ĐKCB: TN.014040, TN.014041

3474 Thỏ con dũng cảm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/TH400C
Số ĐKCB: TN.014038, TN.014039

3475 Cây sáo thần. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/C126S
Số ĐKCB: TN.014036, TN.014037

3476 Những chú chuột. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.014034, TN.014035

3477 Chó sói và bảy chú dê. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.24 14/CH400S
Số ĐKCB: TN.014032, TN.014033

3478 Chuột, thỏ, chồn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/CH519T
Số ĐKCB: TN.014030, TN.014031

3479 Sư tử và chuột nhắt. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/S550T
Số ĐKCB: TN.014028, TN.014029

3480 Chó nhà và chó sói. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/CH400N
Số ĐKCB: TN.014026, TN.014027

3481 Kiến và ve. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/K305V
Số ĐKCB: TN.014024, TN.014025

3482 Thỏ và rùa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/TH400V
Số ĐKCB: TN.014022, TN.014023

3483 Chú chuột nhiều sáng kiến. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.014020, TN.014021

3484 Cáo và quạ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/C108Q
Số ĐKCB: TN.014018, TN.014019

3485 Chú chuột khoe khoang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.014016, TN.014017

3486 Bí mật của trái đất : Dành cho trẻ 5 - 10 tuổi. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 23tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 550 14/B300M
Số ĐKCB: TN.014014, TN.014015

3487 Phù thủy hắc ám : Dành cho trẻ 5 - 8 tuổi. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 28tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/PH500T
Số ĐKCB: TN.014012, TN.014013

3488 Những ảo giác diệu kỳ : Dành cho trẻ 8-13 tuổi. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 31tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793 14/NH556A
Số ĐKCB: TN.014010, TN.014011

3489 Những loài vật vô địch thế giới : Dành cho trẻ 5-10 tuổi. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 31tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/NH556L
Số ĐKCB: TN.014008, TN.014009

3490 Mắt mũi chân tay của ai thế nhỉ ? : Dành cho trẻ 3-8 tuổi. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 24tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793 14/M118M
Số ĐKCB: TN.014006, TN.014007

3491 Elmer và người bạn. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 33tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.014004, TN.014005

3492 Elmer và cầu vòng. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 33tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.014002, TN.014003

3493 Elmer và bướm. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 33tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.014000, TN.014001

3494 Elmer và rắn. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 33tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.013998, TN.013999

3495 Elmer Elmer. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 33tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.013996, TN.013997

3496 Elmer và Rose. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 33tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.013994, TN.013995

3497 Elmer và Wilbur. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 31tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.013992, TN.013993

3498 Elmer và chú gấu bông thất lạc. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 29tr. ; 25cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/E-200L
Số ĐKCB: TN.013990, TN.013991

3499 Sinh vật : Tri thức vàng cho em / Hồng Đức t.s. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2010. - 176tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 570 23/H401H
Số ĐKCB: TN.011426, TN.011427, TN.011428

3500 Toán học : Tri thức vàng cho em / Hồng Đức t.s. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2009. - 176tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 23/H401H
Số ĐKCB: TN.011423, TN.011424, TN.011425

3501 Vật lý : Tri thức vàng cho em / Hồng Đức t.s. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2009. - 176tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 23/H401H
Số ĐKCB: TN.011420, TN.011421, TN.011422

3502 Hoàng tử khỏe vô địch / Phương Dương d.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 252tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.011412, TN.011413

3503 Lợn anh và lợn em. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/L464A
Số ĐKCB: TN.013988, TN.013989

3504 Mèo con ích kỷ. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/M205C
Số ĐKCB: TN.013986, TN.013987

3505 Khỉ con ham học. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/KH300C
Số ĐKCB: TN.013984, TN.013985

3506 Rắn con đã lớn. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/R115C
Số ĐKCB: TN.013982, TN.013983

3507 Cô chó hạnh phúc. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/C450C
Số ĐKCB: TN.013980, TN.013981

3508 Chú rồng vui vẻ. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/CH500R
Số ĐKCB: TN.013978, TN.013979

3509 Hổ con xinh đẹp. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/H450C
Số ĐKCB: TN.013976, TN.013977

3510 Chú chuột phiêu lưu. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.013974, TN.013975

3511 Gà em biết bay. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/G100E
Số ĐKCB: TN.013972, TN.013973

3512 Chú trâu kiêu ngạo. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/CH500T
Số ĐKCB: TN.013970, TN.013971

3513 Chú ngựa vạn dặm. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/CH500N
Số ĐKCB: TN.013968, TN.013969

3514 Dê con nghĩa hiệp. - Hà Nội : Dân Trí, 2011. - 39tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,1 14/D250C
Số ĐKCB: TN.013966, TN.013967

3515 Những con vật trung thành / Phương Phương d.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 258tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.011410, TN.011411

Bộ sưu tập những điều thú vị cho thiếu nhi / Morgan Matthew. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 175tr. ; 21cm

3516 Bộ sưu tập những điều thú vị cho thiếu nhi / Morgan Matthew. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 175tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/B450S
Số ĐKCB: TN.013964, TN.013965

Bộ sưu tập những điều thú vị cho thiếu nhi / Morgan Matthew. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 175tr. ; 21cm

3517 Bộ sưu tập những điều thú vị cho thiếu nhi / Morgan Matthew. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 175tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/B450S
Số ĐKCB: TN.013962, TN.013963

Bộ sưu tập những điều thú vị cho thiếu nhi / Morgan Matthew. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 175tr. ; 21cm

3518 Bộ sưu tập những điều thú vị cho thiếu nhi / Morgan Matthew. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 175tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/B450S
Số ĐKCB: TN.013960, TN.013961

3519 Câu chuyện về vua cò / Phương Dương d.. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2021. - 260tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C125C
Số ĐKCB: TN.011405, TN.011406

3520 Cổ tích về các nàng tiên. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450T
Số ĐKCB: TN.013958, TN.013959

3521 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Động vật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.013955, TN.013956, TN.013957

3522 Những mẫu chuyện lịch sử : Dành cho học sinh tiểu học / Lê Đình Hà. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 88tr. ; 24cm
Những mẫu chuyện lịch sử : Dành cho học sinh tiểu học / Lê Đình Hà. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 88tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.89 14/NH556M
Số ĐKCB: TN.011402, TN.011403, TN.011404

3523 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Đồ vật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.013952, TN.013953, TN.013954

3524 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Trái cây. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.013949, TN.013950, TN.013951

3525 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Đồ ăn. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/B200H
Số ĐKCB: TN.013946, TN.013947, TN.013948

3526 Bé nặn người - Búp bê / Lý Hồng Ba. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2007. - 52tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.5 14/B200N
Số ĐKCB: TN.011399, TN.011400, TN.011401

3527 100 ca khúc đặc sắc thiếu nhi với Bác Hồ = Một trăm ca khúc đặc sắc thiếu nhi với Bác Hồ. - Hà Nội : Âm nhạc, 2011. - 140tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 782.42 14/M458T
Số ĐKCB: TN.013943, TN.013944, TN.013945

3528 Bé nặn đồ vật / Lý Hồng Ba. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2007. - 52tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.5 14/B200N
Số ĐKCB: TN.011396, TN.011397, TN.011398

3529 Bé nặn cây, hoa, quả / Lý Hồng Ba. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2007. - 52tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.5 14/B200N
Số ĐKCB: TN.011393, TN.011394, TN.011395

3530 Bé nặn con vật / Lý Hồng Ba. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2006. - 50 tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.5 14/B200N
Số ĐKCB: TN.011390, TN.011391, TN.011392

3531 Truyện cho bé tập nói. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.013940, TN.013941, TN.013942

3532 Tò mò về quê. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Tò mò về quê. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T400M
Số ĐKCB: TN.013922, TN.013923, TN.013924

3533 Chiếc hộp gia bảo - Chuyện ở... / Võ Thị Xuân Hà. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2005. - 154tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922334 CH303H
Số ĐKCB: TN.011388, TN.011389

3534 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - tập ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011354

3535 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011381

3536 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - tập ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011379, TN.011380

3537 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011377, TN.011378

3538 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011375, TN.011376

3539 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011374

3540 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011372, TN.011373

3541 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011370, TN.011371

3542 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011369

3543 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011368

3544 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011367

3545 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011366

3546 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011365

3547 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011363, TN.011364

3548 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011361, TN.011362

3549 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011360

3550 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011359

3551 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011357, TN.011358

3552 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011356

3553 Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Trạng Quỳnh / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.011355

3554 Tò mò trên trời đươi đất. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tò mò trên trời đươi đất. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T400M
Số ĐKCB: TN.013937, TN.013938, TN.013939

3555 Tò mò từ nhà ra ngõ. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tò mò từ nhà ra ngõ. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T400M
Số ĐKCB: TN.013934, TN.013935, TN.013936

3556 Tò mò và những ngày lễ. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tò mò và những ngày lễ. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T400M
Số ĐKCB: TN.013931, TN.013932, TN.013933

3557 Tò mò nhiều chuyện. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tò mò nhiều chuyện. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 51tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T400M
Số ĐKCB: TN.013928, TN.013929, TN.013930

3558 Tò mò và những.... - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Tò mò và những.... - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T400M
Số ĐKCB: TN.013925, TN.013926, TN.013927

3559 Tò mò và các bạn. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Tò mò và các bạn. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T400M
Số ĐKCB: TN.013919, TN.013920, TN.013921

3560 Ngộ nghĩnh tò mò. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Ngộ nghĩnh tò mò. - Hà Nội : Thời Đại, 2011. - 48tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/NG450NG
Số ĐKCB: TN.013916, TN.013917, TN.013918

3561 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013913, TN.013914, TN.013915

3562 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013910, TN.013911, TN.013912

3563 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013907, TN.013908, TN.013909

3564 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013904, TN.013905, TN.013906

3565 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013901, TN.013902, TN.013903

3566 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013898, TN.013899, TN.013900

3567 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013895, TN.013896, TN.013897

3568 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013892, TN.013893, TN.013894

3569 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013889, TN.013890, TN.013891

3570 Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Những nhân vật thông minh tài trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 152tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556NH
Số ĐKCB: TN.013886, TN.013887, TN.013888

3571 Ở trọ nơi xa lạ. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ơ460T
Số ĐKCB: TN.013324, TN.013325

3572 Ở trọ nơi xa lạ. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ơ460T
Số ĐKCB: TN.013322, TN.013323

3573 Cái vỏ ốc xa quê. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 139tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C103V
Số ĐKCB: TN.013883, TN.013884, TN.013885

3574 Tý - sún chú khủng long. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ, 2011. - 31tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/T600S
Số ĐKCB: TN.013880, TN.013881, TN.013882

3575 Chú thỏ rắc rối. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ, 2011. - 31tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH500T
Số ĐKCB: TN.013877, TN.013878, TN.013879

3576 Món quà giáng sinh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/M430Q
Số ĐKCB: TN.013874, TN.013875, TN.013876

3577 Hãy làm hòa nào !. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ, 2011. - 31tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/H112L
Số ĐKCB: TN.013871, TN.013872, TN.013873

3578 Kho cỏ bốc cháy. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/KH400C

Số ĐKCB: TN.013868, TN.013869, TN.013870

3579 Chú chó chăn cừu ngớ ngẩn. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH500C

Số ĐKCB: TN.013865, TN.013866, TN.013867

3580 Ngày họp chợ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NG112H

Số ĐKCB: TN.013862, TN.013863, TN.013864

3581 Đi cắm trại. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ300C

Số ĐKCB: TN.013859, TN.013860, TN.013861

3582 Những vị khách bất ngờ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NH556V

Số ĐKCB: TN.013856, TN.013857, TN.013858

3583 Lợn con mắc kẹt. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/L464C

Số ĐKCB: TN.013853, TN.013854, TN.013855

3584 Ngựa Douy và con tàu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NG551Đ

Số ĐKCB: TN.013841, TN.013842, TN.013843

3585 Chiếc tàu hơi nước. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH303T

Số ĐKCB: TN.013850, TN.013851, TN.013852

3586 Chú ngựa non. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH500N

Số ĐKCB: TN.013847, TN.013848, TN.013849

3587 Chuyến đi tàu của Rusty. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 18tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH527Đ

Số ĐKCB: TN.013844, TN.013845, TN.013846

3588 Hoàng tử bé / Xanh Ê-xu-pê-ri. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 212tr. ; 16cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/H407T
Số ĐKCB: TN.013838, TN.013839, TN.013840

3589 Khu vườn bí mật / Frăngxít Hốtxơn Bơnét. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 216tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808 14/KH500V
Số ĐKCB: TN.013835, TN.013836, TN.013837

3590 Rô-mê-ô và Giu-li-ét / W. Sếchxpia. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 216tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/R450M
Số ĐKCB: TN.013832, TN.013833, TN.013834

Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
3591 Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011352, TN.011353

Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
3592 Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011350, TN.011351

Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
3593 Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011348, TN.011349

Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
3594 Nàng búp bê xinh đẹp: Khu rừng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011346, TN.011347

3595 Cô bé tóc đỏ / Lu-xi Mô Mông-gô-mơ-ri. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 212tr. ; 16cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/C450B
Số ĐKCB: TN.013829, TN.013830, TN.013831

3596 Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011344, TN.011345

3597 Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011342, TN.011343

3598 Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011340, TN.011341

3599 Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Nàng búp bê xinh đẹp: Bí mật... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011338, TN.011339

3600 Bá tước Mông - tơ Crit - xtô / Alêch - Xan -Drơ Duy -Ma. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 237tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B100T
Số ĐKCB: TN.013826, TN.013827, TN.013828

Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
3601 Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011336, TN.011337

Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
3602 Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011334, TN.011335

Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
3603 Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011332, TN.011333

Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm

3604 Nàng búp bê xinh đẹp: Bước chân... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B

Số ĐKCB: TN.011330, TN.011331

Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

3605 Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B

Số ĐKCB: TN.011328, TN.011329

Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

3606 Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B

Số ĐKCB: TN.011326, TN.011327

Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

3607 Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B

Số ĐKCB: TN.011324, TN.011325

Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

3608 Nàng búp bê xinh đẹp: Ngọn tháp ma thuật / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B

Số ĐKCB: TN.011322, TN.011323

Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm

3609 Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B

Số ĐKCB: TN.011320, TN.011321

Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm

3610 Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011318, TN.011319

Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
3611 Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011316, TN.011317

Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
3612 Nàng búp bê xinh đẹp: Công chúa... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 62tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011314, TN.011315

3613 Hai vạn dặm dưới đáy biển / Giuyn Vec - Nơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/H103V
Số ĐKCB: TN.013823, TN.013824, TN.013825

Nàng búp bê xinh đẹp: Chuyện chàng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
3614 Nàng búp bê xinh đẹp: Chuyện chàng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011312, TN.011313

Nàng búp bê xinh đẹp: Chuyện chàng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
3615 Nàng búp bê xinh đẹp: Chuyện chàng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011310, TN.011311

Nàng búp bê xinh đẹp: Chuyện chàng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
3616 Nàng búp bê xinh đẹp: Chuyện chàng... / Smile. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/N106B
Số ĐKCB: TN.011308, TN.011309

3617 Rô-Bin-Xơn Cơ - Ru - Xô / Da-Ni-En Dê-Phô. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/R450B
Số ĐKCB: TN.013820, TN.013821, TN.013822

3618 Nỗi niềm anh trông trẻ / Marie-Aude Murail. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa nghệ thuật, 2011. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/N452B
Số ĐKCB: TN.013817, TN.013818, TN.013819

3619 Đội thiếu niên du kích Thành Huế / Văn Tùng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 207tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452T
Số ĐKCB: TN.013814, TN.013815, TN.013816

3620 Đội thiếu niên tình báo Bát Sắt / Phạm Thắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 163tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452T
Số ĐKCB: TN.013811, TN.013812, TN.013813

3621 Đội thiếu niên du kích Đình Bảng / Xuân Sách. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 299tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452T
Số ĐKCB: TN.013808, TN.013809, TN.013810

3622 Máy bay trực thăng. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013805, TN.013806, TN.013807

3623 Đầu máy màu tím. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013802, TN.013803, TN.013804

3624 Đầu máy hơi nước. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013799, TN.013800, TN.013801

3625 Đầu máy màu đỏ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013796, TN.013797, TN.013798

3626 Đầu máy nhỏ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013793, TN.013794, TN.013795

3627 Đầu máy lớn. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013790, TN.013791, TN.013792

3628 Đầu máy có hai mặt. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013787, TN.013788, TN.013789

3629 Đầu máy màu xanh da trời. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013784, TN.013785, TN.013786

3630 Đầu máy màu xanh lá cây. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/Đ125M
Số ĐKCB: TN.013781, TN.013782, TN.013783

3631 Bác kiểm soát béo. - Hà Nội : Phụ nữ, 2011. - 28tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/B101K
Số ĐKCB: TN.013778, TN.013779, TN.013780

Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

3632 Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011306, TN.011307

Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

3633 Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011304, TN.011305

Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

3634 Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011302, TN.011303

Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

3635 Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011300, TN.011301

Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

3636 Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011298, TN.011299

Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

3637 Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.011296, TN.011297

Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

3638 Thần đồng đất Việt khoa học / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.011294, TN.011295

3639 Cô nhóc Tiểu Anh Đào : Táo xanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450N

Số ĐKCB: TN.013776, TN.013777

3640 Cô nhóc Tiểu Anh Đào : Dưa hấu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450N

Số ĐKCB: TN.013774, TN.013775

3641 Cô nhóc Tiểu Anh Đào : Chuối vàng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450N

Số ĐKCB: TN.013772, TN.013773

3642 Cô nhóc Tiểu Anh Đào : Cam tươi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450N

Số ĐKCB: TN.013770, TN.013771

3643 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm

Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ

Số ĐKCB: TN.011292, TN.011293

3644 Cô nhóc Tiểu Anh Đào : Dứa thơm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450N

Số ĐKCB: TN.013768, TN.013769

3645 Cô nhóc Tiểu Anh Đào : Đào ngọt. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450N

Số ĐKCB: TN.013766, TN.013767

3646 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011290, TN.011291

3647 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011288, TN.011289

3648 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011286, TN.011287

3649 Thần đồng đất Việt / Quỳnh Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - tập ; 19 cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011284, TN.011285

3650 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011282, TN.011283

3651 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011280, TN.011281

3652 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011278, TN.011279

3653 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011276, TN.011277

3654 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011274, TN.011275

3655 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011272, TN.011273

3656 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011270, TN.011271

3657 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011268, TN.011269

3658 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011266, TN.011267

3659 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011264, TN.011265

3660 Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Huỳnh Hải. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011262, TN.011263

3661 Thần đồng đất Việt / Quỳnh Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Quỳnh Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011260, TN.011261

3662 Thần đồng đất Việt / Quỳnh Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Quỳnh Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011258, TN.011259

3663 Thần đồng đất Việt / Quỳnh Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt / Quỳnh Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011256, TN.011257

3664 Bu bu đi sở thú. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Bu bu đi sở thú. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013754, TN.013755

3665 Bu bu thương em. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Bu bu thương em. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013750, TN.013751

3666 Cô nhóc Tiểu Anh Đào : Dâu tây. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450N
Số ĐKCB: TN.013764, TN.013765

3667 Bu bu xin lỗi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Bu bu xin lỗi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013762, TN.013763

3668 Bu bu ganh tỵ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Bu bu ganh tỵ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013760, TN.013761

3669 Bu bu đi tựu trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Bu bu đi tựu trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013758, TN.013759

3670 Bu bu về quê. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Bu bu về quê. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013756, TN.013757

3671 Bu bu thích ăn kẹo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Bu bu thích ăn kẹo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013752, TN.013753

3672 Chuyến phiêu lưu tại rạp xiếc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/CH527P
Số ĐKCB: TN.013748, TN.013749

3673 Đại chiến ở bảo tàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/Đ103C
Số ĐKCB: TN.013746, TN.013747

3674 Ánh sáng, máy quay, diễn !. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/A107S
Số ĐKCB: TN.013744, TN.013745

3675 Oái cướp biển. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/O404C
Số ĐKCB: TN.013742, TN.013743

3676 Cuộc diễu hành. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/C514D

Số ĐKCB: TN.013740, TN.013741

3677 Chuyến tàu phương Đông. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/CH527T

Số ĐKCB: TN.013738, TN.013739

3678 Siêu quậy phá nhà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/S309Q

Số ĐKCB: TN.013736, TN.013737

3679 Đường đua. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/Đ561Đ

Số ĐKCB: TN.013734, TN.013735

3680 Trận đấu kết thúc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/TR121Đ

Số ĐKCB: TN.013732, TN.013733

3681 Đêm nóng trên sa mạc Sahara. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/Đ253N

Số ĐKCB: TN.013730, TN.013731

3682 Tiểu Pudding : Chơi tới bến đi.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P

Số ĐKCB: TN.013728, TN.013729

3683 Tiểu Pudding : Tiến lên đoàn thám hiểm. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P

Số ĐKCB: TN.013726, TN.013727

3684 Tiểu Pudding : Tranh thủ làm học sinh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P

Số ĐKCB: TN.013724, TN.013725

3685 Tiểu Pudding : Trở về thời cổ đại. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P

Số ĐKCB: TN.013722, TN.013723

3686 Tiểu Pudding : Một mình trong.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P
Số ĐKCB: TN.013720, TN.013721

3687 Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/TH462T
Số ĐKCB: TN.013718, TN.013719

3688 Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/TH462T
Số ĐKCB: TN.013716, TN.013717

3689 Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/TH462T
Số ĐKCB: TN.013714, TN.013715

3690 Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tập ; 21cm
Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/TH462T
Số ĐKCB: TN.013712, TN.013713

3691 Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tập ; 21cm
Thời thơ ấu của các thiên tài / Sin Ueng Seop. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 161tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/TH462T
Số ĐKCB: TN.013710, TN.013711

Những vụ phá án ly kỳ của thám tử Sherlock Holmes. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 199tr. ; 21cm

3692 Những vụ phá án ly kỳ của thám tử Sherlock Holmes. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 199tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.013706, TN.013707

Những cuộc phá án ly kỳ của thám tử Sherlock Holmes. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 199tr. ; 21cm

3693 Những cuộc phá án ly kỳ của thám tử Sherlock Holmes. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 199tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.013708, TN.013709

3694 Ở trọ nơi xa lạ / Ha Sung - Hyon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Ở trọ nơi xa lạ / Ha Sung - Hyon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/Ơ460T
Số ĐKCB: TN.013704, TN.013705

3695 Ở trọ nơi xa lạ / Ha Sung - Hyon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Ở trọ nơi xa lạ / Ha Sung - Hyon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/Ơ460T
Số ĐKCB: TN.013702, TN.013703

3696 Ở trọ nơi xa lạ / Ha Sung - Hyon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Ở trọ nơi xa lạ / Ha Sung - Hyon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/Ơ460T
Số ĐKCB: TN.013700, TN.013701

3697 Ngôi sao tình yêu / Kim Si - Yeon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Ngôi sao tình yêu / Kim Si - Yeon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.013699

3698 Ngôi sao tình yêu / Kim Si - Yeon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Ngôi sao tình yêu / Kim Si - Yeon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.013698

3699 Ngôi sao tình yêu / Kim Si - Yeon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Ngôi sao tình yêu / Kim Si - Yeon. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.013697

3700 Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013695, TN.013696

3701 Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013693, TN.013694

3702 Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013691, TN.013692

3703 Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường / Joong Hye - Na. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013689, TN.013690

3704 Ánh sao đêm II. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/A107S
Số ĐKCB: TN.013687, TN.013688

3705 Ánh sao đêm II. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/A107S
Số ĐKCB: TN.013685, TN.013686

3706 Ánh sao đêm II. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/A107S
Số ĐKCB: TN.013683, TN.013684

3707 Ánh sao đêm II. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/A107S
Số ĐKCB: TN.013681, TN.013682

3708 Ánh sao đêm / Hiro Matsuba. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/A107S
Số ĐKCB: TN.013679, TN.013680

3709 Ánh sao đêm / Hiro Matsuba. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/A107S
Số ĐKCB: TN.013677, TN.013678

3710 Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013675, TN.013676

3711 Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013673, TN.013674

3712 Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013671, TN.013672

3713 Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013669, TN.013670

3714 Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013667, TN.013668

3715 Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tập ; 17cm
Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013665, TN.013666

3716 Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tập ; 17cm
Ô long viện vườn thú hiếm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 103tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013663, TN.013664

3717 Thần đồng đất việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 9 tập ; 19cm
Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011254, TN.011255

3718 Ô long viện gia đình vui. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Ô long viện gia đình vui. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013661, TN.013662

3719 Ô long viện gia đình vui. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Ô long viện gia đình vui. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013659, TN.013660

3720 Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011252, TN.011253

3721 Ô long viện gia đình vui. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Ô long viện gia đình vui. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013657, TN.013658

3722 Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011250, TN.011251

3723 Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011248, TN.011249

3724 Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm
Thần đồng đất Việt : Mỹ thuật / Hoàng Sơn; Quỳnh Nga tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hoá Sài Gòn, 2009. - 38tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH121Đ
Số ĐKCB: TN.011246, TN.011247

3725 Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. : tranh màu ; 17cm
Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013655, TN.013656, TN.014350, TN.014351

3726 Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. : tranh màu ; 17cm
Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013653, TN.013654, TN.014348, TN.014349

3727 Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tập ; cm
Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013651, TN.013652, TN.014346, TN.014347

3728 Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tập ; cm
Ô Long viện đại chiến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. : tranh màu ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013649, TN.013650, TN.014344, TN.014345

3729 Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013647, TN.013648

3730 Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013645, TN.013646

3731 Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013643, TN.013644

3732 Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Ô Long viện truyện nhi đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 123tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013641, TN.013642

3733 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011244, TN.011245

3734 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011242, TN.011243

3735 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011240, TN.011241

3736 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011238, TN.011239

3737 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011236, TN.011237

3738 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011234, TN.011235

3739 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011232, TN.011233

3740 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011230, TN.011231

3741 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011228, TN.011229

3742 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011226, TN.011227

3743 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011224, TN.011225

3744 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011222, TN.011223

3745 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011220, TN.011221

3746 Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 90tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.011218, TN.011219

3747 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011216, TN.011217

3748 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011214, TN.011215

3749 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011212, TN.011213

3750 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011210, TN.011211

3751 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011208, TN.011209

3752 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011206, TN.011207

3753 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011204, TN.011205

3754 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011202, TN.011203

3755 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011200, TN.011201

3756 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011198, TN.011199

3757 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011196, TN.011197

3758 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011194, TN.011195

3759 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011192, TN.011193

3760 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011190, TN.011191

3761 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011188, TN.011189

3762 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011186, TN.011187

3763 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011184, TN.011185

3764 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011182, TN.011183

3765 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011180, TN.011181

3766 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011178, TN.011179

3767 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011176, TN.011177

3768 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011174, TN.011175

3769 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011172, TN.011173

3770 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011170, TN.011171

3771 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011168, TN.011169

3772 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011166, TN.011167

3773 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011164, TN.011165

3774 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011162, TN.011163

3775 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011160, TN.011161

3776 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011158, TN.011159

3777 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011156, TN.011157

3778 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011154, TN.011155

3779 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011152, TN.011153

3780 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011150, TN.011151

3781 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011148, TN.011149

3782 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011146, TN.011147

3783 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011144, TN.011145

3784 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011142, TN.011143

3785 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011140, TN.011141

3786 Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Bầy thú kỳ diệu / Tajiri Satoshi. - Tp. Hồ Chí Minh : Văn hóa Sài Gòn, 2009. - 40tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B126
Số ĐKCB: TN.011138, TN.011139

3787 Đội cảnh sát tí hon / Phatsakorn Kritsama. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 203tr. ; 18cm
Đội cảnh sát tí hon / Phatsakorn Kritsama. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 203tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ452C
Số ĐKCB: TN.020774, TN.020775, TNVN.002156

3788 Lớp học rắc rối : Tập truyện ngắn / Ngọc Phụng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 143tr. ; 17cm. - (Tủ sách mới lớn)
Lớp học rắc rối : Tập truyện ngắn / Ngọc Phụng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 143tr. ; 17cm. - (Tủ sách mới lớn)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L466H
Số ĐKCB: TN.020772, TN.020773, TNVN.002110

3789 Matilda - Cô bé nghịch ngợm / Roald Dahl, Nguyễn Thị Bích Nga d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 1999.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/M100T
Số ĐKCB: TN.020759, TNVN.000233

3790 Hiệp sĩ Ivanhoe / Walter Scott. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 151tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H307S
Số ĐKCB: TN.018546, TN.018547, TN.020762, TNVN.001050

3791 Tôn Tử - Một thiên tài quân sự / Dương Diên Hồng. - Cà Mau : Nxb. Mũi Cà Mau, 1999. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 355.0092 14/T454T
Số ĐKCB: TN.020760, TN.020761, TNVN.001043

3792 Cái cây có cánh buồm đỏ / Vanda Khôtômska. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 74tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/C103C
Số ĐKCB: TN.020764, TN.020765, TNVN.001343, TNVN.001344

3793 Cô bé lười biếng / Trang Đan. - Hà Nội : Thanh niên, 2002. - 176tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.020768, TNVN.001569

3794 Mụ thầy bói : Những chuyện kỳ bí của Stine / Stine, R.L.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 151tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/M500T
Số ĐKCB: TN.018732, TN.018733, TN.020769, TN.020770, TNVN.001623

3795 Xiếc hổ : Tập truyện ngắn chọn lọc / Xuân Sách. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 127tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X303H
Số ĐKCB: TN.018444, TN.018445, TN.018803, TN.018804, TN.020771

3796 Thung lũng địa ngục / Lê Quang Bình. - Hà Nội : Thanh niên, 2001. - 180tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH513L
Số ĐKCB: TN.020514, TN.020529, TNVN.001530, TNVN.001531

3797 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013639, TN.013640

3798 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013637, TN.013638

3799 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013635, TN.013636

3800 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013633, TN.013634

3801 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013631, TN.013632

3802 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013629, TN.013630

3803 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013627, TN.013628

3804 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013625, TN.013626

3805 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013623, TN.013624

3806 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013621, TN.013622

3807 Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Ô long viện Bộ Kinh Điển / Au Yao Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 119tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013619, TN.013620

3808 Tuyệt thế thần binh / Hoàng Ngọc Lan; Khưu Phúc Long mỹ thuật. - Hà Nội, 2009. - 132tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T528T
Số ĐKCB: TN.011136, TN.011137

3809 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013617, TN.013618

3810 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013615, TN.013616

3811 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013613, TN.013614

3812 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013611, TN.013612

3813 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013609, TN.013610

3814 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013607, TN.013608

3815 Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện siêu buồn cười / Au Yao-Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013605, TN.013606

3816 Ô long viện / Au Yao - Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện / Au Yao - Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013603, TN.013604

3817 Ô long viện / Au Yao - Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện / Au Yao - Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013601, TN.013602

3818 Ô long viện / Au Yao - Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Ô long viện / Au Yao - Hsing. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/Ô450L
Số ĐKCB: TN.013599, TN.013600

3819 Đôrêmon thêm siêu đạo / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011135

3820 Đôrêmon thêm chuyến tàu / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011134

3821 Đôrêmon thêm vương quốc / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011132, TN.011133

3822 Đôrêmon đại chiến / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011130, TN.011131

3823 Đôrêmon thành phố... / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011128, TN.011129

Đôrêmon bóng chày / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - tập ; 18cm

3824 Đôrêmon bóng chày / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011126, TN.011127

Đôrêmon bóng chày / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 192tr. ; 18cm

3825 Đôrêmon bóng chày / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011124, TN.011125

Đôrêmon bóng chày / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 192tr. ; 18cm

3826 Đôrêmon bóng chày / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 192tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011122, TN.011123

3827 Những cô em gái / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.013597, TN.013598

3828 Buổi chiều Windows / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B515C
Số ĐKCB: TN.013595, TN.013596

3829 Chú bé rắc rối / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.013593, TN.013594

3830 Mắt biếc / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M118B
Số ĐKCB: TN.013591, TN.013592

3831 Bong bóng lên trời / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B431B
Số ĐKCB: TN.013589, TN.013590

3832 Nữ sinh / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N550S
Số ĐKCB: TN.013587, TN.013588

3833 Hoa hồng xứ khác / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H401
Số ĐKCB: TN.013585, TN.013586

3834 Ngôi trường mọi khi / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452T
Số ĐKCB: TN.013583, TN.013584

3835 Chuyện cổ tích dành cho người lớn / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.013581, TN.013582

3836 Đôrêmon - Hành trình qua dải Ngân Hà / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm
Đôrêmon - Hành trình qua dải Ngân Hà / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011120, TN.011121

3837 Đôrêmon - Hành trình qua dải Ngân Hà / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm

Đôrêmon - Hành trình qua dải Ngân Hà / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011118, TN.011119

3838 Trước vòng chung kết / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR557V
Số ĐKCB: TN.013579, TN.013580

3839 Những chàng trai xấu tính / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.013577, TN.013578

3840 Thiên thần nhỏ của tôi / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.013575, TN.013576

3841 Đôrêmon - đi tìm miền đất mới / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm

Đôrêmon - đi tìm miền đất mới / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011116, TN.011117

3842 Đi qua hoa cúc / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ300Q
Số ĐKCB: TN.013573, TN.013574

3843 Đôrêmon - đi tìm miền đất mới / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm

Đôrêmon - đi tìm miền đất mới / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011114, TN.011115

3844 Hạ đỏ / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H100Đ
Số ĐKCB: TN.013571, TN.013572

3845 Siêu báo daily star. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808 14/S309B
Số ĐKCB: TN.013569, TN.013570

3846 Nữ quái Calamity Jane. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808 14/N550Q
Số ĐKCB: TN.013567, TN.013568

3847 Hôn thê của Lucky Luke. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808 14/H454T
Số ĐKCB: TN.013565, TN.013566

3848 Đoàn lữ hành. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808 14/Đ406L
Số ĐKCB: TN.013563, TN.013564

3849 Bàn tay nhóm. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B105T
Số ĐKCB: TN.013561, TN.013562

3850 Gả săn tiền thưởng. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G100S
Số ĐKCB: TN.013559, TN.013560

3851 Tại sao con là con gái ?. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T103S
Số ĐKCB: TN.013556, TN.013557, TN.013558

3852 Con sinh ra từ đâu ?. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C430S
Số ĐKCB: TN.013553, TN.013554, TN.013555

3853 Tại sao con là con trai ?. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T103S
Số ĐKCB: TN.013550, TN.013551, TN.013552

3854 Con là của bố và mẹ. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C430L
Số ĐKCB: TN.013547, TN.013548, TN.013549

3855 Luyện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh / Hoàng Sĩ Phương. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Luyện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh / Hoàng Sĩ Phương. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.4 14/L527K
Số ĐKCB: TN.013544, TN.013545, TN.013546

3856 Luyện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh / Hoàng Sĩ Phương. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Luyện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh / Hoàng Sĩ Phương. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.4 14/L527K
Số ĐKCB: TN.013541, TN.013542, TN.013543

3857 Những bài văn hay 7 / Võ Thị Hoài Tâm. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.013520, TN.013521, TN.013522

3858 Đôrêmon - cuộc phiêu lưu đến đảo giấu vàng / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm
Đôrêmon - cuộc phiêu lưu đến đảo giấu vàng / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011112, TN.011113

3859 Đôrêmon - cuộc phiêu lưu đến đảo giấu vàng / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm
Đôrêmon - cuộc phiêu lưu đến đảo giấu vàng / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011110, TN.011111

3860 150 bài tập luyện thi tiếng Anh cuối cấp cho học sinh trung học / Thanh Hà. - Hà Nội : Dân Trí, 2010. - 219tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.076 14/M458t
Số ĐKCB: TN.013539, TN.013540

3861 Sổ tay mẹ và bé cùng học... / Việt Anh. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.013537, TN.013538

3862 100 dàn bài chi tiết làm văn 9 = Một trăm dàn bài chi tiết làm văn 9 / Lê Thị Mỹ Trinh. - Hà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807 14/M458T
Số ĐKCB: TN.013532, TN.013533, TN.013534

3863 Những bài văn hay, đặc sắc 7 / Võ Thị Hoài Tâm. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.013531

3864 Những bài văn hay, đặc sắc 8 / Võ Thị Hoài Tâm. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.013529, TN.013530

3865 Những bài văn hay 8 / Võ Thị Hoài Tâm. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.013526, TN.013527, TN.013528

3866 100 dàn bài chi tiết làm văn 7 = Một trăm dàn bài chi tiết làm văn 7 / Lê, Thị Mỹ Trinh. - Hà
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807 14/M458T
Số ĐKCB: TN.013523, TN.013524, TN.013525

3867 270 đề và bài văn mẫu 5 = Hai trăm bảy mươi đề và bài văn mẫu 5 / Lê, Thị Mỹ Trinh. - Hà
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.62 14/H103T
Số ĐKCB: TN.013517, TN.013518, TN.013519

3868 Giải toán và ôn luyện hình học 9 / Nguyễn Đức Chí. - Hà Nội, 2010. - 246tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 516 14/GI-103T
Số ĐKCB: TN.013516

3869 Giải toán và ôn luyện đại số 9 / Nguyễn Đức Chí. - Hà Nội, 2010. - 246tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 512 14/GI-103T
Số ĐKCB: TN.013514, TN.013515

3870 Phân loại và hướng dẫn giải các chuyên đề hóa học 9 / Huỳnh Văn Út. - Hà Nội : Giáo Dục,
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 546 14/PH121L
Số ĐKCB: TN.013511, TN.013512, TN.013513

3871 Lời giải đề thi... hóa học 9 / Huỳnh Văn Út. - Hà Nội : Giáo Dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 546 14/L462G
Số ĐKCB: TN.013508, TN.013509, TN.013510

3872 Phân loại và hướng dẫn các chuyên đề hóa học 8 / Huỳnh Văn Út. - Hà Nội : Giáo Dục, 2010. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 546.076 14/PH121L
Số ĐKCB: TN.013505, TN.013506, TN.013507

3873 Bài tập hay và khó hóa học 8 / Huỳnh Văn Út. - Hà Nội, 2010. - 215tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 546.076 14/B103T
Số ĐKCB: TN.013502, TN.013503, TN.013504

3874 Luyện kĩ năng giải toán hoá học 9 / Huỳnh Văn Út. - Hà Nội, 2010. - 215tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 546.076 14/L527K
Số ĐKCB: TN.013499, TN.013500, TN.013501

3875 Học tốt vật lí 9 / Hoàng Tú. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/H419T
Số ĐKCB: TN.013496, TN.013497, TN.013498

3876 Học tốt vật lí 6 / Hoàng Tú. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/H419T
Số ĐKCB: TN.013493, TN.013494, TN.013495

3877 Đôrêmon - Lạc vào thế giới côn trùng / Fujiko. F. Fujio; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 128tr. : Tranh màu ; 18cm

Đôrêmon - Lạc vào thế giới côn trùng / Fujiko. F. Fujio; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 128tr. : Tranh màu ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011108, TN.011109

3878 Đôrêmon - Lạc vào thế giới côn trùng / Fujiko. F. Fujio; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 128tr. : Tranh màu ; 18cm

Đôrêmon - Lạc vào thế giới côn trùng / Fujiko. F. Fujio; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 128tr. : Tranh màu ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011106, TN.011107

3879 Đôrêmon - truyền thuyết về vua mặt trời Nôbita / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. : Tranh màu ; 18cm

Đôrêmon - truyền thuyết về vua mặt trời Nôbita / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 126tr. : Tranh màu ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011104, TN.011105

3880 Đôrêmon - truyền thuyết về vua mặt trời Nôbita / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 128tr. : Tranh màu ; 18cm

Đôrêmon - truyền thuyết về vua mặt trời Nôbita / Fujiko. F. Fujio ; Nguyễn Thắng Vu b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 128tr. : Tranh màu ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011102, TN.011103

3881 Bác Hồ người cha cho em tất cả. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 52tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.42 14/B101H
Số ĐKCB: TN.013492

3882 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011100, TN.011101

3883 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011098, TN.011099

3884 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011096, TN.011097

3885 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011094, TN.011095

3886 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011092, TN.011093

3887 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011090, TN.011091

3888 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011088, TN.011089

3889 Toán phát triển trí thông minh / Nguyễn Đức Tấn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 14/T406P
Số ĐKCB: TN.013489, TN.013490, TN.013491

3890 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011086, TN.011087

3891 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011084, TN.011085

3892 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011082, TN.011083

3893 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011080, TN.011081

3894 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011078, TN.011079

3895 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011076, TN.011077

3896 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011074, TN.011075

3897 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011072, TN.011073

3898 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011070, TN.011071

3899 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011068, TN.011069

3900 Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Đôrêmon / Fujiko F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.011066, TN.011067

3901 Nàng tiên và mụ phù thủy / Trịnh Xuân Hoành b.s và kêt lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/M500P
Số ĐKCB: TN.011063, TN.011064, TN.011065

3902 Nguồn gốc sự sống / Phương Thảo d.. - Hà Nội : Văn học, 2007. - 68tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 576.8 14/NG517G
Số ĐKCB: TN.011060, TN.011061, TN.011062

3903 Các hiện tượng thời tiết- Thời gian- Địa hình và núi lửa / Trần Thu Hiền b.s. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 40tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.6 14/C101H
Số ĐKCB: TN.011057, TN.011058, TN.011059

3904 Giữa thảo nguyên xanh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599.6 14/GI-551T
Số ĐKCB: TN.013488

3905 Trong rừng sâu thẳm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599 14/TR431R
Số ĐKCB: TN.013487

3906 Trên trời dưới biển. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 593 14/TR254T
Số ĐKCB: TN.013486

3907 Làm đồ chơi từ rau củ quả / Kim Anh. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 32tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 745.592 14/L107Đ
Số ĐKCB: TN.011054, TN.011055, TN.011056

3908 Làm đồ chơi từ vải vụn / Kim Anh. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 32tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 745.592 14/L107Đ
Số ĐKCB: TN.011051, TN.011052, TN.011053

3909 Vụ án bí ẩn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 19tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V500A
Số ĐKCB: TN.013484

3910 Cuộc điều tra thầm lặng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 19tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514Đ
Số ĐKCB: TN.013483

3911 Đính hoa / Trang Chi. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 32tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 745.592 14/Đ312H
Số ĐKCB: TN.011048, TN.011049, TN.011050

3912 Đất Nặn / Trần Thanh Mai b.s. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 32tr. ; 22cm
Đất Nặn / Trần Thanh Mai b.s. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 32tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 745.5 14/Đ124N
Số ĐKCB: TN.011042, TN.011043, TN.011044

3913 Đất Nặn / Trần Thanh Mai b.s. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 32tr. ; 22cm
Đất Nặn / Trần Thanh Mai b.s. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 32tr. ; 22cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 745.5 14/Đ124N
Số ĐKCB: TN.011045, TN.011046, TN.011047

3914 Bộ mặt thật của giáo sư cáo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 19tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B450M
Số ĐKCB: TN.013482

3915 Thầy giáo cáo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 19tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH126G
Số ĐKCB: TN.013480

3916 Sinh nhật của mèo hoa. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.011036, TN.011037, TN.011038

3917 Gọi tên yêu thương. - Hà Nội : Thông Tấn, 2011. - 158tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 14/G428T
Số ĐKCB: TN.013464, TN.013465

3918 Chơi ô chữ kiến thức / Trần Đình Ba. - Hà Nội : Dân trí, 2011. - 191tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.73 14/CH462Ô
Số ĐKCB: TN.013476, TN.013477

3919 Anh em trong hành trình của bạn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 176tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/A107E
Số ĐKCB: TN.013474, TN.013475

3920 Thầy cô trong hành trình của bạn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 168tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/TH126C
Số ĐKCB: TN.013472, TN.013473

3921 Người mẹ trong hành trình của bạn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 216tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/NG558M
Số ĐKCB: TN.013470, TN.013471

3922 Người cha trong hành trình của bạn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 232tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.013468, TN.013469

3923 Bạn bè trong hành trình của bạn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2011. - 156tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/B105B
Số ĐKCB: TN.013466, TN.013467

3924 Truyện cổ tích chọn lọc Mẹ kể con nghe / Nguyễn Thùy Linh s.t và t.ch. - Hà Nội, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.011021, TN.011022, TN.011023

3925 Thân cò lặn lội. - Hà Nội : Thông Tấn, 2011. - 154tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 170 14/TH121C
Số ĐKCB: TN.013462, TN.013463

3926 Đứa con hoàn hảo. - Hà Nội : Thông Tấn, 2011. - 152tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 170 14/Đ551C
Số ĐKCB: TN.013460, TN.013461

3927 Mặt trời bốn phương. - Hà Nội : Thông Tấn, 2011. - 159tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 170 14/M118T
Số ĐKCB: TN.013458, TN.013459

3928 Thần thoại thế giới. - Hà Nội : Văn hóa - Thông tin, 2011. - 328tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.013456, TN.013457

3929 Thần thoại Ấn Độ. - Hà Nội : Văn hóa - Thông tin, 2011. - 265tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.220954 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.013454, TN.013455

3930 Những con thú em yêu / Edith Brown Kirkwood; M. T. Ross. - Hà Nội : Văn hóa thông tin,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.011003, TN.011004, TN.011005

3931 Thần thoại Hy Lạp - La Mã. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20938 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.013452, TN.013453

3932 Thần thoại Trung Quốc. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20951 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.013450, TN.013451

3933 700 câu đố thông minh - Đố mẹo vui = Bảy trăm câu đố thông minh - Đố mẹo vui. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 217tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.735 14/B112T
Số ĐKCB: TN.013448, TN.013449

3934 700 câu đố thông minh. - Hà Nội : Thanh niên, 2011. - 236tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.735 14/B112T
Số ĐKCB: TN.013446, TN.013447

3935 Phát huy não phải của trẻ từ 4 - 5 tuổi / Lệ Quyên b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 224tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/PH110H
Số ĐKCB: TN.011000, TN.011001, TN.011002

3936 Phát huy não trái của trẻ từ 4 - 5 tuổi / Lệ Quyên b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 224tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/PH110H
Số ĐKCB: TN.010997, TN.010998, TN.010999

3937 Phát huy não trái của trẻ từ 3 - 4 tuổi / Lệ Quyên b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 224tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/PH110H
Số ĐKCB: TN.010994, TN.010995, TN.010996

3938 Phát huy não phải của trẻ từ 3 - 4 tuổi / Lệ Quyên b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 224tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/PH110H
Số ĐKCB: TN.010991, TN.010992, TN.010993

3939 Truyện đọc bé gái yêu thích. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR527Đ
Số ĐKCB: TN.013444, TN.013445

3940 Truyện đọc bé trai yêu thích. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR527Đ
Số ĐKCB: TN.013442, TN.013443

3941 Phát huy não trái của trẻ từ 2 - 3 tuổi / Lệ Quyên b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 224tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/PH110H
Số ĐKCB: TN.010988, TN.010989, TN.010990

3942 Tự luyện Violympic toán 4 / Phạm Ngọc Định. - Hà Nội : Giáo dục, 2011. - tr. ; cm
Tự luyện Violympic toán 4 / Phạm Ngọc Định. - Hà Nội : Giáo dục, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.7 14/T550L
Số ĐKCB: TN.013440, TN.013441

3943 100 đề kiểm tra toán lớp 5 = Một trăm đề kiểm tra toán lớp 5. - Hà Nội : Giáo dục, 2011. - tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.7 14/M458T
Số ĐKCB: TN.013438, TN.013439

3944 Tự luyện Violympic Toán 4. - Hà Nội : Giáo dục, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.7 14/T550L
Số ĐKCB: TN.013436, TN.013437

3945 Những cuộc phiêu lưu của ông Cornin Bouchon / Marie; Phùng Tố Tâm d.. - Hà Nội : Thế
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.010976, TN.010977, TN.010978

3946 Dế mèn phiêu lưu ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 48tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D250M
Số ĐKCB: TN.013434, TN.013435

3947 Luyện đọc Tiếng Anh thực hành. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/L527Đ
Số ĐKCB: TN.013432, TN.013433

3948 Bé học ứng xử văn minh / Thái Hà b.s. - Hà Nội : Thời đại, 2009. - 124tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 14/B200H
Số ĐKCB: TN.010962, TN.010963, TN.010964, TN.010965, TN.010966

3949 Luyện đọc Tiếng Anh cơ bản. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/L527Đ
Số ĐKCB: TN.013430, TN.013431

3950 Hướng dẫn bé tự bảo vệ / Thái Hà b.s. - Hà Nội : Thời đại, 2009. - 124tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/H561D
Số ĐKCB: TN.010957, TN.010958, TN.010959, TN.010960, TN.010961

3951 Hướng dẫn bé giữ an toàn / Thái Hà b.s. - Hà Nội : Thời đại, 2009. - 124tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/H561D
Số ĐKCB: TN.010952, TN.010953, TN.010954, TN.010955, TN.010956

3952 Ông già Khốt tabít cùng.... - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.73 14/Ô455G
Số ĐKCB: TN.013428, TN.013429

3953 Những người bạn ngộ nghĩnh tháng 11. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.013427

3954 Người mẹ tuyệt vời nuôi dạy con từ 3 - 4 tuổi / Hương Thảo b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/N515D
Số ĐKCB: TN.010947, TN.010948, TN.010949, TN.010950, TN.010951

3955 Người mẹ tuyệt vời nuôi dạy con từ 1 - 2 tuổi / Hương Thảo b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/N515D
Số ĐKCB: TN.010942, TN.010943, TN.010944, TN.010945, TN.010946

3956 Người mẹ tuyệt vời nuôi dạy con từ 0 - 1 tuổi / Hương Thảo b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/N515D
Số ĐKCB: TN.010937, TN.010938, TN.010939, TN.010940, TN.010941

3957 Những người bạn ngộ nghĩnh tháng 9. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.013426

3958 Những người bạn thân...tháng 9. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.013425

3959 Những người bạn thân...tháng 8. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.013424

3960 108 truyện cổ tích thế giới đặc sắc / Lê Lan s.t và t.ch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/M458T
Số ĐKCB: TN.010932, TN.010933, TN.010934, TN.010935, TN.010936

3961 Cái vết đỏ trên má công chúa / Hải Bình t.ch. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 178tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C103V
Số ĐKCB: TN.010927, TN.010928, TN.010929, TN.010930, TN.010931

3962 Cún con hiếu thắng. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C512C
Số ĐKCB: TN.013422, TN.013423

3963 Linh dương nghỉ mát. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L312D
Số ĐKCB: TN.013420, TN.013421

3964 Sói con hung hăng. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S428C
Số ĐKCB: TN.013418, TN.013419

3965 Chuyện cáo và hạc. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.013416, TN.013417

3966 Chiếc xe của gấu. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303X
Số ĐKCB: TN.013414, TN.013415

3967 Anh em nhà cáo. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A107E
Số ĐKCB: TN.013412, TN.013413

3968 Huyền thoại về các loài hoa / Lan Phương. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 192tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H527T
Số ĐKCB: TN.010922, TN.010923, TN.010924, TN.010925, TN.010926

3969 Huân chương của yến. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H502C
Số ĐKCB: TN.013410, TN.013411

3970 Nhím và chim sẻ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N310V

Số ĐKCB: TN.013408, TN.013409

3971 Cánh cụt không biết bơi. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C107C

Số ĐKCB: TN.013406, TN.013407

3972 Đèn lồng đom đóm. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ203L

Số ĐKCB: TN.013404, TN.013405

3973 Nữ thần mặt trời và mặt trăng / Hà Chương s.t. và t.ch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 136tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N550T

Số ĐKCB: TN.010918, TN.010919, TN.010920, TN.010921

3974 Cô bé tí hon / Thanh Hải t.ch. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 184tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B

Số ĐKCB: TN.010913, TN.010914, TN.010915, TN.010916, TN.010917

3975 Cây gậy thần / Hải Bình t.ch. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 184tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.010908, TN.010909, TN.010910, TN.010911, TN.010912, TN.011407, TN.011408, TN.011409

3976 Đôi giày đỏ / Thanh Hải t.ch. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 184tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ452G

Số ĐKCB: TN.010903, TN.010904, TN.010905, TN.010906, TN.010907

3977 Thạch Sanh và Lý Thông / Hải Bình t.ch. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 184tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TH102

Số ĐKCB: TN.010898, TN.010899, TN.010900, TN.010901, TN.010902

3978 Chú lính chì dũng cảm / Hải Bình t.ch. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 184tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500L

Số ĐKCB: TN.010893, TN.010894, TN.010895, TN.010896, TN.010897

3979 Bu Bu tò mò. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B

Số ĐKCB: TN.013400, TN.013401

3980 Bu Bu giúp mẹ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013368, TN.013369

3981 50 sự tích Việt Nam hay nhất dành cho tuổi thần tiên / Tuấn Anh s.t và t.ch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 240tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N114M
Số ĐKCB: TN.010888, TN.010889, TN.010890, TN.010891, TN.010892

3982 Bu Bu đá bóng. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013402, TN.013403

3983 Bu Bu dũng cảm. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013398, TN.013399

3984 Bu Bu chậm chạp. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013396, TN.013397

3985 Bu Bu và mèo con. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013394, TN.013395

3986 Bu Bu nói dối. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013392, TN.013393

3987 Bu Bu đi chơi. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013390, TN.013391

3988 Bu Bu không sạch sẽ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013388, TN.013389

3989 Bu Bu chơi trốn tìm. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013386, TN.013387

3990 Bu Bu mừng sinh nhật. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013384, TN.013385

3991 Bu Bu không ý tứ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013382, TN.013383

3992 Bu Bu đi nghỉ mát. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013380, TN.013381

3993 Bu Bu đi ngủ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013378, TN.013379

3994 Bu Bu tập làm bánh. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013376, TN.013377

3995 Bu Bu và các bạn. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013374, TN.013375

3996 Bu Bu thích giày mới. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013372, TN.013373

3997 Truyện cổ Tây Tạng / Eva Bednarova ; Lê Thanh Lộc b.d. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.20951 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.010885, TN.010886, TN.010887

3998 Bu Bu bị cảm. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013370, TN.013371

3999 Bu Bu học đàn. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013366, TN.013367

4000 Bu Bu thích khủng long. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013364, TN.013365

4001 Bu Bu tập trồng cây. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.013362, TN.013363

4002 Truyện cổ Ma - Rốc / Henri Béro ; Lê Thanh Lộc b.d. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20964 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.010882, TN.010883, TN.010884

4003 Scooly - doo : Tên cao bồi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/S-000C
Số ĐKCB: TN.013360, TN.013361

4004 Scooly - doo : Tên khổng lồ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/S-000C
Số ĐKCB: TN.013359

4005 Siêu nhân đỏ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S309N
Số ĐKCB: TN.013356, TN.013357

4006 Siêu nhân đỏ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S309N
Số ĐKCB: TN.013354, TN.013355

4007 Siêu nhân đỏ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S309N
Số ĐKCB: TN.013352, TN.013353

4008 Siêu nhân đỏ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S309N
Số ĐKCB: TN.013350, TN.013351

4009 Siêu nhân đỏ. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S309N
Số ĐKCB: TN.013348, TN.013349

4010 Tiểu Pudding : Tiên nữ giáng trần. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2011. - 95tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P
Số ĐKCB: TN.013346, TN.013347

4011 Tiểu Pudding : Lớp học nhí nhố. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2011. - 95tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P
Số ĐKCB: TN.013342, TN.013343

4012 Tiểu Pudding : Bài học rắc rối. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2011. - 95tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T309P
Số ĐKCB: TN.013344, TN.013345

4013 Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013340, TN.013341

4014 Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013338, TN.013339

4015 Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013336, TN.013337

4016 Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013334, TN.013335

4017 Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013332, TN.013333

4018 Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013330, TN.013331

4019 Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Chuyện tình đảo thiên đường. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.013328, TN.013329

4020 Ở trọ nơi xa lạ. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ơ460T
Số ĐKCB: TN.013326, TN.013327

4021 Ở trọ nơi xa lạ. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ơ460T
Số ĐKCB: TN.013320, TN.013321

4022 Hồi ký ma vương. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92203 14/H452K
Số ĐKCB: TN.013318, TN.013319

4023 Ngôi sao tình yêu. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.013317

4024 Ngôi sao tình yêu. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.013316

4025 Ngôi sao tình yêu. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.013315

4026 Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội, 2010. - 102tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T104M
Số ĐKCB: TN.013313, TN.013314

4027 Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 102tr. ; 19cm
Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 102tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T104M
Số ĐKCB: TN.013311, TN.013312

4028 Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 193tr. ; 19cm
Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 193tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T104M
Số ĐKCB: TN.013309, TN.013310

4029 Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 83tr. ; 19cm
Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 83tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T104M
Số ĐKCB: TN.013307, TN.013308

4030 Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; 19cm
Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T104M
Số ĐKCB: TN.013305, TN.013306

4031 Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; 19cm
Tam mao lưu lạc ký. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T104M
Số ĐKCB: TN.013303, TN.013304

4032 Scooly - doo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Scooly - doo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/S-000C
Số ĐKCB: TN.013301, TN.013302

4033 Scooly - doo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Scooly - doo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/S-000C
Số ĐKCB: TN.013299, TN.013300

4034 Scooly - doo : Tình bạn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 30tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/S-000C
Số ĐKCB: TN.013297, TN.013298

Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 264tr. ; 20cm

4035 Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 264tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010877, TN.010878

Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 264tr. ; 20cm

4036 Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 264tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010875, TN.010876

Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 5 tập ; 20 cm

4037 Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 264tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010873, TN.010874

Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 288tr. ; 20cm

4038 Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 288tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010871, TN.010872

Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 280tr. ; 20cm

4039 Biên niên sử xứ Prydain / Lloyd Alexander; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 280tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010869, TN.010870

4040 Tắt đèn / Ngô Tất Tố. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T118Đ
Số ĐKCB: TN.013295, TN.013296

4041 Tắt đèn / Ngô Tất Tố. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T118Đ
Số ĐKCB: TN.013293, TN.013294

Bí ẩn các vì sao : Tiểu thuyết / Erik L'homme; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Văn học, 2007. - 306tr. ; 21cm

4042 Bí ẩn các vì sao : Tiểu thuyết / Erik L'homme; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Văn học, 2007. - 306tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B300Â
Số ĐKCB: TN.010864, TN.010865

Bí ẩn các vì sao : Tiểu thuyết / Erik L'homme; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Văn học, 2007. - 328tr. ; 21cm

4043 Bí ẩn các vì sao : Tiểu thuyết / Erik L'homme; Ngân Hà d.. - Hà Nội : Văn học, 2007. - 328tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B300Â
Số ĐKCB: TN.010862, TN.010863

4044 Thám tử lừng danh Conan. - Hà Nội, 2011. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.013291, TN.013292

4045 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm

Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.013289, TN.013290

4046 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.013287, TN.013288

4047 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.013285, TN.013286

4048 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.013283, TN.013284

4049 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.013281, TN.013282

4050 Thần đồng đất Việt : Khoa học : Truyện tranh / Truyện: Hoàng Lê ; Tranh: Tiến Đạt, Minh Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh ; Công ty Truyền thông Giáo dục và Giải trí Phan Thị. - 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.013279, TN.013280

4051 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội, 2011. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.013277, TN.013278

4052 Tuyển tập câu đố Việt Nam / Ngọc Linh st, b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 272tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.609597 14/T527T
Số ĐKCB: TN.010852, TN.010853, TN.010854

4053 Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 106tr. ; 18cm
Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 106tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/B450T
Số ĐKCB: TN.013275, TN.013276

4054 Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 106tr. ; 18cm
Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 106tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/B450T
Số ĐKCB: TN.013273, TN.013274

4055 Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 105tr. ; 18cm
Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 105tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/B450T
Số ĐKCB: TN.013271, TN.013272

4056 Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 105tr. ; 18cm
Bộ tứ siêu quậy. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2011. - 105tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/B450T
Số ĐKCB: TN.013269, TN.013270

4057 Câu đố Việt Nam / Thuý Quỳnh b.s. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 140tr. ; 19cm
Câu đố Việt Nam / Thuý Quỳnh b.s. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 140tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.6 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.010857, TN.010858

4058 Câu đố Việt Nam / Thuý Quỳnh b.s. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 120tr. ; 19cm
Câu đố Việt Nam / Thuý Quỳnh b.s. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 120tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.6 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.010850, TN.010851

4059 Giắc và hạt đậu. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010849

4060 Bốn chị em / M. An - Cốt; Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. - 46tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B454C
Số ĐKCB: TN.010848

4061 Lừa đội lốt sư tử. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2006. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/L551Đ
Số ĐKCB: TN.010847

4062 Người thổi sáo. - Hà Nôi : Kim Đồng, 2021. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG558T
Số ĐKCB: TN.010846

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4063 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013197, TN.013198

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4064 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013267, TN.013268

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4065 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013265, TN.013266

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4066 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013263, TN.013264

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4067 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013261, TN.013262

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4068 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013259, TN.013260

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4069 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013257, TN.013258

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4070 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013255, TN.013256

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4071 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013253, TN.013254

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4072 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013251, TN.013252

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4073 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013249, TN.013250

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4074 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013247, TN.013248

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4075 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013245, TN.013246
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4076 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013243, TN.013244
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4077 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013241, TN.013242
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4078 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013239, TN.013240
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4079 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013237, TN.013238
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4080 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013235, TN.013236
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4081 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013233, TN.013234
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4082 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013231, TN.013232

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4083 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013229, TN.013230

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4084 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013227, TN.013228

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4085 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013225, TN.013226

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4086 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013223, TN.013224

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4087 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013221, TN.013222

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4088 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013219, TN.013220

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4089 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013217, TN.013218

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4090 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013215, TN.013216

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4091 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013213, TN.013214

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4092 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013211, TN.013212

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4093 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013209, TN.013210

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4094 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R

Số ĐKCB: TN.013207, TN.013208

Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4095 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013205, TN.013206
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4096 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013203, TN.013204
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4097 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013201, TN.013202
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4098 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013199, TN.013200
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4099 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013195, TN.013196
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4100 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013193, TN.013194
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4101 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013191, TN.013192
Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4102 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013189, TN.013190

Doraemon : Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4103 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013187, TN.013188

Doraemon : Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4104 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013185, TN.013186

Doraemon : Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

4105 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 191tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013183, TN.013184

Doraemon : Doraemon chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tập ; cm

4106 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 189tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013181, TN.013182

Doraemon : Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 190tr. ; 18cm

4107 Doraemon - Chú mèo máy đến từ tương lai / Fujiko.F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/D400R
Số ĐKCB: TN.013179, TN.013180

4108 Kin - Ta - Rô : Truyền thuyết Nhật Bản / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hoá thông

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20952 14/K311T
Số ĐKCB: TN.010845

4109 Quạ và Cáo / Nguyệt Minh b.d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 10tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/QU100V
Số ĐKCB: TN.010844

4110 Hướng dẫn học tốt Let's go. - Hà Nội, 2011. - tập ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/H561D
Số ĐKCB: TN.013176, TN.013177, TN.013178

4111 Hướng dẫn học tốt Let's go. - Hà Nội, 2011. - tập ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/H561D
Số ĐKCB: TN.013173, TN.013174, TN.013175

4112 Hướng dẫn học tốt Let's go. - Hà Nội, 2011. - tập ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/H561D
Số ĐKCB: TN.013170, TN.013171, TN.013172

4113 Hướng dẫn học tốt Let's go. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/H561D
Số ĐKCB: TN.013167, TN.013168, TN.013169

4114 Hên - Yen và Grê - Ten. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010843

4115 Người con hiếu thảo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.010842

4116 Hai - đi cô bé từ vùng.... - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010841

4117 100 danh tác kinh điển có ảnh hưởng đến tuổi thơ. - Hà Nội : Lao động, 2011. - 222tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.06 14/M458T
Số ĐKCB: TN.013164, TN.013165, TN.013166

4118 Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 378tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/T452T
Số ĐKCB: TN.013161, TN.013162, TN.013163

4119 Các nhạc sĩ thành Briêm. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. - 46tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C101N
Số ĐKCB: TN.010840

4120 Chú mèo đi hia : Truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2006. - 16tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500M
Số ĐKCB: TN.010839

4121 Ông lão mất bướu / Trịnh Xuân Hoành b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. - 46tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20952 14/Ô455L
Số ĐKCB: TN.010837, TN.010838

4122 Vượt lên chính bản thân mình. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.010836

4123 Ông vua có đôi tai lừa. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ô455V
Số ĐKCB: TN.010835

4124 Pi - Tơ - Pan. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/P300T
Số ĐKCB: TN.010834

4125 Quán gò đi lên. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 252tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/QU-105G
Số ĐKCB: TN.013158, TN.013159, TN.013160

4126 Phòng trọ ba người. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 236tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/PH431T
Số ĐKCB: TN.013155, TN.013156, TN.013157

4127 ZMen. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011. - 211tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/ZM203
Số ĐKCB: TN.013152, TN.013153, TN.013154

4128 270 trò chơi sinh hoạt vòng tròn = Hai trăm bảy mươi trò chơi sinh hoạt vòng tròn. - Hà nội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793 14/H103TR
Số ĐKCB: TN.013149, TN.013150, TN.013151

4129 Peter Pan - Luân Đôn / Loisel. - Hà Nội : Văn học, 2006. - 54tr. ; 30cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.010828, TN.010829, TN.010830, TN.010831, TN.010832, TN.010833

4130 25 trò chơi xây tính đồng đội = Hai mươi lăm trò chơi xây tính đồng đội. - Hà nội, 2011. - 99tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 658.4 14/H103M
Số ĐKCB: TN.013146, TN.013147, TN.013148

4131 Trò chơi dân gian Thái Nguyên. - Hà Nội, 2011. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 394.09597 14/TR450C
Số ĐKCB: TN.013143, TN.013144, TN.013145

4132 Mật thư danh ngôn : Dành cho thiếu nhi chơi mật thư. - Hà Nội, 2011. - 151tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.7 14/M124TH
Số ĐKCB: TN.013140, TN.013141, TN.013142

4133 Lợn học bơi. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/L464H
Số ĐKCB: TN.010823, TN.010824, TN.010825

4134 Người bạn tinh nghịch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.010820, TN.010821, TN.010822

4135 Nhà bạn ở đâu. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/NH100B
Số ĐKCB: TN.010817, TN.010818, TN.010819

4136 Nhổ cà rốt. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/NH450C
Số ĐKCB: TN.010814, TN.010815, TN.010816

4137 Về nông thôn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/V250N
Số ĐKCB: TN.010811, TN.010812, TN.010813

4138 Kỹ năng... chinh phục đỉnh trời. - Hà Nội, 2011. - tr. : minh họa ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.013137, TN.013138, TN.013139

4139 Chuyển máy truyền hình. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/CH528M
Số ĐKCB: TN.010808, TN.010809, TN.010810

4140 Chơi cầu bập bênh. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/CH462C
Số ĐKCB: TN.010805, TN.010806, TN.010807

4141 Quà sinh nhật. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/QU100S
Số ĐKCB: TN.010802, TN.010803, TN.010804

4142 Ô chữ về các đồ vật qua câu đố. - Hà Nội, 2011. - 135tr. : minh họa ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.734 14/Ô450CH
Số ĐKCB: TN.013134, TN.013135, TN.013136

4143 Trò chơi ô chữ - Chủ đề thành phố Hà Nội. - Hà Nội, 2011. - 139tr. : minh họa ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/TR400C
Số ĐKCB: TN.013131, TN.013132, TN.013133

4144 Nút dây ứng dụng. - Hà Nội, 2011. - 164tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 745.5 14/N522D
Số ĐKCB: TN.013128, TN.013129, TN.013130

4145 Hoàng tử hồng ngọc / Hà Nguyên s.t và b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2007. - 178tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.010796, TN.010797, TN.010798

4146 Tổ chức cắm trại. - Hà Nội, 2010. - 145tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796.54 14/T450C
Số ĐKCB: TN.013125, TN.013126, TN.013127

4147 Sự tích Hồ Gươm / Hà Nguyên t.s và b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2007. - 182tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.010793, TN.010794, TN.010795

4148 Sự tích hoa hồng / Thuỷ Tiên. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2009. - 88tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.010790, TN.010791, TN.010792

4149 Ảo thuật toán học / Matin Ganơ; d.: Phạm Hiền, Đặng Hấn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74 14/A108T
Số ĐKCB: TN.010787, TN.010788, TN.010789, TN.010826

4150 Nàng công chúa chuột nhắt / Nguyên Ngọc s.t và b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2007. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/N106C
Số ĐKCB: TN.010784, TN.010785, TN.010786

4151 Cuộc tấn công của bầy ong. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 77tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C514T
Số ĐKCB: TN.013122, TN.013123, TN.013124

4152 Hạc lạc bé nhỏ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 77tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/H101L
Số ĐKCB: TN.013119, TN.013120, TN.013121

4153 Đố vui rèn trí thông minh / Văn Đức. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 162tr. ; 21cm
Đố vui rèn trí thông minh / Văn Đức. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 162tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/Đ450V
Số ĐKCB: TN.010781, TN.010782, TN.010783

4154 Búp bê rơi trên đường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 77tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/B521B
Số ĐKCB: TN.013116, TN.013117, TN.013118

4155 Tai họa từ súng đồ chơi : Tập truyện an toàn khi vui chơi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 77tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T103H
Số ĐKCB: TN.013113, TN.013114, TN.013115

4156 Thiên tai. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 77tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.013110, TN.013111, TN.013112

4157 Thực hành khoa học vui - Làm tàu phản lực. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - 178tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796.1 14/TH552H
Số ĐKCB: TN.013107, TN.013108, TN.013109

4158 Lá non. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L100N
Số ĐKCB: TN.013105, TN.013106

4159 Trắc nghiệm IQ những bài toán thách đố / Thái Hà b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. -

Tóm tắt: Gồm những bài thách đố toán học dưới hình thức trắc nghiệm và một số bài tập ghép hình: Bình đen bình trắng, Xếp số, Khéo léo xếp tiền, Sửa bất đẳng thức,...

Ký hiệu phân loại: 153.9 14/TR113N
Số ĐKCB: TN.010779

4160 Sổ tay chính tả tiếng Việt thông dụng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 495.922 14/S450T
Số ĐKCB: TN.013103, TN.013104

4161 Gien-sô-mi-nô ở xứ sở nói dối. - Hà Nội : Văn học, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 853 14/GI-203S
Số ĐKCB: TN.013101, TN.013102

4162 Vichia Maleev ở nhà và ở trường / Nicolai Noxov; Hoàng Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.010776, TN.010777, TN.010778, TN.010866, TN.010867, TN.010868

4163 Phù thuỷ Lilli: Giữa bầy cướp biển / Knister. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - 106tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 14/PH500T

Số ĐKCB: TN.013098, TN.013099, TN.013100

4164 Phù thuỷ Lilli: Lần theo dấu vết / Knister. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - 102tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 14/PH500T

Số ĐKCB: TN.013095, TN.013096, TN.013097

4165 Những cuộc phiêu lưu kỳ lạ của Karik và Valia / Ian Larri; Văn Trọng d.. - Hà Nội : Kim

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.7 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.010773, TN.010774, TN.010775, TN.010827

4166 Đố vui trí tuệ / Thủy Tiên. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 98tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 23/Đ450V

Số ĐKCB: TN.010772, TN.010780

4167 Phía sau đỉnh Khau Khoang / Đoàn Ngọc Minh. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2008. - 100tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/PH301S

Số ĐKCB: TN.010769, TN.010770, TN.010771

4168 Con trai quỷ sứ. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 218tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430T

Số ĐKCB: TN.010766, TN.010767, TN.010768

4169 Con ngựa thần. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 218tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430N

Số ĐKCB: TN.010763, TN.010764, TN.010765

4170 Chiếc đũa thần. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 218tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH303Đ

Số ĐKCB: TN.010760, TN.010761, TN.010762

4171 Ông vua sầu muộn. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 218tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ô-455V

Số ĐKCB: TN.010757, TN.010758, TN.010759

4172 Đứa con vàng. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 218tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ551C

Số ĐKCB: TN.010754, TN.010755, TN.010756

4173 Bông hoa kỳ diệu. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 218tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B455H
Số ĐKCB: TN.010751, TN.010752, TN.010753

4174 Bốn điều ước. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 218tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B454
Số ĐKCB: TN.010748, TN.010749, TN.010750

4175 99 truyện cổ tích về loài vật = Chín mươi chín truyện cổ tích về loại vật. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.013089, TN.013090

4176 99 truyện cổ tích về tiên nữ = Chín mươi chín truyện cổ tích về tiên nữ. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.013093, TN.013094

4177 99 truyện cổ tích về bé trai yêu = Chín mươi chín truyện cổ tích về bé trai yêu. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.013091, TN.013092

4178 Con dao thần / Thái Bá Tân d.. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 220tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430D
Số ĐKCB: TN.010745, TN.010746, TN.010747

4179 99 truyện cổ tích về nàng... = Chín mươi chín truyện cổ tích về nàng. - Hà Nội : Văn hóa thông
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.013087, TN.013088

4180 99 truyện cổ tích về các chàng trai dũng cảm = Chín mươi chín truyện cổ tích về các chàng trai dũng cảm. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 263tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.013083, TN.013084

4181 99 truyện cổ tích hay nhất dành cho bé yêu = Chín mươi chín truyện cổ tích dành cho bé yêu. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 255tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20957 14/CH311M
Số ĐKCB: TN.013081, TN.013082

4182 Kiên nhẫn như Sạc - Lô / Nhóm Hoa Việt Nam b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. - 154tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K305N
Số ĐKCB: TN.010742, TN.010743, TN.010744

4183 Một tuổi thơ văn / Nguyên Hồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 190tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458T
Số ĐKCB: TN.013079, TN.013080

4184 Người con trai phi thường / Dương Hồng Anh; Nhân Văn b.d. - Hà Nội : Văn hóa thông tin,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.010739, TN.010740, TN.010741

4185 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013076, TN.013077, TN.013078

4186 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013073, TN.013074, TN.013075

4187 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013070, TN.013071, TN.013072

4188 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013067, TN.013068, TN.013069

4189 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013064, TN.013065, TN.013066

4190 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013061, TN.013062, TN.013063

4191 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013058, TN.013059, TN.013060

4192 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013055, TN.013056, TN.013057

4193 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013052, TN.013053, TN.013054

4194 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013049, TN.013050, TN.013051

4195 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013046, TN.013047, TN.013048

4196 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013043, TN.013044, TN.013045

4197 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013040, TN.013041, TN.013042

4198 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013037, TN.013038, TN.013039

4199 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013034, TN.013035, TN.013036

4200 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013031, TN.013032, TN.013033

4201 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013028, TN.013029, TN.013030

4202 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V

Số ĐKCB: TN.013025, TN.013026, TN.013027

4203 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tập ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013022, TN.013023, TN.013024

4204 Cười vui vẻ và sói xám. - Hà Nội, 2010. - tập ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C558V
Số ĐKCB: TN.013019, TN.013020, TN.013021

4205 Phù thủy lili - Lễ giáng sinh bị ếm / Knister. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - 90tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.013016, TN.013017, TN.013018

4206 Bồi dưỡng tư duy nhạy bén / Vũ Điền; Nhóm Hoa Việt Nam d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 153.9 14/B452D
Số ĐKCB: TN.010736, TN.010737, TN.010738

4207 Khơi gợi khả năng vô hạn / Vũ Điền; Nhóm Hoa Việt Nam d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. - 66tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 153.9 14/KH462G
Số ĐKCB: TN.010733, TN.010734, TN.010735

4208 Cuộc phiêu lưu của chú Hành / Gianni Rodari. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 14/C514P
Số ĐKCB: TN.013014, TN.013015

4209 Phát huy sự sáng tạo / Vũ Điền; Nhóm Hoa Việt Nam d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. - 66tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 153.9 14/PH110H
Số ĐKCB: TN.010730, TN.010731, TN.010732

4210 Rèn luyện chí tiến thủ / Vũ Điền; Nhóm Hoa Việt Nam d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. - 66tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 153.9 14/R203L
Số ĐKCB: TN.010727, TN.010728, TN.010729

4211 Ươm trồng hạt giống trí tuệ / Vũ Điền; Nhóm Hoa Việt Nam d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 153.9 14/Ư-559M
Số ĐKCB: TN.010724, TN.010725, TN.010726

4212 Đôi hia bảy dặm. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ452H
Số ĐKCB: TN.010721, TN.010722, TN.010723

4213 Tờ di chúc bí mật / Thiên Thiên st và gt. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 144tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/T460D
Số ĐKCB: TN.010718, TN.010719, TN.010720

4214 Sự tích bánh giầy bánh chưng. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.010715, TN.010716, TN.010717

4215 Những cuộc phiêu lưu tiếp theo của Tom sawyer / Mark Twain. - Hà Nội : Văn học, 2010. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.013012, TN.013013

4216 Công chúa ngủ trong rừng / Ngô Minh Vân d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455C
Số ĐKCB: TN.010712, TN.010713, TN.010714

4217 Hai vạn dặm dưới đáy biển / Jules Verne. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/H103V
Số ĐKCB: TN.013009, TN.013010, TN.013011, TN.014046, TN.014047

4218 Nàng tiên cá : Truyện tranh / Liliane Crismer tranh; Lời: Marie Duval, Alain Jost. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 16tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 14/N106T
Số ĐKCB: TN.010709, TN.010710, TN.010711

4219 Bạch Tuyết và Hồng Hoa. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B102T
Số ĐKCB: TN.010706, TN.010707, TN.010708

4220 Điện Biên Phủ của chúng em. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 241tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ305B
Số ĐKCB: TN.013006, TN.013007, TN.013008

4221 Nỏ thần Kim Quy. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N400T
Số ĐKCB: TN.010703, TN.010704, TN.010705

4222 Kim Đồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 31tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K310Đ
Số ĐKCB: TN.013003, TN.013004, TN.013005

4223 Sự tích Thánh Gióng. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.010700, TN.010701, TN.010702

4224 Bác Hồ người cho em tất cả. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 52tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.42 14/B101H
Số ĐKCB: TN.013000, TN.013001, TN.013002

4225 Kể chuyện Bác Hồ người mở đường thắng lợi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 68tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7041 14/K250C
Số ĐKCB: TN.012997, TN.012998, TN.012999

4226 Những cuộc phieu lưu của Sinbad. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.010697, TN.010698, TN.010699

4227 Sự tích trầu cau : Truyện tranh / Nguyễn Công Hoan tranh; Hoài Nam lời. - Hà Nội : Kim
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.010694, TN.010695, TN.010696

4228 Ăn khế trả vàng. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 144tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ă115K
Số ĐKCB: TN.010691, TN.010692, TN.010693

4229 Sáu người đi khắp thế gian. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S111N
Số ĐKCB: TN.010688, TN.010689, TN.010690

4230 Chuyện chị Minh Khai. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7032092 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.012994, TN.012995, TN.012996

4231 Chị Sáu ở Côn Đảo / Lê Quang Vinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/CH300S
Số ĐKCB: TN.012991, TN.012992, TN.012993

4232 Khám phá những... hiện tượng khí tượng. - Đà Nẵng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010685, TN.010686, TN.010687

4233 Khám phá những... Khoa học kỹ thuật. - Đà Nẵng, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010682, TN.010683, TN.010684

4234 Chuyện kể về Lý Tự Trọng / Lê Quốc Sử. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 102tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.703 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.012988, TN.012989, TN.012990

4235 Tiếng Anh dành cho học sinh tiểu học. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2009. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.010664, TN.010665, TN.010666, TN.010667, TN.010668, TN.010669, TN.010670, TN.010671, TN.010672, TN.010673, TN.010674,

4236 Con người gang thép. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7032092 14/C430N

Số ĐKCB: TN.012985, TN.012986, TN.012987

4237 365 ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ = Ba trăm sáu lăm ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ / Hà Sơn. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2009. - 206tr. ; 21cm

365 ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ = Ba trăm sáu lăm ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ / Hà Sơn. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2009. - 206tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/B100T

Số ĐKCB: TN.010661, TN.010662, TN.010663

4238 365 ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ = Ba trăm sáu lăm ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ / Hà Sơn. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2009. - 206tr. ; 21cm

365 ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ = Ba trăm sáu lăm ngày - mỗi ngày một trò chơi bổ ích cho trí tuệ / Hà Sơn. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2009. - 206tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/B100T

Số ĐKCB: TN.010658, TN.010659, TN.010660

4239 Chuyến phiêu lưu của quả bóng vàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH527P

Số ĐKCB: TN.012982, TN.012983, TN.012984

4240 Cuộc điều tra thầm lặng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 19tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514Đ

Số ĐKCB: TN.012979, TN.012980, TN.012981

4241 Mưu sâu kế độc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 19tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M566S

Số ĐKCB: TN.012976, TN.012977, TN.012978, TN.013479

4242 Đêm hội nguyên tiêu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 19tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ253H

Số ĐKCB: TN.012974, TN.012975, TN.013478

4243 Cô giáo mới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 19tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450G

Số ĐKCB: TN.012971, TN.012972, TN.012973, TN.013481

4244 Ăn năn và khoan dung. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 19tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ă115N
Số ĐKCB: TN.012968, TN.012969, TN.012970, TN.013485

4245 Con gái 15 duyên dáng nhưng điên rồ / Sue Limb; Phạm Trần Hải d.. - Hà Nội : Hội nhà văn,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/C430G
Số ĐKCB: TN.010652, TN.010653, TN.010654

4246 Những trò tinh nghịch của cô bé Sophie / La Comtesse De Ségur; Nguyễn Phương Nga d.. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 166tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/NH556T
Số ĐKCB: TN.010649, TN.010650, TN.010651

4247 12 nhiệm vụ của Hercules = Mười hai nhiệm vụ của Hercules / Anonymous. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 68tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/M558H
Số ĐKCB: TN.010646, TN.010647, TN.010648

4248 Trên trời dưới biển. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 593 14/TR254T
Số ĐKCB: TN.012965, TN.012966, TN.012967

4249 Trong rừng sâu thẳm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599 14/TR431R
Số ĐKCB: TN.012962, TN.012963, TN.012964

4250 Cẩm nang tự vệ tuổi teen / Việt Phương, Thái Hà b.s. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. - 242tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 646.7 14/C120N
Số ĐKCB: TN.010643, TN.010644, TN.010645

4251 Cho tôi hai dĩa thịt khủng long. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. - 138tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH400T
Số ĐKCB: TN.010640, TN.010641, TN.010642

4252 Vì sao mũi chó lại đen / Nguyễn Thuý Hằng s.t.. và t.ch. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 228tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.24 14/V300S
Số ĐKCB: TN.010637, TN.010638, TN.010639

4253 Giữa thảo nguyên xanh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599.6 14/GI-551T
Số ĐKCB: TN.012959, TN.012960, TN.012961

Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 170tr. ; 15cm

4254 Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 170tr. ; 15cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi đáp thông minh, dí dỏm; Một số mẩu chuyện vui, những tình huốn

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.010634, TN.010635, TN.010636

Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 170tr. ; 15cm

4255 Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 170tr. ; 15cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi đáp thông minh, dí dỏm; Một số mẩu chuyện vui, những tình huốn

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.010631, TN.010632, TN.010633

Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 178tr. ; 15cm

4256 Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 178tr. ; 15cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi đáp thông minh, dí dỏm; Một số mẩu chuyện vui, những tình huốn

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.010628, TN.010629, TN.010630

Hỏi đáp nhanh trí / B.s.: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 5 tập ; 15cm

4257 Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 178tr. ; 15cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi đáp thông minh, dí dỏm; Một số mẩu chuyện vui, những tình huốn

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.010625, TN.010626, TN.010627

4258 Dới tiểu kiều và các bạn / Mai Tử Hàm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.012956, TN.012957, TN.012958

Hỏi đáp nhanh trí / B.s.: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 5 tập ; 15cm

4259 Hỏi đáp nhanh trí / B.s: Đức Trí, Hải Đăng. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 178tr. ; 15cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi đáp thông minh, dí dỏm; Một số mẩu chuyện vui, những tình huốn

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.010622, TN.010623, TN.010624

4260 Cá heo lúc tảng sáng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/C100H

Số ĐKCB: TN.012953, TN.012954, TN.012955

4261 Truyện cổ dân gian Nga. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.010620, TN.010621

4262 Truyện cổ dân gian các nước Bắc Âu. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.010618, TN.010619

4263 Nửa đêm trên mặt trăng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/N551Đ

Số ĐKCB: TN.012950, TN.012951, TN.012952

4264 Buổi chiều trên sông Amazon. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B515C

Số ĐKCB: TN.012947, TN.012948, TN.012949

4265 Đêm của Ninja. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/Đ253C

Số ĐKCB: TN.012944, TN.012945, TN.012946

4266 Truyện cổ Di gan / Lê Thanh Lộc b.d. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 210tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.010615, TN.010616, TN.010617

4267 Cướp biển lúc quá trưa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/C562B

Số ĐKCB: TN.012941, TN.012942, TN.012943

4268 Truyện cổ dân gian Châu Phi / Dương Quốc Anh t.d. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2096 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.010613, TN.010614

4269 Xác ướp buổi sáng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/X101Ư

Số ĐKCB: TN.012938, TN.012939, TN.012940

4270 Hiệp sĩ lúc rạng đông. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/H307S

Số ĐKCB: TN.012935, TN.012936, TN.012937

4271 Công chúa cầu vồng / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 46tr. :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455C

Số ĐKCB: TN.010611, TN.010612

4272 Khủng long trước lúc tối trời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 76tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/KH513L
Số ĐKCB: TN.012932, TN.012933, TN.012934

4273 Đội nón cho tượng / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 46tr. :
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ452N
Số ĐKCB: TN.010609, TN.010610

4274 Bay về phương nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/B112V
Số ĐKCB: TN.012929, TN.012930, TN.012931

4275 Cọng rơm khô / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 46tr. : hình
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C431R
Số ĐKCB: TN.010607, TN.010608

4276 Hành tinh khủng long. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H107T
Số ĐKCB: TN.012926, TN.012927, TN.012928

4277 Con chim xanh / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 46tr. : hình
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430C
Số ĐKCB: TN.010605, TN.010606

4278 Cậu bé quả đào / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 46tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C125B
Số ĐKCB: TN.010603, TN.010604

4279 Con chim sẻ nhỏ / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 44tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430C
Số ĐKCB: TN.010601, TN.010602

4280 Cuộc phiêu lưu kỳ lạ / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 44tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C514P
Số ĐKCB: TN.010599, TN.010600

4281 Ba con gấu / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 44tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B100C
Số ĐKCB: TN.010597, TN.010598

4282 Thầy giáo cáo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH126G
Số ĐKCB: TN.012923, TN.012924, TN.012925

4283 Vụ án bí ẩn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 23tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V500A
Số ĐKCB: TN.012920, TN.012921, TN.012922

4284 Ba chiếc lông chim / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 44tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B100C
Số ĐKCB: TN.010595, TN.010596

4285 Bộ mặt thật của giáo sư cáo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B450M
Số ĐKCB: TN.012917, TN.012918, TN.012919

4286 Chú chó tình nghĩa / Vũ Bội Tuyền kể. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 44tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.010593, TN.010594

4287 Anh mèo láu cá. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/A107M
Số ĐKCB: TN.012914, TN.012915, TN.012916

4288 Tớ ước mình là người ngoài hành tinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/T460Ư
Số ĐKCB: TN.012911, TN.012912, TN.012913

4289 Nhận biết và biết nghĩ cho người khác. - Hà Nội : Thời Đại, 2010. - 55tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 14/NH121B
Số ĐKCB: TN.012908, TN.012909, TN.012910

4290 Cậu bé nhanh trí. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 46tr. : Tranh màu ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20952 14/C125B
Số ĐKCB: TN.010591, TN.010592

4291 Những bài học làm người - khổng.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012905, TN.012906, TN.012907

4292 Cậu bé trời ban / Trịnh Xuân Hoành kể lại. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 46tr. : Tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20952 14/C125B
Số ĐKCB: TN.010589, TN.010590

4293 Những cuộc phiêu lưu tiếp theo của Tom sawyer. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 253tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.012902, TN.012903, TN.012904

4294 Chiếc áo tàng hình : Truyện tranh. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 32tr. : Tranh màu ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH303A
Số ĐKCB: TN.010587, TN.010588

4295 Câu đố luyện trí thông minh. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.735 14/C125Đ
Số ĐKCB: TN.012899, TN.012900, TN.012901

4296 Hãy thức tỉnh đúng lúc. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 157tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 158.1 14/H112T
Số ĐKCB: TN.012896, TN.012897, TN.012898

4297 Ngưu Lang và Chức Nữ. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 191tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG566L
Số ĐKCB: TN.012893, TN.012894, TN.012895

4298 Sơn tinh Thủy tinh : Truyện tranh / Tú Anh lời; Nguyễn Tuấn Long tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 16tr. : Tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2209597 14/S464T
Số ĐKCB: TN.010584, TN.010585, TN.010586

4299 Sọ Dừa : Truyện tranh / Tú Anh lời; Nguyễn Tuấn Long tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2209597 14/S400D
Số ĐKCB: TN.010581, TN.010582, TN.010583

4300 Thạch Sanh : Truyện tranh / Tú Anh lời; Nguyễn Tuấn Long tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 16tr. : Tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2209597 14/TH102S
Số ĐKCB: TN.010578, TN.010579, TN.010580

4301 Thạc Sanh và Lý Thông. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 175tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TH102S
Số ĐKCB: TN.012890, TN.012891, TN.012892

4302 Sự tích Lạc Long Quân Và Âu Cơ. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 175tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.012887, TN.012888, TN.012889

4303 Nơi mây trắng bồng bềnh / Cao Văn Tư. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 111tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N462M
Số ĐKCB: TN.012884, TN.012885, TN.012886

4304 Bánh chưng bánh dày : Truyện tranh / Tú Anh lời; Nguyễn Tuấn Long tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 16tr. : Tranh màu ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2209597 14/B107C

Số ĐKCB: TN.010575, TN.010576, TN.010577

4305 Nàng tiên mù / Ngọc Châu. - Hà Nội : Thanh niên, 2010. - 162tr. ; 19cm

Nàng tiên mù / Ngọc Châu. - Hà Nội : Thanh niên, 2010. - 162tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N106T

Số ĐKCB: TN.012881, TN.012882, TN.012883

4306 Nàng tiên mù / Ngọc Châu. - Hà Nội, 2010. - tập ; cm

Nàng tiên mù / Ngọc Châu. - Hà Nội : Thanh niên, 2010. - 162tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N106T

Số ĐKCB: TN.012878, TN.012879, TN.012880

4307 Chú lính chì dũng cảm. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 183tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500L

Số ĐKCB: TN.012875, TN.012876, TN.012877

4308 Sự tích Hồ Gươm. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550T

Số ĐKCB: TN.010572, TN.010573, TN.010574

4309 Chủ thuyền và phụ thuyền. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500T

Số ĐKCB: TN.010569, TN.010570, TN.010571

4310 Con quạ bị bệnh. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430Q

Số ĐKCB: TN.010566, TN.010567, TN.010568

4311 IQ đố vui trí tuệ. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.21 14/Đ450V

Số ĐKCB: TN.012872, TN.012873, TN.012874

4312 Cáo và chó. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C108V

Số ĐKCB: TN.010563, TN.010564, TN.010565

4313 Chim gõ kiến phản bội. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310G
Số ĐKCB: TN.010560, TN.010561, TN.010562

4314 Người bắt chim và con rắn. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.010557, TN.010558, TN.010559

4315 Rắn ráo và rắn nước. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/R115R
Số ĐKCB: TN.010554, TN.010555, TN.010556

4316 Chàng kỵ sỹ đắc ý. - Đồng Nai : Nxb Đồng Nai, 2009. - 12tr. : Tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH106K
Số ĐKCB: TN.010551, TN.010552, TN.010553

4317 15 truyện cổ hay nhất miền... = Mười lăm truyện cổ hay nhất miền.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/M558L
Số ĐKCB: TN.012869, TN.012870, TN.012871

4318 Chim sếu thông minh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310S
Số ĐKCB: TN.010548, TN.010549, TN.010550

4319 Người đánh cá thổi tiêu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.010545, TN.010546, TN.010547

4320 Gà trống và viên đá quý. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G100T
Số ĐKCB: TN.010542, TN.010543, TN.010544

4321 Lão nhà giàu và người thợ da. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L108N
Số ĐKCB: TN.010538, TN.010539, TN.010540, TN.010541

4322 Ong và rắn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/O431V
Số ĐKCB: TN.010535, TN.010536, TN.010537

4323 Thỏ và ếch. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH400V
Số ĐKCB: TN.010532, TN.010533, TN.010534

4324 Chim bồ câu cẩu thả. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. : tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310B
Số ĐKCB: TN.010529, TN.010530, TN.010531

4325 Đừng hỏi tại sao? Khám phá - cơ.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/Đ556H
Số ĐKCB: TN.012866, TN.012867, TN.012868

4326 Đừng hỏi tại sao? Máy tính - y học. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/Đ556H
Số ĐKCB: TN.012863, TN.012864, TN.012865

4327 Đừng hỏi tại sao? Âm nhạc - giao.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/Đ556H
Số ĐKCB: TN.012860, TN.012861, TN.012862

4328 Đừng hỏi tại sao? Vũ trụ sinh học. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/Đ556H
Số ĐKCB: TN.012857, TN.012858, TN.012859

4329 Đừng hỏi tại sao? Thế giới tự.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/Đ556H
Số ĐKCB: TN.012854, TN.012855, TN.012856

4330 Lêna-Kítti - cô bé siêu nhân / Đoàn Lư. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 299tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/L250N
Số ĐKCB: TN.012851, TN.012852, TN.012853

4331 Phạm Ngọc Đa / Xuân Sách. - Hà Nội : Kim Đồng, 2010. - 163tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/PH104N
Số ĐKCB: TN.012848, TN.012849, TN.012850

4332 Tổ chức cắm trại / Phạm Văn Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 145tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796.54 14/T450C
Số ĐKCB: TN.012845, TN.012846, TN.012847

4333 Con chó trung thành. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.010526, TN.010527, TN.010528

4334 Gia vị, trái cây và rau củ. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/Gi-100V
Số ĐKCB: TN.012842, TN.012843, TN.012844

4335 Người thợ săn bị mắc lừa. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558T

Số ĐKCB: TN.010523, TN.010524, TN.010525

4336 Hoa. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/H401-

Số ĐKCB: TN.012839, TN.012840, TN.012841

4337 Bác nông dân và con rắn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B101D

Số ĐKCB: TN.010520, TN.010521, TN.010522

4338 Bò sát và động vật không xương.... - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/B400S

Số ĐKCB: TN.012836, TN.012837, TN.012838

4339 Thể thao. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/TH250T

Số ĐKCB: TN.012833, TN.012834, TN.012835

4340 Anh trai và em gái. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A107T

Số ĐKCB: TN.010517, TN.010518, TN.010519

4341 Cái khó ló cái khôn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C103K

Số ĐKCB: TN.010514, TN.010515, TN.010516

4342 Cậu bé da đen. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B

Số ĐKCB: TN.010511, TN.010512, TN.010513

4343 Sư Tử và Cá Heo. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550T

Số ĐKCB: TN.010508, TN.010509, TN.010510

4344 Côn trùng. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 580 14/C454T

Số ĐKCB: TN.012830, TN.012831, TN.012832

4345 Vật nuôi trong nhà. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/V124N
Số ĐKCB: TN.012827, TN.012828, TN.012829

4346 Thức ăn. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/TH552Ă
Số ĐKCB: TN.012824, TN.012825, TN.012826

4347 Âm nhạc. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/Â120N
Số ĐKCB: TN.012821, TN.012822, TN.012823

4348 Giao thông vận tải. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/GI-108T
Số ĐKCB: TN.012818, TN.012819, TN.012820

4349 Các loại rau củ quả. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C101L
Số ĐKCB: TN.012815, TN.012816, TN.012817

4350 Trái cây. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/TR103C
Số ĐKCB: TN.012812, TN.012813, TN.012814

4351 Gia đình. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012809, TN.012810, TN.012811

4352 360 thám hiểm nhóm máu 0. - Tp. Hồ Chí Minh, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012806, TN.012807, TN.012808

4353 360 thám hiểm nhóm máu B. - Tp. Hồ Chí Minh, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012803, TN.012804, TN.012805

4354 360 thám hiểm nhóm máu AB. - Tp. Hồ Chí Minh, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012800, TN.012801, TN.012802

4355 360 thám hiểm nhóm máu A. - Tp. Hồ Chí Minh, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012797, TN.012798, TN.012799

4356 Cáo và Khỉ. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010505, TN.010506, TN.010507

4357 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 172tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 172tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012769, TN.012770

4358 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012795, TN.012796

4359 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012793, TN.012794

4360 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012791, TN.012792

4361 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012789, TN.012790

4362 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012787, TN.012788

4363 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012785, TN.012786

4364 Con chuột túi được nuông chiều. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010502, TN.010503, TN.010504

4365 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012783, TN.012784

4366 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012781, TN.012782

4367 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012779, TN.012780

4368 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012777, TN.012778

4369 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012775, TN.012776

4370 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012773, TN.012774

4371 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012767, TN.012768

4372 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012765, TN.012766

4373 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012763, TN.012764

4374 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012761, TN.012762

4375 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 169tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012759, TN.012760

4376 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 171tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 171tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012757, TN.012758

4377 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 175tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 175tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012755, TN.012756

4378 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 172tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 172tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012753, TN.012754

4379 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 172tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 172tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012771, TN.012772

4380 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - tập ; cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012751, TN.012752

4381 Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 178tr. ; 18cm
Bitagi - Anh chàng ngổ ngáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 178tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/B300T
Số ĐKCB: TN.012749, TN.012750

4382 Aladin và cây đèn thần. - Hà Nội, 2009. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A100L
Số ĐKCB: TN.010499, TN.010500, TN.010501

4383 Heidi cô bé mồ côi. - Hà Nội, 2009. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H200D
Số ĐKCB: TN.010496, TN.010497, TN.010498

4384 Hansel Gretel. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H105S
Số ĐKCB: TN.010493, TN.010494, TN.010495

4385 Alice lạc vào xứ thần tiên / Hoàng Chương b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 168tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A100L
Số ĐKCB: TN.010490, TN.010491, TN.010492

4386 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012747, TN.012748

4387 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012745, TN.012746

4388 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012743, TN.012744

4389 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012741, TN.012742

4390 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012739, TN.012740

4391 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012737, TN.012738

4392 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012735, TN.012736

4393 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012733, TN.012734

4394 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012731, TN.012732

4395 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012729, TN.012730

4396 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012727, TN.012728

4397 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012725, TN.012726

4398 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012723, TN.012724

4399 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012721, TN.012722

4400 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012719, TN.012720

4401 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012717, TN.012718

4402 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012715, TN.012716

4403 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012713, TN.012714

4404 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012711, TN.012712

4405 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012709, TN.012710

4406 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012707, TN.012708

4407 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012705, TN.012706

4408 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012703, TN.012704

4409 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012701, TN.012702

4410 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012699, TN.012700

4411 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012697, TN.012698

4412 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012695, TN.012696

4413 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012693, TN.012694

4414 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012691, TN.012692

4415 Cô bé quàng khăn đỏ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B
Số ĐKCB: TN.010487, TN.010488, TN.010489

4416 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012689, TN.012690

4417 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - tập ; cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012687, TN.012688

4418 Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 205tr. ; 18cm
Đấu trường rực lửa / Marimo Ragawa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 205tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ125T
Số ĐKCB: TN.012685, TN.012686

4419 Ba chú heo con. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 16tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B100C
Số ĐKCB: TN.010484, TN.010485, TN.010486

4420 Con ngỗng vàng. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2009. - 16tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430N
Số ĐKCB: TN.010481, TN.010482, TN.010483

4421 Nàng tiên cá. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N106T
Số ĐKCB: TN.010478, TN.010479, TN.010480

4422 Con Nai không có tim. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430N
Số ĐKCB: TN.010475, TN.010476, TN.010477

4423 Con Hươu sao tội nghiệp. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430H
Số ĐKCB: TN.010472, TN.010473, TN.010474

4424 Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 181tr. ; 18cm
Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 181tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305Đ
Số ĐKCB: TN.012683, TN.012684

4425 Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 188tr. ; 18cm
Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 188tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305Đ
Số ĐKCB: TN.012681, TN.012682

4426 Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305Đ
Số ĐKCB: TN.012679, TN.012680

4427 Thiên địa nam nhi / T.Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - tập ; cm
Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 179tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305Đ
Số ĐKCB: TN.012677, TN.012678

4428 Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Thiên địa nam nhi / T. Rexsun. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305Đ
Số ĐKCB: TN.012675, TN.012676

4429 Miệng lưỡi của chồn hôi. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M306L
Số ĐKCB: TN.010469, TN.010470, TN.010471

4430 Bộ tóc giả của anh đầu trọc. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B450T
Số ĐKCB: TN.010466, TN.010467, TN.010468

4431 Mảnh ván bị bỏ rơi. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M107V
Số ĐKCB: TN.010463, TN.010464, TN.010465

4432 Cây sậy và cây cao su. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C126S
Số ĐKCB: TN.010460, TN.010461, TN.010462

4433 Cái bao bố. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C103B
Số ĐKCB: TN.010457, TN.010458, TN.010459

4434 Ai mạnh nhất. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A300M
Số ĐKCB: TN.010454, TN.010455, TN.010456

4435 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012673, TN.012674

4436 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012671, TN.012672

4437 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012669, TN.012670

4438 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012667, TN.012668

4439 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 187tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012665, TN.012666

4440 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012663, TN.012664

4441 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012661, TN.012662

4442 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 185tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 185tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012659, TN.012660

4443 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - tập ; cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 176tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012657, TN.012658

4444 Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Pha lê diệu kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/PH100L
Số ĐKCB: TN.012655, TN.012656

4445 Con cừu chịu oan. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.010451, TN.010452, TN.010453

4446 Sư tử con trở lại ngôi vua. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550T
Số ĐKCB: TN.010448, TN.010449, TN.010450

4447 Vì sao hươu tránh người. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V300S
Số ĐKCB: TN.010445, TN.010446, TN.010447

4448 Con quạ ngu ngốc. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430Q
Số ĐKCB: TN.010443, TN.010444

4449 Mỗi em bé là một thiên tài - Tôi 6 tuổi. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 90tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/M452E
Số ĐKCB: TN.012649, TN.012650, TN.012651

4450 Mỗi em bé là một thiên tài - Tôi 5 tuổi. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 90tr. ; 28cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/M452E
Số ĐKCB: TN.012646, TN.012647, TN.012648

4451 Mỗi em bé là một thiên tài - Tôi 4 tuổi. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 90tr. ; 28cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/M452E
Số ĐKCB: TN.012643, TN.012644, TN.012645

4452 Người mẹ và đứa con phạm tội. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558M
Số ĐKCB: TN.010440, TN.010441, TN.010442

4453 Mỗi em bé là một thiên tài - Tôi 3 tuổi. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 90tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/M452E
Số ĐKCB: TN.012640, TN.012641, TN.012642

4454 Cậu bé và chiếc lược. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.010437, TN.010438, TN.010439

4455 Con Chó tham ăn. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.010434, TN.010435, TN.010436

4456 Phù thủy Lilli. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 14/PH500T
Số ĐKCB: TN.012637, TN.012638, TN.012639

4457 Con Quạ xui xẻo. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430Q
Số ĐKCB: TN.010431, TN.010432, TN.010433

4458 Phù thủy Lilli. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 14/PH500T
Số ĐKCB: TN.012634, TN.012635, TN.012636

4459 Phù thủy Lilli. - Hà Nội : Phụ nữ, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 14/PH500T
Số ĐKCB: TN.012631, TN.012632, TN.012633

4460 Con muỗi hống hách. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430M
Số ĐKCB: TN.010428, TN.010429, TN.010430

4461 Sói đội lốt cừu. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S428Đ
Số ĐKCB: TN.010425, TN.010426, TN.010427

4462 Lừa rừng và lừa nhà. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L551R

Số ĐKCB: TN.010422, TN.010423, TN.010424

4463 Emily Windsnap và lâu.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/E200M

Số ĐKCB: TN.012628, TN.012629, TN.012630

4464 Emily Windsnap và quái.... - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/E200M

Số ĐKCB: TN.012625, TN.012626, TN.012627

4465 Cua và cáo. - Hà Nội, 2009. - 12tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C501V

Số ĐKCB: TN.010420, TN.010421

4466 Giúp em học tốt...9. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.012615

4467 Giai nhân quái vật. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.010417, TN.010418, TN.010419

4468 Cái tên kỳ dị. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.010414, TN.010415, TN.010416

4469 Trẻ em khéo tay gấp hình. - Hà Nội : Mĩ Thuật, 2010. - 167tr. ; 21cm
Trẻ em khéo tay gấp hình. - Hà Nội : Mĩ Thuật, 2010. - 167tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 736 14/TR200E

Số ĐKCB: TN.012616, TN.012617, TN.012618

4470 Trẻ em khéo tay gấp hình. - Hà Nội : Mĩ Thuật, 2010. - 167tr. ; 21cm
Trẻ em khéo tay gấp hình. - Hà Nội : Mĩ Thuật, 2010. - 167tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 736 14/TR200E

Số ĐKCB: TN.012619, TN.012620, TN.012621

4471 Con quỷ và ba cậu bé / Thuỳ Chi t.ch. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 196tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430Q

Số ĐKCB: TN.010411, TN.010412, TN.010413

4472 Chiếc nhẫn thần. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. - 146tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH303N
Số ĐKCB: TN.010408, TN.010409, TN.010410

4473 Hệ thống hoá kiến thức và hướng dẫn làm bài ngữ văn 9. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 256tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 806 14/H250T
Số ĐKCB: TN.012609, TN.012610, TN.012611

4474 Hoàng tử mình rắn / St và t.ch.: Mạnh Linh, Thanh Trâm. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.010405, TN.010406, TN.010407

4475 Thám tử tí hon: Giải cứu.... - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010402, TN.010403, TN.010404

4476 Bài tập Toán 9. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.012606, TN.012607, TN.012608

4477 Đề kiểm tra kiến thức Tiếng Anh 9. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012612, TN.012613, TN.012614

4478 Bài tập ngữ văn 9. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Bài tập ngữ văn 9. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 806.7 14/B103T
Số ĐKCB: TN.012603, TN.012604, TN.012605

4479 Phân loại và phương pháp...9 / Đỗ Xuân Hưng. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012601, TN.012602

4480 Nghĩ nhanh đoán chuẩn. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010399, TN.010400, TN.010401

4481 Hãy nói đi, Charles / Vincent Cuvellier; Dutertre Charles; Phạm Bích Thuỷ d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2009. - 78tr : Tranh ảnh ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 H112N
Số ĐKCB: TN.010395, TN.010396

4482 Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 6 tập ; 20cm
Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s.. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 96tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.9 14/KH104P
Số ĐKCB: TN.010392, TN.010393, TN.010394

4483 Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 6 tập ; 20cm
Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s.. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 96tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.9 14/KH104P
Số ĐKCB: TN.010389, TN.010390, TN.010391

4484 Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 6 tập ; 20cm
Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s.. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 96tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.9 14/KH104P
Số ĐKCB: TN.010386, TN.010387, TN.010388

4485 Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 6 tập ; 20cm
Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s.. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 96tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.9 14/KH104P
Số ĐKCB: TN.010383, TN.010384, TN.010385

4486 Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 6 tập ; 20cm
Khám phá trái đất / Trần Thượng Thủ b.s.. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 96tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.9 14/KH104P
Số ĐKCB: TN.010380, TN.010381, TN.010382

4487 Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s. - Hà Nội : Giáo dục, 2008. - 6 tập ; 20cm
Khám phá trái đất / Lý Thái Thuận b.s.. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 104tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 938 14/KH104P
Số ĐKCB: TN.010377, TN.010378, TN.010379

4488 Bài tập thực hành Vật lý 8 / Phạm Ngọc Tiến. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/B103T
Số ĐKCB: TN.012595, TN.012596, TN.012597

4489 Đề kiểm tra kiến thức Tiếng Anh 8. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012592, TN.012593, TN.012594

4490 Bài tập thực hành Tiếng Anh 7. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428.0076 14/B103T
Số ĐKCB: TN.012589, TN.012590, TN.012591

4491 Đề kiểm tra kiến thức Tiếng Anh 7. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012586, TN.012587, TN.012588

4492 Bài tập thực hành Tiếng Anh 6. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428.0076 14/B103T
Số ĐKCB: TN.012583, TN.012584, TN.012585

4493 Những người bạn ở xứ nhiệt đới : Truyện tranh / Pascale Vèdère d'Auria lời; Salembier Philippe tranh; Đinh Thị Liêu d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 16tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.010372, TN.010373

4494 Đề kiểm tra kiến thức Tiếng Anh 6. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 132tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/Đ250K
Số ĐKCB: TN.012580, TN.012581, TN.012582

4495 Những người bạn ở vùng cao : Truyện tranh / Pascale Vèdère d'Auria lời; Salembier Philippe tranh; Đinh Thị Liêu d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 16tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.010370, TN.010371

4496 Những người bạn ở rừng xanh : Truyện tranh / Pascale Vèdère d'Auria lời; Salembier Philippe tranh; Đinh Thị Liêu d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 16tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.010368, TN.010369

4497 Hướng dẫn tìm lời giải... / Nguyễn Thái Hòe. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012577, TN.012578, TN.012579

4498 Tôn Ngộ Không .... - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T454N
Số ĐKCB: TN.010365, TN.010366, TN.010367

4499 Các đề kiểm tra định kỳ Tiếng Anh lớp 1 / Phạm Trí Thiện. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.6 14/C101Đ
Số ĐKCB: TN.012574, TN.012575, TN.012576

4500 Các đề kiểm tra định kỳ Tiếng Anh lớp 5 / Phạm Trí Thiện. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.6 14/C101Đ
Số ĐKCB: TN.012571, TN.012572, TN.012573

4501 Ôn luyện kiểm tra định kỳ Tiếng Việt 5. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - 163tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.6 14/Ô454L
Số ĐKCB: TN.012568, TN.012569, TN.012570

4502 Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 16tr. : tranh màu ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/N106B
Số ĐKCB: TN.010360, TN.010361, TN.010362

4503 157 hỏi đáp nhanh trí thông minh / Lan Anh b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 144tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/M458T
Số ĐKCB: TN.010357, TN.010358, TN.010359

4504 157 câu hỏi trắc nghiệm thông minh / Thanh Bình b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.73 14/M458T
Số ĐKCB: TN.010354, TN.010355, TN.010356

4505 Hoàng tử hạnh phúc. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. : tranh màu ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/H407T
Số ĐKCB: TN.010353

4506 Thỏ và Rùa. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TH400V
Số ĐKCB: TN.010350, TN.010351, TN.010352

4507 Cậu bé thông minh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C125B
Số ĐKCB: TN.010347, TN.010348, TN.010349

4508 Khỉ vớt trăng. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/KH300V
Số ĐKCB: TN.010344, TN.010345, TN.010346

4509 Quạ uống nước. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/QU100U
Số ĐKCB: TN.010341, TN.010342, TN.010343

4510 Con cáo và chùm nho. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430C
Số ĐKCB: TN.010338, TN.010339, TN.010340

4511 Rèn luyện kỹ năng Tập Làm Văn lớp 4. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.7 14/R203L
Số ĐKCB: TN.012560, TN.012561

4512 Lừa đội lốt sư tử. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/L551Đ
Số ĐKCB: TN.010335, TN.010336, TN.010337

4513 Các đề kiểm tra môn tiếng Anh lớp 3 / Phạm Trí Thiện. - Hà Nôi : Đại học Quốc gia, 2010. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/C101Đ
Số ĐKCB: TN.012557, TN.012558, TN.012559

4514 Ala đanh và cây đèn thần. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A100L
Số ĐKCB: TN.010332, TN.010333, TN.010334

4515 Công chúa ngủ trong rừng / Ngô Minh Vân d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455C
Số ĐKCB: TN.010329, TN.010330, TN.010331

4516 Cô bé bán diêm. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.010326, TN.010327, TN.010328

4517 Alibaba và bốn mươi tên cướp / D.: Hữu Ngọc, Ngọc Khánh, Vân Thúy. - Hà Nội : Dân trí, 2008. - 18tr. : tranh màu ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/A100L
Số ĐKCB: TN.010323, TN.010324, TN.010325

4518 Các đề kiểm tra môn tiếng Anh lớp 2 / Phạm Trí Thiện. - Hà Nôi : Đại học Quốc gia, 2010. - tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/C101Đ
Số ĐKCB: TN.012545, TN.012546

4519 Hoàng tử Ếch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 20tr. : tranh màu ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.010320, TN.010321, TN.010322

4520 Động vật rừng. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Đ455V

Số ĐKCB: TN.010317, TN.010318, TN.010319

4521 Kiến trúc. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/K305T

Số ĐKCB: TN.010314, TN.010315, TN.010316

4522 80 đề kiểm tra toán tiểu học = Tám mươi đề kiểm tra toán tiểu học / Phạm Trí Thiện. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T104M

Số ĐKCB: TN.012548, TN.012549, TN.012550

4523 Sinh vật biển. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S312V

Số ĐKCB: TN.010311, TN.010312, TN.010313

4524 Côn trùng. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C454T

Số ĐKCB: TN.010308, TN.010309, TN.010310

4525 Ôn luyện kiến thức và kĩ năng môn Toán tiểu học / Phạm Đình Thực. - Hà Nội : Giáo dục,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 14/Ô454L

Số ĐKCB: TN.012540, TN.012541, TN.012542

4526 Xe ô tô. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/X200Ô

Số ĐKCB: TN.010305, TN.010306, TN.010307

4527 Bò sát, lưỡng cư. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B400S

Số ĐKCB: TN.010302, TN.010303, TN.010304

4528 Tàu thuyền. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T111T

Số ĐKCB: TN.010299, TN.010300, TN.010301

4529 Máy bay. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/M112B

Số ĐKCB: TN.010296, TN.010297, TN.010298

4530 Giu Cốp - vị tướng thiên tài của nước Nga / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 355.0092 14/GI-500C
Số ĐKCB: TN.012537, TN.012538, TN.012539

4531 Xe mô tô. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/X200M
Số ĐKCB: TN.010293, TN.010294, TN.010295

4532 Cuộc thảm sát kinh hoàng ở Mĩ Lai / Đoàn Triệu Long. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 43tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704332 14/C514T
Số ĐKCB: TN.012534, TN.012535, TN.012536

4533 Chim / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/CH310
Số ĐKCB: TN.010290, TN.010291, TN.010292

4534 Phan Bội Châu - nhà chí sĩ yêu nước / Phan Thị Ngọc Anh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 43tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.703092 14/PH105B
Số ĐKCB: TN.012531, TN.012532, TN.012533

4535 Kiến trúc. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720 14/K305T
Số ĐKCB: TN.010287, TN.010288, TN.010289

4536 Đặng Dung cứu nước, mài gươm đến bạc đầu / Đoàn Triệu Long. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7024 14/Đ116D
Số ĐKCB: TN.012528, TN.012529, TN.012530

4537 Nguyễn Lộ Trạch - Người mang tư tưởng canh tân đất nước / Đoàn Triệu Long. - Hà Nội :
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.703 14/NG527L
Số ĐKCB: TN.012525, TN.012526, TN.012527

4538 Thám hiểm rừng Châu Phi. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Trẻ, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010284, TN.010285, TN.010286

4539 Nguyễn Biểu danh tướng nhà hậu Trần / Lê Như Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 47tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7025 14/NG527B
Số ĐKCB: TN.012522, TN.012523, TN.012524

4540 Thử tài thám tử truy tìm thủ phạm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Trẻ, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010281, TN.010282, TN.010283

4541 Nguyễn Nhạc và phong trào Tây Sơn / Đoàn Thị Tuyết Mai. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 31tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7028 14/NG527N
Số ĐKCB: TN.012519, TN.012520, TN.012521

4542 Khám phá Kim Tự Tháp. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010278, TN.010279, TN.010280

4543 Nguyễn Văn Trỗi - người mưu sát Mắc Na-Ma-Ra / Phạm Văn Hải. - Hà Nội : Giáo dục, 2009.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7043 14/NG527V
Số ĐKCB: TN.012516, TN.012517, TN.012518

4544 Mười vạn câu hỏi vì sao? / B.s: Thanh Bình, Lan Anh. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. -
Tóm tắt: Những câu giải đáp lý thú về thực vật, động vật, trái đất, con người, khoa học kỹ thuật

Ký hiệu phân loại: 001 M558V
Số ĐKCB: TN.010272, TN.010273, TN.010274

4545 Từ điển Anh - Việt bằng hình cho trẻ em / Phạm Cao Hoàn. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 66tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/T550Đ
Số ĐKCB: TN.010269, TN.010270, TN.010271

4546 Từ điển Anh - Việt bằng hình cho trẻ em / Phạm Cao Hoàn. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 64tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/T550Đ
Số ĐKCB: TN.010266, TN.010267, TN.010268

4547 Anh hùng Nguyễn Phan Vinh / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/M101Đ
Số ĐKCB: TN.012513, TN.012514, TN.012515

4548 Mạc Đăng Dung vị vua đầu tiên / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7021092 14/M101Đ
Số ĐKCB: TN.012510, TN.012511, TN.012512

4549 Hoàng đế Napôlêông / Trần Tích Thành. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.012507, TN.012508, TN.012509

4550 Thạch Sanh : Truyện tranh / Tạ Thúc Bình Tranh ; Hồng Hà lời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TH102S
Số ĐKCB: TN.010263, TN.010264, TN.010265

4551 Những cuộc phiêu lưu của Pinochio. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.010260, TN.010261, TN.010262

4552 Lê Hồng Phong người con ưu tú / Lê Như Hạnh. - Hà Nội : Giáo dục, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/L250H
Số ĐKCB: TN.012504, TN.012505, TN.012506

4553 Nguyễn Trường Tộ người mong muốn đổi mới đất nước / Nguyễn Thị Tâm. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7028092 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.012501, TN.012502, TN.012503

4554 Tiên nữ / Tony Wolf; Châu Diên d.. - Hà Nội, 2008. - 48tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813 14/T305N
Số ĐKCB: TN.010257, TN.010258, TN.010259

4555 Thần lùn / Tony Wolf; Châu Diên d.. - Hà Nội, 2008. - 48tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813 14/TH121L
Số ĐKCB: TN.010254, TN.010255, TN.010256

4556 Những ông khổng lồ / Tony Wolf; Châu Diên d.. - Hà Nội, 2008. - 48tr. ; 29cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813 14/NH556Ô
Số ĐKCB: TN.010251, TN.010252, TN.010253

4557 Công chúa đi tìm hạnh phúc. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C455C
Số ĐKCB: TN.007498, TN.007499, TN.007500

4558 Công chúa hóa chim. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C455C
Số ĐKCB: TN.007495, TN.007496, TN.007497

4559 Cô bé lọ lem. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C450B
Số ĐKCB: TN.007492, TN.007493, TN.007494

4560 Hòn đá kỳ diệu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/H430Đ
Số ĐKCB: TN.007489, TN.007490, TN.007491

4561 Tình mẹ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/T312M
Số ĐKCB: TN.007486, TN.007487, TN.007488

4562 Đứa con của nữ thần cáo. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/Đ551C
Số ĐKCB: TN.007483, TN.007484, TN.007485

4563 Công chúa và ba anh tài. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C455C
Số ĐKCB: TN.007480, TN.007481, TN.007482

4564 Công chúa và chàng sáo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C455C
Số ĐKCB: TN.007474, TN.007475, TN.007476

4565 Cư dân của rừng / Tony Wolf; Châu Diên d.. - Hà Nội, 2008. - 38tr. ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/C550D
Số ĐKCB: TN.010248, TN.010249, TN.010250

4566 Tôn Ngộ Không ba lần đánh Bạch Cốt Tinh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 114tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T454N
Số ĐKCB: TN.010245, TN.010246, TN.010247

4567 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007471, TN.007472, TN.007473

4568 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007468, TN.007469, TN.007470

4569 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007465, TN.007466, TN.007467

4570 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007461, TN.007462, TN.007463, TN.007464

4571 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007458, TN.007459, TN.007460

4572 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007456, TN.007457

4573 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007453, TN.007454, TN.007455

4574 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007450, TN.007451, TN.007452

4575 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007447, TN.007448, TN.007449

4576 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007444, TN.007445, TN.007446

4577 Thời trang. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010242, TN.010243, TN.010244

4578 Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon bảo bố, đố vui / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007441, TN.007442, TN.007443

4579 Chuyện bầy dê. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/CH527B
Số ĐKCB: TN.007437, TN.007438, TN.007439, TN.007440

4580 Sư tử và gấu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/S550T
Số ĐKCB: TN.007430, TN.007431, TN.007432, TN.007433

4581 Hai người bạn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/H103N
Số ĐKCB: TN.007427, TN.007428, TN.007429

4582 Khỉ trồng chuối. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/KH300T
Số ĐKCB: TN.007424, TN.007425, TN.007426

4583 Hai chú khỉ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/H103C
Số ĐKCB: TN.007421, TN.007422, TN.007423

4584 Cáo xảo quyệt. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/C108X
Số ĐKCB: TN.007418, TN.007419, TN.007420

4585 Hổ và thỏ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/H450V
Số ĐKCB: TN.007415, TN.007416, TN.007417

4586 Đại chiến thế giới lần II. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/Đ103C
Số ĐKCB: TN.010239, TN.010240, TN.010241

4587 Đại chiến thế giới lần I. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/Đ103C
Số ĐKCB: TN.010236, TN.010237, TN.010238

4588 Rồng hổ và người. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/R455H
Số ĐKCB: TN.007412, TN.007413, TN.007414

4589 Rắn và rết. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895,9223 14/R115V
Số ĐKCB: TN.007411

4590 Những trận đánh nỗi tiếng. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010233, TN.010234, TN.010235

4591 Động vật nuôi. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010230, TN.010231, TN.010232

4592 Động vật biển. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010227, TN.010228, TN.010229

4593 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007324, TN.007325, TN.007326

4594 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007408, TN.007409, TN.007410

4595 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007405, TN.007406, TN.007407

4596 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007402, TN.007403, TN.007404

4597 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007399, TN.007400, TN.007401

4598 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007396, TN.007397, TN.007398

4599 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007393, TN.007394, TN.007395

4600 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007390, TN.007391, TN.007392

4601 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007387, TN.007388, TN.007389

4602 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007384, TN.007385, TN.007386

4603 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007381, TN.007382, TN.007383

4604 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007378, TN.007379, TN.007380

4605 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007374, TN.007375, TN.007376

4606 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007369, TN.007370, TN.007371

4607 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007366, TN.007367, TN.007368

4608 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007363, TN.007364, TN.007365

4609 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007360, TN.007361, TN.007362

4610 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007357, TN.007358, TN.007359

4611 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007354, TN.007355, TN.007356

4612 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007351, TN.007352, TN.007353

4613 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007348, TN.007349, TN.007350

4614 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007345, TN.007346, TN.007347

4615 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007342, TN.007343, TN.007344

4616 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007339, TN.007340, TN.007341

4617 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007336, TN.007337, TN.007338

4618 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007333, TN.007334, TN.007335

4619 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007330, TN.007331, TN.007332

4620 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007327, TN.007328, TN.007329

4621 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007321, TN.007322, TN.007323

4622 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007318, TN.007319, TN.007320

4623 Napoléon Bonaparte. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 26tr. : tranh màu ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 944.05092 23/N109B
Số ĐKCB: TN.010224, TN.010225, TN.010226

4624 365 chuyện kể hằng đêm. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 364tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/B100T
Số ĐKCB: TN.010221, TN.010222, TN.010223

4625 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007315, TN.007316, TN.007317

4626 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007312, TN.007313, TN.007314

4627 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007309, TN.007310, TN.007311

4628 Tấm cám : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 32 tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/T120C
Số ĐKCB: TN.010218, TN.010219, TN.010220

4629 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007306, TN.007307, TN.007308

4630 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007303, TN.007304, TN.007305

4631 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007300, TN.007301, TN.007302

4632 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007297, TN.007298, TN.007299

4633 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007294, TN.007295, TN.007296

4634 Atlats cho trẻ em. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 912 14/A110L
Số ĐKCB: TN.010214, TN.010215, TN.010216

4635 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007291, TN.007292, TN.007293

4636 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007288, TN.007289, TN.007290

4637 Đôrêmon / Fujiko, F.Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng. - cm. - 7500đ
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007285, TN.007286, TN.007287

4638 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007282, TN.007283, TN.007284

4639 Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Đôrêmon / Fujiko. F. Fujio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ250R
Số ĐKCB: TN.007279, TN.007280, TN.007281

4640 Junie B, Jones và chiếc xe buýt bốc mùi ngớ ngẩn / Barbara Park; d.: Hoàng Quỳnh Nga, Nguyễn Lan Hương. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2008. - 272tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 J500N
Số ĐKCB: TN.010211, TN.010212, TN.010213

4641 Karlsson trên mái nhà / Astrid Lindgren; Lê Quang d.. - Hà Nội : Văn học, 2008. - 426tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.1 14/K100R
Số ĐKCB: TN.010208, TN.010209, TN.010210

4642 Cha con hiếu hạnh / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH100C
Số ĐKCB: TN.007057, TN.007058, TN.007059

4643 Đổi thân mình lấy mắt cho cha / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452T
Số ĐKCB: TN.007054, TN.007055, TN.007056

4644 Người hiếu giúp nhau / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558H
Số ĐKCB: TN.007051, TN.007052, TN.007053

4645 Bức tranh của em gái tôi / Tạ Duy Anh. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2008. - 206tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B552T
Số ĐKCB: TN.010205, TN.010206, TN.010207

4646 157 câu hỏi luyện trí thông minh / Thanh Hải b.s. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 174tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.735 14/M458T
Số ĐKCB: TN.010200, TN.010201, TN.010202

4647 Câu hỏi khoa học lý thú. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010197, TN.010198, TN.010199

4648 365 chuyện kể hằng đêm. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 364tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/B100T
Số ĐKCB: TN.010194, TN.010195, TN.010196

4649 Hiếu hạnh trời thương / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H309H
Số ĐKCB: TN.007048, TN.007049, TN.007050

4650 Điệu hổ li sơn / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ309H
Số ĐKCB: TN.007045, TN.007046, TN.007047

4651 Hư trương thanh thế / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H550T
Số ĐKCB: TN.007042, TN.007043, TN.007044

4652 Kim thiền thoát xác / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K310T
Số ĐKCB: TN.007039, TN.007040, TN.007041

4653 Thuận thủ thiên dương / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH502T
Số ĐKCB: TN.007036, TN.007037, TN.007038

4654 Bé học giao thông / Trinh Hương biên tập. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2008. - 46tr. ; 24cm
Bé học giao thông / Trinh Hương biên tập. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2008. - 46tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.8 14/B200H
Số ĐKCB: TN.010191, TN.010192, TN.010193

4655 Tiên phát chế nhân / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T305P
Số ĐKCB: TN.007033, TN.007034, TN.007035

4656 Bé học giao thông / Trinh Hương biên tập. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2008. - 46tr. ; 24cm
Bé học giao thông / Trinh Hương biên tập. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2008. - 46tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.8 14/B200H
Số ĐKCB: TN.010188, TN.010189, TN.010190

Bé học giao thông. - Tp. Hồ Chí Minh, 2009. - 5 tập ; cm

4657 Bé học giao thông / Trinh Hương biên tập. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2008. - 46tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.8 14/B200H

Số ĐKCB: TN.010185, TN.010186, TN.010187

4658 Chỉ tang mạ hòa / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH300T

Số ĐKCB: TN.007030, TN.007031, TN.007032

4659 Di thi giá họa / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D300T

Số ĐKCB: TN.007027, TN.007028, TN.007029

4660 Sấn hỏa đả kiếp / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S121H

Số ĐKCB: TN.007024, TN.007025, TN.007026

4661 Nhất tiễn song điêu / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH124T

Số ĐKCB: TN.007021, TN.007022, TN.007023

4662 Đả thảo kinh xà / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ100T

Số ĐKCB: TN.007018, TN.007019, TN.007020

4663 Ti vi về làng / Yên Thi. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T300V

Số ĐKCB: TN.007015, TN.007016, TN.007017

4664 Xe buýt trong thành phố / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200B

Số ĐKCB: TN.007012, TN.007013, TN.007014

4665 Những đứa trẻ can đảm / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Nh556Đ

Số ĐKCB: TN.007009, TN.007010, TN.007011

4666 Bà tư bán chè / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100T

Số ĐKCB: TN.007006, TN.007007, TN.007008

4667 Những người bạn dễ thương / Sao Kim. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007003, TN.007004, TN.007005

4668 Sổ chi đội. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 324.2597014 14/S450C
Số ĐKCB: TN.010183, TN.010184

4669 Sổ tổng phụ trách Đội. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 52tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 324.2597014 14/S450T
Số ĐKCB: TN.010181, TN.010182

4670 Tí ngọng / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T300N
Số ĐKCB: TN.007000, TN.007001, TN.007002

4671 Sổ nhi đồng. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010179, TN.010180

4672 Kim Đồng / Hoàng Quảng Uyên. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2009. - 88tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K310Đ
Số ĐKCB: TN.010177, TN.010178

4673 Kể chuyện Bác Hồ : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 54tr. : tranh màu ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704092 23/K250C
Số ĐKCB: TN.010176

4674 Cuốn sách không bị mất / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C517S
Số ĐKCB: TN.006997, TN.006998, TN.006999

4675 Ông già tật nguyền / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ô455G
Số ĐKCB: TN.006994, TN.006995, TN.006996

4676 Trái tim hai màu / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR103T
Số ĐKCB: TN.006991, TN.006992, TN.006993

4677 Lòng nghĩa hiệp / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L431N
Số ĐKCB: TN.006988, TN.006989, TN.006990

4678 Qùa tặng của biển. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Q501T
Số ĐKCB: TN.006985, TN.006986, TN.006987

4679 Ông cả / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ô455C
Số ĐKCB: TN.006982, TN.006983, TN.006984

4680 Con trâu cứu nạn / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430T
Số ĐKCB: TN.006979, TN.006980, TN.006981

4681 Niềm tin / Thu Hiền. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N304T
Số ĐKCB: TN.006976, TN.006977, TN.006978

4682 Bạn có muốn làm việc trong.... - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.010150, TN.010151, TN.010152, TN.010153, TN.010154, TN.010155, TN.010156, TN.010157, TN.010158, TN.010159, TN.010160,

4683 Giọt nước mắt ăn năn / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI-435N
Số ĐKCB: TN.006973, TN.006974, TN.006975

4684 Ánh sáng tuổi thơ / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A107S
Số ĐKCB: TN.006970, TN.006971, TN.006972

4685 Mùa hè ở quê ngoại / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M501H
Số ĐKCB: TN.006967, TN.006968, TN.006969

4686 Đồng tiền mồ hôi / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ455T
Số ĐKCB: TN.006964, TN.006965, TN.006966

4687 Cô bé bán trứng cút / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.006961, TN.006962, TN.006963

4688 Chú chó hiệp sĩ / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.006958, TN.006959, TN.006960

4689 Cu gù hiếu thảo / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C500G
Số ĐKCB: TN.006955, TN.006956, TN.006957

4690 Người hàng xóm / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558H
Số ĐKCB: TN.006952, TN.006953, TN.006954

4691 Những điều cần biết về giới tính. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 162tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612.6 14/NH556Đ
Số ĐKCB: TN.010146, TN.010147

4692 Hớt tóc bình dân / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H467T
Số ĐKCB: TN.006949, TN.006950, TN.006951

4693 Hai thằng Hải / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H103T
Số ĐKCB: TN.006946, TN.006947, TN.006948

4694 Ông già bán đậu phộng / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ô455G
Số ĐKCB: TN.006943, TN.006944, TN.006945

4695 Cô bé trung thực / Hồng Ngọc. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.006940, TN.006941, TN.006942

4696 Nhà nhiếp ảnh nhí / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH100N
Số ĐKCB: TN.006937, TN.006938, TN.006939

4697 Ông hai ảo thuật / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ô455H
Số ĐKCB: TN.006934, TN.006935, TN.006936

4698 Chó sói. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010142, TN.010143

4699 Món quà nhân ái / Vũ Thảo. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M430Q
Số ĐKCB: TN.006931, TN.006932, TN.006933

4700 Cây xương rồng ra hoa / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.006928, TN.006929, TN.006930

4701 Lính cứu hỏa. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010140, TN.010141

4702 Thầy tôi / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH126T
Số ĐKCB: TN.006925, TN.006926, TN.006927

4703 Thầy giáo vùng cao / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH126G
Số ĐKCB: TN.006922, TN.006923, TN.006924

4704 Người học trò nghèo / Hồng Ngọc. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558H
Số ĐKCB: TN.006919, TN.006920, TN.006921

4705 Người đánh xe ngựa / Thu Hiền. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.006916, TN.006917, TN.006918

4706 Ramesses II. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 44tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 932 14/R100M
Số ĐKCB: TN.010138, TN.010139

4707 Về quê ăn tết / Yên Thi. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V250Q
Số ĐKCB: TN.006913, TN.006914, TN.006915

4708 Chú thương binh / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500T
Số ĐKCB: TN.006910, TN.006911, TN.006912

4709 Lớp trưởng mới / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L466T
Số ĐKCB: TN.006907, TN.006908, TN.006909

4710 Ba lém hồi tâm / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100L
Số ĐKCB: TN.006904, TN.006905, TN.006906

4711 Ngày đầu tiên đi bán báo / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG112Đ
Số ĐKCB: TN.006901, TN.006902, TN.006903

4712 Cơn bão đi qua / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C464B
Số ĐKCB: TN.006898, TN.006899, TN.006900

4713 Thiên thần áo trắng / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.006895, TN.006896, TN.006897

4714 Ngéo tay thay lời hứa / Thông Hiền. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG205T
Số ĐKCB: TN.006892, TN.006893, TN.006894

4715 Người lữ hành sa mạc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 44tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.41 14/NG558L
Số ĐKCB: TN.010136, TN.010137

4716 Tri thức bách khoa 2. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/TR300T
Số ĐKCB: TN.010134, TN.010135

4717 Cậu bé hay nói " không". - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 20tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/C125B
Số ĐKCB: TN.010131, TN.010132, TN.010133

4718 Tớ yêu bóng đá. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 20tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/T460Y
Số ĐKCB: TN.010129, TN.010130

4719 Một tâm hồn đẹp / Kim Thoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458T
Số ĐKCB: TN.006889, TN.006890, TN.006891

4720 Bầy chim non / Hồng Ngọc. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B126C
Số ĐKCB: TN.006886, TN.006887, TN.006888

4721 Điệu nhảy con gà tồ / Kim Thoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ309N
Số ĐKCB: TN.006883, TN.006884, TN.006885

4722 Vui đùa với tiểu tề thiên / Thi Yên. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V510Đ
Số ĐKCB: TN.006880, TN.006881, TN.006882

4723 Chú gà trống / Thi Yên. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500G
Số ĐKCB: TN.006877, TN.006878, TN.006879

4724 Cô bạn bí ẩn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 20tr. ; 16cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/C450B
Số ĐKCB: TN.010127, TN.010128

4725 Bữa tiệc kỳ lạ / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B551T
Số ĐKCB: TN.006874, TN.006875, TN.006876

4726 Học cách sống đẹp / Thu Hiền. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H419C
Số ĐKCB: TN.006871, TN.006872, TN.006873

4727 Nhật kí trong tù. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/NH124K
Số ĐKCB: TN.010125, TN.010126

4728 Giấc mơ / Thanh Loan. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI-119M
Số ĐKCB: TN.006868, TN.006869, TN.006870

4729 Lâu đài bí ẩn / Nguyễn Đại Lộc. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L125Đ
Số ĐKCB: TN.006865, TN.006866, TN.006867

4730 Cô bé thích hát / Nhã Kim. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.006862, TN.006863, TN.006864

4731 Giữ lòng trung thực / Thu Hiền. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI-550L
Số ĐKCB: TN.006859, TN.006860, TN.006861

4732 Sổ tay đoàn viên. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 324.2597 14/S450T
Số ĐKCB: TN.010124, TN.010166

4733 Con chim chích chòe / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.006856, TN.006857, TN.006858

4734 Thiên thần bé bỏng / Kim Thoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.006853, TN.006854, TN.006855

4735 Thách cưới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 90tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TH102C
Số ĐKCB: TN.010122, TN.010123

4736 Cô tiên giữa đời thường / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450T
Số ĐKCB: TN.006850, TN.006851, TN.006852

4737 Mùa hè kỳ diệu / Diên Vỹ. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M501H
Số ĐKCB: TN.006847, TN.006848, TN.006849

4738 Đi trà đá đây / Thiện Văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ300T
Số ĐKCB: TN.006844, TN.006845, TN.006846

4739 Tiếng sáo trong mơ / Kim Thoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T306S
Số ĐKCB: TN.006841, TN.006842, TN.006843

4740 Nhà quê / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH100Q
Số ĐKCB: TN.006838, TN.006839, TN.006840

4741 Ngôi nhà sân cỏ / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.006835, TN.006836, TN.006837

4742 Ven bến sông quê / Thi Yên. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V203B
Số ĐKCB: TN.006829, TN.006830, TN.006831

4743 Ngàn con hạt chiến / Thi Yên. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG105C
Số ĐKCB: TN.006826, TN.006827, TN.006828

4744 Công tử về quê / Châu Phi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C455T
Số ĐKCB: TN.006823, TN.006824, TN.006825

4745 Cô bé đi nạng gỗ / Thông Hiền. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.006820, TN.006821, TN.006822

4746 Bồ câu bay trong mơ / Thiện Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B450C
Số ĐKCB: TN.006817, TN.006818, TN.006819

4747 Hối hận vẫn chưa muộn / Nhã Kim. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H452H
Số ĐKCB: TN.006814, TN.006815, TN.006816

4748 Cậu bé bướng bĩnh / Nhã Kim. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.006811, TN.006812, TN.006813

4749 Hiệp sĩ cụt tay / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H307S
Số ĐKCB: TN.006808, TN.006809, TN.006810

4750 Buồn vui cùng cô bé / Nguyễn Đông Phước. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B517V
Số ĐKCB: TN.006805, TN.006806, TN.006807

4751 Người gác rừng / Thông Hiền. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558G
Số ĐKCB: TN.006802, TN.006803, TN.006804

4752 Đêm định mệnh / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ253Đ
Số ĐKCB: TN.006799, TN.006800, TN.006801

4753 Đôi song ca / Thơ Yên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452S
Số ĐKCB: TN.006796, TN.006797, TN.006798

4754 Người thầy bất đắc dĩ / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558T
Số ĐKCB: TN.006793, TN.006794, TN.006795

4755 Con bạch mã / Thi Yên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430B
Số ĐKCB: TN.006790, TN.006791, TN.006792

4756 Chơi thắng thắn / Kim Khánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 64tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K310K
Số ĐKCB: TN.006787, TN.006788, TN.006789

4757 Đường lên đỉnh PhanXiPăng / Yên Thi. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.006784, TN.006785, TN.006786

4758 Lỗi lầm đáng nhớ / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L452L
Số ĐKCB: TN.006781, TN.006782, TN.006783

4759 Tổ ấm / Kim Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T450Â
Số ĐKCB: TN.006778, TN.006779, TN.006780

4760 Chuyện ông quan mua chim. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 72tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH527 Ô
Số ĐKCB: TN.010120, TN.010121

4761 Tay ải tay ai. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 78tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/T112A
Số ĐKCB: TN.010118, TN.010119

4762 Vua bị chơi khăm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 78tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/V501B
Số ĐKCB: TN.010116, TN.010117

4763 Cẩn thận khi ở nhà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 613.6 14/C121T
Số ĐKCB: TN.010114, TN.010115

4764 Cẩn thận với người lạ và cả với người quen. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 613.6 14/C121T
Số ĐKCB: TN.010112, TN.010113

4765 Cẩn thận khi ra đường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 613.66 14/C121T
Số ĐKCB: TN.010110, TN.010111

4766 Cẩn thận khi ở gần nước. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 613.6 14/C121T
Số ĐKCB: TN.010108, TN.010109

4767 Thám hiểm hệ mặt trời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 523.2 14/TH104H
Số ĐKCB: TN.010106, TN.010107

4768 Búp bê biết đi / Lan Thảo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B521B
Số ĐKCB: TN.006775, TN.006776, TN.006777

4769 Tiểu hổ / Thiện Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T309H
Số ĐKCB: TN.006772, TN.006773, TN.006774

4770 Cho em nụ cười / Lan Thảo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH400E
Số ĐKCB: TN.006769, TN.006770, TN.006771

4771 Thi sĩ nhí / Thiên Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH300S
Số ĐKCB: TN.006766, TN.006767, TN.006768

4772 Nhà mở tình thương / Thiên Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH100M
Số ĐKCB: TN.006763, TN.006764, TN.006765

4773 Chiều mưa qua phố / Viên Thân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH309M
Số ĐKCB: TN.006760, TN.006761, TN.006762

4774 Niềm vui đến muộn / Thùy Lan. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N304V
Số ĐKCB: TN.006757, TN.006758, TN.006759

4775 Kẻ cắp xe đạp / Kim Thoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K200C
Số ĐKCB: TN.006754, TN.006755, TN.006756

4776 Chiếc gương soi kỳ lạ / Thi Yên; Thi Yên. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303G
Số ĐKCB: TN.006751, TN.006752, TN.006753

4777 Thế giới khủng long. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 122tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 567.9 14/TH250G
Số ĐKCB: TN.010104, TN.010105

4778 Lịch sử nhân loại. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 951 14/L302S
Số ĐKCB: TN.010102, TN.010103

4779 Phát minh khoa học. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010100, TN.010101

4780 Tôi là Coriander / Sally Gardner. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 352tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/T452L
Số ĐKCB: TN.010098, TN.010099

4781 Sổ tay phụ trách Đội. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 88tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 14/S450T
Số ĐKCB: TN.010096, TN.010097

4782 Sổ tay phụ trách sao. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 88tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 14/S450T
Số ĐKCB: TN.010094, TN.010095

4783 Huyền thoại hang cô tiên / Kim Thoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H527T
Số ĐKCB: TN.006748, TN.006749, TN.006750

4784 Những ngày trôi nổi / Kim Thoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.006745, TN.006746, TN.006747

4785 Nhìn lại chính mình / Thu Hiền. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH311L
Số ĐKCB: TN.006742, TN.006743, TN.006744

4786 Mái ấm yêu thương / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M103Â
Số ĐKCB: TN.006739, TN.006740, TN.006741

4787 Qùa tặng mẹ / Yên Nhi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/QU-100T
Số ĐKCB: TN.006736, TN.006737, TN.006738

4788 Hai bạn trùng tên / Thiện Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H103B
Số ĐKCB: TN.006733, TN.006734, TN.006735

4789 Hòn đảo bí mật / Thiện Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H430Đ
Số ĐKCB: TN.006730, TN.006731, TN.006732

4790 Chú chó thông minh / Thiện Văn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.006727, TN.006728, TN.006729

4791 Người bạn chân chính / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.006724, TN.006725, TN.006726

4792 Người bạn xa lạ / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.006721, TN.006722, TN.006723

4793 Ai thông minh ? / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A103T
Số ĐKCB: TN.006718, TN.006719, TN.006720

4794 Vườn cây cổ tích / Trần Quốc Toàn; Bùi Hải Nam m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 94tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V560C
Số ĐKCB: TN.010092, TN.010093

4795 Sinh nhật của Thúy chảnh / Nguyễn Đại Lộc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S312N
Số ĐKCB: TN.006715, TN.006716, TN.006717

4796 Mẹ ơi ! Xin hiểu lòng con / Kim Thoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M200Ơ
Số ĐKCB: TN.006712, TN.006713, TN.006714

4797 Món quà hạnh phúc / Lan Thùy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M430Q
Số ĐKCB: TN.006709, TN.006710, TN.006711

4798 Những người bạn nhỏ = Chicken soup for the pet lover's soul / Jack Canfield, Mark Victor Hansen ; Dịch: Việt Khương.... - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 173tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.006706, TN.006708, PD.042002, TN.006707

4799 Những cánh diều tuổi thơ / Kim Thoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.006703, TN.006704, TN.006705

4800 Cánh buồm đỏ thắm / Alexander Grin; Linh Tâm d.. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 158tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 C107B
Số ĐKCB: TN.010091

4801 Chiếc chìa khóa vàng. - Hà Nội, 2009. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010090

Chúa Sơn Lâm / Jee Yong Kim Tranh, lời; Nguyễn Ngọc Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 148tr. ; 21cm

4802 Chúa Sơn Lâm / Jee Yong Kim Tranh, lời; Nguyễn Ngọc Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 148tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/CH501S
Số ĐKCB: TN.010089

Chúa Sơn Lâm / Jee Yong Kim Tranh, lời; Nguyễn Ngọc Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 148tr. ; 21cm

4803 Chúa Sơn Lâm / Jee Yong Kim Tranh, lời; Nguyễn Ngọc Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 148tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/CH501S
Số ĐKCB: TN.010088

Chúa Sơn Lâm / Jee Yong Kim Tranh, lời; Nguyễn Ngọc Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 148tr. ; 21cm

4804 Chúa Sơn Lâm / Jee Yong Kim Tranh, lời; Nguyễn Ngọc Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 148tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/CH501S

Số ĐKCB: TN.010087

4805 Quyền sợ ma / Đỗ Tú Cường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 114tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/QU603S

Số ĐKCB: TN.010085, TN.010086

4806 Đôi găng tay thần / Trần Hồng Khánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452G

Số ĐKCB: TN.006700, TN.006701, TN.006702

4807 Nhành cọ non / Hồ Thi. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH107C

Số ĐKCB: TN.006697, TN.006698, TN.006699

4808 Tuổi thơ của mẹ / Thông Hiền. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515T

Số ĐKCB: TN.006694, TN.006695, TN.006696

4809 Vườn xoài quê nội / Lan Thùy. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V560X

Số ĐKCB: TN.006691, TN.006692, TN.006693

4810 Chiếc mũ tai bèo / Viên Thân. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303M

Số ĐKCB: TN.006688, TN.006689, TN.006690

4811 Dưới tán rừng xanh / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D558T

Số ĐKCB: TN.006685, TN.006686, TN.006687

4812 Con ốc biển / Thùy Lan. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430Ô

Số ĐKCB: TN.006682, TN.006683, TN.006684

4813 Thư kí Bác Hồ kể chuyện. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.010083, TN.010084

4814 Vua đố vui / Thiên văn. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V501Đ
Số ĐKCB: TN.006679, TN.006680, TN.006681

4815 Thư kí Bác Hồ kể chuyện. - Hà Nội, 2008. - 3 tập ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010081, TN.010082

4816 Nắng chiều quê nội / Lan Thảo. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N116C
Số ĐKCB: TN.006676, TN.006677, TN.006678

4817 Cô bé sữa xe đạp / Thạch Tâm. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH102T
Số ĐKCB: TN.006673, TN.006674, TN.006675

4818 Dưới mái nhà của ngoại / Ngô Thanh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D558M
Số ĐKCB: TN.006670, TN.006671, TN.006672

4819 Cô bé nhõng nhẽo. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.006667, TN.006668, TN.006669

4820 Đẹp lắm vườn cà / Kim Hoa. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ206L
Số ĐKCB: TN.006664, TN.006665, TN.006666

4821 Hoa hồng giấu trong cặp sách / Tôn Vân Hiểu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 426tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 613.9071 14/H401H
Số ĐKCB: TN.010080

4822 Những ngày vui / Diên Vỹ. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.006661, TN.006662, TN.006663

4823 Tí đen / Thương Thương. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T300Đ
Số ĐKCB: TN.006658, TN.006659, TN.006660

4824 Mơ làm võ sĩ / Thông Hiền. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M460L
Số ĐKCB: TN.006655, TN.006656, TN.006657

4825 Tai nạn đáng nhớ. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T103N

Số ĐKCB: TN.006652, TN.006653, TN.006654

4826 Công chúa Liễu Hạnh / Kim Khánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C455C

Số ĐKCB: TN.006601, TN.006602, TN.006603

4827 Qủa bầu thần / Kim Khánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/QU-100B

Số ĐKCB: TN.006607, TN.006608, TN.006609

4828 Ai mua hành tôi. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 128tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A300M

Số ĐKCB: TN.010076, TN.010077

4829 Ngày đầu tiên đi học. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B300M

Số ĐKCB: TN.010072, TN.010073

4830 Bí mật trong rừng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B300M

Số ĐKCB: TN.010070, TN.010071

4831 Ngày sinh nhật. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/NG112S

Số ĐKCB: TN.010068, TN.010069

4832 Truyện cổ Xyri. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.010066, TN.010067

4833 truyện cổ Iyracn. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.010064, TN.010065

4834 Hảo hán học đường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 172tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 14/H108H

Số ĐKCB: TN.010062, TN.010063

4835 Tấm lòng của ngoại / Nhã Kim. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T120L
Số ĐKCB: TN.006649, TN.006650, TN.006651

4836 Người lấy tiên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/NG558L
Số ĐKCB: TN.006646, TN.006647, TN.006648

4837 Nàng tiên cá. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N106T
Số ĐKCB: TN.006643, TN.006644, TN.006645

4838 Tội, lỗi hồn nhiên / Hoàng Anh Tú. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 198tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 371.8 14/T452
Số ĐKCB: TN.010060, TN.010061

4839 Ba báu vật của tí hon. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/B100B
Số ĐKCB: TN.006640, TN.006641, TN.006642

4840 Con trai người lái đò. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C430T
Số ĐKCB: TN.006637, TN.006638, TN.006639

4841 Công chúa trên tháp canh / Kim Khánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C455C
Số ĐKCB: TN.006634, TN.006635, TN.006636

4842 Nàng cẩm tú và búp bê / Kim Khánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N106C
Số ĐKCB: TN.006631, TN.006632, TN.006633

4843 Nàng tiên hoa cẩm chướng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N106T
Số ĐKCB: TN.006628, TN.006629, TN.006630

4844 Hoàng tử tò mò. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/H407T
Số ĐKCB: TN.006625, TN.006626, TN.006627

4845 Nàng thiên nga. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N106T
Số ĐKCB: TN.006622, TN.006623, TN.006624

4846 Tí hon và công chúa kiêu kỳ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/T300H
Số ĐKCB: TN.006619, TN.006620, TN.006621

4847 Con rùa thần. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C430R
Số ĐKCB: TN.006616, TN.006617, TN.006618

4848 Trần Minh khố chuối. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR121M
Số ĐKCB: TN.006613, TN.006614, TN.006615

4849 Tôi muốn biến khỏi thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 114tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 14/T452M
Số ĐKCB: TN.010058, TN.010059

4850 Chàng lùn lấy công chúa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 60tr.. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH106L
Số ĐKCB: TN.006610, TN.006611, TN.006612

4851 Ông vua bánh mì. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/Ô455V
Số ĐKCB: TN.006604, TN.006605, TN.006606

4852 Công chúa Mai Châu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 44tr. ; 15cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C455C
Số ĐKCB: TN.006595, TN.006596, TN.006597

4853 Vương quốc lớp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 14/V561
Số ĐKCB: TN.010056, TN.010057

4854 Hàm vàng hầm bạc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H120V
Số ĐKCB: TN.006589, TN.006590, TN.006591

4855 Tống Trân Cúc Hoa / Kim Khánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/T455T
Số ĐKCB: TN.006586, TN.006587, TN.006588

4856 Bò béo bò gầy / Kim Khánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B400B
Số ĐKCB: TN.006583, TN.006584, TN.006585

4857 Chừa tật nói khoác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH551T
Số ĐKCB: TN.006592, TN.006593, TN.006594

4858 Lam lam câu cá. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L104L
Số ĐKCB: TN.006581, TN.006582

4859 Bài học đầu năm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B103H
Số ĐKCB: TN.006579, TN.006580

4860 Cây cúc áo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C126C
Số ĐKCB: TN.006576, TN.006577, TN.006578

4861 Đào giếng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ108G
Số ĐKCB: TN.006573, TN.006574, TN.006575

4862 Chim sẻ lười biếng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310S
Số ĐKCB: TN.006570, TN.006571, TN.006572

4863 Cu tí đi học. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C500T
Số ĐKCB: TN.006567, TN.006568, TN.006569

4864 Khỉ con thông minh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/KH300C
Số ĐKCB: TN.006564, TN.006565, TN.006566

4865 Bé Tâm bị cua cặp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B200T
Số ĐKCB: TN.006561, TN.006562, TN.006563

4866 Chim vàng anh ca hát. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310V
Số ĐKCB: TN.006558, TN.006559, TN.006560

4867 Chim sẽ đồng và cô tiên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310S
Số ĐKCB: TN.006555, TN.006556, TN.006557

4868 Con công và mụ yêu quái. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.006552, TN.006553, TN.006554

4869 Hộp đen trong ngăn cặp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 106tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 371.8 14/H457Đ
Số ĐKCB: TN.010054, TN.010055

4870 Nô lệ thời @. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010052, TN.010053

Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

4871 Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010051

Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

4872 Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010050

Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

4873 Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010049

Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

4874 Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010047, TN.010048

Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

4875 Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010045, TN.010046

Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

4876 Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010043, TN.010044

Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

4877 Biên niên sử Narnia / C. S. Lewis; Lê Nguyễn Lê d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2009. - 224tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/B305N
Số ĐKCB: TN.010041, TN.010042

4878 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010039, TN.010040

4879 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010038

4880 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010036, TN.010037

4881 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010034, TN.010035

4882 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010032, TN.010033

4883 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010030, TN.010031

4884 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010028, TN.010029

4885 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010026, TN.010027

4886 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010024, TN.010025

4887 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010022, TN.010023

4888 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010020, TN.010021

4889 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010018, TN.010019

4890 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010016, TN.010017

4891 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010014, TN.010015

4892 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010012, TN.010013

4893 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010010, TN.010011

4894 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010008, TN.010009

4895 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010006, TN.010007

4896 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010004, TN.010005

4897 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010002, TN.010003

4898 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.010000, TN.010001

4899 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009998, TN.009999

4900 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009996, TN.009997

4901 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009994, TN.009995

4902 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009992, TN.009993

4903 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009990, TN.009991

4904 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009988, TN.009989

4905 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009986, TN.009987

4906 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009984, TN.009985

4907 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009982, TN.009983

4908 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009980, TN.009981

4909 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009978, TN.009979

4910 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009976, TN.009977

4911 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009974, TN.009975

4912 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009972, TN.009973

4913 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009970, TN.009971

4914 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009968, TN.009969

4915 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009966, TN.009967

4916 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009964, TN.009965

4917 Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Kính Vạn hoa / Nguyễn Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 168tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K312V
Số ĐKCB: TN.009962, TN.009963

4918 Con mèo đi hia. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430M
Số ĐKCB: TN.009957, TN.009958, TN.009959, TN.009960, TN.009961

4919 Cô bé quàng khăn đỏ. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B
Số ĐKCB: TN.009952, TN.009953, TN.009954, TN.009955, TN.009956

4920 Con yêu râu xanh : Truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 16tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430Y
Số ĐKCB: TN.009947, TN.009948, TN.009949, TN.009950, TN.009951

4921 Cô bé Lọ Lem : Truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 16tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B
Số ĐKCB: TN.009942, TN.009943, TN.009944, TN.009945, TN.009946

4922 Người đẹp ngủ trong rừng : Truyện tranh / Liliane Crismer tranh; Lời: Marie Duval, Alain Jost. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 16tr. : Tranh ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.009937, TN.009938, TN.009939, TN.009940, TN.009941

4923 Chú bé tí hon : Truyện tranh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2008. - 16tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.009932, TN.009933, TN.009934, TN.009935, TN.009936

4924 Những câu hỏi lý thú. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009927, TN.009928, TN.009929, TN.009930, TN.009931

4925 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009922, TN.009923, TN.009924, TN.009925, TN.009926

4926 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009917, TN.009918, TN.009919, TN.009920, TN.009921

4927 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009912, TN.009913, TN.009914, TN.009915, TN.009916

4928 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009907, TN.009908, TN.009909, TN.009910, TN.009911

4929 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009902, TN.009903, TN.009904, TN.009905, TN.009906

4930 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009897, TN.009898, TN.009899, TN.009900, TN.009901

4931 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009892, TN.009893, TN.009894, TN.009895, TN.009896

4932 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009887, TN.009888, TN.009889, TN.009890, TN.009891

4933 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009882, TN.009883, TN.009884, TN.009885, TN.009886

4934 Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tiếng cười nhân loại / Đoàn Tử Huyến ch.b. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9227 14/T306C
Số ĐKCB: TN.009877, TN.009878, TN.009879, TN.009880, TN.009881

4935 Ti mua và đồng đội / Gai Da. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009872, TN.009873, TN.009874, TN.009875, TN.009876

4936 Chiếc chìa khoá vàng hay là những cuộc phiêu lưu của Bu-ra-ti-nô / Alexei Tolxtoi ; Nguyễn Văn Thao d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 132tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 14/CH303C
Số ĐKCB: TN.009862, TN.009863, TN.009864, TN.009865, TN.009866

4937 Câu đố luyện trí thông minh. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009858, TN.009859

4938 Thuyền trưởng 15 tuổi / Jules Verne ; Nguyễn Văn Của d. rút gọn và g.t. - Hà Nội, 2007. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843.8 23/TH527T
Số ĐKCB: TN.009850, TN.009851

4939 Niềm tin cuộc sống. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009849

4940 Thời hoa đỏ / Đàm Huy Đông. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009848

4941 Mưa / Nguyễn Lưu Hồng Uyên. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009847

4942 Nhặt kiếm lên và đi.... - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009844, TN.009845

4943 Hà Nội chờ / Minh Nhật. - Hà Nội, 2007. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H100N
Số ĐKCB: TN.009842, TN.009843, TN.009846

4944 Trái tim thủy tinh / Hải Trang. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009840

4945 Tri kỷ / Huỳnh Hoa Thủy Tiền. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009839

4946 Gấu con được thưởng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G125C
Số ĐKCB: TN.006549, TN.006550, TN.006551

4947 Chim sẽ bị buộc chân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310S
Số ĐKCB: TN.006546, TN.006547, TN.006548

4948 Gấu con học làm xiếc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G125C
Số ĐKCB: TN.006543, TN.006544, TN.006545

4949 Vạc lười mắc bẫy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V101L
Số ĐKCB: TN.006540, TN.006541, TN.006542

4950 Chuyện về cu tủn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527V
Số ĐKCB: TN.006537, TN.006538, TN.006539

4951 Ả chuột hoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A100C
Số ĐKCB: TN.006534, TN.006535, TN.006536

4952 Mùa hè có mấy con ve / Lưu Thị Lương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M501H
Số ĐKCB: TN.009837, TN.009838

4953 Ỉn con lấm lem. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/I311C
Số ĐKCB: TN.006531, TN.006532, TN.006533

4954 Qùa tặng sinh nhật. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Q-501T
Số ĐKCB: TN.006528, TN.006529, TN.006530

4955 Vuông và tròn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V518V
Số ĐKCB: TN.006525, TN.006526, TN.006527

4956 Chuột nhắt đội mũ tai lừa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH519N
Số ĐKCB: TN.006522, TN.006523, TN.006524

4957 Chúa sơn lâm thua cuộc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH501S
Số ĐKCB: TN.006519, TN.006520, TN.006521

4958 Cậu bé bướng bỉnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.006516, TN.006517, TN.006518

4959 Ếch con tìm mẹ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ê252C
Số ĐKCB: TN.006513, TN.006514, TN.006515

4960 Cá chép con thắc mắc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C100C
Số ĐKCB: TN.006510, TN.006511, TN.006512

4961 Con cua tốt bụng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.006507, TN.006508, TN.006509

4962 Cún đốm nhà anh tí. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C512Đ
Số ĐKCB: TN.006504, TN.006505, TN.006506

4963 Ếch xanh ngoan ngoãn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ê252X
Số ĐKCB: TN.006501, TN.006502, TN.006503

4964 Nhẹ như lá. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 128tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH200T
Số ĐKCB: TN.009835, TN.009836

4965 Văn học thiếu nhi. - Tp. Hồ Chí Minh, 2004. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V115H
Số ĐKCB: TN.009823, TN.009824

4966 Cậu bé thông minh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.006498, TN.006499, TN.006500

4967 Chú gấu hay khoe. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500G
Số ĐKCB: TN.006495, TN.006496, TN.006497

4968 Bé Lan suýt bị cáo cắn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B200L
Số ĐKCB: TN.006492, TN.006493, TN.006494

4969 Chú chuột tắc te và chiếc.... - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.006489, TN.006490, TN.006491

4970 Kẻ trộm củ cải. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K200T
Số ĐKCB: TN.006486, TN.006487, TN.006488

4971 Chim én con. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310E
Số ĐKCB: TN.006483, TN.006484, TN.006485

4972 Thỏ trắng và sơn dương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH400T
Số ĐKCB: TN.006480, TN.006481, TN.006482

4973 Gấu con mất mũ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G125C
Số ĐKCB: TN.006477, TN.006478, TN.006479

4974 Quan tòa thờ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/QU-105T
Số ĐKCB: TN.006474, TN.006475, TN.006476

Công chúa búp bê / Selena Lin; Khánh Linh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 156tr. ; 18cm

4975 Công chúa búp bê / Selena Lin; Khánh Linh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 156tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C455C
Số ĐKCB: TN.009817

Công chúa búp bê / Selena Lin; Khánh Linh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 156tr. ; 18cm

4976 Công chúa búp bê / Selena Lin; Khánh Linh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2010. - 156tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C455C
Số ĐKCB: TN.009815

4977 Điện thoại trên ban công. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.006471, TN.006472, TN.006473

4978 Gấu con bị sâu răng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G125C
Số ĐKCB: TN.006468, TN.006469, TN.006470

4979 Tí tồ bị khỉ tóm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T300T
Số ĐKCB: TN.006465, TN.006466, TN.006467

4980 Cô bé bướng bỉnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.006462, TN.006463, TN.006464

4981 Tỉ tồ khoác lác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T300T
Số ĐKCB: TN.006459, TN.006460, TN.006461

4982 Giấc mơ của chẩu chuộc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI-119M
Số ĐKCB: TN.006456, TN.006457, TN.006458

4983 Tí béo biến thành quả bóng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T300B
Số ĐKCB: TN.006453, TN.006454, TN.006455

4984 Bác nhím bắt được áo lông. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B101N
Số ĐKCB: TN.006450, TN.006451, TN.006452

4985 Mèo làm bác sĩ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M205L
Số ĐKCB: TN.006447, TN.006448, TN.006449

4986 Cu tít đi đón bác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C500T
Số ĐKCB: TN.006444, TN.006445, TN.006446

4987 Ba ba tìm nhà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100B
Số ĐKCB: TN.006438, TN.006439, TN.006440

4988 Ba người bạn tốt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100N
Số ĐKCB: TN.006435, TN.006436, TN.006437

4989 Người máy giữ thư viện. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558M
Số ĐKCB: TN.006432, TN.006433, TN.006434

4990 Bói cá con đi học. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B428C
Số ĐKCB: TN.006429, TN.006430, TN.006431

4991 Ôi, nước kem ngọt quà !. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ô452N
Số ĐKCB: TN.006426, TN.006427, TN.006428

4992 Ỉn con ăn vụng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/I311C
Số ĐKCB: TN.006423, TN.006424, TN.006425

4993 Ở hiền gặp lành ở ác gặp ác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.006420, TN.006421, TN.006422

4994 Cậu bé thật thà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.006417, TN.006418, TN.006419

4995 Truyền thuyết hay nhất thế giới / Lan Anh t.ch. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2007. - 312tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527T
Số ĐKCB: TN.009805, TN.009806, TN.009807, TN.009808, TN.009809

4996 Tại sao chào mào nghỉ học. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T103S
Số ĐKCB: TN.006414, TN.006415, TN.006416

4997 Có con gì tiên gác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C400C
Số ĐKCB: TN.006411, TN.006412, TN.006413

4998 Cá rô con lên bờ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C100R
Số ĐKCB: TN.006408, TN.006409, TN.006410

4999 Lợn rừng chết hụt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L464R
Số ĐKCB: TN.006405, TN.006406, TN.006407

5000 Niềm vui của bé loan. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N304V
Số ĐKCB: TN.006402, TN.006403, TN.006404

5001 Vịt bầu chơi hú tim. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V314B
Số ĐKCB: TN.006399, TN.006400, TN.006401

5002 Ai là ông già râu đen. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A103L
Số ĐKCB: TN.006396, TN.006397, TN.006398

5003 Chuột túi hay quên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH519T

Số ĐKCB: TN.006393, TN.006394, TN.006395

5004 Cô bé và hoàng tử. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B

Số ĐKCB: TN.006390, TN.006391, TN.006392

5005 Mực con tốt bụng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M552C

Số ĐKCB: TN.006387, TN.006388, TN.006389

5006 Báo gầm suýt ngã. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B108G

Số ĐKCB: TN.006384, TN.006385, TN.006386

5007 Chuột dũi con đi mượn tai. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH519D

Số ĐKCB: TN.006381, TN.006382, TN.006383

5008 Dây giày biến cựa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D126G

Số ĐKCB: TN.006378, TN.006379, TN.006380

5009 Nàng công chúa có ba chân / Bernard Friot; Doãn Điền d.. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2007. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/N106C

Số ĐKCB: TN.009715, TN.009716, TN.009717, TN.009718, TN.009719

5010 Rắc rối chuyện anh em. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.006326, TN.006327, TN.006328, TN.006329

5011 Không là mọt sách mà vẫn giỏi. - Hà Nội : Giáo dục, 2003. - 95tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.3 14/KH455L

Số ĐKCB: TN.006322, TN.006323, TN.006324, TN.006325

5012 Ồ thế mà mình không biết. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.006318, TN.006319, TN.006320, TN.006321

5013 Trộm vịt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 16tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR453V
Số ĐKCB: TN.009680, TN.009681, TN.009682, TN.009683, TN.009684

5014 Người dũng cảm. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 24tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558D
Số ĐKCB: TN.006312, TN.006313, TN.006314

5015 Bảy người anh và cô em gái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 24tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 14/B112N
Số ĐKCB: TN.006309, TN.006310, TN.006311

5016 Sylvie & Bruno = Sylvie và Bruno. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Sylvie & Bruno = Sylvie và Bruno. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009675, TN.009676, TN.009677, TN.009678, TN.009679

5017 Cuộc gặp gỡ kì lạ của người.... - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.006306, TN.006307, TN.006308

5018 Thoát hiểm khi ở nhà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 23tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005510, TN.005511, TN.005512

5019 Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/L506C
Số ĐKCB: TN.009659

5020 Cây gậy thần : Truyện cổ dân gian Tày / Vĩnh Tường t.ch. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa,
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.006301, TN.006302, TN.006303, TN.006304, TN.006305, LD.008633

5021 Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/L506C
Số ĐKCB: TN.009658

5022 Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/L506C
Số ĐKCB: TN.009657

5023 Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/L506C
Số ĐKCB: TN.009656

5024 Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/L506C
Số ĐKCB: TN.009655

5025 Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Lục chỉ cầm ma / Nghê Khuông. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - 460tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/L506C
Số ĐKCB: TN.009654

5026 Hồn lúa và lão chủ nô. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 22tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/H454L
Số ĐKCB: TN.006296, TN.006297, TN.006298, TN.006299, TN.006300

5027 La tri luyện gà. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 24tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/L100T
Số ĐKCB: TN.006293, TN.006294, TN.006295

5028 Hoàng tử dưa hấu. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 24tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/H407T
Số ĐKCB: TN.006290, TN.006291, TN.006292

5029 Câu chuyện về chim Bách Linh. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 24tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/C125C
Số ĐKCB: TN.006287, TN.006288, TN.006289

5030 Hạnh phúc ở đâu. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 24tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H107P
Số ĐKCB: TN.006284, TN.006285, TN.006286

5031 Chó con muốn làm mặt trời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH400C
Số ĐKCB: TN.006281, TN.006282, TN.006283

5032 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009651, TN.009652, TN.009653

5033 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009649, TN.009650

5034 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009644, TN.009645, TN.009646, TN.009647, TN.009648

5035 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009639, TN.009640, TN.009641, TN.009642, TN.009643

5036 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009634, TN.009635, TN.009636, TN.009637, TN.009638

5037 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009629, TN.009630, TN.009631, TN.009632, TN.009633

5038 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009624, TN.009625, TN.009626, TN.009627, TN.009628

5039 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009619, TN.009620, TN.009621, TN.009622, TN.009623

5040 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009614, TN.009615, TN.009616, TN.009617, TN.009618

5041 Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Chuột vũ trụ / Trịnh Soái. - Hà Nội : Phụ nữ, 2008. - 60tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/CH519V
Số ĐKCB: TN.009609, TN.009610, TN.009611, TN.009612, TN.009613

5042 Sói và bác sĩ gõ kiến. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S428V
Số ĐKCB: TN.009584, TN.009585, TN.009586, TN.009587, TN.009588

5043 Cây sừng của hưu sao. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009569, TN.009570, TN.009571, TN.009572, TN.009573

5044 Sói già ngu ngốc. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S428G
Số ĐKCB: TN.009564, TN.009565, TN.009566, TN.009567, TN.009568

5045 Chó rừng và cọp. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH400R
Số ĐKCB: TN.009559, TN.009560, TN.009561, TN.009562, TN.009563

5046 Chú bé hạt đậu. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.009554, TN.009555, TN.009556, TN.009557, TN.009558

5047 Rùa và khỉ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/R501V
Số ĐKCB: TN.009549, TN.009550, TN.009551, TN.009552, TN.009553

5048 Những điều hỏi mãi chưa biết. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009544, TN.009545, TN.009546, TN.009547, TN.009548

5049 Chuyện ở xứ hoa tỉ muội. - Hà Nội, 2003. - 20tr. ; 20cm
Chuyện ở xứ hoa tỉ muội. - Hà Nội, 2003. - 20tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527Ơ
Số ĐKCB: TN.006278, TN.006279, TN.006280

5050 Ba hạt dẻ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 14tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/B100H
Số ĐKCB: TN.006275, TN.006276, TN.006277

5051 Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009532, TN.009533, TN.009534, TN.009535, TN.009536, TN.009537, TN.009538

5052 Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/S113M
Số ĐKCB: TN.009527, TN.009528, TN.009529, TN.009530, TN.009531

5053 Đại vương an an tây. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.006272, TN.006273, TN.006274

5054 Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/S113M
Số ĐKCB: TN.009522, TN.009523, TN.009524, TN.009525, TN.009526

5055 Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Sắc màu của những con chữ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 14tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/S113M
Số ĐKCB: TN.009517, TN.009518, TN.009519, TN.009520, TN.009521

5056 Bộ lục lớp CE2 chạm trán siêu nhân / Paul-Jacques Bonzon. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B450L
Số ĐKCB: TN.006268, TN.006269, TN.006270, TN.006271

5057 Bộ lục nhắm mắt đưa chân / Paul-Jacques Bonzon. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B450L
Số ĐKCB: TN.006264, TN.006265, TN.006266, TN.006267

5058 Bộ lục phạm pháp bất đắc dĩ / Paul-Jacques Bonzon. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B450L
Số ĐKCB: TN.006260, TN.006261, TN.006262, TN.006263

5059 Bộ lục chiếc găng tay bí ẩn / Paul-Jacques Bonzon. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/B50L
Số ĐKCB: TN.006256, TN.006257, TN.006258, TN.006259

5060 Con rùa vàng. - Hà Nội : Thanh niên, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430R
Số ĐKCB: TN.006250, TN.006251, TN.006252

5061 Cô bé chăn vịt. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 148tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.006247, TN.006248, TN.006249

5062 Chàng xamba Gana. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 148tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH106X
Số ĐKCB: TN.006244, TN.006245, TN.006246

5063 Chàng chăn bò hói đầu. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 148tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH106C
Số ĐKCB: TN.006241, TN.006242, TN.006243

5064 Chuyện chàng út. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 148tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.006239, TN.006240

5065 Con ngựa ba chân. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 147tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430N
Số ĐKCB: TN.006237, TN.006238

5066 Di chúc người cha. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 148tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/D300C
Số ĐKCB: TN.006234, TN.006235, TN.006236

5067 Con gái quốc vương và người thợ săn. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 148tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430G
Số ĐKCB: TN.006231, TN.006232, TN.006233

5068 Người đánh bại các hung thần. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 136tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.006228, TN.006229, TN.006230

5069 Giếng nước hoa hồng. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 144tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/GI-306N
Số ĐKCB: TN.006225, TN.006226, TN.006227

5070 Tấm nhiễu xanh. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 148tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/T120N
Số ĐKCB: TN.006222, TN.006223, TN.006224

5071 Cô vợ lười. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 147tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450V
Số ĐKCB: TN.006219, TN.006220, TN.006221

5072 Chim ưng thần. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310Ư
Số ĐKCB: TN.006216, TN.006217, TN.006218

5073 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009504, TN.009505, TN.009506

5074 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009501, TN.009502, TN.009503

5075 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009498, TN.009499, TN.009500

5076 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009495, TN.009496, TN.009497

5077 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009492, TN.009493, TN.009494

5078 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009489, TN.009490, TN.009491

5079 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009486, TN.009487, TN.009488

5080 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009483, TN.009484, TN.009485

5081 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009480, TN.009481, TN.009482

5082 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009477, TN.009478, TN.009479

5083 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009474, TN.009475, TN.009476

5084 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009471, TN.009472, TN.009473

5085 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009468, TN.009469, TN.009470

5086 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009465, TN.009466, TN.009467

5087 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009462, TN.009463, TN.009464

5088 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009459, TN.009460, TN.009461

5089 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.009456, TN.009457, TN.009458

5090 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009453, TN.009454, TN.009455

5091 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009450, TN.009451, TN.009452

5092 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009447, TN.009448, TN.009449

5093 190 câu giải đáp khoa học = Một trăm chín mươi câu giải đáp khoa học. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 174tr. ; 19cm
190 câu giải đáp khoa học = Một trăm chín mươi câu giải đáp khoa học. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 174tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 14/M458T
Số ĐKCB: TN.006214, TN.006215

5094 190 câu giải đáp khoa học = Một trăm chín mươi câu giải đáp khoa học. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 190tr. ; 19cm
190 câu giải đáp khoa học = Một trăm chín mươi câu giải đáp khoa học. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 190tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 14/M458T
Số ĐKCB: TN.006212, TN.006213

5095 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009444, TN.009445, TN.009446

5096 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009441, TN.009442, TN.009443

5097 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009438, TN.009439, TN.009440

5098 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009435, TN.009436, TN.009437

5099 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009432, TN.009433, TN.009434
5100 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009429, TN.009430, TN.009431
5101 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009426, TN.009427, TN.009428
5102 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009423, TN.009424, TN.009425
5103 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009420, TN.009421, TN.009422
5104 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009417, TN.009418, TN.009419
5105 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009414, TN.009415, TN.009416
5106 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009411, TN.009412, TN.009413
5107 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009408, TN.009409, TN.009410
5108 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009405, TN.009406, TN.009407
5109 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009402, TN.009403, TN.009404
5110 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009399, TN.009400, TN.009401

5111 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009396, TN.009397, TN.009398

5112 Thanh kiếm bảy đời / Đặng Việt Thuỷ; Đặng, Việt Thuỷ. - Hà Nội : Quân đội nhân dân, 2003. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107K
Số ĐKCB: TN.006209, TN.006210, TN.006211

5113 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009393, TN.009394, TN.009395

5114 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009390, TN.009391, TN.009392

5115 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009387, TN.009388, TN.009389

5116 Thần đồng khoa học. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.009384, TN.009385, TN.009386

5117 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009381, TN.009382, TN.009383

5118 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009378, TN.009379, TN.009380

5119 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009375, TN.009376, TN.009377

5120 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009372, TN.009373, TN.009374

5121 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009369, TN.009370, TN.009371

5122 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009366, TN.009367, TN.009368

5123 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009363, TN.009364, TN.009365

5124 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009360, TN.009361, TN.009362

5125 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009357, TN.009358, TN.009359

5126 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009354, TN.009355, TN.009356

5127 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009351, TN.009352, TN.009353

5128 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009348, TN.009349, TN.009350

5129 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009345, TN.009346, TN.009347

5130 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009342, TN.009343, TN.009344

5131 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009339, TN.009340, TN.009341

5132 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009336, TN.009337, TN.009338

5133 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009333, TN.009334, TN.009335

5134 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009330, TN.009331, TN.009332

5135 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009327, TN.009328, TN.009329

5136 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009324, TN.009325, TN.009326

5137 Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Thần đồng đất Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2003. - 92tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.009321, TN.009322, TN.009323

5138 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009318, TN.009319, TN.009320

5139 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009315, TN.009316, TN.009317

5140 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009312, TN.009313, TN.009314

5141 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009309, TN.009310, TN.009311

5142 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009306, TN.009307, TN.009308

5143 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009303, TN.009304, TN.009305

5144 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009300, TN.009301, TN.009302

5145 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009297, TN.009298, TN.009299

5146 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009294, TN.009295, TN.009296

5147 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009291, TN.009292, TN.009293

5148 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009288, TN.009289, TN.009290

5149 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009285, TN.009286, TN.009287

5150 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009282, TN.009283, TN.009284

5151 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009279, TN.009280, TN.009281

5152 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009276, TN.009277, TN.009278

5153 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009273, TN.009274, TN.009275

5154 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009270, TN.009271, TN.009272

5155 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009267, TN.009268, TN.009269

5156 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009264, TN.009265, TN.009266

5157 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009261, TN.009262, TN.009263

5158 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009258, TN.009259, TN.009260

5159 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009255, TN.009256, TN.009257

5160 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009252, TN.009253, TN.009254

5161 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009249, TN.009250, TN.009251

5162 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009246, TN.009247, TN.009248

5163 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009243, TN.009244, TN.009245

5164 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009240, TN.009241, TN.009242

5165 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009237, TN.009238, TN.009239

5166 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009234, TN.009235, TN.009236

5167 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009231, TN.009232, TN.009233

5168 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009228, TN.009229, TN.009230

5169 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009225, TN.009226, TN.009227

5170 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009222, TN.009223, TN.009224

5171 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009219, TN.009220, TN.009221

5172 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009216, TN.009217, TN.009218

5173 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009213, TN.009214, TN.009215

5174 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009210, TN.009211, TN.009212

5175 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009207, TN.009208, TN.009209

5176 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009204, TN.009205, TN.009206

5177 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009201, TN.009202, TN.009203

5178 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009198, TN.009199, TN.009200

5179 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009195, TN.009196, TN.009197

5180 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009192, TN.009193, TN.009194

5181 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009189, TN.009190, TN.009191

5182 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009186, TN.009187, TN.009188

5183 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009183, TN.009184, TN.009185

5184 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009180, TN.009181, TN.009182

5185 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009177, TN.009178, TN.009179

5186 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009174, TN.009175, TN.009176

5187 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009171, TN.009172, TN.009173

5188 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009168, TN.009169, TN.009170

5189 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009165, TN.009166, TN.009167

5190 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009162, TN.009163, TN.009164

5191 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009159, TN.009160, TN.009161

5192 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009156, TN.009157, TN.009158

5193 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009153, TN.009154, TN.009155

5194 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009150, TN.009151, TN.009152

5195 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009147, TN.009148, TN.009149

5196 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009144, TN.009145, TN.009146

5197 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009141, TN.009142, TN.009143

5198 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009138, TN.009139, TN.009140

5199 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009135, TN.009136, TN.009137

5200 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009132, TN.009133, TN.009134

5201 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009129, TN.009130, TN.009131

5202 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009126, TN.009127, TN.009128

5203 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009123, TN.009124, TN.009125

5204 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009120, TN.009121, TN.009122

5205 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009117, TN.009118, TN.009119

5206 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009114, TN.009115, TN.009116

5207 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009111, TN.009112, TN.009113

5208 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009108, TN.009109, TN.009110

5209 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009105, TN.009106, TN.009107

5210 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009102, TN.009103, TN.009104

5211 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009099, TN.009100, TN.009101

5212 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009096, TN.009097, TN.009098

5213 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009093, TN.009094, TN.009095

5214 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009090, TN.009091, TN.009092

5215 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009087, TN.009088, TN.009089

5216 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009084, TN.009085, TN.009086

5217 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009081, TN.009082, TN.009083

5218 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009078, TN.009079, TN.009080

5219 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009075, TN.009076, TN.009077

5220 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009072, TN.009073, TN.009074

5221 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009069, TN.009070, TN.009071

5222 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009066, TN.009067, TN.009068

5223 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009063, TN.009064, TN.009065

5224 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009060, TN.009061, TN.009062

5225 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009057, TN.009058, TN.009059

5226 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009054, TN.009055, TN.009056

5227 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009051, TN.009052, TN.009053

5228 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009048, TN.009049, TN.009050

5229 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009045, TN.009046, TN.009047

5230 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009042, TN.009043, TN.009044

5231 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009039, TN.009040, TN.009041

5232 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009036, TN.009037, TN.009038

5233 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009033, TN.009034, TN.009035

5234 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009030, TN.009031, TN.009032

5235 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009027, TN.009028, TN.009029

5236 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009024, TN.009025, TN.009026

5237 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009021, TN.009022, TN.009023

5238 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009018, TN.009019, TN.009020

5239 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009015, TN.009016, TN.009017

5240 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009012, TN.009013, TN.009014

5241 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009009, TN.009010, TN.009011

5242 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009006, TN.009007, TN.009008

5243 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009003, TN.009004, TN.009005

5244 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.009000, TN.009001, TN.009002

5245 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008997, TN.008998, TN.008999

5246 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008994, TN.008995, TN.008996

5247 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008991, TN.008992, TN.008993

5248 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008988, TN.008989, TN.008990

5249 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008985, TN.008986, TN.008987

5250 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008982, TN.008983, TN.008984

5251 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008979, TN.008980, TN.008981

5252 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q
Số ĐKCB: TN.008976, TN.008977, TN.008978

5253 Trạng Quỳnh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR106Q

Số ĐKCB: TN.008973, TN.008974, TN.008975

5254 Kiến thức lịch sử 8. - Hà Nội : Thanh niên, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.008968, TN.008969, TN.008970, TN.008971, TN.008972

5255 Kiến thức lịch sử 7. - Hà Nội : Thanh niên, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.008963, TN.008964, TN.008965, TN.008966, TN.008967

5256 Các bài toán phân số và tỉ số / Phạm Đình Thực. - Tp. Hồ Chí Minh, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/C101B

Số ĐKCB: TN.008953, TN.008954, TN.008955, TN.008956, TN.008957

5257 Công chúa búp bê / Elêna Lin. - Tp. Hồ Chí Minh, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008952, TN.012652, TN.012653, TN.012654

5258 Harry potter và hoàng tử lùn. - Tp. Hồ Chí Minh, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.008948, TN.008949

5259 Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B521B

Số ĐKCB: TN.008950, TN.008951

5260 Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B521B

Số ĐKCB: TN.008946, TN.008947

5261 Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B521B

Số ĐKCB: TN.008944, TN.008945

Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

5262 Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B521B

Số ĐKCB: TN.008942, TN.008943

Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

5263 Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B521B

Số ĐKCB: TN.008940, TN.008941

Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

5264 Búp bê rô bốt / Julietta Suzuki; Như Ý d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2020. - 182tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/B521B

Số ĐKCB: TN.008938, TN.008939

5265 Chuyện con cá thần. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 118tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH527C

Số ĐKCB: TN.006047, TN.006048, TN.006049

5266 Chuyện hai người gù. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 118tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH527H

Số ĐKCB: TN.006044, TN.006045, TN.006046

5267 Con quỷ và bà mẹ vợ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 118tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430Q

Số ĐKCB: TN.006041, TN.006042, TN.006043

5268 Thành Cát Tư Hãn: Hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008935, TN.008936, TN.008937

5269 Thành Cát Tư Hãn: Bá chủ thế giới. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008932, TN.008933, TN.008934

5270 Thành Cát Tư Hãn: Vượt vạn lý Trường Thành. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008929, TN.008930, TN.008931

5271 Thành Cát Tư Hãn: Con đường chinh.... - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008926, TN.008927, TN.008928

5272 Thành Cát Tư Hãn: Thiết lập đế chế. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008923, TN.008924, TN.008925

5273 Thành Cát Tư Hãn: Thử thách cuối cùng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008920, TN.008921, TN.008922

5274 Hoàng tử xấu xí. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 118tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T

Số ĐKCB: TN.006038, TN.006039, TN.006040

5275 Thành Cát Tư Hãn: Lên ngôi đại hãn. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008917, TN.008918, TN.008919

5276 Thành Cát Tư Hãn: Lễ thành hôn. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008915, TN.008916

5277 Báu vật thần thông. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 118tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B112V

Số ĐKCB: TN.006035, TN.006036, TN.006037

5278 Thành Cát Tư Hãn: Kẻ phản bội. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008913, TN.008914

5279 Chiếc hộp thần kỳ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 118tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH303H

Số ĐKCB: TN.006032, TN.006033, TN.006034

5280 Nàng công chúa nhẹ dạ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 131tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/N106C

Số ĐKCB: TN.006029, TN.006030, TN.006031

5281 Hoàng tử và tên cướp biển. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T

Số ĐKCB: TN.006026, TN.006027, TN.006028

5282 Thành Cát Tư Hãn: Anh hùng ra đời. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008912

5283 Học trò bà mụ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008909, TN.008910, TN.008911

5284 Cây dẻ biết nói. - Hà Nội : Phụ nữ, 2003. - 122tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C126D

Số ĐKCB: TN.006023, TN.006024, TN.006025

5285 Điều con muốn nói với mẹ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008907, TN.008908

5286 Tìm hiểu thực vật. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2003. - 56tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 580 14/T310H

Số ĐKCB: TN.006021, TN.006022

5287 Tìm hiểu động vật / Jo Ellen Moore. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2003. - 56tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/T310H

Số ĐKCB: TN.006018, TN.006019, TN.006020

5288 Cháu nhớ bà lắm. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008906

5289 Cảnh sát trưởng bọ ngựa: Gián điệp. - Hà Nội : Thống tấn, 2007. - 132tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C107S

Số ĐKCB: TN.008903, TN.008904, TN.008905

5290 Những truyện thành thị / Nguyễn Huy Thiệp. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2004. - 208tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.006014, TN.006015, TN.006016, TN.006017

5291 Những truyện huyền thoại và lịch sử / Nguyễn Huy Thiệp. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2004. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.006010, TN.006011, TN.006012, TN.006013

5292 Những truyện tình yêu / Nguyễn Huy Thiệp. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2004. - 210tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.006006, TN.006007, TN.006008, TN.006009

5293 Không thể thiếu bóng đá : Thể thao muôn năm. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008900, TN.008901, TN.008902

5294 Không thể thiếu bóng đá : Đội bóng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008897, TN.008898, TN.008899

5295 Kỉ niệm tuổi thơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Kỉ niệm tuổi thơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K300N
Số ĐKCB: TN.005965, TN.005966, TN.005967

5296 Kỉ niệm tuổi thơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Kỉ niệm tuổi thơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K300N
Số ĐKCB: TN.005962, TN.005963, TN.005964

5297 Kỉ niệm tuổi thơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Kỉ niệm tuổi thơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K300N
Số ĐKCB: TN.005959, TN.005960, TN.005961

5298 Tuổi ngọc ngà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515N
Số ĐKCB: TN.005985, TN.005986, TN.005987

5299 Ngày khai trường trong mơ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG112K
Số ĐKCB: TN.008889, TN.008890, TN.008891, TN.008892, TN.008893

5300 Đội hiệp sĩ @. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008886, TN.008887, TN.008888

5301 Thám tử tí hon: Viên ngọc.... - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008883, TN.008884, TN.008885

5302 Thám tử tí hon Ngỗng Vàng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008880, TN.008881, TN.008882

5303 Cô bé mảnh khảnh / Trần Hoài Dương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450B
Số ĐKCB: TN.008877, TN.008878, TN.008879

5304 Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.77 14/M107Đ
Số ĐKCB: TN.005942, TN.005943

5305 Một ngày đẹp trời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 863 14/M458N
Số ĐKCB: TN.008876

5306 Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.77 14/M107Đ
Số ĐKCB: TN.005944, TN.005945, TN.005946

5307 Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.006003, TN.006004, TN.006005

5308 Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.006000, TN.006001, TN.006002

5309 Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.005997, TN.005998, TN.005999

5310 Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Cậu bé lang thang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.005994, TN.005995, TN.005996

5311 Tuổi ngọc ngà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515N

Số ĐKCB: TN.005991, TN.005992, TN.005993

5312 Tuổi ngọc ngà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515N

Số ĐKCB: TN.005988, TN.005989, TN.005990

5313 Tuổi ngọc ngà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515N

Số ĐKCB: TN.005982, TN.005983, TN.005984

5314 Tàu chở khách. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008873, TN.008874, TN.008875

5315 Tuổi ngọc ngà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515N

Số ĐKCB: TN.005979, TN.005980, TN.005981

5316 Tuổi ngọc ngà. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T515N

Số ĐKCB: TN.005977, TN.005978

5317 Nhà mới. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008870, TN.008871, TN.008872

5318 Khúc hát thiên thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 128tr. ; 18cm

Khúc hát thiên thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 128tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/KH506H

Số ĐKCB: TN.005974, TN.005975, TN.005976

5319 Khúc hát thiên thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 128tr. ; 18cm

Khúc hát thiên thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 128tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/KH506H

Số ĐKCB: TN.005971, TN.005972, TN.005973

5320 Khúc hát thiên thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 127tr. ; 18cm

Khúc hát thiên thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 127tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/KH506H
Số ĐKCB: TN.005968, TN.005969, TN.005970

5321 Đôi giày mới. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008867, TN.008868, TN.008869

5322 Chiếc bánh gatô sôcôla. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008864, TN.008865, TN.008866

5323 Đến chơi nhà bạn. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008861, TN.008862, TN.008863

5324 Trường học của Inexơ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008858, TN.008859, TN.008860

5325 Đôi mắt kì diệu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Đôi mắt kì diệu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452M
Số ĐKCB: TN.005956, TN.005957, TN.005958

5326 Đôi mắt kì diệu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Đôi mắt kì diệu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452M
Số ĐKCB: TN.005953, TN.005954, TN.005955

5327 Đôi mắt kì diệu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Đôi mắt kì diệu. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452M
Số ĐKCB: TN.005950, TN.005951, TN.005952

5328 Phép lịch sự. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008855, TN.008856, TN.008857

5329 Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.77 14/M107Đ
Số ĐKCB: TN.005947, TN.005948, TN.005949

5330 Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.77 14/M107Đ
Số ĐKCB: TN.005939, TN.005940, TN.005941

5331 Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.77 14/M107Đ
Số ĐKCB: TN.005936, TN.005937, TN.005938

5332 Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Mảnh đất phương Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.77 14/M107Đ
Số ĐKCB: TN.005933, TN.005934, TN.005935

5333 Ngày hội thi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/NG112H
Số ĐKCB: TN.008849, TN.008850, TN.008851

5334 Trong vòng tay giúp đỡ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/TR431V
Số ĐKCB: TN.008846, TN.008847, TN.008848

5335 Tiếng hát chim họa mi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/T306H
Số ĐKCB: TN.008843, TN.008844, TN.008845

5336 Sói và cừu. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/S428V
Số ĐKCB: TN.008840, TN.008841, TN.008842

5337 Khiêu chiến Nhị Lang thần. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/KH309C
Số ĐKCB: TN.008837, TN.008838, TN.008839

5338 Nàng dâu thông minh. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/N106D
Số ĐKCB: TN.008834, TN.008835, TN.008836

5339 Chú bé Jack và cây đậu. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.008831, TN.008832, TN.008833

5340 Quan Âm Thị kính. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/QU105Â
Số ĐKCB: TN.008828, TN.008829, TN.008830

5341 Rìu vàng và rìu bạc. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/R315V
Số ĐKCB: TN.008825, TN.008826, TN.008827

5342 Củ cải trở về rồi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/C500C
Số ĐKCB: TN.008822, TN.008823, TN.008824

5343 Cái mũi của voi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/C103M
Số ĐKCB: TN.008819, TN.008820, TN.008821

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5344 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005882, TN.005883, TN.005884

5345 Hươu cao cổ tốt bụng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/H564C
Số ĐKCB: TN.008816, TN.008817, TN.008818

5346 Bụng của cóc. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/B513C
Số ĐKCB: TN.008813, TN.008814, TN.008815

5347 Nỏ thần Kim Qui. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N400T
Số ĐKCB: TN.008810, TN.008811, TN.008812

5348 Lạc Long Quân và Âu Cơ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/L101L
Số ĐKCB: TN.008807, TN.008808, TN.008809

5349 EQ - IQ (Em tập làm nhà văn). - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 14/E200Q
Số ĐKCB: TN.008802, TN.008803, TN.008804, TN.008805, TN.008806

5350 EQ - IQ (Em tập làm thám tử Co Nan). - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.88 14/E200Q
Số ĐKCB: TN.008797, TN.008798, TN.008799, TN.008800, TN.008801

5351 EQ - IQ (90 giây phá án). - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.88 14/E200Q
Số ĐKCB: TN.008792, TN.008793, TN.008794, TN.008795, TN.008796

5352 EQ - IQ (Mưu cao kế lạ). - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.88 14/E200Q
Số ĐKCB: TN.008787, TN.008788, TN.008789, TN.008790, TN.008791

5353 Truyện vui dân gian. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527V
Số ĐKCB: TN.008782, TN.008783, TN.008784, TN.008785, TN.008786

5354 Những cuộc phiêu lưu của... / Claudine Aubrun. - Hà Nội, 2007. - 228tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.008777, TN.008778, TN.008779, TN.008780, TN.008781

5355 Những chuyến thám hiểm của tiến sĩ Dolittle / Hugh Lofting; Nhất Ly d.. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2007. - 216tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.008772, TN.008773, TN.008774, TN.008775, TN.008776

5356 Pinocchio (Cậu bé người gỗ) / Carlo Collodi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 853 14/P300N
Số ĐKCB: TN.008770, TN.008771

5357 Chú chó luôn nói không / Grégeire Solotareff; Ngô Hữu Long d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. -
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.008765, TN.008766, TN.008767, TN.008768, TN.008769, TN.010982, TN.010983, TN.010984

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5358 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005930, TN.005931, TN.005932

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5359 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005927, TN.005928, TN.005929

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5360 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005921, TN.005922, TN.005923

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5361 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005918, TN.005919, TN.005920

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5362 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005915, TN.005916, TN.005917

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5363 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005912, TN.005913, TN.005914

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5364 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005909, TN.005910, TN.005911

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5365 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005906, TN.005907, TN.005908
Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5366 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005903, TN.005904, TN.005905

5367 Truyện cổ tích Việt Nam chon lọc. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.008760, TN.008761, TN.008762, TN.008763, TN.008764
Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5368 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005900, TN.005901, TN.005902
Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5369 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005897, TN.005898, TN.005899
Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5370 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005894, TN.005895, TN.005896
Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5371 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005891, TN.005892, TN.005893
Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5372 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R
Số ĐKCB: TN.005888, TN.005889, TN.005890

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5373 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005885, TN.005886, TN.005887

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5374 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005879, TN.005880, TN.005881

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5375 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005876, TN.005877, TN.005878

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5376 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005873, TN.005874, TN.005875

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5377 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005870, TN.005871, TN.005872

Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

5378 Harry Potter và mệnh lệnh phượng hoàng / J.K Rowling. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/H100R

Số ĐKCB: TN.005867, TN.005868, TN.005869

5379 Con gái nữ thần hoa. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 151tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430G

Số ĐKCB: TN.005861, TN.005862, TN.005863

5380 Chú bé đuôi dê. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 151tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.005858, TN.005859, TN.005860

5381 Lọ nước thần. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 147tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/L400N
Số ĐKCB: TN.005855, TN.005856, TN.005857

5382 Con ngựa bảy đầu. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 147tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C430N
Số ĐKCB: TN.005852, TN.005853, TN.005854

5383 Món quà của nàng tiên. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 147tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/M430Q
Số ĐKCB: TN.005849, TN.005850, TN.005851

5384 Nàng công chúa không chịu nói. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 151tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/N106C
Số ĐKCB: TN.005846, TN.005847, TN.005848

5385 Chim thiên nga đen. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 147tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH310T
Số ĐKCB: TN.005843, TN.005844, TN.005845

5386 Đức vua và sự giàu sang. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 147tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ552V
Số ĐKCB: TN.005840, TN.005841, TN.005842

5387 Những câu chuyện về trò Đuycôbuy / Godi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Những câu chuyện về trò Đuycôbuy / Godi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.008755, TN.008756, TN.008757, TN.008758, TN.008759

5388 Những câu chuyện về trò Đuycôbuy / Godi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Những câu chuyện về trò Đuycôbuy / Godi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.008750, TN.008751, TN.008752, TN.008753, TN.008754

5389 Những câu chuyện về trò Đuycôbuy / Godi. - Hà Nội, 2007. - 6 tập ; 28cm
Những câu chuyện về trò Đuycôbuy / Godi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 741.5 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.008746, TN.008747, TN.008748, TN.008749

5390 Hai anh em. - Hà Nội : Lao động, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H103A
Số ĐKCB: TN.005837, TN.005838, TN.005839

5391 Toán quyển sách đầu tiên của em / Anna lada Grodziska. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 72tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 14/T406Q
Số ĐKCB: TN.008741, TN.008742, TN.008743, TN.008744, TN.008745

5392 Quan tòa xử kiện. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 95tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/QU-105T
Số ĐKCB: TN.005834, TN.005835, TN.005836

5393 Đôi chim tử qui. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2003. - 95tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/Đ452C
Số ĐKCB: TN.005831, TN.005832, TN.005833

5394 Viên ngọc thần. - Hà Nội : Thanh niên, 2003. - 143tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/V305N
Số ĐKCB: TN.005825, TN.005826, TN.005827

5395 Thực vật màu xanh.... - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008736, TN.008737, TN.008738, TN.008739, TN.008740

5396 Người hóa hổ. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2003. - 104tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/NG558H
Số ĐKCB: TN.005822, TN.005823, TN.005824

5397 Cá bống nuốt cá trê. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2003. - 100tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/C100B
Số ĐKCB: TN.005819, TN.005820, TN.005821

5398 Phơi đuôi. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 24tr. ; 14cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/PH462Đ
Số ĐKCB: TN.008726, TN.008727, TN.008728, TN.008729, TN.008730

5399 Con trai thần mặt trời. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2003. - 99tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/C430T
Số ĐKCB: TN.005816, TN.005817, TN.005818

5400 Cái chăn biết bay. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.008720, TN.008721, TN.008722, TN.008723, TN.008724, TN.008725

5401 Lợn con soi gương. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008715, TN.008716, TN.008717, TN.008718, TN.008719

5402 Hè ơi đừng sang. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 119tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H200Ơ

Số ĐKCB: TN.005804, TN.005805, TN.005806

5403 Bí mật của lớp trưởng. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 716tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B300M

Số ĐKCB: TN.005801, TN.005802, TN.005803

5404 Món quà của chim cánh cụt. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 24tr. ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/M430Q

Số ĐKCB: TN.008706, TN.008707, TN.008708, TN.008709, TN.008710

5405 Điều ước cuối cùng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 116tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ309Ư

Số ĐKCB: TN.005792, TN.005793, TN.005794

5406 Chuột con về nhà bằng cách nào. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 24tr. ; 14cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH519C

Số ĐKCB: TN.008701, TN.008702, TN.008703, TN.008704, TN.008705

5407 Làm nước hoa. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008686, TN.008687, TN.008688, TN.008689, TN.008690

5408 Nhà ảo thuật hạt lúa mì. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/NH100A

Số ĐKCB: TN.008681, TN.008682, TN.008683, TN.008684, TN.008685

5409 Hãy nói cha mẹ bé là ai?. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/H112N

Số ĐKCB: TN.008676, TN.008677, TN.008678, TN.008679, TN.008680

5410 Cơ pi ở đâu?. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008671, TN.008672, TN.008673, TN.008674, TN.008675

5411 Tích tắc... tích tắc. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008666, TN.008667, TN.008668, TN.008669, TN.008670

5412 Cây xanh nhìn thấy. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008661, TN.008662, TN.008663, TN.008664, TN.008665

5413 Cậu bé thợ rèn / Mặc Thu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 91tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.004455, TN.004456, TN.004457, TN.005789, TN.005790, TN.005791

5414 Miền cổ tích của tôi : Truyện ngắn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 121tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M305C
Số ĐKCB: TN.005786, TN.005787, TN.005788

5415 Chiếc chổi rơm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 123tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303C
Số ĐKCB: TN.005783, TN.005784, TN.005785

5416 Cuộc phiêu lưu của Buratinô hay là chuyện chiếc chìa khoá vàng / Alếchxây Tônxtôi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 123tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.73 14/C514P
Số ĐKCB: TN.005780, TN.005781, TN.005782

5417 Câu chuyện về cây và cỏ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008656, TN.008657, TN.008658, TN.008659, TN.008660

5418 Bỡi đã có điện. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.008651, TN.008652, TN.008653, TN.008654, TN.008655, TN.010275, TN.010276, TN.010277

5419 Cánh buồm đỏ thắm / Alêchxandrơ Grin. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 106tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.73 14/C107B
Số ĐKCB: TN.005777, TN.005778, TN.005779

5420 Acropole. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720 14/A000C
Số ĐKCB: TN.005774, TN.005775, TN.005776

5421 Bao nhiêu là các loại sách. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 20tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/B108
Số ĐKCB: TN.008646, TN.008647, TN.008648, TN.008649, TN.008650

5422 Istanbul thủ đô của hai đế chế. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.004099, TN.004100, TN.004101, TN.004102, TN.004103, TN.005768, TN.005769, TN.005770

5423 Ai là bạn của bàn chân. - Hà Nội : Phụ nữ, 2006. - 20tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 741 14/A300L

Số ĐKCB: TN.008641, TN.008642, TN.008643, TN.008644, TN.008645

5424 Nhà hát nhạc kịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720 14/NH100H

Số ĐKCB: TN.005765, TN.005766, TN.005767

5425 Kiến trúc sư Walter Gropius. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T

Số ĐKCB: TN.005759, TN.005760, TN.005761

5426 Kiến trúc sư Alvar Aalto. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T

Số ĐKCB: TN.005756, TN.005757, TN.005758

5427 Cánh diều mơ ước. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/C107D

Số ĐKCB: TN.005753, TN.005754, TN.005755

5428 Tìm hiểu hành tinh trái đất. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 160tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 550 14/T310H

Số ĐKCB: TN.008636, TN.008637, TN.008638, TN.008639, TN.008640

5429 Kiến trúc sư Oscar Niemeyer. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T

Số ĐKCB: TN.005726, TN.005727, TN.005728

5430 Truyện cổ tích nổi tiếng thế giới. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.008630, TN.008631, TN.008632, TN.008633, TN.008634

5431 Điều kỳ diệu sẽ đến. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 14/Đ309K

Số ĐKCB: TN.008625, TN.008626, TN.008627, TN.008628, TN.008629

5432 Lautree. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759 14/L100U
Số ĐKCB: TN.005750, TN.005751, TN.005752

5433 Những que diêm biến hóa thông minh / Phương Linh b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 232tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.74 14/NH556Q
Số ĐKCB: TN.008615, TN.008616, TN.008617, TN.008618, TN.008619

5434 Marc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 759 14/M100R
Số ĐKCB: TN.005747, TN.005748, TN.005749

5435 Renoir. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 759.4 14/R200N
Số ĐKCB: TN.005744, TN.005745, TN.005746

5436 Truyện cổ tích về các hoàng.... - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.008610, TN.008611, TN.008612, TN.008613, TN.008614

5437 Kỷ niệm về một dòng sông / Đoàn Lư. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 108tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.008605, TN.008606, TN.008607, TN.008608, TN.008609, TN.008635

5438 Leonardo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 759.5 14/L200O
Số ĐKCB: TN.005741, TN.005742, TN.005743

5439 Truyện cổ tích về các loài vật. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.008600, TN.008601, TN.008602, TN.008603, TN.008604

5440 Kim Đồng / Hoàng Quảng Uyên. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2007. - 88tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K310Đ
Số ĐKCB: TN.008595, TN.008596, TN.008597, TN.008598, TN.008599

5441 Người đẹp và quái vật. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. - 216tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.008590, TN.008591, TN.008592, TN.008593, TN.008594

5442 Bốn chàng ngốc. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. - 252tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/B454C
Số ĐKCB: TN.008585, TN.008586, TN.008587, TN.008588, TN.008589

5443 Cổ tích về các nàng tiên. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. - 400tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450T

Số ĐKCB: TN.008580, TN.008581, TN.008582, TN.008583, TN.008584

5444 Kiến trúc sư Lecorbusier. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T

Số ĐKCB: TN.005723, TN.005724, TN.005725

5445 Chiếc kèn của Thiên Nga / E.B. White. - Hà Nội : Lao động, 2007. - 192tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH303K

Số ĐKCB: TN.008575, TN.008576, TN.008577, TN.008578, TN.008579

5446 Truyện kể thời Trung Cổ / Karel Dvorak; Đặng Phú d.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2007. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527K

Số ĐKCB: TN.008570, TN.008571, TN.008572, TN.008573, TN.008574

5447 Người thầy tuyệt vời / Thiên Kim. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2007. - 310tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558T

Số ĐKCB: TN.008565, TN.008566, TN.008567, TN.008568, TN.008569

5448 Rất con trai / Thiên Kim. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2007. - 240tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/R124C

Số ĐKCB: TN.008560, TN.008561, TN.008562, TN.008563, TN.008564

5449 Tháp cổ Chăm pa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.9597 14/TH109C

Số ĐKCB: TN.005720, TN.005721, TN.005722

5450 Chuyện câu bé và cô bé sún răng đến trường / Thiên Kim. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2007. - 162tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C

Số ĐKCB: TN.008555, TN.008556, TN.008557, TN.008558, TN.008559

5451 Kiến trúc sư Kenzo Tange. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T

Số ĐKCB: TN.005717, TN.005718, TN.005719

5452 Cảng hàng không và ga đường sắt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720 14/C106H

Số ĐKCB: TN.005714, TN.005715, TN.005716

5453 Người cha tuyệt vời / Thiên Kim. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2007. - 210tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558C

Số ĐKCB: TN.008553, TN.008554

5454 Động vật hoang dã. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008549, TN.008550, TN.008551

5455 Đô thị cổ Hội An. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.9597 14/Đ450T

Số ĐKCB: TN.005711, TN.005712, TN.005713

5456 Kiến trúc sư Renzo Piano. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T

Số ĐKCB: TN.005708, TN.005709, TN.005710

5457 Hình dạng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008548

5458 Seurat. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.4 14/S200U

Số ĐKCB: TN.005705, TN.005706, TN.005707

5459 Modigliani. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759 14/M400D

Số ĐKCB: TN.005702, TN.005703, TN.005704

5460 Ti Gôn chúng mình đi học nào / Mỹ Lan. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 16tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008545, TN.008546, TN.008547

5461 Ti Gôn đi câu cá với mình nhé / Mỹ Lan. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 16tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008542, TN.008543, TN.008544

5462 Ti Gôn chúc mừng sinh nhật... / Mỹ Lan. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 16tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008539, TN.008540, TN.008541

5463 Ti Gôn mang bánh biếu bà / Mỹ Lan. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 16tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008536, TN.008537, TN.008538

5464 Các hiện tượng thời tiết. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008533, TN.008534, TN.008535

5465 60 việc thanh thiếu niên cần làm / Hanry Burnett. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008528, TN.008529, TN.008530, TN.008531, TN.008532

5466 Kiến trúc bảo tàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005699, TN.005700, TN.005701

5467 Những công trình kỳ dị. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005696, TN.005697, TN.005698

5468 Cung điện Versailles. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/C513Đ
Số ĐKCB: TN.005693, TN.005694, TN.005695

5469 4 kiểu nhà ở đặc biệt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 728 14/B454K
Số ĐKCB: TN.005690

5470 Kiến trúc sư Prank Gehry. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. : minh họa ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005687, TN.005688, TN.005689

5471 Roma thành phố của những. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. : minh họa ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720.945 14/R400M
Số ĐKCB: TN.005684, TN.005685, TN.005686

5472 Kiến trúc sư Richard Neutra. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 19tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005681, TN.005682, TN.005683

5473 Hans Arp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 19tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 759.4 14/H100N
Số ĐKCB: TN.005678, TN.005679, TN.005680

5474 Beckmann. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 759 14/B200C
Số ĐKCB: TN.005675, TN.005676, TN.005677

5475 Donatello. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759 14/D400N
Số ĐKCB: TN.005672, TN.005673, TN.005674

5476 Hokusai. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.52 14/H400K
Số ĐKCB: TN.005669, TN.005670, TN.005671

5477 Hiroshige. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.52 14/H300R
Số ĐKCB: TN.005666, TN.005667, TN.005668

5478 Duchamp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.4 14/D500C
Số ĐKCB: TN.005663, TN.005664, TN.005665

5479 Vezmeer. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005660, TN.005661, TN.005662

5480 Kiến trúc sư Gaudi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005657, TN.005658, TN.005659

5481 Trò chuyện với tuổi xì tin / Trần Thị Hồng Hà. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008523, TN.008524, TN.008525, TN.008526, TN.008527

5482 Lempicka. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759 14/L200M
Số ĐKCB: TN.005654, TN.005655, TN.005656

5483 Nàng Bạch Tuyết. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008518, TN.008519, TN.008520, TN.008521, TN.008522

5484 Rodin. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.4 14/R400D
Số ĐKCB: TN.005651, TN.005652, TN.005653

5485 Tây du ký. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008513, TN.008514, TN.008515, TN.008516, TN.008517

5486 Cảnh sát Ro bot. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008512

5487 Vương quốc pháp thuật. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008507, TN.008508, TN.008509, TN.008510, TN.008511

5488 Cô bé quàng khăn đỏ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B

Số ĐKCB: TN.008502, TN.008503, TN.008504, TN.008505, TN.008506

5489 Raphael. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.45 14/R100P

Số ĐKCB: TN.005648, TN.005649, TN.005650

5490 Bronzino. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005645, TN.005646, TN.005647

5491 Velasquez. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.6 14/V200L

Số ĐKCB: TN.005642, TN.005643, TN.005644

5492 Rembrandt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 740 14/

Số ĐKCB: TN.005639, TN.005640, TN.005641

5493 Chuyện kể về các loài vật. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008499, TN.008500, TN.008501

5494 Delacroix. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 759.4 14/D200L

Số ĐKCB: TN.005636, TN.005637, TN.005638

5495 Elgreco. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005633, TN.005634, TN.005635

5496 Pollock. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005630, TN.005631, TN.005632

5497 Caravaggio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 26tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005627, TN.005628

5498 Giếng nước hoa hồng. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008496, TN.008497, TN.008498

5499 Cuộc phiêu lưu trong lòng đất. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008493, TN.008494, TN.008495

5500 Lâu đài ba trái cam. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008490, TN.008491, TN.008492

5501 Van Dyck. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 26tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005624, TN.005625, TN.005626

5502 Dekooning. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 26tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005621, TN.005622, TN.005623

5503 Giacometti. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005618, TN.005619, TN.005620

5504 Kahlo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005615, TN.005616, TN.005617

5505 Kandinsky. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005612, TN.005613, TN.005614

5506 Sự tích chim Hải Âu. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.008487, TN.008488, TN.008489

5507 Chiếc sáo thần. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008484, TN.008485, TN.008486

5508 Lời tiên đoán. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008481, TN.008482, TN.008483

5509 Kiến và chim bồ câu / Lép Tônxtôi; Thúy Toàn d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2007. - 128tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.77 14/K305V
Số ĐKCB: TN.008478, TN.008479, TN.008480

5510 Bá tước. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008469, TN.008470, TN.008471

5511 Cướp biển / Richard Platt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005585, TN.005586, TN.005587

5512 Cây / David Burnie. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005582, TN.005583, TN.005584

5513 Kốc- Ken Hinh-Ken. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008457, TN.008458, TN.008459

5514 Titanic / Simon Adams. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005579, TN.005580, TN.005581

5515 Truyện phiêu lưu của Mít Đặc / Ni Ko Lai Nô Xốp. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.008448, TN.008449, TN.008450, TN.008451, TN.008452, TN.008453

5516 Phối cảnh / Alison Cole. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 752 14/PH452C
Số ĐKCB: TN.005576, TN.005577, TN.005578

5517 Nông nghiệp / Ned Halley. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 630 14/N455N
Số ĐKCB: TN.005573, TN.005574, TN.005575

5518 Nhà của thỏ trắng. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 48tr. ; 13cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH100C

Số ĐKCB: TN.008445, TN.008446, TN.008447

5519 Cáo chúc tết. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 48tr. ; 13cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C108C

Số ĐKCB: TN.008442, TN.008443, TN.008444

5520 Gà trống biết bay. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 48tr. ; 13cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G100T

Số ĐKCB: TN.008439, TN.008440, TN.008441

5521 Gấu trồng cây. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008436, TN.008437, TN.008438

5522 Goya / Patricia Wright. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005570, TN.005571, TN.005572

5523 Thế vận hội olympic / Chirs Oxlade. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796.48 14/TH250V

Số ĐKCB: TN.005567, TN.005568, TN.005569

5524 Bộ xương / Steve Parker. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 573.76 14/B450X

Số ĐKCB: TN.005564, TN.005565, TN.005566

5525 Mèo con biến màu. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 48tr. ; 13cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M205C

Số ĐKCB: TN.008433, TN.008434, TN.008435

5526 Xác ướp / James Punmam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005555, TN.005556, TN.005557

5527 Nòng nọc tìm mẹ. - Hà Nội, 2007

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.008430, TN.008431, TN.008432

5528 Vịt con lạc đường. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008427, TN.008428, TN.008429

5529 Các nền văn minh cổ châu Mỹ / Elizabeth Baquedano. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005549, TN.005550, TN.005551

5530 Người tuyết. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008424, TN.008425, TN.008426

5531 Kiến đánh chết hổ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 48tr. ; 13cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K305Đ
Số ĐKCB: TN.008421, TN.008422, TN.008423

5532 Động vật có vú. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 590 14/Đ455V
Số ĐKCB: TN.005546, TN.005547, TN.005548

5533 Cơ thể con người / Steve Parker. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 612 14/C460T
Số ĐKCB: TN.005543, TN.005544, TN.005545

5534 Bờ biển / Steve Parker. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005537, TN.005538, TN.005539

5535 Trường phái hội họa ấn tượng / Jude Welton. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 750 14/TR561P
Số ĐKCB: TN.005534, TN.005535, TN.005536

5536 Bệnh vào qua mồm và sức khỏe tuổi đi học. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 613 14/B256V
Số ĐKCB: TN.005531, TN.005532, TN.005533

5537 Vận động và sức khỏe. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 613 14/V121Đ
Số ĐKCB: TN.005528, TN.005529, TN.005530

5538 Củ Cải lại trở về. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008418, TN.008419, TN.008420

5539 Chanh, Dâu tây và sô cô la / Kochka. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 47tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.008415, TN.008416, TN.008417, TN.010967, TN.010968, TN.010969

5540 Sói và người chăn Cừu. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008412, TN.008413, TN.008414

5541 Căn nhà bánh sô cô la / Dương Hồng Anh. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2006. - 16tr. ; 16cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH400C

Số ĐKCB: TN.008409, TN.008410, TN.008411

5542 Thỏ con mơ hồ / Dương Hồng Anh. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2006. - 16tr. ; 16cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH400C

Số ĐKCB: TN.008406, TN.008407, TN.008408

5543 Sức khoẻ và những chuyện thường ngày. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 613 14/S550K

Số ĐKCB: TN.005525, TN.005526, TN.005527

5544 An toàn khi vui chơi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005522, TN.005523, TN.005524

5545 Đi tìm khu vườn vui vẻ / Dương Hồng Anh. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2006. - 16tr. ; 16cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Đ300T

Số ĐKCB: TN.008403, TN.008404, TN.008405

5546 Một chiếc lá hai con kiến / Dương Hồng Anh. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/M458C

Số ĐKCB: TN.008400, TN.008401, TN.008402

5547 Truyện tranh dành cho trẻ em / Dương Hồng Anh. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TR527T

Số ĐKCB: TN.008397, TN.008398, TN.008399

5548 An toàn khi ra đường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005507, TN.005508, TN.005509

5549 An toàn trong sinh hoạt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005504, TN.005505, TN.005506

5550 An toàn trong tình huống đặc biệt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005502, TN.005503

5551 Quà cưới của chuột. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/QU-501C
Số ĐKCB: TN.005497, TN.005498, TN.005499

5552 Sự tích đèn lồng đỏ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.005494, TN.005495, TN.005496

5553 Sự tích ngày tết hàn thực. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.005491, TN.005492, TN.005493

5554 Sự tích ngày tết đoan ngọ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.005488, TN.005489, TN.005490

5555 Chiến công của bạch tuộc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 23tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/CH305C
Số ĐKCB: TN.005485, TN.005486, TN.005487

5556 Xứ sở mùa đông. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 23tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/X550S
Số ĐKCB: TN.005482, TN.005483, TN.005484

5557 Bức thư kỳ lạ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 26tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/B552T
Số ĐKCB: TN.005479, TN.005480, TN.005481

5558 Sinh nhật của cún con. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 23tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S312N
Số ĐKCB: TN.005476, TN.005477, TN.005478

5559 Chiếc mũ rơm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303M
Số ĐKCB: TN.005473, TN.005474, TN.005475

5560 Lạc giữa hành tinh / Phạm Thanh Quang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 135tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L101V
Số ĐKCB: TN.005471, TN.005472

5561 Đường rừng / Mai Văn Tạo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 111tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ561R
Số ĐKCB: TN.005469, TN.005470

5562 Miền quê xa ngái / Lê Thanh Nga. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 91tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M305Q
Số ĐKCB: TN.005467, TN.005468

5563 Vũ trụ / Trịnh Ngọc Minh. - Hà Nôi : Phụ nữ, 2007. - 182tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 523.1 14/V500T
Số ĐKCB: TN.008372, TN.008373, TN.008374

5564 Chiếc nhẫn thần. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2006. - 146tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH303N
Số ĐKCB: TN.008369, TN.008370, TN.008371

5565 Cô bé Matilda. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 239tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/C450B
Số ĐKCB: TN.005461, TN.005462, TN.005463

5566 Truyện đồng thoại thế giới. - Hà Nội : Phụ nữ, 2006. - 104tr. ; 19cm
Truyện đồng thoại thế giới. - Hà Nội : Phụ nữ, 2006. - 104tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527Đ
Số ĐKCB: TN.008363, TN.008364, TN.008365

5567 Truyện đồng thoại thế giới. - Hà Nội : Phụ nữ, 2006. - 104tr. ; 19cm
Truyện đồng thoại thế giới. - Hà Nội : Phụ nữ, 2006. - 104tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527Đ
Số ĐKCB: TN.008366, TN.008367, TN.008368

5568 Thần dược của George. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 115tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/TH121D
Số ĐKCB: TN.005458, TN.005459, TN.005460

5569 Charlie và nhà máy sô cô la. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 191tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/CH100R
Số ĐKCB: TN.005455, TN.005456, TN.005457

5570 Chú rùa Alfie. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 59tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH500R
Số ĐKCB: TN.005452, TN.005453, TN.005454

5571 Triết gia rởm bị vặt râu. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 96tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR308G
Số ĐKCB: TN.008360, TN.008361, TN.008362

5572 Hươu cao cổ chim bồ nông và tôi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/H564C
Số ĐKCB: TN.005449, TN.005450, TN.005451

5573 Công chúa vương quốc lòng hồ. - Hà Nội : Phụ nữ, 2007. - 92tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455C
Số ĐKCB: TN.008357, TN.008358, TN.008359

5574 Vợ chồng lão Twit. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 91tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/V460C
Số ĐKCB: TN.005446, TN.005447, TN.005448

5575 Hiệp sĩ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005443, TN.005444, TN.005445

5576 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008354, TN.008355, TN.008356

5577 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008351, TN.008352, TN.008353

5578 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008348, TN.008349, TN.008350

5579 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008345, TN.008346, TN.008347

5580 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008342, TN.008343, TN.008344

5581 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008339, TN.008340, TN.008341

5582 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008336, TN.008337, TN.008338

5583 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008333, TN.008334, TN.008335

5584 Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Trung Hoa / Choi Chang Ruek. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008330, TN.008331, TN.008332

5585 Tôn giáo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 200 14/T254G
Số ĐKCB: TN.005437, TN.005438, TN.005439

5586 Tôn giáo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 200 14/T254G
Số ĐKCB: TN.005434, TN.005435, TN.005436

5587 Van Gogh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005431, TN.005432, TN.005433

5588 Van Gogh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005428, TN.005429, TN.005430

5589 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008327, TN.008328, TN.008329

5590 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008324, TN.008325, TN.008326

5591 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008321, TN.008322, TN.008323

5592 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008318, TN.008319, TN.008320

5593 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008315, TN.008316, TN.008317

5594 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008312, TN.008313, TN.008314

5595 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008309, TN.008310, TN.008311

5596 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008306, TN.008307, TN.008308

5597 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008303, TN.008304, TN.008305

5598 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008300, TN.008301, TN.008302

5599 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008297, TN.008298, TN.008299

5600 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008294, TN.008295, TN.008296

5601 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008292, TN.008293

5602 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008289, TN.008290, TN.008291

5603 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008286, TN.008287, TN.008288

5604 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008283, TN.008284, TN.008285

5605 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008280, TN.008281, TN.008282

5606 Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Thần thoại Hy Lạp / Thomas Bul Finch. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209495 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008279

5607 Đất thánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005425, TN.005426, TN.005427

5608 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008276, TN.008277, TN.008278

5609 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008273, TN.008274, TN.008275

5610 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008270, TN.008271, TN.008272

5611 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008267, TN.008268, TN.008269

5612 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008264, TN.008265, TN.008266

5613 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008261, TN.008262, TN.008263

5614 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008258, TN.008259, TN.008260

5615 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008255, TN.008256, TN.008257

5616 Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 10 tập ; 21cm
Thần thoại Bắc Âu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20948 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.008252, TN.008253, TN.008254

5617 Bệnh viêm kết mạc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 28tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 617.7 14/B256V
Số ĐKCB: TN.005419, TN.005420, TN.005421

5618 Bệnh thủy đậu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 28tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 616.914 14/B256T
Số ĐKCB: TN.005416, TN.005417, TN.005418

5619 Truyện cổ tích về các loài cây. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.008249, TN.008250, TN.008251

5620 Truyện đồng thoại hàng đêm. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.008240, TN.008241, TN.008242, TN.008243, TN.008244, TN.008245, TN.008246, TN.008247, TN.008248

5621 Những câu chuyện rừng xanh. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008237, TN.008238, TN.008239

5622 Bệnh chấy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 28tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 616 14/B256C
Số ĐKCB: TN.005413, TN.005414, TN.005415

5623 Chuyện về những Chú chó. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008234, TN.008235, TN.008236

5624 Cảm và cúm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 616.203 14/C104V
Số ĐKCB: TN.005410, TN.005411, TN.005412

5625 Những câu chuyện ở.... - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008231, TN.008232, TN.008233

5626 Âm thanh và thính giác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005407, TN.005408, TN.005409

5627 Phát triển trí tuệ cho trẻ từ 6 đến 7 tuổi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/PH110T
Số ĐKCB: TN.008227, TN.008228, TN.008229

5628 Phát triển trí tuệ cho trẻ từ 5 đến 6 tuổi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/PH110T
Số ĐKCB: TN.008224, TN.008225, TN.008226

5629 Phát triển trí tuệ cho trẻ từ 4 đến 5 tuổi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 649 14/PH110T
Số ĐKCB: TN.008221, TN.008222, TN.008223

5630 Phát triển trí tuệ cho trẻ từ 3 đến 4 tuổi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 14/PH110T
Số ĐKCB: TN.008218, TN.008219, TN.008220

5631 Phát triển trí tuệ cho trẻ từ 1 đến 2 tuổi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 14/PH110T
Số ĐKCB: TN.008216, TN.008217

5632 Phát triển trí tuệ cho trẻ từ 0 đến 1 tuổi. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 14/PH110T
Số ĐKCB: TN.008213, TN.008214, TN.008215

5633 Con sẽ không đi ngủ / Minh Anh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008212

5634 Đôi khi tôi chia sẽ / Phương Chi. - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008209, TN.008210, TN.008211

5635 Khi cha bị thủy đậu / Lô Lô. - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008206, TN.008207, TN.008208

5636 Chiếc chăn to màu đỏ / Minh Tú. - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008203, TN.008204, TN.008205

5637 Hãy đợi với ! / Minh Tú. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.652 14/H112Đ
Số ĐKCB: TN.008200, TN.008201, TN.008202

5638 Chụp hình nha em / Lô Lô. - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008197, TN.008198, TN.008199

5639 Vị giác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 27tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005404, TN.005405, TN.005406

5640 Giác quan thứ sáu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005401, TN.005402, TN.005403

5641 Rover, Chú chó ngoan / Minh Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/R400V
Số ĐKCB: TN.008191, TN.008192, TN.008193

5642 Vòng đời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005399, TN.005400

5643 Bà triệu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7013092 14/B100T
Số ĐKCB: TN.005398

5644 Hoàng tử bị u đầu / Phương Chi. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/H407T
Số ĐKCB: TN.008188, TN.008189, TN.008190

5645 Thỏ và chồn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 29tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH400V
Số ĐKCB: TN.005395, TN.005396, TN.005397

5646 Hãy đến đây / Minh Tú. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H112Đ
Số ĐKCB: TN.008185, TN.008186, TN.008187

5647 Tôi đi đến New York để thăm sư tử / Lô Lô. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/T452Đ
Số ĐKCB: TN.008182, TN.008183, TN.008184

5648 Nàng bạch tuyết và bảy chú lùn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 29tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N06B
Số ĐKCB: TN.005392, TN.005393, TN.005394

5649 Cứu vật vật trả ơn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.005389, TN.005390, TN.005391, TN.006253, TN.006254, TN.006255

5650 Một vở kịch với Cô VaNilla / Minh Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 14/M458V
Số ĐKCB: TN.008180, TN.008181

5651 Những mưu chước của động vật. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005387, TN.005388

5652 Cút đi, lũ quạ / Minh Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/C522Đ
Số ĐKCB: TN.008177, TN.008178, TN.008179

5653 Ngọn lửa diệu kỳ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 47tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 843 14/NG430L
Số ĐKCB: TN.005385, TN.005386

5654 Kể cho bé nghe. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 23tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K250C
Số ĐKCB: TN.005382, TN.005383, TN.005384

5655 Thế giới động vật. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 590 14/TH250G
Số ĐKCB: TN.005376, TN.005377, TN.005378

5656 Ai đã làm đổ sữa? / Minh Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/A300Đ
Số ĐKCB: TN.008175, TN.008176

5657 Răng hoàng tử bị lung lay ! / Minh Tú. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.652 14/R116H
Số ĐKCB: TN.008172, TN.008173, TN.008174

5658 Điềm may, điềm rủi. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2006. - 16tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 14/Đ304M
Số ĐKCB: TN.008170, TN.008171

5659 Mùa hoa phượng nở. - Hà Nội : Âm nhạc, 2007. - 140tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 782.42 14/M501H
Số ĐKCB: TN.008167, TN.008168, TN.008169

5660 Thích ghi / Steve Darxer. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005367, TN.005368, TN.005369

5661 Phân loại. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005364, TN.005365, TN.005366

5662 Ai cũng yêu chú mèo : Tập bài hát mẫu giáo. - Hà Nội : Âm nhạc, 2006. - 38tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.42 14/A103C

Số ĐKCB: TN.008164, TN.008165, TN.008166

5663 Bảo Liên Đăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2006. - 18tr. ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/B108L

Số ĐKCB: TN.008161, TN.008162, TN.008163

5664 Na Tra đại náo Thủy cung. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2006. - 18tr. ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/N100T

Số ĐKCB: TN.008158, TN.008159, TN.008160

5665 Tây du ký. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2006. - 18tr. ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/T126D

Số ĐKCB: TN.008155, TN.008156, TN.008157

5666 Bà góa nhân từ. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008151, TN.008152, TN.008153, TN.008154

5667 Tiếng hát của người đá. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/T306H

Số ĐKCB: TN.008147, TN.008148, TN.008149, TN.008150

5668 Tiếng gọi của bầu trời. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 21tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T306G

Số ĐKCB: TN.005355, TN.005356, TN.005357

5669 Thế giới khoa học. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/TH250G

Số ĐKCB: TN.005352, TN.005353, TN.005354

5670 Sự tích con cò lửa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 23tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550T

Số ĐKCB: TN.005349, TN.005350, TN.005351

5671 Chàng trai nghèo và viên ngọc quý. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH106T

Số ĐKCB: TN.008143, TN.008144, TN.008145, TN.008146

5672 Lên núi, vào rừng, xuống biển. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005343, TN.005344, TN.005345

5673 Vua Rùa nhân từ. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/V501R
Số ĐKCB: TN.008139, TN.008140, TN.008141, TN.008142

5674 Chàng thợ săn dũng cảm. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH106T
Số ĐKCB: TN.008135, TN.008136, TN.008137, TN.008138

5675 Mẹo anh đày tớ. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/M205A
Số ĐKCB: TN.008131, TN.008132, TN.008133, TN.008134

5676 Người vợ lý tưởng. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/NG558V
Số ĐKCB: TN.008127, TN.008128, TN.008129, TN.008130

5677 Chiếc đèn dưới hang sâu. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH303Đ
Số ĐKCB: TN.008123, TN.008124, TN.008125, TN.008126

5678 Anh học trò và ba con quỷ. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/A107H
Số ĐKCB: TN.008119, TN.008120, TN.008121, TN.008122

5679 Xứ Tàu khiếp vía. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/X550T
Số ĐKCB: TN.008115, TN.008116, TN.008117, TN.008118

5680 Quả bầu kỳ lạ. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/QU100B
Số ĐKCB: TN.008111, TN.008112, TN.008113, TN.008114

5681 Cô gái trong vỏ sò. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 132tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C450G
Số ĐKCB: TN.008107, TN.008108, TN.008109, TN.008110

5682 Lươn thần và cậu bé nghèo khổ. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2006. - 128tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/L560T
Số ĐKCB: TN.008103, TN.008104, TN.008105, TN.008106

Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 4 tập ; 18cm

5683 Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/TR561H

Số ĐKCB: TN.008733, TN.008734, TN.008735

5684 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C

Số ĐKCB: TN.008097, TN.008098, TN.008099

5685 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C

Số ĐKCB: TN.008094, TN.008095, TN.008096

5686 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C

Số ĐKCB: TN.008091, TN.008092, TN.008093

5687 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C

Số ĐKCB: TN.008088, TN.008089, TN.008090

5688 Những chuyện không phải trong mơ / Tạ Duy Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 95tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.005340, TN.005341, TN.005342

5689 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C

Số ĐKCB: TN.008085, TN.008086, TN.008087

5690 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C

Số ĐKCB: TN.008082, TN.008083, TN.008084

5691 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C
Số ĐKCB: TN.007839, TN.007840, TN.007841

5692 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C
Số ĐKCB: TN.007836, TN.007837, TN.007838

5693 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C
Số ĐKCB: TN.007777, TN.007778, TN.007779

5694 Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Hoàng Cung / Park So Hee. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 174tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/H407C
Số ĐKCB: TN.007774, TN.007775, TN.007776

5695 Con nít vùng ngập lũ / Anh Đào. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 51tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430N
Số ĐKCB: TN.005337, TN.005338, TN.005339

5696 Những phong tục lạ thường và kỳ bí. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 95tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 390 14/NH556P
Số ĐKCB: TN.005334, TN.005335, TN.005336

5697 Chiếc bình cổ / Chu Quang Mạnh Thắng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 79tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303B
Số ĐKCB: TN.005331, TN.005332, TN.005333

5698 Những kỳ quan của thiên nhiên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 111tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005328, TN.005329, TN.005330

5699 Những vì sao trong mơ / Nguyễn Ngọc Minh Hoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 103tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.005325, TN.005326, TN.005327

5700 Chó sói mi là ai?. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2006. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008075, TN.008076, TN.008077, TN.008078

5701 Động vật lạ thời tiền sử. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2006. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008071, TN.008072, TN.008073, TN.008074

5702 Con mèo dạy bay / Luis Sepúlveda. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 115tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808 14/C430M
Số ĐKCB: TN.005322, TN.005323, TN.005324

5703 Sô cô la, trà và cà phê. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008068, TN.008069, TN.008070

5704 Gạo, thứ hạt nhỏ bé nuôi.... - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2006. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008063, TN.008064, TN.008065, TN.008066

5705 Lịch sử sinh sản. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2006. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008059, TN.008060, TN.008061, TN.008062

5706 Sửa dành cho trẻ em. - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008055, TN.008056, TN.008057, TN.008058

5707 Bánh mì. - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008051, TN.008052, TN.008053, TN.008054

5708 Câu chuyện về ngọn núi / Nguyễn Quang Thiều. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 139tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125C
Số ĐKCB: TN.005319, TN.005320, TN.005321

5709 Cá voi và những động vật biển.... - Tp. Hồ Chí Minh, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008047, TN.008048, TN.008049, TN.008050

5710 Động vật sống ra sao vào mùa đông. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2006. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.008043, TN.008044, TN.008045, TN.008046

5711 Cổ tích trong lâu đài. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 155tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/C450T

Số ĐKCB: TN.005316, TN.005317, TN.005318

5712 Đôi bờ sông Nil dưới triều Pharaon. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2006. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008039, TN.008040, TN.008041, TN.008042

5713 Người vô hình / Hơbớt oenxơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 167tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NG558V

Số ĐKCB: TN.005313, TN.005314, TN.005315

5714 Lịch sử giấy. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.008038, TN.008079, TN.008080, TN.008081

5715 Truyện dân gian Bồ Đào Nha. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527D

Số ĐKCB: TN.008034, TN.008035, TN.008036, TN.008037

5716 Truyện dân gian Mon Da Vi. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527D

Số ĐKCB: TN.008030, TN.008031, TN.008032, TN.008033

5717 Nhà không người lớn / Thy Ngọc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 167tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH100K

Số ĐKCB: TN.005310, TN.005311, TN.005312

5718 Chiếc cầu vào xứ tuổi thơ / Katherine Paterson. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 163tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/CH303C

Số ĐKCB: TN.005307, TN.005308, TN.005309

5719 Truyện dân gian Mã Lai. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209595 14/TR527D

Số ĐKCB: TN.008026, TN.008027, TN.008028, TN.008029

5720 Tiếng hát / Nguyễn Thị Hương Lý. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005304, TN.005305, TN.005306

5721 Truyện dân gian Mông Cổ. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209517 14/TR527D

Số ĐKCB: TN.008022, TN.008023, TN.008024, TN.008025

5722 Truyện dân gian Thái Lan. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209593 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.008018, TN.008019, TN.008020, TN.008021

5723 Truyện dân gian Tây Phi. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.008014, TN.008015, TN.008016, TN.008017

5724 Truyện dân gian Bắc Á. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.008010, TN.008011, TN.008012, TN.008013

5725 Truyện dân gian Anh. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20942 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.008006, TN.008007, TN.008008, TN.008009

5726 Truyện dân gian Pakixtan. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2095491 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.008002, TN.008003, TN.008004, TN.008005

5727 Một thiên nằm mộng / Nguyễn Ngọc Thuần. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 159tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458T
Số ĐKCB: TN.005301, TN.005302, TN.005303

5728 Truyện dân gian Trung Quốc. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.007998, TN.007999, TN.008000, TN.008001

5729 Truyện dân gian Đức. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20943 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.007994, TN.007995, TN.007996, TN.007997

5730 Lá thư không gửi / Dương, Thu Hằng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 99tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L100T
Số ĐKCB: TN.005298, TN.005299, TN.005300

5731 James và quả đào khổng lồ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 187tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/J100M
Số ĐKCB: TN.005295, TN.005296, TN.005297

5732 Truyện dân gian Nga. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20947 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.007990, TN.007991, TN.007992, TN.007993

5733 Truyện dân gian Việt Nam. - Hà Nội : Lao động - xã hội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.007986, TN.007987, TN.007988, TN.007989

5734 Truyện dân gian Tây Tạng. - Hà Nội : Lao động - Xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209515 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.007982, TN.007983, TN.007984, TN.007985

5735 Truyện dân gian Nam Mỹ. - Hà Nội : Lao động - xã hội, 2006. - 180tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2098 14/TR527D
Số ĐKCB: TN.007978, TN.007979, TN.007980, TN.007981

5736 Đội quân Đô Rê Mon / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đội quân Đô Rê Mon / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ452Q
Số ĐKCB: TN.007975, TN.007976, TN.007977

5737 Kiến thức thể thao / Serge Guérin. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 5361tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005289, TN.005290, TN.005291

5738 Đội quân Đô Rê Mon / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đội quân Đô Rê Mon / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ452Q
Số ĐKCB: TN.007972, TN.007973, TN.007974

5739 Đội quân Đô Rê Mon / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2004. - tr. ; cm
Đội quân Đô Rê Mon / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2004. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/Đ452Q
Số ĐKCB: TN.007969, TN.007970, TN.007971

5740 Những vụ án kỳ lạ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 145tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.005286, TN.005287, TN.005288

5741 Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007966, TN.007967, TN.007968

5742 Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007963, TN.007964, TN.007965

5743 Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007960, TN.007961, TN.007962

5744 Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007957, TN.007958, TN.007959

5745 Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007954, TN.007955, TN.007956

5746 Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - 6 tập ; cm
Đô Rê Mon màu / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007951, TN.007952, TN.007953

5747 Bí mật hẻm xì trum / Kim Hài. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B300M
Số ĐKCB: TN.005283, TN.005284, TN.005285

5748 Trong bóng mát những làn mây / Qúy Thể. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR431B
Số ĐKCB: TN.005280, TN.005281, TN.005282

5749 Người kéo vó bè / Đỗ Kim Cương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 127tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558K
Số ĐKCB: TN.005277, TN.005278, TN.005279

5750 Chu Thọ Xương. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007948, TN.007949, TN.007950

5751 Hoàng Đình Kiên. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.007945, TN.007946, TN.007947

5752 Ngô Mãnh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.007942, TN.007943, TN.007944

5753 Trên nẻo đường giao liên / Bùi Tự Lực. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 135tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR254N

Số ĐKCB: TN.005274, TN.005275, TN.005276

5754 Đinh Lan. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.007939, TN.007940, TN.007941

5755 Diễn Tử. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.007936, TN.007937, TN.007938

5756 Ngũ tử cướp cái / Lan Phương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 111tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG500T

Số ĐKCB: TN.005271, TN.005272, TN.005273

5757 Đổng Vĩnh. - Hà Nội : Thanh niên, 2005. - 32tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/Đ455V

Số ĐKCB: TN.007933, TN.007934, TN.007935

5758 Tặng hoa Đại tướng / Đào Vũ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005268, TN.005269, TN.005270

5759 Giang cánh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.007930, TN.007931, TN.007932

5760 Chuồn chuồn cắn rốn / Nguyễn Siêu Việt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH517C

Số ĐKCB: TN.005265, TN.005266, TN.005267

5761 Vua Thuấn. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V501T
Số ĐKCB: TN.007927, TN.007928, TN.007929

5762 Vương Tường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/V561T
Số ĐKCB: TN.007924, TN.007925, TN.007926

5763 Chiếc thuyền vàng / Khuê Việt Trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/KH507V
Số ĐKCB: TN.005262, TN.005263, TN.005264

5764 Mạnh Tông. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/M107T
Số ĐKCB: TN.007921, TN.007922, TN.007923

5765 Làm mẹ / Trần Đức Tiến. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005259, TN.005260, TN.005261

5766 Tăng Tử. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007918, TN.007919, TN.007920

5767 Mẫn Tử Khiên. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007915, TN.007916, TN.007917

5768 Miệt vườn xa lắm / Dạ Ngân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 139tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M308V
Số ĐKCB: TN.005256, TN.005257, TN.005258

5769 Lục Tích. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L506T
Số ĐKCB: TN.007912, TN.007913, TN.007914

5770 Cưỡi ngỗng mà về. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 63tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 389.209597 14/C558N
Số ĐKCB: TN.005253, TN.005254, TN.005255

5771 Chuyện nhỏ trong rừng / Vân Long. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 143tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527N
Số ĐKCB: TN.005250, TN.005251, TN.005252

5772 Miền cổ tích / Hoàng Phương Nhâm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 203tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M305C
Số ĐKCB: TN.005247, TN.005248, TN.005249

5773 Những đứa trẻ làng đồng bảng / Đan Thành. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 115tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556Đ
Số ĐKCB: TN.005244, TN.005245, TN.005246

5774 Cuộc thách đố bí mật / Phạm Thị Thanh Tú. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 103tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514T
Số ĐKCB: TN.005241, TN.005242, TN.005243

5775 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007905, TN.007906, TN.007907

5776 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007902, TN.007903, TN.007904

5777 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007899, TN.007900, TN.007901

5778 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007896, TN.007897, TN.007898

5779 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007893, TN.007894, TN.007895

5780 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007890, TN.007891, TN.007892

5781 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007887, TN.007888, TN.007889

5782 Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Thành Cát Tư Hãn / Phương Linh. - Hà Nội : Giáo dục, 2006. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107C
Số ĐKCB: TN.007884, TN.007885, TN.007886

5783 Như anh em trai / Nguyễn Trang Thu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 195tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH550A
Số ĐKCB: TN.005238, TN.005239, TN.005240

5784 Chúa tể của những chiếc.... - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007881, TN.007882, TN.007883

5785 Chúa tể của những chiếc.... - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007878, TN.007879, TN.007880

5786 Chúa tể của những chiếc.... - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007875, TN.007876, TN.007877

5787 Chúa tể của những chiếc.... - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007872, TN.007873, TN.007874

5788 Chúa tể của những chiếc.... - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007869, TN.007870, TN.007871

5789 Chuyện về lợn con / Beatrix Dotter. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH527V
Số ĐKCB: TN.005232, TN.005233, TN.005234

5790 Ác mộng trong không gian... / R.L. Stine. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 152tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/A-101M
Số ĐKCB: TN.007866, TN.007867, TN.007868

5791 Người bạn hành tinh khác / R.L. Stine. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 152tr. ; 17cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.007863, TN.007864, TN.007865

5792 Lễ hội / R.L. Stine. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 152tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/L250H
Số ĐKCB: TN.007860, TN.007861, TN.007862

5793 Oliver không sợ ma / R.L. Stine. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 152tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/O-400L
Số ĐKCB: TN.007857, TN.007858, TN.007859

5794 Ba điều ước / R.L. Stine; Lê Huy Bắc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 152tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/B100Đ
Số ĐKCB: TN.007854, TN.007855, TN.007856

5795 Ông côn trùng / R.L. Stine ; Ngân Xuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 152tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/Ô-455C
Số ĐKCB: TN.007851, TN.007852, TN.007853

Ngôi nhà hạnh phúc / Won Soo Yeon; d.: Phương Loan, Lan Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 120tr. ; 18cm

5796 Ngôi nhà hạnh phúc / Won Soo Yeon; d.: Phương Loan, Lan Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 120tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.007848, TN.007849, TN.007850

Ngôi nhà hạnh phúc / Won Soo Yeon; d.: Phương Loan, Lan Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 120tr. ; 18cm

5797 Ngôi nhà hạnh phúc / Won Soo Yeon; d.: Phương Loan, Lan Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 120tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.007845, TN.007846, TN.007847

Ngôi nhà hạnh phúc / Won Soo Yeon; d.: Phương Loan, Lan Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 120tr. ; 18cm

5798 Ngôi nhà hạnh phúc / Won Soo Yeon; d.: Phương Loan, Lan Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 120tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.7 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.007842, TN.007843, TN.007844

5799 Bài tập toán nâng cao 5 / Nguyễn, Xuân Qùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Bài tập toán nâng cao 5 / Nguyễn, Xuân Qùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001143, TN.001144, TN.001145, TN.001146, TN.001147

5800 Bài tập toán nâng cao 5 / Nguyễn, Xuân Qùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Bài tập toán nâng cao 5 / Nguyễn, Xuân Qùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001138, TN.001139, TN.001140, TN.001141, TN.001142

5801 Bài tập toán nâng cao 4 / Nguyễn, Xuân Qùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Bài tập toán nâng cao 4 / Nguyễn, Xuân Qùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001123, TN.001124, TN.001125, TN.001126, TN.001127

5802 Bài tập toán nâng cao 4. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Bài tập toán nâng cao 4. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001118, TN.001119, TN.001120, TN.001121, TN.001122

5803 Bầy trẻ làng cầu / Nguyễn Đức Thiện. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 203tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B126T
Số ĐKCB: TN.005235, TN.005236, TN.005237

5804 Cá heo con trở thành nghệ sỹ / Nguyễn Văn Đệ. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.223 14/C100H
Số ĐKCB: TN.007829, TN.007830, TN.007831, TN.007832

5805 Lời hứa của mùa hè / Nguyên Hương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 107tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L462H
Số ĐKCB: TN.005229, TN.005230, TN.005231

5806 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007826, TN.007827, TN.007828

5807 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007823, TN.007824, TN.007825

5808 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007820, TN.007821, TN.007822

5809 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007817, TN.007818, TN.007819

5810 Bố con người đánh trống trận / Cáp Thị Tấn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 47tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B450C
Số ĐKCB: TN.005226, TN.005227, TN.005228

5811 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007814, TN.007815, TN.007816

5812 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007811, TN.007812, TN.007813

5813 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007808, TN.007809, TN.007810

5814 Truyện chọn lọc viết cho thiếu nhi / Trần Nhuận Cầm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.005222, TN.005223, TN.005224, TN.005225

5815 Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Thám tử lừng danh Conan / Gosho Aoyama. - Hà Nội, 2005. - tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.635 23/TH104T
Số ĐKCB: TN.007807

5816 Thức ăn đi đâu / Hiền Lương. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005219, TN.005220, TN.005221

5817 Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/A-100M
Số ĐKCB: TN.007804, TN.007805, TN.007806

5818 Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/A-100M
Số ĐKCB: TN.007801, TN.007802, TN.007803

5819 Tàu buồm tốc độ cao. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 54tr. : hình vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005216, TN.005217, TN.005218

5820 Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/A-100M
Số ĐKCB: TN.007798, TN.007799, TN.007800

5821 Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Amakusa 1637 / Akaishi Michiyo; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 190tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/A-100M
Số ĐKCB: TN.007795, TN.007796, TN.007797

5822 Âm thanh và tín hiệu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 76tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005213, TN.005214, TN.005215

5823 Mai Thúc Loan. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7013092 14/M103T
Số ĐKCB: TN.005210, TN.005211, TN.005212

5824 Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 4 tập ; 18cm
Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/TR561H
Số ĐKCB: TN.007792, TN.007793, TN.007794

5825 Mai An Tiêm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/M103A
Số ĐKCB: TN.005207, TN.005208, TN.005209

5826 Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 188tr. ; 18cm

Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/TR561H
Số ĐKCB: TN.007789, TN.007790, TN.007791

5827 Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 188tr. ; 18cm

Trường học của những ngôi sao / Imai Yasue; Nguyễn Thanh Vân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 188tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/TR561H
Số ĐKCB: TN.007786, TN.007787, TN.007788

5828 Lý Ông Trọng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7092 14/L600Ô
Số ĐKCB: TN.005204, TN.005205, TN.005206

5829 Lê Hoàn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7092 14/L250H
Số ĐKCB: TN.005201, TN.005202, TN.005203

Vương quốc điện ảnh / Akaishi Michiyo; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 186tr. ; 18cm

5830 Vương quốc điện ảnh / Akaishi Michiyo; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 186tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/V561Q
Số ĐKCB: TN.007783, TN.007784, TN.007785

Vương quốc điện ảnh / Akaishi Michiyo; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 186tr. ; 18cm

5831 Vương quốc điện ảnh / Akaishi Michiyo; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 186tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/V561Q
Số ĐKCB: TN.007780, TN.007781, TN.007782

5832 Triệu Quang Phục. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 16tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023092 14/TR309Q

Số ĐKCB: TN.005198, TN.005199, TN.005200

Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

5833 Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/T454N

Số ĐKCB: TN.007771, TN.007772, TN.007773

Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

5834 Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/T454N

Số ĐKCB: TN.007768, TN.007769, TN.007770

Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

5835 Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/T454N

Số ĐKCB: TN.007765, TN.007766, TN.007767

5836 Lý Thường Kiệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023092 14/L600T

Số ĐKCB: TN.005195, TN.005196, TN.005197

Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

5837 Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/T454N

Số ĐKCB: TN.007762, TN.007763, TN.007764

Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 5 tập ; 18cm

5838 Tôn Ngộ Không : Truyện tranh / Tezuka Osamu; Trương Thị Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/T454N

Số ĐKCB: TN.007759, TN.007760, TN.007761

5839 Laser và ảnh toàn ký. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.005186, TN.005187, TN.005188

5840 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007756, TN.007757, TN.007758

5841 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007753, TN.007754, TN.007755

5842 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007750, TN.007751, TN.007752

5843 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007747, TN.007748, TN.007749

5844 Chuyện của Masha / Galima Lebedeva. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.004674, TN.004675, TN.004676, TN.005183, TN.005184, TN.005185

5845 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007744, TN.007745, TN.007746

5846 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007741, TN.007742, TN.007743

5847 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007738, TN.007739, TN.007740

5848 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007735, TN.007736, TN.007737

5849 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007732, TN.007733, TN.007734

5850 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007729, TN.007730, TN.007731

5851 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007726, TN.007727, TN.007728

5852 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007723, TN.007724, TN.007725

5853 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007720, TN.007721, TN.007722

5854 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007717, TN.007718, TN.007719

5855 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007714, TN.007715, TN.007716

5856 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007711, TN.007712, TN.007713

5857 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007708, TN.007709, TN.007710

5858 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - 24 tập ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007705, TN.007706, TN.007707

5859 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007702, TN.007703, TN.007704

5860 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007699, TN.007700, TN.007701

5861 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007696, TN.007697, TN.007698

5862 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007693, TN.007694, TN.007695

5863 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007690, TN.007691, TN.007692

5864 Đô Rê Mon / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007687, TN.007688, TN.007689

5865 Quốc văn giáo khoa thư bằng tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005180, TN.005181, TN.005182

5866 Kỳ cà kì cạch. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005177, TN.005178, TN.005179

5867 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007651, TN.007652, TN.007653

5868 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007654, TN.007655, TN.007656

5869 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007657, TN.007658, TN.007659

5870 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007660, TN.007661, TN.007662

5871 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007663, TN.007664, TN.007665

5872 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007666, TN.007667, TN.007668

5873 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007669, TN.007670, TN.007671

5874 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007672, TN.007673, TN.007674

5875 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007675, TN.007676, TN.007677

5876 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007678, TN.007679, TN.007680

5877 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007681, TN.007682, TN.007683

5878 Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Những người bạn ngộ nghĩnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.007684, TN.007685, TN.007686

5879 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007648, TN.007649, TN.007650

5880 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007645, TN.007646, TN.007647

5881 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007642, TN.007643, TN.007644

5882 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - 10 tập ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007639, TN.007640, TN.007641

5883 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007636, TN.007637, TN.007638

5884 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007633, TN.007634, TN.007635

5885 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007630, TN.007631, TN.007632

5886 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007627, TN.007628, TN.007629

5887 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007624, TN.007625, TN.007626

5888 Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon học tập / Fujiko FFujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007621, TN.007622, TN.007623

5889 Đô rê mon học tập - Những trò chơi / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007618, TN.007619, TN.007620

5890 Đô rê mon học tập - Âm nhạc / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007615, TN.007616, TN.007617

5891 Đô rê mon học tập - Cùng làm ca sỹ / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007612, TN.007613, TN.007614

5892 Đô rê mon học tập - Bơi lội / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007608, TN.007609, TN.007610, TN.007611

5893 Đô rê mon học tập - Thể dục dụng cụ / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007605, TN.007606, TN.007607

5894 Đô rê mon học tập - Điện năng, âm thanh / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007603, TN.007604

5895 Đô rê mon học tập - Điền kinh / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007600, TN.007601, TN.007602

5896 Đô rê mon - Thiên thể / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007597, TN.007598, TN.007599

5897 Đô rê mon - Hình khối / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007594, TN.007595, TN.007596

5898 Đô rê mon - Những bài toán thường gặp / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007591, TN.007592, TN.007593

5899 Đô rê mon - Làm quen với... / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007588, TN.007589, TN.007590

5900 Đô rê mon - Cách giải bài toán... / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007585, TN.007586, TN.007587

5901 Đô rê mon - Diện tích thể tích / Fujiko F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007582, TN.007583, TN.007584

5902 Đô rê mon - môn toán / Fijuko.F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon - môn toán / Fijuko.F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007576, TN.007577, TN.007578

5903 Đô rê mon - môn toán / Fijuko.F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Đô rê mon - môn toán / Fijuko.F Fujio. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/Đ450R
Số ĐKCB: TN.007579, TN.007580, TN.007581

5904 Hoàng Tử Nhái. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.007573, TN.007574, TN.007575

5905 Chú mèo đi hia. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.007567, TN.007568, TN.007569, TN.007570, TN.007571, TN.007572

5906 Vịt con xấu xí. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.007561, TN.007562, TN.007563, TN.007564, TN.007565, TN.007566

5907 Dế mèn và kiến. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D250M
Số ĐKCB: TN.007558, TN.007559, TN.007560

5908 Cô bé Lọ Lem. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 389.2 14/C450B
Số ĐKCB: TN.007557

5909 Ngô Quyền. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7021092 14/NG450Q
Số ĐKCB: TN.005174, TN.005175, TN.005176

5910 Tấm Cám. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 389.2 14/T120C
Số ĐKCB: TN.007555, TN.007556

5911 An Dương Vương. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/A105D
Số ĐKCB: TN.005171, TN.005172, TN.005173

5912 Con ngỗng vàng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.007549, TN.007550, TN.007551, TN.007552, TN.007553, TN.007554

5913 Lạc Long Quân và Âu cơ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 35tr. ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/L101L
Số ĐKCB: TN.005168, TN.005169, TN.005170

5914 Chiếc đèn thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 18tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303Đ
Số ĐKCB: TN.007546, TN.007547, TN.007548

5915 Cú mèo và sơn ca. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 16tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C500M
Số ĐKCB: TN.005165, TN.005166, TN.005167

5916 Bầy thiên nga. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/B126T
Số ĐKCB: TN.007543, TN.007544, TN.007545

5917 Cá lóc nuôi con / Quốc Việt. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C100L
Số ĐKCB: TN.005162, TN.005163, TN.005164

5918 Giấc ngủ nàng công chúa. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - 12tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI119N
Số ĐKCB: TN.007540, TN.007541, TN.007542

5919 Lựa lời nói hay. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L551L
Số ĐKCB: TN.005159, TN.005160, TN.005161

5920 Lý Công Uẩn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7023092 14/L600C
Số ĐKCB: TN.005156, TN.005157, TN.005158

5921 Nàng Út rẫy dưa. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007537, TN.007538, TN.007539

5922 Lòng mẹ / Viễn Phương. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L431M
Số ĐKCB: TN.005153, TN.005154, TN.005155

5923 Thỏ và Ốc Sên. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2005. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH400V
Số ĐKCB: TN.007534, TN.007535, TN.007536

5924 Người cưỡi con trâu trắng. - Đồng Nai : nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.007531, TN.007532, TN.007533

5925 Hát về thầy cô, hát về mái trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 61tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.42 14/H110V
Số ĐKCB: TN.005150, TN.005151, TN.005152

5926 Chàng trai tốt bụng cứu công chúa. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/CH106T
Số ĐKCB: TN.007528, TN.007529, TN.007530

5927 Hoàng tử và thần rùa. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007525, TN.007526, TN.007527

5928 Những câu chuyện tri thức - Rồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005147, TN.005148, TN.005149

5929 Cô gái thông minh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/C450G
Số ĐKCB: TN.007522, TN.007523, TN.007524

5930 Những câu chuyện tri thức - Rắn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005144, TN.005145, TN.005146

5931 Những câu chuyện tri thức - Chó. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005141, TN.005142, TN.005143

5932 Những câu chuyện tri thức - Dê. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005138, TN.005139, TN.005140

5933 Những câu chuyện tri thức - Lợn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005135, TN.005136, TN.005137

5934 Những câu chuyện tri thức - Khỉ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005132, TN.005133, TN.005134

5935 Những câu chuyện tri thức - Ngựa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005129, TN.005130, TN.005131

5936 Những câu chuyện tri thức - Gà. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005126, TN.005127, TN.005128

5937 Người hàng xóm xấu bụng. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007519, TN.007520, TN.007521

5938 Những câu chuyện tri thức - Trâu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005123, TN.005124, TN.005125

5939 Những câu chuyện tri thức - Hổ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005120, TN.005121, TN.005122

5940 Những câu chuyện tri thức - Chuột. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005117, TN.005118, TN.005119

5941 Gà lôi đền ơn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/G100L
Số ĐKCB: TN.007516, TN.007517, TN.007518

5942 Đôi giày thần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007513, TN.007514, TN.007515

5943 Già vẫn có ích. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 60tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/GI100V
Số ĐKCB: TN.007510, TN.007511, TN.007512

5944 Chú ốc đảo xa / Nguyễn Hữu Lập. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 47tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.003150, TN.003151, TN.003152, TN.003153, TN.003664, TN.003665, TN.003666, TN.003667, TN.003668, TN.005114, TN.005115,

5945 Người cá và ông vua gàn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007507, TN.007508, TN.007509

5946 111 câu đố lý thú về những con số. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 201tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 519.1 14/M458T
Số ĐKCB: TN.005111, TN.005112, TN.005113

5947 Sếu trả ơn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/S259T
Số ĐKCB: TN.007504, TN.007505, TN.007506

5948 Cậu bé Diệu Long. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.007501, TN.007502, TN.007503

5949 Đôi giày vuông / Phan Hồn Nhiên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452G
Số ĐKCB: TN.004996, TN.004997, TN.004998

5950 Tình yêu chiến thắng cái chết. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 134tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/T312Y
Số ĐKCB: TN.004993, TN.004994, TN.004995

5951 Điệp báo kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 81tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005108, TN.005109, TN.005110

5952 Truy tìm đồng tiền cổ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 96tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005105, TN.005106, TN.005107

5953 Người đưa thư của lãnh chúa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 124tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.63 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.004992, TN.004990, TN.004991

5954 Sư tử đá. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ, 2001. - 110tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.004987, TN.004988, TN.004989

5955 Tay súng thần. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T112S
Số ĐKCB: TN.005102, TN.005103, TN.005104

5956 Thằng Tarzan / Kim Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 58tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH116T
Số ĐKCB: TN.004984, TN.004985, TN.004986

5957 Những con số thú vị. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 102tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.005099, TN.005100, TN.005101

5958 Thằng Pêlê bà chiều / Thương Ánh; Thương ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 105tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH116P
Số ĐKCB: TN.004981, TN.004982, TN.004983

5959 Đội bóng nhí xóm mới / Tiêu Đình. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ, 2002. - 122tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452B
Số ĐKCB: TN.004978, TN.004979, TN.004980

5960 Công chúa Thiên Nga. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 126tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455C
Số ĐKCB: TN.004972, TN.004973, TN.004974

5961 Cỏ dại / Hồng Thủy. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C400D
Số ĐKCB: TN.004966, TN.004967, TN.004968

5962 Phép lạ / Bùi Hiển. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/PH206L
Số ĐKCB: TN.004963, TN.004964, TN.004965

5963 Những mẩu chuyện tuổi học trò. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556M
Số ĐKCB: TN.005095, TN.005096, TN.005097, TN.005098

5964 Muối trong mưa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ, 2001. - 206tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M515T
Số ĐKCB: TN.004960, TN.004961, TN.004962

5965 Đôi chim tử quy. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452C
Số ĐKCB: TN.005092, TN.005093, TN.005094

5966 Hoa sửa và kẻ lang thang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 170tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H401S
Số ĐKCB: TN.004957, TN.004958, TN.004959

5967 Điều ước bí mật. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 82tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 8080.83 14/Đ309Ư
Số ĐKCB: TN.004954, TN.004955, TN.004956

5968 Vương miện của mưa. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - 156tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V561M
Số ĐKCB: TN.004951, TN.004952, TN.004953

5969 Cậu bé mê toán / Đỗ Thị Hiền Hòa. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ, 1999. - 96tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125
Số ĐKCB: TN.004948, TN.004949, TN.004950

5970 Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004945, TN.004946, TN.004947

5971 Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004942, TN.004943, TN.004944

5972 Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004939, TN.004940, TN.004941

5973 Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Biết tất tật trong thiên hạ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004936, TN.004937, TN.004938

5974 Cọng rơm hạnh phúc. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - 126tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C431R
Số ĐKCB: TN.004933, TN.004934, TN.004935

5975 Trí tưởng tượng sáng tạo ở tuổi thiếu nhi / L.X. Vưgốtxki ; Duy Lập d.. - Hà Nội : Văn hoá Dân tộc, 2002. - 188tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004930, TN.004931, TN.004932

5976 Chim non vui hát / Lê Văn La Vâng. - Đắk Lắk : Nxb.Đắk Lắk, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004928, TN.004929

5977 Phạm tải Ngọc Hoa. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004925, TN.004926, TN.004927

5978 Hoàng tử Cua. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H407T
Số ĐKCB: TN.004922, TN.004923, TN.004924

5979 Ngôi nhà họa mi. - Hà Nội : Lao động, 2002. - 164tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.004919, TN.004920, TN.004921

5980 Mất tai mất tóc : Truyện cổ dân tộc Tày / Lục Minh Thư tuyển chọn. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2003. - 95tr. ; 19cm. - (Kho tàng cổ tích Việt Nam)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/M124T
Số ĐKCB: TN.005089, TN.005090, TN.005091

5981 Anh chàng hà tiện. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A-107C
Số ĐKCB: TN.004916, TN.004917, TN.004918

5982 Chú bé tí hon. - Hà Nội : Lao động, 2002. - 164tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.004913, TN.004914, TN.004915

5983 Tướng cóc ra trận. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2003. - 99tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.005086, TN.005087, TN.005088, TN.005828, TN.005829, TN.005830

5984 Giá của hoàng đế. - Hà Nội : Lao động, 2002. - 160tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/GI100C
Số ĐKCB: TN.004910, TN.004911, TN.004912

5985 Chiếc nhẫn thần. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004907, TN.004908, TN.004909

5986 Chàng mồ côi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 164tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Ch106M
Số ĐKCB: TN.004904, TN.004905, TN.004906

5987 Cuộc phiêu lưu kỳ lạ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514P
Số ĐKCB: TN.004901, TN.004902, TN.004903

5988 Chú bé rách rưới / Giêm Grinút; Giêm Grinút ; Đoàn Phan Chín d.. - Hà Nội : Văn học, 2003. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 823 14/CH500B
Số ĐKCB: TN.005083, TN.005084, TN.005085

5989 Bốn mươi người bạn. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004896, TN.004897, TN.004898, TN.004899, TN.004900

5990 Chú Mèo kêu gâu gâu / Vũ Bội Tuyền. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2002. - 96tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500M
Số ĐKCB: TN.004893, TN.004894, TN.004895

5991 Giấc mơ tuyệt diệu của bé Alice / Lewis Carroll. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 124tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/GI-119M
Số ĐKCB: TN.005080, TN.005081, TN.005082

5992 Món quà lạ / Phương Ngọc. - Hà Nội : Văn hoá Dân tộc, 2002. - 22tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M430Q
Số ĐKCB: TN.004890, TN.004891, TN.004892

5993 Con chó của nhà Baskerville / A Conan Dovle. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/C430C
Số ĐKCB: TN.005076, TN.005077, TN.005078, TN.005079

5994 Anh hùng Vi Văn Pụn / Cẩm Ly. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2002. - 22tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A-107H
Số ĐKCB: TN.004887, TN.004888, TN.004889

5995 Cây cau thần và cô gái nhà nghèo. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2001. - 54tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C126C
Số ĐKCB: TN.004884, TN.004885, TN.004886

5996 Người bạn gái đầu tiên / Trang Thỏ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 198tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.004881, TN.004882, TN.004883

5997 Robin hood. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005074, TN.005075

5998 Dũng Sài Gòn / Nguyễn Trí Công. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 128tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D513S
Số ĐKCB: TN.004878, TN.004879, TN.004880

5999 Một giọt nắng nhạt / Nguyễn Khải. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004875, TN.004876, TN.004877

6000 Trâu đoàn kết giết hổ. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR125Đ
Số ĐKCB: TN.005071, TN.005072, TN.005073

6001 Gã cá sấu tham ăn. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 16tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Chuyện kể bằng tranh dành cho học sinh tiểu học)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/G100C
Số ĐKCB: TN.005068, TN.005069, TN.005070

6002 Người khổng lồ núi bạc / Trần Thùy Mai. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 276tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558K
Số ĐKCB: TN.004872, TN.004873, TN.004874

6003 Tiếng đất / Hà Nguyên Huyến. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb, Trẻ, 2002. - 238tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T306Đ
Số ĐKCB: TN.004869, TN.004870, TN.004871

6004 Quê Ngoại / Nguyễn Thị Thanh Bình. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004866, TN.004867, TN.004868

6005 Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ / Nguyễn Ngọc thuần. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ, 2002. - tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V551N
Số ĐKCB: TN.004863, TN.004864, TN.004865

6006 Trăng trẻ con / Nguyễn Thị Thu Trang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 102tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR116T
Số ĐKCB: TN.004860, TN.004861, TN.004862

6007 Mùa hè quê ngoại / Trần Huyền Ân. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004857, TN.004858, TN.004859

6008 Bông hồng tò he / Ngô Văn Phú. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B455H
Số ĐKCB: TN.004854, TN.004855, TN.004856

6009 Ông thầy cũ kỹ / Thu Trân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 142tr. ; 18cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ô-455T
Số ĐKCB: TN.004851, TN.004852, TN.004853

6010 Chiếc cầu kim cương. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH303C
Số ĐKCB: TN.005065, TN.005066, TN.005067

6011 Ngôn ngữ của trái tim / Francois Mauriac... [và những người khác]; Ngô Bá Nha d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 125tr. ; 21cm. - (Bộ sách Những tấm lòng cao cả)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/NG454N
Số ĐKCB: TN.005062, TN.005063, TN.005064

6012 Cô dâu... / Viễn Phương. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004848, TN.004849, TN.004850

6013 Trái tim có điều kỳ diệu / Mao Trí Hùng ... [và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 127tr. ; 21cm. - (Bộ sách cửa sổ tâm hồn)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR103T
Số ĐKCB: TN.005059, TN.005060, TN.005061

6014 Ông ngoại / Nguyễn Ngọc Tư. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ô455N
Số ĐKCB: TN.004845, TN.004846, TN.004847

6015 Cánh đồng cổ tích / Lê Duy Cường. - tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C107Đ
Số ĐKCB: TN.004842, TN.004843, TN.004844

6016 Quà tặng của cuộc sống / Bạch Nguyễn, Huỳnh Thị Hồng Vân ; Biên dịch từ Internet: Minh Triết ... [và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 137 tr. ; 21cm. - (Tủ sách tuổi mới lớn. Cửa sổ tâm hồn)

Tóm tắt: Tập hợp, chọn lọc những câu chuyện có thực từ cuộc sống thực tế, về những điều có thể nhỏ nhặt nhưng có ý nghĩa đối với con người: bó hoa hồng trên ngôi mộ mẹ, lời dạy của người thầy năm xưa, kỷ niệm ngày thơ ấu...

Ký hiệu phân loại: 301.3 14/QU-103T
Số ĐKCB: TN.005056, TN.005057, TN.005058

6017 Thánh Gióng và bé Nê / Lưu Trọng Văn. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004836, TN.004837, TN.004838

6018 Người bạn đồng điệu / Kalee Jamison...[và những người khác]... ; Bích Nga biên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 165tr. ; 21cm. - (Bộ sách Những tấm lòng cao cả)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.005053, TN.005054, TN.005055

6019 Thuở học trò / Trần Thanh Địch. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004833, TN.004834, TN.004835

6020 Những câu chuyện về khát vọng và .... - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004830, TN.004831, TN.004832

6021 Những câu chuyện về tinh thần trách nhiệm. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004827, TN.004828, TN.004829

6022 Mẹ và các con / Nguyễn Khải. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M200V

Số ĐKCB: TN.004824, TN.004825, TN.004826

6023 Hãy đi xa hơn nữa / Nguyễn Khải. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 164tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H112Đ

Số ĐKCB: TN.004821, TN.004822, TN.004823

6024 Hai người cha / Lê Văn Thảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 186tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H103N

Số ĐKCB: TN.004818, TN.004819, TN.004820

6025 Những câu chuyện về lòng biết ơn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.6 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.004815, TN.004816, TN.004817

6026 Những câu chuyện về lòng dũng cảm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.6 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.004812, TN.004813, TN.004814

6027 Những câu chuyện về lòng trung thực. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.004809, TN.004810, TN.004811

6028 Những câu chuyện về lòng vị tha. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.004806, TN.004807, TN.004808

6029 Những câu chuyện về lòng thương yêu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004803, TN.004804, TN.004805

6030 Những câu chuyện về lòng quyết tâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 70tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.004800, TN.004801, TN.004802

6031 Những câu chuyện về tình yêu tự do & hoà bình = Những câu chuyện về tình yêu tự do và hoà bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 66tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.004797, TN.004798, TN.004799

6032 Trinh sát viên một mắt / Trần Kim Trắc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 100tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR312S

Số ĐKCB: TN.004794, TN.004795, TN.004796

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6033 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004779, TN.004780, TN.004781

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6034 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004776, TN.004777, TN.004778

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6035 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004773, TN.004774, TN.004775

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6036 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004770, TN.004771, TN.004772

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6037 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004767, TN.004768, TN.004769

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6038 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004764, TN.004765, TN.004766

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6039 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004761, TN.004762, TN.004763

Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

6040 Big Bang những trò chơi sáng tạo / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004758, TN.004759, TN.004760

6041 Những câu chuyện về người thầy / Philip B. Childs... [và những người khác] ; Nhóm nhân văn tuyển chọn và biên dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 143tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.004620, TN.004621, TN.004622, TN.005050, TN.005051, TN.005052

6042 Vượt qua chính mình / Philip Gulley... [và những người khác] ; Dịch: Lại Tú Quỳnh ... [và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 122tr. ; 21cm. - (Những tấm lòng cao cả)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/V563Q

Số ĐKCB: TN.005047, TN.005048, TN.005049

6043 Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/H401H

Số ĐKCB: TN.004755, TN.004756, TN.004757

6044 Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/H401H

Số ĐKCB: TN.004752, TN.004753, TN.004754

6045 Khi con đơn độc / Mike Staver... [và những người khác] ; Ng. dịch: Hải Châu, Thoại Lan. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 142tr. ; 21cm. - (Bộ sách Những tấm lòng cao cả)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/KH300C

Số ĐKCB: TN.005044, TN.005045, TN.005046

6046 Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/H401H

Số ĐKCB: TN.004749, TN.004750, TN.004751

6047 Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/H401H

Số ĐKCB: TN.004746, TN.004747, TN.004748

6048 Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/H401H

Số ĐKCB: TN.004743, TN.004744, TN.004745

6049 Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/H401H

Số ĐKCB: TN.004740, TN.004741, TN.004742

6050 Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Hóa học và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/H401H

Số ĐKCB: TN.004737, TN.004738, TN.004739

6051 Thầy đã sưởi ấm trái tim em / Helen P. Morsla ... [và những người khác] ; Nguyễn Ngọc Như Soan biên dịch. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - 129tr : tranh vẽ ; 21cm. - (Bộ sách Cửa sổ tâm hồn) (Tủ sách Tuổi mới lớn)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/TH126D

Số ĐKCB: TN.005041, TN.005042, TN.005043

6052 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Cha con tể tướng. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H

Số ĐKCB: TN.004722, TN.004723, TN.004724

6053 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Tri kỹ. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004677, TN.004678, TN.004679

6054 Bữa sáng cùng cha. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 120tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/B551S
Số ĐKCB: TN.005038, TN.005039, TN.005040

6055 Hãy mỉm cười với cuộc sống. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 143tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/H112M
Số ĐKCB: TN.005035, TN.005036, TN.005037

6056 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Chuyện họ Trương. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004734, TN.004735, TN.004736

6057 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Yến tử với.... - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004731, TN.004732, TN.004733

6058 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Nồi đẻ ra nồi. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004728, TN.004729, TN.004730

6059 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Thua trận vì phần.... - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004725, TN.004726, TN.004727

6060 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Trạng Chu vay thóc. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004719, TN.004720, TN.004721

6061 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Trâu đá đẻ vàng. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004716, TN.004717, TN.004718

6062 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Chuyện thầy trò Dương.... - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004713, TN.004714, TN.004715

6063 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Chuyện ma Huệ Vương. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004710, TN.004711, TN.004712

6064 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Mẹ Mạnh Tử dạy con. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004707, TN.004708, TN.004709

6065 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Anh thợ giày. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004704, TN.004705, TN.004706

6066 Hãy can đảm và tốt bụng. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 107tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 800 14/H112C
Số ĐKCB: TN.005032, TN.005033, TN.005034

6067 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Chuyện Tử Chương. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004701, TN.004702, TN.004703

6068 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Ông lão bán dầu. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004698, TN.004699, TN.004700

6069 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Chuyện A Lưu. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004695, TN.004696, TN.004697

6070 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Mua giày. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004692, TN.004693, TN.004694

6071 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Cái đỉnh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004689, TN.004690, TN.004691

6072 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Rửa tai. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004686, TN.004687, TN.004688

6073 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Can vua. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004683, TN.004684, TN.004685

6074 Cổ học tinh hoa bằng tranh - Tìm dê. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/C450H
Số ĐKCB: TN.004680, TN.004681, TN.004682

6075 Món quà trời cho. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 122tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.005026, TN.005027, TN.005028, TN.018620, TN.018621, TN.018622, TN.018623, TN.018821, TN.020515, TN.020763

6076 Những người bạn của Thỏ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.004671, TN.004672, TN.004673

6077 Vua tìm ngựa quý. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 16tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/V501T
Số ĐKCB: TN.004668, TN.004669, TN.004670

6078 Lòng tin của thỏ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/L431T
Số ĐKCB: TN.004665, TN.004666, TN.004667

6079 Đạo nghĩa vợ chồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ108N
Số ĐKCB: TN.004662, TN.004663, TN.004664

6080 Chú bé biệt động. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 18tr. ; 28cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.003365, TN.003366, TN.003367, TN.003368, TN.005023, TN.005024, TN.005025

6081 Chiếc cân thần kỳ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 130tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.005020, TN.005021, TN.005022, TN.018741, TN.018742, TN.018743, TN.018744

6082 Lời mời của Cáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/L462M
Số ĐKCB: TN.004659, TN.004660, TN.004661

6083 Đặt tên cho Trâu. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ118T
Số ĐKCB: TN.004656, TN.004657, TN.004658

6084 Bà chủ với bê con. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100C
Số ĐKCB: TN.004653, TN.004654, TN.004655

6085 ù ù xay. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004650, TN.004651, TN.004652

6086 Sư tử xổng chuồng / Robert, Paker P. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2003. - 139tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.005014, TN.005015, TN.005016, TN.005864, TN.005865, TN.005866

6087 Ông bán tết / Kim Mai. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 105tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.004839, TN.004840, TN.004841, TN.005011, TN.005012, TN.005013

6088 Tặng tất cả những đứa trẻ biết bay / Nguyễn Thị Thúy Hằng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922 14/T116T

Số ĐKCB: TN.005008, TN.005009, TN.005010

6089 Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.731 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.004638, TN.004639, TN.004640

6090 Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.731 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.004635, TN.004636, TN.004637

6091 Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.731 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.004632, TN.004633, TN.004634

6092 Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.731 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.004629, TN.004630, TN.004631

6093 Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long Hà Nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.731 14/H428Đ

Số ĐKCB: TN.004626, TN.004627, TN.004628

6094 Thằng trí "vua cỏ". - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 98tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/TH116T
Số ĐKCB: TN.005005, TN.005006, TN.005007

6095 Tính tiết kiệm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 50tr. ; 12cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.114 14/T312T
Số ĐKCB: TN.005002, TN.005003, TN.005004

6096 Danh nhân toán học thế giới / Lê Hải Châu. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510.0922 14/D107N
Số ĐKCB: TN.004623, TN.004624, TN.004625

6097 Các vị nữ danh nhân Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Các vị nữ danh nhân Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004617, TN.004618, TN.004619

6098 Những ô cửa sáng đèn / Kim Hài. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2003. - 267tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NH556Ô
Số ĐKCB: TN.004999, TN.005000, TN.005001

6099 Các vị nữ danh nhân Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Các vị nữ danh nhân Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004614, TN.004615, TN.004616

6100 Cuộc thỉnh kinh bất đắc dĩ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 71tr. ; 19cm
Cuộc thỉnh kinh bất đắc dĩ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 71tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514T
Số ĐKCB: TN.002495, TN.002496, TN.002497, TN.002498, TN.002499

6101 Cuộc thỉnh kinh bất đắc dĩ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 72tr. ; 19cm
Cuộc thỉnh kinh bất đắc dĩ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.002489, TN.002490, TN.002491, TN.002492, TN.002493, TN.002494

6102 Rái cá Uđa tham ăn / Richard Roht. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 85tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/R103E
Số ĐKCB: TN.002480, TN.002481, TN.002482, TN.002483, TN.002484

6103 Ông ơi vì sao lại thế. - Hà Nội : Khoa học kỹ thuật, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002476, TN.002477, TN.002478, TN.002479

6104 Những chú hươu non của tôi / Lý Khắc Cung. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2000. - 90tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.002469, TN.002471, TN.002472

6105 Dấu ấn văn hóa từ đất đá / Trần Kim Thạch. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004596, TN.004597, TN.004598

6106 Biến đất sét thành đá / Trần Kim Thạch. - Tp. Hồ Chí Minh, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004593, TN.004594, TN.004595

6107 Sự tích hồ gươm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/S550T
Số ĐKCB: TN.002438, TN.002439, TN.002440

6108 Indonesia. - Tp.Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.8 14/I-311D
Số ĐKCB: TN.004581, TN.004582, TN.004583

6109 Bu bu đi lạc. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002466, TN.002467, TN.002468

6110 Bu bu đau răng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002459, TN.002460, TN.002462, TN.002463

6111 Bu bu chơi với lửa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002454, TN.002455, TN.002456, TN.002457, TN.002458

6112 Bu bu đến trường. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002449, TN.002450, TN.002451, TN.002453

6113 Bu bu ích kỷ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002445, TN.002446, TN.002447, TN.002448

6114 Bu bu tham ăn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002436, TN.002437

6115 Trung Quốc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 951 14/TR513Q
Số ĐKCB: TN.004575, TN.004576, TN.004577

6116 Bu bu làm họa sĩ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Bu bu làm họa sĩ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002421, TN.002422, TN.002423, TN.002424, TN.002425

6117 Triều Tiên. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 200tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004572, TN.004573, TN.004574

6118 Vương quốc Thái Lan. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 188tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 915.93 14/V561Q
Số ĐKCB: TN.004569, TN.004570, TN.004571

6119 Chú gà trống kiêu căng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 15tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH500G
Số ĐKCB: TN.002416, TN.002417, TN.002418, TN.002419, TN.002420

6120 Điều kì diệu của chi chi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 155tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ309K
Số ĐKCB: TN.002414

6121 Chim săn mồi / Thục Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 31tr. : minh họa ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 596.4 14/CH310S
Số ĐKCB: TN.002409, TN.002410, TN.002411, TN.002413

6122 Loài bò sát lớn nhất hiện còn sống / Nguyễn Tứ. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 27tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 597.98 14/L404B
Số ĐKCB: TN.002408

6123 Cô vịt ngốc nghếch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 24tr. : tranh vẽ ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C450V
Số ĐKCB: TN.002407

6124 Nguồn gốc của sự sống / Nguyễn Tứ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 65tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/NG517G
Số ĐKCB: TN.002405

6125 Argentina. - TP.Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ, 2003. - 178tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004560, TN.004561, TN.004562

6126 Đời sống cá heo / Phan Thanh Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002403

6127 Giải độc cho trí óc của bạn / Sane Scrivner. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - 168tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 158.1 14/GI103Đ
Số ĐKCB: TN.004557, TN.004559

6128 Xe vận tải. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002402

6129 Vì sao khoai tây nảy mầm lại độc? / Huy Nam b.s. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 96tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004554, TN.004555, TN.004556

6130 Khỉ con đeo mắt kính. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 113tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/KH300C
Số ĐKCB: TN.002397, TN.002398, TN.002399, TN.002400, TN.002401

6131 Vì sao cầu vồng có nhiều mầu sắc / Huy Nam b.s. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 96tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004551, TN.004552, TN.004553

6132 Bố sẽ trở về. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 87tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B450S
Số ĐKCB: TN.002392, TN.002393, TN.002394, TN.002395, TN.002396

6133 Ước mơ của ốc mặt trăng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 117tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Ư557M
Số ĐKCB: TN.002387, TN.002388, TN.002389, TN.002390, TN.002391

6134 Chú thỏ bột bánh mật / Randall Jarrell; Nguyễn Tứ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH500T
Số ĐKCB: TN.004548, TN.004549, TN.004550

6135 Người đi săn và con nai. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 199tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.002384, TN.002385, TN.002386

6136 Vì sao nước sông Hằng được gọi là nước Thánh. - TP.Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - 140tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004539, TN.004540, TN.004541

6137 Vùng khô nhất thế giới ở đâu ?. - TP. Hồ Chí Minh : Nxb Trẻ, 2002. - 142tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004536, TN.004537, TN.004538

6138 Những người bạn thân thiết của tôi. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. trẻ, 2003. - 218tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004530, TN.004531, TN.004532

6139 Chuyến du hành của lông vịt. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2003. - 34tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527D
Số ĐKCB: TN.004527, TN.004528, TN.004529

6140 Gia đình mèo quý tộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2003. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/GI100Đ
Số ĐKCB: TN.004523, TN.004524, TN.004525, TN.004526

6141 Tiểu thư và chàng lang thang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2003. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/T309T
Số ĐKCB: TN.004520, TN.004522

6142 Võ sĩ bọ ngựa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 267tr. ; 17cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/V400S
Số ĐKCB: TN.002381, TN.002382, TN.002383

6143 Đảo Hoang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Đ108H
Số ĐKCB: TN.002378, TN.002379, TN.002380

6144 Công ty sản xuất đồ chơi quái vật. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2003. - 16tr. ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455T
Số ĐKCB: TN.004517, TN.004518, TN.004519

6145 Chuyện nỏ thần / Tô Hoài. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527N
Số ĐKCB: TN.002375, TN.002376, TN.002377

6146 Atlantis. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2003. - 16tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A100T
Số ĐKCB: TN.004514, TN.004515, TN.004516

6147 Poca hontas. - TP. Hồ Chí Minh, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.004508, TN.004509, TN.004510, TN.004511, TN.004512, TN.004513

6148 Oscar chú mèo lang thang. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.003518, TN.003519, TN.003520, TN.003521, TN.003522

6149 Cuộc lữ hành kỳ diệu của Nilx Hôlyerxôn vòng quanh nước Thuỵ Điển / Xelma Layerlop; Hoàng Thiếu Sơn d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2001. - 2 tập ; 19cm
Cuộc lữ hành kỳ diệu của Nilx Hôlyerxôn vòng quanh nước Thuỵ Điển / Xelma Layerlop; Hoàng Thiếu Sơn d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2001. - 302tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.73 14/C514L
Số ĐKCB: TN.045041

6150 Các nhà văn lừng danh. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800.922 14/C101N
Số ĐKCB: TN.004491, TN.004492, TN.004493

6151 Các nhà thám hiểm tài ba. - Hà Nội : Phụ nữ, 2001. - 58tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.92 14/C101N
Số ĐKCB: TN.004488, TN.004490

6152 Bu bu đến trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002370, TN.002371, TN.002372, TN.002373, TN.002374

6153 Bu bu làm họa sĩ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002368, TN.002369

6154 Bu bu chơi với lửa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002360, TN.002361, TN.002362, TN.002364

6155 Bu bu thích ăn kẹo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 15tr. ; 19cm
Bu bu thích ăn kẹo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 15tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B500B
Số ĐKCB: TN.002356, TN.002357, TN.002358, TN.002359

6156 Cảnh sát trưởng màu đen. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 71tr. : tranh vẽ ; 17cm
Cảnh sát trưởng màu đen. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 71tr. : tranh vẽ ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/C107S
Số ĐKCB: TN.002352, TN.002353, TN.002354

6157 Cảnh sát trưởng mèo đen. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 71tr. : tranh vẽ ; 17cm
Cảnh sát trưởng mèo đen. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 71tr. : tranh vẽ ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/C107S
Số ĐKCB: TN.002349, TN.002350, TN.002351

6158 Các nhà Hóa học nổi tiếng. - Hà Nôi : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Các nhà Hóa học nổi tiếng. - Hà Nôi : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540.922 14/C1010N
Số ĐKCB: TN.004482, TN.004483

6159 Con cá voi có đôi mắt vàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C430C
Số ĐKCB: TN.002346, TN.002347, TN.002348

6160 Các nhà vật lý vĩ đại. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Các nhà vật lý vĩ đại. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.0922 14/C101N
Số ĐKCB: TN.004480, TN.004481

6161 Các nhà vật lý vĩ đại. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Các nhà vật lý vĩ đại. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.0922 14/C101N
Số ĐKCB: TN.004476, TN.004477, TN.004478

6162 Jen và ông khổng lồ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: J203V 813.6/
Số ĐKCB: TN.002343, TN.002344, TN.002345

6163 Ông lão và con ngỗng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 31tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: Ô455L 813.6/
Số ĐKCB: TN.002340, TN.002341, TN.002342

6164 Bài tập thực hành sinh học 8. - Hà Nội : Giáo dục, 2010. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 570 14/B103T
Số ĐKCB: TN.012598, TN.012599, TN.012600

6165 Các nhà sinh học lỗi lạc. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Các nhà sinh học lỗi lạc. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 570.92 14/C101N
Số ĐKCB: TN.004470, TN.004471, TN.004472

6166 Chuyện của hổ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 36tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.002322, TN.002323, TN.002324

6167 Chuyện của thỏ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 36tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.002320, TN.002321

6168 Chuyện của dê. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 36tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.002316, TN.002317, TN.002318

6169 Chuyện của rắn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 36tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.002313, TN.002314, TN.002315

6170 Các nhà phát minh kiệt xuất. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Các nhà phát minh kiệt xuất. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 509.2 14/C101N
Số ĐKCB: TN.004467, TN.004468, TN.004469

6171 Chuổi ngọc trường sinh / Thùy Hương. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH515N
Số ĐKCB: TN.004461, TN.004462, TN.004463

6172 Sự tích anh em thần vồ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.004458, TN.004459, TN.004460

6173 Ngôi nhà hoang / Linh Vũ. - Hà Nội : Văn học, 2002. - 96tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.004452, TN.004453, TN.004454

6174 Ngài hoàn hảo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/NG103H
Số ĐKCB: TN.004444, TN.004445, TN.004447, TN.004448

6175 Ông không bà có. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/Ô -455K
Số ĐKCB: TN.004439, TN.004441, TN.004442

6176 Triển lãm nghệ thuật vườn thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm
Triển lãm nghệ thuật vườn thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/TR305L
Số ĐKCB: TN.004434, TN.004435, TN.004436, TN.004437, TN.004438

6177 Triển lãm nghệ thuật vườn thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm
Triển lãm nghệ thuật vườn thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/TR305L
Số ĐKCB: TN.004429, TN.004431, TN.004432

6178 Người vợ thông minh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/NG558V
Số ĐKCB: TN.004424, TN.004425, TN.004426, TN.004427, TN.004428

6179 Ba anh đầy tớ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 60tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/B100A
Số ĐKCB: TN.004420, TN.004421, TN.004423

6180 Bé và những người ông / Hồng Hoàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 44tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B200V
Số ĐKCB: TN.004414, TN.004415, TN.004416, TN.004417, TN.004418

6181 Ngọn lửa thần kỳ / Trần Quang Hân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG430L
Số ĐKCB: TN.004404, TN.004405, TN.004406, TN.004407, TN.004408

6182 Gọi trăng / Nguyễn Ngọc Hưng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/G428T
Số ĐKCB: TN.004399, TN.004400, TN.004401, TN.004402, TN.004403

6183 Đôi mắt con tàu xanh / Kim Ba. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ452M

Số ĐKCB: TN.004394, TN.004395, TN.004396, TN.004397, TN.004398

6184 Con ngựa mang dấu kiềm phủ chúa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004389, TN.004390, TN.004391, TN.004392, TN.004393

6185 Bé Pôn và con Đùa Dai / Giăng Aletxandrini. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004384, TN.004385, TN.004386, TN.004387, TN.004388

6186 Khoảng không vô tận / Ch. Grenier. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004379, TN.004380, TN.004381

6187 Bộ điện tử vật nhỏ leo cao / Dider Grosjean. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.002281, TN.002282, TN.002283

6188 Ada de Lovelace và chương trình máy tính đầu tiên / Jean - Paul Soyer. - Hà Nội : Kim Đồng,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004374, TN.004375, TN.004376, TN.004377, TN.004378

6189 Dũng sĩ rừng xanh / Nguyễn Quỳnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004369, TN.004370, TN.004371, TN.004372, TN.004373

6190 Tú Uyên Giáng Kiều. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398,209597 14/T500U

Số ĐKCB: TN.002278, TN.002279

6191 Nghệ sĩ Đặng Thái Sơn / Huỳnh Dũng Nhân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004364, TN.004365, TN.004367, TN.004368

6192 Sự tích một khẩu súng hơi / Huy Phương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550T

Số ĐKCB: TN.004359, TN.004360, TN.004361, TN.004362, TN.004363

6193 Chú vẹt khoang / Phan Cung Việt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500V

Số ĐKCB: TN.004354, TN.004355, TN.004356, TN.004357, TN.004358

6194 Dòng sông một bờ / Như Bình. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D431S

Số ĐKCB: TN.004349, TN.004350, TN.004351, TN.004352

6195 Chuyện ở làng / Trần Đình Nhân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527Ơ

Số ĐKCB: TN.004344, TN.004345, TN.004346, TN.004348

6196 Chuyện của mẹ / Lan Phương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C

Số ĐKCB: TN.004339, TN.004340, TN.004341, TN.004343

6197 Vườn xanh / Băng Sơn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9228 14/V560X

Số ĐKCB: TN.004334, TN.004335, TN.004336, TN.004337, TN.004338

6198 Ba điều may mắn / Lý Thu Hồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100Đ

Số ĐKCB: TN.004329, TN.004330, TN.004331, TN.004332, TN.004333

6199 Nàng tiên gạo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/N106T

Số ĐKCB: TN.002269, TN.002270, TN.002271

6200 Bữa tiệc trong rừng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/B551T

Số ĐKCB: TN.004319, TN.004320, TN.004321, TN.004322, TN.004323

6201 Bà biết hết / Vũ Lan Trang b.d. - Hà Nội : Kim đồng, 2002. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/B100B

Số ĐKCB: TN.004315, TN.004316, TN.004317, TN.004318

6202 Những cơn thịnh nộ của trái đất / Đặng Thị Mỹ Lan d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 48tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004309, TN.004310, TN.004311, TN.004313

6203 Những con chó cứu hỏa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 24tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556C

Số ĐKCB: TN.004304, TN.004305, TN.004306, TN.004307, TN.004308

6204 Bà sạch sẽ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100S

Số ĐKCB: TN.004299, TN.004300, TN.004301, TN.004302

6205 Câu chuyện của giấy / Odile Limousin. - Hà Nội : Kim đồng, 2002. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004294, TN.004295, TN.004296, TN.004298

6206 Giắc và cây đậu thần. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/GI113V

Số ĐKCB: TN.004289, TN.004290, TN.004291, TN.004292, TN.004293

6207 Iean frangois champollion và.... - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004284, TN.004285, TN.004287, TN.004288

6208 René Descartes và y học / Annie Bitbol - Hespeire. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 28tr. ; 22cm

Tóm tắt: Thời niên thiếu của Descartes. Descartes và những quan niệm - giải thích của ông về thế giới, con người và y học. Học thuyết nhị nguyên và thuyết thống nhất của con người theo Descartes. Y học và thế giới thời Descartes

Ký hiệu phân loại: 613 14/R203E

Số ĐKCB: TN.004279, TN.004280, TN.004281, TN.004283

6209 Bước đầu đến với Internet / Michèle Mira Pon. - Hà Nội : Kim đồng, 2002. - 42tr. ; 22cm

Tóm tắt: Lịch sử ra đời Internet, hướng dẫn vào mạng, tìm hiểu những ưu điểm và nhược điểm khi sử dụng mạng, những điều cần tránh trên Internet

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004270, TN.004271, TN.004272, TN.004273

6210 camille flammaiion và thiên văn / J. Goumault,. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004264, TN.004265, TN.004266, TN.004267, TN.004268

6211 Cuộc sống thời trung cổ. - Hà Nội : Kim đồng, 2002. - 47tr. ; 21cm

Tóm tắt: Sách thường thức gồm những câu chuyện về cuộc sống, xã hội, lễ giáo thời kỳ trung cổ

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004261, TN.004262, TN.004263

6212 Gấu trúc chỉ mê có trúc / Valérie Tracqui; Thục Quyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 27tr. :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004255, TN.004256, TN.004257, TN.004258

6213 Bướm vũ công duyên dáng / V. Tracqui. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 27tr. : ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu các đặc điểm tự nhiên và sinh trưởng của loài côn trùng bay - bướm

Ký hiệu phân loại: 595.7 14/B559V

Số ĐKCB: TN.004244, TN.004245, TN.004246, TN.004247, TN.004248

6214 Bộ quần áo mới của nhà vua / H. Andersen. - Hà Nội : Kim đồng, 2002. - 39tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209489 14/B450Q
Số ĐKCB: TN.004239, TN.004240, TN.004241

6215 Đi đó đi đây / M. Berenstain. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/Đ300Đ
Số ĐKCB: TN.004234, TN.004235, TN.004236, TN.004237, TN.004238

6216 Cái bóp hạt dẻ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C103B
Số ĐKCB: TN.004229, TN.004230, TN.004231, TN.004232, TN.004233

6217 Thành và pháo đài / Ch Gravett. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Thành và pháo đài / Ch Gravett. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004214, TN.004215, TN.004216, TN.004217, TN.004218

6218 Ẩm thực và phong tục. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 394.1 14/Â120T
Số ĐKCB: TN.004209, TN.004210, TN.004211, TN.004212, TN.004213

6219 Ẩm thực và phong tục. - Hà Nội, 2002. - 2 tập ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 394.1 14/Â120T
Số ĐKCB: TN.004205, TN.004206, TN.004207, TN.004208

6220 Người đàn ông không nhìn bằng mắt / Roald Dahl. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 127tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.002215, TN.002216, TN.002217

6221 Thế vận hội ôlympic / Chric Oxlade. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Thế vận hội ôlympic / Chric Oxlade. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004194, TN.004195

6222 Động vật nuôi con / R. Hirschland. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/Đ455V
Số ĐKCB: TN.004189, TN.004191, TN.004192

6223 Mari Quyri. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004179, TN.004180, TN.004181

6224 Có một tuổi thơ / Lưu Văn Khuê. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C400T
Số ĐKCB: TN.004174, TN.004176, TN.004177, TN.004178

6225 Thơ với tuổi thơ / Tú Mỡ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/TH460V
Số ĐKCB: TN.004169, TN.004170, TN.004171, TN.004172, TN.004173

6226 Thơ với tuổi thơ / Hoàng Tố Nguyên. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/TH460V
Số ĐKCB: TN.004164, TN.004165, TN.004166, TN.004167, TN.004168

6227 Thơ với tuổi thơ / Hoàng Cầm. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/TH460V
Số ĐKCB: TN.004159, TN.004160, TN.004161, TN.004162, TN.004163

6228 Thơ với tuổi thơ / Nguyễn Đình Thi. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/TH460V
Số ĐKCB: TN.004154, TN.004156, TN.004157, TN.004158

6229 Thơ với tuổi thơ / Trần Mai Ninh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/TH460V
Số ĐKCB: TN.004149, TN.004150, TN.004151, TN.004152, TN.004153

6230 Tập làm nhà phát minh / Scien Tifix. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 81tr. ; 19cm
Tập làm nhà phát minh / Scien Tifix. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 81tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002194, TN.002195, TN.002196

6231 Tập làm nhà phát minh / Tifix Scien. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tập ; 19cm
Tập làm nhà phát minh / Scien Tifix. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 69tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002191, TN.002192, TN.002193

6232 Truyện cổ tích về người / Traper Karen. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.002188, TN.002189, TN.002190

6233 Cái bọc biết nói tiếng người. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C103B
Số ĐKCB: TN.002185, TN.002186, TN.002187

6234 Thơ với tuổi thơ / Chính Hữu. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/TH460V
Số ĐKCB: TN.004144, TN.004146, TN.004147, TN.004148

6235 Ếch chọn thủ lĩnh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ê252C
Số ĐKCB: TN.004139, TN.004140, TN.004141, TN.004142, TN.004143

6236 Con ma bé nhỏ / Ôtphorit Prôtle. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 87tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 14/C430M
Số ĐKCB: TN.002179, TN.002181

6237 Kho báu của người Apatsơ / Georges Chaulet. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 84tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/KH400B
Số ĐKCB: TN.002178

6238 Vén màn mê tín. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002155, TN.002156, TN.002157

6239 Nàng tiên xanh xao / VõThị Hảo. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/N106T
Số ĐKCB: TN.002170, TN.002171, TN.002172

6240 Anh đốm và em chấm / Vũ Hương Giang. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 92tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/A107Đ
Số ĐKCB: TN.002167, TN.002168, TN.002169

6241 Chuyện lớp tôi / Trần Đồng Minh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527L
Số ĐKCB: TN.002164, TN.002165, TN.002166

6242 Con hạt bí ẩn / Nguyễn Quang Thân. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430H
Số ĐKCB: TN.002158, TN.002159, TN.002160

6243 Trận đấu bão táp / Viết Linh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 128tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/TR121Đ
Số ĐKCB: TN.002152, TN.002153, TN.002154

6244 Thiên nhiên đất nước ta / Hoàng Xuân Vinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 88tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002149, TN.002150, TN.002151

6245 Ông cháu người hát rong / Phạm, Khánh Cao. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 103tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Ô455C
Số ĐKCB: TN.002146, TN.002147, TN.002148

6246 Trái bóng không đùa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 12tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR103B
Số ĐKCB: TN.002141, TN.002142

6247 Gấu con và các bạn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 10tr. ; 17cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 800 14/G125C
Số ĐKCB: TN.002138, TN.002139, TN.002140

6248 Mạch nước trong / Vĩnh Quyền. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 295tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/M102N
Số ĐKCB: TN.002132, TN.002133, TN.002134

6249 Người con gái đất mũi / Trung Trung Đỉnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 59tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.002129, TN.002130, TN.002131

6250 Thời xưa / Khái Hưng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/T462X
Số ĐKCB: TN.002126, TN.002127, TN.002128

6251 Bay trên đôi cánh nhỏ / Thy Ngọc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 91tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B112T
Số ĐKCB: TN.002123, TN.002124, TN.002125

6252 Qùa cháu vùng cao. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 95tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 14/QU-501C
Số ĐKCB: TN.002120, TN.002121, TN.002122

6253 Vó ngựa trở về / Tạ Duy Anh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 88tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/V400N
Số ĐKCB: TN.002117, TN.002118, TN.002119

6254 Những người sống vì mọi người. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 155tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 302 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.002114, TN.002115, TN.002116

6255 Cuộc đời một đôi dép cao su / Phùng Quán. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 152tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C514Đ
Số ĐKCB: TN.002105, TN.002106, TN.002107

6256 Ngày ấy chưa xa / Thy Ngọc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NG112Â
Số ĐKCB: TN.002102, TN.002103, TN.002104

6257 Bản di chúc của cỏ lau / Hoàng Phủ Ngọc Tường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002099, TN.002100, TN.002101

6258 Từ cây gậy thần / Nguyễn Hữu Dy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/T550C
Số ĐKCB: TN.002093, TN.002094, TN.002095

6259 Chuyện kể về Trần Phú / Lê Quốc Sử. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 95tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.002090, TN.002091, TN.002092

6260 Ẩn sĩ cóc / Phạm Đức Long. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 51tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Â121S
Số ĐKCB: TN.002087, TN.002088, TN.002089

6261 Mười tám giỏ trái cây / Khuê Việt Trường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002084, TN.002085, TN.002086

6262 Cây vĩ cầm cảm lạnh / Nguyễn Phan Hách. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 75tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C126V
Số ĐKCB: TN.002081, TN.002082, TN.002083

6263 Bí mật của rừng / Nguyễn Đức Linh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 119tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B300R
Số ĐKCB: TN.002078, TN.002079, TN.002080

6264 Tiếng động hậu trường / Trần, Thanh Địch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 112tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/T306Đ
Số ĐKCB: TN.002073, TN.002074

6265 Đỉnh núi nàng ba / Phạm Ngọc Toàn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 104tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Đ312N
Số ĐKCB: TN.002066, TN.002067, TN.002068

6266 Hòn đảo phía chân trời / Trần Nhuận Minh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 189tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/H430Đ
Số ĐKCB: TN.002060, TN.002061, TN.002062

6267 Thủ lĩnh gò miếu cổ / Lê Tấn Hiển. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 184tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/TH500L
Số ĐKCB: TN.002057, TN.002058, TN.002059

6268 Voi một ngà / Nguyễn Quỳnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 176tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/V428M
Số ĐKCB: TN.002054, TN.002055, TN.002056

6269 Đá đỏ tìm cha / Nguyễn Quang Thân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 132tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Đ100Đ
Số ĐKCB: TN.002047, TN.002048, TN.002049

6270 Những phát minh vĩ đại / Dominique Joly; dịch : Phạm Văn Uyển.... - Hà nội : Kim đồng, 2000. - 99tr. ; 21cm

Những phát minh vĩ đại / Dominique Joly; dịch : Phạm Văn Uyển.... - Hà nội : Kim đồng, 2000. - 99tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.002041, TN.002042

6271 Những phát minh vĩ đại / Dominique Joly; dịch : Phạm Văn Uyển.... - Hà nội : Kim đồng, 2000. - 99tr. ; 21cm

Những phát minh vĩ đại / Dominique Joly; dịch : Phạm Văn Uyển.... - Hà nội : Kim đồng, 2000. - 99tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.002044, TN.002045, TN.002046

6272 Nàng Gufa. - Hà Nội, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/N106G
Số ĐKCB: TN.002000, TN.002001

6273 Chiếc bánh biết đi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/CH303B
Số ĐKCB: TN.001998, TN.001999

6274 Người thợ may và con lừa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/NG558T
Số ĐKCB: TN.001996, TN.001997

6275 Con vịt xấu xí. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.20597 14/C430V
Số ĐKCB: TN.001994, TN.001995

6276 Hoàng tử độc ác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/H407T
Số ĐKCB: TN.001992, TN.001993

6277 Con gái của quỷ Medusa / Jarson Dark, Khanh Khanh d.. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - (Tủ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020572, TN.020573, TN.020574, TN.020575

6278 Ao ma : Tiểu thuyết / Goerge Sand ; Trịnh Xuân Hùng d. ; Marie-Francois Perat Minh hoạ. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - 158 tr ; 18 cm. - (Danh tác văn học thế giới)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020492, TN.020493, TN.020494, TN.020495

6279 Đám cưới bà giáo : Truyện cổ Grim / Hữu Ngọc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 150 tr : Kim Đồng ; 2003. - (Truyện cổ thế giới)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020508, TNVN.002126, TNVN.002127

6280 Rừng đêm / Nguyễn Quỳnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 167 tr ; 17 cm. - (Tác phẩm chọn
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.018519, TN.018520, TN.020506

6281 Quả báo / Vạn Thành. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 216 tr ; 17 cm. - (Tủ sách lâu đài xanh)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.018893, TN.020500, TN.020501, TNVN.001504

6282 Lưỡi dao bị nguyền rủa / Dark Jarson , Khanh Khanh d.. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 191 tr ; 17 cm. - (Tủ sách Lâu đài xanh)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020646, TN.020647, TN.020648

6283 Về phố : Truyện ngắn / Đinh Lê Vũ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 143 tr ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.018653, TN.018654, TN.020643

6284 Quán thiên thần hộ mệnh : Tiểu thuyết / La Comtesse De Ségur ; Tân Đôn d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 187 tr ; 17 cm. - (Tủ sách Danh tác thế giới rút gọn)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020640, TN.020641, TNVN.002170

6285 Khung trời ước mơ / Khánh Di. - Tp. HCM : Trẻ, 2001. - 172 tr ; 17 cm. - (Tủ sách lá me)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020517, TNVN.001548

6286 Vụ bí ẩn cái sọ biết nói / Alfred Hitchcock ; Đài Lan d.. - Tp. HCM : Trẻ, 1999. - 201 tr ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020443, TN.020444, TN.020445

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6287 Bài thơ dâng mẹ : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018703, TN.020606, TNVN.001413

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6288 Tiếng chuông hôn lễ : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018702, TN.020605, TNVN.001410

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6289 Người chết đặt hàng : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020604, TNVN.001406, TNVN.001408

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6290 Tai nạn ngụy trang : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020603, TNVN.001403, TNVN.001404

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6291 Chứng cứ vắng mặt : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020602, TNVN.001400, TNVN.001402

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6292 Gã đặt bom râu rậm : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.018701, TN.020601, TNVN.001399

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6293 Điều tra suy luận : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.018694, TN.018700, TN.020600

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6294 Đáp án ở đâu ? : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.018699, TN.020599, TNVN.001393

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6295 Kỳ thực tập lạ lùng : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.018697, TN.018698, TN.020598

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6296 Cửa hàng bách hóa : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.018696, TN.020597, TNVN.001387

Thám tử tiểu hòa thượng / Huy Quang trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 11 tập ; 17 cm

6297 Chiếc xe bọc thép : Truyện tranh / Quang Huy trình bày. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2000. - 126 tr. : tranh ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.018695, TN.020596, TNVN.001384

6298 Con ma truyền kiếp / Giang Thu. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 227 tr ; 17 cm. - (Tủ sách lâu

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: TN.020593, TN.020594, TN.020595, TNVN.001526

6299 Nhóm đạo WYANG / Dark Jarson, Khanh Khanh d.. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 179 tr ; 17 cm. - (Tủ sách lâu đài xanh)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020591, TN.020592, TNVN.001516, TNVN.001518

6300 Điệu tango bí hiểm / Dark Jarson, Khanh Khanh d.. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 191 tr ; 17 cm. - (Tủ sách lâu đài xanh)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020588, TN.020589, TN.020590, TNVN.001511

6301 Điệu nhảy thầy tu / Dark Jarson, Khanh Khanh d.. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 191 tr ; 17 cm. - (Tủ sách lâu đài xanh)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.020585, TN.020586, TN.020587

6302 Cái máy ăn (Một chuyện búp bê) : Truyện khoa học viễn tưởng / R.L. Stine ; Đặng Tuấn Nghĩa d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 151 tr. ; 17 cm. - (Những chuyện kỳ bí của Stine)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020420, TN.020421, TN.020422, TN.020423, TNVN.001662

6303 Cái đầm ma : Tiểu thuyết / George Sand ; Nguyễn Văn Đoàn d. ; Marie Francoise Perat phóng tác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 186 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách Danh tác thế giới rút gọn)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020526, TNVN.002050, TNVN.002051

6304 Dương Văn Nội / Phan Quang. - Hà Nội : KIm Đồng, 2000. - 201 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.017936, TN.017937, TN.017938, TN.020559, TNVN.000415

6305 Duyên tiên / Lã Duy Lân t.ch & b.s. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 376 tr. ; 15cm. - (Truyện dân gian VN chọn lọc)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.017879, TN.020555, TN.020556, TNVN.000342

6306 Truyện dân gian Thổ Nhĩ Kỳ / Lê Ngọc Tú d.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 3 tập ; 15 cm
Truyện dân gian Thổ Nhĩ Kỳ / Lê Ngọc Tú d.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 11998. - 100 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.017710, TN.020552, TNVN.000011, TNVN.000013, TNVN.000015

6307 Truyện dân gian Thổ Nhĩ Kỳ / Lê Ngọc Tú d.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 3 tập ; 15 cm
Truyện dân gian Thổ Nhĩ Kỳ / Lê Ngọc Tú d.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1998. - 172 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.017709, TN.020551, TNVN.000007, TNVN.000008, TNVN.000009

6308 Truyện dân gian Thổ Nhĩ Kỳ / Lê Ngọc Tú d.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 3 tập ; 15 cm
Truyện dân gian Thổ Nhĩ Kỳ / Lê Ngọc Tú d.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1998. - 176 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.017708, TN.020550, TNVN.000002, TNVN.000003, TNVN.000005

6309 Truyện cổ tích Việt Nam hay nhất / Nguyễn Cừ t.ch & gt. - Hà Nội : Văn hóa Thông tin, 1999. - 177 tr. ; 15 cm
Truyện cổ tích Việt Nam hay nhất / Nguyễn Cừ t.ch & gt. - Hà Nội : Văn hóa Thông tin, 1999. - 177 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020544

6310 Truyện cổ Di Gan: Bốn anh em : Đoàn Doãn biên soạn và tuyển chọn. - Đà Nẵng : Nxb. Đà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.017886, TN.017887, TN.020538, TN.020539, TNVN.000355

6311 Truyện cổ Di Gan: Con dao có phép lạ : Đoàn Doãn biên soạn và tuyển chọn. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 1999. - 216 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.017888, TN.017889, TN.020536, TN.020537, TNVN.000358

6312 Trong gia đình / Hector Malot. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng, 2001. - 3 tập ; 18cm
Trong gia đình / Hector Malo; Mai Hương d.; Huỳnh Lý hiệu đính. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng, 2001. - 226 tr. ; 18 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020467

6313 Trong gia đình / Hector Malot. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng, 2001. - 3 tập ; 18cm
Trong gia đình / Hector Malo; Mai Hương d.; Huỳnh Lý hiệu đính. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng, 2001. - 2329tr. ; 18 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020466

Trong gia đình / Hector Malot. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng, 2001. - 3 tập ; 18cm

6314 Trong gia đình / Hector Malo; Mai Hương d.; Huỳnh Lý hiệu đính. - Hải Phòng : Nxb. Hải Phòng, 2001. - 239 tr. ; 18 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020464, TN.020465

6315 Hồn ma hải tặc râu đen / Ben Stahl; Thanh Xuân d.. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 223 tr. ; 18

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020754, TN.020755, TN.020756, TNVN.001520

6316 Vụ bí ẩn đá ngầm cá mập / Alfred Hitchcock ; Đài Lan d.. - Tp. HCM : Trẻ, 2001. - 205 tr. ; 27

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020446, TN.020447

6317 Vụ bí ẩn con mắt lửa / Alfred Hitchcock ; Đài Lan d.. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - 205 tr. ; 27 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020433, TN.020434, TN.020435, TN.020436, TN.020437

6318 Vụ bí ẩn vách đá rực lửa / Alfred Hitchcock ; Đài Lan d.. - Tp. HCM : Trẻ, 2002. - 181 tr. ; 27

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020456, TN.020457

6319 Vụ bí ẩn con kết cà lăm / Alfred Hitchcock ; Đài Lan d.. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - 181 tr. ; 27

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.018641, TN.020458, TN.020459

6320 Vụ bí ẩn chuyến hành trình kinh dị / Alfred Hitchcock ; Đài Lan d.. - Tp. HCM : Trẻ, 2002. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020460, TN.020461

6321 Vụ bí ẩn hang động rên rỉ / Alfred Hitchcock ; Đài Lan d.. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - 199 tr. ; 27

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020432, TN.020462, TNVN.001303

6322 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm

Cô gái Phượng Hoàng / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.020736, TN.020737, TN.020738, TN.020739, TN.020740

6323 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm

Con trâu hiếu nghĩa / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018105, TN.018106, TN.020629, TN.020734, TN.020735

6324 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm
Quả chuông vượn trắng / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018104, TN.020625, TN.020626, TN.020627, TN.020628

6325 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm
Bé gái trong ngội mộ cổ / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018102, TN.018103, TN.020622, TN.020623, TN.020624

6326 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm
Nữ thần như nguyện / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018101, TN.020618, TN.020619, TN.020620, TN.020621

6327 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm
Phò mã nước râu dài / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018099, TN.018100, TN.020616, TN.020617, TNVN.000603

6328 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm
Tấm gương cổ thần kỳ / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.018097, TN.018098, TN.020613, TN.020614, TN.020615

6329 Truyện thần tiên Trung Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 8 tập ; cm
Người học trò kỳ lạ / Nguyễn Phú An d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 160 tr ; 17 cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.017817, TN.018095, TN.018096, TN.020609, TN.020610, TN.020611, TN.020612

6330 Con quỷ đất / Dark Jarson. - Hà Nội : Thanh niên, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020580, TN.020581

6331 Con quái vật sau những nụ hoa / Dark Jarson. - Hà Nội : Thanh niên, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 833 14/C430Q
Số ĐKCB: TN.020576, TN.020577, TN.020578, TN.020579

6332 Yếu huyệt của các võ sĩ ở đâu?. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004533, TN.004534

6333 Walt Disney nghệ thuật điện ảnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004124, TN.004127, TN.004128

6334 Vroubel. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 759.7 14/V000R
Số ĐKCB: TN.005739, TN.005738, TN.005740

6335 Vệ sinh ăn uống và giấc ngủ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005500, TN.005501

6336 Vaxili Sukin nghệ thuật điện ảnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004119, TN.004120, TN.004122, TN.004123

6337 Tượng gỗ Tây Nguyên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.004014, TN.004015, TN.004016, TN.004017, TN.004018, TN.004019, TN.004020, TN.004021, TN.004022, TN.004023

6338 Tuổi thơ lầm lũi / Đỗ Hoàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002071

6339 Trận gió màu xanh rêu / Võ Thị Hảo. - Tp. HCM : trẻ, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020488, TN.020776, TNVN.002168

6340 Thời gian và thời tiết. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005346, TN.005347, TN.005348

6341 Thoát hiểm trong tình huống bất ngờ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005516, TN.005517, TN.005518

6342 Thoát hiểm khi bị thương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 23tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005513, TN.005514, TN.005515

6343 Thoát hiểm khi ở ngoài đường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 32tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005519, TN.005520, TN.005521

6344 Thơ với tuổi thơ / Nguyễn Nhược Pháp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002331, TN.002332

6345 Thơ với tuổi thơ / Quang Dũng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002337, TN.002338, TN.002339

6346 Thơ với tuổi thơ / Hàn Mặc Tử. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002334, TN.002335, TN.002336

6347 Thơ với tuổi thơ / Nguyễn Bính. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002328, TN.002329, TN.002330

6348 Thế vận hội Olympic / Oxlade Chris. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 2 tập ; cm
Thế vận hội Olympic / Oxlade Chris. - Hà Nội : Kim Đông, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004201, TN.004202, TN.004203

6349 Thành và pháo đài / Gravett C.H,. - Tp. HCM : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004219, TN.004220, TN.004223, TN.005552, TN.005554

6350 Thần kinh và cảm giác. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002234

6351 Tế bào và các hệ / Wallace Holly. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005379, TN.005380, TN.005381

6352 Tàu lửa có bánh lái không. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002300, TN.002301

6353 Sự ra đời nghệ thuật điện ảnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004104, TN.004105, TN.004106, TN.004107, TN.004108

6354 Sinh tồn và biến đổi / Perker Steve. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005361, TN.005362, TN.005363

6355 Sách của người xưa / B.s: Phạm Quang Vinh (ch.b), Phan Cẩm Thượng, Nguyễn Quân... - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 25 tr. : ảnh ; 19 cm. - (Tủ sách Nghệ thuật: Nghệ thuật Việt Nam)
Sách của người xưa / B.s: Phạm Quang Vinh (ch.b), Phan Cẩm Thượng, Nguyễn Quân... - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 25 tr. : ảnh ; 19 cm. - (Tủ sách Nghệ thuật: Nghệ thuật Việt Nam)
Tóm tắt: Giới thiệu nghệ thuật điêu khắc, in ấn, chữ viết và tranh của Việt Nam và thế giới của n
Số ĐKCB: TN.004029, TN.004030, TN.004031, TN.004032, TN.004033, TN.004034, TN.004035, TN.004036, TN.004037, TN.004038

6356 Philippines. - Tp. HCM : Trẻ, 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004566, TN.004567

6357 Pakistan đối với các nền văn hóa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004563, TN.004564

6358 Nông nghiệp / Halley Ned. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Nông nghiệp / Halley Ned. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.003920, TN.003921, TN.003923

6359 Những tòa nhà khổng lồ : Nghệ thuật kiến trúc / B.s: Phạm Quang Vinh (Ch.b), Nguyễn Luận, Tôn Đại... - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24 tr. : tranh ; 19 cm. - (Tủ sách Nghệ thuật. Nghệ thuật kiến trúc)
Tóm tắt: Kiến trúc những toà nhà lớn nhất trên thế giới: Angkor Vat (Campuchia), lâu đài Chambord (Pháp), điện Westminter (Anh), cung thuỷ tinh (Anh) và vòm thiên niên kỷ (Anh TK 20)
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005597, TN.005598, TN.005599

6360 Những ngôi nhà kỳ lạ : Nghệ thuật kiến trúc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 720 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005735, TN.005736, TN.005737

6361 Những ngôi nhà chọc trời : Nghệ thuật kiến trúc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.483 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.005762, TN.005764, TN.005763

6362 Những ngày đầu : Nghệ thuật điện ảnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004109, TN.004110, TN.004111, TN.004113

6363 Nhật Bản. - Tp. HCM : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004579, TN.004580

6364 Nhà hòa nhạc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24 tr. : ảnh ; 19 cm. - (Tủ sách Nghệ thuật. Nghệ

Tóm tắt: Giới thiệu kiến trúc của một số nhà hoà nhạc, nhà hát nổi tiếng trên thế giới: nhà hoà nhạc Alice P. Brown (Mỹ), nhà hoà nhạc Los Angeles, vườn giao hưởng (Nhật Bản)..

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005730, TN.005729, TN.005731

6365 Người da đỏ Bắc Mỹ / David Murdoch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 80tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 305.897 14/NG558D
Số ĐKCB: TN.005563, TN.005561, TN.005562

6366 Ngôi nhà ấm áp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004224, TN.004225

6367 Nắn tượng đất sét : Dành cho thiếu nhi / Nguyễn Hạnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002485, TN.002486, TN.002487, TN.002488

6368 Munch danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004075, TN.004076, TN.004077

6369 Một ngày trên mặt trăng dài bao nhiêu ?. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002287, TN.002290, TN.002291

6370 Mondrian danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004054, TN.004055, TN.004056, TN.004057, TN.004058

6371 Máy đổi người / R.L Stinme. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004184, TN.004185, TN.004186, TN.004188

6372 Màu rừng sắc núi: NTVN. - Hà Nội : Kim Đồng, 2011. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.004005, TN.004006, TN.004007, TN.004008, TN.004009, TN.004010, TN.004011, TN.004012, TN.004013

6373 Mattise danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004044, TN.004045, TN.004046, TN.004047, TN.004048

6374 Manet / Patricia Wright. - Kim Đồng Hà Nội, 2003. - 80tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.005588, TN.005589, TN.005590

6375 Magritte danh họa thế giới. - Kim Đồng Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.004064, TN.004065, TN.004066, TN.004067, TN.004068

6376 Kỵ sĩ kim cương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.002143, TN.002145

6377 Kỷ niệm thú vị / Lê Ngọc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.002108

6378 Kính viễn vọng kể gì ? / San txép Pelu. - Hà Nội : Kim Đồng, 1998. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.002204, TN.002205

6379 Kinh thành Huế. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 725 14/K312T

Số ĐKCB: TN.005606, TN.005607, TN.005608

6380 Kinh Đô Thăng Long - Hà Nội. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.959731 14/K312Đ

Số ĐKCB: TN.005600, TN.005601, TN.005602

6381 Kiến trúc thể thao. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 725 14/K305T

Số ĐKCB: TN.005732, TN.005733, TN.005734

6382 Kiến trúc sư Ludwing Mies van der rohe. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005771, TN.005773

6383 Kiến trúc sư Frank Lloyd Wright. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 720.92 14/K305T
Số ĐKCB: TN.005603, TN.005604, TN.005605

6384 Kiến trúc sư Andrrea Palladia. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004094, TN.004095, TN.004097, TN.004098

6385 Kiến trúc sư Andrrea Palladia. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005594, TN.005595, TN.005596

6386 Khám phá sông Nin / Pierre Bernard. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002209, TN.002211

6387 Israel. - Tp. HCM : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004584, TN.004585, TN.004586

6388 Hộp đen trên máy bay có công dụng gì ?. - Tp. HCM : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.004641, TN.004642, TN.004643

6389 Hokusai danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.004089, TN.004090, TN.004091, TN.004092, TN.004093

6390 Hoa bơ nga chơ re. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002260

6391 Hình dạng cấu trúc và vật liệu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004274, TN.004277, TN.004278

6392 Hiệp sĩ / Gravett Christopher. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 2 tập ; cm
Hiệp Sĩ / Gravett Christopher. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005440, TN.005441, TN.005442

6393 Hành trình văn hóa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005358, TN.005359, TN.005360

6394 Hải mã con do ai sinh. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002294, TN.002296

6395 Gaugain danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004039, TN.004041, TN.004043

6396 Gà người bạn trong sân. - TP. HCM : Trẻ, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004249, TN.004251, TN.004252

6397 Đội cảnh sát tí hon. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 203 tr. : tranh vẽ ; 17 cm
Đội cảnh sát tí hon. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 203 tr. : tranh vẽ ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.020652

6398 Đêm trong rừng thẳm / G.R. Durrell. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002182, TN.002183, TN.002184

6399 Degas Danh họa Thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004079, TN.004080, TN.004081, TN.004082, TN.004083

6400 Để trở thành nhà thể thao thực thụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Để trở thành nhà thể thao thực thụ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.003739

6401 Đất và lửa: Nghệ thuật VIệt Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004024, TN.004025, TN.004026, TN.004027, TN.004028

6402 Đất Thánh / N. Tubb Jonathan. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 2 tập ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005422, TN.005423, TN.005424

6403 Đất lành / Pearl Buck; Hoàng Quân d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 114tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813 14/Đ124L
Số ĐKCB: TN.004782, TN.004783, TN.004784

6404 Danny & quả trứng Đà Điểu / Roht Richard. - Tp. HCM : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004647, TN.004648, TN.004649

6405 Cướp biển / Platt Richard. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.010074, TN.010075

6406 Cuộc lữ hành kỳ diệu của Nilx Hôly Erxôn qua suốt nước Thụy Điển (Giải Nobel văn học) : Tiểu thuyết / Xelma Layerlop; Hoàng Thiếu Sơn dịch, giới thiệu và chú thích.. - Hà Nội : Giáo dục, 1988. - 264tr. ; 19cm
Cuộc lữ hành kỳ diệu của Nilx Hôly Erxôn qua suốt nước Thụy Điển (Giải Nobel văn học) : Tiểu thuyết / Xelma Layerlop; Hoàng Thiếu Sơn dịch, giới thiệu và chú thích.. - Hà Nội : Giáo
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.004500, TN.004502, TN.004503

6407 Crít Xtốp cô lông. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002275, TN.002277

6408 Côn trùng có chất độc. - Tp.HCM : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002406

6409 Con quạ thông minh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002231

6410 Con dơi nhút nhát. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004494, TN.004495, TN.004496

6411 Con chuột quê và chuột thành phố. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004497, TN.004498, TN.004499

6412 Colombia. - Tp.HCM : Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004590, TN.004591

6413 Có thực vật ăn động vật không. - Tp.HCM : Trẻ, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002302, TN.002303, TN.002306

6414 Cơ thể và sức khỏe. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005373, TN.005374, TN.005375

6415 Cô giáo như mẹ hiền / Andray Platono. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005464, TN.005465, TN.005466

6416 Cô gái bị bắt cóc / Nguyễn Quỳnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002050

6417 Chuyện phiêu lưu của mít đặc và các bạn. - Hà Nội : Văn học, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH527M
Số ĐKCB: TN.002474, TN.002475

6418 Chuyện của chó. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002310, TN.002312

6419 Chuyện của bò. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002266

6420 Chuỗi và mạng thức ăn. - Hà Nội : Kim Đông, 2003. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.005370, TN.005371, TN.005372

6421 Chú bé thành Pari / Huygo Vichto. - Hà Nội : Kim Đông, 2003. - 151tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002212, TN.002214

6422 Châu Phi / Ayo Yvonne. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.005558, TN.005560, TN.005559

6423 Charlie và chiếc thang máy bằng kính / Dahl Roald. - Kim Đồng Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.005292, TN.005293, TN.005294

6424 Charlie Chaplin nghệ thuật điện ảnh. - Kim Đồng Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.004114, TN.004115, TN.004116, TN.004117

6425 Chàng sư tử biển bướng bỉnh. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.004547

6426 Chagall danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004049, TN.004050, TN.004051, TN.004052, TN.004053

6427 Cẩm nang trò chơi. - Tp.HCM : Trẻ, 2002. - 27tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004788, TN.004789, TN.004790

6428 Cái bướu lạc đà / R. KipLinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 27tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.002197, TN.002198

6429 Các nhà phát minh kiệt xuất. - Hà Nội : Phụ Nữ, 2001. - 27tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 14/

Số ĐKCB: TN.004464, TN.004465, TN.004466

6430 Các nhà khoa học và phát minh / Clarke Danny. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.002273, TN.002274

6431 Bzuegel danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.004059, TN.004060, TN.004061

6432 Bzonzine danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.004084, TN.004085, TN.004086, TN.004087, TN.004088

6433 Botezo danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.004069, TN.004070, TN.004071, TN.004072, TN.004073

6434 Bóng đèn điện và ánh sáng lóe lên. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002227

6435 Bộ ba đầu tiên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.002206, TN.002207, TN.002208

6436 Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn. - Hà Nội : Trẻ, 2002. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.004542, TN.004543, TN.004544

6437 Bệnh dịch. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005540, TN.005541, TN.005542

6438 Bến đợi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002111, TN.002112, TN.002113

6439 Balthus danh họa thế giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.005609, TN.005610, TN.005611

6440 Afghanistan. - Trẻ, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.004587, TN.004588, TN.004589

6441 Lý Công Uẩn. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019252, TN.019253, TN.019254

6442 Ngô Quyền. - Hà Nội : [?], 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019246, TN.019247, TN.019248

6443 Dế mèn phiêu lưu kí / Tô Hoài. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019240, TN.019241, TN.019242

6444 Tôn Ngộ Không ba lần đánh Bạch Cốt Tinh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TNVL.000407, TNVL.000408, TNVL.000409

6445 Hằng ngày người lớn làm gì. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019258, TN.019262, TN.019263

6446 Các nền văn minh lớn Aztec. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019138, TNVL.000401, TNVL.000402

6447 Các nền văn minh lớn Inca. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019139, TN.019140, TNVL.000400

6448 Chuyến đi của Lill đến xứ sở ông già Noel / Ellis Towne, Sophie May. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 92tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: LD.006633, LD.007706, LD6.008412, TN.010397, TN.010398

6449 Để đọc được bí mật trên bản đồ. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019185, TN.019186, TN.019187

6450 Multimedia & Thế giới ảo / Andreas Schmenk, Arno Wetzen; d.: Cao Thủ, Cao Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2000. - 48tr. ; 26cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019158, TN.019159, TN.019160

6451 Các nền văn minh lớn La Mã. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 50tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019142, TN.019143, TN.019144

6452 Ca khúc thiếu nhi 1945 - 2000. - Hà Nội : Âm nhạc, 2002. - 534tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 781.1 23/C100K
Số ĐKCB: TN.019135

6453 1000 từ tiếng Anh đầu tiên. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2002. - 90tr. ; 27cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 23/M458N
Số ĐKCB: TN.019136, TN.019137, TNVL.000346

6454 Hàng ngày người lớn làm gì? = What do people do all days ? / Bùi Minh Thu b.s. - Hà Nội : Nxb Hà Nội, 2002. - 64tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/H106N
Số ĐKCB: TN.019259, TN.019260, TN.019261

6455 Những truyện cổ tích dành cho người lớn : Tập truyện / M. Sedrin Xantycov; Vũ Nho d.. - Hà Nội : Kim đồng, 2008. - 121tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009867, TN.009869, TN.009871, LD.006836, LD.007755, TN.009868, TN.009870

6456 Mực trắng giấy đen / Đi tơ ríc A. - Hà Nội : Văn học, 2000. - 124tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 23/GI126T
Số ĐKCB: TN.019181, TN.019182, TN.019183, TN.019184

6457 Người mặt nạ đen ở nước An - giép / Li ốp sin, V. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019169, TN.019170, TN.019171, TN.019172

6458 Thuyền trưởng đơn vị / Li ốp sin, V. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019173, TN.019174, TN.019175, TN.019176

6459 Ba ngày ở nước tí hon / Li ốp sin, V. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019177, TN.019178, TN.019179, TN.019180

6460 Từ làng Sen / Lê Lam. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019218, TN.019219, TN.019220, TN.019221

6461 Năm hủ vàng. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019234, TN.019235, TN.019236, TN.019237, TN.019238

6462 Giúp con học Tiếng Anh. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019153, TN.019154, TNVL.000314

6463 Từ làng Sen / Lê Lam. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019126, TN.019222, TN.019223, TN.019224, TN.019225

6464 Khoa học dành cho các em. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019161, TN.019162, TN.019163, TN.019164

6465 Vụ mùa chưa gặt / Nguyễn Kiên. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018786, TN.018787, TN.018788

6466 Trăng soi sân nhỏ / Ma Văn Kháng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018490, TN.018495, TN.018897

6467 Ký ức tuổi thơ / Anh Đức. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 135 tr. ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/K600U
Số ĐKCB: TN.005799, TN.005800, TN.005798

6468 Tướng Lâm Kỳ Đạt / Hoàng Văn Bổn. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018523, TN.018524, TN.018838

6469 Bà ngoại / Ma Văn Kháng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018460, TN.018767, TVVN.002147

6470 Que kem mặc áo dài / Đoàn Thị Phương Ánh. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018536, TN.018537, TN.018538

6471 Cầm chướng đỏ / Bùi Đăng Q, Thiều. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018463, TN.018556, TN.018557

6472 Hương hoa lý / Chu Quang. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018745, TN.018746, TN.018747

6473 Hai người đến từ phương xa / Dương Thụy. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018464, TN.018512, TN.018513

6474 Bồ câu mắt hồng / Nguyễn Đông Phương. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018461, TN.018462, TN.018612

6475 Trăng trên lá / Vũ Tú Nam. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018533, TN.018534, TN.018535

6476 Ngày hội phố phường / Ma Văn Kháng. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.019026, TN.019027, TN.019028

6477 Những quân bài / Trần Đức Tiến. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018521, TN.018522, TNVN.002119

6478 Cát cháy / Thanh Quế. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018458, TN.018459, TNVN.002058

6479 Dắt mùa thu vào phố. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018606, TN.018607, TN.018608

6480 Chuyện khuất sĩ thứ nhất. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018737, TN.018738, TN.018739

6481 Chuyện nàng Amin. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018734, TN.018735, TN.018736

6482 Đêm đầu tiên : Truyện cổ thế giới / Phan Quang d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 158 tr. ; 17 cm. - (Nghìn lẻ một đêm)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018740, TN.020512, TNVN.002042

6483 Cô bé quàng khăn đỏ. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018783, TN.018784, TN.020528, TN.007477, TN.007478, TN.007479

6484 Chu du thiên hạ dể .... - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018775, TN.018776, TN.018777

6485 Bác nông dân và con quỷ. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018778, TN.018779, TN.018780

6486 Người thợ săn tài giỏi : Truyện cổ Grim / Hữu ngọc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 151 tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018781, TN.018782, TN.020519

6487 Xin lỗi người dưng / Hồ Thị Ca. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018627, TN.018628, TN.020642

6488 Long lanh giọt nắng / Dạ Thảo Linh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 143 tr. ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018759, TN.018760, TN.020645

6489 Song ngư / Nguyễn Thu Phức. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018753, TN.018754, TN.020502

6490 Hồn muối / Nguyễn Thị Hoàn. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018856, TN.018857, TN.018858

6491 Không cùng tầng bay. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018763, TN.018764, TN.018843

6492 Bất ngờ lưng chừng trời / Nguyễn Thị Cẩm. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018615, TN.018616, TN.018845

6493 Chú gấu với tấm gương / Nguyên Hồ. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018751, TN.018752, TNVN.001946

6494 Thượng kinh ký sự / Hải Thượng Lãn Ông. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018795, TN.018796, TN.018797

6495 Vào đời / Phan Triều Hải. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018765, TN.018766, TN.020486

6496 Chơi cùng người lớn / Lê Thị Thu Thủy. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018590, TN.018591, TN.018840

6497 Đen và béo / Hoàng Minh Tường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 167 tr. ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018491, TN.018493, TN.020513

6498 Từng đôi mắt sáng / Nguyễn Thị Thanh Bình. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018761, TN.018762, TNVN.001925

6499 Thầy và trò / Trần Việt Quỳnh. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018550, TN.018551, TN.018837

6500 Người của ngày hôm qua / Anh Đức. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018517, TN.018518, TN.018830

6501 Đồi cỏ hát / Trần Hoàng Vy. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018755, TN.018756, TNVN.001914

6502 Một chuyện chép ở bênh viện / Anh Đức. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018757, TN.018758, TN.018844

6503 Đôi ủng ma / Kennedy, Richar. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018862, TN.018863, TN.018864

6504 Vụ bí ẩn con rồng hắt hơi / Hitchcock, A.L. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018649, TN.020448, TN.020449, TN.020450, TN.020451, TNVN.001905

6505 Vụ bí ẩn vách đá rực lửa / Hitchcock, A.L. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018637

6506 Vụ bí ẩn con sắn hát lầm rầm / Hitchcock, A.L. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018839, TN.020441, TN.020442

6507 Kẻ mạo danh từ thiện. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018500, TNVN.001878, TNVN.001879

6508 Nơi tàu lượn gãy cánh. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018502, TNVN.001875, TNVN.001876

6509 Nữ trinh sát dấu tài. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018501, TN.018503, TN.018504

6510 Cán sự ra tay - Đội ĐN C21. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018499, TNVN.001870, TNVN.001871

6511 Cô bé Maroussia / Stahl, P.J. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 185 tr. ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018684, TN.018685, TN.020636, TN.020637, TNVN.001868

6512 Nhà ảo thuật / Nguyễn, Nhật Ánh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 151 tr. ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018748, TN.018749, TN.018750, TN.020520, TNVN.001862

6513 Cái sừng trâu biết nói / Đào Vũ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018891, TN.018998, TN.018999, TN.019000, TN.019001

6514 Mùa hoa thuốc phiện cuối cùng / Nguyên Ngọc. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018938, TN.018939, TN.018940, TN.018957, TN.018958

6515 Hoa dại / Lê Phương Liên. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018969, TN.018970, TN.018971, TN.018972, TN.018973

6516 Nội tôi / Bùi Tự Lực. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018959, TN.018960, TN.018961, TN.018962, TNVN.001840

6517 Tiếng khóc và tiếng hát / Trang Thế Hy. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018824, TNVN.001835, TNVN.001836, TNVN.001837, TNVN.001838

6518 Chọn soái / Quách Thọ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018826, TN.018986, TN.018987, TN.018988, TN.018989

6519 Cở lau dựng nước / Ngô Văn Phú. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 127 tr. ; 18 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018825, TN.018834, TN.018836, TN.020752, TN.020753

6520 Phượng trắng / Nguyễn Đình Bổn. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018833, TN.018906, TN.018907, TN.018967, TN.018968

6521 Tiếng trống Mê Linh / An Cương. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018505, TN.018506, TNVN.001814, TNVN.001815, TNVN.001818

6522 Hoàng hậu hai triều Dương Vân Nga / Hoàng Công Kha. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018901, TN.018902, TN.018903, TN.018904, TN.018905

6523 Sóng lửa trên sông Nhật Tảo / Nghiêm Đa Văn. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018983, TN.018984, TN.018985, TNVN.001804, TNVN.001807

6524 Thập đạo tướng quân Lê Hoàn / nguyễn Anh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018814, TN.018979, TN.018980, TN.018981, TN.018982

6525 Sân cỏ ước mơ / Đinh Tiến Luyện. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018465, TN.018661, TN.018662, TN.018813, TN.020521

6526 Bài ca trái đất / Định Hải. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018467, TN.018479, TN.018480, TN.018810, TN.018811

6527 Nhà thờ Đức bà Paris. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018468, TN.018677, TNVN.001784, TNVN.001786, TNVN.001788

6528 Bốn cô con gái nhà bác sĩ March : Truyện thiếu nhi / Louira May Alcott ; Chantal Baligand phóng tác ; Huỳnh Phan Anh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 186 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách danh tác thế giới rút gọn)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018451, TN.018678, TN.020649, TNVN.001769, TNVN.001770

6529 Những đôi giày trượt băng bằng bạc / P.J. Stahl ; Denis Riguelle phóng tác ; Vĩnh Hồ d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 186 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách Danh tác thế giới rút gọn)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018681, TN.018682, TN.020634, TN.020635, TNVN.001779

6530 Đi tìm ngọc / Trần Thanh Giao. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018448, TN.018807, TN.018808, TN.018809, TNVN.001768

6531 Chiếc vòng đồng đen / Phan Hồn Nhiên. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018469, TN.018471, TN.018473, TN.018474, TN.018660

6532 Đuốc lá dừa / Hoài Anh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018453, TN.018454, TN.018482, TN.018812, TNVN.001758

6533 Người chị của Gribouille / Ségur, Lacomtes. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018679, TN.018680, TN.020638, TN.020639, TNVN.001747

6534 Làng rừng Cà Mau / Xuân Sách. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018466, TN.018805, TN.018806, TNVN.001740, TNVN.001743

6535 Mắt thủy tinh / Nguyễn Thu Phương. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018476, TN.18475, TN.18659, TN.18728, TN.18729, TN.009841

6536 Mặt trời quê hương / Xuân Sách. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018452, TN.018801, TN.018802, TNVN.001731, TNVN.001732

6537 An Tư Công chúa / Nguyễn Huy Tưởng. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018455, TN.018457, TN.018730, TN.018731, TN.020487

6538 Ngày vắng mưa thưa / Từ Kế Tường. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018450, TN.018663, TN.018664, TN.018665, TN.018666

6539 Vầng trăng ban ngày / Vĩnh Quyền. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018449, TN.018724, TN.018725, TN.018726, TN.018727

6540 Vua đen / Hoàng Công Kha. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018481, TN.018483, TN.018484, TN.020504, TN.020505

6541 Hổ mun / Đặng Thư Cưu. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018456, TN.018485, TN.018486, TN.018899, TN.020523

6542 Cái lu / Trần Kim Trắc. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018446, TN.018477, TN.018478, TN.018704, TN.018705

6543 Khoảng trời hố bom. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018933, TN.018934, TN.018935, TN.018936, TN.018937

6544 Quê mẹ / Thanh Tịnh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018947, TN.018948, TN.018949, TN.018950, TN.018951

6545 Những ông tướng nhà trời / Nguyễn Thái Hải. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018846, TN.018847, TN.018848, TN.018849, TN.018850

6546 Tướng quân Hoàng Hoa Thám / Lê Minh Quốc. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018792, TN.018793, TN.018794, TNVN.001679, TNVN.001682

6547 Mạch nước trong / Vĩnh Quyển. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018974, TN.018975, TN.018976, TN.018977, TN.018978

6548 KaZan / James Oliver Curwood ; Danis Riguelle phóng tác ; Nguyễn Thuý Hiền d. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 186 tr. ; 17 cm. - (Tủ sách Danh tác thế giới rút gọn)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018686, TN.018687, TN.020566, TN.020567, TNVN.001673

6549 Ngôi nhà của những người tí hon / Stine RL. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018842, TN.020630, TN.020631, TN.020632, TN.020633

6550 Đồng Quê / Phi Vân. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018952, TN.018953, TN.018954, TN.018955, TN.018956

6551 Trong rừng / Đỗ Quang Tiến. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018923, TN.018924, TN.018925, TN.018926, TN.018927

6552 Người miệt Vườn / Nguyễn Đức Thọ. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018918, TN.018919, TN.018920, TN.018921, TN.018922

6553 Sống nhờ / Mạnh Phú Tư. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018928, TN.018929, TN.018930, TN.018931, TN.018932

6554 Oliver không sợ ma / R.L. Stine ; Trần Thị Mạnh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - 151 tr. ; 17 cm. - (Dịch từ nguyên bản tiếng Anh "Why I'm not affraid of ghost")
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018585, TN.020498, TN.020499, TNVN.001626, TNVN.001627

6555 Chân trời cũ / Hồ ZDếnh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018865, TN.018866, TN.018867, TNVN.001600, TNVN.001602

6556 Quân sư Đào Duy Từ / Vũ Ngọc Tiến. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018706, TN.018707, TN.018708, TN.018709, TN.018710

6557 Khói mây Yên Tử / Vũ Ngọc Tiến. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018851, TN.018852, TN.018853, TN.018854, TN.018855

6558 Mùa hè khắc nghiệt / Đoàn Thạch Điền. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018655, TN.018656, TN.018657, TN.018658, TNVN.001584

6559 Thanh gươm kẻ sĩ / Phan Khánh. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018632, TN.018633, TN.018711, TN.018712, TN.018713

6560 Ngôi nhà trong cỏ / Lý Lan. - Hà Nội, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018994, TN.018995, TN.018996, TN.018997, TNVN.001575

6561 Ngũ long công chúa / Nhã Uyên. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018552, TN.018553

6562 Pho tượng thần Kali / Trần Trọng Thảo. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018716, TN.018717

6563 Chiếc vòng của thần Siva / Lê Quang Bình. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018586, TN.018587

6564 Cuộc chiến tìm đất / Vạn Thành. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018588, TN.018589

6565 Bí mật dưới đám lục bình / Trọng Thảo. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018894, TNVN.001550

6566 Cuộc hẹn hò nơi vô định. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018544, TN.018545, TN.020767, TNVN.001541

6567 Những kẻ đánh cắp linh hồn. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018541, TN.018542, TN.018543, TNVN.001534

6568 Con lừa quý và chiếc gậy ma. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2001. - 197 tr. ; 15 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018877, TN.020478, TN.020479, TNVN.001499

6569 Gánh nặng của con lừa / Thoại Sơn s.t & t.ch. - Cà Mau : Nxb. Cà Mau, 2001. - 108 tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018769, TN.020560, TN.020561, TNVN.001495

6570 Thám tử nghiệp dư : Truyện cười Quốc tế / Thoại Sơn s.t & t.ch. - Cà Mau : Nxb. Cà Mau,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018692, TN.018693, TN.020564, TN.020565

6571 Người chồng lý tưởng : Truyện cười Quốc Tế / Thoại sơn s.t & t.ch. - Cà Mau : Nxb. Mũi Cà Mau, 2001. - 108 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018768, TN.020607, TN.020608, TNVN.001486

6572 Con bò đeo kính : Truyện cười quốc tế / Thoại Sơn s.t & t.ch. - Cà Mau : Nxb. Cà Mau, 2001. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018829, TN.020562, TN.020563, TNVN.001481

6573 Chú rể tuổi tám mươi. - Cà Mau, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018690, TN.018691, TNVN.001477, TNVN.001479

6574 Câu đối khóc chồng chung. - Cà Mau, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018828, TNVN.001472, TNVN.001474, TNVN.001475

6575 Ở rể / Vương Trung Hiếu t.ch & g.t. - Cà Mau : Nxb. Cà Mau, 2001. - 108 tr. ; 17 cm. - (Kho tàng truyện trạng Việt Nam)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018816, TN.020644, TNVN.001468, TNVN.001471

6576 Ếch xay lúa. - Cà Mau, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018815, TN.018835, TNVN.001465, TNVN.001467

6577 Chiếc tàu rùa. - Cà Mau, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018823, TNVN.001461, TNVN.001462, TNVN.001463

6578 Con khỉ đột trắng. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018611, TN.020490, TN.020491, TN.020766, TNVN.001458, TNVN.001536, TNVN.001538, TNVN.001539

6579 Quốc vương Jarawak. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018990, TN.018991, TN.018992, TN.018993

6580 Đảng cướp bàn tay đen / Lê Quang Bình. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 164 tr. ; 17 cm. - (Truyện phiêu lưu mạo hiểm chọn lọc)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018688, TN.018689, TN.018827, TN.020509

6581 Như nắng xuân phai / Thùy An. - Tp. HCM, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018868, TN.018869

6582 Nghi thức đội thiếu niên Tiền phong HCM. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018822, TNVN.001376, TNVN.001378, TNVN.001379

6583 Y Lan phu nhân / Hoài Anh. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018510, TN.018511, TN.018714, TN.018715

6584 Cuộc truy tầm kho vũ khí / Đoàn Giỏi. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 207 tr. ; 17 cm. - (Tuyển

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018634, TN.018635, TN.020568, TN.020569

6585 Don Quichott / Cervantes, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018667, TN.018668, TN.018669, TN.018670

6586 To đầu mà dại. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 67tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009790, TN.009791, TN.009793, LD.006123, TN.009792, TN.009794

6587 David Copperfield / Dickens Charles, Phùng Đệ d.. - Hà Nội : Văn học, 2001. - 175 tr. ; 17 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018672, TN.018673, TN.018674, TN.020653

6588 Túp lều bác Tôm / Harriet Beecher; Lê Hồng Mai d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 174tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 23/T521L

Số ĐKCB: TN.018671, TNVN.001356, TNVN.001357, TNVN.001359

6589 Cô công chúa nhỏ / Frances Burnett ; Chantal Biligand phóng tác ; Thi Ngọc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 174tr. ; 17 cm. - (Tủ sách danh tác thế giới rút gọn)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018525, TN.018526, TN.018683, TN.020527

6590 Hoa tuy líp đen / Dumas Alexand; Đức Thụy d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 174 tr. ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018675, TN.018676, TN.020524, TNVN.001350

6591 Cá bống mú / Đoàn Giỏi. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018651, TN.018652

6592 Đất nước. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018892, TN.019015, TN.019016, TN.019017

6593 Lửa thiêng / Vũ Hạnh. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018963, TN.018964, TN.018965, TN.018966

6594 Bút máu / Vũ Hạnh. - Hà Nội, 2001. - 199 tr. ; 15 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018945, TN.018946, TN.020558, TNVN.001331

6595 Thằng cúp / Minh Khoa. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018884, TN.019018, TN.019019, TN.019020

6596 Khúc đồng dao lấp lánh / Minh Khoa. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018941, TN.018942, TN.018943, TN.018944

6597 Chú bé cả xiên / Minh Khoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH500B
Số ĐKCB: TN.018624, TN.018625, TN.018626, TN.018887

6598 Hoàng tử và núi ba ông thần / Doãn Điền b.s. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2001. - 200 tr. ; 15
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/H407T
Số ĐKCB: TN.018881, TN.018882, TN.020553, TN.020554

6599 Chiếc quạt thường kỳ. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018878, TN.018879, TN.018880, TNVN.001311

6600 Vị bí ẩn cái sọ biết nói. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018548, TN.018549

6601 Con sư tử căng thẳng. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018638, TN.018798, TN.020454, TN.020455, TNVN.001297, TNVN.001901

6602 Con mắt cửa. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018636

6603 Đá ngầm cá mập. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018639

6604 Vụ bí ẩn con ngựa không đầu. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.018646, TN.018647, TN.018648, TN.020438, TN.020439, TN.020440

6605 Báu vật của cầu vồng. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018629, TN.018630, TN.018631

6606 Chiếc hộp có phép lạ. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.019002, TN.019003, TN.019004

6607 Thần của người nghèo / Doãn Điền b.d.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2001. - 184tr. ; 15cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/TH121C

Số ĐKCB: TN.018874, TN.018875, LD.012526, TN.018885

6608 Người đưa thư của lãnh chúa. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018514, TN.018515, TN.018516, TNVN.001136

6609 Tình yêu chiến thắng cái chết. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018617, TN.018618, TN.018619, TN.020489

6610 Sư tử đá. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018774, TN.020747, TN.020748, TN.020749, TN.020758

6611 Truy tìm chiếc bình thánh. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018771, TN.020743, TN.020744, TNVN.001113

6612 Tiếng gọi của rừng thẳm / Jack London; Châu Văn Thuận d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 23/T306G

Số ĐKCB: TN.018527, TN.018528, TN.018529, TN.018530

6613 Sissi nữ hoàng áo quốc / Anne - Francoise Loiseau; Phan Lê Đông Phương d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - 174 tr. ; 17 cm. - (Danh tác văn học thế giới)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/S300S

Số ĐKCB: TN.018773, TN.020570, TN.020571, TNVN.001106

6614 Thư viết ở cối xay gió. - Tp. Hồ Chi Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018614, TN.020745, TN.020746, TNVN.001100

6615 Vụ bí ẩn, con gà đội vương miện / Hichcock, A. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2001. - 162tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/V500B

Số ĐKCB: TN.018642, TN.018643, TN.018644, TN.018645

6616 Đôi ủng ma / Kennedy R.I. - Tp. HCM, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018859, TN.018860, TN.018861, TNVN.001093

6617 Quan Âm Thị Kính. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018233, TNVN.000804

6618 Nỏ thần Kim Quy. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018234, TN.018235

6619 Giai thoại về Trạng Lợn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018202, TNVN.000793

6620 Giai thoại Trạng Lợn và Xiển bội. - Đồng Nai, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.18200, TN.18201

6621 Chú dê khù khờ. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018198, TN.018199

6622 Chó sói và bầy cừu. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018196, TN.018197

6623 Chuyện Tấm Cám. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018195, TNVN.000782

6624 Công chúa Liễu Hạnh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018192, TN.018193

6625 Ba điều ước. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018189, TNVN.000766

6626 Anh hùng râu quặp. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018188, TNVN.000763

6627 Dấu chân trên đồng / Nguyễn, Hoài Giang. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018237, TN.018238, TN.018239

6628 Chàng ngốc đi buôn. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.018213, TN.018214, TN.018215, TN.018216, TNVN.000780, TNVN.000781, TNVN.000830

6629 Lá gan của thỏ / Song Thiên s.t & g.t. - Hà Nội : Thanh Niên, 1999. - 165 tr. ; 18 cm. - (Truyện
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018217, TN.020503

6630 Xin dùm thằng bạn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018218, TNVN.000827

6631 Sự tích Thánh Gióng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018219, TN.018220

6632 Sự tích bánh dày bánh chưng / Thiên Thiên S.t & g.t. - Hà Nội : Thanh Niên, 1999. - 144 tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018221, TN.020650

6633 Sự tích chú cuội. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018222, TNVN.000819

6634 Sự tích trầu cau. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018223, TNVN.000818

6635 Sơn tinh Thủy tinh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018226, TN.020651

6636 Sáu người đi khắp thế gian. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018227, TNVN.000811

6637 Trí khôn của loài người. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018228, TN.018229

6638 Tân liêu trai / Nguyễn Đình Bổn. - Đồng Nai, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018230, TN.018231

6639 Thế mà tao cứ tưởng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018232, TNVN.000805

6640 Mảnh Hồn Làng / Nguyễn Trọng Tạo. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018266, TN.018267, TN.018268

6641 Phạm Ngọc Đa / Xuân Sách. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018263, TN.018264, TN.018265

6642 Ngày tết của trâu xe / Võ Quảng. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018261, TN.018262, TNVN.000875

6643 Tướng Lâm Kỳ Đạt / Hoàng Văn Bổng. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018259, TN.018260, TNVN.000874

6644 Trên sông truyền hịch / Hà, Ân. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018250, TN.018251, TN.018252

6645 Kim Đồng / Tô, Hoài. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018247, TN.018248, TN.018249

6646 Khúc hát vườn trầu / Lê Minh. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018243, TN.018244, TN.018245

6647 Bác sĩ Đặng Văn Ngữ / Đức Hoài. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018240, TN.018241, TN.018242

6648 Hoàng tử và chim Xi múc / Tuyển chọn và dịch: Nguyễn Văn Toại. - Hà Nội : Phụ Nữ, 1999. - 206 tr. ; 15 cm. - (Trên những nẻo đường cổ tích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018876, TN.018883, TN.020430, TN.020431

6649 Jane Eyere / Bronte, C.H. - Tp. HCM, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018789, TN.018790, TN.018791, TN.018818

6650 Cá voi trắng / Hermanmel Melville; Lê Thanh Lộc d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 142tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.3 23/C100V
Số ĐKCB: TN.018819, TN.018895, TN.020750, TN.020751

6651 Hồng hải tặc / Cooper, Fenimori. - Tp. HCM : Trẻ, 2000. - 150 tr. ; 17 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.018609, TN.018610, TN.020525, TNVN.001049

6652 Uất Kim cương đen / Dumas, Alexand. - Tp. HCM, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018584, TN.020741, TN.020742, TN.020757

6653 Ba chuyện cổ tích nhà chữ / Tô Hoài. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018872, TN.018873, TNVN.001012

6654 Mac tin và bốn mùa / Marcel Marlier. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.018000, TN.018001, TN.018002, TN.018003, TN.018004

6655 Ê đi xơn / Apêlê Vianu. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017996, TN.017997, TN.017998, TN.017999, TNVN.000483

6656 Gulivơ du ký / Xuyp, J. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017991, TN.017992, TN.017993, TN.017994, TN.017995

6657 Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn / Grim, V. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017986, TN.017987, TN.017988, TN.017989, TN.017990

6658 Chú lính chì dũng cảm / Anđecxen, H. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017981, TN.017982, TN.017983, TN.017984, TN.017985

6659 Trăng nước Chương Dương / Hà Ân. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017976, TN.017977, TN.017978, TN.017979, TN.017980

6660 Trên sông truyền hịch / Hà Ân. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017972, TN.017973, TN.017974, TN.017975, TNVN.000457

6661 Đảo giấu vàng. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017967, TN.017968, TN.017969, TN.017970, TN.017971

6662 Sống như anh. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017962, TN.017963, TN.017964, TN.017965, TN.017966

6663 Một cần câu / Trần Thanh Dịch. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017958, TN.017959, TN.017960, TN.017961, TNVN.000440

6664 Cá bống mú / Đoàn Giỏi. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017953, TN.017954, TN.017955, TN.017956, TN.017957

6665 Thơ Tú Mỡ. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017949, TN.017950, TN.017951, TN.017952, TN.018011

6666 Mẹ vắng nhà / Nguyễn Thi. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017944, TN.017945, TN.017946, TN.017947, TN.017948

6667 Tiếng gọi ngàn / Đoàn Giỏi. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017939, TN.017940, TN.017941, TN.017942, TN.017943

6668 Đợi mặt trời / Phạm Ngọc Tiến. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017931, TN.017932, TN.017933, TN.017934, TN.017935

6669 Mảnh hồn làng / Nguyễn Trọng Tạo. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017926, TN.017927, TN.017928, TN.017929, TN.017930

6670 Bỏ trốn / Phan Thị Thanh Nhàn. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017921, TN.017922, TN.017923, TN.017924, TN.017925

6671 Cây me nước đeo vòng cẩm thạch / Trần Quốc Toàn. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017916, TN.017917, TN.017918, TN.017919, TN.017920

6672 Tướng Lâm Kỳ Đạt / Hoàng Văn Bốn. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017911, TN.017912, TN.017913, TN.017914, TN.017915

6673 Chú bò tìm bạn / Phạm Hổ. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017906, TN.017907, TN.017908, TN.017909, TN.017910, TN.018236, TNVN.000849

6674 Phạm Ngọc Đa / Xuân Sách. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017901, TN.017902, TN.017903, TN.017904, TN.017905

6675 Tôi đi học / Nguyễn Ngọc Ký. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017896, TN.017897, TN.017898, TN.017899, TN.017900

6676 Sổ tay toán tiểu học / Đỗ Trung Hiệu. - Hà Nội, 1997. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017893, TN.017894, TN.017895, TNVN.000370, TNVN.000374

6677 Bé Masa và con gấu. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017890, TN.017891, TN.017892

6678 Truyện cổ Di - Gan Nàng công chúa .... - Đà Nẵng, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017883, TN.017884, TN.017885, TNVN.000348, TNVN.000351

6679 Nhóm đặc nhiệm nhà C21. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017845, TN.017872, TNVN.000327, TNVN.000328

6680 Hai tên trộm và cha đạo / Thúy Toàn tuyển dịch. - Hà Nội : Văn học, 1999. - 288 tr. ; 15 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017853, TN.017869, TN.017870, TN.017871, TN.020557, TNVN.000326

6681 Nàng Vaxilia xinh đẹp. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017866, TN.017867, TN.017868, TN.018010, TNVN.000321

6682 Ông sáo thần. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017864, TN.017865, TNVN.000312, TNVN.000314, TNVN.000316

6683 Ông già băng giá. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017859, TN.017860, TN.017861, TN.017862, TN.017863

6684 Thần chuột đi du lịch. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017855, TN.017856, TN.017857, TN.017858

6685 Công chúa ếch. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017823, TN.017824, TN.017825

6686 Nàng Công chúa nằm trên. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017822

6687 Bé Masa và con gấu. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017820

6688 Chú người gỗ. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017821

6689 Sự tích dưa hấu. - Cà Mau, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017816, TN.018224, TN.018225

6690 Nỏ thần Kim Quy. - Cà Mau, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017815

6691 Bạch Tuyết và bảy chú lùn. - Cà Mau, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017814, TNVN.000825

6692 Thánh Gióng. - Cà Mau, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017813

6693 Chim Họa Mi. - Cà Mau, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017812

6694 Ba điều ước. - Cà Mau, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017811

6695 Nàng công chúa nằm trên hạt đậu. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017806, TN.017807, TN.017808, TN.020542, TN.020543

6696 Trường học ở Xalamanca. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017800, TN.020474, TN.020475, TN.020476, TN.020477

6697 Chuyện về cái bóng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017796, TN.017797, TN.017798, TN.020548, TN.020549

6698 Khỉ khoác lác. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017795, TN.019029, TN.019030, TN.019031, TNVN.000197

6699 Đôi tai dài của Thỏ : Truyện đồng thoại / Vũ Bội Tuyền b.s. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 1999. - 176 tr. ; 15 cm. - (Kho tàng truyện đồng thoại thế giới nổi tiếng)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017791, TN.017792, TN.017793, TN.018888, TN.020428, TN.020429

6700 Vua Hổ đau răng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017787, TN.017788, TN.017789, TN.017790

6701 Thần Chuột đi du lịch. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017753, TN.017785, TN.017786, TN.018889

6702 Con hươu vàng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017780, TN.017781, TN.017782, TN.017783, TN.017784

6703 Vụ bí ẩn vòng tròn thần bí. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017778, TN.017779, TN.020452, TN.020453, TNVN.000174

6704 Tượng AVooc Hồ bằng gỗ Trầm hương. - Hà Nội, 1996. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017775, TN.017776, TN.017777, TNVN.000151, TNVN.000153, TNVN.000154, TNVN.000156, TNVN.000158, TNVN.000159, TNVN.000160

6705 Chiếc cối giã trầu bằng thép. - Hà Nội, 1996. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017773, TN.017774, TNVN.000141, TNVN.000142, TNVN.000143, TNVN.000144, TNVN.000146, TNVN.000147, TNVN.000148,

6706 Bức chân dung Lê Nin. - Hà Nội, 1996. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017772, TNVN.000131, TNVN.000132, TNVN.000133, TNVN.000134, TNVN.000135, TNVN.000136, TNVN.000137, TNVN.000139,

6707 Chuyện Tây Nguyên bên bờ Đa - Nuyp. - Hà Nội, 1996. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017771, TNVN.000117, TNVN.000118, TNVN.000120, TNVN.000121, TNVN.000122, TNVN.000123, TNVN.000124, TNVN.000125,

6708 Tiếng đàn trong đêm khuya. - Hà Nội, 1996. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017755, TN.017756, TN.017767, TN.017768, TN.017769, TN.017770, TNVN.000107, TNVN.000112, TNVN.000113, TNVN.000114,

6709 Anđecxen tám truyện tranh màu. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.81 23/A105Đ

Số ĐKCB: TN.017760, TN.017761, TN.017762, TNVN.000086, TNVN.000088

6710 Mèo hoang trong gương. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017754, TN.017757, TN.017758, TN.017759, TN.017801, TN.017802, TN.017803, TN.017804, TN.017805, TNVN.000081

6711 Con Hươu vàng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017749, TN.017750, TN.017751, TN.017752, TN.018890

6712 Thần chuột đi du lịch. - Hà Nội, 1999. - 166 tr. ; 15 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017745, TN.017746, TN.017747, TN.017748, TN.020424, TN.020425, TNVN.000073

6713 Vua hổ đau răng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017741, TN.017742, TN.017743, TN.017744, TN.020426, TN.020427

6714 Lễ vật quý nhất / Vũ, Bội Tuyền. - Hà Nội. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017729, TN.017730, TN.017731, TN.017732, TN.017733, TN.017734, TN.017735, TN.017736, TN.017737, TN.017738

6715 Nàng Vaxilia xinh đẹp. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017727, TN.017728, TN.017739

6716 Công chúa Ếch. - Hà Nội : Văn học, 1999. - 288 tr. ; 15 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017725, TN.017726, TN.017740, TN.020482, TN.020483

6717 Hai tên trộm và cha đạo. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017723, TN.017724, TNVN.000061

6718 Ông già băng giá. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017722, TN.017794, TN.020545

6719 Ông Sáo thần. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: TN.017720, TN.017721, TNVN.000064

6720 Những mẫu chuyện chọn lọc trong ..... - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017715, TN.017716, TN.017717, TN.017718, TN.017719, TNVN.000031, TNVN.000033, TNVN.000035, TNVN.000036, TNVN.000037

6721 Những mẫu chuyện chọn lọc trong.... - Hà Nội, 1998. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017713, TN.017714, TNVN.000021, TNVN.000022, TNVN.000023, TNVN.000024, TNVN.000025, TNVN.000026, TNVN.000027,

6722 Kho tàng truyện cổ tích thế giới. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/KH400T

Số ĐKCB: TN.017711, TN.017712, TNVN.000017, TNVN.000018, TNVN.000020

6723 Người bạn Biển / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Minh Đức minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2016. - 24tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.157 23/NG558B

Số ĐKCB: TN.020100, TN.020101, TN.020102

6724 Con thuyền giấy / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Thiên Nhã minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2016. - 24tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.157 23/C430T

Số ĐKCB: TN.020097, TN.020098, TN.020099

6725 Con muốn có sao! / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Thiên Nhã minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2016. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.157 23/C430M

Số ĐKCB: TN.020094, TN.020095, TN.020096

6726 Chơi trốn tìm / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Minh Đức minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2016. - 24tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.157 23/CH462T

Số ĐKCB: TN.020091, TN.020092, TN.020093

6727 Cái hố to bí mật / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Minh Đức minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2016. - 24tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.157 23/C103H
Số ĐKCB: TN.020088, TN.020089, TN.020090

6728 Vườn chữ trong công viên / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Thiên Nhã minh họa. - Hà Nội : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.157 23/V560C
Số ĐKCB: TN.020085, TN.020086, TN.020087

6729 Isadora Moon đi cắm trại = Isadora Moon goes camping / Harriet Muncaster; Nghy d.. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 110tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/I - 300S
Số ĐKCB: TN.020106, TN.020107, TN.020108

6730 Isadora Moon đi học = Isadora Moon goes to school / Harriet Muncaster; Nghy d.. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 124tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/I -300S
Số ĐKCB: TN.020103, TN.020104, TN.020105

6731 Isadora Moon đi xem Ballet = Isadora Moon goes to the ballet / Harriet Muncaster; Nghy d.. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 124tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/I - 300S
Số ĐKCB: TN.020112, TN.020113, TN.020114

6732 Isadora Moon tổ chức sinh nhật = Isadora Moon has a birthday / Harriet Muncaster; Nghy d.. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 124tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/I -300S
Số ĐKCB: TN.020109, TN.020110, TN.020111

6733 Vì sao phải ngồi xa màn hình tivi? / Nguyễn Thị Thụy Anh; Minh Đức minh họa. - In lần thứ 2. - Hà Nội : Trẻ, 201/8. - 44tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Nói sao cho con hiểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/V300S
Số ĐKCB: TN.020154, TN.020155, TN.020156

6734 Người bạn hoàn hảo / Kim Phụng kể; Trần Thị Thùy Mỳ vẽ. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 46tr. ; 18cm. - (Tủ sách: Vườn yêu thương)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG558B
Số ĐKCB: TN.020127, TN.020128, TN.020129

6735 Bên gốc táo / Kim Phụng kể; Bảo Huyên Reiko Miori vẽ. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 48tr. ; 18cm. - (Tủ sách: Vườn yêu thương)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B254G
Số ĐKCB: TN.020139, TN.020140, TN.020141

6736 Đôi cánh thiên thần / Kim Phụng kể; Huỳnh Ngọc Kỳ vẽ. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 54tr. ; 18cm. - (Tủ sách: Vườn yêu thương)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ452C
Số ĐKCB: TN.020136, TN.020137, TN.020138

6737 Ngôi nhà ngàn tấm gương / Kim Phụng kể; Trần Thị Thùy My vẽ. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 46tr. ; 18cm. - (Tủ sách: Vườn yêu thương)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG452N
Số ĐKCB: TN.020133, TN.020134, TN.020135

6738 Những cánh bướm xinh đẹp / Kim Phụng kể; Huỳnh Ngọc Kỳ vẽ. - Hà Nội : Trẻ, 2017. - 52tr. ; 18cm. - (Tủ sách: Vườn yêu thương)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.020130, TN.020131, TN.020132, TN.023604

6739 Phần thưởng xứng đáng / Kim Phụng kể; Bảo Huyên Reiko Miori vẽ. - Hà Nội : Trẻ, 2017. - 54tr. ; 18cm. - (Tủ sách: Vườn yêu thương)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/PH121T
Số ĐKCB: TN.020142, TN.020143, TN.020144, TN.023605

6740 Phát minh phi thường = Incredible inventions on the move : Phương tiện di chuyển từ bánh xe đến phi thuyền / Matt Turner; Sarah Conner m.h.; d.: Hồng Vân, Ngân Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.049465, TN.020977, TN.020978, TN.020979, TN.020980, LD.049466, TN.020244, TN.020245, TN.020246

6741 Phát minh phi thường = Incredible inventions making the modern world : Thế giới hiện đại từ lưỡi cày đến người máy / Matt Turner; Sarah Conner m.h.; d.: Hồng Vân, Ngân Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020241, TN.020242, TN.020243, LD.049461, LD.049462, TN.020985, TN.020986, TN.020987, TN.020988

6742 Phát minh phi thường = Incredible inventions let's communicate : Phương tiện giao tiếp từ chữ viết đầu tiên đến internet / Matt Turner; Sarah Conner m.h.; d.: Hồng Vân, Ngân Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.020247, TN.020249, LD.049464, TN.020981, TN.020982, TN.020983, TN.020984, LD.049463, TN.020248

6743 Phát minh phi thường = Incredible inventions all about light : Ánh sáng từ thấu kính tới tia Laser / Matt Turner; Sarah Conner m.h.; d.: Hồng Vân, Ngân Hà. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.049460, TN.020973, TN.020974, TN.020975, TN.020976, LD.049459, TN.020250, TN.020251, TN.020252

6744 Thủ thỉ chuyện văn chương : Giúp học sinh cảm thụ văn thơ và luyện kỹ năng viết / Nguyễn Thái Dương. - Hà Nội : Trẻ, 2017. - 136tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807 23/TH500T

Số ĐKCB: TN.020238, TN.020240, LD.049467, LD.049468, TN.020239

6745 Khám phá ánh sáng và quang học = Explore light and optics : Cùng 25 dự án tuyệt vời / Anita, Yasuda; Bryan Stone minh họa; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 90tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 535 23/KH104P

Số ĐKCB: TN.020236, TN.020237, LD.049473, LD.049474, TN.020235

6746 Khám phá đất = Explore Soil : Cùng 25 dự án tuyệt vời / Kathleen M. Reilly; Bryan Stone minh họa; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 92tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 631.4 23/KH104P

Số ĐKCB: TN.020232, TN.020233, TN.020234, LD.049471, LD.049472

6747 Khám phá săn và bị săn : Cùng 25 dự án tuyệt vời / Cindy Blobaum; Matt Aucoin minh; Hồng Vân d.. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 90tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 591.5 23/KH104P

Số ĐKCB: TN.020229, TN.020230, LD.049469, LD.049470, TN.020231

6748 Câu chuyện di truyền = Cartoon Guide / Larry Gonick, Mark Wheelis; D.: Công Dung, Nguyệt Anh. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 218tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 576.5 23/C125C

Số ĐKCB: TN.020226, TN.020228, LD.049441, LD.049442, TN.020227

6749 Những ngôi làng trên triền dốc / Gia Bảo. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 78tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH556N

Số ĐKCB: TN.020223, TN.020224, TN.020225

6750 Con muốn phụ giúp / Jilly Jacob; Trang Anh d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Trẻ, 2019. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020220, TN.020221, LD.049533, LD.049534, TN.020222

6751 Con muốn nuôi một chú cún / Jilly Jacob; Trang Anh d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020217, TN.020218, TN.020219, LD.049535, LD.049536

6752 Con muốn vâng lời / Jilly Jacob; Trang Anh d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 16tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020214, TN.020215, TN.020216, LD.049537, LD.049538

6753 Con muốn chia sẻ / Jilly Jacob; Trang Anh d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 16tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020211, TN.020212, TN.020213, LD.049539, LD.049540

6754 Con muốn mạnh mẽ / Jilly Jacob; Trang Anh d.. - Tái bản lần thứ nhất. - Hà Nội : Trẻ, 2019. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020209, TN.020210, LD.049541, LD.049542, TN.020208

6755 Con muốn nói thật / Jilly Jacob. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020206, LD.049543, LD.049544, TN.020205, TN.020207

6756 Con muốn cảm ơn / Jilly Jacob; Trang Anh d.. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020202, TN.020204, LD.049545, LD.049546, TN.020203

6757 Con muốn là người tốt / Jylly Jacob; Trang Anh d.. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Trẻ, 2019. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430M
Số ĐKCB: TN.020199, TN.020200, TN.020201

6758 Đèn gió bay lên : Tập truyện ngắn / Diệp Hồng Phương. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 86tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ203G
Số ĐKCB: TN.020196, TN.020197, TN.020198

6759 Ngoan ngoãn / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 40tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/NG406N
Số ĐKCB: TN.020193, TN.020194, TN.020195

6760 Khiêm tốn / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 40tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/KH304T
Số ĐKCB: TN.020190, TN.020191, TN.020192

6761 Nhường nhịn / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 40tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/NH561N
Số ĐKCB: TN.020187, TN.020188, TN.020189

6762 Lễ phép / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 40tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/L250P
Số ĐKCB: TN.020184, TN.020185, TN.020186

6763 Chia sẻ / Hà Yên b.s.; Minh họa: Hoài Phương, Xuân Việt. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 40tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/CH301S
Số ĐKCB: TN.020181, TN.020182, TN.020183

6764 Không ganh tị / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 39tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/KH455G
Số ĐKCB: TN.020178, TN.020179, TN.020180

6765 Sạch sẽ / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 40tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/S102S
Số ĐKCB: TN.020175, TN.020176, TN.020177

6766 Tiết kiệm / Hà Yên bs.; Minh họa: Hoài Phương, Bảo Quế. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 40tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách ho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T309K
Số ĐKCB: TN.020172, TN.020173, TN.020174

6767 Chăm chỉ / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên minh họa. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 38tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/CH114C
Số ĐKCB: TN.020169, TN.020170, TN.020171

6768 Tớ là sếp = I'm the boss / Estelle Meens; Võ Hứa Vạn Mỹ d.. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 28tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Học yêu thương từ cuộc sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T460L
Số ĐKCB: TN.020268, TN.020269, TN.020270

6769 Nhìn con đi = What about me? / Catherine Metzmeyer; Tania Wenisch; Võ Hứa Vạn Mỹ d.. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 30tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Học yêu thương từ cuộc sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/NH311C
Số ĐKCB: TN.020265, TN.020266, TN.020267

6770 Điều ước của em = What I want / Estelle Meens; Võ Hứa Vạn Mỹ d.. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 30tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Học yêu thương từ cuộc sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/Đ309Ư
Số ĐKCB: TN.020264, LD.049693, LD.049694, TN.020262, TN.020263

6771 Ngày vô tận của mẹ = Mom's crazy days / Elise Raucy, Estelle Meens; Võ Hứa Vạn Mỹ d.. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 28tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Học yêu thương từ cuộc sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/NG112V
Số ĐKCB: TN.020259, TN.020260, TN.020261

6772 Chúng ta không còn là bạn = We're not friends anymore / Tania Wenisch; Võ Hứa Vạn Mỹ d.. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 30tr. ; 19cm. - (Tủ sách: Học yêu thương từ cuộc sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/CH513T
Số ĐKCB: TN.020256, TN.020257, TN.020258

6773 Từ ngày hôm ấy = Since that day / Colette Nys - Mazure, Estelle Meens; Võ Hứa Vạn Mỹ. - Hà Nội : Trẻ, 2018. - 31tr. ; 19cm. - (Tủ học: Học yêu thương từ cuộc sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/T550N
Số ĐKCB: TN.020253, TN.020254, TN.020255

6774 Bọ tí hon ấn tượng = Magnificent mini bugs : Những loài bọ phá kỷ lục / Matt Turner; Santiago calle minh họa; Đoàn Phạm Thùy Trang d.. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 595.72 23/B400T
Số ĐKCB: TN.020280, TN.020281, TN.020282, LD.049737, LD.049738

6775 Siêu nhện = Super Spiders : Những loài bọ phá kỷ lục / Matt Turner; Santiago calle minh họa; Đoàn Phạm Thùy Trang d.. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 595.44 23/S309N
Số ĐKCB: TN.020279, LD.049682, LD.049683, TN.020277, TN.020278

6776 Côn trùng đáng kinh ngạc = Amazing insects : Những loài bọ phá kỷ lục / Matt Turner; Santiago calle minh họa; Đoàn Phạm Thùy Trang d.. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 595.7 23/C454T
Số ĐKCB: TN.020275, LD.049681, LD.049686, TN.020274, TN.020276

6777 Côn trùng có cánh = Flying insects : Những loài bọ phá kỷ lục / Matt Turner; Santiago calle minh họa; Đoàn Phạm Thùy Trang d.. - Hà Nội : Trẻ, 2020. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 595.73 23/C454T
Số ĐKCB: TN.020273, LD.049684, LD.049685, TN.020271, TN.020272

6778 Địa lí : Mười vạn câu hỏi vì sao / Ngô Thị Thúy Hồng s.t., b.s.. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2019. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910 23/Đ301L
Số ĐKCB: TN.019890, TN.019891

6779 Truyện kể về lòng quan tâm / Quang Lân s.t., t.ch.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 200tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019906, TN.019907, LD.048819, LD.048820, LD.048821, LD.048822, LD.048823, XLD.006679

6780 Giáo dục một số kỹ năng sống cơ bản cho học sinh tiểu học / Khánh Linh b.s.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 164tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019904, LD.048849, LD.048850, LD.048851, LD.048852, LD.048853, TN.019905

6781 Những tấm lòng cao cả / Edmondo De Amicis; Hoàng Thiếu Sơn d.. - Tái bản. - Hà Nội : Văn
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.006927, LD.008928, LD.049020, LD.049021, LD.008096, LD.006729, LD.007204, TN.010079, LD.049019, LD.049022, TN.019902,

6782 500 bài toán cơ bản và nâng cao 5 / Nguyễn Đức Tấn...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia, 2018. - 168tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019900, LD.048489, LD.048490, LD.048491, LD.048492, LD.048493, LD.048529, LD.048530, LD.048531, LD.048532, LD.048533,

6783 500 bài tập toán cơ bản & nâng cao 4 / Võ Thị Hoài Tâm. - Tái bản. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 201/8. - 158tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/N114T
Số ĐKCB: TN.019898, TN.019899

6784 500 bài tập toán cơ bản và nâng cao 3 / Nguyễn Đức Tấn, Nguyễn Đức Hòa, Tạ Toàn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia, 2018. - 144tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048579, LD.048580, LD.048581, LD.048582, LD.048583, TN.019896, TN.019897

6785 500 bài toán cơ bản & nâng cao 4 / Võ, Thị Hoài Tâm. - Tái bản. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai,
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019894, TN.019895, LD.048479, LD.048480, LD.048481, LD.048482, LD.048483

6786 500 bài tập toán cơ bản và nâng cao 1 / Nguyễn Đức Tấn, Nguyễn Đức Hòa, Tạ Toàn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia, 2018. - 120tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019892, TN.019893, LD.048369, LD.048370, LD.048371, LD.048372, LD.048373

6787 Phát triển và nâng cao Toán 5 / Phạm Văn Công. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm, 2018. - 144tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019888, LD.048459, LD.048460, LD.048461, LD.048462, LD.048463, TN.019889

6788 Phát triển và nâng cao Toán 4 / Phạm, Văn Công. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 152tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019887, LD.048569, LD.048570, LD.048571, LD.048572, LD.048573, TN.019886

6789 Phát triển và nâng cao Toán 3 / Pham Văn Công. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm, 2018. - 134tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019885, LD.048539, LD.048540, LD.048541, LD.048542, LD.048543, TN.019884

6790 Phát triển và nâng cao Toán 2 / Phạm, Văn Công. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm, 2019. - 122tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019882, TN.019883, LD.048564, LD.048565, LD.048566, LD.048567, LD.048568

6791 Phát triển tư duy học Toán 5 / Võ Thị Hoài Tâm, Nguyễn Hùng Tân, Nguyễn Thị Thanh Phương. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2019. - 192tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019880, TN.019881, LD.048559, LD.048560, LD.048561, LD.048562, LD.048563

6792 Phát triển tư duy học Toán 4 / Võ Thị Hoài Tâm, Nguyễn Hùng Tân, Nguyễn Thị Thanh Phương. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2019. - 192tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019879, LD.048554, LD.048555, LD.048556, LD.048557, LD.048558, TN.019878

6793 Phát triển tư duy học Toán 2 / Võ Thị Hoài Tâm, Nguyễn Hùng Tân, Nguyễn Thị Thanh Phương. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2019. - 144tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019876, LD.048534, LD.048535, LD.048536, LD.048537, LD.048538, TN.019877

6794 Phát triển tư duy Toán học 2 / Võ Thị Hoài Tâm, Nguyễn Hùng Tân, Nguyễn Thị Thanh Phương. - Tp. Hồ Chí MInh : Tổng hợp, 2019. - 144tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.2 23/PH110T
Số ĐKCB: TN.019874, TN.019875

6795 Phát triển và nâng cao Tiếng việt 5 / Phạm Văn Công, Phạm Kim Chi, Phạm Đức Huy. - Tái bản lần thứ 4. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2019. - 216tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048399, LD.048400, LD.048401, LD.048402, LD.048403, TN.019872, TN.019873

6796 Phát triển và nâng cao Tiếng việt 3 / Pham Văn Công, Phạm Kim Chi, Phạm Đức Huy. - Tái bản lần thứ 2. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2019. - 208tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019870, TN.019871, LD.048544, LD.048545, LD.048546, LD.048547, LD.048548

6797 Phát triển và nâng cao Tiếng việt 2 / Phạm Văn Công, Phạm Kim Chi, Phạm Đức Huy. - Tái bản lần thứ 2. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2019. - 196tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019868, TN.019869, LD.049149, LD.049150, LD.049151, LD.049174

6798 Bình giảng thơ văn lớp 6 / Tạ Đức Hiền (ch.b.)....[và những người khác]. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2019. - 160tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019866, TN.019867, LD.048414, LD.048415, LD.048416, LD.048417, LD.048418

6799 Một ngày vui vẻ / Linh Ngọc s.t.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Nuôi
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019854, TN.019855, LD.048869, LD.048870, LD.048871, LD.048872, LD.048873

6800 Lời xin lỗi chân thành / Linh Ngọc b.s.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách:
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 23/L462X
Số ĐKCB: TN.019860, TN.019861

6801 Hạnh phúc thật sự / Linh Ngọc b.s.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Nuôi
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 23/H107P
Số ĐKCB: TN.019862, TN.019863

6802 Ngọn nến hy vọng / Linh Ngọc s.t.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 23tr. ; 136cm. - (Tủ sách: Nuôi
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/NG430N
Số ĐKCB: TN.019859, LD.049164, LD.049165, LD.049166, TN.019858

6803 Nhiệm vụ bí mật / Linh Ngọc s.t. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. : tranh ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Nuôi dưỡng tâm hồn)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/NH304V
Số ĐKCB: TN.019865, LD.049125, LD.049126, LD.049127, TN.019864

6804 Món quà vô giá / Linh Ngọc s.t. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Nuôi
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/M430Q
Số ĐKCB: TN.019856, TN.019857, LD.049167, LD.049168, LD.049169

6805 Ngọc mẽ của mẹ / Linh Ngọc s.t., t.ch.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 148tr. ; 23cm. - (Tủ sách:
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019853, LD.048364, LD.048365, LD.048366, LD.048367, LD.048368, TN.019852

6806 Người mẹ vĩ đại / Linh Ngọc s.t, t.ch.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. : tranh ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Nuôi dưỡng tâm hồn)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019851, LD.048834, LD.048835, LD.048836, LD.048837, LD.048838, TN.019850

6807 Viên trân châu lấp lánh / Linh Ngọc s.t, t.ch.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Nuôi dưỡng tâm hồn)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019848, LD.048859, LD.048860, LD.048861, LD.048862, LD.048863, TN.019849

6808 Ai là bạn tốt / Linh Ngọc s.t.. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Nuôi dưỡng
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019846, TN.019847, LD.048864, LD.048865, LD.048866, LD.048867, LD.048868

6809 Kỹ năng tạo thói quen tốt cho học sinh tiểu học / Minh Phương. - Hà Nội : Dân trí, 2019. -
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019845, LD.048354, LD.048355, LD.048356, LD.048357, LD.048358, TN.019844

6810 Kỹ năng tự lập cho học sinh tiểu học / Mai Phương, Tố Nga, Ngọc Tâm. - Hà Nội : Dân trí,

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019842, LD.048359, LD.048360, LD.048361, LD.048362, LD.048363, TN.019843

6811 Kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học / Minh Phương. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 72tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019840, TN.019841, LD.048344, LD.048345, LD.048346, LD.048347, LD.048348

6812 Kỹ năng kiềm chế cảm xúc và làm chủ bản thân cho học sinh tiểu học / Minh Phương. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 74tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019839, LD.048349, LD.048350, LD.048351, LD.048352, LD.048353, TN.019838

6813 Kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho học sinh tiểu học / Mai Phương, Tố Nga, Ngọc Tâm. - Hà Nội : Dân trí, 2019. - 106tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.049122, LD.049123, LD.049124, TN.019836, TN.019837, LD.053797, LD.053798

6814 Truyện kể về các nàng công chúa / Vân Anh tuyển chọn. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 192tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/TR527K

Số ĐKCB: TN.019834, TN.019835

6815 Truyện kể về những trái tim nhân hậu / Vân Anh tuyển chọn. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. -

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019833, LD.048839, LD.048840, LD.048841, LD.048842, LD.048843, TN.019832

6816 Truyện kể về các nàng tiên / Vân Anh tuyển chọn. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 208tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048854, LD.048855, LD.048856, LD.048857, LD.048858, TN.019830, TN.019831

6817 Con người và cuộc sống muôn màu / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 120tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599.9 23/C430N

Số ĐKCB: LD.049152, LD.049153, LD.049154, TN.019828, TN.019829

6818 Khoa học thường thức bổ ích / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/KH401H

Số ĐKCB: TN.019827, LD.049140, LD.049141, LD.049142, TN.019826

6819 Thế giới động vật lí thú / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 160tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.019824, TN.019825, LD.049128, LD.049129, LD.049130

6820 Thế giới thực vật diệu kì / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 120tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Bách khoa tri thức học sinh)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048384, LD.048385, LD.048386, LD.048387, LD.048388, TN.019822, TN.019823

6821 Vũ trụ và thế giới kì bí / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 140tr. ; 23cm. - (Tủ sách: Bách khoa tri thức học sinh)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 523.103 23/V500T
Số ĐKCB: TN.019820, TN.019821, LD.049137, LD.049138, LD.049139

6822 Mamma Moo và chú quạ rắc rối : Nhanh lên nào, Mamma moo! / JuJJa Wieslander; Sven Nordqvist minh họa; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2019. - 28tr. : tranh ảnh ; 30cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019787, LD.048311, LD.048312, LD.048313, LD.048314, TN.019786

6823 Mamma Moo và chú quạ rắc rối : Mamma moo bị thương / JuJJa Wieslander; Sven Nordqvist minh họa; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mĩ thuật, 2019. - 28tr. : tranh ảnh ; 30cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048303, LD.048304, LD.048305, LD.048306, TN.019784, TN.019785

6824 Mamma Moo và chú quạ rắc rối : Mamma moo dựng chòi / JuJJa Wieslander; Sven Nordqvist minh họa; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 28tr. : tranh ảnh ; 30cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019782, TN.019783, LD.048307, LD.048308, LD.048309, LD.048310

6825 Nhà của ai cao hơn / Gianna Marino; Cát d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 40tr. : tranh ảnh ; 29cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019780, LD.048315, LD.048316, LD.048317, LD.048318, TN.019781

6826 Chiếc bô bỏ trốn / Đông Mai; Mai vũ tranh; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 36tr. : tranh ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Câu chuyện lớn khôn)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048291, LD.048292, LD.048293, LD.048294, TN.019796, TN.019797

6827 Vị khách lạ háu ăn / Đông Mai; Mai Vũ tranh; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 36tr. : tranh ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Câu chuyện lớn khôn)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019794, TN.019795, LD.048287, LD.048288, LD.048289, LD.048290

6828 Hồng cầu phiêu lưu ký / Đông Mai; Mai Vũ tranh; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 36tr. : tranh ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Câu chuyện lớn khôn)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019792, LD.048283, LD.048284, LD.048285, LD.048286, TN.019793

6829 Chú ắt xì tinh nghịch / Đông Mai; Mai Vũ tranh; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 36tr. : tranh ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Câu chuyện lớn khôn)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019790, TN.019791, LD.048295, LD.048296, LD.048297, LD.048298

6830 Cút đi, yêu quái bốn mắt / Đông Mai; Mai Vũ tranh; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 36tr. : tranh ảnh ; 23cm. - (Tủ sách: Câu chuyện lớn khôn)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019789, LD.048299, LD.048300, LD.048301, LD.048302, TN.019788

6831 Chú bé mũi dài : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019798, LD.048267, LD.048268, LD.048269, LD.048270, TN.019799

6832 Tại sao gà trống gáy : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.24 23/T103S

Số ĐKCB: TN.019800, TN.019801

6833 Sự tích trái vú sữa : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019819, LD.048243, LD.048244, LD.048245, LD.048246, TN.019818

6834 Sự tích mùa xuân : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048255, LD.048256, LD.048257, LD.048258, TN.019816, TN.019817

6835 Cậu bé Tích Chu : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019814, TN.019815, LD.048259, LD.048260, LD.048261, LD.048262

6836 Câu chuyện của Dê con : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019812, LD.048263, LD.048264, LD.048265, LD.048266, TN.019813

6837 Sự tích khoai lang : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019811, LD.048279, LD.048280, LD.048281, LD.048282, TN.019810

6838 Bạn mơi : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B105M

Số ĐKCB: TN.019808, TN.019809

6839 Nhím con kết bạn : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019807, LD.048247, LD.048248, LD.048249, LD.048250, TN.019806

6840 Gà trống kiêu căng : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019803, LD.048275, LD.048276, LD.048277, LD.048278, TN.019802

6841 Vì sao Thỏ cụt đuôi? : Cổ tích trăng non / Minh Anh soạn lời; Ngọc Phương minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 24tr. : tranh ảnh ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019805, LD.048239, LD.048240, LD.048241, LD.048242, TN.019804

6842 10 vạn điều lý thú về động vật - Những loài nguy hiểm / Trác Việt ch.b.;Hương Bình b.s. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2019. - 187tr. : hình vẽ, ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu khu vực phân bố, tập tính sinh hoạt, đặc điểm sinh học ngộ nghĩnh của các loại động vật như hải quỳ, san hô, ốc anh vũ, huệ biển...

Ký hiệu phân loại: 590 23/M558V
Số ĐKCB: TN.019618, TN.019619

6843 10 vạn điều lý thú về động vật - Những loài nguy hiểm / Trác Việt ch.b.;Hương Bình b.s. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2019. - 187tr. : hình vẽ, ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu khu vực phân bố, tập tính sinh hoạt, đặc điểm sinh học ngộ nghĩnh của các loại động vật như hải quỳ, san hô, ốc anh vũ, huệ biển...

Ký hiệu phân loại: 590 23/M558V
Số ĐKCB: TN.019620, TN.019621

6844 10 vạn điều lý thú về động vật - Những loài ngộ nghĩnh / Trác Việt ch.b.;Hương Bình b.s. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2019. - 187tr. : hình vẽ, ảnh ; 21cm

Tóm tắt: Giới thiệu khu vực phân bố, tập tính sinh hoạt, đặc điểm sinh học ngộ nghĩnh của các loại động vật như hải quỳ, san hô, ốc anh vũ, huệ biển...

Ký hiệu phân loại: 590 23/M558V
Số ĐKCB: TN.019616, TN.019617

6845 50 truyện cổ tích hay nhất dành cho thiếu nhi / Vân Anh s.t., t,ch. - Tái bản lần 3. - Hà Nội : Dân trí ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2016. - 283tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.047448, LD.047449, LD.047450, LD.047451, LD.047452, TN.019650, TN.019651

6846 Tai nạn và phòng tránh / Intimate Sister ; Tranh: Thiên Kiều ; Hương Hương dịch. - Hà Nội : Phụ nữ ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2019. - 118tr. : tranh màu ; 19cm. - (Kĩ năng sống cho học sinh)

Tóm tắt: Thông qua những tình huống sinh động và thiết thực, trang bị cho các em học sinh những kỹ năng sống khi gặp động đất, mưa lớn, lở đất, sét đánh, trời lạnh, bão, sóng thần, bão tuyết, lở tuyết, cháy rừng, nắng nóng

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/T103N
Số ĐKCB: TN.019646, TN.019647

6847 Cố lên, tôi ơi! : Những câu chuyện giúp bạn ngày càng thêm mạnh mẽ / B.s.: Thiên Thai, Đăng Thiên. - Hà Nội : Văn học ; Công ty Văn hoá và Truyền thông Liên Việt, 2020. - 173tr. ; 24cm
Tóm tắt: Gồm những câu chuyện mang tính giáo dục, giúp trẻ ngày càng thêm mạnh mẽ, tự tin v

Số ĐKCB: LD.047725, LD.047729, TN.019682, TN.019683, LD.047726, LD.047727, LD.047728

6848 Thách thức khó khăn : Những câu chuyện giúp bạn giành được sự tin phục của tất cả mọi người / B.s.: Thiên Thai, Đăng Thiên. - Hà Nội : Văn học ; Công ty Văn hoá và Truyền thông Liên Việt, 2020. - 165tr. ; 24cm. - (Mình cực siêu)

Tóm tắt: Gồm những câu chuyện mang tính giáo dục, giúp trẻ giành được sự tin phục của tất cả

Số ĐKCB: LD.047733, LD.047734, TN.019680, TN.019681, LD.047730, LD.047731, LD.047732

6849 Tạm biệt nhé, những thói quen xấu! : Những câu chuyện giúp bạn nuôi dưỡng thói quen tốt / B.s.: Thiên Thai, Đăng Thiên. - Hà Nội : Văn học ; Công ty Văn hoá và Truyền thông Liên Việt, 2020. - 182tr. ; 24cm

Tóm tắt: Gồm những câu chuyện mang tính giáo dục, dẫn dắt trẻ nuôi dưỡng những thói quen tốt, những phẩm chất lành mạnh ngay từ nhỏ

Số ĐKCB: LD.047735, LD.047739, TN.019678, TN.019679, LD.047736, LD.047737, LD.047738

6850 Nụ cười mang đến ánh dương : Những câu chuyện giúp bạn có thể hoà đồng với tất cả mọi người / B.s.: Thiên Thai, Đăng Thiên. - Hà Nội : Văn học ; Công ty Văn hoá và Truyền thông Liên Việt, 2020. - 174tr. ; 24cm. - (Mình cực siêu)

Tóm tắt: Gồm những câu chuyện mang tính giáo dục, giúp trẻ hoà đồng với tất cả mọi người xu

Số ĐKCB: LD.047746, LD.047749, TN.019676, TN.019677, LD.047745, LD.047747, LD.047748

6851 Xin cảm ơn! Tôi yêu mọi người! : Những câu chuyện giúp bạn biết yêu thương và biết ơn / B.s: Thiên Thái, Đăng Thiên. - Hà Nội : Văn học ; Công ty Văn hoá và Truyền thông Liên Việt, 2020. - 174tr. ; 24cm

Tóm tắt: Gồm những câu chuyện mang tính giáo dục, giúp trẻ biết yêu thương và biết ơn với tất

Số ĐKCB: LD.047740, LD.047741, LD.047742, TN.019674, TN.019675, LD.047743, LD.047744

6852 Giấc mơ tuổi thơ / Linh Nhi b.s. - Hà Nội : Mỹ thuật Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 112tr. : tranh màu ; 24cm. - (Cổ tích Việt Nam)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209 597 23/GI-119M

Số ĐKCB: TN.019694, TN.019695

6853 Mười vạn câu hỏi vì sao - Y học / Nguyễn Thuỳ Linh s.t., b.s.. - Hà Nội : Thanh niên, 2019. - 175tr. : ảnh, tranh màu ; 23cm

Tóm tắt: Gồm các câu hỏi đáp về y học như: Vì sao não bộ người có thể nhớ được nhiều điều, tim luôn đập không ngừng, không nên xuống giường ngay sau khi vừa thức dậy, vừa đi vừa nói chuyện lại không mệt, người câm có nhất định phải điếc không?...

Số ĐKCB: LD.047824, LD.047825, LD.047826, TN.019688, TN.019689, LD.047823, LD.047827

6854 Mười vạn câu hỏi vì sao - Địa lí / Ngô Thị Thúy Hồng s.t., b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2019. - 160tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.047820, LD.048844, LD.048845, LD.048846, LD.048847, LD.048848, LD.047818, LD.047819, LD.047821, LD.047822, TN.019684,

6855 Mười vạn câu hỏi vì sao - Sinh học / Nguyễn Huy Tuấn. - Hà Nội : Thanh niên, 2019. - 183tr. :

Tóm tắt: Tập hợp nhiều câu hỏi và lời giải đáp về sinh học, gần gũi với cuộc sống thường ngày như: Vì sao con người lại có 4 nhóm máu khác nhau, vì sao các cặp sinh đôi nhìn lại rất giống nhau, nam giới đa số đều cao hơn nữ giới, vì sao dơi sợ nước, vì sao rắ

Số ĐKCB: LD.047830, LD.047831, LD.047832, TN.019686, TN.019687, LD.047828, LD.047829

6856 Hỏi đáp khoa học vui nhộn - Động vật có ngủ mơ không? / Thúy Hương d.; Mijia minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 148tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Tổng hợp các loại câu hỏi, thắc mắc của trẻ em về thế giới xung quanh như ai đã phát minh ra tã giấy? tại sao một năm có nhiều mùa? tại sao chúng ta lại mơ? đâu là bộ phận bẩn nhất trên cơ thể con người? côn trùng có chảy máu không?...

Số ĐKCB: LD.047794, TN.019706, TN.019707, LD.047793, LD.047795, LD.047796, LD.047797

6857 Hỏi đáp khoa học vui nhộn - Tại sao bọ hung thích vê phân? / Thúy Hương d.; Mijia minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 148tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.047799, LD.047801, LD.047802, TN.019704, TN.019705, LD.047798, LD.047800

6858 Hỏi đáp khoa học vui nhộn - Khủng long có thể tái sinh không? / Thúy Hương d.; Mijia minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 148tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Tổng hợp các loại câu hỏi, thắc mắc của trẻ nhỏ về thế giới xung quanh như động vật có biết sinh đẻ có kế hoạch không?, nếu một tỉ người cùng chạy một lúc liệu trái đất có rung chuyển không?, khủng long có thể tái sinh không?...

Số ĐKCB: LD.047788, LD.047789, LD.047790, LD.047791, LD.047792, TN.019702, TN.019703

6859 Hỏi đáp khoa học vui nhộn - Tại sao lốp xe chỉ có màu đen? / Thúy Hương d.; Mijia minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 148tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Tổng hợp các loại câu hỏi, thắc mắc của trẻ nhỏ về thế giới xung quanh như năng tắm rửa có khiến chúng ta sinh bệnh?, nước có trí nhớ không? và cỗ máy thời gian có thể giúp chúng ta vượt thời gian không?

Số ĐKCB: LD.047804, LD.047806, LD.047807, TN.019700, TN.019701, LD.047803, LD.047805

6860 Hỏi đáp khoa học vui nhộn - Kiến có thắng được voi không? / Thúy Hương d.; Mijia minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 148tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Tổng hợp các loại câu hỏi, thắc mắc của trẻ em về thế giới xung quanh như trẻ nhỏ sinh ra trên mặt trăng có được tính là người trái đất?, có phải chuột Lemming biết tự sát tập thể? và trong vũ trụ có bao nhiêu ngôi sao?...

Số ĐKCB: LD.047809, LD.047810, LD.047811, LD.047812, TN.019698, TN.019699, LD.047808

6861 Hỏi đáp khoa học vui nhộn - Ông già noel có thật không? / Thúy Hương d.; Mijia minh họa. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 148tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt: Một mê cung kiến thức rộng lớn nhất, khám phá bí mật của côn trùng cây cỏ, cho đến vũ trụ bao la, giải đáp những câu hỏi "vì sao" tưởng chừng vô lý nhất, đem lại cho bạn những tiếng cười vui vẻ nhất,...

Số ĐKCB: LD.047817, TN.019696, TN.019697, LD.047813, LD.047814, LD.047815, LD.047816

6862 Lớp học vui về cơ thể = It's fun to learn about my body : Song ngữ Anh Việt / Arianne Holden, Hàn Long d.; Fiona Wyeth cố vấn. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : hình ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Giúp bé khám phá và tìm hiểu về chức năng và hoạt động của các bộ phận trên cơ thể n

Số ĐKCB: LD.048127, LD.048129, TN.019778, TN.019779, LD.048125, LD.048126, LD.048128

6863 Lớp học vui về kích thước = It's fun to learn about sizes : Song ngữ Anh Việt / Claire Llewellyn; Hàn Long d.; Naima Browne cố vấn. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : tranh ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Cung cấp cho bé những khái niệm cơ bản về kích thước, các khái niệm khác liên quan toán học như sự phù hợp, lựa chọn, phân loại

Số ĐKCB: LD.048130, LD.048131, LD.048132, TN.019776, TN.019777, LD.048133, LD.048134

6864 Lớp học vui về số học = It's fun to learn about sums : Song ngữ Anh Việt / Claire Llewellyn; Hàn Long d.; Naima Browne cố vấn. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : tranh ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Giới thiệu những khái niệm đơn giản về các phép toán cộng, trừ, nhân, chia; hướng dẫn bé ứng dụng các phép tính toán cơ bản vào trong cuộc sống hằng ngày

Số ĐKCB: LD.048135, LD.048139, TN.019774, TN.019775, LD.048136, LD.048137, LD.048138

6865 Lớp học vui về khoa học = It's fun to learn about science : Song ngữ Anh Việt / Arianne Holden; Hàn Long d.; Naima Browne cố vấn. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : tranh ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Giới thiệu cho bé những khái niệm khoa học cơ bản thông qua những hiện tượng gần gũi diễn ra trong cuộc sống hằng ngày

Số ĐKCB: LD.048140, LD.048141, LD.048142, LD.048143, LD.048144, TN.019772, TN.019773

6866 Lớp học vui về số đếm = It's fun to count and learn : Song ngữ Anh Việt / Arianne Holden; Hàn Long d.; Naima Browne cố vấn. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : tranh ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Giúp bé làm quen với các con số và học cách đếm; bên cạnh đó, hướng dẫn bé cách thức phân chia đồ vật theo từng nhóm đơn giản

Số ĐKCB: LD.048145, LD.048146, LD.048147, LD.048148, LD.048149, TN.019770, TN.019771

6867 Lớp học vui về màu sắc = It's fun to learn about colours : Song ngữ Anh Việt / Arianne Holden; Hàn Long d.; Naima Browne cố vấn. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : tranh ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Giúp bé nhận biết và nhớ tên các màu sắc, phân biệt được màu sắc của các đồ vật xung quanh cũng như các sắc thái khác nhau của cùng một màu, cách thức phối màu để tạo ra những màu mới

Số ĐKCB: LD.048153, LD.048154, TN.019768, TN.019769, LD.048150, LD.048151, LD.048152

6868 Lớp học vui về hình dạng : Song ngữ Anh Việt / Arianne Holden; Naima Browne; Hàn Long d.. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : tranh ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Giới thiệu tên gọi và đặc điểm của những hình dạng khác nhau; hướng dẫn bé quan sát và khám phá các vật thể với phong phú hình dạng xung quanh bé

Số ĐKCB: LD.048160, LD.048161, LD.048162, TN.019766, TN.019767, LD.048163, LD.048164

6869 Lớp học vui về thời gian = It's fun to learn about time : Song ngữ Anh Việt / Arianne Holden; Hàn Long d.; Naima Browne cố vấn. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội, 2019. - 32tr. : tranh ảnh ; 31cm

Tóm tắt: Cung cấp cho bé những kiến thức cơ bản về thời gian và hướng dẫn bé cách xem đồng

Số ĐKCB: LD.048155, LD.048159, TN.019764, TN.019765, LD.048156, LD.048157, LD.048158

6870 Lớp học vui về từ vựng : Song ngữ Anh - Việt / Claire LLewellyn,;Naima Browne cố vấn; Hàn Long d.. - Hà Nội : Bách khoa Hà Nội ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2019. - 31tr. : ảnh, tranh vẽ ; 31cm

Tóm tắt: Cuốn sách bổ sung vốn từ cho trẻ; mỗi hoạt động đều có minh họa cụ thể giúp trẻ hứng

Số ĐKCB: LD.048165, LD.048168, LD.048169, TN.019762, TN.019763, LD.048166, LD.048167

6871 Học toán cùng kiến càng 1 : Học so sánh các số trong phạm vi 10 - Học phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10 / Lê Minh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 31tr. : hình ảnh ; 27cm

Tóm tắt: Giúp trẻ học viết và nhận biết các con số trong phạm vi từ 1 đến 10

Số ĐKCB: LD.048075, LD.048079, TN.019734, TN.019735, LD.048076, LD.048077, LD.048078

6872 Học toán cùng kiến càng 2 : Học so sánh các số trong phạm vi 10 - Học phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10 / Lê Minh. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2015. - 31tr. : hình ảnh ; 27cm

Tóm tắt: Giúp trẻ học viết và nhận biết các con số trong phạm vi từ 1 đến 10

Số ĐKCB: LD.048080, LD.048082, LD.048083, LD.048084, TN.019736, TN.019737, LD.048081

6873 Bảo mẫu nhí nuôi mẹ / Jean Reagan; Lee Wildish minh họa; Uyên Phương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : Tranh vẻ ; 28cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048191, LD.048192, LD.048193, LD.048195, TN.019760, TN.019761, LD.048194

6874 Bảo mẫu nhí chăm bà / Jean Reagan; Lee Wildish minh họa; Uyên Phương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : tranh vẻ ; 28cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048189, LD.048190, TN.019758, TN.019759, LD.048186, LD.048187, LD.048188

6875 Bảo mẫu nhí làm bố bất ngờ / Jean Reagan; Lee Wildish minh họa; Uyên Phương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : tranh vẻ ; 28cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048181, LD.048182, LD.048185, TN.019756, TN.019757, LD.048183, LD.048184

6876 Bảo mẫu nhí trông ông / Jean Reagan; Lee Wildish minh họa; Uyên Phương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : tranh vẻ ; 28cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048177, LD.048178, LD.048179, LD.048180, TN.019754, TN.019755, LD.048176

6877 Giống hệt như anh cả = Just like my Brother / Gianna Marino; Cát d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 40tr. : tranh ảnh ; 29cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048116, LD.048118, TN.019748, TN.019749, LD.048115, LD.048117, LD.048119

6878 Carl và hành trình kì diệu = Carl and the Meaning of Life / Deborah Freedman; Cát: Dịch. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 48tr. : tranh ảnh ; 29cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019746, TN.019747, LD.048120, LD.048121, LD.048122, LD.048123, LD.048124

6879 Động vật có cần đi học không? : Hỏi đáp về cách thức sinh tồn / Steve Parker viết lời; Graham Rosewarne minh họa; d.: Quang Vinh, Thơm Nguyễn. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : tranh vẻ ; 25cm

Tóm tắt: Cung cấp thông tin về thế giới động vật: Sâu bọ, Côn trùng... và cách mà chúng thích nghi với môi trường sống.

Số ĐKCB: LD.048222, LD.048223, LD.048225, TN.019744, TN.019745, LD.048221, LD.048224

Tại sao sâu bọ cắn và đốt? : Hỏi đáp về những nỗi ám ảnh nho nhỏ / Steve Parker viết lời;
6880 Graham Rosewarne minh họa; d.: Quang Vinh, Thơm Nguyễn. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : tranh vẻ ; 25cm

Tóm tắt: Cung cấp thông tin về thế giới động vật: Sâu bọ, Côn trùng... và cách mà chúng thích nghi với môi trường sống.

Số ĐKCB: LD.048216, LD.048217, LD.048218, LD.048219, LD.048220, TN.019742, TN.019743

Động vật có cần che ô không? : Hỏi đáp về thế giới hoang dã / Steve Parker viết lời; Graham
6881 Rosewarne minh họa; d.: Quang Vinh, Thơm Nguyễn. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : tranh vẻ ; 25cm

Tóm tắt: Cung cấp thông tin về thế giới động vật : động vật tiền sử, động vật hoang dã, sâu bọ, côn trùng...và cách thích nghi với môi trường của chúng.

Số ĐKCB: LD.048211, LD.048212, LD.048213, LD.048214, LD.048215, TN.019738, TN.019739

Khủng long có đẻ trứng không? : Hỏi đáp về bò sát thời tiền sử / Steve Parker viết lời; Graham
6882 Rosewarne minh họa; d.: Quang Vinh, Thơm Nguyễn. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 32tr. : tranh vẻ ; 25cm

Tóm tắt: Cung cấp thông tin về Khủng long: Khủng long có đẻ trứng không, khủng long an gì, k

Số ĐKCB: LD.048229, LD.048230, TN.019740, TN.019741, LD.048226, LD.048227, LD.048228

6883 Theo bài hát của cha / Gianna Marino; Cát d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 48tr. : tranh vẽ ; 29cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048203, LD.048204, TN.019712, TN.019713, LD.048201, LD.048202, LD.048205

6884 Gặp mẹ trong trăng / Gianna Marino; Cát d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 40tr. : tranh ; 29cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048197, LD.048199, LD.048200, TN.019710, TN.019711, LD.048196, LD.048198

6885 Bánh của Cua / Andrea Tsurumi; Uyên Phương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 44tr. : tranh ảnh ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048206, LD.048207, LD.048208, LD.048209, LD.048210, TN.019708, TN.019709

6886 Cuộc chiến trong vương quốc răng / Đông Mai truyện; Mai Vũ tranh; Thùy Dương b.d. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 36tr. : tranh vẻ ; 23cm. - (Tủ sách: Câu chuyện lớn khôn)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048049, TN.019658, TN.019659, LD.048050, LD.048051, LD.048052, LD.048053

6887 Giáo dục kỹ năng sống - Lớp 9 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 68tr. : bảng, tranh vẽ ; 24cm. - (Tủ sách: Những kỹ năng giúp con bạn thành công)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D
Số ĐKCB: TN.019672, TN.019673

6888 Giáo dục kỹ năng sống - Lớp 8 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 68tr. : bảng, tranh vẽ ; 24cm. - (Tủ sách: Những kỹ năng giúp con bạn thành công)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D
Số ĐKCB: TN.019670, TN.019671

6889 Giáo dục kỹ năng sống - Lớp 7 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 68tr. : bảng, tranh vẽ ; 24cm. - (Tủ sách: Những kỹ năng giúp con bạn thành công)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D
Số ĐKCB: TN.019668, TN.019669

6890 Giáo dục kỹ năng sống - Lớp 6 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b ...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 68tr. : bảng, tranh vẽ ; 24cm. - (Tủ sách: Những kỹ năng giúp con bạn thành công)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D
Số ĐKCB: TN.019666, TN.019667

6891 Giáo dục kỹ năng sống - Lớp 5 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 68tr. : bảng, tranh vẽ ; 24cm. - (Tủ sách: Những kỹ năng giúp con bạn thành công)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D
Số ĐKCB: TN.019664, TN.019665

6892 Giáo dục kỹ năng sống - Lớp 4 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b... [và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 68tr. : bảng, tranh vẽ ; 24cm. - (Tủ sách: Những kỹ năng giúp con bạn thành công)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D
Số ĐKCB: TN.019662, TN.019663

6893 Giáo dục kỹ năng sống - Lớp 3 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 68tr. : bảng, tranh vẽ ; 24cm. - (Tủ sách: Những kỹ năng giúp con bạn thành công)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D
Số ĐKCB: TN.019660, TN.019661

6894 Đào đường hầm xuyên qua Trái đất : Thiên nhiên / Tin Man b.s.; Thùy Dương b.d.. - Tái bản lần 1. - Hà Nội : Phụ nữ ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2018. - 64tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt: Gồm nhiều câu hỏi khoa học vui, giải đáp hầu hết mọi thắc mắc cho trẻ về những hiện t

Số ĐKCB: LD.048040, LD.048042, LD.048043, TN.019656, TN.019657, LD.048039, LD.048041

6895 Sao cái bóng cứ bám theo tớ? : Đời sống / Tin Man b.s; Minh Thúy b.d.. - Tái bản lần 1. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 64tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048044, LD.048045, LD.048046, LD.048047, LD.048048, TN.019654, TN.019655

6896 Đôi găng tay đen của bố : Cookie và mẹ Tạp Dề / Trịnh Xuân; A Gia minh họa; Tâm Mina d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 86tr. : tranh ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048035, LD.048037, LD.048038, TN.019652, TN.019653, LD.048034, LD.048036

6897 Chuyện kể về các chàng mồ côi / Minh Thư s.t. và g.th.. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 176tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/CH527K
Số ĐKCB: TN.010655, TN.010656, LD.004944, TN.010657

6898 Bé nặn đồ vật / Lý Hồng Ba. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2005. - 27tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009539, TN.009540, TN.009541, TN.009542, TN.009543, LD.004370, LD.004381

6899 Bách khoa thư văn học thiếu nhi Việt Nam / B.s.: Văn Thanh, Nguyên An. - Hà Nội : Từ điển bách khoa. - 24cm. - 75000đ

Bách khoa thư văn học thi Việt Nam / B.s.: Văn Thanh, Nguyên An. - Tp. Hồ Chí Minh, 2003. - 487tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009818, TN.009820, LD.003738, TN.009819, TN.009821, TN.009822

6900 Nghề đạo diễn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 63tr. ; 19cm. - (Tủ sách hướng nghiệp Nhất
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009665, LD.003542, TN.009666, TN.009667, TN.009668, TN.009669

6901 Nghề quay phim. - Hà Nội : Kim Đồng, 2007. - 63tr. ; 19cm. - (Tủ sách hướng nghiệp Nhất
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009660, TN.009661, TN.009662, TN.009663, TN.009664, LD.003496, LD.003590

6902 Quảng cáo để làm gì? / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon; Clotilde perrin minh hoạ; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 64tr. ; 23cm
Tóm tắt: Gồm những câu hỏi, thắc mắc cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài h

Ký hiệu phân loại: 659.1083 23/QU106C
Số ĐKCB: TN.019568, TN.019569

6903 Hiểu tiền rõ, tiêu tiền đúng / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon; Clotilde perrin minh hoạ; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 64tr. ; 23cm

Tóm tắt: Gồm những câu hỏi và thắc mắc về tiền bạc, cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài hước sẽ giúp bạn tiêu tiền hiệu quả hơn

Ký hiệu phân loại: 332.4083 23/H309T
Số ĐKCB: TN.019566, TN.019567

6904 Đẹp ơi chào mi ! / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon; Henri Fellner minh hoạ; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 64tr. ; 23cm
Tóm tắt: Gồm những câu hỏi, thắc mắc, cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài l

Ký hiệu phân loại: 111.85 23/Đ206Ơ
Số ĐKCB: TN.019564, TN.019565

6905 Công lí / Alexia Delrieu, Sophie de Menthon; Clotilde Perrin: minh hoạ; Tuấn Vũ d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 64tr. ; 23cm
Tóm tắt: Gồm những câu hỏi, thắc mắc cùng với những lời giải thích dễ hiểu, sinh động và hài h

Ký hiệu phân loại: 340.114 23/C455L
Số ĐKCB: TN.019562, TN.019563

6906 Tớ tìm hiểu nghề Nhà báo / Khương Nhi lời; Ngọc Duy minh họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T460T
Số ĐKCB: TN.019560, TN.019561

6907 Tớ tìm hiểu nghề luật sư / Thanh lan lời; Ngọc Duy minh họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T460T
Số ĐKCB: TN.019558, TN.019559

6908 Tớ tìm hiểu nghề Kiến trúc sư / Khương Nhi lời; Ngọc Duy minh họa. - Tp. Hồ Chí Minh :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T460T
Số ĐKCB: TN.019556, TN.019557

6909 Linh hoạt như Nguyễn Khuyến : Em cũng có thể linh hoạt như Nguyễn Khuyến vì em là người Việt Nam / Quang Phúc, Bình Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92212 23/D513C
Số ĐKCB: TN.019554, TN.019555

6910 Dũng cảm như Triệu Thị Trinh : Em cũng có thể dũng cảm như Triệu Thị Trinh vì em là người Việt Nam / Quang Phúc, Bình Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7013092 23/D513C
Số ĐKCB: TN.019552, TN.019553

6911 Cao Thắng anh hùng chế súng / Đỗ Biên Thùy tranh và lời. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 23/L600T
Số ĐKCB: TN.019550, TN.019551, TN.022655, TN.022656, TN.022657

6912 Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân / Đỗ Biên Thùy tranh và lời. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 23/L600T
Số ĐKCB: TN.019548, TN.019549

6913 Nguyễn Trung Trực lửa hồng nhật tảo / Đỗ Biên Thùy tranh và lời. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 23/L600T
Số ĐKCB: TN.019546, TN.019547

6914 Những ngôi nhà kết hợp công việc / Gerry Bailey; minh họa: Moreno Chiacchiera, Michelle Todd, Joelle Dreidemy; Thu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 32tr. ; 23cm

Tóm tắt: Cùng khám phá về những công trình kiến trúc vô cùng thú vị và độc đáo như: Nhà trong cối xay gió, sổ tay kiến trúc, cánh quạt, ròng rọc, bên dưới ngọn sóng...

Ký hiệu phân loại: 720 23/NH556N
Số ĐKCB: TN.019542, TN.019543

6915 Những ngôi nhà táo bạo / Gerry Bailey tác giả; minh họa: Moreno Chiacchiera, Michelle Todd, Joelle Dreidemy; Thu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 32tr. ; 23cm

Tóm tắt: Cùng khám phá về những ngôi nhà táo bạo như: Nhà trên cây, phòng ốc bên trong, sổ tay kiến trúc kết cấu, cuộc sống trên những cái cây...

Ký hiệu phân loại: 720 23/NH556N
Số ĐKCB: TN.019540, TN.019541

6916 Qủa cam tội lỗi / Quentin Greban; Xuân Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 28tr. : tranh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/QU-100C
Số ĐKCB: TN.019484, TN.019485

6917 Món quà dành tặng mẹ / Quentin Greban; Xuân Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 28tr. :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/M430Q
Số ĐKCB: TN.019482, TN.019483

6918 Chú khủng long của tôi / Quentin Greban; Xuân Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 28tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L462X
Số ĐKCB: TN.019480, TN.019481

6919 Lời xa tiếng gần / Quentin Greban; Xuân Mai d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 28tr. : tranh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/L462X
Số ĐKCB: TN.019478, TN.019479

6920 Cuộc tranh cãi của giầy dép / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xúc)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/C514T
Số ĐKCB: TN.019476, TN.019477

6921 Cái hố to bí mật / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục trí tưởng tượng cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C103H
Số ĐKCB: TN.019496, TN.019497

6922 Chơi chốn tìm / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Minh Đức m.h.. - Tái bản lần thư 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục trí tưởng tượng cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/CH462T
Số ĐKCB: TN.019494, TN.019495

6923 Người bạn biển / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Minh Đức m.h.. - Tái bản lần thư 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục trí tưởng tượng cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG558B
Số ĐKCB: TN.019492, TN.019493

6924 Con muốn có sao / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Thiên Nhã m.h.. - Tái bản lần thư 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục trí tưởng tượng cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C430M
Số ĐKCB: TN.019490, TN.019491

6925 Con thuyền giấy / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Thiên Nhã m.h.. - Tái bản lần thư 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục trí tưởng tượng cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C430T
Số ĐKCB: TN.019488, TN.019489

6926 Vườn chữ trong công viên / Nguyễn Tấn Thanh Trúc; Thiên Nhã m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 24tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục trí tưởng tượng cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/V560C
Số ĐKCB: TN.019486, TN.019487

6927 Bong bóng xà phòng / Mawn Soffer; Võ Hứa Vạn Mỹ d.; Watchara Thanuwat m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 12tr. : tranh màu ; 19cm. - (Bé khỏe bé ngoan)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B431B
Số ĐKCB: TN.019474, TN.019475

6928 Những ngôi nhà cổ tích : Sổ tay kiến trúc... / Gerry Bailey ; Minh hoạ: Joelle Dreidemy, Karen Radford ; Thu Hiền dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 31tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23cm. - (Tập làm kiến trúc sư)

Tóm tắt: Cùng khám phá về những công trình kiến trúc từ ý tưởng trong các câu chuyện cổ tích vô cùng thú vị và độc đáo như: Lâu đài của vua Ludwig, phòng ốc bên trong, sổ tay kiến trúc kết cấu, vật liệu xây dựng...

Ký hiệu phân loại: 720 23/NH556N
Số ĐKCB: TN.019538, TN.019539

6929 Những toà nhà chọc trời : Sổ tay kiến trúc... / Gerry Bailey ; Minh hoạ: Moreno Chiacchiera... ; Thu Hiền dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2016. - 31tr. : ảnh, tranh vẽ ; 23cm. - (Tập làm kiến trúc sư)

Tóm tắt: Cùng khám phá về những toà nhà chọc trời như: Những căn hộ, các tầng lầu, thuật ngữ kiến trúc, thang máy, thang cuốn, thang bộ, lối thoát hiểm...

Ký hiệu phân loại: 720 23/NH556T
Số ĐKCB: TN.019536, TN.019537

6930 Con sáo hay nói / Hà Yên truyện; Cẩm Nhung tranh. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/C430S
Số ĐKCB: TN.019470, TN.019471

6931 Gấu con bị thương / Hà Yên lời; Trúc Duyên m.h.. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/G125C
Số ĐKCB: TN.019472, TN.019473

6932 Chú người tuyết vui vẽ / Hà Yên truyện; Trúc Duyên tranh. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/CH500N
Số ĐKCB: TN.019468, TN.019469

6933 Bông hoa đào nhỏ kiêu căng / Phùng Thị Tường lời; Cẩm nhung m.h.. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/B455H
Số ĐKCB: TN.019466, TN.019467

6934 Yu Yu bị ốm / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Yu Yu và các bạn)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Y600U
Số ĐKCB: TN.019464, TN.019465

6935 Ngôi nhà của Yu Yu / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG452N
Số ĐKCB: TN.019462, TN.019463

6936 Túi hạt giống thần kỳ / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T510H
Số ĐKCB: TN.019460, TN.019461

6937 Điều kỳ lạ sau cơn mưa / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ309K
Số ĐKCB: TN.019458, TN.019459

6938 Lớp học của cô giáo họa mi / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 16tr. : tranh màu ; 19. - (Mầm non họa mi)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/L466H
Số ĐKCB: TN.019456, TN.019457

6939 Món quà cho Yu Yu / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tái bản lần thứ 1 : Trẻ, 2017. - 16tr. : tranh màu ; 19

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/M430Q
Số ĐKCB: TN.019454, TN.019455

6940 Ăn gì để lớn / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 16tr. : tranh màu ; 19. - (YuYu và các bạn)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Ă115G
Số ĐKCB: TN.019452, TN.019453

6941 Trên xe buýt / Kim Hằng kể; Vẽ : Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 16tr. : tranh màu ; 19. - (YuYu và các bạn)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TR254X
Số ĐKCB: TN.019448, TN.019449

6942 Yêu cây xanh như yêu siêu mèo / Hạnh Nguyên truyện; Tooru tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 16tr. : tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Y606C
Số ĐKCB: TN.019446, TN.019447

6943 Yêu đường phố như siêu mèo / Hạnh Nguyên truyện; Tooru tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 16tr. : tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Y606Đ
Số ĐKCB: TN.019444, TN.019445

6944 Yêu nguồn nước như siêu mèo / Hạnh Nguyên truyện; Tooru tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 16tr. : tranh màu ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Y600N
Số ĐKCB: TN.019442, TN.019443

6945 Cún tập đứng / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C512T
Số ĐKCB: TN.019440, TN.019441

6946 Bé đi cắt tóc / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B200Đ
Số ĐKCB: TN.019438, TN.019439

6947 Bức tranh bí mật / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B552T
Số ĐKCB: TN.019436, TN.019437

6948 Kho báu bất ngờ / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/KH400B
Số ĐKCB: TN.019434, TN.019435

6949 Gấu ơi đừng buồn / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/G125Ơ
Số ĐKCB: TN.019432, TN.019433

6950 Dòng chỉ thêu của mẹ / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/D431C
Số ĐKCB: TN.019430, TN.019431

6951 Điều em yêu thích nhất / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ309E
Số ĐKCB: TN.019428, TN.019429

6952 Bé Vy học màu / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B200V
Số ĐKCB: TN.019426, TN.019427

6953 Qủa bóng đâu rồi / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/QU-501B
Số ĐKCB: TN.019424, TN.019425

6954 Vì sao bé khóc / Nguyễn Tấn Thanh Trúc ; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 23tr. : tranh màu ; 19cm. - (Giúp bé làm chủ cảm xức)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/V300S
Số ĐKCB: TN.019422, TN.019423

6955 Cẩn thận với nước / Quỳnh Anh lời; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn kỹ năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C121T
Số ĐKCB: TN.019420, TN.019421

6956 Đi chơi với lớp / Nghi Nghi lời; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn kỹ năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Đ300C
Số ĐKCB: TN.019418, TN.019419

6957 Đừng thử thách răng / Nghi Nghi lời; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn kỹ năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Đ556T
Số ĐKCB: TN.019416, TN.019417

6958 Trời chợt mưa chợt nắng / Quỳnh Anh lời; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn kỹ năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR462C
Số ĐKCB: TN.019414, TN.019415

6959 Xếp hàng chờ tới lượt / Nguyễn Quỳnh lời; Thanh Xuân m.h.. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn luyện năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/X257H
Số ĐKCB: TN.019412, TN.019413

6960 Nếu lỡ nghịch dại / Nghi Nghi lời; Thanh Xuân m.h.. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn luyện năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/N259L
Số ĐKCB: TN.019408, TN.019409

6961 Khi đi dự tiệc / Nguyễn Quỳnh lời; Thanh Xuân m.h.. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn luyện năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/KH300Đ
Số ĐKCB: TN.019410, TN.019411

6962 Bỗng dưng cúp điện / Nguyễn Quỳnh lời; Thanh Xuân m.h.. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : tranh màu ; 19cm. - (Trẻ rèn luyện năng sống)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B455D
Số ĐKCB: TN.019406, TN.019407

6963 Người bướm / Xuân Lan lời; m.h.: Thanh Xuân, Phan Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : tranh màu ; 20cm. - (Trổ tài thám tử)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG523B
Số ĐKCB: TN.019512, TN.019513

6964 Truy tìm ngựa bay / Xuân Lan lời; m.h.: Thanh Xuân, Phan Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : tranh màu ; 20cm. - (Trổ tài thám tử)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TR523T
Số ĐKCB: TN.019510, TN.019511

6965 Cành hồng bí ẩn / Xuân Lan lời; m.h.: Thanh Xuân, Phan Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : tranh màu ; 20cm. - (Trổ tài thám tử)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C107H
Số ĐKCB: TN.019508, TN.019509

6966 Các trò chơi tư duy sáng tạo cấp độ cao 5 - 7 tuổi : Phát triển não trái - Não phải / Hà Thu Quang; Doãn Nguyễn d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 47tr. : tranh màu ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C101T
Số ĐKCB: TN.019403, TN.019405, TN.019752, TN.019753, TN.019404

6967 Các trò chơi tư duy sáng tạo 3 - 4 tuổi : Phát triển não trái - não phải / Hà Thu Quang; Doãn Nguyên d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 47tr. : tranh màu ; 29cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019388, LD.048173, LD.048174, LD.048175, TN.019389, TN.019390

6968 Các trò chơi suy luận 5 - 7 tuổi : Phát triển não trái - não phải / Hà Thu Quang; Doãn Nguyên d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 47tr. : tranh màu ; 29cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019400, TN.019401, TN.019402, LD.048171, LD.048172, TN.019750, TN.019751, LD.048170

6969 Các trò chơi quan sát và so sánh 4 - 5 tuổi : Phát triển não trái - não phải / Hà Thu Quang; Doãn Nguyên d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 47tr. : tranh màu ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C101T
Số ĐKCB: TN.019394, TN.019395, TN.019396

6970 Các trò chơi ghi nhớ, tưởng tượng và cảm nhận không gian 4 - 5 tuổi : Phát triển não trái - não phải / Hà Thu Quang; Doãn Nguyên d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 47tr. : tranh màu ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C101T
Số ĐKCB: TN.019391, TN.019392, TN.019393

6971 Các trò chơi phân tích và giải thích 5 - 7 tuổi : Phát triển não trái - não phải / Hà Thu Quang; Doãn Nguyên d.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 47tr. : tranh màu ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C101T
Số ĐKCB: TN.019397, TN.019398, TN.019399

6972 Âm thanh kinh hồn / Nick Arnold; Tony De Saulles m.h.; Trịnh Huy Ninh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 169tr. : tranh vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 534 23/Â-120T
Số ĐKCB: TN.019382, TN.019383, TN.019384

6973 Kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho học sinh tiểu học / Mai Hương, Tố Nga, Ngọc Tâm. - Hà Nội : Dân Trí, 2019. - 105tr. : tranh vẽ ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.60834 23/K600N
Số ĐKCB: TN.019385, TN.019386, TN.019387

6974 Kể chuyện trạng Việt Nam / Vũ Ngọc Khánh b.s.. - Tái bản lần thứ 6. - Hà Nội : Văn học,
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.047895, LD.047896, LD.047897, PD.040950, PM.070390, TN.019373, TN.019374, TN.019375

6975 Kể chuyện thần đồng Việt Nam / Nguyễn Phương Bảo An b.s.. - Tái bản lần thứ 5. - Hà Nội : Văn học, 2019. - 272tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019379, LD.047898, LD.047899, LD.047900, PD.040951, PM.070386, TN.019380, TN.019381

6976 Kể chuyện trí thông minh / Nguyễn Phương Bảo An b.s.. - Tái bản lần thứ 5. - Hà Nội : Văn
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/K250C
Số ĐKCB: TN.019376, TN.019377, TN.019378

6977 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Trái cây = English for children - Fruits : Dành cho trẻ dưới 6 tuổi. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 12tr : ảnh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.3 23/B200H
Số ĐKCB: TN.019327, TN.019328, TN.019329

6978 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Màu sắc = English for children - Colours : Dành cho trẻ dưới 6 tuổi. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 12tr : ảnh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.3 23/B200H
Số ĐKCB: TN.019325, TN.019326, TN.019330

6979 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Vật dụng hàng ngày = English for children - Everyday things : Dành cho trẻ dưới 6 tuổi. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 12tr : ảnh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.3 23/B200H
Số ĐKCB: TN.019322, TN.019323, TN.019324

6980 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Bảng chữ cái = English for children - Learning alphabet : Dành cho trẻ dưới 6 tuổi. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 12tr : ảnh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.3 23/B200H
Số ĐKCB: TN.019316, TN.019317, TN.019318

6981 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Rau củ = English for children - Vegetables : Dành cho trẻ dưới 6 tuổi. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 12tr : ảnh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.3 23/B200H
Số ĐKCB: TN.019319, TN.019320, TN.019321

6982 Bé học tiếng Anh qua hình ảnh - Động vật hoang dã = English for children - Wildlife : Dành cho trẻ dưới 6 tuổi. - Tái bản. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 12tr : ảnh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.3 23/B200H
Số ĐKCB: TN.019331, TN.019332, TN.019333

6983 Giáo dục kỹ năng sống lớp 9 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh : Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập
Số ĐKCB: TN.019370, LD.048072, LD.048073, LD.048074, TN.019371, TN.019372

6984 Giáo dục kỹ năng sống lớp 8 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh : Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Số ĐKCB: TN.019367, TN.019369, LD.048069, LD.048070, LD.048071, TN.019368

6985 Giáo dục kỹ năng sống lớp 7 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh : Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Số ĐKCB: TN.019365, LD.048066, LD.048067, LD.048068, TN.019364, TN.019366

6986 Giáo dục kỹ năng sống lớp 6 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh : Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Số ĐKCB: TN.019362, LD.048063, LD.048064, LD.048065, TN.019361, TN.019363

6987 Giáo dục kỹ năng sống lớp 5 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh tiểu học : Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Số ĐKCB: TN.019359, LD.048060, LD.048061, LD.048062, TN.019358, TN.019360

6988 Giáo dục kỹ năng sống lớp 4 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh : Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Số ĐKCB: TN.019356, TN.019357, LD.048057, LD.048058, LD.048059, TN.019355

6989 Giáo dục kỹ năng sống lớp 3 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh : Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Số ĐKCB: TN.019353, LD.048054, LD.048055, LD.048056, TN.019352, TN.019354

6990 Giáo dục kỹ năng sống lớp 2 = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho học sinh: Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D

Số ĐKCB: TN.019349, TN.019350, TN.019351

6991 Giáo dục kỹ năng sống lớp mẫu giáo = Life skills education / Huỳnh Lâm Anh Chương ch.b.. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học sư phạm, 2018. - 67tr. : tranh vẽ ; 24cm. - (Những kỹ năng giúp con bạn thành công)

Tóm tắt: Giới thiệu các kỹ năng sống cho các bé lớp mầm non: Kỹ năng thể hiện sự tự tin, lòng tự trọng, lòng trung thực, hợp tác, tính kỷ luật, tính kiên trì, tự lập

Ký hiệu phân loại: 372.37 23/GI-108D

Số ĐKCB: TN.019346, TN.019347, TN.019348

6992 Tuyển tập bài thơ, bài hát và câu đố hay cho bé / Trà My t.c.. - Hà Nội : Dân Trí, 2017. - 55tr. :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/T527T

Số ĐKCB: TN.019343, TN.019344, TN.019345

6993 800 câu đố thông minh = Tám trăm câu đố thông minh / S.t., b.s.: Nguyễn Đình Chúc, Huệ Nguyễn. - Hà Nội : Văn học, 2014. - 171tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.6 23/T104T

Số ĐKCB: TN.019340, TN.019341, TN.019342

6994 Khéo léo dùng công cụ / Intimate Sister; Thiên Kiều tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 134tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Kĩ năng sống cho học sinh)

Tóm tắt: Thông qua những tình huống sinh động và thiết thực, hướng dẫn các em học sinh sử dụng những công cụ tối cần thiết trong cuộc sống như cách phanh xe đạp an toàn hay cách dừng thang cuốn nhanh khi gặp sự cố hoặc các chỉ dẫn an toàn khi sử dụng các phươ

Số ĐKCB: PD.040751, PM.069144, LD.048001, LD.048002, LD.048003, TN.019644, TN.019645, PD.040198, PM.069145, PM.069977, PM.069978

6995 Khi động vật lên tiếng / Intimate Sister; Thiên Kiều tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 134tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Kĩ năng sống cho học sinh)

Tóm tắt: Thông qua những tình huống sinh động và thiết thực, hướng dẫn các em học sinh hiểu về ngôn ngữ cơ thể động vật để có thể an toàn khi tiếp xúc với chúng

Số ĐKCB: PD.040750, PM.069142, LD.048007, TN.019648, TN.019649, PD.040197, PM.069143, PM.069979, PM.069980, LD.048008, LD.048009

6996 Ăn được hay đừng ăn / Intimate Sister; Thiên Kiều tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 123tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Kĩ năng sống cho học sinh)

Tóm tắt: Thông qua những tình huống sinh động và thiết thực, trang bị cho các em học sinh những kiến thúc về thực phẩm, phòng tránh ngộ độc thức ăn hay nạp vào cơ thể các loại thực phẩm có chứa chất phụ gia có hại cho sức khoẻ lâu dài..

Số ĐKCB: PD.040748, PM.069140, LD.048016, TN.019642, TN.019643, PD.040196, PM.069141, PM.069973, PM.069974, LD.048017, LD.048018

6997 Ứng xử và giao tiếp : Kĩ năng sống cho học sinh / Intimate Sister; Thiên Kiều tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 119tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt: Bằng những câu chuyện ngộ nghĩnh, những tình huống sinh động và thiết thực sẽ giúp trẻ tự tin giao tiếp, ứng xử trong cuộc sống, giúp trẻ tư duy để tự biết nên làm gì và không nên làm gì.

Số ĐKCB: PM.069136, LD.048015, TN.019640, TN.019641, PD.040194, PM.069137, LD.048013, LD.048014

6998 Chơi vui đừng nghịch dại / Intimate Sister; Thiên Kiều tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2019. - 123tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Kĩ năng sống cho học sinh)

Tóm tắt: Thông qua những tình huống sinh động và thiết thực, trang bị cho các em học sinh những kỹ năng đối phó với tình huống chen lấn giẫm đạp, hoả hoạn, các nguy hiểm khi vận động, nguy hiểm trong lớp học hay khi hoạt động tập thể...

Số ĐKCB: PM.069975, PM.069976, LD.048010, LD.048012, TN.019638, TN.019639, PD.040195, PD.040749, PM.069138, PM.069139, LD.048011

6999 Bộ quần áo mới của hoàng đế : Truyện tranh / Tuệ Văn d.. - Hà Nội : Văn học ; Công ty Văn hoá Đinh Tị, 2015. - 24tr. : tranh màu ; 18cm. - (Vườn cổ tích)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.003361, XLD.003362, XLD.003363, TN.021487, TN.021488, TN.021489, XLD.003364, XLD.003365

7000 Nanh trắng / Jack London ; d.: Bảo Hưng, Trung Dũng. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Văn

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.002585, XLD.002586, XLD.002589, TN.020468, TN.020469, TN.020470, TN.020471, TN.020472, TNVN.001774, TNVN.001775,

7001 Lại thằng nhóc Emil! : Truyện dài / Astrid Lindgren ; Vũ Hương Giang dịch ; Minh hoạ: Bjorn Berg. - Hà Nội : Hội Nhà văn, 2008. - 360tr. : tranh vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.002195, XLD.002196, XLD.002197, XLD.002198, XLD.002199, TN.010203, TN.010204, TN.010217

7002 Tình cha / Nguyễn, Hạnh : Trẻ , 2024 - 95tr. ; 19cm

Tóm tắt: Gồm 10 câu chuyện kể về tình cha con nhằm giáo dục đạo đức cho con cái

Số ĐKCB: XLD.000516, XLD.000517, XLD.000518, XLD.000519, XLD.000520, TN.023577

7003 Cáo, Thỏ, Gà trống / Quỳnh Giang kể, Ngọc Dung vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2018. -

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.050613, TN.020804, LD.045993, LD.045994, LD.045995, LD.045996

7004 Gà mái đẻ trứng / Thủy Tú thơ, Thiên Nhã vẽ. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2018. - 16tr. : tranh ; 19 cm. - (Bé tập kể chuyện. Mỗi tuần một câu chuyện)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046013, LD.050611, TN.020802, LD.046014, LD.046015, LD.046016

7005 Chiếc khăn quàng của Hươu nhỏ / Quỳnh Giang kể; Vẽ: Tiểu Vi Thanh, Mỹ Lan. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2018. - 16 tr. : tranh ; 19 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.050618, TN.020805, LD.046113, LD.046114, LD.046115, LD.046116

7006 Chú Dê đen / Quỳnh Giang kể; Thiên Nhã vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2018. - 16 tr. :

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046111, TN.020799, LD.046109, LD.046110, LD.046112, LD.050619

7007 Mèo con đánh răng : Truyện tranh / Quỳnh Giang kể; Ngọc Dung vẽ. - In lần thứ 24. - Tp, Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2018. - 16tr. : tranh vẽ ; 19 cm. - (Bé tập kể chuyện. Mỗi tuần một câu chuyện)

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.050610, TN.020803, LD.046005, LD.046006, LD.046007, LD.046008

7008 Quái thư : Bách khoa toàn thư về tất cả những gì quái dị, kinh khiếp và lạnh sống lưng từ nhền nhện đến xác sống / Julie Winterbottom; Trịnh Huy Ninh d.. - Hà Nội : Trẻ, 2019. - 216tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:

Số ĐKCB: LD.045921, LD.045922, LD.045923, LD.045924, TN.023628

7009 Những câu chuyện về khát vọng và ước mơ : Trẻ , 2022 - 67tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: XLD.002475, XLD.002476, XLD.002477, XLD.002478, XLD.002479, LD.046209, LD.046210, LD.046211, LD.046212, TN.022218, TN.022219,

7010 Những câu chuyện về lòng trung thực : Trẻ , 2022 - 65tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046217, LD.046218, LD.046220, XLD.002495, XLD.002496, XLD.002497, XLD.002498, XLD.002499, LD.046219, TN.022197, TN.022198,

7011 Những câu chuyện về lòng can đảm : Trẻ , 2022 - 88tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046221, LD.046222, XLD.002480, XLD.002481, XLD.002482, XLD.002483, XLD.002484, LD.046223, LD.046224, TN.022239, TN.022240,

7012 Chú Chuột trả ơn / Kể: Quỳnh Giang, Nhật Vi; Thiên Nhã vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2018. - 16tr. : tranh vẽ ; 19 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046108, LD.050616, TN.020796, LD.046105, LD.046106, LD.046107

7013 Dê con nhanh trí / Quỳnh Giang kể; Ngọc Duy vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2018. - 16 tr.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046072, LD.050615, TN.020801, LD.046069, LD.046070, LD.046071

7014 Những câu chuyện về khiêm tốn nhường nhịn : Trẻ , 2022 - 84tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046197, LD.046198, LD.046199, LD.046200, XLD.002470, XLD.002471, XLD.002472, XLD.002473, XLD.002474, TN.022245, TN.022246,

7015 Chuột nhắt lười học / Quỳnh Giang kể, Thiên Nhã vẽ. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2018. - 16 tr. : tranh vẽ ; 18 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.046094, LD.046095, LD.050617, TN.020800, LD.046093, LD.046096

7016 Cơ thể chúng ta một thế giới kỳ thú / Arnold, Nick : Trẻ , 2023 - 159tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045340, LD.045341, LD.045342, LD.045343, TN.022284, TN.022285, TN.022286

7017 Đọc sách điểm sách / Nguyễn Ngọc Sơn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 164tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: LD.045464, LD.045465, LD.045466, LD.045467, TN.023595

7018 Thời kỳ đồ đá hoang dại hơn đá / Deary, Terry : Trẻ , 2023 - 134tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.045384, LD.045385, LD.045386, LD.045387, TN.022293, TN.022294, TN.022295

7019 Sức mạnh chữa lành của sự tử tế : Trẻ , 2018 - 228tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/

Số ĐKCB: LD.045064, LD.045065, LD.045066, LD.045067, TN.023602

7020 Sức mạnh chữa lành của sự tử tế : Trẻ , 2018 - 228tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 158.1/
Số ĐKCB: LD.045064, LD.045065, LD.045066, LD.045067, TN.023602

7021 Sức mạnh chữa lành của sự tử tế : Trẻ , 2018 - 228tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: S552M/
Số ĐKCB: LD.045064, LD.045065, LD.045066, LD.045067, TN.023602

7022 Harry Potter và bảo bối tử thần / J.K. Rowling; d.: Lý Lan, Hương Lan. - Hà Nội, 2007. - tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: LD.044984, LD.044985, LD.044986, LD.044987, TN.009816

7023 La Mã bại xụi / Terry Deary ; Martin Brown m.h. ; Đàm Huy Phát d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 142tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Horrible histories)

Tóm tắt: Khám phá những điều bí ẩn, những sự thật kinh hoàng trong thế giới của người La Mã như: đế chế, con người, cuộc sống sinh hoạt, xã hội...

Ký hiệu phân loại: 305.871 23/L100M
Số ĐKCB: TN.019286, TN.019287

7024 Sự thật kinh hoàng về thời gian / Nick Arnold; Tony de Saulles m.h.; Trịnh Huy Ninh d.. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 156tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Horrible science)

Tóm tắt: Khám phá thời gian, không gian, khám phá những sự thật khủng khiếp ít người biết đến về tốc độ lướt đi của thời gian, về những chuyện sẽ xảy ra nếu ta tiến tới quá gần một lỗ đen và người xưa tưởng tượng ra những gì để giải thích về tháng ngày và các

Ký hiệu phân loại: 529.7 23/S550T
Số ĐKCB: TN.019298, TN.019299

7025 Sinh học có những câu chuyện kỳ diệu! / Phil Gates ; Tony de Saulles m.h.; Khanh Khanh d.. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 156tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Horrible Science)

Tóm tắt: Giới thiệu những câu chuyện khoa học hấp dẫn về nguồn gốc sự sống, những phát minh gây giận dữ, các hoá thạch, khủng long...

Ký hiệu phân loại: 570 23/S312H
Số ĐKCB: TN.019288, TN.019289

7026 Hoá học - Một vụ nổ ầm vang / Nick Arnold ; Tony de Saulles m.h; Khanh Khanh d.. - In lần thứ 10. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 163tr. : tranh ảnh ; 20cm. - (Horrible science)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 23/H401H
Số ĐKCB: TN.019290, TN.019291

7027 Không gian - Các vì sao - Và người ngoài hành tinh / Nick Arnold ; Minh hoạ: Tony de Saulles ; Trịnh Huy Triều d.. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 144tr. : tranh ảnh ; 20cm. - (Horrible science)

Tóm tắt: Cung cấp các thông tin cơ bản về vũ trụ: Ngôi sao kỳ lạ, mặt trời, hành tinh nóng, mặt trăng, quái vật hoả tinh, mộc tinh, thổ tinh...

Ký hiệu phân loại: 523.1 23/KH455G
Số ĐKCB: TN.019296, TN.019297

7028 Người Hy Lạp huyền thoại / Terry Deary ; Minh hoạ: Martin Brown ; Kiều Hoa d.. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 130tr. : minh họa ; 20cm. - (Horrible science)

Tóm tắt: Những câu chuyện, huyền thoại về người Hy Lạp cổ đại và một số điều lý thú về cuộc sống cũng như nền văn hoá cổ xưa của người Hy Lạp

Ký hiệu phân loại: 938 23/NG558H
Số ĐKCB: TN.019294, TN.019295

7029 Người Ai Cập - xác ướp cũng phải choáng voáng / Terry Deary; Peter Hepplewhitie m.h.; Kiều Hoa d.. - In lần thứ 9. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 130tr. : minh họa ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 932 23/NG558A
Số ĐKCB: TN.019292, TN.019293

7030 Thiên hà thật đáng ngạc nhiên / Kjartan Poskitt; Daniel Postgate m.h.; Kiều Hoa d.. - In lần thư 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 160tr. : tranh ảnh ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 523.1 23/TH305H
Số ĐKCB: TN.019280, TN.019281

7031 Tom Gates cự kỳ xuất sắc (trong vài chuyện) / Liz Pichon; Đàm Huy Phát d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 268tr. : tranh ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/T429G
Số ĐKCB: TN.019310, TN.019311

7032 Qùa vặt siêu đặc biệt của Tom Gates / Liz Pichon; Đàm Huy Phát d.. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 236tr. : tranh ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/QU-100V
Số ĐKCB: TN.019312, TN.019313

7033 Thế giới tuyệt vời của Tom Gates / Liz Pichon; Đàm Huy Phát d.. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 252tr. : tranh ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.019314, TN.019315

7034 Tom Gates - Những chuyện kinh ngạc (đại loại thế) / Liz Pichon; Đàm Huy Phát d. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 416tr. : tranh ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/T429G
Số ĐKCB: TN.019308, TN.019309

7035 Tom Gates - Những lý do thuyết phục (và những câu chuyên khác) / Liz Pichon; Đàm Huy Phát d.. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 356tr. : tranh vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/NH556L
Số ĐKCB: TN.019306, TN.019307

7036 Sài gòn của em / Lê Thư tranh; Hoàng Nguyên lời. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 66tr. :
Tóm tắt: Tìm hiểu thêm về lịch sử, địa lý của thành phố Hồ Chí Minh với những khung cảnh thân quen như: đường phố, hẻm, chợ, chung cư và với góc nhìn xuyên thời gian qua các "hoạt động" từ dễ đến khó như: Tìm điểm khác nhau, tìm nhân vật, Sudoku, tập vẽ, sáng

Số ĐKCB: TN.019264, TN.019265, LD.045244, LD.045245, LD.045246, LD.045247

7037 Con thuyền sa mạc : Những câu chuyện thú vị về động vật / Trình Dực Hoa truyện;. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 28cm. - (Tủ sách khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017664, TN.017666, TN.017667, LD.048104, LD.048105, TN.019720, TN.019721, TN.017663, TN.017665, LD.048103

7038 Chúa tể Bắc Cực : Những câu chuyện thú vị về động vật / Trình Dực Hoa truyện; Xiao Bao Mei Studio tranh; Minh Thúy d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017660, TN.017662, LD.048109, LD.048111, TN.019716, TN.019717, TN.017659, TN.017661, LD.048110

7039 Kiến trúc sư đại tài : Những câu chuyện thú vị về động vật / Tiểu Manh truyện; Kỷ Nhân Bình tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017656, LD.048100, LD.048101, LD.048102, TN.019722, TN.019723, TN.017655, TN.017657, TN.017658

7040 Mũi dài tai lớn : Những câu chuyện thú vị về động vật / Trình Dực Hoa truyện; Triệu Quang Vũ tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017651, TN.017653, LD.048092, TN.019728, TN.019729, TN.017652, TN.017654, LD.048091, LD.048093

7041 Nàng thơm không uống nước : Những câu chuyện thú vị về động vật / Hạ Diệp truyện; Menghuan Island tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017647, TN.017650, LD.048106, TN.019718, TN.019719, TN.017648, TN.017649, LD.048107, LD.048108

7042 Nhà vô địch không biết đi : Những câu chuyện thú vị về động vật / Wu Wu truyện ; Xiao Bao Mei Studio tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách Khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017646, LD.048112, LD.048113, TN.019714, TN.019715, TN.017643, TN.017644, TN.017645, LD.048114

7043 Pettson và Findus - Ngày buồn ngắn chẳng tày gang / Sven Nordqvist; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mỹ thuật Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.73 23/P200T
Số ĐKCB: TN.017684, TN.017685, TN.017686, TN.017687

7044 Pettson và Findus - Kế đuổi cáo / Sven Nordqvist; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mỹ thuật Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.73 23/P200T
Số ĐKCB: TN.017688, TN.017689, TN.017690, TN.017691

7045 Pettson và Findus - Findus ra riêng / Sven Nordqvist; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mỹ thuật Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.73 23/P200T
Số ĐKCB: TN.017696, TN.017697, TN.017698, TN.017699

7046 Pettson và Findus - Gáy hoài khổ lắm gáy mãi / Sven Nordqvist; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mỹ thuật Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.73 23/P200T
Số ĐKCB: TN.017692, TN.017693, TN.017694, TN.017695

7047 Pettson và Findus - Findus bé bỏng mất tích / Sven Nordqvist; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 26tr. : tranh màu ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.73 23/P200T
Số ĐKCB: TN.017700, TN.017701, TN.017702, TN.017703

7048 Pettson và Findus - Đại náo vườn rau / Sven Nordqvist; Hương Bergstrom d.. - Hà Nội : Mỹ thuật Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 27tr. ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.73 23/P200T
Số ĐKCB: TN.017704, TN.017705, TN.017706, TN.017707

7049 Ai thông minh nhất : Những câu chuyện thú vị về động vật / Tiểu Minh truyện; Chu Thế Phương tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.048087, TN.019732, TN.019733, TN.017680, TN.017681, TN.017682, TN.017683, LD.048085, LD.048086

7050 Chiếc mũi thám tử : Những câu chuyện thú vị về động vật / Hạ Diệp truyện; Xiao Bao Mei Studio tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017676, LD.048089, LD.048090, TN.019730, TN.019731, TN.017677, TN.017678, TN.017679, LD.048088

7051 Thần sấm trong rừng : Những câu chuyện thú vị về động vật / Duyệt Nhiên truyện; Xiao Bao Mei Studio tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 28tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách Khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017674, LD.048094, LD.048096, TN.019726, TN.019727, TN.017672, TN.017673, TN.017675, LD.048095

7052 Anh bạn chăm tắm : Những câu chuyện thú vị về động vật / Trình Dực Hoa truyện; Dương Lôi tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 27tr. : tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách Khoa học dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017669, TN.017671, LD.048097, TN.019724, TN.019725, TN.017668, TN.017670, LD.048098, LD.048099

7053 Bí kíp gây cười / Thùy Dương b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 123tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellecture development series)
Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/B300K
Số ĐKCB: TN.017606, TN.017608, TN.019626, TN.019627, TN.017607

7054 Phát tán bom cười / Thùy Dương b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 123tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellecture development series)

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/PH110T
Số ĐKCB: TN.017610, TN.017611, TN.019624, TN.019625, TN.017609

7055 Thể thao cho não / Thùy Dương b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 123tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellecture development series)

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/TH250T
Số ĐKCB: TN.017612, TN.017613, TN.017614, TN.019636, TN.019637

7056 Đố vui hại não / Thùy Dương b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 123tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellecture development series)

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/Đ450V
Số ĐKCB: TN.017604, TN.017605, TN.019622, TN.019623, TN.017603

7057 Nâng cấp IQ / Hương Hương b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 123tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellecture development series)

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/N122C
Số ĐKCB: TN.017602, TN.019628, TN.019629, TN.017600, TN.017601

7058 Vô địch hài hước / Đặng Thúy b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hoá Huy Hoàng, 2018. - 128tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellecture development series)

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/V450Đ
Số ĐKCB: TN.017599, TN.019632, TN.019633, TN.017597, TN.017598

7059 Tiếu ngạo giang hồ / Đặng Thúy b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 123tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellectual development series)

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/T309N
Số ĐKCB: TN.017594, TN.017596, TN.019630, TN.019631, TN.017595

7060 Câu đố xoắn não / Thùy Dương b.s.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 128tr. : tranh màu ; 21cm. - (Hỏi đáp nhanh trí = Intellectual development series)

Tóm tắt: Tập hợp những câu đố trí tuệ cùng lời giải đáp hóm hỉnh và bất ngờ, sẽ đem lại cho bạn những tiếng cười bất tận, sảng khoái; từ đó trang bị cho bạn vốn hài hước để bạn có thể trở thành "hạt dẻ cười" ở mọi nơi, mọi lúc

Ký hiệu phân loại: 739.735 23/C125Đ
Số ĐKCB: TN.017593, TN.019634, TN.019635, TN.017591, TN.017592

7061 Toán nâng cao 2 / Huỳnh Quốc Hùng ch.b...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Đại học Quốc gia, 2018. - 108tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/T406N
Số ĐKCB: TN.017635, TN.017636

7062 Thế giới động vật lí thú / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 160tr. : tranh màu ; 23cm. - (Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 030 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.017621, TN.017622, TN.017623

7063 Thế giới thực vật diệu kì / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 119tr. : tranh màu ; 23cm. - (Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 030 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.017615, TN.017616, TN.017617

7064 Con người và cuộc sống muôn màu / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 119tr. ; 23cm. - (Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 030 23/C430N
Số ĐKCB: TN.017627, TN.017628, TN.017629

7065 Vũ trụ và Thế giới kì bí / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 139tr. ; 23cm. - (Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 030 23/V500T
Số ĐKCB: TN.017618, TN.017619, TN.017620

7066 Khoa học thường thức bổ ích / Quang Lân b.s.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 139tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Bách khoa tri thức học sinh)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 030 23/KH401K
Số ĐKCB: TN.017624, TN.017625, TN.017626

7067 Toán nâng cao 3 / Huỳnh Quốc Hùng ch.b....[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Đại học Quốc gia, 2018. - 106tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/T406N
Số ĐKCB: TN.017637, TN.017638

7068 Toán nâng cao 4 / Huỳnh Quốc Hùng...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Đại học Quốc gia, 2018. - 115tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/T406N
Số ĐKCB: TN.017639, TN.017640

7069 Toán nâng cao 5 / Huỳnh Quốc Hùng...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Đại học Quốc gia, 2018. - 115tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/T406N
Số ĐKCB: TN.017641, TN.017642

7070 Toán nâng cao 1 / Tô Hoài Phong, Huỳnh Bảo Châu, Trần Huỳnh Thống. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Đại học Quốc gia, 2018. - 92tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.7 23/T406N
Số ĐKCB: TN.017633, TN.017634

7071 Mười vạn câu hỏi vì sao - Thiên văn học / Nguyễn Tùng Lâm s.t., b.s.. - Cà Mau : Phương Đông, 2018. - 175tr. : hình ảnh ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 520 23/M558V
Số ĐKCB: TN.017630, TN.017631, TN.017632

7072 Sơ đồ tư duy Mind Map - Từ vựng tiếng Anh thông dụng : Dành cho trẻ em từ 3-15 tuổi / Linh Chi d.. - Hà Nội : Nbb. Hà Nội Công ty văn hoá Đinh Tị, 2018. - 160tr. : hình ảnh ; 24cm

Tóm tắt: Gồm các từ vựng tiếng Anh thông dụng dành cho các em nhỏ theo các chủ đề: số đếm, màu sắc, các ngày trong tuần, các tháng, quần áo và phụ kiện, thú cưng, đồ chơi, gia đình, ngôi nhà, vườn, các loại quả, các loại rau...

Ký hiệu phân loại: 428.1 23/S460Đ
Số ĐKCB: TN.017588, TN.017589, TN.017590

7073 Sơ đồ tư duy Mind Map - Các mẫu câu tiếng Anh thông dụng : Dành cho trẻ em tử 3 - 15 tuổi / Linh Chi d.. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội Công ty văn hoá Đinh Tị, 2018. - 80tr. : Hình ảnh ; 23cm

Tóm tắt: Gồm các từ vựng tiếng Anh thông dụng dành cho các em nhỏ theo các chủ đề: số đếm, màu sắc, các ngày trong tuần, các tháng, quần áo và phụ kiện, thú cưng, đồ chơi, gia đình, ngôi nhà, vườn, các loại quả, các loại rau...

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.017585, TN.017586, TN.017587

7074 Thỏ thông minh và bốn mùa / Hạnh Nguyên lời; Ngọc Duy m.h.. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 16tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH400T
Số ĐKCB: TN.017451, TN.017452, TN.017453, TN.017454, TN.017455

7075 Thỏ thông minh và phương tiện giao thông / Quỳnh Anh lời ; Ngọc Duy m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 16tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH400T
Số ĐKCB: TN.017476, TN.017477, TN.017478, TN.017479, TN.017480

7076 Thỏ thông minh và chuyện nắng mưa / Hạnh Nguyên lời; Ngọc Duy m.h.. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 16tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH400T
Số ĐKCB: TN.017486, TN.017487, TN.017488, TN.017489, TN.017490

7077 Câu chuyện phía sau - Giấy / Barbara Somervill; Hà Xuyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 676 23/C125C
Số ĐKCB: TN.017580, TN.017581, TN.017582, TN.017583, TN.017584

7078 Câu chuyện phía sau - Nhà vệ sinh / Elizabeth Raum; Hà Xuyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 628.45 23/C125C
Số ĐKCB: TN.017575, TN.017576, TN.017577, TN.017578, TN.017579

7079 Câu chuyện phía sau - Thời gian / Elizabeth Raum; Hà Xuyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 681.1 23/C125C
Số ĐKCB: TN.017570, TN.017571, TN.017572, TN.017573, TN.017574

7080 Câu chuyện phía sau - Chocolate / Sean Stewart Price; Hà Xuyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 641.3 23/C125C
Số ĐKCB: TN.017565, TN.017566, TN.017567, TN.017568, TN.017569

7081 Câu chuyện phía sau - Bánh mì / Elizabeth Raum, Hà Xuyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 641.302 23/C125C
Số ĐKCB: TN.017560, TN.017561, TN.017562, TN.017563, TN.017564

7082 Một ngày làm lính La Mã : Cẩm nang sinh tồn dành cho các tân binh / Lesley Sims b.s.; Ian McNee m.h.; Lê Thảo d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 80tr. : tranh màu ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 355.00937 23/M458N
Số ĐKCB: TN.017550, TN.017551, TN.017552, TN.017553, TN.017554

7083 Một ngày làm hải tặc : Những kỹ năng mà một tay hải tặc tập sự cần biết / Sam Taplin, Ian Mcnee m.h.; Linh Thư d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 80tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017540, TN.017541, TN.017542, TN.017543, TN.017544, TN.023653

7084 Một ngày làm hiệp sĩ : Mọi điều mà một hiệp sĩ tập sự cần biết / Sam Taplin b.s.; Ian McNee m.h.; Lê Thảo d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 78tr. : tranh màu ; 23cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/M458N

Số ĐKCB: TN.017545, TN.017546, TN.017547, TN.017548, TN.017549

7085 Một ngày làm công chúa : Những bí kíp tuyệt hay để trở thành nàng công chúa đích thực / Susanna Davidson b.s.; m.h.: Mike Gordo, Carl Gordon; Linh Thư d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 80tr. ; 23cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017555, TN.017556, TN.017557, TN.017558, TN.017559, TN.023652

7086 Đừng mở cuốn sách này ra !!! / Andy Lee; Heath Mckenzie m.h.; Lê Nhiều d.. - Hà Nội : Mỹ thuật Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 32tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/Đ550M

Số ĐKCB: TN.017325, TN.017326

7087 Nào cùng trượt mặt phẳng nghiêng : Máy móc thật đơn giản / Gerry Bailey,Felicia Law; Mike Spoor m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 32tr. : tranh màu ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621 23/N108C

Số ĐKCB: TN.017500, TN.017501, TN.017502, TN.017503, TN.017504

7088 Bé học ngữ pháp tiếng Anh - Những thì cơ bản : 5 - 7 tuổi / Fran Bromage; Daniel Rieley m.h.; Song Thu d.. - Hà Nội : Đại học bách khoa, 2017. - 16tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.5 23/B200H

Số ĐKCB: TN.017317, TN.017318

7089 Bé học ngữ pháp tiếng Anh - Động từ : 5 - 7 tuổi / Fran Bromage; Natasha Rimmington m.h.; Song Thu d.. - Hà Nội : Đại học bách khoa, 2017. - 16tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.5 23/B200H

Số ĐKCB: TN.017319, TN.017320

7090 Nào mình cùng kéo ròng rọc : Máy móc thật đơn giản / Gerry Bailey,Felicia Law; Mike Spoor m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 32tr. : tranh màu ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621 23/N108C
Số ĐKCB: TN.017495, TN.017496, TN.017497, TN.017498, TN.017499

7091 Bé học ngữ pháp tiếng Anh - Danh từ : 5 - 7 tuổi / Fran bromage; Amy Husband m.h.; Song Thu d.. - Hà Nội : Đại học bách khoa, 2017. - 16tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.5 23/B200H
Số ĐKCB: TN.017321, TN.017322

7092 Bé học ngữ pháp tiếng Anh - Tính Từ : 5 - 7 tuổi / Fran Bromage; Lucy Fleming m.h.; Song Thu d.. - Hà Nội : Đại học bách khoa, 2017. - 16tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.5 23/B200H
Số ĐKCB: TN.017323, TN.017324

7093 Nào cùng bẩy đòn bẩy : Máy móc thật đơn giản / Gerry Bailey,Felicia Law; Mike Spoor m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 21tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621 23/N108C
Số ĐKCB: TN.017505, TN.017506, TN.017507, TN.017508, TN.017509

7094 Nào cùng tách nêm : Máy móc thật đơn giản / Gerry Bailey,Felicia Law; Mike Spoor m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621 23/N108C
Số ĐKCB: TN.017510, TN.017511, TN.017512, TN.017513, TN.017514

7095 Bố ơi, Đừng sợ / Bạch Băng (truyện); Cher Jiang (tranh); Thanh Tâm (d.). - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 36tr. : tranh màu ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/B450Ơ
Số ĐKCB: TN.017327, TN.017328

7096 Nào cùng lăn bánh xe và trục : Máy móc thật đơn giản / Gerry Bailey,Felicia Law; Mike Spoor m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621 23/N108C
Số ĐKCB: TN.017364, TN.017365, TN.017366, TN.017367, TN.017368

7097 Treo mặt trời / Bạch Băng (truyện); Lý Dung (tranh); Hương Hương (d.). - Hà Nội : Phụ nữ, 2018. - 32tr. : tranh màu ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/TR205M
Số ĐKCB: TN.017306, TN.017307, TN.017308

7098 Nào mình cùng xoay đinh vít : Máy móc thật đơn giản / Gerry Bailey,Felicia Law; Mike Spoor m.h.; Nguyễn Diệu Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 32tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621 23/N108C
Số ĐKCB: TN.017369, TN.017370, TN.017371, TN.017493, TN.017494

7099 Toàn cam là cam / Heath Mckenzie; Lê Nhiều d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 28tr. : tranh màu
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/T406C
Số ĐKCB: TN.017304, TN.017305

7100 Ngủ ngon nào, Cừu con! - bé tập đếm / Lisa Kerr; Lê Nhiều d.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/NG500N
Số ĐKCB: TN.017302, TN.017303

7101 Chim Vàng Anh ca hát : Phỏng theo tác phẩm Chim vàng Anh ca hát / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. ; 20cm. - (Truyện tranh giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/CH310V
Số ĐKCB: TN.017287, TN.017288, TN.017289

7102 Chú gà trống và bé Môi Sứt : Phỏng theo tác phẩm Chú gà trống và bé Môi Sứt / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. ; 20cm. - (Truyện tranh giáo dục kĩ năng sống cho trẻ em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/CH500G
Số ĐKCB: TN.017290, TN.017291, TN.017292

7103 Cá Rô con lên bờ : Phỏng theo tác phẩm Cá Rô con lên bờ / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. ; 20cm. - (Truyện tranh giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C100R
Số ĐKCB: TN.017293, TN.017294, TN.017295

7104 Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí : Phỏng theo tác phẩm Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. ; 20cm. - (Truyện tranh giáo dục kĩ năng sống cho trẻ em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C514P
Số ĐKCB: TN.017296, TN.017297, TN.017298

7105 Cái áo của Thỏ con : Phỏng theo tác phẩm Cái áo của Thỏ con / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. ; 20cm. - (Truyện tranh giáo dục kĩ năng sống cho trẻ em)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C103A
Số ĐKCB: TN.017299, TN.017300, TN.017301

7106 Trống Choai và mặt trời : Phỏng theo tác phẩm Trống Choai và mặt trời / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. : tranh màu ; 20cm. - (Truyện tranh giáo dục kĩ năng cho trẻ em)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TR455C
Số ĐKCB: TN.017278, TN.017279, TN.017280

7107 Mèo con lạc mẹ : Phỏng theo tác phẩm Mèo con lạc mẹ / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. ; 20cm. - (Truyện tranh giáo dục kĩ năng sống cho trẻ em)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/M205C
Số ĐKCB: TN.017275, TN.017276, TN.017277

7108 Chuột con đổi mẹ / Bạch Băng truyện; Cher Jiang tranh; Thanh Tâm d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 37tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/CH519C
Số ĐKCB: TN.017329, TN.017330

7109 Cây ô / Băng Băng truyện; Lý Hồng Chuyên tranh; Hương Hương d.. - Hà Nội : Phụ nữ Công ty văn hóa Huy Hoàng, 2018. - 42tr. : tranh màu ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/C120Ô
Số ĐKCB: TN.017331, TN.017332

7110 Bé Chuối và bác Bồ Kết : Phỏng theo tác phẩm Bé Chuối và bác Bồ Kết / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. : tranh màu ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B250C
Số ĐKCB: TN.017272, TN.017273, TN.017274

7111 Chuột chũi muốn về nhà : Phỏng theo tác phẩm Chuột chũi muốn về nhà / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2018. - 18tr. : tranh màu ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/CH519C
Số ĐKCB: TN.017284, TN.017285, TN.017286

7112 Hai chị em nhà lợn con : Phỏng theo tác phẩm Hai chị em nhà lợn con / Tranh và lời: Thanh Hương, Kim Dung. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 18tr. ; 20cm. - (Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ em)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/H103C
Số ĐKCB: TN.017281, TN.017282, TN.017283

7113 Truyện thơ cho bé 5 / Thanh Hương. - Hà Nội : Dân trí, 2018. - 119tr. : tranh vẽ ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TR527T
Số ĐKCB: TN.017315, TN.017316

7114 Truyện thơ cho bé 4 / Thanh Hương. - Hà Nội : Dân trí, 2018. - 123tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TR527T
Số ĐKCB: TN.017313, TN.017314

7115 Truyện thơ cho bé 3 / Thanh Hương. - Hà Nội : Dân trí, 2018. - 123tr. : hình ảnh ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/TR527T
Số ĐKCB: TN.017311, TN.017312

7116 Cổ tích Việt Nam - Giấc mơ cổ tích / Linh Nhi b.s.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 112tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/C450T
Số ĐKCB: TN.017309, TN.017310

7117 A Cư và những người bạn : Truyện dài thiếu nhi / Nguyễn Thị Khánh Ly. - Hà Nội : Văn học, 2017. - 159 tr. : minh họa ; 20 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/A-100 C
Số ĐKCB: TN.017242, TN.017243

7118 Chiếc tàu hỏa đáng yêu = The little train : Những câu chuyện kể trước khi ngủ. Chiếc gối nhỏ mơ mộng / Cheng Mengmin ; Đặng Thị Kim Hiên d.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2017. - 162 tr. : tranh màu ; 22 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/CH303T
Số ĐKCB: TN.017258, TN.017259

7119 Bước nhảy của chú ếch con = The frog jumping the farthest : Những câu chuyện kể trước khi đi ngủ. Chiếc gối nhỏ / Cheng Mengmin ; Đặng Thị Kim Hiên d.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2017. - 166 tr. : tranh màu ; 22 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/CH303T
Số ĐKCB: TN.017256, TN.017257

7120 Ngôi nhà mới của sâu = The worm's new house : Những chuyện kể trước khi đi ngủ. Chiếc gối nhỏ / Cheng Mengmin ; Đặng Thị Kim Hiên d.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2017. - 168 tr. : tranh màu ; 22 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/NG452N
Số ĐKCB: TN.017254, TN.017255

7121 Bí mật của Gấu Bu Bu = Poo' s best wishes : Những câu chuyện kể trước khi đi ngủ / Cheng Mengmin ; Đặng Thị Kim Hiên d.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2017. - 168 tr. : tranh màu ; 22 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.58 23/CH303T
Số ĐKCB: TN.017252, TN.017253

7122 Chú thỏ dũng cảm = Bunny is awesome : Những câu chuyện kể trước khi đi ngủ. Chiếc gối nhỏ / Cheng Mengmin ; Đặng Thị Kim Hiên d.. - Hà Nội : Văn hoá dân tộc, 2017. - 168 tr. : tranh màu ; 22 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/CH500T
Số ĐKCB: TN.017250, TN.017251

7123 Trạng Lường cân voi : Truyện tranh / Linh Nhi lời; Hoàng Bảo Vân m.h.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - (Cổ tích Việt Nam)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T
Số ĐKCB: TN.017266, TN.017267

7124 Sự tích hoa Cúc trắng : Truyện tranh / Linh Nhi lời; minh họa: Mita, Kitu. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2018. - 20 tr. : tranh vẽ ; 24 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T
Số ĐKCB: TN.017264, TN.017265

7125 Xôn xao trong nắng : Truyện dài thiếu nhi / Nguyễn Thị Khánh Ly. - Hà Nội : Văn học, 2017. - 205 tr. : tranh vẽ ; 20 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/X454X
Số ĐKCB: TN.017240, TN.017241

7126 365 truyện cổ tích Việt Nam / Phúc Hải t.c.. - Ba trăm sáu mươi lăm truyện cổ tích Việt Nam Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 514tr. ; 21 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/B100T
Số ĐKCB: TN.017248, TN.017249

7127 365 truyện cổ tích đặc sắc = Ba trăm sáu mươi lăm truyện cổ tích đặc sắc / Phúc Hải t,ch.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2018. - 514tr. ; 21 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/B100T
Số ĐKCB: TN.017246, TN.017247

7128 Cuộc phiêu lưu của gà ô và quạ khoang : Truyện đồng thoại / Phan Đức Lộc. - Hà Nội : Văn học, 2017. - 172 tr. : tranh vẽ ; 20 cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C514P
Số ĐKCB: TN.017244, TN.017245

7129 Truyện kể về Gương hiếu thảo / Thanh Trúc t.ch. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 156tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 173 23/TR527K
Số ĐKCB: LD.041346, LD.041347, TN.020818, TN.020819, LD.041345

7130 50 câu đố luyện tập não bộ giúp hình thành tư duy khách quan = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp hình thành tư duy khách quan / Charles Phillips; Anh Chiến d.. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 100tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Tư duy đúng cách)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M
Số ĐKCB: TN.017130, TN.017131

7131 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy linh hoạt = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy linh hoạt / Charles Phillips; Hiền Nguyễn d.. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 104tr. : hình ảnh ; 19cm. - (Tư duy đúng cách)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M
Số ĐKCB: TN.017132, TN.017133

7132 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy chiến thuật = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy chiến thuật / Charles Phillips; Phạm Thu Hòa d.. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 100tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Tư duy đúng cách)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M
Số ĐKCB: TN.017110, LD.049226, LD.049227, TN.017111

7133 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy phá cách = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy phá cách / Charles Phillips; Phạm Thu Hòa d.. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 98tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Tư duy đúng cách)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M
Số ĐKCB: TN.017112, TN.017113, PD.041225, PM.070674, PM.070675

7134 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy thị giác = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy thi giác / Charles Phillips; Hiền Nguyễn d.. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 104tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Tư duy đúng cách)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M
Số ĐKCB: TN.017114, TN.017115

7135 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn gợi nhớ tức thì = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn gợi nhớ tức thì The memory challenge / Charles Phillips; Phạm Thu Hòa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 152tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Tư duy đúng cách)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M

Số ĐKCB: TN.017116, TN.017117

7136 Thúc đẩy năng lực tư duy = Brain balance booster : 50 câu đố cân bằng não trái - não phải giúp bạn / Charles Phillips; Phạm Thu Hòa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 104tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Tư duy đúng cách)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/TH506

Số ĐKCB: TN.017118, TN.017119

7137 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy logic = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy logic / Charles Phillips; Hiền Nguyễn d.. - Tái bản lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2016. - 104tr. ; 19cm

Tóm tắt: Tuyển tập 50 câu đố từ dễ đến khó giúp bạn hình thành tư duy logic, phân định những tình huống không rõ ràng, thể hiện sự tự tin dưới mọi áp lực

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M

Số ĐKCB: TN.017124, PD.041226, PM.070676, PM.070677, TN.017125

7138 Thay đổi phương pháp tư duy : 50 câu đố cân bằng não trái - não phải giúp bạn / Charles Phillips; Bùi Nguyên Phương d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 92tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/TH112Đ

Số ĐKCB: TN.017120, TN.017121

7139 phát triển kĩ năng tư duy = Brain balance workout : 50 câu đố cân bằng não trái - não phải giúp bạn / Charles Phillips; Nguyễn Nhã Kha Minh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 100tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/PH110T

Số ĐKCB: TN.017122, TN.017123

7140 Thỏ thông minh và hình vuông hình bầu dục = Smart rabbit with squares and ovals : Sách song ngữ Việt - Anh / Lời : Hạnh Nguyên, Quỳnh Trâm; Ngọc Duy tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 12tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017164, TN.017165, TN.017433, TN.017434, TN.017435, TN.017436, TN.017437, TN.017466, TN.017467, TN.017468, TN.017469,

7141 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy sáng tạo = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy sáng tạo / Charles Phillips; Hiền Nguyễn d.. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 100tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M

Số ĐKCB: TN.017126, TN.017127

7142 50 câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy số học = Năm mươi câu đố luyện tập não bộ giúp bạn hình thành tư duy số học / Charles Phillips; Phạm Thu Hòa d.. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 100tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 153.42 23/N114M

Số ĐKCB: TN.017128, TN.017129, LD.049343, LD.049344

7143 Thỏ thông minh và hình tam giác = Smart rabbit with triangles : Sách song ngữ Việt - Anh / Lời : Hạnh Nguyên, Quỳnh Trâm; Ngọc Duy tranh. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 12tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017156, TN.017157, TN.017418, TN.017419, TN.017420, TN.017421, TN.017422, TN.017461, TN.017462, TN.017463, TN.017464,

7144 Thỏ thông minh và hình chữ nhật = Smart rabbit with rectangles : Sách song ngữ Việt - Anh / Lời : Hạnh Nguyên, Quỳnh Trâm; Ngọc Duy tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 12tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017154, TN.017155, TN.017438, TN.017439, TN.017440, TN.017441, TN.017442, TN.017443, TN.017444, TN.017445, TN.017491,

7145 Thỏ thông minh và một tuần lễ vàng = Smart rabbit with days of the week : Sách song ngữ Việt - Anh / Lời : Hạnh Nguyên, Quỳnh Trâm; Ngọc Duy tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 12tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017158, TN.017159, TN.017428, TN.017429, TN.017430, TN.017431, TN.017432, TN.017481, TN.017482, TN.017483, TN.017484,

7146 Thỏ thông minh và hình tròn = Smart Rabbit with Circles : Sách song ngữ Việt- Anh / Lời: Hạnh Nguyên, Quỳnh Trâm; Ngọc Duy tranh. - Hà Nội. - 12tr. : Tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017162, TN.017163, TN.017446, TN.017447, TN.017448, TN.017449, TN.017450, TN.017471, TN.017472, TN.017473, TN.017474,

7147 Thỏ thông minh và giờ, phút, giây = Smart rabbit with time : Sách song ngữ Việt - Anh / Lời : Hạnh Nguyên, Quỳnh Trâm; Ngọc Duy tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 12tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017160, TN.017161, TN.017423, TN.017424, TN.017425, TN.017426, TN.017427, TN.017456, TN.017457, TN.017458, TN.017459,

7148 Lòng biết ơn = Gratitude / Dani Dipirro; Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 128tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/L431B
Số ĐKCB: TN.017138, TN.017139

7149 Lòng trắc ẩn = Compassion / Dipirro Dani; Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177.7 23/L431T
Số ĐKCB: TN.017136, TN.017137

7150 Phiêu Lưu Miền Núi : Khoa học có giúp ta sống sót trên núi / Law, Felicia; Gerry Bailey; Leighton Noyes m.h.; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : Tranh ảnh ; 23 cm. - (Khoa học cứu mạng)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.41 23/PH309L
Số ĐKCB: TN.017214, TN.017215, TN.019534, TN.019535

7151 Chuột Hin bay cao : Truyện tranh / Truyện: Thanh Tâm ; Tranh: Ngọc Duy. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.042179, TN.019450, TN.019451, LD.042176, LD.042177, LD.042178

7152 Kỹ năng phòng vệ dành cho học sinh / Phạm Thị Thúy, Tuấn Hiển. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 63tr. : hình ảnh ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.017078, TN.017079, XLD.002450, XLD.002451, XLD.002452, XLD.002453, XLD.002454

7153 Kỹ năng di chuyển an toàn dành cho học sinh / Tuấn Hiển. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 23/K600N
Số ĐKCB: TN.017080, TN.017081

7154 Niềm vui học hành / Tessa Phipps; Nguyễn Đăng Khoa d.. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 92tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Cùng bạn trưởng thành)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.30281 23/N304V
Số ĐKCB: TN.017076, TN.017077

7155 Phụ trách sao mai nhi đồng cần biết / Huỳnh Toàn, Thu Hương, Bích Hà. - Tái bản lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 195tr. : hình ảnh ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 371.8 23/PH500T
Số ĐKCB: TN.017060, TN.017061

7156 Sự tha thứ = Forgiveness / Dani Dipirro; Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 128tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/S550T
Số ĐKCB: PM.067977, TN.017134, TN.017135, PD.039225, PM.067976

7157 Phiêu lưu miền bắc cực : Khoa học có giúp chúng ta sống sót ở Bắc cực? / Law, Felicia; Gerry Bailey; Leighton Noyes m.h.; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Hà Nội. - 31tr. ; 23cm. - (Khoa học cứu mạng)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.41 23/PH 309L
Số ĐKCB: TN.017216, TN.017217

7158 Sống trọn vẹn từng khoảng khắc / Dani Dipirro; Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 646.7 23/S455T
Số ĐKCB: TN.017140, TN.017141

7159 Vùng đất bị phù phép / Nguyên Hương; Thanh Xuân m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/V513Đ
Số ĐKCB: TN.017106, TN.017107

7160 Sự tích cầu vòng / Nguyên Hương; Thanh Xuân m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 40tr. : hình ảnh ; 20cm. - (Cổ tích mới)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/V513D
Số ĐKCB: TN.017108, TN.017109

7161 Mr Finney và phía bên kia biển nước = Mr Finnery en de andere kat van het wate / Tác giả: Laurentien Van Oranje, Sieb Posthuma; Ngô Anh Thi d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 97tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.3137 23/M000R
Số ĐKCB: TN.017230, TN.017231

7162 Người anh hùng làng Dóng : Nghiên cứu văn bản và bối cảnh truyền thuyết Thánh Gióng / Cao Huy Đỉnh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 206tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/NG558A
Số ĐKCB: TN.017052, TN.017053

7163 Mr Finney và thế giới đảo ngược / Tác giả: Laurentien Van Oranje, Sieb Posthuma; Ngô Anh Thi d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 98tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.3137 23/M000R
Số ĐKCB: TN.017228, TN.017229

7164 Mr Finney và điều bí ẩn trên cây = Mr Finnery en het raadsel in de bomen / Tác giả: Laurentien Van Oranje, Sieb Posthuma; Ngô Anh Thi d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 40tr. ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.3137 23/M000R
Số ĐKCB: TN.017226, TN.017227

7165 Phiêu lưu trong sa mạc : Khoa học có giúp chúng ta sống sót trong sa mạc / Law Felicia, Gerry Bailey; Leighton Noyes m.h.; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : Tranh ảnh ; 23cm. - (Khoa học cứu mạng)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.41 23/PH0309L
Số ĐKCB: TN.017222, TN.017223

7166 Phiêu lưu trên đại dương : Khoa học có giúp chúng ta sống sót ? / Felicia Law, Gerry Bailey ; Leighton Noyes m.h.; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Khoa học cứu mạng)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.45 23/PH309L
Số ĐKCB: TN.017218, TN.017219

7167 Những câu chuyện dân gian rùng rợn / Megan Kopp; Đoàn Phạm Thùy Trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.017212, TN.017213

7168 Những truyền thuyết thành thị ám ảnh / Tim O'Shei; Đoàn Phạm Thùy Trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 32tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556T
Số ĐKCB: TN.017210, TN.017211

7169 Phiêu lưu trên hoang đảo : Khoa học có giúp chúng ta sống sót trên hoang đảo / Felicia Law, Gerry Bailey; Leighton Noyes; Nguyễn Thị Kim Anh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Khoa học cứu mạng)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.41 23/PH309L
Số ĐKCB: TN.017220, TN.017221

7170 Mình có một ý tưởng / Ko Bi Yamada (lời); Mae Besom (minh họa); Nguyễn Quang Khải d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 36tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M312C
Số ĐKCB: TN.017208, TN.017209

7171 Tha thứ : Trẻ , 2017 - Gieo mầm tính cách. ; 19 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.042291, LD.042292, LD.042293, LD.042294, TN.022341, TN.022342, TN.022343

7172 Ước mơ : Trẻ , 2017 - Gieo mầm tính cách. ; 19 cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.042275, LD.042276, LD.042277, LD.042278, TN.022338, TN.022339, TN.022340

7173 Mình gặp một vấn đề / KoBi Yamada lời; Mae Besom minh họa; Nguyễn Quang Khải d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 36tr. ; 26cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/M312G
Số ĐKCB: TN.017206, TN.017207

7174 Phiêu lưu trong rừng mưa nhiệt đới : Khoa học có giúp chúng ta sống sót trong rừng mưa nhiệt đới? / Felicia Law, Gerry Bailey; Leighton Noyes; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 31tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Khoa học cứu mạng)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.41 23/PH309L
Số ĐKCB: TN.017224, TN.017225

7175 Hoa Kỳ / Michael Hurley; Phạm Anh Tuấn d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 40tr. : hình ảnh ; 26cm. - (Vòng quanh thế giới)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 917,3 23/H401K
Số ĐKCB: TN.017232, TN.017233

7176 Nước Úc / Many Colson; Phạm Anh Tuấn d.. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 40tr. : hình ảnh ; 26cm. - (Vòng quanh thế giới)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 919 23/N557U
Số ĐKCB: TN.017234, TN.017235

7177 Nước Anh / Claire Throp; Phạm Anh Tuấn d.. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 40tr. : hình ảnh ; 26cm. - (Vòng quanh thế giới)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.204 23/N557A
Số ĐKCB: TN.017236, TN.017237

7178 100 trò vui cho cha con chúng mình = Một trăm trò vui cho cha con chúng mình : Thêm trân quý những khoảnh khắc cha con bên nhau : 0 - 10 tuổi / Gilles Diederichs; Lupe m.h.; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 114tr. : hình vẽ ; 21cm. - (Cả nhà bên nhau)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.55 23/M458T
Số ĐKCB: TN.017150, TN.017151

7179 100 trò vui cho con thêm sáng tạo = Một trăm trò vui cho con thêm sáng tạo : 3 - 10 tuổi / Gilles Diederichs, Muriel Dourou; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 110tr. : tranh vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.51 23/M452T
Số ĐKCB: TN.017152, TN.017153

7180 Vì sao cần nắng? / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Bố ơi vì sao? Nói sao cho con hiểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.4 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017202, LD.049497, LD.049498, TN.017203

7181 Câu chuyện mũ bảo hiểm hay tự bảo vệ mình / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Bố ơi vì sao? Nói sao cho con hiểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/C125C
Số ĐKCB: TN.017196, LD.049499, LD.049500, TN.017197

7182 Vì sao phải tập thể dục / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Bố ơi vì sao? Nói sao cho con hiểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.57 23/V300S
Số ĐKCB: TN.017190, LD.049507, LD.049508, TN.017191

7183 Tình yêu là gì? / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Bố ơi vì sao? Nói sao cho con hiểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 23/T312Y
Số ĐKCB: TN.017192, LD.049501, LD.049502, TN.017193

7184 Bác sĩ là bạn của con / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Bố ơi vì sao? Nói sao cho con hiểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/B101S
Số ĐKCB: TN.017182, LD.049509, LD.049510, TN.017183

7185 Vì sao phải đi vệ sinh đúng lúc / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - In lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Bố ơi vì sao? Nói sao cho con hiểu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/V300S
Số ĐKCB: LD.049505, LD.049506, TN.017180, TN.017181

7186 Bé làm gì nếu bị lạc : Nói sao cho con hiểu / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1 23/B200S
Số ĐKCB: TN.017176, TN.017177

7187 Thế nào là nói bậy? / Nguyễn Thụy Anh; Minh Đức m.h.. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Bố ơi vì sao. Nói sao cho con hiểu?)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.64 23/TH250N
Số ĐKCB: TN.017168, TN.017169, LD.049495, LD.049496

7188 Emily Feather và chiếc gương bí ẩn / Holly Webb. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 152tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/E200M
Số ĐKCB: TN.017068, TN.017069

7189 Emily Feather và cánh cửa vào xứ thần tiên / Holly Webb; Nguyễn Thị Kim Anh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 144tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/E200M
Số ĐKCB: TN.017070, TN.017071

7190 San San chân to đi Xốp / Quỳnh Lê; Kim Duẩn m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 146tr. :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/S105S
Số ĐKCB: TN.017148, TN.017149

7191 Nhật ký mèo khôn : Truyện thiếu nhi / Tamara Kriukova; Phan Xuân Loan d.; Nguyễn Tuấn Kiệt h.đ.. - In lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 196tr. : hình vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.735 23/NH124K
Số ĐKCB: TN.017074, TN.017075

7192 Mê cung trong thư viện của ngài Lemoncello = Escape from mrlemoncellos library / Chris Grabenstein; Trần Hạo Triết d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 351tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813.6 23/M250C
Số ĐKCB: TN.017064, TN.017065

7193 Tóc rối đổi kẹo : Truyện thiếu nhi / Thùy Dương; Kim Duẩn m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 206tr. : hình vẽ ; 202cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.92234 23/T419R
Số ĐKCB: TN.017062, TN.017063, TN.023601

7194 Nhật ký chó Fox Mikki : Truyện thiếu nhi / Sasha Chernyi; Phan Xuân Loan d.; Nguyễn Tuấn Kiệt h.đ.; Kim Duẩn m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 122tr. : tranh vẽ ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.74 23/NH124K
Số ĐKCB: TN.017084, TN.017085

7195 Bé Quậy nuôi chó = Wild thing get a dog / Emma Barnes; Jamie Littler m.h.; Trần Huyền Trân d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 172tr. : tranh vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/B200Q
Số ĐKCB: TN.017056, TN.017057

7196 Bé Quậy = Wild thing / Emma Barnes; Jamie Littler m.h.; Trần Huyền Trân d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 162tr. : tranh vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/B200Q
Số ĐKCB: TN.017058, TN.017059

7197 Bé Quậy đi cắm trại = Wild thing goes camping / Emma Barnes; Jamie Littler m.h.; Trần Huyền Trân d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 176tr. : tranh vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.92 23/B200Q
Số ĐKCB: TN.017054, TN.017055

7198 Căn phòng bí ẩn / Lan Hương ; Tooru m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 136tr. : tranh vẽ ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C115P
Số ĐKCB: TN.017072, TN.017073

7199 Lão hát rong ngâm khúc tráng ca / Nguyễn Văn Sáng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 286tr. ; 20cm. - (Tuyển truyện hay dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/L108H
Số ĐKCB: TN.017007, TN.017008, TN.017009

7200 Xóm lò heo / Nguyễn Trí Công. - Tái bản lần thứ nhất. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 171tr. ; 20cm. - (Tuyển truyện hay dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/X429L
Số ĐKCB: TN.017037, TN.017038, TN.017039

7201 Chuyện @ và ... / Trần Đồng Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 184tr. ; 20cm. - (Tuyển truyện hay dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/CH527A
Số ĐKCB: TN.017004, TN.017005, TN.017006

7202 Bắt cướp trên cao nguyên / Lê Châu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 88tr. ; 20cm. - (Tuyển truyện hay dành cho thiếu nhi)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B118C
Số ĐKCB: TN.017040, TN.017041, TN.017042

7203 Vùng biển mất tích / Đào Hiếu. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 128tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/V513B
Số ĐKCB: TN.017046, TN.017047, TN.017048

7204 Cỏ dại / Hồng Thúy. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 90tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/C400D
Số ĐKCB: TN.017043, TN.017044, TN.017045

7205 Phép thử để để thủ phạm hiện hình : Truyện dài / Lê Châu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/PH206T
Số ĐKCB: TN.017034, TN.017035, TN.017036

7206 Huyền thoại mở đất / Trần Huiền Ân. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/H527T
Số ĐKCB: TN.016992, TN.016993, TN.016994

7207 Hoa mai nở đúng giao thừa : Tập truyện ngắn / Hồ Việt Khuê. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/H401M
Số ĐKCB: TN.017025, TN.017026, TN.017027

7208 Nỗi ân hận của cô tiên : Tập truyện ngắn / Trinh Hồ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 114tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/N452Â
Số ĐKCB: TN.017022, TN.017023, TN.017024

7209 Nhành cọ non / Trần Quốc Toàn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 116tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH107C
Số ĐKCB: TN.017019, TN.017020, TN.017021

7210 Bông hồng tò he : Truyện ngắn / Ngô Văn Phú. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 146tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/B455H
Số ĐKCB: TN.017001, TN.017002, TN.017003

7211 Nước mắt muộn màng / Nguyễn Trí Công. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/N557N
Số ĐKCB: TN.017031, TN.017032, TN.017033

7212 Những giấc mơ xanh : Tập truyện ngắn / Nguyễn Công Kiệt. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH556G
Số ĐKCB: TN.016998, TN.016999, TN.017000

7213 Sự tích lông Nhím : Tập truyện đồng thoại / Nguyễn Trí Công. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 100tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/S550T

Số ĐKCB: TN.017028, TN.017029, TN.017030

7214 Miếu âm hồn : Truyện dài / Nguyễn Trí Công. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 137tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/M309Â

Số ĐKCB: TN.016995, TN.016996, TN.016997

7215 Quà tặng của hà bá / Nguyễn Trí Công. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 152tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/QU100T

Số ĐKCB: TN.017016, TN.017017, TN.017018

7216 Quà sinh nhật : Tập truyện ngắn / Nguyễn Thị Thanh Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/QU100S

Số ĐKCB: TN.017013, TN.017014, TN.017015

7217 Ông thầy cũ kỹ : Tập truyện ngắn / Thu Trân. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Ô - 455T

Số ĐKCB: TN.017010, TN.017011, TN.017012

7218 Nhà vàng ngói bạc : Tập truyện ngắn / Ngô Văn Phú. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 152tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.702092 23/NH100V

Số ĐKCB: TN.017049, TN.017050, TN.017051

7219 Người con bên một dòng sông / Huỳnh Thạch Thảo. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013. - 108tr. : hỉnh ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG558C

Số ĐKCB: TN.016989, TN.016990, TN.016991

7220 Quê ngoại / Nguyễn Thị Thanh Bình. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/QU250N

Số ĐKCB: TN.016986, TN.016987, TN.016988

7221 Cười lên nào, Bi - Nô! : Cánh cụt trắng Bi - Nô. 2 - 6 tuổi / Marcel Van Driel; Thùy Dung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2017. - 23tr. : Hình ảnh ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C558L

Số ĐKCB: TN.016980, TN.016981

7222 Bi - Nô và lâu đài tuyết : Cánh cụt trắng Bi - Nô. 2 - 6 tuổi / Marcel Van Driel; Thùy Dung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2017. - 23tr. : Hình ảnh ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/

Số ĐKCB: TN.016982, TN.016983

7223 Bi - Nô và chú gấu bông : Cánh cụt trắng Bi - Nô. 2 - 6 tuổi / Marcel Van Driel; Thùy Dung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2017. - 23tr. : Hình ảnh ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/B300N

Số ĐKCB: TN.016978, TN.016979

7224 Cùng nhau đi dã ngoại / Naokata Mase; Nguyễn Thị Thu d.. - Hà Nội : Lao động, 2017. - 26tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.636 23/C513N

Số ĐKCB: TN.016984, TN.016985

7225 Bà tớ là thế đấy! / Sandrine Beau; Nguyễn Toàn Thắng d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2017. - 31tr. :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843.92 23/B100T

Số ĐKCB: TN.016974, TN.016975

7226 Mẹ tớ là thế đấy! / Sandrine Beau; Nguyễn Toàn Thắng d.. - Hà Nội : Phụ nữ, 2017. - 31tr. :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843.92 23/M200T

Số ĐKCB: TN.016976, TN.016977

7227 Pho tượng rồng vàng / Hoàng Đăng Cấp. - Hà Nội : Phương Đông, 2017. - 169 tr. ; 11cm. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922334 23/PH400T

Số ĐKCB: TN.016967, TN.016968, TN.016969

7228 Lộng lẫy vàng son / Phạm quang Vinh. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.004000, TN.003994, TN.003995, TN.003996, TN.003997, TN.003998, TN.003999, TN.004001, TN.004002, TN.004003

7229 Tiên cảnh ở trần gian. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.003984, TN.003985, TN.003986, TN.003987, TN.003988, TN.003989, TN.003990, TN.003991, TN.003992, TN.003993

7230 Sinh hoạt xưa qua nét khắc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.003980, TN.003974, TN.003975, TN.003977, TN.003978, TN.003979, TN.003981, TN.003982, TN.003983, TN.003976

7231 To như cái đình. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T400N

Số ĐKCB: TN.003969, TN.003970, TN.003971, TN.003972, TN.003973

7232 Người Việt duyên xinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558V
Số ĐKCB: TN.003965, TN.003966, TN.003967, TN.003968, TN.003964

7233 Sắc màu mùa xuân : Nghệ thuật VIệt Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S113M
Số ĐKCB: TN.003959, TN.003961, TN.003962, TN.003963, TN.003960

7234 Chuyện kể về Bác Hồ. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.003954, TN.003955, TN.003956, TN.003957, TN.003958

7235 Nô ben. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.8 14/N450B
Số ĐKCB: TN.003953, TN.003950, TN.003951, TN.003952, TN.003949

7236 Bóng đá / Hugh, Hornby. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Bóng đá / Hugh, Hornby. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796.7334 14/B431Đ
Số ĐKCB: TN.003945, TN.003947, TN.003948

7237 Bóng đá / Hugh, Hornby. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Bóng đá / Hugh, Hornby. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796.7334 14/B431Đ
Số ĐKCB: TN.003939, TN.003940, TN.003942, TN.003943

7238 Thần thoại / Neil Philip. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Thần thoại / Neil Philip. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 201 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.003934, TN.003935, TN.003936, TN.003937, TN.003938

7239 Thần thoại / Neil Philip. - Hà Nội : [?], 2002. - 2 tập ; cm
Thần thoại / Neil Philip. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 201 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.003929, TN.003930, TN.003931, TN.003932, TN.003933

Thần thoại / Neil Philip. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - tr. ; cm
7240 T.1: Thần thoại/ Philip, Neil.- Hà Nội,[?],2002.- tr.
T.2: Thần thoại/ Philip, Neil.- 2002,Hà Nội,[?].- tr.
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 201 14/TH121T
Số ĐKCB: TN.005591, TN.005592, TN.005593

7241 Nông nghiệp / Ned Halley. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Nông nghiệp / Ned Halley. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 338.1 14/N455N
Số ĐKCB: TN.003924, TN.003925, TN.003926, TN.003927, TN.003928

7242 Niu Tơn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/N315T
Số ĐKCB: TN.003915, TN.003916, TN.003914, TN.003917, TN.003918

7243 A - Ri - Xtốt và tư duy khoa học. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 100 14/A - 100R
Số ĐKCB: TN.003911, TN.003912, TN.003913

7244 Truyện mới về Trư Bát Giới. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/TR527M
Số ĐKCB: TN.002036, TN.002037, TN.002038, TN.002039, TN.002040

7245 Ê Đi Xơn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 608.773 14/Ê- 250Đ
Số ĐKCB: TN.003900, TN.003901, TN.003902, TN.003903, TN.003899

7246 Đứa cháu của nhà phù thủy / S. Lewisc. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/Đ551C
Số ĐKCB: TN.003894, TN.003895, TN.003896, TN.003897, TN.003898

7247 Bọn trẻ nơi ngọn hải đăng / V. Rhuys. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/B430T
Số ĐKCB: TN.003889, TN.003890, TN.003891, TN.003892, TN.003893

7248 Nữ chủ soái / Trần Minh Châu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/N550C
Số ĐKCB: TN.003884, TN.003887, TN.003888, TN.003885, TN.003886

7249 Đầu Lĩnh dốc cây sung / Nguyễn Quỳnh. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ125L
Số ĐKCB: TN.003879, TN.003880, TN.003881, TN.003882, TN.003883

7250 Một cõi ấu thơ / Nguyễn Minh Ngọc. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458C
Số ĐKCB: TN.003874, TN.003875, TN.003876, TN.003877, TN.003878

7251 Lời nguyện cầu của cô gái nhỏ / Nguyễn Hữu Ái. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L462N
Số ĐKCB: TN.003869, TN.003871, TN.003873, TN.003870, TN.003872

7252 Chuyên án cuối năm / Đào Hữu Phương. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527A
Số ĐKCB: TN.003864, TN.003865, TN.003866, TN.003867, TN.003868

7253 Chị tôi / Nguyễn Trọng Huân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH300T
Số ĐKCB: TN.003859, TN.003862, TN.003863, TN.003860, TN.003861

7254 Cổ tích mới / Cao Linh Quân. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450T
Số ĐKCB: TN.003854, TN.003856, TN.003858, TN.003855, TN.003857

7255 Thoát hiểm / Cao Tiến Lê. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH411H
Số ĐKCB: TN.003849, TN.003850, TN.003851, TN.003852, TN.003853

7256 Quà tặng cho người máy / Đoàn Phú Huy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/QU100T
Số ĐKCB: TN.003844, TN.003845, TN.003846, TN.003847, TN.003848

7257 Thông gia với trời / Đức Hùng s.t., b.s.. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 2000. - 142tr. ; 19cm. - (Truyện cổ các dân tộc)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TH455C
Số ĐKCB: TN.002031, TN.002032, TN.002034, TN.002035

7258 Lời ru của mẹ : Truyện Hàn Quốc dành cho học sinh tiểu học và phổ thông cơ sở / Chô Hiên Sul; Đồng Thị Chúc d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2000. - 78tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.735 14/L462R
Số ĐKCB: TN.002026, TN.002027, TN.002028, TN.002029, TN.002030

7259 Người ấy : Truyện thiếu nhi / Thái Chí Thanh. - Hà Nội : Văn học, 2000. - 250tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NG558Â
Số ĐKCB: TN.002022, TN.002023, TN.002024, TN.002025

7260 Nhẹ như làn khói / Nguyễn Hoàng Phương. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH200N
Số ĐKCB: TN.003839, TN.003840, TN.003841, TN.003842, TN.003843

7261 Nhà có cửa sổ tròn / Thu Trân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH100C
Số ĐKCB: TN.003835, TN.003837, TN.003838, TN.003834, TN.003836

7262 Cô gái tóc dài. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C450G
Số ĐKCB: TN.002016, TN.002017

7263 Bên kia sông có người bạn gái / Lê Hoài Nam. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B254Đ
Số ĐKCB: TN.003829, TN.003830, TN.003831, TN.003832, TN.003833

7264 Mèo con quí tộc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/M205C
Số ĐKCB: TN.002014, TN.002015

7265 Bánh trưng bánh dày. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 20tr. : tranh vẽ ; 15cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/B107T
Số ĐKCB: TN.002012, TN.002013

7266 Đứa bé mất cha / Phan Thị Thanh Nhàn. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ551B
Số ĐKCB: TN.003824, TN.003825, TN.003826, TN.003827, TN.003828

7267 Nàng tiên cá. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/N106T
Số ĐKCB: TN.002010, TN.002011

7268 Cuộc hành trình của bép / Trần Thành. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514H
Số ĐKCB: TN.003821, TN.003822, TN.003823, TN.003819, TN.003820

7269 Hương cỏ mật / Bùi Văn Lam. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H561C
Số ĐKCB: TN.003814, TN.003815, TN.003816, TN.003817, TN.003818

7270 Hương cây mối tình của tôi / Văn Hồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H561C
Số ĐKCB: TN.003809, TN.003812, TN.003813, TN.003811, TN.003810

7271 Công chúa hạt đậu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C455C
Số ĐKCB: TN.002006, TN.002007

7272 Công chúa thủy cung. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C455C
Số ĐKCB: TN.002004, TN.002005

7273 Kẹo kéo / Tạ Duy Anh. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/K205K
Số ĐKCB: TN.003804, TN.003805, TN.003806, TN.003807, TN.003808

7274 Mèo cứu chủ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/M205C
Số ĐKCB: TN.002002, TN.002003

7275 Trăng trên áo / Mãng Đường Hồng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TR116T
Số ĐKCB: TN.003800, TN.003801, TN.003803, TN.003799, TN.003802

7276 Những chuyện kể xinh xinh / Beatrix Potter. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.003798, TN.003794, TN.003795, TN.003796, TN.003797

7277 Chuyện không thể không ghi / Lưu Thị Lương. - Hà Nội : Kim đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.003789, TN.003790, TN.003791, TN.003792, TN.003793

7278 Bác Hồ cây đại thọ. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704 14/B101H
Số ĐKCB: TN.003784, TN.003785, TN.003786, TN.003787, TN.003788

7279 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T
Số ĐKCB: TN.003779, TN.003780, TN.003781, TN.003782, TN.003783

7280 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T
Số ĐKCB: TN.003774, TN.003775, TN.003776, TN.003777, TN.003778

7281 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T
Số ĐKCB: TN.003769, TN.003770, TN.003771, TN.003772, TN.003773

7282 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T
Số ĐKCB: TN.003764, TN.003765, TN.003766, TN.003767, TN.003768

7283 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003759, TN.003760, TN.003761, TN.003762, TN.003763

7284 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003754, TN.003755, TN.003756, TN.003757, TN.003758

7285 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003749, TN.003750, TN.003751, TN.003752, TN.003753

7286 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003744, TN.003745, TN.003746, TN.003748

7287 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003740, TN.003741, TN.003742, TN.003743

7288 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003734, TN.003735, TN.003736, TN.003737, TN.003738

7289 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003729, TN.003730, TN.003731, TN.003732, TN.003733

7290 Kiến thức thể thao. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 796 14/K305T

Số ĐKCB: TN.003724, TN.003725, TN.003726, TN.003727, TN.003728

7291 Sơn tinh thủy tinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S464T

Số ĐKCB: TN.001990, TN.001991

7292 Cây đàn thần. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398,2 14/C126Đ

Số ĐKCB: TN.001988, TN.001989

7293 Bí ẩn vũ trụ. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.2 14/B300Â
Số ĐKCB: TN.003719, TN.003720, TN.003722, TN.003723

7294 Công chúa và hạt đậu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C455C
Số ĐKCB: TN.001984, TN.001985

7295 Những người sống vì mọi người. - Hà Nội : Kim đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 362.9597 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.003714, TN.003715, TN.003716, TN.003717, TN.003718

7296 Lạc vào xứ thần tiên. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/L101V
Số ĐKCB: TN.001982, TN.001983

7297 Hai anh em và mụ phù thủy. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/H103A
Số ĐKCB: TN.001980, TN.001981

7298 Cung thủ xứ tuyết / James Houstoni. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813 14/C513T
Số ĐKCB: TN.003709, TN.003710, TN.003711, TN.003712, TN.003713

7299 Chuyện từ ngày ấy / Nguyễn Thị Kiều Loan. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.003704, TN.003705, TN.003706, TN.003707, TN.003708

7300 Dũng sĩ và giai nhân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/D513S
Số ĐKCB: TN.001978, TN.001979

7301 Mùa sim chín / Nguyễn Đức Hiền. - Hà Nội : Kim đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M501S
Số ĐKCB: TN.003699, TN.003700, TN.003701, TN.003702, TN.003703

7302 An cô giết quỷ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/A105C
Số ĐKCB: TN.001976, TN.001977

7303 Bác sĩ vui tính trả lời / Lã Vĩnh Quyên. - Hà Nội : Kim đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 610 14/B101S
Số ĐKCB: TN.003694, TN.003695, TN.003696, TN.003697, TN.003698

7304 Thằng bé nói dối. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TH116B
Số ĐKCB: TN.001974, TN.001975

7305 Con cà cuống màu lá mạ / Nguyễn Quang Thân. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.003689, TN.003690, TN.003693

7306 Màu hoa trắng / Nguyễn Một. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M111H
Số ĐKCB: TN.003684, TN.003685, TN.003686, TN.003687, TN.003688

7307 Cây bút thần. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C112B
Số ĐKCB: TN.001972, TN.001973

7308 Chuyện mục đồng vương. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/CH527M
Số ĐKCB: TN.003682, TN.003680, TN.003679, TN.003681, TN.003683

7309 Cuộc phiêu lưu trên nước lũ / Y Ban. - Hà Nội : Kim đồng, 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514P
Số ĐKCB: TN.003674, TN.003675, TN.003676, TN.003677, TN.003678

7310 Vượt biển trinh sát / Tô Sanh. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V563B
Số ĐKCB: TN.003669, TN.003670, TN.003671, TN.003672, TN.003673

7311 Giai nhân và hoa hồng. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 2000. - 153tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/GI-103N
Số ĐKCB: TN.001970, TN.001971

7312 Biển khơi : Thử tài tìm kiếm / Kate Needham; Ian Jackson minh họa; Thanh Loan b.d. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 32tr. ; 31cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.2 23/B305K
Số ĐKCB: TN.016933, TN.016934

7313 Động vật : Thử tài tìm kiếm / Caroline Young; Ian Jackson minh họa; Thanh Loan b.d. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 48tr. ; 31cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.2 23/Đ455V
Số ĐKCB: TN.016943, TN.016944

7314 Thế giới : Thử tài tìm kiếm / Kamini Khanduri; David Hancock minh họa; Thanh Loan b.d. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 48tr. ; 31cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.2 23/TH250G
Số ĐKCB: TN.016935, TN.016936

7315 Thành phố : Thử tài tìm kiếm / Rosie Heywood; David Hancock minh họa; Thanh Loan b.d; Russell Punter thiết kế. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 32tr. ; 31cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.2 23/TH107P
Số ĐKCB: TN.016937, TN.016938

7316 Lịch sử : Thử tài tìm kiếm / Kamini Khanduri; David Hancock minh họa; Thanh Loan b.d; Lan Cleaver thiết kế; Anne Millard cố vấn lịch sử. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 48tr. ; 31cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.2 23/L302S
Số ĐKCB: TN.016939, TN.016940

7317 Khủng long : Thử tài tìm kiếm / Rosie Heywood ; minh họa: Studio Galante, Inklink Firenze; Thanh Loan b.d; Mary Cartwright thiết kế; David Norman cố vấn khoa học. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 32tr. ; 31cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.2 23/KH513L
Số ĐKCB: TN.016941, TN.016942

7318 Sở trường của chúng tớ : Cuộc sống diệu kỳ qua những vần thơ / d.: Tân Mỹ, Lê Hiền. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 12tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.715 23/S460T
Số ĐKCB: TN.016918, TN.016919

7319 Những món ăn ngon : Cuộc sống diệu kỳ qua những vần thơ / d.: Tân Mỹ, Lê Hiền. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 12tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.715 23/
Số ĐKCB: TN.016920, TN.016921

7320 Những người bạn đáng yêu : Cuộc sống diệu kỳ qua những vần thơ / d.: Tân Mỹ, Lê Hiền. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2017. - 12tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.715 23/C514SS
Số ĐKCB: TN.016922, TN.016923

7321 Giọng nói đặc trưng : Cuộc sống diệu kỳ qua những vần thơ / d.: Tân Mỹ, Lê Hiền. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 12tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.715 23/C514S
Số ĐKCB: TN.016924, TN.016925

7322 Cùng chơi trốn tìm : Cuộc sống diệu kỳ qua những vần thơ / d.: Tân Mỹ, Lê Hiền. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.715 23/C514S
Số ĐKCB: TN.016926, TN.016927

7323 Nơi ở thân quen : Cuộc sống diệu kỳ qua những vần thơ / d.: Tân Mỹ, Lê Hiền. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2017. - 12tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.715 23/C514S
Số ĐKCB: TN.016928, TN.016929

7324 Lời nhắn nhủ của mẹ / Bùi Sao. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 88tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.9 23/L428N
Số ĐKCB: TN.016930, TN.016931, TN.016932

7325 Bí đỏ và... / Quế Hương. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B300Đ
Số ĐKCB: TN.003659, TN.003660, TN.003661, TN.003662, TN.003663

7326 Cây tóc tiên. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C126T
Số ĐKCB: TN.003654, TN.003655, TN.003656, TN.003657, TN.003658

7327 Hai đứa trẻ và con chó mèo xóm núi / Nguyễn Xuân Khánh. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H103Đ
Số ĐKCB: TN.003649, TN.003650, TN.003651, TN.003652, TN.003653

7328 Ngôi sao mất tích / Thụy Ngọc. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.003644, TN.003645, TN.003646, TN.003647, TN.003648

7329 Con chim thần. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 16tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C430C
Số ĐKCB: TN.001968, TN.001969

7330 Cô bé choàng khăn đỏ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 12tr. : tranh vẽ ; 28cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B
Số ĐKCB: TN.001966, TN.001967

7331 Thành phố diệu kỳ. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107P
Số ĐKCB: TN.003639, TN.003640, TN.003641, TN.003642, TN.003643

7332 Hoa cúc vàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/H401C
Số ĐKCB: TN.001964, TN.001965

7333 Nàng tiên nhân ái. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/N106T
Số ĐKCB: TN.001962, TN.001963

7334 Tấm cám : Truyện tranh / Tranh: Mai Long; Hồng Hà b.s. - Hà Nội : Kim Đồng, 2019. - 32 tr. : tranh màu ; 19cm. - (Bé tập kể chuyện. Mỗi tuần một câu chuyện)
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001960, XLD.001266, XLD.001267, XLD.001268, XLD.001269, XLD.001270, TN.001961

7335 Những chú chó đốm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NH556C
Số ĐKCB: TN.001958, TN.001959

7336 yêu của bố mẹ nuôi đã sinh ra chúng mình một lần nữa: 0Tình yêu thương chính là điều tuyệt vời nhất trong mọi gia đình / Dr Catherine Dolto, Colline Faure - Poirée; Frédérick Mansot m.h; Hoàng Anh d.. - Hà Nội : Công ty cổ phần Truyền Thông Dân trí, 2017. - 23tr. ; 17cm. - (Tủ sách giáo dục - Tâm lí trẻ em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 155.41 23/T561L
Số ĐKCB: TN.016888, TN.016889

7337 ghen tị, nhưng có em vẫn là điều tuyệt vời: Cuộc sống của chúng mình bắt đầu từ trong bụng mẹ / Dr Catherine Dolto, Colline Faure - Poirée; Frédérick Mansot m.h; Hoàng Anh d.. - Hà Nội : Công ty cổ phần Truyền Thông Dân trí, 2017. - 23tr. ; 17cm. - (Tủ sách giáo dục - Tâm lí trẻ em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 155.41 23/T561L
Số ĐKCB: TN.016898, TN.016899

7338 Tưởng là chuyện nhỏ. Sợ hãi. Bóng tối ư, không sợ ! : Nếu không bao giờ sợ, chúng mình sẽ chẳng thể lớn lên: Mỗi khi đêm đến, lại có bao nhiêu là chuyện hay / Dr Catherine Dolto, Colline Faure - Poirée; Frédérick Mansot m.h; Trần Thị Khánh Vân d.. - Hà Nội : Công ty cổ phần Truyền Thông Dân trí, 2017. - 23tr. ; 17cm. - (Tủ sách giáo dục - Tâm lí trẻ em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 155.41 23/T561L
Số ĐKCB: TN.016896, TN.016897

thì cơn giận sẽ biến mất cực nhanh: Không phải lúc nào cũng dễ dàng nhận ra đâu là thật, đâu là tưởng tượng / Dr Catherine Dolto, Colline Faure - Poirée; Frédérick Mansot m.h.; Trần Thị Khánh Vân d.. - Hà Nội : Công ty cổ phần Truyền Thông Dân trí, 2017. - 22tr. ; 17cm. - (Tủ sách giáo dục - Tâm lí trẻ em)

7339

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 155.41 23/T561L

Số ĐKCB: TN.016894, TN.016895

mẫu giáo, chúng mình vừa thấy sợ, vừa thấy vui: Ti vi ấy mà , vừa tốt lại vừa không tốt / Dr Catherine Dolto, Colline Faure - Poirée; Frédérick Mansot m.h.; Trần Thị Khánh Vân d.. - Hà Nội : Công ty cổ phần Truyền Thông Dân trí, 2017. - 38tr. ; 17cm. - (Tủ sách giáo dục - Tâm lí trẻ em)

7340

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 155.41 23/T561L

Số ĐKCB: TN.016892, TN.016893

thể nói lên nhiều điều: Không ai được phép sờ vào người chúng mình, nếu chúng mình không muốn / Dr Catherine Dolto, Colline Faure - Poirée; Frédérick Mansot m.h.; Trần Thị Khánh Vân d.. - Hà Nội : Dân trí Công ty cổ phần Truyền Thông, 2017. - 23tr. ; 17cm. - (Tủ sách giáo dục - Tâm lí trẻ em)

7341

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 155.41 23/T561L

Số ĐKCB: TN.016890, TN.016891

7342 Loài chim phi thường / Phương Trinh; Đỗ Xuân Việt m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2017. - 24tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Tủ sách cùng bé yêu khám phá thiên nhiên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 598.42 23/L404C

Số ĐKCB: TN.016903, TN.016904, TN.016905

7343 Hãy để cuộc đời yêu bạn / Phương Trinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2017. - 60tr. : hình

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 158.1 23/H112Đ

Số ĐKCB: TN.016900, TN.016901, TN.016902

7344 Chuyện vui ngày hội. - Bắc Giang : Nxb. Bắc Giang, 2002. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/CH527V

Số ĐKCB: LD.033259, TN.005813, TN.005814, TN.005815

7345 Em học toán bằng tiếng Anh 5 = We learn maths in English (5th grade) : Dạng vở thực hành / Phạm Đình Thực. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 96tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 23/E- 202H

Số ĐKCB: TN.016843, TN.016844, TN.016845

7346 Em học toán bằng tiếng Anh 4 = We learn maths in English (4th grade) : Dạng vở thực hành / Phạm Đình Thực. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 112tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 23/E- 202H

Số ĐKCB: TN.016840, TN.016841, TN.016842

7347 Em học toán bằng tiếng Anh 3 = We learn maths in English (3rd grade) : Dạng vở thực hành / Phạm Đình Thực. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 108tr. ; 24cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 23/E- 202H

Số ĐKCB: TN.016837, TN.016838, TN.016839

7348 Một số biện pháp giúp học sinh viết đúng chính tả / Lê Phương Liên. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 112tr. ; 24cm

Tóm tắt: Cung cấp những quy định về cách viết hoa; Chỉ ra những lỗi chính tả học sinh thường mắc phải và những biện pháp giúp học sinh viết đúng chính tả.

Ký hiệu phân loại: 372.632 23/M458S

Số ĐKCB: TN.016846, TN.016847, TN.016848

7349 Tuyển chọn những truyện đọc hay cho học sinh lớp 1 / Lê Phương Liên st và t.ch. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 126tr. ; 24cm

Tóm tắt: Tuyển chọn những câu chuyện về tình yêu quê hương đất nước, tình làng nghĩa xóm, tình cảm gia đình, tình thầy trò, bạn bè... mang tính giáo dục sâu sắc.

Ký hiệu phân loại: 372.677 23/T527C

Số ĐKCB: TN.016873, TN.016874, TN.016875

7350 Tuyển chọn những truyện đọc hay cho học sinh lớp 2 / Lê Phương Liên st và t.ch. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 118tr. ; 24cm

Tóm tắt: Tuyển chọn những câu chuyện về tình yêu quê hương đất nước, tình làng nghĩa xóm, tình cảm gia đình, tình thầy trò, bạn bè... mang tính giáo dục sâu sắc.

Ký hiệu phân loại: 372.677 23/T527C

Số ĐKCB: TN.016876, TN.016877, TN.016878

7351 Tuyển chọn những truyện đọc hay cho học sinh lớp 4 / Lê Phương Liên st và t.ch. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 120tr. ; 24cm

Tóm tắt: Tuyển chọn những câu chuyện về tình yêu quê hương đất nước, tình làng nghĩa xóm, tình cảm gia đình, tình thầy trò, bạn bè... mang tính giáo dục sâu sắc.

Ký hiệu phân loại: 372.677 23/T527C

Số ĐKCB: TN.016879, TN.016880, TN.016881

7352 Tuyển chọn những truyện đọc hay cho học sinh lớp 5 / Lê Phương Liên st và t.ch. - Hà Nội : Đại học quốc gia Hà Nội, 2017. - 120tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.677 23/T527C
Số ĐKCB: TN.016882, TN.016883, TN.016884

7353 199 bài tập làm văn chon lọc 5 = 199 bài tập làm văn chọn lọc / Lê Phương Liên. - Tái bản lần thứ 1. - Hà Nội : Đại học quốc gia, 2015. - 182tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/M458T
Số ĐKCB: TN.016870, TN.016871, TN.016872

7354 125 bài và đoạn văn hay 5 = Một trăm hai mươi lăm bài và đoạn văn hay 5 / Lê Phương Liên. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 230tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/M458T
Số ĐKCB: TN.016867, TN.016868, TN.016869

7355 125 bài và đoạn văn hay 4 = Một trăm hai mươi lăm bài và đoạn văn hay 4 : Phiên bản mới nhất / Lê Phương Liên. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 210tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/M458T
Số ĐKCB: TN.016855, TN.016856, TN.016857

7356 Tuyển tập 150 bài văn hay lớp 5 / Bs, t,ch và gt: Thái Quang Vinh...[và những người khác]. - In lần thứ 6. - Hà Nội : Đại học sư phạm, 2017. - 156tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/T527T
Số ĐKCB: TN.016861, TN.016862, TN.016863

7357 Hoàng tử hạnh phúc và những truyện thần tiên / Oscar Wilde; Bùi Ngọc Diệp d.. - Hà Nội : Văn học, 2017. - 180tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823.8 23/H407T
Số ĐKCB: TN.016885, TN.016886, TN.016887

7358 Tuyển tập 150 bài văn hay lớp 4 / Bs, t.ch và gt: Thái Quang Vinh...[và những người khác]. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 144tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/T527T
Số ĐKCB: TN.016858, TN.016859, TN.016860

7359 Những bài văn kể chuyện 4 : Tài liệu dành cho phụ huynh, học sinh giáo viên / Nguyễn Thị Kim Dung, Lê Thị Mỹ Trinh. - Tái bản - chỉnh sửa - bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 128tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/NH556B
Số ĐKCB: TN.016852, TN.016853, TN.016854

7360 Những câu chuyện phiêu lưu kỳ thú / Trịnh Minh Thanh s.t, kể lại. - Hà Nội : Dân trí, 2017. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016807, TN.016808, TN.016809

7361 Những câu chuyện phép thuật / Trịnh Minh Thanh s.t, kể lại. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 178tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016810, TN.016811, TN.016812

7362 Những bài văn hay 3 / Nguyễn Thị Kim Dung, Hồ Thị Vân Anh. - Tái bản - chỉnh sửa. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2017. - 120tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/NH556B
Số ĐKCB: TN.016849, TN.016850, TN.016851

7363 Những bài văn hay 5 / Nguyễn Thị Kim Dung. - Tái bản - chỉnh sửa. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp Hồ Chi Minh, 2017. - 176tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 23/NH556B
Số ĐKCB: TN.016864, TN.016865, TN.016866

7364 24 gương hiếu thảo : Thập nhị tứ hiếu / Huy Tiến. - Tái bản lần thứ 3. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2017. - 200tr. ; 21cm

Tóm tắt: Kể lại sự tích của 24 tấm gương hiếu thảo do Quách Cư Nghiệp thời nhà Nguyên - Trung Quốc biên soạn: Vua Thuấn, Mẫn Tử Khiên, Tử Lộ...

Ký hiệu phân loại: 173.0951 23/H103M
Số ĐKCB: TN.016813, TN.016814, TN.016815

7365 Truyện ngụ ngôn thế giới chọn lọc - Rửa tội cho chó sói / Nguyễn Trọng Báu d., b.s. - Hà Nội : Văn học, 2017. - 125tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.040089, LD.040091, LD.047904, LD.047906, LD.047907, TN.019614, TN.019615, LD.040090, LD.047905, LD.047908

7366 Walt Disney là ai? / Tác giả: Whitney Stewart, Nancy Harrison; Hương Giang d.. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 108tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016804, TN.016806, XLD.002530, XLD.002531, XLD.002532, XLD.002533, XLD.002534, TN.016805

7367 Mình có thể làm nghề gì để giúp đỡ cộng đồng ? / Nguyễn Hương Linh minh họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2017. - 63tr. : tranh vẽ ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 331.702 23/M312C
Số ĐKCB: TN.016766, TN.016767, TN.016768

7368 Mình có thể làm nghề gì để chăm sóc mẹ thiên nhiên / Nguyễn Hương Linh minh họa. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2017. - 63tr. : tranh vẽ ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 179.1 23/M312C
Số ĐKCB: TN.016769, TN.016770, TN.016771

7369 Cóc kiện trời : Học toán cùng Jenny 6 - 8 tuổi / Lê Anh Vinh ch.b.; Trần Thị Phương Thảo minh họa. - Hà Nội : Thế giới Công ty sách Thái Hà, 2017. - 48tr. : tranh ảnh ; 20cm. - (Học toán qua truyện cổ tích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2409597 23/C126K
Số ĐKCB: TN.016775, TN.016776, TN.016777

7370 Cây tre trăm đốt : Học toán cùng Jenny 6 - 8 tuổi / Lê Anh Vinh ch.b.; Trần Thị Phương Thảo minh họa. - Hà Nội : Thế giới Công ty sách Thái Hà, 2017. - 39tr. : tranh ảnh ; 20cm. - (Học toán qua truyện cổ tích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2409597 23/C126T
Số ĐKCB: TN.016778, TN.016779, TN.016780

7371 Cây khế : Học toán cùng Jenny 6 - 8 tuổi / Lê Anh Vinh ch.b.; Trần Thị Phương Thảo minh họa. - Hà Nội : Thế giới Công ty sách Thái Hà, 2017. - 33tr. : tranh ảnh ; 20cm. - (Học toán qua truyện cổ tích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2409597 23/C126K
Số ĐKCB: TN.016781, TN.016782, TN.016783

7372 Những câu chuyện phép thuật / Trịnh Minh Thanh (st và kể lại). - Hà Nội : Dân trí, 2017. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016760, TN.016761, TN.016762

7373 Những câu chuyện phiêu lưu kỳ thú / Trịnh Minh Thanh (st và kể lại). - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 172tr. : Tranh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016763, TN.016764, TN.016765

7374 Chú vịt lạc đàn. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500V
Số ĐKCB: TN.001956, TN.001957

7375 Con quạ làm dáng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C430Q
Số ĐKCB: TN.001954, TN.001955

7376 Thánh gióng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 160tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/TH107G

Số ĐKCB: TN.001952, TN.001953

7377 Cái bình thần kỳ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C103B

Số ĐKCB: TN.001950, TN.001951

7378 Công chúa bão tố. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/C455C

Số ĐKCB: TN.001948, TN.001949

7379 100 viên hồng ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/M458T

Số ĐKCB: TN.001946, TN.001947

7380 Hoàng tử hạnh phúc. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 20tr. : tranh màu ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/H407T

Số ĐKCB: TN.001944, TN.001945

7381 Giáo dục dinh dưỡng qua trò chơi, thơ ca, câu đố / Nguyễn Hồng Thảo, Vũ Minh Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 47tr. : tranh vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/GI-108D

Số ĐKCB: TN.001941, TN.001942, TN.001943

7382 Cô gái chăn cừu. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 22tr. : hình vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/C450G

Số ĐKCB: TN.001938, TN.001939, TN.001940

7383 Trường hận ca : Tiểu thuyết / Vương An Đức; Lê Sơn d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 23/TR561H

Số ĐKCB: TN.001935, TN.001936, TN.001937

7384 Thiếu phụ Nam Xương. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 20tr. : tranh màu ; 12cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/TH309P

Số ĐKCB: TN.001932, TN.001933, TN.001934

7385 Giáng Kiều -Tú Uyên : Truyện tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 31tr. : tranh vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 23/GI-106K

Số ĐKCB: TN.001929, TN.001930, TN.001931

7386 Tiếng sáo Trương Chi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/T306S
Số ĐKCB: TN.001926, TN.001927, TN.001928

7387 Củ cải trắng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 16tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/C500C
Số ĐKCB: TN.001923, TN.001924, TN.001925

7388 Bài học của Bồ Nông : Truyện tranh / Xécgây Mikhancốp; Nguyễn Việt Cường d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 23tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.73 23/B103H
Số ĐKCB: TN.001920, TN.001921, TN.001922

7389 Lừa & hải cẩu. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 23tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/L551V
Số ĐKCB: TN.001917, TN.001918, TN.001919

7390 Món quà sinh nhật bất ngờ : Truyện tranh / Thu Hằng d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 28tr. :
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.13 14/M430Q
Số ĐKCB: TN.001914, TN.001915, TN.001916

7391 Những sáng chế của thiếu niên / Lâu Triệu Côn, Đường Hâm Truyền; d.: Từ Kính Nghiệp. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 124tr. : hình vẽ ; 19cm. - (Kể chuyện khoa học lý thú)
Tóm tắt: Những đặc điểm, suy nghĩ, phương pháp, yêu cầu kĩ thuật, tính khoa học, hiệu quả và tiêu chuẩn chất lượng trong sáng chế của thanh thiếu niên Trung Quốc; Tìm hiểu con đường đến ngưỡng cửa sáng chế, chìa khoá mở cửa để thành công trong sáng chế, cùng
Ký hiệu phân loại: 608.751 14/NH556S
Số ĐKCB: TN.001911, TN.001912, TN.001913

7392 100 gương trẻ tốt. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 2tập ; 21cm
100 gương mặt trẻ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 107tr. : hình vẽ ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/M452T
Số ĐKCB: TN.001908, TN.001909, TN.001910

7393 100 gương trẻ tốt. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 2tập ; 21cm
100 gương mặt trẻ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 107tr. : hình vẽ ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/M452T
Số ĐKCB: TN.001905, TN.001906, TN.001907

7394 Hoàng tử út / B.s.; t.c.: Thái Hà, Nguyễn Văn Thọ. - Hải phòng : Nxb. Hải Phòng, 2000. - 160tr. ; 16cm. - (Truyện cổ tích thế giới chọn lọc)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/H407T
Số ĐKCB: TN.001903, TN.001904

7395 Cô bé tí hon. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm. - (Thế giới chuyện cổ tích)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/C450B
Số ĐKCB: TN.001901, TN.001902

7396 Cây tre trăm đốt : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 31tr. ; 21cm. - (Tranh truyện
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/C126T
Số ĐKCB: TN.001899, TN.001900

7397 Truyền thuyết về người mẹ. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2209597 14/TR527T
Số ĐKCB: TN.001897, TN.001898

7398 Không còn gì để nói / Hương Thảo. - Hà Nội : Lao động - Xã hội, 2010. - 256tr. ; 16cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.029302, LD.029303, LD.029304, TN.011827, TN.011828, TN.011829, LD.029305

7399 Ngựa : Khám phá thế giới của ngựa - Tập tính và vai trò quan trọng của chúng trong lịch sử loài ngoài / Juliet Clutton; Nguyễn Việt Long d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 2tập ; 32cm. - (Tủ sách Thế giới động vật - Những điều kỳ diệu)
Ngựa : Khám phá thế giới của ngựa - Tập tính và vai trò quan trọng của chúng trong lịch sử loài ngoà / Juliet Clutton; Nguyễn Việt Long d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 599.665 14/NG551
Số ĐKCB: TN.001892, TN.001893, TN.001894, TN.001895, TN.001896

7400 Ngựa : Khám phá thế giới của ngựa - Tập tính và vai trò quan trọng của chúng trong lịch sử loài ngoà / Juliet Clutton; Nguyễn Việt Long d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Tủ sách Thế giới động vật - Những điều kỳ diệu)
Ngựa : Khám phá thế giới của ngựa - Tập tính và vai trò quan trọng của chúng trong lịch sử loài ngoà / Juliet Clutton; Nguyễn Việt Long d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 599.665 14/NG551
Số ĐKCB: TN.001887, TN.001888, TN.001889, TN.001890, TN.001891

7401 Lưỡng cư : Khám phá thế giới ếch, nhái, cóc, sa giông, kỳ giông, môi trường, tập tính và lịch sử tự nhiên của chúng / Barry Clarke; Nguyễn Ngọc Hải d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 2tập ; 21cm. - (Tủ sách thế giới động vậtNhững điều kì diệu)
Lưỡng cư : Khám phá thế giới ếch, nhái, cóc, sa giông, kỳ giông, môi trường, tập tính và lịch sử tự nhiên của chúng / Barry Clarke ; Nguyễn Ngọc Hải d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. -
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001881, TN.001882, TN.001883, TN.001884, TN.001885, TN.001886

7402 Lưỡng cư : Khám phá thế giới ếch, nhái, cóc, sa giông, kỳ giông, môi trường, tập tính và lịch sử tự nhiên của chúng / Barry Clarke ; Nguyễn Ngọc Hải d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Tủ sách thế giới động vậtNhững điều kì diệu)
Lưỡng cư : Khám phá thế giới ếch, nhái, cóc, sa giông, kỳ giông, môi trường, tập tính và lịch sử tự nhiên của chúng / Barry Clarke ; Nguyễn Ngọc Hải d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 597.8 14/L556C
Số ĐKCB: TN.001877, TN.001878, TN.001879, TN.001880

7403 động vật khác thuộc bộ linh trưởng (động vật có tay) - hành vi xã hội, cuộc sống gia đình và trí thông minh nổi bật của chúng / Ian Redmond ; Minh Ngọc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 2tập ; 21cm. - (Tủ sách Thế giới động vật)

Tóm tắt: Vượn Gorila và động vật linh trưởng : Khám phá thế giới hấp dẫn của vượn Gorila và các

Ký hiệu phân loại: 599.8 14/V556G
Số ĐKCB: TN.001872, TN.001873, TN.001874, TN.001875, TN.001876

7404 động vật khác thuộc bộ linh trưởng (động vật có tay) - hành vi xã hội, cuộc sống gia đình và trí thông minh nổi bật của chúng / Ian Redmond ; Minh Ngọc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 2tập ; 21cm. - (Tủ sách Thế giới động vật)

Tóm tắt: Vượn Gorila và động vật linh trưởng : Khám phá thế giới hấp dẫn của vượn Gorila và các

Ký hiệu phân loại: 599.8 14/V556G
Số ĐKCB: TN.001867, TN.001868, TN.001869, TN.001870, TN.001871

7405 Xoay chuyển địa cầu / Hương Thảo. - Hà Nội : Lao động - xã hội, 2010. - 255tr. : hình ảnh ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011824, TN.011825, TN.011826, LD.003111, LD.029318, LD.029319, LD.029320, LD.029321

7406 Người thắng cuộc siêu đẳng / Hương Thảo. - Hà Nội : Lao động - Xã hội, 2010. - 156tr. ; 16cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.029306, LD.029307, LD.029308, LD.029309, LD.029310, TN.011895, TN.011896

7407 Cá voi : Khám phá cuộc sống bí ẩn của động vật có vú dưới biển - từ cá / Vassili Papastavrou. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Tủ sách Thế giới động vật)

Tóm tắt: Cá voi : Khám phá cuộc sống bí ẩn của động vật có vú dưới biển - từ cá / Vassili Papastavrou. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Tủ sách Thế giới động vật)

Ký hiệu phân loại: 599.5 14/C100M
Số ĐKCB: TN.001862, TN.001863, TN.001864, TN.001865, TN.001866

7408 Cá voi : Khám phá cuộc sống bí ẩn của động vật có vú dưới biển - từ cá / Vassili Papastavrou. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Tủ sách Thế giới động vật)

Tóm tắt: Cá voi : Khám phá cuộc sống bí ẩn của động vật có vú dưới biển - từ cá / Vassili Papastavrou. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Tủ sách Thế giới động vật)

Ký hiệu phân loại: 599.5 14/C100M
Số ĐKCB: TN.001857, TN.001858, TN.001859, TN.001860, TN.001861

7409 Sa mạc / Miranda Macquitty. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Tủ sách Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Sa mạc / Miranda Macquitty. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Tủ sách Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Tóm tắt: Khám phá sự khắc nghiệt và sự tạo thành sa mạc. Sa mạc đá. Những biển cát và nước tı

Ký hiệu phân loại: 551.41 14/S100M

Số ĐKCB: TN.001852, TN.001853, TN.001854, TN.001855, TN.001856

7410 cây cao tới hàng triệu côn trùng dưới thảm rừng / Greenaway Theresa;. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 2tập ; 21. - (Tủ sách: "Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú")

Rừng nhiệt đới : Khám phá thế giới sinh vật trong rừng mưa nhiệt đới, từ các loài chim lạ trên cây cao tới hàng triệu côn trùng dưới thảm rừng / Theresa Greenaway. - Hà Nội : Kim

Tóm tắt: Đặc điểm sinh thái của rừng mưa nhiệt đới. Đời sống động vật và thực vật ở các tầng của rừng nhiệt đới: tầng rừng trên cùng, màn rừng, thảm rừng, dưới nước, thực vật biểu sinh..

Ký hiệu phân loại: 577.34 14/R556N

Số ĐKCB: TN.001847, TN.001848, TN.001849, TN.001850, TN.001851

7411 cây cao tới hàng triệu côn trùng dưới thảm rừng / Theresa Greenaway. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. ; 21cm. - (Tủ sách: "Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú")

Rừng nhiệt đới : Khám phá thế giới sinh vật trong rừng mưa nhiệt đới, từ các loài chim lạ trên cây cao tới hàng triệu côn trùng dưới thảm rừng / Theresa Greenaway. - Hà Nội : Kim

Tóm tắt: Đặc điểm sinh thái của rừng mưa nhiệt đới. Đời sống động vật và thực vật ở các tầng của rừng nhiệt đới: tầng rừng trên cùng, màn rừng, thảm rừng, dưới nước, thực vật biểu sinh..

Ký hiệu phân loại: 577.34 14/R556N

Số ĐKCB: TN.001842, TN.001843, TN.001844, TN.001845, TN.001846

7412 Parker; Vũ Đình Tuân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh ; 20cm. - (Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Sông và hồ : Khám phá sinh thái động thực vật sinh sống vùng sông hồ nước ngọt / Steve Parker; Vũ Đình Tuân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh ; 20cm. - (Thiên nhiên bí

Tóm tắt: Sinh thái động vật, thực vật sinh sống trong các sông, hồ, nước ngọt và những loài thú sống bên vực nước như cá, chim, cây bấc, cây sậy

Ký hiệu phân loại: 551.48 14/S455V

Số ĐKCB: TN.001837, TN.001838, TN.001839, TN.001840, TN.001841

7413 Parker; Vũ Đình Tuân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh ; 20cm. - (Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Sông và hồ : Khám phá sinh thái động thực vật sinh sống vùng sông hồ nước ngọt / Steve Parker; Vũ Đình Tuân d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : tranh ; 20cm. - (Thiên nhiên bí

Tóm tắt: Sinh thái động vật, thực vật sinh sống trong các sông, hồ, nước ngọt và những loài thú sống bên vực nước như cá, chim, cây bấc, cây sậy

Ký hiệu phân loại: 551.48 14/S455V

Số ĐKCB: TN.001832, TN.001833, TN.001834, TN.001835, TN.001836

mất đột ngột của chúng / David Norman, Angela Milner; Ngân Xuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng,
7414 1999. - 2tập ; 21cm. - (Thế giới động vật - Những điều kỳ diệu)

Khủng long : Khám phá thế giới Khủng long - Tập tính, môi trường sống và bí ẩn về sự biến mất đột ngột của chúng David Norman, Angela / David Norman, Angela Milner; Ngân

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 567.9 14/KH513L

Số ĐKCB: TN.001827, TN.001828, TN.001829, TN.001830, TN.001831

mất đột ngột của chúng David Norman, Angela / David Norman, Angela Milner; Ngân Xuyên
7415 d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Thế giới động vật - Những điều kỳ diệu)

Khủng long : Khám phá thế giới Khủng long - Tập tính, môi trường sống và bí ẩn về sự biến mất đột ngột của chúng David Norman, Angela / David Norman, Angela Milner; Ngân

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 567.9 14/KH513L

Số ĐKCB: TN.001822, TN.001823, TN.001824, TN.001825, TN.001826

vùng nước nông chan hoà ánh nắng các vực sâu đầy huyền bí và cuộc sống kỳ thú ở đại
7416 dương / Miranda Macquitty; Nguyễn Xuân Hồng d.. - In lần thứ 2, có bổ sung. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 2tập ; 21cm. - (Tủ sách Kiến thức thế hệ mới)

Đại dương : Khám phá những vùng biển rộng mênh mông bao phủ bề mặt trái đất - những

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.46 14/Đ103D

Số ĐKCB: TN.001817, TN.001818, TN.001819, TN.001820, TN.001821

vùng nước nông chan hoà ánh nắng các vực sâu đầy huyền bí và cuộc sống kỳ thú ở đại
7417 dương / Miranda Macquitty ; Nguyễn Xuân Hồng d.. - In lần thứ 2, có bổ sung.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 39tr. : ảnh ; 21cm. - (Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Đại dương : Khám phá những vùng biển rộng mênh mông bao phủ bề mặt trái đất - những

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.46 14/Đ103D

Số ĐKCB: TN.001812, TN.001813, TN.001814, TN.001815, TN.001816

Bắc cực và Nam cực / Barbara Taylor. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 2tập ; 21cm. - (Tủ sách
7418 Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Bắc cực và Nam cực / Barbara Taylor. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Tủ sách Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 508 14/B113C

Số ĐKCB: TN.001807, TN.001808, TN.001809, TN.001810, TN.001811

Bắc cực và Nam cực / Barbara Taylor. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Tủ
7419 sách Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Bắc cực và Nam cực / Barbara Taylor. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Tủ sách Thiên nhiên bí ẩn và kỳ thú)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 508 14/B113C

Số ĐKCB: TN.001802, TN.001803, TN.001804, TN.001805, TN.001806

Cá mập / Miranda Macquitty; Nguyễn Trung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : minh họa ; 20cm. - (Tủ sách thế giới động vậtNhững điều kì diệu)

7420 Cá mập / Miranda Macquitty; Nguyễn Trung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : minh họa ; 20cm. - (Tủ sách thế giới động vậtNhững điều kì diệu)

Tóm tắt: Giới thiệu cấu tạo bên trong, các giác quan, sinh sản, đẻ trứng, cấu tạo răng và các món ăn của dòng họ cá mập - cá nhám; Những loài có cùng loài với cá mập và những kẻ thù của cá mập

Ký hiệu phân loại: 597.3 14/C100M

Số ĐKCB: TN.001797, TN.001798, TN.001799, TN.001800, TN.001801

Cá mập / Miranda Macquitty; Nguyễn Trung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : minh họa ; 21cm. - (Tủ sách thế giới động vậtNhững điều kì diệu)

7421 Cá mập / Miranda Macquitty; Nguyễn Trung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 32tr. : minh họa ; 21cm. - (Tủ sách thế giới động vậtNhững điều kì diệu)

Tóm tắt: Giới thiệu cấu tạo bên trong, các giác quan, sinh sản, đẻ trứng, cấu tạo răng và các món ăn của dòng họ cá mập - cá nhám; Những loài có cùng loài với cá mập và những kẻ thù của cá mập

Ký hiệu phân loại: 597.3 14/C100M

Số ĐKCB: TN.001792, TN.001793, TN.001794, TN.001795, TN.001796

Sự sống thời tiền sử : Khám phá nguồn gốc sự sống trên trái đất. Từ những vi khuẩn đầu tiên qua kỷ khủng long khổng lồ tới loài người / William Lindsay; Minh Tân d.. - Hà Nội : Kim

7422 Đồng, 1999. - 80tr. : ảnh ; 21cm. - (Thế giới động vật. Những điều kỳ thú)

Sự sống thời tiền sử : Khám phá nguồn gốc sự sống trên trái đất. Từ những vi khuẩn đầu tiên qua kỷ khủng long khổng lồ tới loài người / William Lindsay; Minh Tân d.. - Hà Nội : Kim

Tóm tắt: Những kiến thức về sự sống, các dấu hiệu của sự sống, hoá thạch của những động vật đầu tiên xuất hiện trên trái đất

Ký hiệu phân loại: 571.1 14/S550S

Số ĐKCB: TN.001787, TN.001788, TN.001789, TN.001790, TN.001791

Sự sống thời tiền sử : Khám phá nguồn gốc sự sống trên trái đất. Từ những vi khuẩn đầu tiên qua kỷ khủng long khổng lồ tới loài người / William Lindsay; Minh Tân d.. - Hà Nội : Kim

7423 Đồng, 1999. - 32tr. : ảnh ; 21cm. - (Thế giới động vật. Những điều kỳ thú)

Sự sống thời tiền sử : Khám phá nguồn gốc sự sống trên trái đất. Từ những vi khuẩn đầu tiên qua kỷ khủng long khổng lồ tới loài người / William Lindsay; Minh Tân d.. - Hà Nội : Kim

Tóm tắt: Những kiến thức về sự sống, các dấu hiệu của sự sống, hoá thạch của những động vật đầu tiên xuất hiện trên trái đất

Ký hiệu phân loại: 571.1 14/S550S

Số ĐKCB: TN.001782, TN.001783, TN.001784, TN.001785, TN.001786

7424 Bồi dưỡng toán tiểu học 4 / Lê, Hải Châu. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2000. - 188tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B452D

Số ĐKCB: TN.001777, TN.001778, TN.001779, TN.001780, TN.001781

7425 Chuyện kể về con chuột : Tranh truyện / Minh Châu d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 23tr. :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/CH527V
Số ĐKCB: TN.001772, TN.001773, TN.001774, TN.001775, TN.001776

7426 Chuyện kể về con vịt : Tranh truyện / Minh Châu d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 23tr. : tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.83 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001767, TN.001768, TN.001769, TN.001770, TN.001771

7427 Chuyện kể về Tề Tôn tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001742, TN.001743, TN.001744, TN.001745, TN.001746

7428 Chuyện kể về Mạnh tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001764, TN.001765, TN.001766

7429 Chuyện kể về Khổng tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001747, TN.001748, TN.001749, TN.001750, TN.001751

7430 Chuyện kể về Ngô Tôn tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001737, TN.001738, TN.001739, TN.001740, TN.001741

7431 Chuyện kể về Quản tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001732, TN.001733, TN.001734, TN.001735, TN.001736

7432 Chuyện kể về Hàn Phi tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001752, TN.001753, TN.001754, TN.001755, TN.001756

7433 Chuyện kể về Tuân tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001757, TN.001758, TN.001759, TN.001760, TN.001761, TN.001762, TN.001763

7434 Chuyện kể về lão tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001727, TN.001728, TN.001729, TN.001730, TN.001731

7435 Chuyện kể về Trang tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 931.092 14/CH527K
Số ĐKCB: TN.001722, TN.001723, TN.001724, TN.001725, TN.001726

7436 Chuyện kể về Mặc Tử / Trần Nghĩa Phương d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 39tr. : tranh ; 17cm. - (Bộ truyện về danh nhân cổ đại Trung Quốc)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 931.092 14/
Số ĐKCB: TN.001717, TN.001718, TN.001719, TN.001720, TN.001721

7437 Chuyện về con sóc / Anh Tuấn d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 23tr. : tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/CH527V
Số ĐKCB: TN.001712, TN.001713, TN.001714, TN.001715, TN.001716

7438 Mèo con / Trần Hạnh Tường d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 19tr. : ảnh ; 19cm. - (Hãy xem
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/M100C
Số ĐKCB: TN.001702, TN.001703, TN.001704, TN.001705, TN.001706

7439 Gà con / Trần Hạnh Tường d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 19tr. : ảnh ; 19cm. - (Hãy xem tớ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/G100C
Số ĐKCB: TN.001707, TN.001708, TN.001709, TN.001710, TN.001711

7440 Thỏ con / Trần Hạnh Tường d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 19tr. : ảnh ; 19cm. - (Hãy xem tớ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/M205C
Số ĐKCB: TN.001697, TN.001698, TN.001699, TN.001700, TN.001701

7441 Chó con / Trần Hạnh Tường d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 19tr. : ảnh ; 19cm. - (Hãy xem tớ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/CH400C
Số ĐKCB: TN.001693, TN.001694, TN.001695, TN.001696, TN.001692

7442 Cừu con / Trần Hạnh Tường d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 19tr. : ảnh ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.13 14/C566C
Số ĐKCB: TN.001687, TN.001688, TN.001689, TN.001690, TN.001691

7443 Hải ly ở hồ xanh : Truyện tranh / Ngọc Oanh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 22tr. : tranh vẽ ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/H450OL
Số ĐKCB: TN.001682, TN.001683, TN.001684, TN.001685, TN.001686

7444 Thời tiết mạnh như bão tố / Anita Ganeri; Mike Phillips m.h; Kiều Hoa d. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 163tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.57 23/TH462T
Số ĐKCB: TN.016730, TN.016731

7445 Những câu chuyện về khiêm tốn nhường nhịn / Võ Ngọc Châu b.s. - Tái bản lần thứ 13. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 84tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016724, TN.016725

7446 Những câu chuyện về lòng trung thực. - Tái bản lần thứ 18. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016722, TN.016723

7447 Những câu chuyện về lòng trắc ẩn / Bích Nga b.s. - Tái bản lần thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh :
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016716, TN.016717

7448 Tớ tư duy như một nhà khảo cổ học : Tất tần về xác ướp, Pharaoh, kim tự tháp / Beth L. Blair, Jenifer A. Ericsson; Tạ Thanh Hải d.. - Hà Nội, 2017. - 134tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 930.1 23/T460T
Số ĐKCB: TN.016749, TN.016750

7449 Tớ tư duy như một nhà toán học : Tất tần tật trò chơi toán học / Meg, Glenn, Sean Clemens; Trà Mít d.. - Hà Nội, 2017. - 134tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.74 23/T460T
Số ĐKCB: TN.016747, TN.016748

7450 Những câu chuyện về siêng năng kiên trì / Võ, Ngọc Châu b.d. - Tái bản lần thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 84tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 177 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016718, TN.016719

7451 Những câu chuyện về khát vọng và ước mơ / Nhóm đậu xanh b.s. - Tái bản lẩn thứ 15. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 67tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016720, TN.016721

7452 Tớ tư duy như một nhà khoa học : Tất tần tật về thí nghiệm khoa học / Tom Robinson; Nguyễn Hồng Đăng d.. - Hà Nội : Dân trí, 2017. - 133tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016745, TN.016746, XLD.004446, XLD.004447, XLD.004448, XLD.004449, XLD.004450

7453 Thơ ca, truyện kể, câu đố cho thiếu nhi : Dùng cho học sinh trong nhà trường / Chu Thị Hà Thanh tuyển chọn. - Nghệ An : Nhà xuất bản đại học Vinh, 2017. - 454tr ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92208 23/TH460C
Số ĐKCB: TN.016751, TN.016752, TN.016753

7454 Tớ tư duy như một nhà tự nhiên học : Tất tần tật về tự nhiên / Kathiann M. Kowalski; D.: Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Hồng Hoa. - Hà Nội, 2017. - 150tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016743, TN.016744

7455 Tất tần tật về thời tiết Tớ tư duy như một nhà khí tượng học / Joe Snedeker, Med; D.: Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Hồng Hoa, Nguyễn Hằng Hà. - Hà Nội, 2017. - 144tr. ; 22cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016741, TN.016742

7456 50 Tuyệt chiêu yêu thương đúng cách và vượt qua áp lực tâm lý : Yêu thương để an yên / Thanh Hường d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 62tr. ; 23cm. - (Trưởng thành cùng con)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.65 23/N114M
Số ĐKCB: TN.016732, TN.016733, TN.016734

7457 50 Tuyệt chiêu chiến thắng nỗi sợ và vượt qua trầm cảm : Mỉm cười để mạnh mẽ / Thanh Hường d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 62tr. ; 23cm. - (Trưởng thành cùng con)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.6 23/N114M
Số ĐKCB: TN.016738, TN.016739, TN.016740

7458 50 Tuyệt chiêu khắc phục nhút nhát và khơi dậy tự tin : Dũng cảm để tự tin / Thanh Hường d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 62tr. ; 23cm. - (Trưởng thành cùng con)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.7 23/N114M
Số ĐKCB: TN.016735, TN.016736, TN.016737

7459 Ngáo ộp lúc nửa đêm / R.L. Stine. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/NG108Ô
Số ĐKCB: TN.001592, TN.001593, TN.001594, TN.001595, TN.001596

7460 Ngày đầu tiên đến lớp. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NG112Đ
Số ĐKCB: TN.001677, TN.001678, TN.001679, TN.001680, TN.001681

7461 Tạm biệt ngài Hollywood : Truyện dài / John Escott; Thôn Bạch Hạc d.; Thọ Tường m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 83tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Tủ sách song ngữ)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001672, TN.001673, TN.001675, TN.001676, TN.002218, TN.002219, TN.002220, TN.001674

7462 Dưới mặt trăng : Truyện dài / Rowena Akinyemi; Thôn Bạch Hạc d.; Thọ Tường m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 75tr. ; 21cm. - (Tủ sách song ngữ)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001667, TN.001668, TN.001669, TN.001670, TN.001671, TN.002224, TN.002225, TN.002226

7463 Xêda Caxacaben / Jules. Verne; Vũ Văn Khiêm d.; Ngô Xuân Khôi m.h.. - Hà Nội : Kim
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/X250D
Số ĐKCB: TN.001662, TN.001663, TN.001664, TN.001665, TN.001666

7464 Kính viễn vọng kể gì / P. Clusantxep; Vũ Khôi Nguyên d,; Nguyễn Tài m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 155tr. : minh họa ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.7 14/K312V
Số ĐKCB: TN.001657, TN.001658, TN.001659, TN.001660, TN.001661

7465 Công cống mùa thu / Nguyễn Chu Nhạc; Nguyễn Ngọc m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C455C
Số ĐKCB: TN.001652, TN.001653, TN.001654, TN.001655, TN.001656

7466 Cô gái bị bắt cóc / Nguyễn Quỳnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 111tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C450G
Số ĐKCB: TN.001647, TN.001648, TN.001649, TN.001650, TN.001651

7467 Ngôi nhà ngàn tiếng rú / R.L. Stine; Quách Đặng Tuấn Nghĩa d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.001641, TN.001642, TN.001643, TN.001644, TN.001645

7468 Bí mật của Lagoona / R.L. Stine; Nguyễn Trọng Tuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B300M

Số ĐKCB: TN.001636, TN.001637, TN.001638, TN.001639, TN.001640

7469 Tù nhân của chiếc gương / R.L. Stine; Nguyễn Trọng Tuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/T500N

Số ĐKCB: TN.001631, TN.001632, TN.001633, TN.001634, TN.001635

7470 Thành phố chết / R.L. Stine; Nguyễn Trọng Tuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 124tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/TH107P

Số ĐKCB: TN.001626, TN.001627, TN.001628, TN.001629, TN.001630

7471 Bugman còn sống / R.L. Stine; Ngân Xuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 91tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B500G

Số ĐKCB: TN.001621, TN.001622, TN.001623, TN.001624, TN.001625

7472 Chiếc mặt nạ / R.L. Stine; Nguyễn Trọng Tuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 111tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/CH303M

Số ĐKCB: TN.001616, TN.001617, TN.001618, TN.001619, TN.001620

7473 Căn hầm cấm : Truyện dài / R.L. Stine; Nguyễn Trọng Tuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000.

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001610, TN.001611, TN.001612, TN.001613, TN.001614, TN.001615

7474 Oliver không sợ ma / R.L. Stine; Trần Thị Mạnh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 100tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/O400L

Số ĐKCB: TN.001605, TN.001606, TN.001607, TN.001608, TN.001609

7475 Đêm của ma mèo / R.L. Stine; Lê Huy Bắc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 115tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001602, TN.001603, TN.001604, TN.018817, TN.020510, TN.020511, TNVN.001617, TNVN.001618, TN.001601

7476 Chúng từ Phương Đông tới / R.L. Stine; Lê Huy Bắc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 127tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/CH513T

Số ĐKCB: TN.001597, TN.001598, TN.001599, TN.001600

7477 Những bức ảnh tiên tri / R.L. Stine; Nguyễn Trọng Tuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/NH556B

Số ĐKCB: TN.001587, TN.001588, TN.001589, TN.001590, TN.001591

7478 Cái đầu người khô : Truyện dài / R.L. Stine; Quách Đặng Tuấn Nghĩa d.. - Hà Nội : Kim

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/C103Đ

Số ĐKCB: TN.001582, TN.001583, TN.001584, TN.001585, TN.001586

7479 Bóng ma trên bãi biển / Stine, R.L.; Nguyễn Trọng Tuyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 124tr. ; 19cm. - (Những chuyện kỳ bí)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/B431M

Số ĐKCB: TN.001577, TN.001578, TN.001579, TN.001580, TN.001581

7480 Karen / Johanna Hurwitz; Đào Quốc Huy m.h.; Nguyễn Lê Trang d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 115tr. : hình vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001576, TN.002173, TN.002174, TN.002175, TN.001572, TN.001573, TN.001574, TN.001575

7481 Măng mọc trong lửa / Phan Tứ. - In lần thứ 3. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 84tr. : tranh vẽ ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001567, TN.001568, TN.001570, TN.002161, TN.002162, TN.001569, TN.001571, TN.002163

7482 Cái chết trắng / Tin Vicary; Thôn Bạch Hạc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 84tr. : hình vẽ ; 21cm. - (Tủ sách song ngữ)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/C103C

Số ĐKCB: TN.001562, TN.001563, TN.001564, TN.001565, TN.001566

7483 Móng vuốt khỉ : Truyện dài / W.W. Jacobs ; Thôn Bạch Hạc d,; Việt Long h.đ.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 68tr. : hình vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001558, TN.001560, TN.001561, TN.002222, TN.002223, TN.001557, TN.001559

7484 Bóng ma nhà hát nhạc kịch / Jennifer Bassett; Thôn Bạch Hạc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 84tr. ; 21cm. - (Tủ sách song ngữ)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/B431M

Số ĐKCB: TN.001552, TN.001553, TN.001554, TN.001555, TN.001556

7485 Con Hạc thờ bí ẩn : Tập truyện ngắn / Nguyễn Quang Thân; Ngô Xuân Khôi m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 68tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C430H

Số ĐKCB: TN.001547, TN.001548, TN.001549, TN.001550, TN.001551

7486 Cô bé bướng bỉnh : Tập truyện kể về các anh hùng chiến sĩ thi đua và cháu ngoan Bác Hồ / Văn Hồng; Lê Quang Huy m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 136tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001542, TN.001543, TN.001544, TN.001545, TN.001546, TN.002063, TN.002064, TN.002065

7487 Như trong truyện cổ tích : Tập sách người tốt việc tốt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 19tr. : ảnh

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001537, TN.001538, TN.001539, TN.001540, TN.001541, TN.002096, TN.002097

7488 Người bé nhất nhà / Bích Thuận. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 43tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NG558B

Số ĐKCB: TN.001532, TN.001533, TN.001534, TN.001535, TN.001536

7489 Giải cờ vua / Nhật Thăng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 60tr. : tranh vẽ ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 794.1 14/GI-103C

Số ĐKCB: TN.001527, TN.001528, TN.001529, TN.001530, TN.001531

7490 Hòn đảo phía chân trời / Trần Nhuận Minh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 138tr. : tranh vẽ ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/H430Đ

Số ĐKCB: TN.001522, TN.001523, TN.001524, TN.001525, TN.001526

7491 Mây mùa hạ / Thùy An. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001517, TN.001518, TN.001519, TN.001520, TN.001521, TN.002075, TN.002076, TN.002077

7492 Đôi bàn tay khéo léo của cha ông : Truyện kể / Tạ Phong Châu. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Đ452B

Số ĐKCB: TN.001512, TN.001513, TN.001514, TN.001515, TN.001516

7493 Chuyện một con lừa / Comtesse de Segur; Phạm Văn Vịnh d,; Nguyễn Đăng Phú m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 142tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/CH527M

Số ĐKCB: TN.001507, TN.001508, TN.001509, TN.001510, TN.001511

7494 Cuộc hành quân thần tốc : Truyện kí / Lê Kim. - In lần thứ 2. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 14/C514H

Số ĐKCB: TN.001502, TN.001503, TN.001504, TN.001505, TN.001506

7495 Chuyện kể về Trần Phú / Lê Quốc Sử, Phạm Đức Dương. - In lần thứ 4. - Hà Nội : Kim Đồng,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7031092 14/CH527K

Số ĐKCB: TN.001497, TN.001498, TN.001499, TN.001500, TN.001501

7496 Chuyện kể về Ngô Gia Tự / Lê Quốc Sử. - In lần thứ 4. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 98tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.703092 14/CH527K

Số ĐKCB: TN.001492, TN.001493, TN.001494, TN.001495, TN.001496

7497 Dòng họ Ô-tô-mát : Truyện / Hoàng Xuân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 179tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000133, TN.000134, TN.000135, TN.000136, TN.000137, TN.001487, TN.001488, TN.001489, TN.001490, TN.001491

7498 Em biết vì sao rồi / Anne Demoulin; d.: Vũ Lan Trang, Võ Thương Lan. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 164tr. : hình vẽ ; 19cm

Tóm tắt: Giải đáp một cách rõ ràng, phù hợp với trẻ thơ, với độ tuổi từ 10 đến 12, các vấn đề về thế giới động vật, về thiên nhiên, về trái đất, về cơ thể con người, về vật lý và xã hội

Ký hiệu phân loại: 001 14/E202B

Số ĐKCB: TN.001482, TN.001483, TN.001484, TN.001485, TN.001486

7499 Hai người bạn : Tập truyện ngắn / Thanh Quế; Đào Hải m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/H103N

Số ĐKCB: TN.001477, TN.001478, TN.001479, TN.001480, TN.001481

7500 Ai đã đặt tên cho dòng sông : Ký / Hoàng Phủ Ngọc Tường. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 14/A103Đ

Số ĐKCB: TN.001472, TN.001473, TN.001474, TN.001475, TN.001476

7501 Quái cẩu Pitochun : Truyện vừa / Đoàn Lư. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 99tr. : tranh vẽ ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/QU-103C

Số ĐKCB: TN.001467, TN.001468, TN.001469, TN.001470, TN.001471

7502 Bay trên đôi cánh nhỏ : Truyện dài / Thy Ngọc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 91tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B112T

Số ĐKCB: TN.001462, TN.001463, TN.001464, TN.001465, TN.001466

7503 Tuổi nhỏ Hoàng Văn Thụ / Xuân Đài. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 96tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 14/T515N

Số ĐKCB: TN.001457, TN.001458, TN.001459, TN.001460, TN.001461

7504 Kiến thức lịch sử 6. - Hà Nội : Thanh niên, 2010. - 139 tr. ; 19 cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.039857, TN.008958, TN.008959, TN.008960, TN.008961, TN.008962, LD.039858, LD.039859

7505 Một lần thơ trẻ / Nguyễn Thụy Kha. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 80tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/M458L

Số ĐKCB: TN.001452, TN.001453, TN.001454, TN.001455, TN.001456

7506 Tiếng kêu của chim hải âu : Tập truyện ngắn / Nguyễn Thị Ấm. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001447, TN.001449, TN.001450, TN.001451, TN.002137, TN.001448, TN.002135, TN.002136

7507 Lửa trong thành phố sẩm tối / Ênô Raút; Thu Hằng d.. - In lần thứ 2. - Hà Nội : Kim Đồng,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.73 14/L551T
Số ĐKCB: TN.001442, TN.001443, TN.001444, TN.001445, TN.001446

7508 Tứ tử trình làng / Trương Nhuận. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 100tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/T550T
Số ĐKCB: TN.001437, TN.001438, TN.001439, TN.001440, TN.001441

7509 Lá cờ đỏ / Vũ Quang Vinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 44tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/L100C
Số ĐKCB: TN.001432, TN.001433, TN.001434, TN.001435, TN.001436

7510 Qùa cháu vùng cao : Tập văn, thơ của thiếu nhi Lai Châu trại sáng tác Điện Biên - hè 1999. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 95tr. : tranh vẽ ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92214 14/Q501C
Số ĐKCB: TN.001427, TN.001428, TN.001429, TN.001430, TN.001431

7511 Những người sống vì mọi người : Tập sách người tốt việc tốt. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 302 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.001422, TN.001423, TN.001424, TN.001425, TN.001426

7512 Đảo vàng / Đắc Trung. - In lần thứ 2. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 127tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/Đ108V
Số ĐKCB: TN.001417, TN.001418, TN.001419, TN.001420, TN.001421

7513 Lão gió mùa đông bắc / Nguyễn Quỳnh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 108tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/L108G
Số ĐKCB: TN.001412, TN.001413, TN.001414, TN.001415, TN.001416

7514 Chuyện cổ tích về người lang thang / Karen Traper. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. : tranh ;
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.20942 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.001407, TN.001408, TN.001409, TN.001410, TN.001411

7515 Những mẫu chuyện về Lênin / Alêchxanđrơ Cônônôp; Vũ Khôi Nguyên d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 129tr. : tranh ; 25cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001404, TN.001405, TN.001406, TN.002200, TN.002201, TN.001402, TN.001403

7516 Chim én bay / Nguyễn Trí Huân. - 172tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001397, TN.001398, TN.001399, TN.001400, TN.001401, TN.002051, TN.002052, TN.002053

7517 Chiếc giày thơm / Bùi Thị Ngọc Diệp chuyển thể thơ. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 224tr. ;
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.022987, LD.022988, LD.022989, LD.022990, TN.010799, TN.010800, TN.010801

7518 Bác Hồ viết di chúc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 128tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922803 14/B101H

Số ĐKCB: TN.001392, TN.001393, TN.001394, TN.001395, TN.001396

7519 Lá thư trong vỏ ốc : Tập truyện ngắn / Hồ Việt Khuê; Lê Ngọc Lan m.h.. - Hà Nội : Kim

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/L100T

Số ĐKCB: TN.001387, TN.001388, TN.001389, TN.001390, TN.001391

7520 Làng bên cầu : Truyện dài / Bùi Minh Quốc. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 128tr. : tranh vẽ ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/L106B

Số ĐKCB: TN.001382, TN.001383, TN.001384, TN.001385, TN.001386

7521 Chuyện ở rừng sồi : Truyện dài / Võ Thị Xuân Hà; Tô Chiêm m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 123tr. : minh họa ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527Ơ

Số ĐKCB: TN.001377, TN.001378, TN.001379, TN.001380, TN.001381

7522 Sát thát / Lê Vân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 102tr. ; 13cm

Sát thát / Lê Vân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 102tr. ; 13cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/S110T

Số ĐKCB: TN.001367, TN.001368, TN.001369, TN.001370, TN.001371

7523 Sát thát / Lê Vân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 2tập ; 13cm

Sát thát / Lê Vân. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 102tr. ; 13cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/S110T

Số ĐKCB: TN.001362, TN.001363, TN.001364, TN.001365, TN.001366

7524 Tầm xuân / Lê Thanh Nga; Nguyễn Công Hoan m.h.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 67tr. : hình

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/T120X

Số ĐKCB: TN.001372, TN.001373, TN.001374, TN.001375, TN.001376

7525 Từ thức gặp tiên : Truyện tranh / Tranh : Phương Nga. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 31tr. ; 21cm. - (Truyện tranh dân gian Việt Nam)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/T550T

Số ĐKCB: TN.001357, TN.001358, TN.001359, TN.001360, TN.001361

7526 Chuyện vui ở rừng xanh / Thiều Hoa d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 19tr. : tranh vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.83 14/CH527V

Số ĐKCB: TN.001352, TN.001353, TN.001354, TN.001355, TN.001356

7527 Cô bé sinh ra từ bông hoa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/C450B

Số ĐKCB: TN.001347, TN.001348, TN.001349, TN.001350, TN.001351

7528 Kim Đồng : Truyện tranh / Tô Hoài. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 31tr. : tranh vẽ ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/K310Đ

Số ĐKCB: TN.001342, TN.001343, TN.001344, TN.001345, TN.001346

7529 Dòng họ Chúa sơn lâm / Peggy D Wuiston; Phương Nam d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599.7 14/D431H

Số ĐKCB: TN.001337, TN.001338, TN.001339, TN.001340, TN.001341

7530 Đinh Bộ lĩnh : Truyện tranh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 31tr. : tranh vẽ ; 21cm. - (Tranh

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7012092 14/Đ312B

Số ĐKCB: TN.001332, TN.001333, TN.001334, TN.001335, TN.001336

7531 Hoàng Lác / Trần Minh Châu. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H407L

Số ĐKCB: TN.003634, TN.003635, TN.003636, TN.003637, TN.003638

7532 Chiếc vé trong va li / E Ven Chi XTốp. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.8 14/CH303V

Số ĐKCB: TN.003629, TN.003630, TN.003631, TN.003632, TN.003633

7533 Chuyện không thể tin được. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527K

Số ĐKCB: TN.003624, TN.003625, TN.003626, TN.003627, TN.003628

7534 Lăn đi những bánh xe. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L115Đ

Số ĐKCB: TN.003619, TN.003620, TN.003621, TN.003622, TN.003623

7535 Chuyện kể về bà. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527K

Số ĐKCB: TN.003614, TN.003615, TN.003616, TN.003617, TN.003618

7536 Truyền thuyết về biển cả / Bec Na Claven. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.8 14/TR527T

Số ĐKCB: TN.003609, TN.003610, TN.003611, TN.003612, TN.003613

7537 Người chết hai lần / Vũ Kim Dũng. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.003604, TN.003605, TN.003606, TN.003607, TN.003608

7538 Hung tợn con là một thiên tài / Paul Thies. - Hà Nội : Phụ Nữ, 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H513T
Số ĐKCB: TN.003599, TN.003600, TN.003601, TN.003602, TN.003603

7539 Nhóm đặc nhiệm nhà c21 : Đọ sức ở trại hè / Lê Tấn Hiển. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH429Đ
Số ĐKCB: TN.003596, TN.003597, TN.003598

7540 Nhóm đặc nhiệm nhà c21 : Lá Thư viết... / Lê Tấn Hiển. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH429Đ
Số ĐKCB: TN.003593, TN.003594, TN.003595

7541 Nhóm đặc nhiệm nhà C21 : Từ các bao tải.... - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH429Đ
Số ĐKCB: TN.003590, TN.003591, TN.003592

7542 Kể chuyện danh nhân các nhà sinh học lỗi lạc. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 570.92 14/K250C
Số ĐKCB: TN.003587, TN.003588, TN.003589

7543 Kể chuyện danh nhân các nhà hóa học. - Hà Nội : [?], 2000. - 2tập ; 19cm
Các nhà hóa học nổi tiếng. - Hà Nội : Phụ Nữ, 2001. - tr. ; 19cm
T.2: Các nhà hóa học nổi tiếng.- Hà Nội,Phụ nữ,2001.- tr.
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 540.92 14/K250C
Số ĐKCB: TN.003584, TN.003585, TN.003586

7544 Các nhà hóa học nổi tiếng. - Hà Nội : Phụ nữ, 2001. - tr. ; 19cm
Các nhà hóa học nổi tiếng. - Hà Nội : Phụ nữ, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 540.92 14/K250C
Số ĐKCB: TN.003581, TN.003582, TN.003583, TN.004486, TN.004487

7545 Kể chuyện danh nhân các nhà vật lý vĩ đại. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 530.092 14/K250C
Số ĐKCB: TN.003578, TN.003579, TN.003580

7546 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn hóa học. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 540 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003573, TN.003574, TN.003575, TN.003576, TN.003577

7547 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn Vật lý. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn Vật lý. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003568, TN.003569, TN.003570, TN.003571, TN.003572

7548 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn Vật lý. - Hà Nội : [?], 2000. - 2 tập ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn Vật lý. - Hà Nội : Phụ Nữ, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003563, TN.003564, TN.003565, TN.003566, TN.003567

7549 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn hình học. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn hình học. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 516 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003558, TN.003559, TN.003560, TN.003561, TN.003562

7550 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn hình học. - Hà Nội : [?], 2000. - 2 tập ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn hình học. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 516 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003553, TN.003554, TN.003555, TN.003556, TN.003557

7551 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 512 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003548, TN.003549, TN.003550, TN.003551, TN.003552

7552 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 512 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003543, TN.003544, TN.003545, TN.003546, TN.003547

7553 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 512 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003538, TN.003539, TN.003540, TN.003541, TN.003542

7554 Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Mẹ cùng con khám phá bí ẩn đại số. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 512 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003533, TN.003534, TN.003535, TN.003536, TN.003537

7555 Moses chú mèo con kỳ lạ. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/M400S
Số ĐKCB: TN.003528, TN.003529, TN.003530, TN.003531, TN.003532

7556 Chú mèo con món quà trong ngày / James herriot. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/CH500M
Số ĐKCB: TN.003523, TN.003524, TN.003525, TN.003526, TN.003527

7557 Pa Xtơ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 14/
Số ĐKCB: TN.002254, TN.002255, TN.002256

7558 Ngày trọng đại của Bonny. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/NG112T
Số ĐKCB: TN.003513, TN.003514, TN.003515, TN.003516, TN.003517

7559 Tiếng sủa duy nhất. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T306S
Số ĐKCB: TN.003508, TN.003509, TN.003510, TN.003511, TN.003512

7560 Blosson trở về. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/B000L
Số ĐKCB: TN.003503, TN.003504, TN.003505, TN.003506, TN.003507

7561 Chú chó hành khất / James Herriot. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/CH500C
Số ĐKCB: TN.003498, TN.003499, TN.003500, TN.003501, TN.003502

7562 Vườn bách thú trên bầu trời sao. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V560B
Số ĐKCB: TN.003493, TN.003494, TN.003495, TN.003496, TN.003497

7563 Mẹ chồng ăn mì. - Thanh Hóa : Nxb. Thanh Hóa, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M200C
Số ĐKCB: TN.003488, TN.003489, TN.003490, TN.003491, TN.003492

7564 Đào giếng trong nhà. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ108G
Số ĐKCB: TN.003483, TN.003484, TN.003485, TN.003486, TN.003487

7565 Sự tích dưa hấu. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/S550T
Số ĐKCB: TN.003478, TN.003479, TN.003480, TN.003481, TN.003482

7566 Nguồn gốc loài người. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 599.9 14/NG517G
Số ĐKCB: TN.003473, TN.003474, TN.003475, TN.003476, TN.003477

7567 Hec - Quyn bắt sống lợn rừng. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H201Q
Số ĐKCB: TN.003468, TN.003469, TN.003470, TN.003471, TN.003472

7568 Hec - Quyn diệt mãng xà. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H201Q
Số ĐKCB: TN.003463, TN.003464, TN.003465, TN.003466, TN.003467

7569 Hec - Quyn quá trình đến sứ sở.... - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H201Q
Số ĐKCB: TN.003458, TN.003459, TN.003460, TN.003461, TN.003462

7570 Héc - Quyn lấy những quả táo. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H201Q
Số ĐKCB: TN.003453, TN.003454, TN.003455, TN.003456, TN.003457

7571 Hec - Quyn đoạt chiếc đai lưng.... - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H201Q
Số ĐKCB: TN.003448, TN.003449, TN.003450, TN.003451, TN.003452

7572 Hec - Quyn bắt bò mộng thần. - Hà Nội : [?[, 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H201Q
Số ĐKCB: TN.003443, TN.003444, TN.003445, TN.003446, TN.003447

7573 Cây cau thần và cô gái nhà nghèo. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C126C
Số ĐKCB: TN.003438, TN.003439, TN.003440, TN.003441, TN.003442

7574 Chú lính chì. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/CH500L
Số ĐKCB: TN.003435, TN.003436, TN.003437

7575 Công chúa ngủ trong rừng. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Công chúa ngủ trong rừng. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/C455C
Số ĐKCB: TN.003432, TN.003433, TN.003434

7576 Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn / Ia - Cốp. - Hà Nội : [?], 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.7 14/N106B
Số ĐKCB: TN.003429, TN.003430, TN.003431

7577 Dải sương mù chết chóc / Jarson Dark. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/D103S
Số ĐKCB: TN.003426, TN.003427, TN.003428

7578 Ông già đọc chuyện tình / Luis Sepulveda. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 860 14/Ô - 455G
Số ĐKCB: TN.003422, TN.003423, TN.003424, TN.003425

7579 Ngôi nhà huyền bí. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.003418, TN.003419, TN.003420, TN.003421

7580 Tiếng gọi trong mơ. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T306G
Số ĐKCB: TN.003414, TN.003415, TN.003416, TN.003417

7581 Ma rừng / Văn Vinh. - Hà Nội : Thanh Niên, 2001. - 238 tr. ; 17 cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M100R
Số ĐKCB: TN.003410, TN.003411, TN.003412, TN.003413

7582 Bóng sói / Trần Hồng Ngọc. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B431S
Số ĐKCB: TN.003406, TN.003407, TN.003408, TN.003409

7583 Ngôi nhà trú đông. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/NG452N
Số ĐKCB: TN.001327, TN.001328, TN.001329, TN.001330, TN.001331

7584 Dải sương mù chết chóc / Jarson Dark. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/D103S
Số ĐKCB: TN.003405

7585 Thế giới các loại đá / Rae Bains; Mai Thế Trung d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 28tr. : tranh
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 553.6 14/Đ100
Số ĐKCB: TN.001322, TN.001323, TN.001324, TN.001325, TN.001326

7586 Chuyện tàu xe / Keith Brandt; Bùi Việt d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH527T
Số ĐKCB: TN.001317, TN.001318, TN.001319, TN.001320, TN.001321

7587 Nhóm đặc nhiệm nhà C21. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.003389, TN.003390, TN.003391, TN.003392, TN.003393, TN.003394, TN.003395, TN.003396, TN.003397, TN.003398, TN.003399,

7588 Xây dựng quanh ta. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 20tr. : ảnh ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.001312, TN.001313, TN.001314, TN.001315, TN.001316, TN.002242, TN.002243, TN.002244

7589 Công chúa thiên nga. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/C455C
Số ĐKCB: TN.003385, TN.003386, TN.003387, TN.003388

7590 Bầu trời xanh cho em / Hồ Ngọc Đoan Khương. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B125T
Số ĐKCB: TN.003381, TN.003382, TN.003383, TN.003384

7591 Người bạn gái đầu tiên / Trang Thơ. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558B
Số ĐKCB: TN.003377, TN.003378, TN.003379, TN.003380

7592 Người tiền sử / Michael Benton. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 31tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 569.9 14/NG558T
Số ĐKCB: TN.001307, TN.001308, TN.001309, TN.001310, TN.001311

7593 Vua nấm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.003373, TN.003374, TN.004969, TN.004970, TN.004971, TN.003375, TN.003376

7594 Ca dao của con. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.8 14/C100D
Số ĐKCB: TN.003369, TN.003370, TN.003371, TN.003372

7595 Phép lạ / Bùi Hiển. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/PH206 L
Số ĐKCB: TN.003361, TN.003362, TN.003363, TN.003364

7596 Năm tuần trên khinh khí cầu / Jules Verne. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/N114T
Số ĐKCB: TN.003357, TN.003358, TN.003359, TN.003360

7597 Chuỗi thức ăn của muôn loài : Truyện tranh / Francene Sabin. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/CH515T

Số ĐKCB: TN.001302, TN.001303, TN.001304, TN.001305, TN.001306

7598 Cuộc phiêu lưu của Sati và .... - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.8 14/C514P

Số ĐKCB: TN.003353, TN.003354, TN.003355, TN.003356

7599 Cung mèo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.003349, TN.004975, TN.004976, TN.004977, TN.003350, TN.003351, TN.003352

7600 Hình tròn kỳ diệu. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 23tr. : tranh vẽ ; 20cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/H312T

Số ĐKCB: TN.001297, TN.001298, TN.001299, TN.001300, TN.001301

7601 Cấp cứu thủy nạn / Trần Thới. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.003346, TN.003347, TN.003348, TN.004791, TN.004792, TN.004793

7602 Cậu bé mê toán / Đỗ Thị Hiền Hòa. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B

Số ĐKCB: TN.003342, TN.003343, TN.003344, TN.003345

7603 Điện / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Điện / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 537 14/Đ305

Số ĐKCB: TN.001292, TN.001293, TN.001294, TN.001295, TN.001296

7604 Điện / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Điện / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 537 14/Đ305

Số ĐKCB: TN.001287, TN.001288, TN.001289, TN.001290, TN.001291

7605 Sao biển. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S108B

Số ĐKCB: TN.003338, TN.003339, TN.003340, TN.003341

7606 Bố sẽ trở về. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B450S

Số ĐKCB: TN.003334, TN.003335, TN.003336, TN.003337

7607 Một bông hồng cho cha / Võ Hồng. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458B
Số ĐKCB: TN.003330, TN.003331, TN.003332, TN.003333

7608 Giấc mộng tiên tri. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2002. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.003326, TN.003327, TN.003328, TN.003329, TN.005029, TN.005031, TN.005030

7609 Gugielmo Marcori và vô tuyến điện / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 384.5 14/G500G
Số ĐKCB: TN.001282, TN.001283, TN.001284, TN.001285, TN.001286

7610 Tô mat Êđixơn và điện / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 21tr. : tranh vẽ ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 537 14/T450M
Số ĐKCB: TN.001277, TN.001278, TN.001279, TN.001280, TN.001281

7611 Ixaắc NiuTơn & trọng lực / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 25tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 530 14/I300X
Số ĐKCB: TN.001272, TN.001273, TN.001274, TN.001275, TN.001276

7612 Arixtot và tư duy khoa học / Steve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 27tr. : ảnh ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: A100R 14/153.4
Số ĐKCB: TN.001268, TN.001269, TN.001267, TN.001270, TN.001271

7613 Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/B400C
Số ĐKCB: TN.003322, TN.003323, TN.003324, TN.003325

7614 Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/B400C
Số ĐKCB: TN.003318, TN.003319, TN.003320, TN.003321

7615 Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/B400C
Số ĐKCB: TN.003314, TN.003315, TN.003316, TN.003317

7616 Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/B400C
Số ĐKCB: TN.003310, TN.003311, TN.003312, TN.003313

7617 Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Bo cu tiểu long thần / Ama Toriy. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.8 14/B400C
Số ĐKCB: TN.003306, TN.003307, TN.003308, TN.003309

7618 Nguyên tử & phân tử / Rae Bains. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 28tr. : tranh vẽ ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/NG527T
Số ĐKCB: TN.001262, TN.001263, TN.001264, TN.001265, TN.001266

7619 Lũ quỹ nhỏ xóm củi / Nông Huyền Sơn. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L500Q
Số ĐKCB: TN.003302, TN.003303, TN.003304, TN.003305

7620 Máy quay phim trong lòng một nghệ thuật sống động / Fabrice Revault D'Allonnes. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 40tr. : hình ảnh ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001257, TN.001258, TN.001259, TN.002248, TN.002249, TN.002250, TN.001260, TN.001261

7621 Sứ mệnh Kinh hoàng / Lê Quang Bình. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550M
Số ĐKCB: TN.003298, TN.003299, TN.003300, TN.003301

7622 Xu vi lông ngựa sáp. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.8 14/X500V
Số ĐKCB: TN.003294, TN.003295, TN.003296, TN.003297

7623 Hươu sao đáng yêu. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H564S
Số ĐKCB: TN.003293

7624 Chim bói cá cao thủ bắt cá. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 598 14/CH310B
Số ĐKCB: TN.003292

7625 An be Anhxtanh & thuyết tương đối / Steve Parker. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 27tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001252, TN.001253, TN.001254, TN.001255, TN.001256, TN.003904, TN.003905, TN.003906, TN.003907

7626 Voi đại lực sĩ mũi dài. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V428Đ
Số ĐKCB: TN.003290, TN.003291

7627 1000 từ vựng bằng hình = 1000 words in pictures : Vui học tiếng Anh bằng hình ảnh / Nguyễn Thanh Loan. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2016. - 96tr. : hình ảnh ; 28cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.0071 23/V510H

Số ĐKCB: TN.016713, TN.016714, TN.016715

7628 1000 từ vựng theo chủ đề = 1000 words to talk about : Vui học tiếng Anh bằng hình ảnh / Nguyễn Thanh Loan. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2016. - 95tr. : hình ảnh ; 28cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.0071 23/M458H

Số ĐKCB: TN.016710, TN.016711, TN.016712

7629 Khiêm tốn / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền m.h.. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 39tr. : Tranh vẽ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 0/KH561T

Số ĐKCB: LD.049515, LD.049516, TN.016704, TN.016705

7630 Sạch sẽ / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền m.h.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 39tr. : ảnh ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S102S

Số ĐKCB: TN.016706, TN.016707, LD.049523, LD.049524

7631 Nhường nhịn / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên m.h.. - In lần thứ 6. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2017. - 39tr. : Tranh vẽ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NH561N

Số ĐKCB: TN.016709, LD.049513, LD.049514, TN.016708

7632 Các từ tiếng Anh nào có 3 chữ cái ? : Giúp các bạn nhỏ làm quen và nhân biết từu tiếng Anh đơn giản / Angela Banner; Thùy Dương d.. - Hà Nội : Thanh niên, 2017. - 112tr. : tranh vẽ ; 14cm. - (Tủ sách ong và kiến)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C101T

Số ĐKCB: TN.016701, TN.016702, TN.016703

7633 Bé tí hon = Thumbelina : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : ảnh ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/B200T

Số ĐKCB: TN.016643, TN.016644

7634 Giáng sinh yêu thương = A chrismas carol : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : ảnh ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.236 23/GI-106S
Số ĐKCB: TN.016641, TN.016642

7635 Con ngỗng đẻ trứng vàng = The goose that laid golden eggs : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : ảnh ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.245 23/C430N
Số ĐKCB: TN.016639, TN.016640

7636 Alice ở xứ sở thần tiên = Alice in wonderland : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : ảnh ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.234 23/A100L
Số ĐKCB: TN.016637, TN.016638

7637 Những cuộc phiêu lưu của Pinocchio = The adventures of pinocchio : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : ảnh ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016635, TN.016636

7638 Chiếc bánh lớn = The big pancake : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. : ảnh ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/CH303B
Số ĐKCB: TN.016633, TN.016634

7639 Diego ở Madrid / Dulce Gamonal; Laurent Audoin m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.64104 23/D300O
Số ĐKCB: TN.016661, TN.016662

7640 Fiona ở Edinburgh / Anke Feuchter; Élodie Durand m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.13404 23/F100O
Số ĐKCB: TN.016663, TN.016664

7641 Marie ở Paris / Francoise Sabatier, Morel, Isabelle Pellegrini; Princesse Camcam m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội, 2017. - 31tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.436104 23/M100R
Số ĐKCB: TN.016665, TN.016666

7642 Bình Bình ở Bắc Kinh / Stephanni Ollivier; Sun Hsin - Yu m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.115604 23/N100V
Số ĐKCB: TN.016669, TN.016670

7643 Navani ở Delhi / Anne Benoit, Renard; Mylène Rigavdie m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.45604 23/N100V
Số ĐKCB: TN.016667, TN.016668

7644 Những cuộc phiêu lưu của Peter Pan = The adventures of Peter Pan : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016631, TN.016632

7645 Bà chúa tuyết = The snow queen : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/B100C
Số ĐKCB: TN.016629, TN.016630

7646 Chàng kẹp hồ đào và vua chuột = The nutcracker and the mouse king : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/CH106K
Số ĐKCB: TN.016647, TN.016648

7647 Phù thủy xứ Oz = The the wizard of oz : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/PH500T
Số ĐKCB: TN.016627, TN.016628

7648 Vườn địa đàng = The garden of paradise : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 26cm. - (Câu chuyện ở xứ thần tiên)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.234 23/N106C
Số ĐKCB: TN.016645, TN.016646

7649 Nàng công chúa trên đồi Pha Lê = The princess on the glass hill : Sống với giấc mơ của bạn / Xuân Uyên d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 16tr. ; 26cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.22 23/N106C
Số ĐKCB: TN.016625, TN.016626

7650 Miyaho ở Tokyo / T.g.: Miho Yamada,Princesse Camcam; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 915.213504 23/M300Y
Số ĐKCB: TN.016671, TN.016672

7651 Charlie ở London / Stéphane Husar; Yannick Robert m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.21204 23/CH100R
Số ĐKCB: TN.016673, TN.016674

7652 Max ở Sydney / Stéphane Husar; Mark Sofilas m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội, 2017. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 919.44104 23/M100X
Số ĐKCB: TN.016675, TN.016676

7653 Eva ở Stockholm / Isabell Pellegrini; Charline Pcard m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.87304 23/E000V
Số ĐKCB: TN.016677, TN.016678

7654 Felix ở Berlin / Anke Feuchter; Eslodie Durand m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà Nội, 2017. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.315504 23/F200L
Số ĐKCB: TN.016679, TN.016680

7655 Paolo ở Rome / Anne Benoit, Renard; Mylène Rigavdie m.h.; Nguyễn Quang Khải d.. - Hà
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 914.504 23/P108L
Số ĐKCB: TN.016681, TN.016682

7656 Truyện kể về đức tính khiêm tốn / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2016. - 223r. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016607, TN.016608, TN.016609, XLD.006613, XLD.006614

7657 Truyện kể về nhân cách / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2016. - 227r. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016586, TN.016587, TN.016588

7658 Tiết kiệm / Hà Yên b.s.; M.h.: Hoài Phương, Bảo Quế. - In lần thứ 5. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2019. - 39tr. : hình vẻ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T308K
Số ĐKCB: TN.016699, LD.049525, LD.049526, TN.016700

7659 Không ganh tị / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền m.h.. - Tái bản lần thứ nhất. - Hà Nội, 2017. - 39tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/KH455G
Số ĐKCB: LD.049519, LD.049520, TN.016695, TN.016696

7660 Truyện kể về lòng cao thượng / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 227r. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016589, TN.016590, TN.016591

7661 Sạch sẽ / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền m.h.. - Tái bản lần thứ nhất. - Hà Nội, 2017. - 39tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/S102S
Số ĐKCB: TN.016697, TN.016698

7662 Lễ phép / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên m.h.. - In lần thứ 7. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2019. - 39tr. : Tranh vẽ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/L250P
Số ĐKCB: TN.016693, TN.016694, LD.049511, LD.049512

7663 Chăm chỉ / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên m.h.. - In lần thứ 7. - Hà Nội, 2017. - 39tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/CH114C
Số ĐKCB: TN.016691, TN.016692, LD.049527, LD.049528

7664 Truyện kể về tinh thần lạc quan / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 226r. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016592, TN.016593, TN.016594

7665 Ngoan ngoãn / Hà Yên b.s.; Trúc Duyên m.h.. - In lần thứ 8. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2019. - 39tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG406N
Số ĐKCB: TN.016690, LD.049521, LD.049522, TN.016689

7666 Truyện kể về lòng bao dung / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2016. - 223tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016595, TN.016596, TN.016597

7667 Truyện kể về sự thông minh tài trí / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 227tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016598, TN.016599, TN.016600

7668 Truyện kể về ý chí và nghị lực / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 227tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016601, TN.016602, TN.016603

7669 Truyện kể về niềm tin và hi vọng / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 227tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016610, TN.016611, TN.016612

7670 Truyện kể về những tấm gương đạo đức / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016604, TN.016605, TN.016606, XLD.006682, XLD.006683

7671 Chia sẻ : Hà Yên b.s.; m.h.: Hoài Phương, Xuân Việt. - In lần thứ 7. - Hà Nội, 2017. - 39tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Gieo mầm tính cách cho bé yêu)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH561N
Số ĐKCB: LD.049517, LD.049518, TN.016687, TN.016688

7672 Khiêm tốn / Hà Yên b.s.; Ngọc Huyền m.h.. - Hà Nội, 2017. - 39tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/KH304T
Số ĐKCB: TN.016683, TN.016684

7673 Truyện kể về đạo lý lớn trong những câu chuyện nhỏ / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016613, TN.016614, TN.016615

7674 Truyện kể về tính tự lập / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 223tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016616, TN.016617, TN.016618

7675 Henry giúp mẹ chăm em : Henry thích phụ giúp / Beth Bracken; Ailie Busby minh họa; Đoàn phạm Thùy trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 45tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016649, TN.016650

7676 Henry giúp ba mẹ nướng bánh : Henry thích phụ giúp / Beth Bracken; Ailie Busby minh họa; Đoàn phạm Thùy trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 45tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016651, TN.016652

7677 Henry giúp ba mẹ làm vườn : Henry thích phụ giúp / Beth Bracken; Ailie Busby minh họa; Đoàn phạm Thùy trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 45tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016653, TN.016654

7678 Henry giúp ba dọn phòng : Henry thích phụ giúp / Beth Bracken; Ailie Busby minh họa; Đoàn phạm Thùy trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 45tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016655, TN.016656

7679 Henry giúp ba nấu ăn : Henry thích phụ giúp / Beth Bracken; Ailie Busby minh họa; Đoàn phạm Thùy trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 45tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016657, TN.016658

7680 Henry giúp mẹ giặt đồ : Henry thích phụ giúp / Beth Bracken; Ailie Busby minh họa; Đoàn phạm Thùy trang d.. - Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 45tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.016659, TN.016660

7681 Truyện kể về những trái tim nhân hậu / Hoàng Thúy t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 247tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016619, TN.016620, TN.016621

7682 Truyện kể về lòng dũng cảm / Dương Phong t.c.. - Hà Nội : Hồng Đức, 2015. - 231tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.353 23/TR527K
Số ĐKCB: TN.016622, TN.016623, TN.016624

7683 Chuột túi. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH519T
Số ĐKCB: TN.003286, TN.003287, TN.003288, TN.003289

7684 Cổ học tinh hoa bằng tranh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.003226, TN.003227, TN.003228, TN.003229, TN.003230, TN.003231, TN.003232, TN.003233, TN.003234, TN.003235, TN.003236,

7685 Giọng hót chim sơn ca / Nguyễn Hoàng. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI431H
Số ĐKCB: TN.003222, TN.003223, TN.003224, TN.003225

7686 Ve vẻ vè ve. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/V200V
Số ĐKCB: TN.003218, TN.003219, TN.003220, TN.003221

7687 Cá lóc nuôi con / Quốc Việt. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C100L
Số ĐKCB: TN.003214, TN.003215, TN.003216, TN.003217

7688 U ù xay. - tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/U000U
Số ĐKCB: TN.003210, TN.003211, TN.003212, TN.003213

7689 Phù Đổng Thiên Vương / Nguyễn Hoàng. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/PH500Đ
Số ĐKCB: TN.003206, TN.003207, TN.003208, TN.003209

7690 Cái áo của thỏ con / Nhật Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C103A
Số ĐKCB: TN.003202, TN.003203, TN.003204, TN.003205

7691 Triệu Thị Trinh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7 14/TR309T
Số ĐKCB: TN.003198, TN.003199, TN.003200, TN.003201

7692 Những người bạn tốt. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.003194, TN.003195, TN.003196, TN.003197

7693 Cuội được tiền. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.003190, TN.003191, TN.003192, TN.003193, TN.004644, TN.004645, TN.004646

7694 Hoa. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H401
Số ĐKCB: TN.003186, TN.003187, TN.003188, TN.003189

7695 Ếch và ba ba. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ê- 252V
Số ĐKCB: TN.003182, TN.003183, TN.003184, TN.003185

7696 Não hoạt động như thế nào?. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.003178, TN.003179, TN.003180, TN.005192, TN.005193, TN.005194, TN.003181

7697 Hạt và chồi / Thanh Nghi. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H110V
Số ĐKCB: TN.003174, TN.003175, TN.003176, TN.003177

7698 Con ruồi gián điệp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430R
Số ĐKCB: TN.003170, TN.003171, TN.003172, TN.003173

7699 Con người bay lên trời. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430N
Số ĐKCB: TN.003166, TN.003167, TN.003168, TN.003169

7700 Mùa hoa phượng. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M501H
Số ĐKCB: TN.003162, TN.003163, TN.003164, TN.003165

7701 Gã khổng lồ ích kỷ / Cosgar Wilde. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 833 14/G100K
Số ĐKCB: TN.003158, TN.003159, TN.003160, TN.003161

7702 Chó sói tranh hùng. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH400S
Số ĐKCB: TN.003154, TN.003155, TN.003156, TN.003157

7703 Chuột túi. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH519T
Số ĐKCB: TN.003146, TN.003147, TN.003148, TN.003149

7704 Cuộc phiêu lưu của chú cánh cam. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514P
Số ĐKCB: TN.003142, TN.003143, TN.003144, TN.003145

7705 Thầy thuốc bất đắc dĩ. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH126T
Số ĐKCB: TN.003138, TN.003139, TN.003140, TN.003141

7706 Hiệp sĩ áo xanh / Ngô Văn Phú. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H307S
Số ĐKCB: TN.003134, TN.003135, TN.003136, TN.003137

7707 Ông già khốt Ta bít / II Lagin. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.7 14/Ô455G
Số ĐKCB: TN.003130, TN.003131, TN.003132, TN.003133

7708 Chuyện của mẹ / Lan Phương. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C
Số ĐKCB: TN.003126, TN.003127, TN.003128, TN.003129

7709 Ngôi sao mất tích / Thy Ngọc. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG452S
Số ĐKCB: TN.003122, TN.003123, TN.003124, TN.003125

7710 Cuộc phiêu lưu trên nước lũ / Y Ban. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C514P
Số ĐKCB: TN.003118, TN.003119, TN.003120, TN.003121

7711 Con quỉ giỗ / Nguyễn Quang Thiều. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430Q
Số ĐKCB: TN.003114, TN.003115, TN.003116, TN.003117

7712 Hoàng lạc / Trần Minh Châu. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H407L
Số ĐKCB: TN.003110, TN.003111, TN.003112, TN.003113

7713 Lực và chuyển động. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 2tập ; 21cm
Lực và chuyển động / Peter Lafferty. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/L552V
Số ĐKCB: TN.001217, TN.001218, TN.001219, TN.001220, TN.001221

7714 Lực và chuyển động / Peter Lafferty. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 32tr. ; 21cm
Lực và chuyển động / Peter Lafferty. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 32tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/L552V
Số ĐKCB: TN.001212, TN.001213, TN.001214, TN.001215, TN.001216

7715 Chuyên án cuối năm / Đào Hữu Phương. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527A
Số ĐKCB: TN.003106, TN.003107, TN.003108, TN.003109

7716 Tàu hỏa. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 2tập ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 385 14/T111H
Số ĐKCB: TN.001207, TN.001208, TN.001209, TN.001210, TN.001211

7717 Tàu hỏa. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 385 14/T111H
Số ĐKCB: TN.001202, TN.001203, TN.001204, TN.001205, TN.001206

7718 Dòng sông một bờ / Như Bình. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D431S
Số ĐKCB: TN.003102, TN.003103, TN.003104, TN.003105

7719 Tàu thuyền / Eric Kentley. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tàu thuyền / Eric Kentley. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 623.8 14/T111T
Số ĐKCB: TN.001197, TN.001198, TN.001199, TN.001200, TN.001201

7720 Tàu thuyền / Eric Kently. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - 2tập ; 21cm
Tàu thuyền / Eric Kentley. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 623.8 14/T111T
Số ĐKCB: TN.001192, TN.001193, TN.001194, TN.001195, TN.001196

7721 Cu ly / Võ Văn Trực. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C500L
Số ĐKCB: TN.003098, TN.003099, TN.003100, TN.003101

7722 Bọn trẻ nơi ngọn hải đăng / Y Rhuys. - Hà Hội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/B430T
Số ĐKCB: TN.003094, TN.003095, TN.003096, TN.003097

7723 Khúc đồng dao lấp lánh / Kao Sơn. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/KH506Đ
Số ĐKCB: TN.003090, TN.003091, TN.003092, TN.003093

7724 Bé Pôn và con đùa dai / A - Let - Xan - Dri - Ni - Giăng. - Hà Nội : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.7 14/B200P
Số ĐKCB: TN.003086, TN.003087, TN.003088, TN.003089

7725 Tiếng Ang nâng cao lớp 9. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/T306A
Số ĐKCB: TN.001189, TN.001190, TN.001191

7726 Tiếng Ang nâng cao lớp 8. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/T306A
Số ĐKCB: TN.001186, TN.001187, TN.001188

7727 Tiếng Ang nâng cao lớp 7. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/T306A
Số ĐKCB: TN.001183, TN.001184, TN.001185

7728 Tiếng Ang nâng cao lớp 6. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 428 14/T306A
Số ĐKCB: TN.001180, TN.001181, TN.001182

7729 250 bài toán hóa học chọn lọc / Đào Hữu Vinh. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 540 14/H102T
Số ĐKCB: TN.001177, TN.001178, TN.001179

7730 Bé và những người ông / Hồng Hoàng. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B200V
Số ĐKCB: TN.003082, TN.003083, TN.003084, TN.003085

7731 18 đề ôn luyệ vật lý lớp 9 / Vũ Thanh Khiết. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/M558T
Số ĐKCB: TN.001176

7732 Con cà cuống màu lá mạ / Nguyễn Quang Thân. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430C
Số ĐKCB: TN.003078, TN.003079, TN.003080, TN.003081

7733 Mùa sim chín / Nguyễn Đức Hiền. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M501S
Số ĐKCB: TN.003073, TN.003074, TN.003075, TN.003076, TN.003077

7734 200 bài tập vật lý chọn lọc. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530 14/H103T
Số ĐKCB: TN.001173, TN.001174, TN.001175

7735 Toán cơ bản và nâng cao hình học. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 21cm
Toán cơ bản và nâng cao hình học. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406C
Số ĐKCB: TN.001168, TN.001169, TN.001170, TN.001171, TN.001172

7736 Toán cơ bản và nâng cao hình học. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - 3tập ; 24cm
Toán cơ bản và nâng cao hình học. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406C
Số ĐKCB: TN.001163, TN.001164, TN.001165, TN.001166, TN.001167

7737 Toán cơ bản và nâng cao hình học. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - 3tập ; 24cm
Toán cơ bản và nâng cao hình học. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406C
Số ĐKCB: TN.001158, TN.001159, TN.001160, TN.001161, TN.001162

7738 Đi đó đi đây / Michael Berenstain. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/Đ300Đ
Số ĐKCB: TN.003069, TN.003070, TN.003071, TN.003072

7739 Toán cơ bản nâng cao đại số / Vũ Hữu Bình. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Toán cơ bản nâng cao đại số / Vũ Hữu Bình. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406C
Số ĐKCB: TN.001153, TN.001154, TN.001155, TN.001156, TN.001157

7740 Toán cơ bản nâng cao đại số / Vũ Hữu Bình. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tập ; 24cm
Toán cơ bản nâng cao đại số / Vũ Hữu Bình. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406C
Số ĐKCB: TN.001148, TN.001149, TN.001150, TN.001151, TN.001152

7741 Bà biết hết. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100B
Số ĐKCB: TN.003067, TN.003068

7742 Top ten mười nhất. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T434
Số ĐKCB: TN.003065, TN.003066

7743 Phù thủy và pháp sư / Brian Lane; Lane, Brian. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - 2 tập ; 19cm
Phù thủy và pháp sư / Brian Lane. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/PH500T
Số ĐKCB: TN.003061, TN.003062, TN.003063, TN.003064

7744 Phù thủy và pháp sư / Lane, Brian; Brian Lane. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - 2 tập ; 19cm
Phù thủy và pháp sư / Hill Douglas. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/PH500T
Số ĐKCB: TN.003057, TN.003058, TN.003059, TN.003060

7745 Giải bài tập toán 5 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tập ; 24cm
Giải bài tập toán 5 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/GI-103B
Số ĐKCB: TN.001133, TN.001134, TN.001135, TN.001136, TN.001137

7746 Giải bài tập toán 5 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Giải bài tập toán 5 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/GI-103B
Số ĐKCB: TN.001128, TN.001129, TN.001130, TN.001131, TN.001132

7747 Giải bài tập toán 4 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tập ; 24cm
Giải bài tập toán 4 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001113, TN.001114, TN.001115, TN.001116, TN.001117

7748 Con mắt của cánh buồm. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430M
Số ĐKCB: TN.003055, TN.003056

7749 Giải bài tập toán 4 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tập ; 24cm
Giải bài tập toán 4 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001108, TN.001109, TN.001110, TN.001111, TN.001112

7750 Bà sạch sẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100S
Số ĐKCB: TN.003051, TN.003052, TN.003053, TN.003054

7751 Ngài hoàn hảo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG103H
Số ĐKCB: TN.003048, TN.003049, TN.003050

7752 Chuột kén rể. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH519K
Số ĐKCB: TN.003044, TN.003045, TN.003046, TN.003047

7753 Bài tập toán nâng cao 3 / Nguyễn Xuân Qùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001103, TN.001104, TN.001105, TN.001106, TN.001107

7754 Giải bài tập toán 3 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tập ; 21cm
Giải bài tập toán 3 / Nguyễn,Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/GI-103B
Số ĐKCB: TN.001098, TN.001099, TN.001100, TN.001101, TN.001102

7755 Giải bài tập toán 3 / Nguyễn,Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Giải bài tập toán 3 / Nguyễn,Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/GI-103B
Số ĐKCB: TN.001093, TN.001094, TN.001095, TN.001096, TN.001097

7756 Bài tập toán nâng cao 2 / Nguyễn Xuân Thùy. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 114tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.001088, TN.001089, TN.001090, TN.001091, TN.001092

7757 Giải bài tập toán lớp 2 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tập ; 21cm
Giải bài tập toán lớp 2 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/GI-103B
Số ĐKCB: TN.001078, TN.001079, TN.001080, TN.001081, TN.001082

7758 Giải bài tập toán lớp 2 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Giải bài tập toán lớp 2 / Nguyễn Phát Đạt. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/GI-103B
Số ĐKCB: TN.001083, TN.001084, TN.001085, TN.001086, TN.001087

7759 Em học tốt văn lớp 9 / Trần Đình Sử. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807.6 14/E202H
Số ĐKCB: TN.001073, TN.001074, TN.001075, TN.001076, TN.001077

7760 Những bài làm văn chọn lọc lớp 9 / Vũ Nho. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 143tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807.6 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.001068, TN.001069, TN.001070, TN.001071, TN.001072

7761 Những bài làm văn chọn lọc lớp 8 / Vũ Nho. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 111tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807.6 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.001063, TN.001064, TN.001065, TN.001066, TN.001067

7762 E học tốt văn lớp 8. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807.6 14/E202H
Số ĐKCB: TN.001058, TN.001059, TN.001060, TN.001061, TN.001062

7763 Những bài làm văn chọn lọc 7 / Vũ Nho. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - 174tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807.6 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.001053, TN.001054, TN.001055, TN.001056, TN.001057

7764 E học tốt văn lớp 7. - Hà Nội : Giáo dục, 1997. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807.6 14/E202H
Số ĐKCB: TN.001048, TN.001049, TN.001050, TN.001051, TN.001052

7765 Những bài làm văn chọn lọc 6 / Vũ Nho. - Hà Nội : Giáo dục, 1999. - 171tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 807.6 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.001043, TN.001044, TN.001045, TN.001046, TN.001047

7766 Em học tốt văn 6 / Nguyễn Văn Long. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/E202H

Số ĐKCB: TN.001038, TN.001039, TN.001040, TN.001041, TN.001042

7767 Tập làm văn lớp 5 / Trần Hòa Bình. - Hà Nội : Giáo dục, 2000. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/T123L

Số ĐKCB: TN.001033, TN.001034, TN.001035, TN.001036, TN.001037

7768 Tập làm văn lớp 4 / Phạm Thấu. - Hà Nội : Giáo dục, 2000. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/T123L

Số ĐKCB: TN.001028, TN.001029, TN.001030, TN.001031, TN.001032

7769 Tập làm văn lớp 3 / Nguyễn Nghiệp. - Hà Nội : Giáo dục, 2000. - 64tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/T123L

Số ĐKCB: TN.001023, TN.001024, TN.001025, TN.001026, TN.001027

7770 Tập làm văn lớp 2 / Thanh Hà. - Hà Nội : Giáo dục, 2000. - 75tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 807.6 14/T123L

Số ĐKCB: TN.001018, TN.001019, TN.001020, TN.001021, TN.001022

7771 Đảo và quần đảo / Nguyễn Tứ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - 75tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.001013, TN.001014, TN.001015, TN.001016, TN.001017, TN.002404

7772 Một nữa chân trời / Trần Huyền Ân. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458N

Số ĐKCB: TN.001008, TN.001009, TN.001010, TN.001011, TN.001012

7773 Nhành cọ non / Trần Quốc Toàn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 116tr. ; 18cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH107C

Số ĐKCB: TN.001003, TN.001004, TN.001005, TN.001006, TN.001007

7774 Gió bụi Sài Gòn / Bùi Cát Vũ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI-400B

Số ĐKCB: TN.000998, TN.000999, TN.001000, TN.001001, TN.001002

7775 Cô trắng vườn chim / Kim Mai. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1997. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C450T

Số ĐKCB: TN.000993, TN.000994, TN.000995, TN.000996, TN.000997

7776 Chú bé thất sơn / Phạm Công Luận. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 199. - 101tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500B

Số ĐKCB: TN.000988, TN.000989, TN.000990, TN.000991, TN.000992

7777 Giếng làng / Xuân Mai. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 83tr. ; 18cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI-255L
Số ĐKCB: TN.000983, TN.000984, TN.000985, TN.000986, TN.000987

7778 Những ngôi sao may mắn / Nguyễn Thị Thu Lợi. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000. - tr. ; 61cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556N
Số ĐKCB: TN.000978, TN.000979, TN.000980, TN.000981, TN.000982

7779 Một cần câu / Trần Thanh Địch. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458C
Số ĐKCB: TN.000973, TN.000974, TN.000975, TN.000976, TN.000977

7780 Hoa trên sỏi / Huỳnh Văn Mỹ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 287tr. ; 16cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H401T
Số ĐKCB: TN.000968, TN.000969, TN.000970, TN.000971, TN.000972

7781 Mảnh đời trôi nổi / Phương Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 190tr ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000963, TN.000964, TN.000965, TN.000966, TN.000967, TN.018831

7782 Nghệ thuật thắt dây ayatori / Nguyễn Bích Nhã. - Hà Nội : Mỹ thuật, 1999. - 159tr. ; 1999cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 745 14/NGH250T
Số ĐKCB: TN.000958, TN.000959, TN.000960, TN.000961, TN.000962

7783 100 truyện cổ tích Việt Nam. - Hà Nội : Văn học, 1999. - 100tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2094 14/M458T
Số ĐKCB: TN.000953, TN.000954, TN.000955, TN.000956, TN.000957

7784 Khe nước thần. - Hà Nội : Văn học, 1999. - 100tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2094 14/KH200N
Số ĐKCB: TN.000948, TN.000949, TN.000950, TN.000951, TN.000952

7785 Ông vua anh ninh. - Hà Nội : Phụ nữ, 1999. - 199tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20944 14/Ô455V
Số ĐKCB: TN.000943, TN.000944, TN.000945, TN.000946, TN.000947

7786 Matilda cô bé nghịch ngợm / Roald Dahl. - Hà Nội : Kim đồng, 2000. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 14/M110T
Số ĐKCB: TN.000933, TN.000934, TN.000935, TN.000936, TN.000937

7787 Bồi dưỡng toán tiểu học 4 / Lê Hải Châu. - Hà Nội : Đại học Quốc gia, 2000. - 150tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/T406T

Số ĐKCB: TN.000928, TN.000929, TN.000930, TN.000931, TN.000932

7788 Chuyện kể mỗi ngày / Muriel Bloch. - Hà Nội : Phụ nữ, 2000. - 655tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000924, TN.000925, TN.000926, TN.000927, TN.002018, TN.002019, TN.002020, TN.002021

7789 Danh nhân khoa học Việt Nam / Lê Minh Quốc. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.092 14/D107N

Số ĐKCB: TN.000920, TN.000921, TN.000922, TN.000923

7790 Danh nhân sư phạm Việt Nam / Lê Minh Quốc. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 134tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.092 14/D107N

Số ĐKCB: TN.000916, TN.000917, TN.000918, TN.000919

7791 Bé học lễ giáo. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B200H

Số ĐKCB: TN.000912, TN.000913, TN.000914, TN.000915

7792 Vịt con và các bạn. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.9223 14/V314C

Số ĐKCB: TN.000908, TN.000909, TN.000910, TN.000911

7793 Lời chim non. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 24tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/L462C

Số ĐKCB: TN.000904, TN.000905, TN.000906, TN.000907

7794 Người con của bản Làng. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 32tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558C

Số ĐKCB: TN.000900, TN.000901, TN.000902, TN.000903

7795 Truyện thiếu nhi Trung Quốc. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 146tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TR527T

Số ĐKCB: TN.000896, TN.000897, TN.000898, TN.000899

7796 Danh nhân văn hóa Việt Nam / Lê Minh Quốc Danh. - Tp, Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 920.0092 14/D107N

Số ĐKCB: TN.000892, TN.000893, TN.000894, TN.000895

7797 Những anh hùng tuổi trẻ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7092 14/NH556A

Số ĐKCB: TN.000888, TN.000889, TN.000890, TN.000891

7798 Mũi tên thần / Nguyễn Quang Huynh. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 151tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/M510T
Số ĐKCB: TN.000884, TN.000885, TN.000886, TN.000887

7799 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000880, TN.000881, TN.000882, TN.000883

7800 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000876, TN.000877, TN.000878, TN.000879

7801 Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000872, TN.000873, TN.000874, TN.000875

7802 Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000868, TN.000869, TN.000870, TN.000871

7803 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000864, TN.000865, TN.000866, TN.000867

7804 Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000860, TN.000861, TN.000862, TN.000863

7805 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000856, TN.000857, TN.000858, TN.000859

7806 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000852, TN.000853, TN.000854, TN.000855

7807 Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000848, TN.000849, TN.000850, TN.000851

7808 Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000844, TN.000845, TN.000846, TN.000847

7809 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000840, TN.000841, TN.000842, TN.000843

7810 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7092 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000836, TN.000837, TN.000838, TN.000839

7811 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000832, TN.000833, TN.000834, TN.000835

7812 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000828, TN.000829, TN.000830, TN.000831

7813 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000824, TN.000825, TN.000826, TN.000827

7814 Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - tr. ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209597 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000820, TN.000821, TN.000822, TN.000823

7815 Người cổ việt nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - 17tập ; 19cm
Người cổ Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1998. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/NG558C
Số ĐKCB: TN.000816, TN.000817, TN.000818, TN.000819

7816 Để học tốt tiếng Anh 8. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/Đ250H
Số ĐKCB: TN.000813, TN.000814, TN.000815

7817 Để học tốt tiếng Anh 9. - Hà Nội : Giáo dục, 1998. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428 14/Đ250H
Số ĐKCB: TN.000809, TN.000810, TN.000811, TN.000812

7818 Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 7tập ; 19cm
Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.000805, TN.000806, TN.000807, TN.000808

7819 Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 7tập ; 19cm
Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.000801, TN.000802, TN.000803, TN.000804

7820 Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 7tập ; 19cm
Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.000797, TN.000798, TN.000799, TN.000800

7821 Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 7tập ; 19cm
Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.000793, TN.000794, TN.000795, TN.000796

7822 Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 7tập ; 19cm
Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.000789, TN.000790, TN.000791, TN.000792

7823 Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.000785, TN.000786, TN.000787, TN.000788

7824 Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Những viên tướng giỏi đời thường. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 900 14/NH556V
Số ĐKCB: TN.000781, TN.000782, TN.000783, TN.000784

7825 Chim có tai chuột có cánh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH310C
Số ĐKCB: TN.003040, TN.003041, TN.003042, TN.003043

7826 Kiến trúc sư Andrea Palladio. - Hà Nội : Kim Đồng, 2003. - 24tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 370.113 14/K305T
Số ĐKCB: TN.003036, TN.003038, TN.003039, TN.003037

7827 Ba trăm nụ cười trẻ thơ. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 1999. - 281tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 14/B100T
Số ĐKCB: TN.000776, TN.000777, TN.000778, TN.000779, TN.000780

7828 Thành phố của những hoàng đế / Phạm Quang Vinh. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - tr. : tranh ;

Tóm tắt: Quá trình xây dựng và phát triển kiến trúc thành phố Roma (La mã cổ đại) từ thời cổ đại đến thời trở thành thủ đô giáo hội Gia Tô

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH107P
Số ĐKCB: TN.003032, TN.003033, TN.003035, TN.003034

7829 Các bạn nhỏ lớp 9A / Mai Khang. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C101B
Số ĐKCB: TN.000772, TN.000773, TN.000774, TN.000775

7830 Cô bé nhân hậu / Lê Trường. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 1999. - 79tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000766, TN.000767, TN.000768, TN.000769, TN.000770, TN.000771

7831 Vì sao tay chân bị tê?. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 610 14/V300S
Số ĐKCB: TN.003028, TN.003029, TN.003030, TN.003031

7832 Một lần đến xóm gò. - Đà Nẵng : Nxb., 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M458L
Số ĐKCB: TN.000761, TN.000762, TN.000763, TN.000764, TN.000765

7833 Cùng nhau tiến bộ / Kim Khánh. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 1999. - 80tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C513N
Số ĐKCB: TN.000756, TN.000757, TN.000758, TN.000759, TN.000760

7834 Điều khiển từ xa là gì?. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ309K
Số ĐKCB: TN.003024, TN.003025, TN.003026, TN.003027

7835 Siêu sao đường dài. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Siêu sao đường dài. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000751, TN.000752, TN.000753, TN.000754, TN.000755

7836 Siêu sao đường dài. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Siêu sao đường dài. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000746, TN.000747, TN.000748, TN.000749, TN.000750

7837 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000741, TN.000742, TN.000743, TN.000744, TN.000745

7838 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000736, TN.000737, TN.000738, TN.000739, TN.000740

7839 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000731, TN.000732, TN.000733, TN.000734, TN.000735

7840 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000726, TN.000727, TN.000728, TN.000729, TN.000730

7841 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000721, TN.000722, TN.000723, TN.000724, TN.000725

7842 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000716, TN.000717, TN.000718, TN.000719, TN.000720

7843 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000711, TN.000712, TN.000713, TN.000714, TN.000715

7844 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000706, TN.000707, TN.000708, TN.000709, TN.000710

7845 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000701, TN.000702, TN.000703, TN.000704, TN.000705

7846 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000696, TN.000697, TN.000698, TN.000699, TN.000700

7847 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000691, TN.000692, TN.000693, TN.000694, TN.000695

7848 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000686, TN.000687, TN.000688, TN.000689, TN.000690

7849 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000681, TN.000682, TN.000683, TN.000684, TN.000685

7850 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000676, TN.000677, TN.000678, TN.000679, TN.000680

7851 Siêu sao đường dài. - 18tập ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000671, TN.000672, TN.000673, TN.000674, TN.000675

7852 Siêu sao đường dài. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Siêu sao đường dài. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.6 14/S309S
Số ĐKCB: TN.000666, TN.000667, TN.000668, TN.000669, TN.000670

7853 Bốn chàng trai kỳ tài : Tranh truyện / Trần Xuân Bách d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2001. - 16tr :
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.003020, TN.003021, TN.003022, TN.003023, TN.004135, TN.004136, TN.004137

7854 Ông khổng lồ ích kỷ : Truyện tranh / Oscar Wilde; Hoạ sĩ: Simon Redington ; Dịch lời: Nguyễn Bích Thuỷ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. - 30tr. : tranh vẽ ; 29cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 14/Ô455K
Số ĐKCB: TN.019255, TN.019256, TN.019257

7855 Bác Hồ với thiếu nhi : ảnh tư liệu của Thông tấn xã Việt Nam. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 779 14/B101H
Số ĐKCB: TN.019228, TN.019229, TN.019232

7856 Lịch sử âm nhạc bằng tranh / Denys Lemery, Bernard Deyries. - Hà Nội : Kim Đồng, 2000. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 780.9 14/L302S
Số ĐKCB: TN.019155, TN.019156, TN.019157

7857 Theo chân Bác : Thơ / Tố Hữu. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922132 14/TH205C
Số ĐKCB: TN.019243, TN.019244, TN.019245

7858 Lá cờ thêu sáu chữ vàng : Truyện tranh / Nguyễn Huy Tưởng. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922332 14/L100C
Số ĐKCB: TN.019249, TN.019250, TN.019251

7859 Bác Hồ với thiếu nhi : Truyện tranh. - Hà Nội : [?], 2000. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922332 14/B101H
Số ĐKCB: TN.019226, TN.019227, TN.019230, TN.019231, TN.019233

7860 Tích Chu / Nguyễn Hoàng st. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/T302C
Số ĐKCB: TN.003017, TN.003018, TN.003019

7861 Tình mẫu tử. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T312M
Số ĐKCB: TN.003014, TN.003015, TN.003016

7862 Quốc văn giáo khoa thư bằng tranh (hỗ...). - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.6 14/QU-451V
Số ĐKCB: TN.003011, TN.003012, TN.003013

7863 Vì sao ta hắt hơi. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001.1 14/V300S
Số ĐKCB: TN.003008, TN.003009, TN.003010

7864 Quốc văn giáo khoa thư bằng tranh (lưỡi). - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.6 14/QU-451V
Số ĐKCB: TN.003005, TN.003006, TN.003007

7865 Mã vạch là gì?. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 005.7 14/M100V
Số ĐKCB: TN.003002, TN.003003, TN.003004

7866 Liệu pháp gen là gì?. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 610 14/L309P
Số ĐKCB: TN.002999, TN.003000, TN.003001

7867 Hóa thạch là gì?. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 14/H401T
Số ĐKCB: TN.002996, TN.002997, TN.002998

7868 Thỏ và chồn hoa. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TH400V
Số ĐKCB: TN.002993, TN.002994, TN.002995

7869 Chào mùa xuân. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 782.42 14/CH108M
Số ĐKCB: TN.002990, TN.002991, TN.002992

7870 Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.735 23/R203L
Số ĐKCB: TN.002987, TN.002988, TN.002989

7871 Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.735 23/R203L
Số ĐKCB: TN.002984, TN.002985, TN.002986

7872 Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 793.735 23/R203L
Số ĐKCB: TN.002981, TN.002982, TN.002983

7873 Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh. - [?] : 2001. - 4 tập ; cm
Rèn luyện trí thông minh. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 793.735 23/R203L
Số ĐKCB: TN.002978, TN.002979, TN.002980

7874 Đơn kiện không chữ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/Đ464K
Số ĐKCB: TN.002975, TN.002976, TN.002977

7875 Bí mật màn ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B300M
Số ĐKCB: TN.002972, TN.002973, TN.002974

7876 Thư ký Sherlock Homes. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 14/TH550K
Số ĐKCB: TN.002969, TN.002970, TN.002971

7877 Thử làm thám tử. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/TH550L
Số ĐKCB: TN.002966, TN.002967, TN.002968

7878 Mưu trí vượt sông băng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M566T
Số ĐKCB: TN.002963, TN.002964, TN.002965

7879 Bài toán ma trận. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/B103T
Số ĐKCB: TN.002960, TN.002961, TN.002962

7880 Các loại trái cây / Quỳnh Chi. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 64tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.027344, LD.027345, LD.027346, LD.027347, LD.027348, LD.027349, TN.011558, TN.011559, LD.027350

7881 Chú mèo ba tư. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500M
Số ĐKCB: TN.002907, TN.002908, TN.002909

7882 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002732, TN.002733, TN.002734

7883 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002729, TN.002730, TN.002731

7884 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002726, TN.002727, TN.002728

7885 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002723, TN.002724, TN.002725

7886 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002720, TN.002721, TN.002722

7887 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002717, TN.002718, TN.002719

7888 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 15 tập ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002714, TN.002715, TN.002716

7889 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002711, TN.002712, TN.002713

7890 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002708, TN.002709, TN.002710

7891 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002705, TN.002706, TN.002707

7892 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002702, TN.002703, TN.002704

7893 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002699, TN.002700, TN.002701

7894 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002696, TN.002697, TN.002698

7895 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002693, TN.002694, TN.002695

7896 Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Cuốn từ điiển kỳ bí. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/C517T
Số ĐKCB: TN.002690, TN.002691, TN.002692

7897 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002687, TN.002688, TN.002689

7898 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002684, TN.002685, TN.002686

7899 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002681, TN.002682, TN.002683

7900 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002678, TN.002679, TN.002680

7901 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002675, TN.002676, TN.002677

7902 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002672, TN.002673, TN.002674

7903 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002669, TN.002670, TN.002671

7904 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002666, TN.002667, TN.002668

7905 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002663, TN.002664, TN.002665

7906 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002660, TN.002661, TN.002662

7907 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002657, TN.002658, TN.002659

7908 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002654, TN.002655, TN.002656

7909 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002651, TN.002652, TN.002653

7910 Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - 14 tập ; cm
Những bông hoa đẹp. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556B
Số ĐKCB: TN.002648, TN.002649, TN.002650

7911 Có cái dấu mà cũng quên / Phạm Xuân Đào st và b.s. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 104tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.026731, LD.026733, TN.011550, TN.011551, LD.026732, LD.026734

7912 Heidi chuyện về một cô bé ở miền núi Thụy Sĩ / Johanna Spyri. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2000.
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.019165, TN.019166, TN.019167, TN.019168, TN.020283, TN.020284, TNVL.000006, TNVL.000008, TNVL.000010, TNVL.000011

7913 Cơ thể người một thế giới diệu kỳ. - Hà Nội : [?], 1999. - tr. ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599.9 14/C460T
Số ĐKCB: TN.019134

7914 Cách tìm lời giải các bài toán. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000655, TN.000656, TN.000657, TN.000658, TN.000659, TN.000660, TN.000661, TN.000662, TN.000663

7915 Các dạng toán Hình học 9 / Lê Hải Châu. - Đà Nẵng, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 516 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000652, TN.000653, TN.000654

7916 Các dạng toán Hình học 8 / Lê Hải Châu. - Đà Nẵng, 1997. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 516 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000649, TN.000650, TN.000651

7917 Các dạng toán Hình học 7 / Lê Hải Châu. - Đà Nẵng, 1997. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 516 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000646, TN.000647, TN.000648

7918 Các dạng toán Đại số 9 / Lê Hải Châu. - Đà Nẵng, 1997. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000643, TN.000644, TN.000645

7919 Các dạng toán Đại số 8 / Lê Hải Châu. - Đà Nẵng, 1997. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000640, TN.000641, TN.000642

7920 Các dạng toán Đại số 7 / Lê Hải Châu. - Đà Nẵng, 1997. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000637, TN.000638, TN.000639

7921 Ngửi thử xem / Hải Yến. - Hà Nội : Thời đại, 2010. - 14tr. ; 20cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NG553T
Số ĐKCB: TN.011839, TN.011840, TN.011841

7922 Các dạng toán số học lớp 6 / Lê Hải Châu. - Hà Nội, 1997. - tr. ; 21cm
Các dạng toán số học lớp 6 / Lê Hải Châu. - Hà Nội, 1997. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000634, TN.000635, TN.000636

7923 Các dạng toán số học lớp 6 / Lê Hải Châu. - Hà Nội. - cm. - 6000đ
Các dạng toán số học lớp 6 / Lê Hải Châu. - Hà Nội, 1997. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/C101D
Số ĐKCB: TN.000631, TN.000632, TN.000633

7924 Vào thế kỷ toán học. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/V108T
Số ĐKCB: TN.002957, TN.002958, TN.002959

7925 Vào thế kỷ toán học. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 510 14/V108T
Số ĐKCB: TN.002954, TN.002955, TN.002956

7926 Vào thế kỷ toán học. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 14/V108T
Số ĐKCB: TN.002951, TN.002952, TN.002953

7927 Vào thế kỷ toán học. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐV 23/V108T
Số ĐKCB: TN.002948, TN.002949, TN.002950

7928 Bí mật đồi 13. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 959.7 14/B300M
Số ĐKCB: TN.000629, TN.000630, TN.000664, TN.000665

7929 Cái ấm đất. - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C103Â
Số ĐKCB: TN.002945, TN.002946, TN.002947

7930 Ở xứ người. - Đà Nẵng : [?], 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Ơ460X
Số ĐKCB: TN.000625, TN.000626, TN.000627, TN.000628

7931 Làm anh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L104A
Số ĐKCB: TN.002942, TN.002943, TN.002944

7932 Sự tích hoa bích đào. - Hà Nội : [?], 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550T
Số ĐKCB: TN.000620, TN.000621, TN.000622, TN.000623, TN.000624

7933 Đánh thức tiềm năng sáng tạo / Nguyễn Minh Triết. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 158.1 14/Đ107T
Số ĐKCB: TN.002939, TN.002940, TN.002941

7934 Tuyển tập thơ hay.... - Tp. Hồ Chí Minh. - cm. - 12300đ
Tuyển tập thơ hay.... - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/T527T
Số ĐKCB: TN.000615, TN.000616, TN.000617, TN.000618, TN.000619

7935 Tuyển tập thơ hay.... - Tp. Hồ Chí Minh. - cm. - 12300đ
Tuyển tập thơ hay.... - Tp. Hồ Chí Minh : [?], 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/T527T
Số ĐKCB: TN.000610, TN.000611, TN.000612, TN.000613, TN.000614

7936 Các vị nữ danh nhân Việt Nam / Lê Minh Quốc. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 14/C101V
Số ĐKCB: TN.002936, TN.002937, TN.002938

7937 Rô bốt nội trợ. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.88 14/R450B
Số ĐKCB: TN.002933, TN.002934, TN.002935

7938 Tôi là rô bốt / Isaac Asmov. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 813 14/T452L
Số ĐKCB: TN.002930, TN.002931, TN.002932

7939 Người ấy / Thái Chí Thanh. - Hà Nội : Văn học, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558Â
Số ĐKCB: TN.002928, TN.002929, TN.002927

7940 Bác sĩ ơi, tai sao? những rắc rối / Lê Thúy Tươi. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.002921, TN.002922, TN.002923, TN.002924, TN.002925, TN.002926

7941 Ba ngày ở nước tí hon / V Li - Ốp - Sin. - Hà Nội. - cm
Ba ngày ở nước tí hon / V Li - Ốp - Sin. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.7 14/B100N
Số ĐKCB: TN.002917, TN.002918, TN.002919, TN.002920

7942 Ba ngày ở nước tí hon / V Li - Ốp - Sin. - Hà Nội. - cm
Ba ngày ở nước tí hon / V Li - Ốp - Sin. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 891.7 14/B100N
Số ĐKCB: TN.002913, TN.002914, TN.002915, TN.002916

7943 Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.000605, TN.000606, TN.000607, TN.000608, TN.000609

7944 Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.000600, TN.000601, TN.000602, TN.000603, TN.000604

7945 Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.000595, TN.000596, TN.000597, TN.000598, TN.000599

7946 Thiên thủ thần đồng / Phương Đồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - cm. - 3500đ
Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.000590, TN.000591, TN.000592, TN.000593, TN.000594

7947 Thiên thủ thần đồng / Phương Đồng. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ. - cm. - 3500đ
Thiên thủ thần đồng / Phương Đông. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TH305T
Số ĐKCB: TN.000585, TN.000586, TN.000587, TN.000588, TN.000589

7948 Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Trẻ : [?], 1999. - tr. ; cm
Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Trẻ : [?], 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/S103B
Số ĐKCB: TN.000570, TN.000571, TN.000572, TN.000573, TN.000574

7949 Dũng sỹ tre xanh / Phan Huy Đông. - Hà Nội, 2001. - 86tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D513S
Số ĐKCB: LD.001663, TN.002910, TN.002911, TN.002912

7950 Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 21cm
Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/S103B
Số ĐKCB: TN.000580, TN.000581, TN.000582, TN.000583, TN.000584

7951 Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Hà Nội. - cm. - 3500đ
Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/S103B
Số ĐKCB: TN.000575, TN.000576, TN.000577, TN.000578, TN.000579

7952 Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 21cm
Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/S103B
Số ĐKCB: TN.000565, TN.000566, TN.000567, TN.000568, TN.000569

7953 Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 21cm
Sai bọc 009 / S Ishirommari. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/S103B
Số ĐKCB: TN.000560, TN.000561, TN.000562, TN.000563, TN.000564

7954 100 thực nghiệm khoa học vui / Vũ Tú Hoa. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 14/M458
Số ĐKCB: TN.002904, TN.002905, TN.002906

7955 Chiếc chìa khóa vàng / Tôn XTôi A Lếch Xây. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2003. - 131tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 14/CH303
Số ĐKCB: TN.002901, LD.008513, LD.008938, TN.002902, TN.002903

7956 Truyện cổ liễu đôi. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.002897, TN.002898, TN.002899, TN.002900

7957 Lịch sử nước ta / Hồ Chí Minh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.7 14/L302S
Số ĐKCB: TN.000557, TN.000558, TN.000559

7958 Chú rùa thông minh. - Hà Nội. - cm. - 7500đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500R
Số ĐKCB: TN.000552, TN.000553, TN.000554, TN.000555, TN.000556

7959 Chú rùa thông minh. - Hà Nội. - cm. - 7500đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500R
Số ĐKCB: TN.000547, TN.000548, TN.000549, TN.000550, TN.000551

7960 Mẹ kể bé nghe. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tập ; cm
Mẹ kể bé nghe / Trương Mỹ Đức. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M200K
Số ĐKCB: TN.002893, TN.002894, TN.002895, TN.002896

7961 Mẹ kể bé nghe. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/M200K
Số ĐKCB: TN.002889, TN.002890, TN.002891, TN.002892

7962 Voi / Ian Redmond. - Hà Nội. - cm. - 4500đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/V428
Số ĐKCB: TN.000542, TN.000543, TN.000544, TN.000545, TN.000546

7963 Cơ thể con người / Steve Parker. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Cơ thể con người / Steve Parker. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 14/C460T
Số ĐKCB: TN.000537, TN.000538, TN.000539, TN.000540, TN.000541

7964 Những điều kỳ diệu. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tập ; cm
Những điều kỳ diệu / Enid Blvton. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH556Đ
Số ĐKCB: TN.002885, TN.002886, TN.002887, TN.002888

7965 Cơ thể con người / Steve Parker. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Cơ thể con người / Steve Parker. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 612 14/C460T
Số ĐKCB: TN.000532, TN.000533, TN.000534, TN.000535, TN.000536

7966 Ông già Khốt ta bit. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Ông già Khốt ta bit / L Laghin. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 14/Ô-455G
Số ĐKCB: TN.002881, TN.002882, TN.002883, TN.002884

7967 Ông già Khốt ta bit. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Ông già Khốt ta bit / L Laghin. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 14/Ô-455G
Số ĐKCB: TN.002877, TN.002878, TN.002879, TN.002880

7968 Ngựa / Juliet Clutton. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/NG551
Số ĐKCB: TN.000527, TN.000528, TN.000529, TN.000530, TN.000531

7969 Ngựa / Juliet Clutton. - Hà Nội. - cm. - 4500đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/NG551
Số ĐKCB: TN.000522, TN.000523, TN.000524, TN.000525, TN.000526

7970 Đảo châu báu. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ108C
Số ĐKCB: TN.002873, TN.002874, TN.002875, TN.002876

7971 Đảo châu báu. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ108C
Số ĐKCB: TN.002869, TN.002870, TN.002871, TN.002872

7972 Ai ăn trộm táo. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tập ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A300Ă

Số ĐKCB: TN.002865, TN.002866, TN.002867, TN.002868

7973 Lạc trên hoang đảo. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tập ; cm

Lạc trên hoang đảo. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L101T

Số ĐKCB: TN.002861, TN.002862, TN.002863, TN.002864

7974 Điệp viên 007 ở đâu?. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/Đ307V

Số ĐKCB: TN.002857, TN.002858, TN.002859, TN.002860

7975 Động vật có vú / David Burnie. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Động vật có vú / David Burnie. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 599 14/Đ455V

Số ĐKCB: TN.000517, TN.000518, TN.000519, TN.000520, TN.000521

7976 Thám hiểm châu phi. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TH104H

Số ĐKCB: TN.002853, TN.002854, TN.002855, TN.002856

7977 Bướm / John Feltwell. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/B559

Số ĐKCB: TN.000507, TN.000508, TN.000509, TN.000510, TN.000511

7978 Bướm / John Feltwell. - Hà Nội. - cm. - 4000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/B559

Số ĐKCB: TN.000502, TN.000503, TN.000504, TN.000505, TN.000506

7979 Mưu trí vượt sông băng / Đinh Hoàng Yến. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/M566T

Số ĐKCB: TN.002849, TN.002850, TN.002851, TN.002852

7980 Ký sự Sherlock Homes. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808.88 23/K600S

Số ĐKCB: TN.002845, TN.002846, TN.002847, TN.002848

7981 Thử làm thám tử / Đinh Hoàng Yến. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/TH550L

Số ĐKCB: TN.002841, TN.002842, TN.002843, TN.002844

7982 Bài toán ma trận. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 510 23/B103T
Số ĐKCB: TN.002837, TN.002838, TN.002839, TN.002840

7983 Bờ biển / David Burnie. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922 14/B460B
Số ĐKCB: TN.000497, TN.000498, TN.000499, TN.000500, TN.000501

7984 Bờ biển / David Bunie. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922 14/B460B
Số ĐKCB: TN.000492, TN.000493, TN.000494, TN.000495, TN.000496

7985 Đơn kiện không chữ. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/Đ464K
Số ĐKCB: TN.002833, TN.002834, TN.002835, TN.002836

7986 Đại bàng và chim săn mồi. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/Đ103B
Số ĐKCB: TN.000487, TN.000488, TN.000489, TN.000490, TN.000491

7987 Đại bàn và chim săn mồi. - Hà Nội. - cm. - 4500đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/Đ103B
Số ĐKCB: TN.000482, TN.000483, TN.000484, TN.000485, TN.000486

7988 Bí mật màn ảo thuật. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B300M
Số ĐKCB: TN.002829, TN.002830, TN.002831, TN.002832

7989 Ngày xưa trong rừng. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NG112X
Số ĐKCB: TN.002825, TN.002826, TN.002827, TN.002828

7990 Ngày xưa trong rừng. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/NG112X
Số ĐKCB: TN.002821, TN.002822, TN.002823, TN.002824

7991 Áo giáp động vật / Jennier Coldry. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Áo giáp động vật / Jennifer Coldry,. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/A108G
Số ĐKCB: TN.000477, TN.000478, TN.000479, TN.000480, TN.000481

7992 Áo giáp động vật / Jennier Coldry. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Áo giáp động vật / Jennifer Coldry,. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/A108G
Số ĐKCB: TN.000472, TN.000473, TN.000474, TN.000475, TN.000476

7993 Làm anh. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/L104A
Số ĐKCB: TN.002817, TN.002818, TN.002819, TN.002820

7994 Rô bôt nội trợ. - Tp. hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/R450B
Số ĐKCB: TN.002813, TN.002814, TN.002815, TN.002816

7995 Tôi là robot / Asimov, Isaac. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/T452
Số ĐKCB: TN.002809, TN.002810, TN.002811, TN.002812

7996 Liệu pháp Gen là gi?. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/L309P
Số ĐKCB: TN.002805, TN.002806, TN.002807, TN.002808

7997 Côn trùng / Steve Parker. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 595.7 14/C454T
Số ĐKCB: TN.000467, TN.000468, TN.000469, TN.000470, TN.000471

7998 Côn trùng / Steve Parker. - Hà Nội. - cm. - 4500đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 595.7 14/C454T
Số ĐKCB: TN.000462, TN.000463, TN.000464, TN.000465, TN.000466

7999 Nước. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/N557
Số ĐKCB: TN.002801, TN.002802, TN.002803, TN.002804

8000 Bò sát / Colin Me Carthy. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 590 14/B400S
Số ĐKCB: TN.000457, TN.000458, TN.000459, TN.000460, TN.000461

8001 Bò sát / Colin Me Carthy. - Hà Nội. - cm. - 4500đ
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 590 14/B400S
Số ĐKCB: TN.000452, TN.000453, TN.000454, TN.000455, TN.000456

8002 Bác gấu đen và hai chú thỏ. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/B101G
Số ĐKCB: TN.002797, TN.002798, TN.002799, TN.002800

8003 Mối bắt gà. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/M452
Số ĐKCB: TN.002793, TN.002794, TN.002795, TN.002796

8004 Thả đỉa ba ba. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.002789, TN.002790, TN.002791, TN.002792, TN.005189, TN.005190, TN.005191

8005 Ông giẳng ông giăng. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 23/Ô- 455G
Số ĐKCB: TN.002785, TN.002786, TN.002787, TN.002788

8006 Vì sao tai ta nghe được?. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/V300S
Số ĐKCB: TN.002781, TN.002782, TN.002783, TN.002784

8007 Bầu trời đêm / Carole Stott. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Bầu trời đêm / Carole Stott. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B125T
Số ĐKCB: TN.000447, TN.000448, TN.000449, TN.000450, TN.000451

8008 Bầu trời đêm / Carole Stott. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B125T
Số ĐKCB: TN.000442, TN.000443, TN.000444, TN.000445, TN.000446

8009 Vì sao có nhật thực?. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/V300S
Số ĐKCB: TN.002777, TN.002778, TN.002779, TN.002780

8010 Cây / Linda Gamlin. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 634 14/C126
Số ĐKCB: TN.000437, TN.000438, TN.000439, TN.000440, TN.000441

8011 Vì sao mắt ta nhìn thấy được?. - Tp. Hồ Chí Minh, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/V300S
Số ĐKCB: TN.002773, TN.002774, TN.002775, TN.002776

8012 Cây / Gamlin, Linda. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 634 14/C126
Số ĐKCB: TN.000432, TN.000433, TN.000434, TN.000435, TN.000436

8013 Vì sao có được núi cao. - Tp. Hồ Chí Minh, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 23/V300S
Số ĐKCB: TN.002769, TN.002770, TN.002771, TN.002772

8014 Vì sao ta lớn được. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/V300S
Số ĐKCB: TN.002765, TN.002766, TN.002767, TN.002768

8015 Mèo lại hoàn mèo. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/M205L
Số ĐKCB: TN.002761, TN.002762, TN.002763, TN.002764

8016 Tình mẫu tử. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/T312M
Số ĐKCB: TN.002757, TN.002758, TN.002759, TN.002760

8017 Quả táo cho ai?. - TP. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/QU100T
Số ĐKCB: TN.002753, TN.002754, TN.002755, TN.002756

8018 Vì sao ta lớn?. - Tp. Hồ Chí Minh, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 001 23/V300S
Số ĐKCB: TN.002749, TN.002750, TN.002751, TN.002752

8019 Đôi mắt của nội. - Tp. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/Đ452M
Số ĐKCB: TN.002745, TN.002746, TN.002747, TN.002748

8020 Chú Cuội. - TP. Hồ Chí Minh, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 398.2 23/CH500C
Số ĐKCB: TN.002741, TN.002742, TN.002743, TN.002744

8021 Bách khoa thiếu nhi thế kỷ mới. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐV 23/B102K
Số ĐKCB: TN.002738, TN.002739, TN.002740

8022 Các loài hoa / Sleve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 28tr. ; 21cm
Các loài hoa / Sleve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 582 14/C101L
Số ĐKCB: TN.000427, TN.000428, TN.000429, TN.000430, TN.000431

8023 Các loài hoa / Sleve Parker. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Các loài hoa / Sleve Parker. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 582 14/C101L
Số ĐKCB: TN.000422, TN.000423, TN.000424, TN.000425, TN.000426

8024 Hết hiệu lực rồi, nàng ơi!. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: ĐV 23/H207H
Số ĐKCB: TN.002735, TN.002736, TN.002737

8025 Hành tinh xanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 72tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 808.8 14/H107T
Số ĐKCB: TN.000417, TN.000418, TN.000419, TN.000420, TN.000421

8026 Hội họa phổ thông. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 750 14/H452H
Số ĐKCB: TN.000413, TN.000414, TN.000415, TN.000416

8027 Sự sống trong ao hồ và suối. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550S
Số ĐKCB: TN.000408, TN.000409, TN.000410, TN.000411, TN.000412

8028 Nhà vua và bậc cao sĩ / Lê Vân. - Hà Nội : Kim đông, 1999. - 131tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NH100V
Số ĐKCB: TN.000022, TN.000023, TN.000024, TN.000025, TN.000026

8029 Lá cờ thêu sáu chữ vàng / Nguyễn Huy Tưởng. - Hà Nội : Lao động, 2010. - 140tr. ; 25cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/L100C
Số ĐKCB: LD.026136, LD.026137, TN.011778, TN.011779, TN.011780

8030 Trên đôi cánh bạc. - Hà Nội, 1996. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.000396, TN.000397, TN.000398, TN.000399, TN.000400, TN.000401, TN.000402, TN.000403, TN.000404, TN.000405, TN.000406,

8031 Chỉ một phút thôi. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH300M
Số ĐKCB: TN.000391, TN.000392, TN.000393, TN.000394, TN.000395

8032 Thế giới các loại đá. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 28tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 553 14/TH250G
Số ĐKCB: TN.000386, TN.000387, TN.000388, TN.000389, TN.000390

8033 Sư tử Lê Ô. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S550T
Số ĐKCB: TN.000381, TN.000382, TN.000383, TN.000384, TN.000385

8034 Truyền hình và phát thanh / Louis Sabin. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000376, TN.000377, TN.000378, TN.000379, TN.000380, TN.002264

8035 Voi và chuột. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V428V

Số ĐKCB: TN.000371, TN.000372, TN.000373, TN.000374, TN.000375

8036 Bài ca quả sồi / X Mác Sắc. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/B103C

Số ĐKCB: TN.000366, TN.000367, TN.000368, TN.000369, TN.000370

8037 A - Ri - Xtốt và tư duy khoa học. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 14/A100R

Số ĐKCB: TN.000361, TN.000362, TN.000363, TN.000364, TN.000365

8038 Chuyện của thỏ con. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C

Số ĐKCB: TN.000356, TN.000357, TN.000358, TN.000359, TN.000360

8039 Chú nai con thông minh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH500N

Số ĐKCB: TN.000351, TN.000352, TN.000353, TN.000354, TN.000355

8040 Chuyện của vịt con. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C

Số ĐKCB: TN.000346, TN.000347, TN.000348, TN.000349, TN.000350

8041 Chuyện của mèo con. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C

Số ĐKCB: TN.000341, TN.000342, TN.000343, TN.000344, TN.000345

8042 Chuyện của chó con. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH527C

Số ĐKCB: TN.000336, TN.000337, TN.000338, TN.000339, TN.000340

8043 Bà cụ tốt bụng. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100C

Số ĐKCB: TN.000331, TN.000332, TN.000333, TN.000334, TN.000335

8044 Chị mái mơ đãng trí. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.922 14/CH300M

Số ĐKCB: TN.000326, TN.000327, TN.000328, TN.000329, TN.000330

8045 Giúp con tập suy nghĩ. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 14/GI-521C

Số ĐKCB: TN.000321, TN.000322, TN.000323, TN.000324, TN.000325

8046 Người vợ cá. - Hà Nội, 1998. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558V

Số ĐKCB: TN.000316, TN.000317, TN.000318, TN.000319, TN.000320

8047 Chàng Mơ Hiêng. - Hà Nội, 1994. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000305, TN.000306, TN.000307, TN.000308, TN.000309, TN.000310, TN.000311, TN.000312, TN.000313, TN.000314, TN.000315

8048 Hoa và nắng / Cầm Bá Lai. - Hà Nội, 1997. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/H401V

Số ĐKCB: TN.000304

8049 Người da gấu. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558D

Số ĐKCB: TN.000299, TN.000300, TN.000301, TN.000302, TN.000303

8050 Bà chúa ngư / Bút Ngữ. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B100C

Số ĐKCB: TN.000294, TN.000295, TN.000296, TN.000297, TN.000298

8051 Anh em Tim Sư Tử / Astrid Lind Gren. - Hà Nội, 1999. - 331 : Phụ nứ ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 839.7 23/A107E

Số ĐKCB: TN.000289, TN.000290, TN.000291, TN.000292, TN.000293

8052 Cuộc điều tra trong trường học. - Hà Nội, 1999. - 112 ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/C514Đ

Số ĐKCB: TN.000284, TN.000285, TN.000286, TN.000287, TN.000288

8053 Lô - Bô chúa tể vùng Ca - Răm - Pô / E.S Tôm - Xơn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/L450B

Số ĐKCB: TN.000279, TN.000280, TN.000281, TN.000282, TN.000283

8054 Người khổng lồ của em tôi / Nguyễn Đức Linh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Người khổng lồ của em tôi / Nguyễn Đức Linh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000269, TN.000270, TN.000271, TN.000272, TN.000273, TN.002307, TN.002308, TN.002309

8055 Người khổng lồ của em tôi / Nguyễn Đức Linh. - Hà Nội. - cm. - 4500đ

Người khổng lồ của em tôi / Nguyễn Đức Linh. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG558K

Số ĐKCB: TN.000264, TN.000265, TN.000266, TN.000267, TN.000268

8056 Làng bên cầu / Bùi Minh Quốc. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/L106B

Số ĐKCB: TN.000274, TN.000275, TN.000276, TN.000277, TN.000278

8057 Cô bé túi giấy / Thái Dương b.d. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2010. - 110tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.011414, TN.011415, TN.011416, TN.011796, TN.011797, TN.011798, LD.026091, LD.026092

8058 Miền xanh thẳm / Trần Hoài Dương. - Hà Nội : Văn học, 2010. - 212tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/M305X

Số ĐKCB: LD.026089, TN.011793, TN.011794, TN.011795, LD.026090

8059 Ai đã đặt tên cho dòng sông / Hoàng Phủ Ngọc Tường. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/A103Đ

Số ĐKCB: TN.000259, TN.000260, TN.000261, TN.000262, TN.000263

8060 Đêm dịu dàng / Nguyễn Thị Châu Giang. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ250D

Số ĐKCB: TN.000254, TN.000255, TN.000256, TN.000257, TN.000258

8061 Sổ tay đội viên / Mạnh Sơn. - Hà Nội : Kim đồng, 2010. - 72tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 324.2597014 23/S450T

Số ĐKCB: TN.011790, TN.011791, TN.011792, LD.026085, LD.026086

8062 Giao mùa / Phan Hồn Nhiên. - Huế, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/GI-108M

Số ĐKCB: TN.000249, TN.000250, TN.000251, TN.000252, TN.000253

8063 Vua lũ đồ chơi. - Huế. - cm. - 13000đ

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 790.1 14/V501L

Số ĐKCB: TN.000244, TN.000245, TN.000246, TN.000247, TN.000248

8064 Hoàng tử và chú bé ăn mày / Mac.Tuên. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000239, TN.000240, TNVN.000228, TNVN.000229, TN.000241, TN.000242, TN.000243

8065 Chấm và thi kể chuyện / Vũ Tú Nam. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH120V

Số ĐKCB: TN.000234, TN.000235, TN.000236, TN.000237, TN.000238

8066 Tập làm nhà phát minh / Scien Tifix. - Hà Nội. - cm. - 4000đ
Tập làm nhà phát minh / Tifix Scien. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/T123L
Số ĐKCB: TN.000229, TN.000230, TN.000231, TN.000232, TN.000233

8067 Đầm lầy / Sabin Francene. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/Đ120L
Số ĐKCB: TN.000224, TN.000225, TN.000226, TN.000227, TN.000228

8068 Toán học vui - vui học toán / Nguyễn Thiện Văn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 500 14/T406H
Số ĐKCB: TN.000219, TN.000220, TN.000221, TN.000222, TN.000223

8069 Âm thanh / Brandt Keith. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 534 14/Â120T
Số ĐKCB: TN.000214, TN.000215, TN.000216, TN.000217, TN.000218

8070 Viên ngọc mặt trời. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/V305N
Số ĐKCB: TN.000209, TN.000210, TN.000211, TN.000212, TN.000213

8071 Đi tìm bà ngoại / Mác Kên. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000204, TN.000207, TN.000208, TNVN.000227, TN.000205, TN.000206

8072 Xóm đê ngày ấy / Phạm Thị Thanh Nhàn. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X429Đ
Số ĐKCB: TN.000199, TN.000200, TN.000201, TN.000202, TN.000203

8073 Nông nghiệp xưa và nay / Sabin Louis. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 630 14/N455N
Số ĐKCB: TN.000194, TN.000195, TN.000196, TN.000197, TN.000198

8074 Hoài Anh và Ngọc Anh / Frank Claeys. - Hà Nội, 2010. - 72 tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/H404A
Số ĐKCB: LD.026047, TN.011775, TN.011776, TN.011777, LD.026048

8075 Lu - I - Pa - Xtơ : Truyện / Bain Rae. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/L500I
Số ĐKCB: TN.000189, TN.000190, TN.000191, TN.000192, TN.000193

8076 I - Xa - ắC niu tơn và trọng lực / Parker Steve. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/I300X

Số ĐKCB: TN.000184, TN.000185, TN.000186, TN.000187, TN.000188

8077 Những trò chơi của trẻ em / Nguyễn Quang Khải. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 790.1 14/NH556T

Số ĐKCB: TN.000179, TN.000180, TN.000181, TN.000182, TN.000183

8078 Truyện cổ tích nhật bản. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20952 14/TR527C

Số ĐKCB: TN.000174, TN.000175, TN.000176, TN.000177, TN.000178

8079 Bữa điểm tâm thú vị. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/B551Đ

Số ĐKCB: TN.000169, TN.000170, TN.000171, TN.000172, TN.000173

8080 Nguyên tử và phân tử / Bains Rae. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 14/NG527T

Số ĐKCB: TN.000164, TN.000165, TN.000166, TN.000167, TN.000168

8081 Nhiệt / Santrey Laurence. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 28tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/NH308

Số ĐKCB: TN.000159, TN.000160, TN.000161, TN.000162, TN.000163

8082 Ngôi sao rơi. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 808 14/NG452S

Số ĐKCB: TN.000154, TN.000155, TN.000156, TN.000157, TN.000158

8083 Động vật đào hoang. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 14/Đ455V

Số ĐKCB: TN.000149, TN.000150, TN.000151, TN.000152, TN.000153

8084 Hãy bảo vệ mái nhà chung. - Hà Nội, 1996. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000143, TN.000144, TN.000145, TN.000146, TN.000147, TN.000148

8085 Con dế ma. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C430D

Số ĐKCB: TN.000138, TN.000139, TN.000140, TN.000141, TN.000142

8086 Nàng công chúa Thiên Nga / Puskin A. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 891.7 14/N106C

Số ĐKCB: TN.000128, TN.000129, TN.000130, TN.000131, TN.000132

8087 Em bé bên bờ sông lai vu / Vũ Cao. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/E201B
Số ĐKCB: TN.000123, TN.000124, TN.000125, TN.000126, TN.000127

8088 Mầm biếc. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 14/M120B
Số ĐKCB: TN.000118, TN.000119, TN.000120, TN.000121, TN.000122

8089 Trạng xử kiện. - Hà Nội, 1997. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000107, TN.000108, TN.000109, TN.000110, TN.000111, TN.000112, TN.000113, TN.000114, TN.000115, TN.000116, TN.000117

8090 Trận suối ngô. - Hà Nội, 1997. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000101, TN.000102, TN.000103, TN.000104, TN.000105, TN.000106

8091 Nhắn lại qua tiếng chim. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1999. - 39tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000091, TN.000092, TN.000093, TN.000094, TN.000095, TN.000096, TN.000097, TN.000098, TN.000099, TN.000100

8092 Hành tinh kỳ lạ / Viết Linh. - Hà Nội : Kim đồng, 2004. - 199tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.000086, TN.000087, LD.008413, TN.000088, TN.000089, TN.000090

8093 Những điều lạ em muốn biết. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/NH556Đ
Số ĐKCB: TN.000081, TN.000082, TN.000083, TN.000084, TN.000085

8094 Hòn đá thần. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 1999. - 130tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 859.9223 14/H430Đ
Số ĐKCB: TN.000076, TN.000077, TN.000078, TN.000079, TN.000080

8095 Bàn quí và ngựa con / Tô Hoài. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/B105Q
Số ĐKCB: TN.000072, TN.000073, TN.000074, TN.000075

8096 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002645, TN.002646, TN.002647

8097 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002639, TN.002640, TN.002641

8098 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002635, TN.002636, TN.002637, TN.002638

8099 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002632, TN.002633, TN.002634

8100 Sao chổi U14 / Nguyễn,Quang Vinh. - Hà Nội. - cm. - 4500đ
Sao chổi U14 / Nguyễn Quang Vinh. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 100tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/S108C
Số ĐKCB: TN.000067, TN.000068, TN.000069, TN.000070, TN.000071

8101 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002630, TN.002631

8102 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002627, TN.002628, TN.002629

8103 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002624, TN.002625, TN.002626

8104 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002621, TN.002622, TN.002623

8105 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002615, TN.002616, TN.002617

8106 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002612, TN.002613, TN.002614

8107 Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Nhật Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm
Bim và những chuyện thần kỳ / Nguyễn Ngọc Ánh. - Tp. Hồ Chí Minh, 1998. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 14/B310V
Số ĐKCB: TN.002609, TN.002610, TN.002611

8108 Truyện cười hiện đại Trung Quốc. - Hà Nội : Văn hóa dân tộc, 1998. - 142tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 14/TR527C
Số ĐKCB: TN.000062, TN.000063, TN.000064, TN.000065, TN.000066

8109 Căn hầm cấm. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C115H
Số ĐKCB: TN.002605, TN.002606, TN.002607, TN.002608

8110 Nữa cái tai lạc đà. - Hà Nội, 1999. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: ĐV 23/N551C
Số ĐKCB: TN.000057, TN.000058, TN.000059, TN.000060, TN.000061

8111 Ngựa đua bão táp. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG551Đ
Số ĐKCB: TN.002601, TN.002602, TN.002603, TN.002604

8112 Ngựa đua bão táp. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG551Đ
Số ĐKCB: TN.002597, TN.002598, TN.002599, TN.002600

8113 Người đàn ông dát vàng / X Xôn - Xơn. - Hà Nội : Kim đồng, 1999. - 107tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 14/NG558Đ
Số ĐKCB: TN.000052, TN.000053, TN.000054, TN.000055, TN.000056

8114 Ngựa đua bão táp. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG551Đ
Số ĐKCB: TN.002593, TN.002594, TN.002595, TN.002596

8115 Ngựa đua bão táp. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG551Đ
Số ĐKCB: TN.002589, TN.002590, TN.002591, TN.002592

8116 Ngựa đua bão táp. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG551Đ
Số ĐKCB: TN.002585, TN.002586, TN.002587, TN.002588

8117 Ngựa đua bão táp. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG551Đ
Số ĐKCB: TN.002581, TN.002582, TN.002583, TN.002584

8118 Ngựa đua bão táp. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NG551Đ
Số ĐKCB: TN.002577, TN.002578, TN.002579, TN.002580

8119 Lãng mạn cùng cá sấu / Huỳnh Dũng Nhân. - Hà Nội : Kim Đồng, 1999. - 144tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.922803 14/L106M
Số ĐKCB: TN.000047, TN.000048, TN.000049, TN.000050, TN.000051

8120 Dế mèn phiêu lưu ký / Tô Hoài. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/D250M
Số ĐKCB: TN.000042, TN.000043, TN.000044, TN.000045, TN.000046

8121 16 phát minh khoa học nổi tiếng. - Hà Nội : Phụ nứ, 1999. - 255tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: TN.000040, TN.000041, TN.000938, TN.000939, TN.000940, TN.000941, TN.000942, TN.000037, TN.000038, TN.000039

8122 Xe đạp siêu tốc. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200Đ
Số ĐKCB: TN.002573, TN.002574, TN.002575, TN.002576

8123 Xe đạp siêu tốc. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200Đ
Số ĐKCB: TN.002569, TN.002570, TN.002571, TN.002572

8124 Xe đạp siêu tốc. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200Đ
Số ĐKCB: TN.002565, TN.002566, TN.002567, TN.002568

8125 Xe đạp siêu tốc. - Hà Nội. - cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200Đ
Số ĐKCB: TN.002561, TN.002562, TN.002563, TN.002564

8126 Xe đạp siêu tốc. - Hà Nội. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200Đ
Số ĐKCB: TN.002557, TN.002558, TN.002559, TN.002560

8127 Xe đạp siêu tốc. - Hà Nội. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200Đ
Số ĐKCB: TN.002553, TN.002554, TN.002555, TN.002556

8128 Nghìn lẻ một ngày. - Hà Nội, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/NGH311L
Số ĐKCB: TN.000032, TN.000033, TN.000034, TN.000035, TN.000036

8129 Xe đạp siêu tốc. - Hà Nội. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/X200Đ
Số ĐKCB: TN.002549, TN.002550, TN.002551, TN.002552

8130 Đứa trẻ cô đơn và đàn chó lạ. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 1999. - 132tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/Đ551T
Số ĐKCB: TN.000027, TN.000028, TN.000029, TN.000030, TN.000031

8131 Cậu bé siêu năng lực. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.002544, TN.002545, TN.002546, TN.002547, TN.002548

8132 Cậu bé siêu năng lực. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.002539, TN.002540, TN.002541, TN.002542, TN.002543

8133 Cậu bé siêu năng lực. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.002534, TN.002535, TN.002536, TN.002537, TN.002538

8134 Cậu bé siêu năng lực. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.002529, TN.002530, TN.002531, TN.002532, TN.002533

8135 Cậu bé siêu năng lực. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.002524, TN.002525, TN.002526, TN.002527, TN.002528

8136 Cậu bé siêu năng lực. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B
Số ĐKCB: TN.002519, TN.002520, TN.002521, TN.002522, TN.002523

8137 Cậu bé siêu năng lực. - Tp. Hồ Chí Minh. - cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/C125B

Số ĐKCB: TN.002514, TN.002515, TN.002516, TN.002517, TN.002518

8138 Tuyển tập văn học thiếu nhi / Tô Hoài. - Hà Nội : Nxb. Hà Nội, 1999. - 255tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/T527T

Số ĐKCB: TN.000011, TN.000012, TN.000013, TN.000014, TN.000015

8139 Nữ thám tử nghiệp dư / Quine Caroline. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 1999. - 196tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 14/N550T

Số ĐKCB: TN.000006, TN.000007, TN.000008, TN.000009, TN.000010

8140 Chìa khóa của thông minh, tài trí / Vũ Bội Tuyền. - Hà Nội : Phụ Nữ, 1999. - tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 001 14/CH301K

Số ĐKCB: TN.000001, TN.000002, TN.000003, TN.000004, TN.000005

8141 Chúa tể những ngọn núi. - Hà Nội, 2000. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 14/CH501T

Số ĐKCB: TN.002500, TN.002501, TN.002502, TN.002503

8142 Ôn tập ngữ pháp tiếng Anh / Thanh Hà. - Hà Nội, 2010. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.5 23/Ô454T

Số ĐKCB: TN.013535, TN.013536, LD.031310

8143 Hóa học : Tri thức vàng cho em / Hồng Đức t.s. - Hà Nội : Văn hoá Thông tin, 2009. - 176tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540 23/H401H

Số ĐKCB: LD.025782, TN.011417, TN.011418, TN.011419, LD.025783

8144 Phát huy não phải của trẻ từ 2 - 3 tuổi / Lệ Quyên b.d. - Hà Nội : Lao động, 2009. - 224tr. ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025607, LD.025608, LD.025610, TN.010985, TN.010986, TN.010987, LD.025609, LD.025611, LD.025612

8145 Ba người bạn thân. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025599, LD.025600, LD.025601, LD.025602, LD.025603, LD.025606, TN.008696, TN.008697, TN.008698, TN.008699, TN.008700,

8146 Củ cải khổng lồ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025550, LD.025551, LD.025552, LD.025553, LD.025554, LD.025555, LD.025556, LD.025557, LD.025558, TN.008691, TN.008692,

8147 Chia mặt trăng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025521, LD.025523, LD.025524, LD.025525, LD.025526, LD.025527, LD.025528, LD.025529, TN.008711, TN.008712, TN.008713,

8148 Thạch sùng mượn đuôi. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2009. - 34tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025430, LD.025431, LD.025432, LD.025433, TN.011039, TN.011040, TN.011041, LD.025429

8149 Người sói Mowgli / Rudyard Kipling; Hạnh Trâm b.d. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2009. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 23/NG558S

Số ĐKCB: LD.025384, TN.011006, TN.011007, TN.011008, LD.025385

8150 Người mẹ và con quỷ / Ngọc Châu. - Hà Nội : Văn học, 2009. - 172tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025376, LD.025377, TN.011009, TN.011010, TN.011011, LD.025378, LD.025379

8151 Ngôi nhà Việt Nam / Lò Ngân Sủn. - Hà Nội : Thanh niên, 2009. - 56tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9221 23/NG452N

Số ĐKCB: TN.011024, TN.011025, TN.011026, LD.025368, LD.025369

8152 Aladdin và tội ác trong thư viện / Maria; Ngô Hữu Long d.. - Hà Nội : Thế giới, 2009. - 70tr. ;

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/A100L

Số ĐKCB: LD.025366, LD.025367, TN.010970, TN.010971, TN.010972

8153 Emilie và cây bút chì thần / Henriette Bichonnier; Trần Thị Huế d.. - Hà Nội : Thế giới, 2008. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/E200M

Số ĐKCB: LD.025363, TN.010979, TN.010980, TN.010981, LD.025362

8154 Zóe nhát cáy - phù thủy trong trường / Gudule; Bùi Phương Anh d.. - Hà Nội : Thế giới, 2009.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 23/Z420N

Số ĐKCB: LD.025360, LD.025361, TN.010973, TN.010974, TN.010975

8155 Đố vui trắc nghiệm IQ / Thủy Tiên. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2009. - 164tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025343, LD.025344, LD.025345, LD.025346, LD.025347, LD.025348, TN.011012, TN.011013, TN.011014, LD.025349

8156 Những câu chuyện kể từ tác phẩm của Shakespeare. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 822.3 23/NH556C

Số ĐKCB: TN.011030, TN.011031, TN.011032, LD.025157

8157 Lũ trẻ nhà Penderwicks / Jeanne Birusall; Lê Minh Đức d.. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2009. -

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 23/L500T

Số ĐKCB: LD.025156, TN.011033, TN.011034, TN.011035

8158 Tuổi teen và con đường thành công / Diance Schilling; Ngô Vũ Nhật Phương d.. - Hà Nội : Tri thức, 2008. - 214tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.025100, LD.025101, LD.025104, LD.025105, TN.011015, TN.011016, TN.011017, LD.025102, LD.025103, LD.025106

8159 Bạn bè chia sẻ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.019938, LD.019939, LD.019940, LD.019941, LD.019942, LD.019945, LD.019947, TN.008852, TN.008853, TN.008854, LD.019943,

8160 Kể chuyện cổ tích cho bé yêu. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.019265, LD.019268, TN.008620, TN.008621, TN.008622, TN.008623, TN.008624

8161 Em Tú chăm ngoan / Nguyễn Tất Lâm. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.022496, LD.022498, TN.010173, TN.010174, TN.010175, LD.022495, LD.022497

8162 Phượng hoàng hai đầu. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.019240, LD.019241, LD.019242, LD.019243, LD.019244, TN.008378, TN.008379, TN.008380, TN.008381, TN.008382

8163 Bí mật của thú rừng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.018942, LD.018944, LD.018946, TN.008475, TN.008476, TN.008477, LD.018943, LD.018945

8164 Chú bé Hoàng tử. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.018937, LD.018938, LD.018939, LD.018941, TN.008472, TN.008473, TN.008474, LD.018940

8165 Chàng sư tử tốt bụng / Ngọc Anh s.t., t.ch.. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2007. - 159tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.018933, TN.008460, TN.008462, LD.018934, LD.018935, LD.018936, TN.008461

8166 Trái tim dũng cảm. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.018854, LD.018855, TN.008466, TN.008467, TN.008468, LD.018856, LD.018857, LD.018858

8167 Vua nhỏ. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.018677, LD.018678, TN.008463, TN.008464, TN.008465, LD.018675, LD.018676, LD.018679

8168 Những đứa trẻ rắc rối / Lê Khanh. - Hà Nội : Phụ nữ, 2005. - 160tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 23/NH556Đ
Số ĐKCB: LD.021403, TN.010855, TN.010856, LD.021401

8169 Thơ thiếu nhi chọn lọc. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9221 23/TH460T
Số ĐKCB: TN.010078, LD.021295, LD.021296, LD.021297, LD.037769

8170 Trái cấm tuổi teen : Chọn lọc những bài viết trên diễn đàn tuổi teen - báo tiền phong / Thiên Thanh b.s.. - Hà Nội : Thanh niên, 2007. - 207r. ; 21cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.018269, LD.018272, LD.018273, LD.018274, LD.018277, LD.018278, TN.009705, TN.009706, TN.009707, TN.009708, TN.009709,

8171 Vương quốc thời gian / Kim Sơn. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.018188, LD.018189, LD.018190, LD.018191, LD.018192, LD.018193, LD.018194, LD.018195, LD.018196, LD.018197, LD.018198,

8172 Từ những đầu ngón tay / Han No. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.020019, LD.021108, LD.021110, LD.021111, LD.021114, LD.021115, TN.008389, TN.008390, TN.008391, LD.020018, LD.021109,

8173 Gã khổng lồ trong lòng đất / Jacqueline Bakells. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.018074, TN.009670, TN.009671, TN.009672, TN.009673, TN.009674, LD.018075, LD.018076, LD.018077

8174 Đàn lợn vàng làng hóp : Truyền thuyết ở Hải Dương / Nguyễn Văn Đức s.t., b.s.. - Hà Nội,
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.018045, LD.018050, LD.018051, LD.018053, LD.018054, LD.018055, LD.018056, TN.009730, TN.009731, TN.009732, TN.009733,

8175 Lớp trưởng và thường dân / Nguyễn Thu Hà. - Hà Nội, 2007. - 127tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.017811, LD.017814, LD.017818, LD.017819, TN.009700, TN.009701, TN.009702, TN.009703, TN.009704, LD.001936, LD.002018,

8176 Tướng sĩ đồng cam. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.017660, TN.009745, TN.009746, TN.009747, TN.009748, TN.009749, LD.017658, LD.017659, LD.017661

8177 Khám phá thế giới côn trùng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.020915, LD.020919, TN.008375, TN.008376, TN.008377, LD.020916, LD.020917, LD.020918, LD.020920

8178 Phá trận thế giặc. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.017654, LD.017657, TN.009770, TN.009771, TN.009772, TN.009773, TN.009774, LD.017655, LD.017656

8179 Mưu trí giết giặc. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009830, TN.009831, TN.009832, TN.009833, TN.009834, LD.017650, LD.017651, LD.017652, LD.017653

8180 Tướng tài cầm quân. - Hà Nội, 2007. - 167tr. : hình ảnh ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009755, TN.009756, TN.009757, TN.009758, TN.009759, LD.002871, LD.017647, LD.017648, LD.017649

8181 Truyện cổ tích phiêu lưu kỳ thú. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017609, TN.009725, TN.009726, TN.009727, TN.009728, TN.009729, LD.017607, LD.014825

8182 Dụng binh như thần. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017498, LD.017499, LD.017500, TN.009760, TN.009761, TN.009762, TN.009763, TN.009764, LD.017497

8183 Sự tích cái chân vịt. - Hà Nội : Kim đồng, 2006. - 63tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017442, LD.017444, LD.017447, LD.017450, LD.017451, LD.017452, TN.009785, TN.009786, TN.009787, TN.009788, TN.009789,

8184 Chuyện kể của chú ngựa đen / Anna Sewll. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017365, LD.017367, LD.017368, LD.017370, LD.017373, LD.017374, TN.009795, TN.009796, TN.009797, TN.009798, TN.009799,

8185 Truyện cổ Vân Kiều - Tiều Ca Lang / Mai Văn Tuấn. - Hà Nội : Lao động, 2007. - 214tr. ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017092, LD.017093, LD.017097, LD.017098, LD.017105, TN.011384, LD.001381, LD.017088, LD.017089, LD.017091, LD.017094,

8186 Không đánh mà thắng. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017015, TN.009750, TN.009751, TN.009752, TN.009753, TN.009754, LD.017016, LD.017017, LD.017018

8187 Tránh chỗ mạnh đánh nơi yếu. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017013, TN.009765, TN.009766, TN.009767, TN.009768, TN.009769, LD.017011, LD.017012, LD.017014

8188 Nước mắt thuồng luồng / Nguyễn Thúy Loan. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.017008, TN.009720, TN.009721, TN.009722, TN.009723, TN.009724, LD.017007, LD.017009, LD.017010

8189 Giải đáp tâm sinh lý tuổi dậy thì / Minh Phương. - Hà Nội : Lao động, 2008. - 234tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016968, LD.016969, LD.016972, TN.011387, LD.005906, LD.016966, LD.016967, LD.016970, LD.016973, LD.016974, TN.011386

8190 Này rau, này quả thức ăn hàng ngày. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 24tr. : hình ảnh ; 26cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016848, LD.016850, LD.016851, LD.016852, LD.016859, LD.016860, TN.009514, TN.009515, TN.009516, LD.006081, LD.006097,

8191 Truyện cổ tích về tên tướng cướp. - Hà Nội, 2006. - 195tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016786, LD.016787, LD.016791, LD.016792, LD.016796, LD.016798, TN.009690, TN.009692, TN.009693, LD.002168, LD.016788,

8192 Những chuyện kỳ diệu / Guyôm Hoohi; d: Thanh Yên, Hoàng Liên, Hoàng Anh. - In lần thứ 2. - Hà Nội : Kim đồng, 2007. - 235tr. ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016487, LD.016488, LD.016491, LD.016493, LD.016494, LD.016498, TN.009740, TN.009741, TN.009742, TN.009743, TN.009744,

8193 Chiếc nôi trên vách đá. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016389, LD.016390, LD.016391, LD.016392, LD.016395, LD.016396, LD.016397, LD.016401, TN.009589, TN.009590, TN.009591,

8194 Cậu bé thông minh. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016379, LD.016380, LD.016381, LD.016382, LD.016383, LD.016384, LD.016385, LD.016386, LD.016387, LD.016388, TN.009594,

8195 Cáo, cú và quạ. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016363, LD.016364, LD.016365, LD.016366, LD.016367, LD.016368, LD.016369, LD.016370, LD.016371, LD.016374, LD.016375,

8196 Gà đất ơi / Ngô Minh. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016168, LD.016169, LD.016170, LD.016171, TN.009710, TN.009711, TN.009712, TN.009713, TN.009714

8197 Con tôm vàng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 63tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016070, LD.016071, LD.016075, TN.009780, TN.009781, TN.009782, TN.009783, TN.009784, LD.006317, LD.016066, LD.016067,

8198 Châu chấu kiện voi. - Hà Nội, 2006. - 63tr. ; 20cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016056, LD.016059, TN.009775, TN.009777, TN.009778, TN.009779, LD.000987, LD.016053, LD.016054, LD.016055, LD.016057,

8199 Mưa. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 23tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016040, LD.016041, LD.016042, LD.016043, LD.016044, LD.016045, LD.016046, LD.016047, LD.016048, LD.016049, LD.016050,

8200 Những con vật nuôi quanh em. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016028, LD.016030, LD.016038, TN.009507, TN.009508, TN.009509, TN.009510, TN.009511, LD.016027, LD.016029, LD.016031,

8201 Sự tích lông công lông quạ. - Hà Nội : Kim Đồng, 2005. - 15tr. : tranh vẻ ; 19cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016019, LD.016020, LD.016022, LD.016023, TN.009579, TN.009580, TN.009581, TN.009582, TN.009583, LD.006067, LD.016014,

8202 Năm hạt kê vàng. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.016009, LD.016011, LD.016013, TN.009574, TN.009575, TN.009576, TN.009577, TN.009578, LD.016001, LD.016002, LD.016003,

8203 Bé nặn cây hoa quả / Lý Hồng Ba. - Hà Nội, 2005. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.015975, LD.015980, LD.015982, LD.015983, LD.015984, LD.015987, TN.009604, TN.009605, TN.009606, TN.009607, TN.009608,

8204 1001 câu đố thông minh. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 1999. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.6 23/M458N

Số ĐKCB: TNVN.000254, TNVN.000255, TNVN.000256, LD.015938

8205 Mẹ hổ dịu dàng / Thụy Anh thơ; Kim Duẩn vẽ. - TP. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 32tr. ; 21cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92214 23/M200H

Số ĐKCB: TN.016584, TN.016585

8206 Vui cùng tiếng Việt / Thụy Anh thơ; Kim Duẩn vẽ. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2018. - 32tr. ;

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016583, XLD.001491, XLD.001492, XLD.001493, XLD.001494, XLD.001495, TN.016582

8207 Ngôi nhà của Yu Yu / Kim Hằng kể; vẽ: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NG452N

Số ĐKCB: TN.016568, TN.016569

8208 Cô bé tí hon. - Hà Nội, 2008. - tr. ; cm

Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.009810, TN.009811, TN.009812, TN.009813, TN.009814, LD.020101, LD.020102, LD.020103

8209 Túi hạt giống thần kỳ / Kim Hằng kể; vẽ: Ngọc Bernus,Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/T510H

Số ĐKCB: TN.016566, TN.016567

8210 Lớp học của cô giáo họa mi / Kim Hằng kể; vẽ: Ngọc Burnus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh :

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/L466H
Số ĐKCB: TN.016564, TN.016565

8211 Điều kỳ lạ sau cơn mưa / Kim Hằng kể; vẽ: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Đ309K
Số ĐKCB: TN.016580, TN.016581

8212 Món quà cho Yu Yu / Kim Hằng kể; vẽ: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/M430Q
Số ĐKCB: TN.016578, TN.016579

8213 Yu Yu nuôi cá vàng / Kim Hằng kể; vẽ: Ngọc Bernus, Shu Lily. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/Y500Y
Số ĐKCB: TN.016576, TN.016577

8214 Những câu chuyện trí tuệ. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: LD.015485, TN.008383, TN.008384, TN.008385, LD.015486

8215 Những bài học đầu tiên của bé / Mai Hương b.s. - Hà Nội : Văn học, 2015. - 100tr. ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH556B
Số ĐKCB: TN.016411, TN.016412, TN.016413

8216 Những câu chuyện về lòng tham và sự đố kỵ / B.s: Nguyễn Liên Hòa, Tuệ Văn. - Hà Nội : Dân
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.92234 23/NH556C
Số ĐKCB: TN.016441, TN.016442, TN.016443

8217 Tuyển tập bài hát hay dùng trong trường mầm non / Song Minh t.c.. - Hà Nội : Thanh niên Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2016. - 122tr. : hình vẽ ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/T527T
Số ĐKCB: TN.016414, TN.016415, TN.016416

8218 Tuyển tập bài hát hay dùng trong trường Tiểu học / Song Minh t.c.. - Hà Nội : Thanh niên Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2016. - 122tr. : hình vẽ ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.87 23/T527T
Số ĐKCB: TN.016417, TN.016418, TN.016419

8219 Liều thuốc sống lâu / Chơn Trí Tín st và d.. - Hà Nội : Tôn giáo, 2016. - 20tr. ; 21cm. - (Tủ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.136 23/L305T
Số ĐKCB: TN.016438, TN.016439, TN.016440

8220 Tuyển tập bài hát hay dùng trong trường Trung học Cơ sở / Song Minh t.c.. - Hà Nội : Thanh niên Công ty Văn hóa Huy Hoàng, 2016. - 122tr. : hình vẽ ; 27cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.420712 23/T527T
Số ĐKCB: TN.016420, TN.016421, TN.016422

8221 Tôi là cô bé đáng yêu, còn bạn thì sao? / Nguyễn Thị Vi Khanh b.s. - Hà Nội : Văn học, 2016. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1233 23/T452L
Số ĐKCB: TN.016426, TN.016427, TN.016428

8222 Tôi có phẩm chất tốt, còn bạn thì sao? / Nguyễn Thị Vi Khanh b.s. - Hà Nội : Văn học, 2016. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1233 23/T452L
Số ĐKCB: TN.016429, TN.016430, TN.016431

8223 Tôi rất hiểu lễ nghĩa, còn bạn thì sao? / Nguyễn Thị Vi Khanh b.s. - Hà Nội : Văn học, 2016. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1233 23/T452L
Số ĐKCB: TN.016432, TN.016433, TN.016434

8224 Tôi có cảm xúc tích cực, còn bạn thì sao? / Nguyễn Thị Vi Khanh b.s. - Hà Nội : Văn học,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1233 23/T452C
Số ĐKCB: TN.016435, TN.016436, TN.016437

8225 Tôi là cậu bé thông minh, còn bạn thì sao? / Nguyễn Thị Vi Khanh b.s. - Hà Nội : Văn học,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649.1233 23/T452L
Số ĐKCB: TN.016423, TN.016424, TN.016425

8226 Rắn ma / Vũ Bội Tuyền. - Hà Nội, 2006. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.013938, LD.013939, LD.013940, TN.008386, TN.008387, TN.008388

8227 Ngón cái tí hon. - Hà Nội, 2007. - tr. ; cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.013754, LD.013756, TN.008454, TN.008455, TN.008456, LD.013755, LD.013757

8228 Hoàng tử Ivan chim thần và sói xám / Nguyễn Phương Anh. - Hà Nội : Phụ nữ, 2002. - 155tr. ;
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20947 23/H407T
Số ĐKCB: LD.009309, TN.004449, TN.004450, TN.004451, LD.000127

8229 Nói dối như cuội. - Hà Nội : Kim Đồng, 2006. - 56tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Số ĐKCB: LD.010256, LD.010259, LD.010260, TN.007908, TN.007909, TN.007910, LD.010257, LD.010258

8230 Nữ thám tử Bích Huyền / Nông Huyền Sơn. - Hà Nội, 2001. - tr. ; cm
Nữ thám tử Bích Huyền / Nông Huyền Sơn. - Hà Nội : Phụ Nữ, 2001. - tr. ; 18 cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: LD.008518, LD.008519, TN.020582, TN.020583, TN.020584

8231 Chàng ngốc học khôn. - Hà Nội, 2003. - tr. ; cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 23/
Số ĐKCB: TN.004409, TN.004410, TN.004411, TN.004413, LD.003295

8232 Những sắc thu vàng. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 116tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/NH556S
Số ĐKCB: TN.005810, TN.005811, TN.005812, LD.003286

8233 Bông cúc vàng. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 119tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 895.9223 23/B455C
Số ĐKCB: TN.005807, TN.005808, TN.005809, LD.003285

8234 Tôi làm kinh tế. - Hà Nội : Lao động, 2003. - 122tr. ; 19cm
Tóm tắt:
Số ĐKCB: LD.003015, LD.003017, LD.003021, LD.003023, LD.003025, TN.005795, TN.005796, TN.005797, LD.003014, LD.003016, LD.003018,

8235 Trái đất / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR103Đ
Số ĐKCB: TN.016288, TN.016289, TN.016290

8236 Các con số / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C430S
Số ĐKCB: TN.016291, TN.016292, TN.016293

8237 Nghề nghiệp / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NGH250N
Số ĐKCB: TN.016294, TN.016295, TN.016296

8238 Phương tiện giao thông / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:
Ký hiệu phân loại: 372.21 23/P561T
Số ĐKCB: TN.016297, TN.016298, TN.016299

8239 Phương tiện truyền thông / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/P561T
Số ĐKCB: TN.016300, TN.016301, TN.016302

8240 Thời tiết và khí hậu / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH462T
Số ĐKCB: TN.016303, TN.016304, TN.016305

8241 Chim / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/CH310
Số ĐKCB: TN.016306, TN.016307, TN.016308

8242 Động vật / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Đ455V
Số ĐKCB: TN.016309, TN.016310, TN.016311

8243 Âm nhạc và các điệu nhảy / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/Â120N
Số ĐKCB: TN.016312, TN.016313, TN.016314

8244 Thức ăn / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH552Ă
Số ĐKCB: TN.016315, TN.016316, TN.016317

8245 Vũ trụ / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/V500T
Số ĐKCB: TN.016318, TN.016319, TN.016320

8246 Các hoạt động / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C101H
Số ĐKCB: TN.016321, TN.016322, TN.016323

8247 Cơ thể người / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/C460T
Số ĐKCB: TN.016324, TN.016325, TN.016326

8248 Thời gian biểu / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH462G
Số ĐKCB: TN.016327, TN.016328, TN.016329

8249 An toàn / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/A105T
Số ĐKCB: TN.016330, TN.016331, TN.016332

8250 Thể thao / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TH250T
Số ĐKCB: TN.016333, TN.016334, TN.016335

8251 Sinh vật biển / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/S312V
Số ĐKCB: TN.016336, TN.016337, TN.016338

8252 Trang phục / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/TR300P
Số ĐKCB: TN.016339, TN.016340, TN.016341

8253 Những tòa nhà / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/NH556T
Số ĐKCB: TN.016342, TN.016343, TN.016344

8254 An toàn giao thông / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/A105T
Số ĐKCB: TN.016345, TN.016346, TN.016347

8255 Màu sắc / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/M111S
Số ĐKCB: TN.016348, TN.016349, TN.016350

8256 Hình khối / D.: Trịnh Việt Đức, Bành Ngọc Giang. - Hà Nội : Phụ nữ, 2016. - 18tr. : tranh vẽ ; 15cm. - (Thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 372.21 23/H312K
Số ĐKCB: TN.016351, TN.016352, TN.016353

8257 Tiếng Anh thật vui - Động vật quanh em = Animals world : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 27tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách bé yêu thích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016387, TN.016388, TN.016389

8258 Tiếng Anh thật vui - Màu sắc = Colors : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 27tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách bé yêu thích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016399, TN.016400, TN.016401

8259 Tiếng Anh thật vui - Chữ số = Number : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 27tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách bé yêu thích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016402, TN.016403, TN.016404

8260 Tiếng Anh thật vui - Giao thông bận rộn = Fun wheels : Dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 24tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách bé yêu thích)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016405, TN.016406, TN.016407

8261 Tiếng Anh bằng hình - Động vật : Dành cho trẻ từ 1 - 5 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 24tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016396, TN.016397, TN.016398

8262 Tiếng Anh bằng hình - Phương tiện giao thông : Dành cho trẻ từ 1 - 5 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 24tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016393, TN.016394, TN.016395

8263 Tiếng Anh bằng hình - Cuốn sách đầu tiên : Dành cho trẻ từ 1 - 5 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 24tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016390, TN.016391, TN.016392

8264 Tiếng Anh bằng hình - Rau, củ, quả : Dành cho trẻ từ 1 - 5 tuổi / Tịnh Lâm. - Tp. Hồ Chí Minh : Hồng Đức, Công ty sách Văn Chương. - 24tr. : ảnh ; 25cm. - (Tủ sách thế giới trong mắt em)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 428.083 23/T306A
Số ĐKCB: TN.016408, TN.016409, TN.016410

8265 Jolly Cao Kều : Những người bạn thú nhồi bông / Jane Hissey ; Mai Khanh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2015. - 31tr. : tranh vẽ ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016375, TN.016376, TN.016377

8266 Gấu út đi tìm quần : Những người bạn thú nhồi bông / Jane Hissey ; Mai Khanh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2015. - 30tr. : tranh vẽ ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016378, TN.016379, TN.016380

8267 Gấu út mất tích : Những người bạn thú nhồi bông / Jane Hissey ; Mai Khanh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2015. - 30tr. : tranh vẽ ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016381, TN.016382, TN.016383

8268 Giải cứu Gấu Cả : Những người bạn thú nhồi bông / Jane Hissey ; Mai Khanh d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2015. - 30tr. : tranh vẽ ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016384, TN.016385, TN.016386

8269 Ánh sáng dễ sợ / Nick Arnold ; Tony De Saulles minh hoạ; Trịnh Huy Ninh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 168tr. : tranh vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016354, TN.016355, TN.016356

8270 Phát minh quái quỷ / Nick Arnold ; Tony De Saulles minh hoạ; Trịnh Huy Ninh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 141tr. : tranh vẽ ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016357, TN.016358, TN.016359

8271 Từ điển động vật bằng hình dành cho trẻ em / Philippe Salembier, Đoàn Hà d.. - Hà Nội : Thế giới, 2015. - 24tr. ; 21cm. - (Từ điển Anh - Việt bằng hình)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 423.922 23/T550C
Số ĐKCB: TN.016360, TN.016361, TN.016362

8272 Những nhà phát minh và các ý tưởng lạ đời / Mike Goldsmith; Nguyễn Vũ Duy d.. - In lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2019. - 201tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Nổi danh vang dội)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016246, TN.016247, XLD.001916, XLD.001917, XLD.001918, XLD.001919, XLD.001920, TN.016248

8273 Newton và quả táo rơi / Kjartan Poskitt ; Vũ Minh Tú d.. - Tái bản lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016. - 194tr. : tranh vẽ ; 20cm. - (Nổi danh vang dội)
Tóm tắt:

Số ĐKCB: TN.016251, XLD.001906, XLD.001907, XLD.001908, XLD.001909, XLD.001910, TN.016249, TN.016250

8274 Lạc vào thế giới sinh học / Hazel Maskell b.s. ; Adam Larkum minh họa; D.: Thanh Xuân, Ngọc Hoa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 87tr. : minh hoạ ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016252, TN.016253, TN.016254

8275 Lạc vào thế giới vật lý / Kate Davies d. ; Adam Larkum minh họa; D.: Thanh Xuân, Ngọc Hoa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 93tr. : minh hoạ ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016255, TN.016256, TN.016257

8276 Lạc vào thế giới toán học / B.s.: Alex Frith, Minna Lacey, Lisa Jane Gillespie ; Adam Larkum minh họa; D.: Thanh Xuân, Ngọc Hoa. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015. - 93tr. : hình vẽ ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.016258, TN.016259, TN.016260

8277 Làm thế nào để kết bạn = How to make fiends / Nguyễn Thu Hương d.. - Hà Nội : Đại học Sư phạm, 2014. - 8tr. : Tranh màu ; 26cm. - (Tủ sách kỹ năng sống, sống đẹp mỗi ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 649 L104T
Số ĐKCB: TN.016200, TN.016201

8278 Khám phá Ai Cập cổ đại : Truyện tranh khoa học / Ch.b: Trương Mẫn, Trương Lập; Ngọc Linh d.. - Hà Nội : Thời đại, 2013. - 96tr. : Tranh ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 932 KH104P
Số ĐKCB: TN.016000, TN.016001

8279 Ralph đập phá / Iraene Trimlele chuyển thể; Trần Thanh Thảo d.. - Hà Nội : Dân trí, 2014. - 140tr. : Tranh màu ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 R103Đ
Số ĐKCB: TN.015914, TN.015915

8280 Who? Nelson Mandela? / Oh Youngseok viết lời; Cao Thị Hải Bắc d.. - Hà Nội : Kim Đồng, 2014. - 150tr. : Tranh màu ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 968.06092 W000H
Số ĐKCB: TN.015884

8281 Những mẩu chuyện lí thú về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn / Trịnh Mạnh s.t.. - Hà Nội : Giáo dục, 2007. - 216tr. : hình ảnh ; 18cm

Tóm tắt: Những mẩu chuyện lí thú về cuộc khởi nghĩa của nghĩa quân Lam Sơn, những hoạt động và những chiến thắng vang dội của nghĩa quân Lam Sơn.

Ký hiệu phân loại: 959.70252 NH556M
Số ĐKCB: TN.015871

8282 Từ điển Anh - Việt bằng hình = Animals : Động vật : dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 32tr. : hình ảnh ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 423 T550Đ
Số ĐKCB: TN.015867, TN.015868

8283 Từ điển Anh - Việt bằng hình : Hoa, quả, rau , củ : Dành cho trẻ từ 2 - 6 tuổi. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 32tr. : hình ảnh ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 423 T423Đ
Số ĐKCB: TN.015865, TN.015866

8284 Từ điển Anh - Việt bằng hình = Picture dictionary : Tiếng anh dành cho trẻ em / Hoà Bình b.s.. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2014. - 58tr. : hình ảnh ; 27cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 423 T550Đ
Số ĐKCB: TN.015869, TN.015870

8285 Chú sư tử bị thương = The wounded Lion : Truyện cổ Tây Ban Nha / Suzanne I Barchers thuật truyện; John Joven m.h.; Minh Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 28tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20946 CH500S

Số ĐKCB: TN.015845, TN.015846

8286 Nàng Kumba và chàng thợ săn Kambili = Kumba and Kambili : Truyện cổ Mali / Suzanne I Barchers thuật truyện; Marie Lafrance m.h.; Minh Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 28tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2096623 N106K

Số ĐKCB: TN.015841, TN.015842

8287 Nàng công chúa và gã khổng lồ = The princess and the Giant : Truyện cổ Scotland / Suzanne I Barchers thuật truyện; Marie Lafrance m.h.; Minh Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 28tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.209411 N106C

Số ĐKCB: TN.015843, TN.015844

8288 Cậu bé và cơn gió bắc = The boy and the north wind : Truyện cổ Na Uy / Suzanne I Barchers thuật truyện; laura Jacobsen m.h.; Minh Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 28tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 389.2094781 C125B

Số ĐKCB: TN.015831, TN.015832

8289 Điều ước cuối cùng = One last wish : Truyện cổ Ấn Độ / Suzanne I. Barchers thuật truyện; Sue Told m.h.; Minh hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 28tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20954 Đ309Ư

Số ĐKCB: TN.015833, TN.015834

8290 Truyện kể về lòng nhân ái : 101 truyện cho bé: 101 truyện mẹ kể con nghe / Minh Huyền s.t.. - Hà Nội : Văn học, 2013. - 184tr. ; 25cm

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 TR527K

Số ĐKCB: TN.015806

8291 101 truyện kể về những đức tính cao đẹp / Minh Huyền s.t.. - Hà Nội : Văn học, 2013. - 176tr.

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 M458T
Số ĐKCB: TN.015805

8292 Chàng gia nhân can đảm = The brave servant : Truyện cổ Trung Quốc / Suzanne I. Barchers thuật truyện; Yu - mei Han m.h.; Minh hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 28tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20951 CH106G
Số ĐKCB: TN.015835, TN.015836

8293 Cuộc phiêu lưu đến đảo Oki = The tale of the Oki Islands : Truyện cổ Nhật Bản / Suzanne I Barchers thuật truyện; Hiromitsu Yokota m.h.; Minh Hiền d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 29tr. : hình ảnh ; 23cm. - (Tủ sách túi khôn nhân loại)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20952 C514P
Số ĐKCB: TN.015837, TN.015838

8294 365 câu chuyện thần tiên / Pegasus s.t., t.ch.; Võ Hồng Sa d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 B100T
Số ĐKCB: TN.015853, TN.015854

8295 Huyền thoại và truyền thuyết La Mã / Jilly Hunt; Lê Thảo d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014. - 47tr. : hình ảnh ; 24cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20932 H527T
Số ĐKCB: TN.015823, TN.015824

8296 William Shakespeare. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 809.2 W300L
Số ĐKCB: TN.015715

8297 Michelangelo. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 34tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 730.092 M300C
Số ĐKCB: TN.015724

8298 Albert Einstein. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 34tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 530.092 A100L
Số ĐKCB: TN.015717

8299 Michael Jackson. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 782.0092
Số ĐKCB: TN.015723

8300 Giáo hoàng John Paul II. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 282.092 GI-108H
Số ĐKCB: TN.015721

8301 Marie Curie : Nguyên tố Poloni. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 540.92 M100R
Số ĐKCB: TN.015716

8302 Thomas Alva Edisson. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 608.773 TH450M
Số ĐKCB: TN.015718

8303 Mẹ Teresa. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 253.092 M200T
Số ĐKCB: TN.015722

8304 Anh em nhà Wright. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 608.773 A100E
Số ĐKCB: TN.015719

8305 Bách khoa toàn thư đầu tiên của tôi cùng gấu Pooh và các bạn : Tự nhiên. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 194tr. : hình ảnh ; 28cm
Tóm tắt: Kiến thức về thiên nhiên và những hiện tượng tự nhiên thường gặp trong cuộc sống

Ký hiệu phân loại: 580.3 B102K
Số ĐKCB: TN.015734

8306 Neil Armstrong. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 36tr. : Tranh ảnh ; 17cm. - (Tủ sách danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 629.4092 N200-I
Số ĐKCB: TN.015720

8307 Bách khoa toàn thư đầu tiên của tôi cùng gấu Pooh và các bạn : Động vật. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 196tr. : hình ảnh ; 28cm

Tóm tắt: Tìm hiểu thế giới động vật đa dạng, sống động với những loài vật quen thuộc trong cuộc sống và cả những loài quý hiếm ở nơi xa xôi

Ký hiệu phân loại: 590.3 B102K
Số ĐKCB: TN.015733

8308 Bách khoa toàn thư đầu tiên của tôi cùng gấu Pooh và các bạn : Trái đất. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 192tr. : hình ảnh ; 28cm

Tóm tắt: Tìm hiểu, thám hiểm mọi vùng trên hành tinh thân yêu của chúng ta và khám phá hệ sinh vật sinh sống trên trái đất

Ký hiệu phân loại: 550.3 B102K
Số ĐKCB: TN.015732

8309 Nghìn lẻ một đêm = Arabian Nights : Truyện dân gian Arab / Phương Nhung dịch. - Hà Nội : Mỹ Thuật, 2014. - 143tr. : Tranh ảnh ; 24cm. - (Tủ sách văn học kinh điển thế giới)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.20953 NGH311L
Số ĐKCB: TN.015725

8310 Án mạng tại điền trang Wisteria / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.12)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 A105M
Số ĐKCB: TN.015695, TN.015696

8311 Ngón tay cái của viên kỹ sư / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.11)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 NG430T
Số ĐKCB: TN.015693, TN.015694

8312 Hội tóc đỏ / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.10)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 H452T
Số ĐKCB: TN.015691, TN.015692

8313 Cái bẫy trong căn nhà trống / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.9)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 C103B
Số ĐKCB: TN.015689, TN.015690

8314 Vụ phóng hỏa ở Norwood / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. : tranh ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.8)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 V500P
Số ĐKCB: TN.015687, TN.015688

8315 Vụ án ba sinh viên / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.7)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 V500A

Số ĐKCB: TN.015685, TN.015686

8316 Dải băng lốm đốm / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.6)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 D103B

Số ĐKCB: TN.015683, TN.015684

8317 Những hình nhân nhảy múa / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.5)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 NH556H

Số ĐKCB: TN.015681, TN.015682

8318 Biệt thự cây sồi / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.4)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 B308T

Số ĐKCB: TN.015679, TN.015680

8319 Vụ án cô gái đi xe đạp một mình / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.3)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 V500A

Số ĐKCB: TN.015677, TN.015678

8320 Vụ án viên ngọc xanh / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.2)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 V500A

Số ĐKCB: TN.015675, TN.015676

8321 Vụ án mạng tại Abbey Grange / Arthur Conan Doyle; Vincent Goodwin lời; Ben Dunn tranh; Phạm Hoa Phượng dịch. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2014. - 48tr. : ảnh ; 24cm. - (The best graphic novel adventures of Sherlock Holmes; T.1)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 813 V500A
Số ĐKCB: TN.015673, TN.015674

8322 10 vạn câu hỏi vì sao dành cho thiếu nhi : Đôi mắt, mồ hôi & giấc mơ / Trịnh Diên Tuệ (ch.b). - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 63tr. ; 23cm

Tóm tắt: Giới thiệu những câu hỏi và trả lời về những thắc mắc của trẻ như: vì sao nước mắt có vị mặn, vì sao khi nóng lại đổ mồ hôi, vì sao con người lại nằm mơ...

Ký hiệu phân loại: 001 M558V
Số ĐKCB: TN.015705, TN.015706

8323 10 vạn câu hỏi vì sao dành cho thiếu nhi : Chim yến, chuồn chuồn & đom đóm / Trịnh Diên Tuệ (ch.b). - Hà Nội : Văn hóa - thông tin, 2014. - 63tr. : tranh ảnh ; 23cm

Tóm tắt: Giới thiệu những câu hỏi và trả lời về những thắc mắc của trẻ như: vì sao Chuồn Chuồn lại thích chạm đi chạm lại trên mặt nước, vì sao Bồ Câu có thể đưa thư, vì sao Bọ hung lại giả chết...

Ký hiệu phân loại: 001 M558V
Số ĐKCB: TN.015703, TN.015704

8324 Từ điển tranh cho trẻ em / Ngọc Ánh bs.. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2013. - 72tr. ; 30cm
Tóm tắt: Cung cấp những bức tranh giúp bé làm quen với các chử cái, các loại trái cây, đồ vật, c

Ký hiệu phân loại: 372.21083 T550Đ
Số ĐKCB: TN.015707, TN.015708

8325 Mười hai công chúa khiêu vũ : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 M558H
Số ĐKCB: TN.015589

8326 Chú mèo và cái giếng thần : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015591

8327 Lọ nước thần : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 L400N
Số ĐKCB: TN.015593

8328 Jack dũng cảm : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 J102D
Số ĐKCB: TN.015594

8329 Từ điển tranh về các con vật. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2014. - 32tr. ; 30cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 590 T550Đ
Số ĐKCB: TN.015611, TN.015612

8330 Em bé nhân sâm : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 E202B
Số ĐKCB: TN.015590

8331 Chàng thợ may dũng cảm : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH106T
Số ĐKCB: TN.015592

8332 Một ngày với Hoàng đế La Mã Augustus = A day with Augustus. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gỡ danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 937.092 M458N
Số ĐKCB: TN.015603

8333 Một ngày với nhà khoa học Galileo = A day with Galileo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gỡ danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 520.92 M458N
Số ĐKCB: TN.015600

8334 Cậu bé câu cá : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C125B
Số ĐKCB: TN.015588

8335 Món quà của người lùn : Những câu chuyện kinh điển 4 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)

Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 M430Q
Số ĐKCB: TN.015587

8336 Sói xám và bảy chú cừu non : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 S428X
Số ĐKCB: TN.015584

8337 Một ngày với nhà khoa học James Watt = A day with James Watt. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gỡ danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 621.092 M458N
Số ĐKCB: TN.015595

8338 Cô bé quàng khăn đỏ : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C450B
Số ĐKCB: TN.015585

8339 Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 N106B
Số ĐKCB: TN.015581

8340 Cô dâu thật : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C450D
Số ĐKCB: TN.015579

8341 Cô bé Lọ lem : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C450B
Số ĐKCB: TN.015586

8342 Hoàng tử ếch : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 H407T
Số ĐKCB: TN.015583

8343 Ếch ngồi đáy giếng : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 Ê252N
Số ĐKCB: TN.015582

8344 Khỉ và cáo : Những câu chuyện kinh điển 3 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 KH300V
Số ĐKCB: TN.015580

8345 Khỉ vớt trăng : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 KH300V
Số ĐKCB: TN.015578

8346 Ba chú lợn con : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 B100C
Số ĐKCB: TN.015577

8347 Sáu anh tài : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 S111A
Số ĐKCB: TN.015576

8348 Cậu bé người tuyết : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C125B
Số ĐKCB: TN.015575

8349 Chú mèo đi hia : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 CH500M
Số ĐKCB: TN.015571

8350 Một ngày với Alexander đại đế = A day with Alexander the great. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gỡ danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 938.092 M458N
Số ĐKCB: TN.015602

8351 Thỏ con ngoan ngoãn : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 TH400C
Số ĐKCB: TN.015572

8352 Một ngày với anh em nhà Wright = A day with Wright brothers. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 629.133092 M458N
Số ĐKCB: TN.015610

8353 Con cáo và chum nho : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C430C
Số ĐKCB: TN.015573

8354 Mèo con câu cá : Những câu chuyện kinh điển 2 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 M205C
Số ĐKCB: TN.015574

8355 Cô bé tí hon : Những câu chuyện kinh điển 1 / Thôi Chung Lôi (Ch.b); Tuệ Văn dịch. - Hà Nội : Mỹ thuật, 2014. - 19tr. ; 17cm. - (Bồi dưỡng tâm hồn 365 ngày)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.1 C450B
Số ĐKCB: TN.015565

8356 Một ngày với thuyền trưởng christopher Colunbus = A day with christopher Colunbus. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 910.92 M458N
Số ĐKCB: TN.015601

8357 Một ngày với nữ hoàng Ai Cập Cleopatra = A day with Cleopatra. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 24tr. ; 21cm. - (Tủ sách gặp gở danh nhân)
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 932.092 M458N
Số ĐKCB: TN.015598

8358 Bác Hồ kính yêu. - Hà Nội : Kim đồng, 2008. - 136tr. ; 23cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 959.704092 B101H
Số ĐKCB: PD.030481, PM.056729, TN.010148, TN.010149, PM.056730

8359 Điều binh linh hoạt / Trần Duy Hưng d.. - Hà Nội : Lao động xã hội, 2007. - 171tr. : Tranh vẽ ;
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.028494, PM.038526, TN.009825, TN.009826, TN.009827, TN.009828, TN.009829

8360 Junie B, Jones có con quái vật dưới gầm giường / Barbara Park; Dịch: Hoàng Quỳnh Nga, Nguyễn Lan Hương. - Hà Nội : Hội nhà văn, 2008. - 290tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 823 J500N
Số ĐKCB: TN.010363, TN.010364, PD.027801

8361 Cuộc phiêu lưu của Pingơlơ / X. M Bêlaép; Tô Thi d.; Thy Ngọc minh họa. - Hà Nội : Công an nhân dân, 2008. - 399tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.73 C514P
Số ĐKCB: PD.027238, PM.036169, PM.036170, TN.009856, TN.009857

8362 Chú bé thoát nạn đắm tàu / Jules Verne, AnDré Laurie; Phạm Hậu d.. - Hà Nội : Văn học,
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 CH500B
Số ĐKCB: PM.036155, PM.036156, TN.009852, TN.009853, PD.027240

8363 Bí mật đảo Linconln : Truyện khoa học viễn tưởng / Jules Verne; Phạm Hậu d.. - Hà Nội : Văn học, 2008. - 335tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 843 B300M
Số ĐKCB: PD.027242, PM.036157, TN.009854, TN.009855, PM.036158

8364 Truyện ngụ ngôn thế giới cực hay / Lâm Trinh tuyển dịch và minh họa. - Hà Nội : Văn hóa thông tin, 2008. - 252tr. ; 21cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 398.2 TR527N
Số ĐKCB: PD.027206, PM.036189, PM.036190, TN.009860, TN.009861

8365 224 câu hỏi lý thú về hoá học / Xuân Trường b.s. - Hà Nội : Văn hoá thông tin, 2007. - 399tr. ;
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PM.032899, PM.032900, PM.032901, PM.032902, TN.010859, TN.010860, TN.010861, PD.026209

8366 Những bức thư đoạt giải cuộc thi viết thư UPU : Lần thứ 35. - Hà Nội : Bưu điện, 2007. -
Tóm tắt:

Số ĐKCB: PD.014657, PM.029843, TN.008894, TN.008895, TN.008896, PM.029841, PM.029842

8367 Đồng hành cùng khoa học / Dịch: Cẩm Hoa, Thu Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19cm
Đồng hành cùng khoa học / Dịch: Cẩm Hoa, Thu Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 208tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.004605, TN.004606, TN.004607

8368 Đồng hành cùng khoa học / Dịch: Cẩm Hoa, Thu Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - 19cm
Đồng hành cùng khoa học / Dịch: Cẩm Hoa, Thu Hương. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 198tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.004602, TN.004603, TN.004604

8369 Nỗi buồn ngày mới lớn / Lương Lễ Hoàng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 250tr. ; 20cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 617.85 N452B
Số ĐKCB: TN.004599, TN.004600, TN.004601

8370 Không khí lỏng là gì ? / Dịch: Hồng Tâm, Kim Chi. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. -
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 532.1 KH455K
Số ĐKCB: TN.004608, TN.004609, TN.004610

8371 Búp sen xanh : Tiểu thuyết / Sơn Tùng. - Hà Nội : Kim Đồng, 2008. - 364tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 895.9223 B521S
Số ĐKCB: TN.010144, TN.010145

8372 Đợi của = The beautiful and damned / F.Scott Fitzgerald; Hồ Anh Minh d.. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2002. - 96tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại:
Số ĐKCB: TN.004785, TN.004786, TN.004787

8373 Triều cường xuất hiện khi nào : 101 câu hỏi khoa học / Nguyễn Mạnh Yến d.. - TP.Hồ Chí Minh : Nxb trẻ, 2002. - 142tr. ; 19cm
Tóm tắt:

Ký hiệu phân loại: 551.4 TR309C
Số ĐKCB: TN.004611, TN.004612, TN.004613